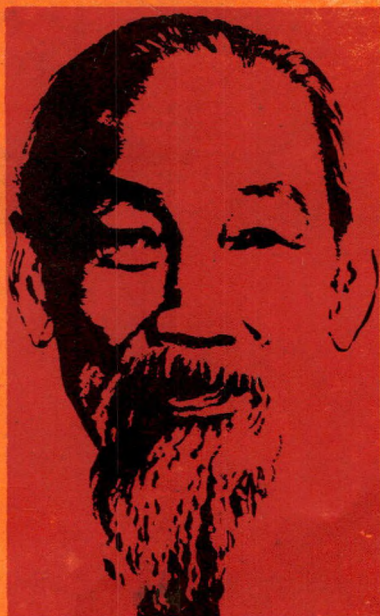




HỒ CHÍ MINH

TUYÊN TẬP

HỒ·CHÍ·MINH

TUYÊN TẬP



HỒ CHÍ MINH

TUYÊN TẬP

I

1920 — 1954



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

HÀ-NỘI — 1980

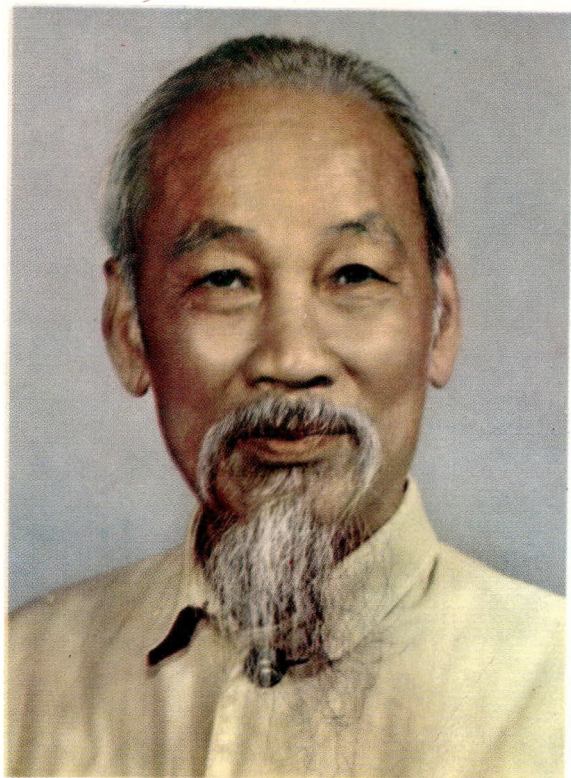
Phụ trách bản thảo đưa in :

TRỊNH GIA BAN
NGUYỄN THỂ THẮNG

Trình bày, bìa : KIM THOA
VŨ GIA NGỌC

HỒ-CHÍ-MINH TUYÊN TẬP

**XUẤT BẢN THEO NGHỊ QUYẾT CỦA
BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT-NAM, SỐ 07/NQ-TƯ.
NGÀY 7 THÁNG 1 NĂM 1978.**



CHỮ TỊCH
HỒ-CHÍ-MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 7 tháng 1 năm 1978, Bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt-nam đã ra Nghị quyết số 07-NQ/TƯ về việc xuất bản Hồ-Chí-Minh *Toàn tập*. Nghị quyết nêu rõ: cùng với việc xuất bản Hồ-Chí-Minh *Toàn tập*, « cần xuất bản sớm bộ Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập* mới bao gồm những bài và các tác phẩm quan trọng của Hồ Chủ tịch, để cung cấp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nghiên cứu, học tập. *Tuyển tập* mới này sẽ thay thế *Tuyển tập* xuất bản năm 1960 ».

Thi hành Nghị quyết của Bộ chính trị, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Hồ Chủ tịch, Nhà xuất bản Sự thật xuất bản bộ sách Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập*.

Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập* gồm một số bài và tác phẩm quan trọng của Hồ Chủ tịch từ năm 1920 đến năm 1969. Ngoài những bài và tác phẩm đã được công bố, trong *Tuyển tập* có một số bài của Hồ Chủ tịch mới được công bố lần đầu tiên và một số bài hiệu đính lại theo bản gốc mới được sưu tầm. *Tuyển tập* còn có một số ảnh tiêu biểu và một số bút tích của Hồ Chủ tịch qua các thời kỳ hoạt động của Người.

Mở đầu tập I là *Lời giới thiệu* của Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản Hồ-Chí-Minh *Toàn tập*, giới thiệu những nội dung cơ bản của bộ *Tuyển tập*. Cuối mỗi tập có một số chú thích về những sự kiện lịch sử, các tổ chức, các nhân vật và một số tác phẩm tiêu biểu trong *Tuyển tập*.

Những bài và tác phẩm trong *Tuyển tập* đều được sắp xếp theo thứ tự thời gian viết hoặc nói. Một số bài hoặc tác phẩm chưa xác định được thời gian viết hoặc nói, chúng tôi sắp xếp theo thời gian công bố lần đầu tiên.

Trong tập II, riêng *Di chúc* tuy viết ngày 10 tháng 5 năm 1969, nhưng đây là lời căn dặn cuối cùng của Hồ Chủ tịch cho nên chúng tôi đặt ở cuối bộ sách.

Để tiện cho việc nghiên cứu nội dung bộ sách, chúng tôi in *Tuyển tập* thành hai tập :

Tập I gồm các bài và tác phẩm từ năm 1920 đến năm 1954, chia làm hai phần :

— Phần thứ nhất : 1920 — 1945,

— Phần thứ hai : 1945 — 1954.

Tập II gồm các bài và tác phẩm từ năm 1955 đến năm 1969, chia làm ba phần :

— Phần thứ nhất : 1955 — 1960,

— Phần thứ hai : 1960 — 1965,

— Phần thứ ba : 1965 — 1969.

Về các chú thích trong *Tuyển tập*, chúng tôi quy ước : chú thích của tác giả, đánh số 1*, 2*, 3*,... ; chú thích của Nhà xuất bản ở cuối trang, đánh số 1), 2), 3)... ; còn chú thích ở cuối sách, đánh số 1, 2, 3...

Các danh từ phiên âm từ tiếng nước ngoài, trong từng bài hoặc tác phẩm có khác nhau. Chúng tôi tôn trọng và giữ nguyên cách viết, cách nói của Hồ Chủ tịch. Trong tập I, riêng tác phẩm *Đường cách mệnh*, nguyên bản có nhiều chữ viết tắt và nhiều chữ viết theo lối chữ mà bấy giờ thường viết. Nay để bạn đọc dễ đọc, chúng tôi chuyển sang chữ viết thông thường. Ví dụ : K.M. = cách mệnh ; d.q.c.n. = đế quốc chủ nghĩa ; dân tộc = dân tộc ; tranh đấu = tranh đấu, đệ nhất quốc tế = đệ nhất quốc tế v.v..

Ngoài một số vấn đề về công tác biên tập đã nêu trên, trong bộ sách Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập*, còn có một vấn đề về nội dung mà chúng tôi thấy cần lưu ý bạn đọc. Đó là những đoạn nói về cách mạng Trung-quốc, về Đảng cộng sản, về quân đội, về những người lãnh đạo Trung-quốc, về quan hệ giữa cách mạng Trung-quốc và cách mạng Việt-nam.

Những người lãnh đạo Trung-quốc thực hiện chính sách hai mặt, vừa giúp đỡ cách mạng nước ta, vừa hạn chế, ngăn cản thắng lợi của chúng ta, nhất là từ khoảng

năm 1958 trở về sau này. Vì điều kiện phức tạp của cuộc chiến đấu của nhân dân Việt-nam, nên khi nói về Trung-quốc và quan hệ giữa ta và Trung-quốc, Hồ Chủ tịch vẫn khẳng định mặt tích cực và sự giúp đỡ của Trung-quốc đối với cách mạng nước ta, nhằm hạn chế tác hại của những hành động xấu của những người lãnh đạo Trung-quốc.

Ngày nay, mặc dầu bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã lộ mặt phản bội chủ nghĩa Mác — Lê-nin, phá hoại cách mạng Trung-quốc và cách mạng thế giới, phá hoại quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân Trung-quốc và nhân dân ta, nhưng nhân dân ta phân biệt rõ nhân dân Trung-quốc với tập đoàn phản động theo chủ nghĩa bành trướng dân tộc lớn. Nhân dân ta không bao giờ quên sự giúp đỡ to lớn của nhân dân Trung-quốc. Chúng ta tin tưởng rằng những người cộng sản chân chính và nhân dân Trung-quốc nhất định sẽ thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống lại bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, và nhân dân hai nước Việt-nam, Trung-quốc nhất định sẽ sống trong hòa bình, hữu nghị, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân hai nước.

Bộ sách Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập* xuất bản lần này nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ và nhân dân ta. Nhà xuất bản Sự thật đã cùng với Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương, Viện bảo tàng Hồ-Chí-Minh xây dựng bản thảo dưới sự chỉ đạo của Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản Hồ-Chí-Minh *Toàn tập*, và được sự cộng tác chặt chẽ của nhiều cơ quan ở trung ương và địa phương.

Việc biên tập và xuất bản Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập* là một việc lớn, đòi hỏi phải nghiên cứu công phu về nhiều mặt. Hơn nữa do hoàn cảnh hoạt động bí mật của Đảng ta trước đây và một thời gian dài Hồ Chủ tịch hoạt động ở nhiều nơi trên thế giới, nhiều bài và tác phẩm của Hồ Chủ tịch chưa được sưu tầm và nghiên cứu đầy đủ. Vì vậy, lần

xuất bản này không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được sự giúp đỡ của bạn đọc trong nước và ngoài nước để lần xuất bản sau được tốt hơn.

Nhân dịp này, Nhà xuất bản chúng tôi trân trọng cảm ơn các cơ quan của Đảng và Nhà nước ta, các đoàn thể, các ngành ở trung ương, ở địa phương và các cá nhân đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng bộ sách quan trọng này.

Tháng 5 năm 1979

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Hồ Chủ tịch là lãnh tụ vĩ đại kính yêu của Đảng ta, của giai cấp công nhân, nhân dân và dân tộc ta, đồng thời là một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một trong những nhà hoạt động lỗi lạc nhất của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay.

Hồ Chủ tịch là người Việt-nam đầu tiên « tìm thấy ở chủ nghĩa Mác — Lê-nin ánh sáng soi đường cứu dân, cứu nước. Hồ Chủ tịch là người đầu tiên đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt-nam từng bước tiến lên từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Hồ Chủ tịch là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, là người xây dựng nền Cộng hòa dân chủ Việt-nam và Mặt trận dân tộc thống nhất, là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam. Người là linh hồn, là ngọn cờ chói lọi, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng chiến đấu anh dũng viết nên những trang sử vẻ vang nhất của Tổ quốc ta »¹⁾.

1) Trích Điều văn của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt-nam, do đồng chí Lê-Duẩn, Bí thư thứ nhất, đọc tại Lễ truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch.

Hồ Chủ tịch qua đời để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm quý giá. Các tác phẩm đó thể hiện sâu sắc tư tưởng cách mạng đúng đắn, sáng tạo và đạo đức cách mạng cao cả của người.

*

* * *

Các tác phẩm của Hồ Chủ tịch trong bộ sách Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập* trước hết phản ánh con đường cứu nước của Hồ Chủ tịch là đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác — Lê-nin, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính của Việt-nam với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đưa cách mạng Việt-nam vào con đường cách mạng vô sản.

Vào cuối thế kỷ thứ 19, ở Việt-nam, ách thống trị của bọn thực dân Pháp và bọn địa chủ phong kiến hết sức tàn ác, nặng nề. Nhân dân ta phải sống cảnh bần cùng, nước mất, nhà tan.

Vốn có truyền thống bất khuất được hun đúc từ bốn nghìn năm lịch sử, nhân dân ta không chịu sống kiếp nô lệ, đã vùng dậy đấu tranh. Trong mấy chục năm cuối thế kỷ thứ 19, đầu thế kỷ thứ 20, các phong trào yêu nước dâng lên mạnh mẽ từ Bắc đến Nam, các hình thức đấu tranh lần lượt được khảo nghiệm. Nhưng do không có đường lối đúng đắn, tất cả các phong trào đấu tranh của quần chúng, kể cả phong trào công nhân, đều bị đế quốc

Pháp câu kết với bọn địa chủ phong kiến tay sai chìm trong biển máu. Tình hình xã hội Việt-nam lúc này « đen tối như không có đường ra ».

Vượt lên khỏi những hạn chế của những nhà yêu nước ở Việt-nam đương thời, Hồ Chủ tịch đã đến với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tư tưởng cách mạng tiên tiến nhất của thời đại.

Các tác phẩm của Người để lại ngày nay, cho chúng ta thấy rất rõ Cách mạng tháng Mười và Đề cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã làm bừng sáng lên trong nhận thức của Người rằng « *Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc ; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới* », rằng « *Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản* ».

Con đường cứu nước ấy của Hồ Chủ tịch đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối chính trị của cách mạng Việt-nam. Con đường ấy đã đặt nền móng cho đường lối giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đầy tính chất sáng tạo của Người và của Đảng ta.

Thiên tài của Hồ Chủ tịch là ngay trong lúc chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chân lý cách mạng của thời đại còn xa lạ với nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới, Người đã nhận thức được chân lý đó, và đã đưa cách mạng Việt-nam tiến nhanh vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, nhịp bước với trào lưu

cách mạng của thời đại. Lời phát biểu của Hồ Chủ tịch tại Đại hội Tua, năm 1920, là cái mốc rõ rệt đầu tiên của sự kết hợp tư tưởng yêu nước của Người và tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Nhiều tác phẩm khác ở thời kỳ này như *Lê-nin và phương Đông*, *Lê-nin và các dân tộc thuộc địa*, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường cách mệnh*, v.v., đã phát triển phong phú và sâu sắc tư tưởng thiên tài của Người ở Đại hội Tua.

Trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Hồ Chủ tịch đã đấu tranh chống những quan điểm phủ nhận mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản, chống những thiên kiến chủng tộc và tư tưởng sô-vanh đang là trở lực trong phong trào cộng sản, ngăn cản việc phát huy sức mạnh đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức. Trong nhiều tác phẩm của mình, bằng những lý lẽ sắc bén và những dẫn chứng sinh động, Hồ Chủ tịch đã phân tích sáng tỏ những luận điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa và khẳng định giá trị lớn lao của những luận điểm đó đối với công cuộc giải phóng các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

Người coi cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước phương Đông là « *một trong những cái cánh của cách mạng vô sản* » ; cuộc cách mạng giải phóng dân tộc là « *một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới* » ; sự đoàn kết của nhân dân các nước thuộc địa và giai cấp vô

sản ở « chính quốc » là một tất yếu trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Hồ Chủ tịch còn chỉ ra rằng: cuộc cách mạng giải phóng dân tộc không nhất thiết phải chờ đợi cách mạng vô sản ở « chính quốc »; hai cuộc cách mạng này phải tiến hành đồng thời, tác động, hỗ trợ lẫn nhau; các dân tộc bị áp bức hoàn toàn có khả năng chủ động tiến hành công cuộc tự giải phóng và giành thắng lợi trước khi giai cấp vô sản « chính quốc » giành chính quyền. Trong tác phẩm nổi tiếng, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Hồ Chủ tịch đã nêu luận điểm trên đây bằng một hình ảnh sinh động: « Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở « chính quốc » và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật đó người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt sẽ lại mọc ra ». Người cũng khẳng định: công cuộc giải phóng của các dân tộc bị áp bức « chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của chính bản thân mình », và « Muốn người ta giúp cho thì trước mình phải tự giúp mình ».

Với những luận điểm quan trọng kể trên và bằng những hoạt động thực tiễn trong phong trào đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trên thế giới, Hồ Chủ tịch đã có những đóng góp hết sức to lớn vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở

các thuộc địa, vạch ra con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức và đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế thứ hai và các trào lưu tư tưởng phản động khác.



Các tác phẩm của Hồ Chủ tịch trong *Tuyển tập* thể hiện những quan điểm cơ bản của Người về cách mạng Việt-nam. Các văn kiện do Hồ Chủ tịch thảo ra trong dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt-nam như: *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng, đã nêu lên đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt-nam. Đường lối đó là: làm cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới nhằm đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho nông dân, rồi tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt-nam.

Hồ Chủ tịch chỉ rõ mục tiêu cơ bản trước mắt của cách mạng nước ta là « đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến Việt-nam và giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho Việt-nam hoàn toàn độc lập ».

Hồ Chủ tịch vạch rõ hai mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt-nam lúc đó là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc Pháp xâm lược và giữa nhân dân ta, chủ yếu là nông dân, với giai cấp địa chủ phong kiến. Vì vậy, Người dạy rằng, muốn giành độc lập thực sự cho dân tộc phải khéo kết hợp

hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ với nguyên tắc không được xa rời mục tiêu cơ bản là độc lập dân tộc.

Các tác phẩm của Hồ Chủ tịch trong *Tuyển tập* phản ánh đường lối đúng đắn và sách lược khéo léo của Người trong từng thời kỳ cách mạng khác nhau để giành và giữ vững quyền dân tộc dân chủ cơ bản đó. Sự đúng đắn, sáng tạo của đường lối và sách lược đó biểu hiện cụ thể ở việc xác định vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân và chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân; ở việc khẳng định công nông là lực lượng nòng cốt của cách mạng; ở chủ trương lập mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi mà tiêu biểu nhất là chủ trương đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Việt-minh cùng với những chủ trương sáng suốt về quân sự, về khởi nghĩa vũ trang và nghệ thuật tạo thời cơ, chớp lấy thời cơ để giành thắng lợi vĩ đại cho Cách mạng tháng Tám năm 1945; ở sự kết hợp tài tình những nguyên tắc cách mạng cứng rắn và những sách lược đối nội, đối ngoại mềm dẻo, khéo lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, cô lập và đánh đổ kẻ thù chính, đưa đất nước vượt qua hoàn cảnh « nghìn cân treo sợi tóc », giữ vững nền độc lập và chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Sự đúng đắn và sáng tạo đó càng thể hiện rõ rệt ở đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, kết hợp nhiệm vụ kháng chiến với nhiệm vụ kiến quốc; đưa cuộc kháng

chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp đến thắng lợi; ở đường lối kết hợp thực hiện cùng một lúc hai chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại đến toàn thắng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Từ những kinh nghiệm thực tiễn phong phú và những thắng lợi vĩ đại của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt-nam, Hồ Chủ tịch đã rút ra một kết luận sâu sắc: « ...trong điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng của thời đại ngày nay, bất cứ một dân tộc nào, dù nhỏ nhưng nếu đoàn kết chặt chẽ và kiên quyết chiến đấu theo một đường lối chính trị và quân sự đúng đắn, lại được sự giúp đỡ tích cực của phe xã hội chủ nghĩa, của nhân dân cách mạng trên thế giới thì nhất định có thể đánh thắng bất cứ bọn đế quốc xâm lược nào, kể cả tên đế quốc đầu sỏ là đế quốc Mỹ ».

Tư tưởng lớn bao trùm toàn bộ quá trình hoạt động cách mạng cũng như toàn bộ các tác phẩm của Hồ Chủ tịch là « KHÔNG CÓ GI QUỶ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO ». Đó chính là chân lý và mục tiêu của thời đại, là kết tinh rực rỡ của những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của Hồ Chủ tịch, của Đảng và của nhân dân ta. Tư tưởng đó thấm sâu trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, và được cụ thể hóa bằng đường lối chiến lược và sách lược tài tình

của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta trong mỗi thời kỳ và hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Tư tưởng đó được thể hiện trong những câu nói bất hủ của Hồ Chủ tịch như : « *Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ* », « *Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi* ».

Ở Hồ Chủ tịch, độc lập tự do gắn chặt với chủ nghĩa xã hội, độc lập tự do trên nền tảng xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, như Người nói : « *chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ* ». Cho nên điều « *ham muốn tốt bậc* » của Người, mà chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thực hiện được là « *làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành* ».

Xuất phát từ quan điểm đó, khi miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã chủ trương đưa miền Bắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội để làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Cũng chính vì vậy mà Hồ Chủ tịch ngày đêm vừa chăm lo đến sự nghiệp giải phóng miền Nam, lại vừa chăm lo đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Người khẳng định rằng : « *Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mà*

đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ».

Hồ Chủ tịch đã vạch ra những nhiệm vụ cơ bản của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta, nhằm « đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến ». Người chỉ rõ « nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân » khi đã nắm chính quyền là « phải không ngừng tăng cường nền chuyên chính vô sản để hoàn thành những nhiệm vụ lịch sử của cách mạng, triệt để xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội để tiến lên chủ nghĩa cộng sản » ; phải tiến hành « ba cuộc cách mạng : cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng văn hóa và tư tưởng » ; « phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài » ; phải coi « công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội », và « nhiệm vụ quan trọng nhất của ta hiện nay là xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ».

Hồ Chủ tịch chỉ ra rằng, muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phải thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Bởi vì, như Người nói: « chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm

chủ ». Người dạy rằng, trước hết mọi người lao động phải hiểu rõ mình là người chủ của đất nước, là người chủ Nhà nước, là người chủ của mọi giá trị vật chất và văn hóa trong xã hội; là người chủ của xí nghiệp, công, nông trường, hợp tác xã; là người chủ trong sản xuất, trong quản lý và trong việc phân phối sản phẩm. Đảng và Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân lao động thực hiện « *quyền làm chủ* » và « *nghĩa vụ của người chủ* » đối với mọi công việc của Nhà nước, của địa phương và đơn vị mình. Tư tưởng của Hồ Chủ tịch về vấn đề làm chủ tập thể đã đặt nền tảng cho đường lối xây dựng chế độ mới, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, của Đảng ta ngày nay.

Hồ Chủ tịch cũng chỉ rõ: « *muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa* ». Con người xã hội chủ nghĩa với những nội dung mà Hồ Chủ tịch nêu lên trong các tác phẩm của Người là con người lao động có đầy đủ phẩm chất và năng lực cách mạng, đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Với điều kiện cụ thể của nước ta, khẳng định « *trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa* », Hồ Chủ tịch đã chỉ ra sự cần thiết tất yếu phải chủ động từng bước xây dựng con người mới để thúc đẩy quá trình hình thành nền kinh tế mới và chế độ mới.

Hồ Chủ tịch cũng nêu lên những quan điểm cơ bản về việc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt-nam.

Đó là nền văn hóa có « *nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc* ». Nó kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta, đồng thời tiếp thụ những thành tựu văn hóa và khoa học tiên tiến của thời đại.

*
* *

Các tác phẩm của Hồ Chủ tịch trong *Tuyển tập* thể hiện những quan điểm cơ bản của Người về việc xây dựng những nhân tố bảo đảm cho cách mạng thắng lợi.

Hồ Chủ tịch sớm chỉ ra rằng cách mạng « *trước hết phải có đảng* » của giai cấp công nhân lãnh đạo, và đảng phải lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin « *làm cốt* ». Cách đây hơn nửa thế kỷ Người đã khẳng định : « *Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều ; nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin* ».

Vận dụng học thuyết của Lê-nin về xây dựng Đảng, ngay từ trong « *Lời kêu gọi* » nhân dịp thành lập Đảng (1930), Người đã chỉ rõ, Đảng Cộng sản Việt-nam « *là Đảng của giai cấp vô sản* », tiêu biểu cho lợi ích của giai cấp vô sản và của dân tộc Việt-nam. Một mối quan tâm lớn lao của cả cuộc đời Người là chăm lo rèn luyện Đảng thành « *một đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân... biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác —*

Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước mình »
để đưa cách mạng đến thành công.

Hồ Chủ tịch chỉ ra rằng, xây dựng Đảng trước hết là xây dựng đường lối chính trị đúng đắn. Đường lối đó là sự vận dụng nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào hoàn cảnh thực tế của nước ta, đảm bảo cho cách mạng không ngừng phát triển và thắng lợi. Xây dựng Đảng là xây dựng sự thống nhất, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức từ trung ương đến cơ sở; là xây dựng chi bộ đảng vững mạnh về mọi mặt, vì đó là nơi trực tiếp lãnh đạo, tổ chức quần chúng thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng: *« Chi bộ tốt thì mọi việc đều tốt »*. Xây dựng Đảng còn là xây dựng con người đảng viên và đội ngũ cán bộ của Đảng trung thành tuyệt đối với giai cấp và dân tộc, có năng lực vận dụng đường lối, chính sách của Đảng vào mọi hoàn cảnh để tổ chức quần chúng thực hiện nhiệm vụ của Đảng giao cho. Người giáo dục cán bộ, đảng viên phải luôn luôn *« giữ gìn sự đoàn kết như giữ gìn con người của mắt mình »*; phải chấp hành kỷ luật của Đảng một cách nghiêm túc và tự giác; phải thường xuyên đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng và trước quần chúng; phải không ngừng học tập lý luận và phương pháp của chủ nghĩa Mác—Lê-nin *« là chủ nghĩa cách mạng và khoa học nhất »*, để *« áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta »*.

Hồ Chủ tịch coi sự liên hệ mật thiết giữa Đảng và quần chúng là nguồn gốc sức mạnh của Đảng. Trong điều kiện Đảng nắm chính quyền, Đảng càng phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng, phải gắn việc xây dựng Đảng với phong trào cách mạng của quần chúng, hoan nghênh, khuyến khích quần chúng tham gia xây dựng Đảng; và qua các phong trào của quần chúng mà phát triển thêm đảng viên mới, *«tây trừu những phần tử lạc hậu»* để tăng sức chiến đấu cho Đảng.

Tư tưởng của Hồ Chủ tịch về xây dựng đảng là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác — Lê-nin về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo và sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta dưới ánh sáng tư tưởng của Hồ Chủ tịch là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam.

Các tác phẩm của Hồ Chủ tịch trong *Tuyên tập* cho chúng ta thấy rõ Hồ Chủ tịch là người Việt-nam đầu tiên ý thức sâu sắc về vai trò của quần chúng trong lịch sử và trong cách mạng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Người dạy rằng *«cách mạng là sự nghiệp của quần chúng»*. Người sớm khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân: *«Đề giành lấy thắng lợi, cách mạng nhất định phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất, và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà Đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân»*. Người cũng chỉ rõ vai trò và lực

lượng to lớn của nông dân trong cách mạng, coi nông dân là lực lượng « đồng minh chủ yếu và tin cậy nhất của giai cấp công nhân ».

Từ những ngày chuẩn bị cho việc thành lập Đảng, Người đã khẳng định vị trí cốt tử của khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo : « Công nông là người chủ cách mệnh ». Trong bài Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc, tổng kết những nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng, Hồ Chủ tịch viết : « Thực hiện cho được liên minh công nông vì đó là cái bảo đảm chắc chắn nhất những thắng lợi của cách mạng. Chỉ có khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo mới có thể kiên quyết và triệt để đánh đổ các thế lực phản cách mạng, giành lấy và củng cố chính quyền của nhân dân lao động, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội ».

Hồ Chủ tịch cũng dạy rằng « Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và trên cơ sở khối liên minh công nông ngày càng vững chắc, trong mỗi giai đoạn cách mạng, cần tập hợp mọi lực lượng cách mạng và tiến bộ thành một mặt trận rộng rãi, thực hiện thống nhất hành động dưới nhiều hình thức giữa các lực lượng ấy để chống kẻ thù chung ». Người khẳng định Mặt trận dân tộc thống nhất « có một tương lai trường xuân bất lão » ; nó luôn luôn là một nhân tố bảo đảm cho cách mạng thắng lợi. Hồ Chủ tịch thường nhấn mạnh điều căn bản đề

củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất là phải đoàn kết rộng rãi, chống khuynh hướng cô độc, hẹp hòi ; phải đoàn kết thực sự, đoàn kết lâu dài, đồng thời phải chống khuynh hướng đoàn kết một chiều, đoàn kết mà không có đấu tranh đúng mức trong nội bộ Mặt trận. Người đã khái quát một cách tuyệt vời ý nghĩa chiến lược của khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất ở câu nói nổi tiếng của Người : « Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ! Thành công, thành công, đại thành công ! ».

Trong các tác phẩm của mình, từ rất sớm, Hồ Chủ tịch đã khẳng định rằng muốn giành thắng lợi cho cách mạng, nhất thiết phải « dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền ». Bạo lực cách mạng mà Hồ Chủ tịch chủ trương bao gồm lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân. Người coi trọng việc « tổ chức dân chúng », đưa quần chúng ra đấu tranh. Người nói rằng « dân khí mạnh thì quân lính nào, vũ khí nào cũng không chống lại nổi ». Đồng thời Người cũng chỉ rõ, phải trên nền tảng lực lượng chính trị quần chúng mà xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang nhân dân với ba thứ quân — bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ — để làm nòng cốt cho lực lượng chính trị của toàn dân và cho nền quốc phòng toàn dân. Tổng kết những kinh nghiệm phong phú của việc sử dụng bạo lực cách mạng trong điều kiện cụ thể

của nước ta mấy chục năm qua, Hồ Chủ tịch dạy rằng: « *Tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, để giành thắng lợi cho cách mạng* ».

Các tác phẩm của Hồ Chủ tịch trong *Tuyển tập* cũng cho chúng ta thấy rõ sự chăm lo của Người cũng như những quan điểm của Người đối với việc xây dựng chính quyền cách mạng. Hồ Chủ tịch chỉ rõ bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo; là Nhà nước do nhân dân xây dựng nên, phục vụ lợi ích của nhân dân và trấn áp mọi kẻ thù của nhân dân. Cho nên, Người dạy rằng « *các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là đầy tớ của dân* », phải hết lòng hết sức chăm lo đến lợi ích của nhân dân, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Người nghiêm khắc phê phán những tệ hại thường nảy sinh ở các cơ quan và cán bộ như: quan liêu, hách dịch, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham ô, hối lộ, lãng phí v.v., nhằm làm cho chính quyền dân chủ nhân dân trong sạch và vững mạnh.

Trung thành với khẩu hiệu chiến lược của Lênin về đoàn kết quốc tế giữa giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức, trong mọi hoàn cảnh, Hồ Chủ tịch luôn luôn chủ trương « *kết hợp chặt chẽ tình thân yêu nước và tình thân quốc tế vô sản* ».

Đó là nét đặc sắc trong tư tưởng của Hồ Chủ tịch về vấn đề đoàn kết quốc tế.

Hồ Chủ tịch còn dạy chúng ta rằng, vì cách mạng Việt-nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cho nên một mặt phải luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, làm hết sức mình, đồng thời phải coi trọng sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đứng đầu là Liên-xô vĩ đại, cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; mặt khác phải hết lòng hết sức làm trọn nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Nghĩa vụ đó là: góp phần tích cực vào việc củng cố khối đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên nền tảng chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản; đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc; ủng hộ và giúp đỡ mạnh mẽ cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Các tác phẩm của Hồ Chủ tịch trong *Tuyên tập* còn thể hiện sâu sắc những quan điểm của Người về đạo đức cách mạng.

Hồ Chủ tịch chỉ rõ, đạo đức cách mạng là « *quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng* »; là « *đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết* »; là « *trung với Đảng, hiếu với dân* », « *cần kiệm liêm chính, chí công vô tư* », thực hiện lẽ sống cao cả « *mình vì mọi người, mọi người vì mình* »; là vừa không ngừng bồi

đưỡng nhiệt tình cách mạng, vừa « chịu khó học tập chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật để nâng cao năng lực cách mạng ».

Hồ Chủ tịch dạy rằng, trong điều kiện Đảng nắm chính quyền, đạo đức cách mạng còn là sự chăm lo và chịu trách nhiệm đối với đời sống của quần chúng. Người nói: « Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân đốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi ». Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải liên hệ mật thiết với quần chúng, tin tưởng vào sức mạnh và khả năng sáng tạo của quần chúng, gần gũi, lắng nghe ý kiến, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, phải biết nâng niu, quý trọng từng « người tốt, việc tốt », từng « sáng kiến nhỏ » của quần chúng; ra sức học hỏi kinh nghiệm của quần chúng; nghiêm túc tự phê bình và phê bình, không ngừng nâng cao tinh thần tập thể, tiên phong, gương mẫu trước quần chúng. Nói tóm lại, « mỗi đảng viên và cán bộ... phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân ».

Hồ Chủ tịch chỉ rõ muốn nâng cao đạo đức cách mạng, phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Người nói « chủ nghĩa cá nhân để ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... »; « chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội » và là « một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ».

Cho nên, « thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân ».

Đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch kết tinh những phẩm chất tốt đẹp nhất của giai cấp công nhân và dân tộc ta. Ở Hồ Chủ tịch, đạo đức cách mạng cao cả thống nhất và gắn bó chặt chẽ với tư tưởng cách mạng vĩ đại và cuộc đời hoạt động cách mạng oanh liệt của Người. Những quan điểm về đạo đức cách mạng cùng với tấm gương trong sáng của cuộc đời của Người đã và sẽ mãi mãi soi sáng và thấm sâu trong lòng mỗi người Việt-nam chúng ta.

*

* *

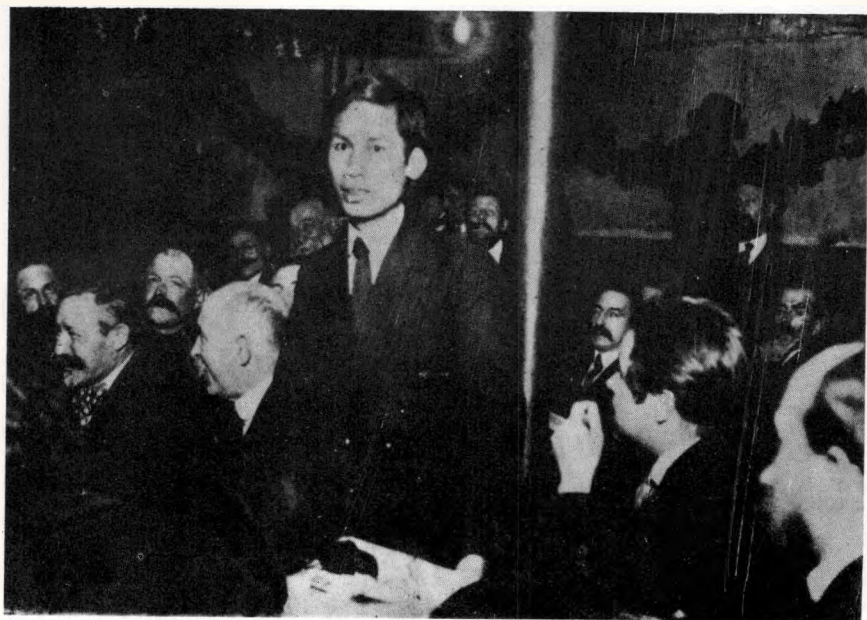
Năm mươi năm qua, cách mạng Việt-nam đã thu được những thắng lợi vô cùng vĩ đại. Những thắng lợi đó trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn, độc lập và sáng tạo của Đảng ta và của Hồ Chủ tịch.

Tư tưởng cách mạng vĩ đại của Hồ Chủ tịch và đường lối cách mạng của Đảng ta, Đảng của giai cấp công nhân Việt-nam do Người xây dựng, rèn luyện là sự vận dụng tài tình những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Tư tưởng và đường lối cách mạng đó đã đóng góp xứng đáng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Độc Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập*, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta càng tăng thêm lòng tự hào, tin tưởng ở Đảng ta và Hồ Chủ tịch, càng nâng cao ý chí, quyết tâm thực hiện thắng lợi *Di chúc* thiêng liêng của Người là « *Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới* ».

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN HỒ-CHÍ-MINH
TOÀN TẬP





Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đang phát biểu
tại Đại hội Tua, Đại hội thành lập Đảng
Cộng sản Pháp, năm 1920.

PHẦN THỨ NHẤT
1920 – 1945

LỜI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI TUA¹

Chủ tịch : Mời đồng chí đại biểu Đông-dương phát biểu ý kiến. (*Vỗ tay*).

Đại biểu Đông-dương:¹⁾ Thừa các đồng chí, lẽ ra hôm nay tôi đến đây là để cùng với các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên Xã hội, để phản đối bọn đế quốc đã gây ra những tội ác tày trời trên quê hương tôi. (*Được lắm !*). Các đồng chí đều biết rằng chủ nghĩa đế quốc Pháp đã vào Đông-dương từ nửa thế kỷ nay : vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm. Nói cho rõ hơn, chúng tôi đã bị đầu độc bằng thuốc phiện, bằng rượu, v.v.. Trong vài phút, tôi không thể vạch được hết những sự tàn bạo mà bọn tư bản ăn cướp đã gây ra ở Đông-dương. Nhà tù nhiều hơn trường học và lúc nào cũng chật ních. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và có khi

1) Đại biểu Đông-dương, tức là đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc.

bị giết mà không cần xét xử. Cái gọi là công lý Đông-dương là thế đấy ! Ở xứ đó, người Việt-nam bị phân biệt đối xử, họ không có những sự bảo đảm như người châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc đi du lịch ở nước ngoài ; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập. Ở Đông-dương, bọn thực dân tìm mọi cách bắt chúng tôi hút thuốc phiện và uống rượu để đầu độc chúng tôi và làm cho chúng tôi dần dần. Người ta đã làm chết và tàn sát hàng nghìn người Việt-nam để bảo vệ những lợi ích không phải của chính họ.

Thưa các đồng chí, hơn hai mươi triệu dân Việt-nam, bằng hơn nửa số dân nước Pháp, đã bị đối xử như vậy. Ấy thế mà họ lại là những người được nước Pháp bảo hộ ! (*Vỗ tay*). Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức. (*Hoan hô*).

Giăng Long-ghe²: Tôi đã phát biểu ý kiến đề bảo vệ những người bản xứ.

Đại biểu Đông-dương: Ngay khi tôi bắt đầu nói, tôi đã yêu cầu mọi người tuyệt đối im lặng... (*Nhiều tiếng cười*). Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng Xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa. Chúng tôi rất sung

sướng khi nghe tin thành lập một đoàn đại biểu thường trực nghiên cứu vấn đề Bắc Phi, và mai đây, chúng tôi sẽ vui mừng nếu Đảng phái một đồng chí của Đảng sang Đông-dương để nghiên cứu tại chỗ những vấn đề ở xứ đó, và nghiên cứu những hoạt động cần phải tiến hành...

Một đại biểu phái hữu có ý kiến phản đối...

Đại biểu Đông-dương : Im đi ! Phái nghị viện.
(Vỗ tay).

Chủ tịch : Bây giờ, tất cả các đại biểu phải im !
Kể cả những đại biểu không thuộc phái nghị viện !

Đại biểu Đông-dương : Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên Xã hội, cả phái tả lẫn phái hữu, chúng tôi kêu gọi : Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi ! (Vỗ tay).

Chủ tịch : Qua những loạt vỗ tay tán thành, đại biểu Đông-dương có thể thấy rằng toàn thể Đảng Xã hội đều đứng về phía đồng chí để phản đối những tội ác của giai cấp tư sản.

Trích biên bản tốc ký của
Đại hội Tua, họp tháng 12
năm 1920, bản tiếng Pháp.

Dịch theo đúng biên
bản tốc ký.

Trích

ĐÔNG-DƯƠNG

Nói rằng *Đông-dương* gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng *Đông-dương* không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng ta thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Sự thật là người *Đông-dương* không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm... Việc có những báo hoặc tạp chí mang tư tưởng tiến bộ một chút hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân Pháp là một tội nặng. Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bỏ sung cho cái công cuộc ngu dân của Chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại.

Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: *người Đông-dương không chết, người Đông-dương vẫn sống, sống mãi mãi.* Sự đầu độc có hệ thống của bọn

tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông-dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung-quốc cách mạng hoặc từ Ấn-độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông-dương. Người Đông-dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng điển văn, nhưng người Đông-dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ. Nếu những người xã hội chủ nghĩa lơ là việc giáo dục, thì giai cấp tư sản thực dân và bản xứ — bọn quan lại — cứ phụ trách giáo dục bằng phương pháp của chúng. Người Đông-dương tiến bộ một cách rất mau nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông-dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến. Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi.

Viết bằng tiếng Pháp.

In trong *Tạp chí Cộng sản*,
(Cahier du Communisme),
số 14, năm 1921, tr. 33.

Ký tên: Nguyễn-Ái-Quốc.

In lần đầu tiên bằng tiếng
Việt trong sách *Chủ tịch
Hồ-Chí-Minh*, Ban nghiên
cứu lịch sử Đảng trung ương
xuất bản, 1960, tr. 12-13.

Dịch theo đúng bài in
trong *Tạp chí Cộng sản*.

MẤY Ý NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Từ khi Đảng Cộng sản Pháp đã thừa nhận 21 điều kiện của Mạc-tư-khoa³ và gia nhập Quốc tế thứ ba,⁴ Đảng đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn trong số các nhiệm vụ khác: chính sách thuộc địa. Đảng không thể thỏa mãn với những bản tuyên ngôn chỉ thuần là bằng tình cảm và không có kết quả gì như thời Quốc tế thứ nhất⁵ và Quốc tế thứ hai⁶ nữa, mà cần phải có một kế hoạch hoạt động đúng đắn, một chính sách có hiệu quả và thiết thực. Trong vấn đề này, Đảng gặp nhiều khó khăn hơn mọi vấn đề khác, và đây là những khó khăn chủ yếu:

1. **Diện tích các thuộc địa rất rộng.** — Không kể những « khu vực ủy trị » mới, lấy được từ sau chiến tranh, nước Pháp có:

Ở châu Á, 450.000 cây số vuông; ở châu Phi, 3.541.000 cây số vuông; ở châu Mỹ, 108.000 cây số vuông; ở châu Úc, 21.600 cây số vuông. Tổng cộng: 4.120.000 cây số vuông (gần gấp tám lần diện tích nước Pháp) với một dân số là 48.000.000 người. Số dân đó nói hơn 20 thứ tiếng khác nhau. Tình trạng có nhiều tiếng nói khác nhau như vậy làm khó khăn cho công tác tuyên truyền, bởi vì trừ mấy thuộc địa cũ ra, thì một tuyên truyền viên người Pháp chỉ có thể nói chuyện với quần chúng bản xứ

qua người phiên dịch mà thôi. Mà phiên dịch thì khó nói lên được hết ý, vả lại trong những xứ bị cai trị một cách độc tài ấy, thật khó mà tìm ra được một người phiên dịch những lời lẽ cách mạng.

Lại còn những trở ngại khác nữa. Tuy người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa đều là những người bị áp bức và bóc lột như nhau, nhưng trình độ văn hóa, kinh tế và chính trị giữa xứ này với xứ khác lại rất khác nhau. Giữa Việt-nam với Công-gô, Mác-ti-ních hay Tân-đảo, hoàn toàn không giống nhau chút nào, trừ sự cùng khổ.

2. Tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa. — Trong những luận điểm của Lê-nin⁷ về vấn đề thuộc địa, Lê-nin đã tuyên bố rõ rệt rằng « nhiệm vụ của công nhân ở các nước đi chiếm thuộc địa là phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc ». Muốn thế, công nhân ở chính quốc cần phải biết rõ thuộc địa là cái gì, phải biết những việc đã xảy ra ở thuộc địa, biết rõ nỗi đau khổ mà các anh em của mình, — những người vô sản ở thuộc địa, — đang phải chịu đựng, đau khổ gấp nghìn lần nỗi đau khổ của họ. Tóm lại là công nhân ở chính quốc phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa.

Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ mà trên là mặt trời, dưới là cát, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi. Và họ hoàn toàn không để ý gì đến.

3. Tình trạng dốt nát của người dân bản xứ. — Trong tất cả các nước thuộc địa, ở cái xứ Đông-dương già cỗi kia cũng như ở xứ Đa-hô-mây mới mẻ này, người ta không hiểu đấu tranh giai

cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay công nghiệp, cũng không có tổ chức công nhân. Trước con mắt người dân bản xứ, chủ nghĩa bôn-sơ-vích — danh từ này vì thường được giai cấp tư sản dùng đến luôn, nên đặc sắc hơn và mạnh nghĩa hơn — có nghĩa là: hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. Nghĩa thứ nhất gắn cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số ít người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản. Nhưng số người thượng lưu ấy, — thuộc giai cấp tư sản bản xứ¹⁾ và là cột trụ của giai cấp tư sản thực dân, — cũng không thích thú gì việc chủ nghĩa cộng sản được người ta hiểu và được truyền bá rộng rãi cả. Trái lại, giống như con chó trong truyện ngụ ngôn, họ lại thích đeo cái vòng cổ để kiếm miếng xương. Nói chung, quần chúng căn bản là có tinh thần bất khuất, nhưng còn rất dốt nát. Họ muốn giải phóng, nhưng họ chưa biết làm cách nào để đạt được mục đích ấy.

4. Những thành kiến. — Vì giai cấp vô sản ở cả hai đảng đều không hiểu biết lẫn nhau, nên đã nảy ra những thành kiến. Đối với công nhân Pháp, thì người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động. Đối với người bản xứ, những người Pháp — mặc dầu họ là hạng người nào — cũng đều là những kẻ bóc lột độc ác. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư

1) La bourgeoisie autochtone.

bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó và sự phân biệt đẳng hạng giả tạo về nòi giống đó để ngăn cản việc tuyên truyền và đề chia rẽ những lực lượng đáng phải đoàn kết lại.

5. **Đàn áp dã man.** — Nếu bọn thực dân Pháp rất vựng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bất buộc. Những người như ông Găng-đi và ông Đờ Va-lơ-ra có lẽ đã lên thiên đàng từ lâu rồi nếu các ông ấy sinh ở một trong những thuộc địa của Pháp. Bị tất cả mọi thứ thủ đoạn thâm hiểm của các tòa án quân sự và tòa án đặc biệt vây xung quanh, một người chiến sĩ ở bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và dốt nát của mình mà không sa vào nanh vuốt của các nhà đi khai hóa cho họ.

Trước những khó khăn ấy, Đảng phải làm gì ?

Tăng cường công tác tuyên truyền của Đảng để khắc phục.

Viết bằng tiếng Pháp.

In trên báo *Nhân đạo*,
(L'Humanité), ngày 25 tháng 5
năm 1922.

Ký tên : Nguyễn-Ái-Quốc.
In lần đầu tiên bằng tiếng
Việt trong sách *Lên án chủ
nghĩa thực dân*, Nhà xuất
bản Sự thật, Hà-nội, 1959,
tr. 11-14.

Theo đúng bài in trong
sách *Lên án chủ nghĩa
thực dân*.

THƯ GỬI CÁC BẠN CÙNG HOẠT ĐỘNG Ở PHÁP

Các bạn thân mến,

Bao lâu nay chúng ta làm việc với nhau.

Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em.

Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ : sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung : giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta.

Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta không cô độc, vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta.

Công việc chung của chúng ta « Hội liên hiệp thuộc địa » và tờ báo NGƯỜI CÙNG KHỔ đã có những kết quả tốt. Nó đã làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính biết rõ những việc xảy ra trong các thuộc địa. Làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào

chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do, bình đẳng và bác ái. Nhưng chúng ta còn phải làm nhiều hơn.

Chúng ta phải làm gì ?

Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc. Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta.

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng : trở về nước đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập.

Có lẽ một vài người trong các bạn cũng phải và có thể làm như tôi. Còn các bạn khác thì tiếp tục công việc hiện thời của chúng ta : củng cố « Hội Liên hiệp thuộc địa » và phát triển tờ báo NGƯỜI CÙNG KHỔ của chúng ta.

Các bạn thân mến,

Tôi từ giã các bạn. Tôi xa cáo bạn, nhưng lòng tôi luôn luôn gần các bạn.

Các bạn tha lỗi cho tôi không hôn các bạn trước khi đi. Các bạn biết rằng tôi bị theo dõi riết.

Khi các bạn được thư này, Nguyễn của các bạn ít nhất cũng đã xa nước Pháp hai mươi bốn giờ rồi.

Đại, người đồng hương của tôi, sẽ giao lại cho ông B chìa khóa của tòa báo, giấy tờ và tài liệu của Hội và của tờ báo ; cũng như quỹ của tờ báo. Tôi đã trả tiền thuê nhà cho tờ báo đến cuối năm. Tiền in cũng đã thanh toán. Chúng ta không mắc nợ ai. Sổ thư viện để ở trong ngăn kéo bên phải. Sách cho mượn đã lấy về, trừ những sách cho những hội viên đi nghỉ mượn.

Nói tóm lại, các việc đều đầu vào đấy trước khi tôi đi.

Tôi sẽ viết thư cho các bạn. Nhưng tôi không dám hứa với các bạn, vì không phải dễ viết thư khi người ta hoạt động bí mật. Dù tôi có viết thư cho các bạn hay không, các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người bạn Pháp của chúng ta.

Bây giờ, một vài lời với cháu trai và cháu gái.

Các cháu rất yêu chú và chú cũng rất yêu các cháu, phải không các cháu? Chú sẽ nói với những người bạn nhỏ Việt-nam là các cháu rất ngoan. Chú sẽ thay mặt các cháu bắt tay các bạn nhỏ Việt-nam.

Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không được thấy chú Nguyễn, không được leo lên đùi, lên lưng chú như các cháu thường làm. Và cũng rất lâu chú sẽ không thấy cô A-lít-xơ (Alice) và cậu Pôn (Paul) của chú. Khi chú cháu mình gặp nhau, có lẽ chú đã già, các cháu đã lớn bằng ba và má. Điều đó không ngại gì. Chú sẽ luôn luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé A-lít-xơ và cậu bé Pôn thân yêu của chú.

Các cháu ngoan. Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Ma-ri-uyt (Marius) của các cháu. Khi các cháu đã hơi lớn, các cháu sẽ đấu tranh cho Tổ quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu. Các cháu hôn mẹ hộ chú.

CHÚ NGUYỄN

In trong sách *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 51-54.

Theo đúng bài in trong sách *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*.

THƯ GỬI TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Các đồng chí,

Những Nghị quyết của Đại hội lần thứ II của Quốc tế về vấn đề thuộc địa đã mang lại hai tác dụng đồng thời nhưng lại hoàn toàn trái ngược nhau. Một mặt, chủ nghĩa đế quốc đi áp bức — giữa trước những kết quả có thể xảy ra của chính sách đó nếu nó được thi hành nghiêm túc — đã đề phòng và tăng gấp bội những hoạt động tuyên truyền, ngu dân và đàn áp. Mặt khác, nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa, được tiếng vang của cách mạng thức tỉnh, đã hướng theo bản năng của họ về Quốc tế của chúng ta, một chính đảng duy nhất mà họ hy vọng là sẽ quan tâm đến họ một cách thân thiết, mà họ hoàn toàn mong mỗi là sẽ mang lại cho họ sự giải phóng. Như vậy, chúng ta sẽ có thể không những đánh đổ uy thế chủ nghĩa thực dân bóc lột và lay chuyển vị trí của chúng, mà còn có thể biến mỗi cảm tình thuần túy tình cảm và thụ động của các dân tộc thuộc địa đối với chúng ta thành mỗi cảm tình hành động, nếu những Nghị quyết của Quốc tế được chấp hành. Khốn nỗi cho đến nay, những Nghị quyết ấy chỉ được dùng để tô điểm mặt giấy ! Phân bộ Pháp, phân bộ Anh và những

phân bộ các nước thực dân khác đã làm gì cho các thuộc địa của chủ nghĩa tư bản nước họ? Những phân bộ ấy đã có một chính sách thuộc địa và một cương lĩnh rõ rệt về thuộc địa, chính xác và liên tục chưa? Những chiến sĩ của các phân bộ ấy có hiểu thuộc địa là gì và tầm quan trọng của thuộc địa là như thế nào không? Người ta có thể trả lời là không.

Đối với các thuộc địa Pháp,

a) Một Ủy ban nghiên cứu thuộc địa đã được thành lập,

b) Một mục viết về thuộc địa đã được mở ra trên báo « Nhân đạo »¹⁾,

c) Những lời tuyên bố ủng hộ dân chúng thuộc địa đã được phát biểu trong các đại hội toàn quốc,

d) Hai cuộc hành trình tuyên truyền đã được các đại biểu của Đảng tiến hành.

Sau khi được thành lập ít lâu và khi đã giành được không phải là không chặt vật những cột báo trên tờ « Nhân đạo », Ủy ban nghiên cứu thuộc địa đã hoạt động khá tốt. Những tài liệu và tin tức có giá trị đã bắt đầu được gửi từ các thuộc địa đến Ủy ban. Chiến dịch mà Ủy ban tiến hành trên báo Đảng nhằm chống những nhầm lẫn và tội ác của bè lũ thực dân, đã nhanh chóng thu hút sự quan tâm mạnh mẽ của dân chúng các thuộc địa và mang lại nỗi lo lắng cho chủ nghĩa đế quốc thực dân và báo chí của nó. Nhưng diễn đàn ấy đột nhiên đã bị báo « Nhân đạo » bỏ đi. Bị tước mất như vậy phương tiện công tác và hoạt động, Ủy ban lâm vào tình trạng hoàn toàn bị tê liệt. Điều đó đã làm cho giới báo chí to lớn của giai cấp tư sản

1) L'Humanité.

rất hài lòng, những báo chí này đã dành rất đều đặn hàng bao nhiêu trang cho công tác tuyên truyền thực dân và luôn luôn sợ bị cải chính và lật mặt nạ.

Điều đó đã đặc biệt gây những ấn tượng rất nặng nề cho dân bản xứ. Mặc dầu là hảo huyền, những lời tuyên bố trong các đại hội toàn quốc ủng hộ dân chúng các thuộc địa *cũng đã góp phần củng cố* mối cảm tình mà họ đã có đối với Đảng. Tuy nhiên thật là không thích đáng nếu cứ lặp đi lặp lại mãi một điều mà không làm gì cả. Và những người bị áp bức khốn khổ thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh. Cuộc hành trình của các đồng chí Vai-ăng Cu-tuya-ri-ê và Ăng-đơ-rê Béc-tôn qua An-giê-ri và Tuy-ni-di, tiến hành hầu như cùng một lúc với các cuộc dạo chơi để vương của bọn đại biểu tư sản, đã được dân chúng châu Phi rất hoan nghênh. Nếu những cuộc hành trình cùng một tính chất như thế được tiếp tục trong tất cả các thuộc địa thì chắc chắn là kết quả sẽ đáng mừng.

Nhưng đáng lẽ phải tăng cường tuyên truyền thì chúng ta lại đã bỏ dở cái việc đã được bắt đầu, và bỏ mất những cơ hội tốt. Bởi thế, chúng ta đã làm rất ít trong khi xảy ra cuộc bãi công đẫm máu ở Mác-ti-ních, cảnh chết đói ở Bắc Phi và cuộc nổi dậy ở Đa-hô-mây.

Trong trường hợp sau chót này, chúng ta đã có một bộ mặt thiếu náo. Nhiều ngày sau tất cả các

báo tư sản và mười ngày sau báo « Sự nghiệp », ¹⁾ báo Đảng mới đăng tin về cuộc nổi dậy. Trong lúc chính phủ thuộc địa đã thiết quân luật, tập trung quân đội, huy động chiến hạm, huy động các bộ máy đàn áp, bắt bớ và kết án các nhà hoạt động từ 5 đến 10 năm tù; trong lúc các báo chí viết thuê đã tiến hành một cách có hệ thống một chiến dịch lừa dối và bưng bít dư luận thì chúng ta chỉ viết có vài ba bài báo ngắn rồi thôi. Không phải là không mĩa mai và không đáng buồn khi trong bóng tối của những ngục tù có tính chất khai hóa, những người anh em Đa-hô-mây đau khổ của tôi đọc điều thứ 8, trong số 21 điều kiện, nói rằng « Mỗi đảng cam đoan tiến hành một công tác cổ động có hệ thống trong quân đội nước mình nhằm chống mọi ách áp bức dân chúng thuộc địa; và mỗi đảng phải ủng hộ, không những bằng lời nói mà cả bằng hành động, phong trào giải phóng của các thuộc địa ».

Nhưng thật là vô ích nếu buộc tội quá khứ và tiếc rẻ thì giờ đã mất. Tốt nhất là biết sử dụng tốt thì giờ trong tương lai. Vậy chúng tôi yêu cầu Đảng.

1) Chính thức thừa nhận Liên đoàn Mác-ti-ních (nhóm Giăng Dô-rét).

2) Mở lại mục viết về thuộc địa trong báo « Nhân đạo »,

3) Yêu cầu Ủy ban nghiên cứu thuộc địa cung cấp tài liệu cho phân bộ thuộc địa và cứ hai hoặc ba tháng một, báo cáo công tác của mình với phân bộ.

4) Ở những nơi đã thành lập phân bộ thuộc địa thì khuyến khích các phân bộ này tăng cường công tác tuyên truyền và tuyển thêm người bản xứ.

1) L'œuvre.

5) Trên tất cả báo chí của Đảng, mở một mục viết về thuộc địa để làm cho độc giả làm quen với các vấn đề thuộc địa.

6) Nói đến các thuộc địa trong hết thấy các đại hội, mít tinh hoặc hội nghị của Đảng.

7) Cử các nghị sĩ đi thăm các thuộc địa, mỗi khi nền tài chính của Đảng cho phép.

8) Tổ chức những nghiệp đoàn hoặc thành lập các nhóm tương tự ở các thuộc địa.

Mát-xcơ-va, tháng 7 năm 1923

NGUYỄN-ÁI-QUỐC

Viết bằng tiếng Pháp.
Bút tích lưu tại Phòng lưu
trữ Văn phòng Trung ương
Đảng.

Dịch theo đúng bút tích
lưu tại Phòng lưu trữ
Văn phòng Trung ương
Đảng.

ÁCH ÁP BỨC KHÔNG TỪ MỘT CHUNG TỘC NÀO

Vô-rốp-ski⁸, phái viên của nước Nga công nông đã bị bọn phát-xít ám sát ở Thụy-sĩ. Không một phái viên nào của các cường quốc rất văn minh và rất sùng đạo Thiên chúa đang họp ở Lô-dan-nơ hạ cố đi đưa đám. Chỉ có phái đoàn Thồ-nhĩ-kỳ do I-smét Pa-sa dẫn đầu đã đến nghiêng mình trước thi hài người bị sát hại.

Ben Ra-di-a, một công nhân, quê ở Tuy-ni-di đã bị *cảnh sát* giết ở Pa-ri ngày 1 tháng Năm. Các tổ chức công nhân ở Pa-ri đã tổ chức một đám tang lớn. Hàng mấy nghìn công nhân đã nghỉ việc ngày hôm đó để đi đưa người đồng chí bản xứ của mình tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Tất cả những liệt sĩ của giai cấp công nhân, người ở Lô-dan-nơ cũng như ở Pa-ri, những người Lơ Ha-vơ-rơ cũng như những người ở Mác-ti-ních, đều là những nạn nhân của một kẻ sát nhân: chủ nghĩa tư bản quốc tế. Và hương hồn của những người bị hy sinh này bao giờ cũng tìm thấy nguồn an ủi cao nhất ở lòng tin vào sự nghiệp giải phóng những anh em của họ bị áp bức — không phân biệt chủng tộc hay xứ sở.

Sau những bài học đau đớn này, những người bị áp bức ở tất cả các nước hẳn phải hiểu đâu là những người anh em thật sự và đâu là kẻ thù của họ.

Viết bằng tiếng Pháp.

In trên báo *Người cùng khổ*,
(Le Paria), số 17, tháng 8
năm 1923.

Ký tên: Nguyễn-Ái-Quốc.

In lần đầu tiên bằng tiếng
Việt trong sách *Lên án chủ
nghĩa thực dân*, Nhà xuất
bản Sự thật, Hà-nội, 1959,
tr. 63.

Theo đúng bài in trong
sách *Lên án chủ nghĩa
thực dân*.

THAM LUẬN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ NHẤT QUỐC TẾ NÔNG DÂN¹⁾

Thưa các đồng chí,

Tất cả các đồng chí đều đã nói về tình cảnh của nông dân trong đất nước các đồng chí. Tôi sẽ không làm tròn bổn phận của tôi nếu có được quyền đến đây với các đồng chí mà tôi lại không nói một đôi lời về tình cảnh của nông dân tại đất nước tôi.

Để minh họa với các đồng chí tình cảnh của nông dân Đông-dương, tôi phải đưa ra một sự so sánh: một bên là người nông dân Nga và một bên nữa là người nông dân Đông-dương. Nông dân Nga giống như một người ngồi chễm chệ trong chiếc ghế bành, còn nông dân Việt-nam lại giống như một người bị trói vào một chiếc cột, đầu ngược xuống đất. Nói thế không phải là nói phóng đại đâu, sau đây các đồng chí sẽ thấy rõ.

Khi các đồng chí đi qua Hồng trường, các đồng chí thấy có khắc một dòng chữ: « Nhà thờ là thuốc phiện của thế giới »; nhưng chúng tôi, nhờ nền văn minh phương Tây mà chúng tôi có cả nhà thờ lẫn thuốc phiện.

1) Tham luận tại phiên họp thứ bảy của Đại hội. Đầu đề do Nhà xuất bản đặt.

Về thuốc phiện, tôi sẽ xin chỉ kể lại với các đồng chí rằng mỗi năm Chính phủ Pháp ở Tây phương đã bán cho dân Việt-nam gồm 20 triệu người, trên 400 triệu đô-la thuốc phiện. Và mặt khác, người ta đã tính ra rằng cứ 1000 ty bán rượu và thuốc phiện thì không có được lấy 10 trường học. Đây là những sự thật.

Bây giờ tôi xin nói vấn đề với các đồng chí về chuyện nhà thờ.

Tôi đã nói với các đồng chí rằng những tên thực dân đã tước đoạt người Việt-nam như thế nào. Bây giờ tôi xin nói để các đồng chí biết Nhà thờ Ki-tô đã tước đoạt nông dân như thế nào.

Trong cuộc xâm chiếm Đông-dương thì chính những nhà truyền đạo Thiên chúa đã đi do thám để báo cho quân đội chiếm đóng biết những kế hoạch phòng thủ của nước chúng tôi, cũng chính những nhà truyền đạo đã dẫn đường những đội quân tấn công, cũng chính lại là những nhà truyền đạo đã lợi dụng tình trạng lộn xộn của đất nước để ăn cắp những văn bản chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất của người nông dân này nọ hay của một làng nào đó. Khi hòa bình được lập lại, nông dân trở về thì tất cả ruộng đất đều đã bị các nhà truyền đạo nắm được các văn bản nói trên, chiếm mất. Chính bằng cách đó, mà ở Nam-kỳ những nhà truyền đạo Thiên chúa có được trên một phần tư những đất đai cày cấy được. Ở Căm-pu-chia, các nhà truyền đạo nắm trên một phần ba ruộng đất; ở Bắc-kỳ, chỉ riêng ở thủ phủ, trong thành phố Hà-nội, các nhà truyền đạo có những bất động sản rộng bao la.

Họ có được của cải và chiếm hữu ruộng đất của nông dân không phải chỉ bằng cách đó. Các đồng chí đều biết rằng trong các nước ven biển, nhất là trong những nước ở Viễn Đông, thường xảy ra giông bão và lụt lội làm cho mùa màng thất bát; các nhà truyền đạo lợi dụng những dịp đó để ứng trước tiền cho nông dân với những tỷ suất lãi rất nặng và một thời hạn rất ngắn. Biết rõ rằng làm như vậy thì nông dân không bao giờ có thể trả nợ được, nên các nhà truyền đạo đòi nông dân phải đem ruộng đất ra đảm bảo. Khi đến thời hạn trả nợ, thì như thế là toàn bộ ruộng đất của nông dân đều rơi vào trong tay bọn truyền đạo.

Các đồng chí đã thấy bọn thực dân bóc lột nông dân như thế nào và bọn thờ chúa tước đoạt nông dân như thế nào.

Bây giờ, còn có những kẻ bóc lột khác nữa, chẳng hạn như Nhà nước. Dù mùa màng có xấu đến mức nào đi nữa, nông dân Việt-nam vẫn cứ phải đóng thuế; để đóng được thuế, nông dân phải bán mùa màng của mình đi; để khỏi bị bỏ tù (hễ đóng thuế chậm là họ bị bỏ tù), họ phải bán non mùa màng của họ, nghĩa là bán trước khi gặt; họ bán cho bọn lái buôn theo cách ước lượng bằng mắt. Bằng cách đó bọn lái buôn mua được lúa trước khi gặt bằng một giá rất rẻ và sau đó đem bán lại, rất đắt. Như vậy là người nông dân Việt-nam không phải chỉ bị trói vào một chiếc cột như tôi đã trình bày với các đồng chí, mà họ bị đóng đinh câu rút bởi bốn thế lực liên hợp là: Nhà nước, tên thực dân, Nhà thờ và tên lái buôn.

Chắc là các đồng chí sẽ hỏi rằng tại sao nông dân Việt-nam không tổ chức nhau lại, không làm như các đồng chí là thành lập hợp tác xã. Chỉ là vì họ không có thể làm như vậy được.

Tôi phải nói với các đồng chí rằng chúng tôi bị cai trị bởi một chế độ nô lệ. Chúng tôi không được quyền tự do đi lại; chẳng hạn như chúng tôi không thể đi từ Mát-xcơ-va đến Pê-tơ-rô-grát được; chúng tôi phải xin được một tờ giấy thông hành, nếu không họ sẽ bắt giữ và ném chúng tôi vào tù. Cũng vậy, chúng tôi không được quyền hội họp trên 4 hoặc 5 người nếu không có một giấy phép đặc biệt của cơ quan cai trị Pháp.

Tôi cũng xin nhắc lại rằng các đồng chí đã nói đến một chính quyền vô sản và việc lật đổ chủ nghĩa tư bản. Nhưng tất cả những điều các đồng chí nói ở đây sẽ trở thành vô ích, nếu các đồng chí quên mất cái yếu tố quân phiệt thực dân. Các đồng chí đều biết những sự kiện. Trong chiến tranh thế giới, chỉ riêng ở nước Pháp, người ta đã đưa từ các thuộc địa về trên một triệu người bản xứ để tham gia chiến tranh. Trong những năm 1916-1917, người ta đã chở về 2 tỷ tấn ngũ cốc, trong khi những dân bản xứ ở châu Phi và ở Đông-dương đang chết đói.

Thưa các đồng chí, để kết thúc, tôi phải nhắc lại với các đồng chí rằng Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một quốc tế khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn các đồng

chí, đều tham gia Quốc tế của các đồng chí (vỡ tay).

Nông dân bị giai cấp tư sản bóc lột và áp bức không ít hơn công nhân. Phải đấu tranh để tự giải phóng. Giai cấp duy nhất đã đấu tranh thắng tay chống chế độ hiện nay, là giai cấp công nhân; vì vậy nông dân và công nhân là hai bạn đồng minh tự nhiên.

Chỉ với lực lượng riêng của chính mình, nông dân không bao giờ có thể trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ. Sống tản mát trong các làng mạc, họ có thể nổi dậy và tiến hành đấu tranh, nhưng một mình họ thì không thể chiếm được bộ máy nhà nước và giữ được bộ máy đó. Đời sống của xã hội hiện nay phụ thuộc trước hết vào những trung tâm công nghiệp lớn mạnh và vào những đường giao thông. Những kẻ nắm đường sắt, nhà máy, hầm mỏ, những kẻ thống trị trong các thành thị, luôn luôn có thể đè bẹp nông thôn. Hiện nay, chính giai cấp tư sản là kẻ nắm được tất cả những thứ đó, và chỉ có công nhân mới tước được của giai cấp tư sản những phương tiện thống trị mạnh mẽ của nó, mới có thể chỉ đạo sản xuất và tương lai của nhân loại.

Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân. Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, mơn trớn nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động

lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lê-nin mà thôi (*v ồ t a y*).

Phát biểu chiều ngày 13 tháng 10 năm 1923.

Dịch từ bản tiếng Pháp lưu tại Ban biên tập sách Hồ-Chí-Minh Toàn tập, Nhà xuất bản Sự thật.

Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Việt theo đúng bản dịch lưu tại Ban biên tập sách Hồ-Chí-Minh Toàn tập.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở THỎ-NHĨ-KỶ

Với lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh đáng khâm phục, nhân dân Thỏ-nhĩ-kỷ đã xé tan cái hiệp ước Xe-vơ-rơ ghê tởm và giành lại được nền độc lập của mình. Họ đã đánh bại bọn đế quốc cùng lập mưu với nhau, và lật đổ ngai vàng của bọn vua chúa. Từ một nước kiệt quệ, bị chia cắt, giày xéo, họ đã dựng nên một nước cộng hòa thống nhất và mạnh mẽ. Họ đã làm xong cuộc cách mạng của họ. Nhưng, cũng giống như tất cả các cuộc cách mạng tư sản, cuộc cách mạng Thỏ-nhĩ-kỷ chỉ có lợi riêng cho một giai cấp : giai cấp có của.

Giai cấp vô sản Thỏ-nhĩ-kỷ, người đã đóng góp rất nhiều vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc thì từ bây giờ đã thấy bắt buộc phải tiến hành một cuộc đấu tranh khác : cuộc đấu tranh giai cấp.

Trong cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân của Thỏ-nhĩ-kỷ gặp nhiều trở lực. Ở Thỏ không có những công đoàn giống như ở phương Tây. Ở đây chỉ có những nghiệp đoàn, hoặc những hội tương tế tập hợp công nhân cùng ngành, sinh sống trong cùng một thành phố. Còn công nhân các ngành khác nhau trong cùng một thành phố và công nhân cùng ngành trong các thành phố khác nhau thì không có liên hệ gì với nhau. Tình hình đó làm trở ngại mọi hoạt động chung và có hiệu quả.

Mặc dù như vậy, suốt năm vừa qua người ta cũng đã nhiều lần thấy những hoạt động sôi nổi của công nhân. Nhiều cuộc bãi công đã nổ ra ở Công-stăng-ti-nốp, ở sừng Vàng,¹⁾ ở Ai-din, v.v.. Công nhân in, công nhân đường sắt, nhân viên thương thuyền, công nhân các kho dầu lửa và các xưởng chế rượu bia đã tiến hành đấu tranh. Đã có tới một vạn công nhân tham gia phong trào. Sau những kinh nghiệm này, công nhân Thổ đã hiểu rằng muốn thắng lợi thì họ cần phải có tổ chức và kỷ luật.

Đại hội Công-stăng-ti-nốp thành lập hội Biéc-lích (Birlik).²⁾

Mới đây, một đại hội công nhân đã được triệu tập ở Công-stăng-ti-nốp, hai trăm năm mươi đại biểu tham gia đại hội. Họ thay mặt cho 19.000 công nhân Công-stăng-ti-nốp, 15.000 công nhân mỏ than ở Đông-gun-đắc và 10.000 người lao động ở các mỏ chì có bạc ở Ba-ly-a-ca-ra-i-din.

Đại hội đã quyết định tập hợp 34 *đéc-nếch*³⁾ hiện có thành một *biéc-lích*, tức là một liên minh. Nghị quyết mạnh dạn đó đã làm cho chính phủ phải sợ hãi không dám công nhận *biéc-lích*. Nên chú ý là thái độ của chính phủ đối với công nhân đã thay đổi nhiều. Khi chiến tranh kết thúc, khi vấn đề đặt ra là phải đuổi cổ những người nước ngoài thì chính phủ luôn luôn tỏ ra dễ dãi với công nhân, nhưng khi đụng đến vấn đề tổ chức công nhân thì chính phủ tỏ ra cũng phản động như tất cả mọi

1) *Corne d'or*.

2) *Birlik*. Tiếng Thổ-nhĩ-kỳ có nghĩa như một hội liên minh.

3) *Dernek*. Tiếng Thổ-nhĩ-kỳ có nghĩa là hội.

chính phủ tư bản chủ nghĩa khác. Do đó, sự phủ quyết của chính phủ không làm ai ngạc nhiên cả. Vả lại, mọi người biết rằng từ khi ký hòa ước Lô-dan-nơ thì bọn tư bản Thổ-nhĩ-kỳ đã ăn cánh với bọn tư bản nước ngoài, — bọn này sau khi đã tàn sát hàng vạn người Hy-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ khờ sở nhưng vẫn không đặt được ách thực dân lên Thổ-nhĩ-kỳ, thì nay lại xâm nhập một cách hòa bình vào đất nước Trăng lưỡi liềm. Việc chính phủ từ chối không công nhận tổ chức *biếc-lích*, chẳng khác nào một nụ cười duyên dáng dùng để khuyến khích giới tài chính quốc tế mà ba phần năm là nguồn gốc Pháp.

Nhưng giai cấp vô sản Thổ đã tiến được một bước đầu tiên. Nhất định họ sẽ còn tiến nữa.

Viết bằng tiếng Pháp.
In trên báo *Nhân đạo*,
(L'Humanité), ngày 1 tháng 1
năm 1924.

Ký tên: Nguyễn-Ái-Quốc.

In lần đầu tiên bằng tiếng
Việt trong sách *Lên án chủ
nghĩa thực dân*,

Nhà xuất bản Sự thật, Hà-
nội, 1959, tr. 71-73.

Theo đúng bài in trong
sách *Lên án chủ nghĩa
thực dân*.

THAM LUẬN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA TẠI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ LẦN THỨ NĂM CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN⁹

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc :

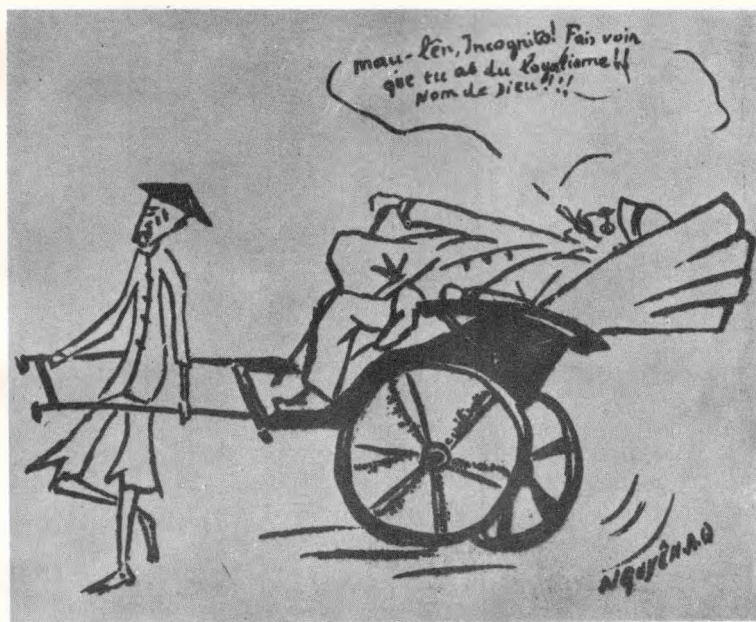
Thưa các đồng chí, tôi chỉ xin bổ sung những ý kiến phê bình của đồng chí Ma-nu-in-ski¹⁰ về chính sách của chúng ta trong vấn đề thuộc địa. Nhưng trước khi đi vào thực chất của vấn đề, tôi thấy nên đưa ra một vài con số thống kê về thuộc địa. Điều này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn tất cả tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa.¹⁾

Như vậy, 9 nước với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.407.600km² bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000km². Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa.

Nếu tính riêng những cường quốc đế quốc lớn nhất, thì những con số này lại càng có sức thuyết phục hơn. Số dân của các thuộc địa Anh đông gấp

1) Xem bảng số ở trang sau.

Các nước	Chính quốc		Thuộc địa	
	Diện tích (Km ²)	Dân số	Diện tích (Km ²)	Dân số
Anh	151.000	45.500.000	34.910.000	403.600.000
Pháp	536.000	39.000.000	10.250.000	55.600.000
Mỹ	9.420.000	100.000.000	1.850.000	12.000.000
Tây-ban-nha	504.500	20.700.000	371.600	853.000
Ý	286.600	38.500.000	1.460.000	1.623.000
Nhật-bản	418.000	56.070.000	288.000	21.249.000
Bỉ	29.500	7.642.000	2.400.000	8.500.000
Bồ-đào-nha	92.000	5.545.000	2.062.000	8.738.000
Hà-lan	83.000	6.700.000	2.046.000	48.030.000



Tranh đả kích do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc
vẽ trên báo *Người cùng khổ*.

hơn 8 lần rưỡi số dân nước Anh và đất đai của các thuộc địa Anh rộng gấp gần 252 lần đất đai của nước Anh. Còn nước Pháp thì chiếm một số đất đai rộng gấp 19 lần nước Pháp; và số dân ở các thuộc địa Pháp đông hơn số dân nước Pháp 16.600.000 người.

Vì vậy sẽ không phải là quá đáng nếu nói rằng chừng nào Đảng Pháp và Đảng Anh chưa thi hành một chính sách thật sự tích cực trong vấn đề thuộc địa, thậm chí chưa đề cập đến quần chúng các nước thuộc địa, thì toàn bộ chương trình rộng lớn của hai Đảng đó vẫn không có hiệu quả gì. Chương trình ấy sẽ không có hiệu quả gì vì nó trái với chủ nghĩa Lê-nin. Tôi xin nói rõ ý của tôi. Trong bài nói chuyện về Lê-nin và vấn đề dân tộc, đồng chí Xta-lin¹¹ đã chỉ rằng bọn cải lương và các lãnh tụ Quốc tế thứ hai đã không dám đặt ngang hàng các dân tộc da trắng và các dân tộc thuộc các màu da khác, rằng Lê-nin đã bác bỏ sự bất bình đẳng đó và phá tan cái vật chướng ngại ngăn chia những người nô lệ văn minh với những người nô lệ không văn minh của chủ nghĩa đế quốc.

Theo Lê-nin, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch, và vấn đề dân tộc, như Lê-nin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Sau đó đồng chí Xta-lin đã nói đến quan điểm phản cách mạng cho rằng không cần liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa, giai cấp vô sản châu Âu cũng có thể thắng lợi

được. Nhưng nếu căn cứ vào hành động để xét về mặt lý luận thì tình trạng các đảng lớn của chúng ta, trừ Đảng Nga, không hoạt động gì cả khiến chúng ta có quyền cho rằng ngày nay các đảng đó vẫn còn giữ quan điểm mà đồng chí Xta-lin đã nói.

Giai cấp tư sản các nước thực dân đã làm gì để kìm giữ trong vòng áp bức biết bao quần chúng của các dân tộc bị chúng nô dịch? Chúng làm tất cả. Ngoài việc dùng những phương tiện do bộ máy chính quyền Nhà nước đem lại cho nó, nó đồng thời còn tiến hành tuyên truyền hết sức ráo riết. Bằng những bài nói chuyện, bằng điện ảnh, báo chí, triển lãm và mọi phương pháp khác nữa, nó nhồi cho nhân dân các chính quốc cái đầu óc thực dân, nêu lên trước mắt họ cảnh sống dễ dàng, vinh quang và giàu có đang chờ đợi họ ở các nước thuộc địa.

Còn các đảng cộng sản của chúng ta như Đảng Cộng sản Anh, Hà-lan, Bỉ và các đảng cộng sản các nước khác mà giai cấp tư sản ở đấy chiếm giữ thuộc địa, thì đã làm những gì? Các đảng này, từ khi chấp nhận bản Luận cương của Lê-nin, đã làm được những gì để giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, tinh thần gần gũi với quần chúng lao động các nước thuộc địa? Tất cả những việc mà các đảng của chúng ta đã làm về mặt này, thật hầu như chưa có gì cả. Còn về tôi, là một người sinh trưởng ở một nước hiện nay là thuộc địa của Pháp và là một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi làm rất và rất ít cho các nước thuộc địa.

Báo chí cộng sản chủ nghĩa có nhiệm vụ làm cho các chiến sĩ của chúng ta hiểu rõ vấn đề thuộc địa,

làm thức tỉnh sự đồng tình hưởng ứng của quần chúng lao động ở các nước thuộc địa, tranh thủ họ tham gia sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Thử hỏi báo chí đó đã làm được gì ? Không được gì hết.

Nếu đem so sánh những chỗ dành cho các vấn đề thuộc địa trên các tờ báo tư sản như *Thời báo*, *Phi-ga-rô*, *E-vơ-rơ* hay những báo thuộc các khuynh hướng khác như: *Bình dân* hay *Tự do* với những chỗ dành cho các vấn đề đó trên báo Nhân đạo,¹² cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng chúng tôi, thì phải nhận rõ rằng sự so sánh này sẽ hoàn toàn không có lợi cho chúng ta.

Bộ thuộc địa đã đặt ra kế hoạch biến nhiều vùng ở châu Phi thành những vùng đồn điền rộng lớn của tư nhân, và biến dân bản xứ ở những nước này thành những dân nô lệ thật sự, bị trói buộc vào ruộng đất của những ông chủ mới, thế mà báo chí của chúng ta vẫn im tiếng hoàn toàn về điều này. Ở các nước thuộc địa của Pháp ở Tây Phi, người ta đã áp dụng những biện pháp cưỡng ép chưa từng thấy để bắt lính, thế mà báo chí của chúng ta vẫn không hề lên tiếng. Chính quyền thực dân ở Đông-dương đã biến thành những kẻ buôn nô lệ và bán những người dân Bắc-kỳ cho các chủ đồn điền trên các đảo ở Thái-bình-dương; chúng kéo dài thời hạn đi lính của dân bản xứ từ 2 năm lên 4 năm; chúng đem nộp phần lớn đất đai thuộc địa cho công-xoóc-xi-om của những bọn tư bản cá mập; thuế má vốn đã quá nặng nề không chịu nổi, thế mà chúng lại còn tăng lên 30% trong lúc dân bản xứ bị phá sản và chết đói sau trận lụt. Thế mà báo chí chúng ta vẫn cứ im tiếng. Và sau tất cả

những điều đó, các đồng chí sẽ ngạc nhiên thấy rằng nhân dân bản xứ đi theo những nhóm dân chủ và tự do như Hội Nhân quyền và các tổ chức tương tự khác là những tổ chức chăm lo hay làm ra vẻ chăm lo đến họ.

Nếu đi sâu hơn chút nữa, chúng ta sẽ thấy những việc hoàn toàn không thể tưởng tượng được, làm cho mọi người phải nghĩ rằng Đảng chúng tôi đã coi thường tất cả những gì dính dáng đến các nước thuộc địa. Ví dụ : báo *Nhân đạo* không hề đăng lời kêu gọi của Quốc tế nông dân¹³ gửi nhân dân các nước thuộc địa, do Quốc tế cộng sản gửi đến để đăng trên báo. Trước Đại hội Li-ông trong mục đăng các bài tranh luận, đã đăng hết mọi luận cương, trừ luận cương về vấn đề thuộc địa. Báo *Nhân đạo* đã đăng nhiều bài về thắng lợi của vô sĩ Xi-ki xứ Xê-nê-gan, nhưng không hề lên tiếng khi các công nhân bến tàu Đa-ca, những người đồng nghiệp của Xi-ki bị bao vây trong khi đang làm việc, bị bắt và bị vứt lên xe ô tô chở về nhà giam và sau đó bị đưa sang trại lính để rồi trở thành những người bảo vệ văn minh, nghĩa là trở thành lính. Cơ quan trung ương của Đảng chúng tôi hàng ngày đều báo tin cho các bạn đọc về những chiến công của anh phi công U-a-di đã bay từ Pháp sang Đông-dương ; nhưng khi chính quyền thực dân cướp bóc nhân dân « nước An-nam cao quý », lấy ruộng của họ giao cho bọn đầu cơ Pháp, phái máy bay chở bom, rồi ra lệnh cho các phi công phải dạy cho những người dân bản xứ bất hạnh và bị cướp bóc kia phải biết điều, thì cơ quan của Đảng chúng tôi lại không thấy cần thiết báo tin đó cho các bạn đọc biết.

Thưa các đồng chí, qua báo chí của mình, giai cấp tư sản Pháp hiểu rằng vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau. Tôi cho rằng Đảng chúng tôi chưa hiểu hết điều đó. Những bài học ở miền Ruya, nơi mà binh lính bản xứ được phái đến trấn an những công nhân Đức bị đói, đã vây chặt những trung đoàn lính Pháp đáng nghi; trường hợp xảy ra trong đội quân phương Đông, trong đó binh lính bản xứ được giao súng máy để « động viên tinh thần » binh lính Pháp đã mệt mỏi vì chiến tranh kéo dài và gian khổ; những sự kiện xảy ra năm 1917 ở nơi đóng quân của lính Nga ở Pháp; kinh nghiệm cuộc bãi công của công nhân nông nghiệp ở Py-rê-nê là nơi mà binh lính bản xứ đã buộc phải giữ vai trò nhục nhã của những kẻ phá hoại cuộc bãi công; và cuối cùng là sự có mặt của 207.000 binh lính bản xứ ở ngay nước Pháp, — tất cả những việc trên đây chưa làm cho Đảng chúng tôi phải suy nghĩ, chưa làm cho Đảng chúng tôi thấy cần phải thực hiện một chính sách rõ ràng và tích cực trong vấn đề thuộc địa. Đảng đã bỏ lỡ tất cả những cơ hội tốt để tuyên truyền. Những cơ quan lãnh đạo mới của Đảng đã thừa nhận là Đảng chúng tôi đã bị động trong vấn đề này. Tôi thấy đó là một dấu hiệu đáng mừng vì khi các lãnh tụ của Đảng đã thừa nhận và nhấn mạnh nhược điểm này trong chính sách của Đảng thì việc đó làm cho người ta hy vọng rằng Đảng sẽ cố gắng hết sức để sửa chữa và củng cố về mặt này. Tôi tin chắc rằng Đại hội này sẽ là bước ngoặt về mặt này và sẽ thúc đẩy Đảng sửa chữa được những thiếu sót trước. Mặc dù nhận xét của đồng chí Ma-nu-in-ski về cuộc vận động bầu cử ở An-giê-ri rất đúng, song để cho được khách quan, tôi phải

nói rằng đúng là Đảng chúng tôi đã bỏ lỡ dịp tốt ở đây, nhưng đã sửa chữa sai lầm, đã đưa đại biểu người bản xứ ra ứng cử ở quận Pa-ri. Tất nhiên như thế còn ít, song bước đầu như vậy là tốt. Tôi sung sướng nhận thấy rằng hiện nay Đảng chúng tôi lại có những ý định tốt đẹp nhất, lại có lòng hăng hái, cái đó hoàn toàn mới đối với Đảng chúng tôi; và chỉ cần bằng hành động thực tiễn thì nhất định những cái ấy sẽ đưa Đảng tới một chính sách đúng đắn trong vấn đề thuộc địa.

Vậy phải hành động thực tiễn như thế nào? Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua những nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể. Tôi đề nghị mấy điểm dưới đây:

1. Mở trên báo *Nhân đạo* một mục đề đăng đều đặn hàng tuần ít nhất hai cột các bài về vấn đề thuộc địa.

2. Tăng cường tuyên truyền và tuyển lựa đảng viên của Đảng trong những người bản xứ ở những nước thuộc địa đã có chi bộ của Quốc tế cộng sản.

3. Gửi các đồng chí ở các nước thuộc địa sang học ở trường Đại học lao động cộng sản phương Đông ở Mạc-tư-khoa.

4. Thỏa thuận với Tổng liên đoàn lao động thống nhất để tổ chức những người lao động của các thuộc địa làm việc ở Pháp.

5. Đặt nhiệm vụ cho các đảng viên của Đảng phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa.

Theo tôi, những đề nghị này là hợp lý và nếu Quốc tế cộng sản và các đại biểu của Đảng chúng tôi tán thành thì tôi tin rằng đến Đại hội lần thứ 6,

Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi sẽ có thể nói rằng mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa đã trở thành sự thật.

Thưa các đồng chí, vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lê-nin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lê-nin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác.

Đồng chí Đu-gơ-la (đại biểu Anh):

.....
.....

Đồng chí Sme-ran:

.....
.....

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc:

Các thuộc địa Pháp chiếm một diện tích rộng 10.241.510 km² với số dân là 55.571.000 người ở rải khắp bốn lục địa. Dù có sự khác nhau về chủng tộc, khí hậu, tập quán, truyền thống, về trình độ phát triển kinh tế và xã hội, song có hai điểm chung làm cho các nước thuộc địa giống nhau và sau này có thể đi tới thống nhất để cùng đấu tranh:

1. Tình hình kinh tế: trong tất cả các thuộc địa Pháp, công nghiệp và thương nghiệp phát triển rất yếu ớt và nhân dân hầu hết làm nghề nông. 95% số dân bản xứ là nông dân.

2. Ở tất cả các nước thuộc địa, nhân dân bản xứ đều bị tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp bóc lột không ngừng.

Tôi không có thì giờ phân tích kỹ lưỡng về tình hình nông dân từng nước thuộc địa. Vì vậy, tôi chỉ lấy một vài thí dụ điển hình để chúng ta có một ý niệm về tình cảnh nông dân các nước thuộc địa.

Tôi xin bắt đầu từ xứ sở của tôi, Đông-dương, là nơi tôi biết rõ hơn cả.

Khi Pháp đánh chiếm thuộc địa này, chiến tranh đã làm cho nông dân phải rời bỏ làng mạc của họ. Sau đó, khi họ trở về thì đã thấy ruộng đất của họ bị bọn chủ đồn điền, theo sau quân đội chiến thắng, chiếm mất. Thậm chí chúng đã chia nhau cả những đất đai mà nông dân bản xứ đã cày cấy từ bao đời nay. Như vậy là nông dân Việt-nam đã biến thành nông nô và buộc phải cày cấy ruộng đất của chính mình cho bọn chủ nước ngoài.

Nhiều người trong những người xấu số này vì không chịu sống trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt do những kẻ chiếm đoạt đưa ra, nên đã bỏ ruộng đất của mình và lang thang nay đây mai đó khắp nước; người Pháp gọi họ là « giặc cướp » và tìm đủ mọi cách truy nã họ.

Ruộng đất cướp được bằng cách ấy đã được đem chia cho bọn chủ đồn điền. Chỉ cần xin một tiếng là bọn chúng có thể được hưởng những khoảng đất có khi trên 2 vạn và 2 vạn ruỗi héc-ta.

Những tên chủ đồn điền này không những chiếm không ruộng đất mà còn chiếm không cả mọi thứ cần thiết để khai thác số ruộng đất đó, kể cả sức lao động. Chính quyền cho phép chúng sử dụng

một số tù khổ sai làm không công, hoặc bắt các xã phải cung cấp nhân lực cho các chủ đồn điền.

Bên cạnh chính quyền lang sói đó, cần phải nói tới Nhà chung. Chỉ riêng giáo hội thiên chúa đã chiếm 1/4 diện tích *cày cấy* ở Nam-kỳ. Để chiếm số ruộng đất đó, Nhà chung đã dùng những phương pháp không thể tưởng tượng được là mua chuộc, lừa đảo và cưỡng bức. Đây là một vài ví dụ. Lợi dụng lúc mất mùa, Nhà chung cho nông dân vay tiền nhưng bắt họ phải cầm ruộng. Tiền lãi quá cao làm cho nông dân không sao trả hết nợ, nên buộc phải bán đứt số ruộng cầm trước cho Nhà chung. Bằng mọi thủ đoạn tàn ác, Nhà chung cố tìm ra đủ mọi thứ tài liệu mật có thể gây nguy hại cho những nhà cầm quyền. Lợi dụng những giấy tờ đó làm công cụ đe dọa, Nhà chung đạt được tất cả những gì họ muốn. Nhà chung lập hội với bọn tư bản lớn để khai khẩn những đồn điền chiếm không và những ruộng đất cướp được của nông dân. Bọn tay chân của Nhà chung giữ những chức cao trong chính phủ. Nhà chung cũng bóc lột « con chiên » một cách tàn nhẫn không kém chủ đồn điền. Một thủ đoạn khác của Nhà chung là tập hợp những người ăn xin, bắt họ khai khẩn đất mới và hứa là sau khi khai khẩn xong sẽ chia cho họ. Nhưng khi ruộng đất mới vừa khai khẩn xong và sắp được gặt, thì Nhà chung tuyên bố là ruộng đất này thuộc về Nhà chung và đuổi những người đã dùng sức lao động của mình làm cho ruộng đất ấy được phì nhiêu. Bị những kẻ « bảo hộ » họ (ở trong tôn giáo hay ở ngoài tôn giáo) cướp bóc, nông dân Việt-nam thậm chí không thể yên ổn làm ăn trên phần ruộng đất ít ỏi còn lại của mình. Người ta

bắt những người đo đất phải đo ruộng đất của nông dân không đúng để bắt họ phải đóng thuế khổng. Thuế ruộng đất mỗi năm một tăng. Mới đây, sau khi chiếm hàng nghìn héc-ta của người Việt-nam ở miền ngược để giao cho bọn đầu cơ các nhà cầm quyền đã phái máy bay đến để những nạn nhân bị cướp bóc ở đấy không dám nghĩ đến nổi loạn.

Những người nông dân bị cướp bóc, phá sản và bị đuổi đi nơi khác lại tìm cách khai khẩn đất để làm ruộng. Nhưng khi đất vừa mới khai khẩn xong thì chính quyền lại chiếm lấy và buộc nông dân phải mua lại theo giá do chính quyền định. Ai không đủ sức mua thì bị đuổi đi một cách tàn nhẫn. Năm ngoái, mặc dù đất nước bị nạn lụt tàn phá, thế mà thuế ruộng đất vẫn tăng ngay một lúc lên 30%.

Ngoài những thứ thuế bất công làm cho nông dân bị phá sản, nông dân còn phải đi phu, đóng thuế thân, thuế muối, đóng công trái cưỡng bức, lạc quyền và v.v..

Chủ nghĩa tư bản Pháp cũng thực hiện chính sách ăn cướp và bóc lột như vậy ở An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc. Tất cả những ruộng đất tốt và được tưới nước thì phải để cho bọn thực dân di cư tới chiếm. Dân bản xứ bị đuổi đi, họ phải tìm nơi nương tựa ở những vùng ven núi hay những nơi ruộng đất khó làm ăn. Các công ty tài chính, bọn đầu cơ và quan lại cao cấp chia nhau ruộng đất của các thuộc địa.

Do những hoạt động trực tiếp và gián tiếp, các ngân hàng An-giê-ri và Tuy-ni-di năm 1914 đã thu được 12.258.000 phơ-răng tiền lời với số vốn là 25 triệu phơ-răng.

Ngân hàng Ma-rốc với số vốn là 15.400.000 phơ-răng, năm 1921 đã thu được 1.753.000 phơ-răng tiền lời.

Công ty Pháp — An-giê-ri chiếm 324.000 héc-ta ruộng đất tốt nhất.

Tổng công ty An-giê-ri chiếm 10 vạn héc-ta.

Một công ty tư nhân đã chiếm không 5 vạn héc-ta rừng, còn công ty phốt phát và đường sắt Cáp-de thì đã chiếm 5 vạn héc-ta có nhiều mỏ quặng và lại có quyền ưu tiên đối với 2 vạn héc-ta chung quanh khu vực này.

Một cựu nghị sĩ Pháp đã chiếm một đồn điền 1.125 héc-ta có quặng mỏ, trị giá là 10 triệu phơ-răng, thu nhập hàng năm là 4 triệu phơ-răng. Dân bản xứ, người chủ của những quặng mỏ này, mỗi năm chỉ thu hoạch được 1% phơ-răng mỗi héc-ta.

Chính sách thực dân của Pháp đã thủ tiêu quyền chiếm hữu công cộng và thay thế bằng quyền chiếm hữu tư nhân. Nó cũng thủ tiêu quyền chiếm hữu nhỏ, làm lợi cho quyền chiếm hữu đồn điền lớn. Nó đã làm cho nông dân bản xứ mất hơn 5 triệu héc-ta ruộng đất tốt nhất.

Trong 15 năm, nông dân ở Ca-bi-li bị cướp mất 192.090 héc-ta.

Từ năm 1913, mỗi năm nông dân Ma-rốc bị cướp mất 12.500 héc-ta ruộng đất cây cấy. Từ khi Pháp thắng trong cuộc chiến tranh « vì công lý », con số đó tăng lên tới 14.540 héc-ta.

Hiện nay ở Ma-rốc chỉ có 1.070 người Pháp mà chiếm tới 500.000 héc-ta ruộng đất.

Cũng như những người anh em của họ là nông dân Việt-nam, nông dân châu Phi phải chịu cảnh

cơ cực không thể chịu nổi, phải lao dịch liên miên và phải gánh những thứ thuế má nặng nề. Sự cùng khổ của họ không sao tả xiết. Thiếu lương thực nên họ phải ăn những thứ rau cỏ dại hay thóc gạo mục nát, vì thế mà bệnh sốt, thương hàn, bệnh lao hoành hành trong nhân dân. Ngay những năm được mùa cũng thấy có nông dân đi bới những đồng rác ở thành thị, tranh thức ăn thừa với chó. Còn khi mất mùa thì xác chết nông dân ngổn ngang ngoài đồng và trên đường.

Tình cảnh của nông dân ở miền Tây châu Phi và miền xích đạo châu Phi thuộc Pháp còn khủng khiếp hơn nữa.

Gần 40 công ty chiếm những thuộc địa này. Họ chiếm tất cả: ruộng đất, tài nguyên thiên nhiên, cả sinh mạng của dân bản xứ nữa. Nhân dân bản xứ thậm chí không có quyền làm việc cho mình. Họ buộc phải làm việc cho các công ty, bao giờ cũng thế và chỉ được làm việc cho các công ty mà thôi. Để bắt họ phải làm không công, các công ty đã dùng thủ đoạn cưỡng bức vượt quá sức tưởng tượng. Tất cả ruộng đất đều bị tịch thu hết. Chỉ có người nào chịu làm công việc do các công ty ấy đòi hỏi thì mới được một phần ruộng nhỏ. Ăn uống thiếu thốn đã làm cho họ mắc đủ thứ bệnh tật và chết rất nhiều, nhất là trẻ con.

Một phương pháp khác là bắt ông già, phụ nữ và trẻ con làm con tin. Chúng giữ những người này trong những căn nhà chật chội, đối xử tàn tệ, hành hạ họ, bắt nhịn đói và nhiều khi giết họ nữa. Ở một vài địa phương, số người bị bắt làm con tin thường xuyên lại nhiều bằng số người làm việc để đề phòng mọi mưu toan của những người làm việc

tim cách chạy trốn. Đề công việc ở các đồn điền khỏi bị đình trệ, người ta cấm dân bản xứ không được cày cấy ruộng của mình kịp thời. Do đó, nạn đói và bệnh dịch thường xảy ra, tàn phá các thuộc địa.

Nếu một vài bộ lạc trốn vào rừng và tránh được ách bóc lột của bọn chủ đồn điền thì họ phải sống chẳng khác gì thú vật, họ ăn rễ củ và lá cây, chết vì sốt rét, vì khí hậu. Trong lúc ấy thì bọn chủ da trắng tàn phá đồng ruộng và làng mạc của họ đề khủng bố. Sau đây là một đoạn trong cuốn sổ tay công vụ của một sĩ quan tả một cách vắn tắt, rõ ràng và thâm thúy đàn áp nông dân bản xứ :

Hành binh càn quét làng Cô-lô-vô.

Hành binh càn quét dân Phan ở Cu-nô, làng và vườn trại bị tàn phá.

Hành binh càn quét làng Bê-ca-rút, làng bị đốt trụi, 3.000 cây chuối bị chặt.

Hành binh càn quét làng Cu-a, làng bị phá, vườn trại hoàn toàn bị phá trụi.

Hành binh càn quét làng A-bi-ma-phan, tất cả nhà cửa đều bị đốt, vườn trại bị phá.

Hành binh càn quét làng E-xam-pha-mi, làng bị phá, các làng ven sông Bôm đều bị đốt.

Tại những miền châu Phi thuộc Ý, Tây-ban-nha, Anh và Bồ-đào-nha cũng có một chế độ cướp bóc, làm phá sản, giết chóc và tàn phá một cách khùng khiếp như vậy.

Ở Công-gô thuộc Bỉ, năm 1891 dân số là 25 triệu, thế mà đến năm 1911 chỉ còn có 8 triệu rưỡi. Những bộ lạc He-re-rô và Ca-ma ở thuộc địa cũ của Đức tại châu Phi đã hoàn toàn bị tiêu diệt, 8 vạn người bị giết trong thời gian Đức chiếm đóng

và 15.000 người bị giết trong thời kỳ « bình định » năm 1914. Công-gô thuộc Pháp năm 1894 có 20.000 dân, thế mà đến 1911 chỉ còn có 9.700 người. Trong một vùng, năm 1910 có 10.000 dân, sau có 8 năm chỉ còn được 1.080 người. Trong một vùng khác với 4 vạn dân da đen, chỉ trong 2 năm đã có 2 vạn người bị giết, nửa năm sau 6.000 người nữa lại bị giết và bị thương tật.

Những vùng ven sông trù phú và đông đúc dân cư, chỉ sau 15 năm đã biến thành những miền hoang vu. Những mảnh xương tàn đã rải rác trắng khắp các ốc đảo và làng mạc bị tàn phá.

Tình cảnh những người còn sống sót thật khủng khiếp : nông dân bị cướp mất phần ruộng bé nhỏ « để dành » của mình, thợ thủ công mất nghề, còn người chăn nuôi thì mất súc vật. Dân Ma-ta-bê-le là dân chăn nuôi nhiều súc vật : trước khi người Anh đến, họ có tới 20 vạn súc vật có sừng. Hai năm sau chỉ còn 40.900 con. Dân He-re-rô có 9 vạn súc vật trong vòng 12 năm bọn thực dân Đức đã cướp mất một nửa. Những trường hợp tương tự như vậy xảy ra rất nhiều trong tất cả các nước da đen đã tiếp xúc với văn minh của người da trắng.

Để kết luận, tôi xin lấy một dẫn chứng của một người da đen là Re-nê Ma-rang, tác giả cuốn *Ba-tu-a-la*. Ông ta nói : « Châu Phi vùng xích đạo là nơi dân cư đông đúc, giàu cao-su, ở đây có đủ các loại vườn trại trồng cây, gà và dê rất nhiều. Chỉ sau 7 năm mọi cái đều bị phá hoại. Làng mạc tan tành, vườn trại hoang tàn, gà và dê bị giết. Nhân dân bản xứ kiệt sức vì phải làm việc nặng nhọc liên miên và không công nên không đủ sức và không có thời gian, dù là rất ít, để cày cấy

ruộng đất. Bệnh tật phát sinh, nạn đói hoành hành số người chết càng nhiều... Nên biết rằng họ là con cháu của một bộ lạc khỏe mạnh, thiện chiến, dẻo dai và đã được tôi luyện. Ở đây, nền văn minh đã tiêu tan... »

Đề bổ sung bức tranh bi thảm này, tôi xin thêm một điểm là chủ nghĩa tư bản Pháp không hề ngăn ngại đẩy cả một khu vực vào cảnh đói kém, nếu việc đó có lợi cho nó. Trong nhiều nước thuộc địa, ví dụ như Rê-uy-ni-ông, An-giê-ri, Ma-đa-gát-sca, v.v., người ta không trồng ngũ cốc nữa, mà lại phải trồng những thứ khác cần cho nền công nghiệp của Pháp. Những thứ này có lợi hơn cho chủ đồn điền. Điều đó làm cho đời sống ở thuộc địa rất vất vả và luôn luôn xảy ra nạn đói.

Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phần uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng.

In bằng tiếng Nga trong sách
*Đại hội Quốc tế cộng sản
lần thứ V, 17-6 — 8-7-1924.
Bản tốc ký, phần I, Nhà
xuất bản Quốc gia, Liên-xô,
1925, tr. 653-657.*

Dịch theo đúng Bản
tốc ký.

ĐÔNG - DƯƠNG VÀ THÁI-BÌNH-DƯƠNG

Lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới sắp tới — Nước Pháp muốn khai thác các thuộc địa — Các thuộc địa Pháp sóng lay lắt như thế nào — Người Việt-nam bị bóc lột nặng nề thêm.

Mới thoát nhìn, thì dường như vấn đề Đông-dương và Thái-bình-dương không liên quan gì đến công nhân châu Âu. Nhưng nếu người ta nhớ lại rằng :

a) Trong thời kỳ cách mạng, các nước Đồng minh không tấn công được nước Nga từ phía Tây, đã tìm cách tấn công từ phía Đông. Thế là các cường quốc ở Thái-bình-dương, Mỹ và Nhật, đã cho quân đội đổ bộ lên Vơ-la-đi-vô-stốc, đồng thời nước Pháp cũng gửi những đạo quân người Đông-dương sang Xi-bê-ri để giúp bọn bạch quân.

b) Hiện nay, tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó. Thế nào rồi cũng có ngày nước Nga cách mạng phải đo sức với chủ nghĩa tư bản đó. Cho nên các đồng chí Nga cần

Il est cependant inutile d'incriminer le passé et de regretter le temps perdu.
Le mieux sera de le bien employer dans l'avenir. Nous demandons donc
au Parti

1/ de reconnaître officiellement la fédération (groupe Jean Jaurès) de la Martinique
2/ de recommencer la chronique coloniale dans "L'Humanité" (2)

3/ de prier le Comité d'Etudes Coloniales de documenter la Section Coloniale et
de lui faire un rapport sur son travail tous les deux ou trois mois (3)

4/ d'encourager, là où elles existent, les sections locales à intensifier
la propagande et le recrutement parmi les indigènes (4)

5/ de faire ouvrir, dans tous les journaux du Parti, une chronique coloniale
afin d'initier les lecteurs aux choses des colonies.

6/ de ~~discuter~~ ^{parler des colonies} dans toutes les conférences, meetings ou réunions du Parti, etc.

7/ d'envoyer, toutes les fois que la finance du parti le permet, des parlemen-
entaires faire des tournées dans les colonies. (5)

8/ d'organiser des syndicats ou former des groupes similaires dans les colonies

Moscou le 7 juillet 1923

Nguyễn Ái Quốc

Bút tích của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc,
phần cuối Thư gửi Trung ương Đảng
Cộng sản Pháp, tháng 7 năm 1923.

thêm năm viên quan lại bản xứ do viên toàn quyền nặn ra. Ấy thế mà tất cả các ngài ấy lại cho rằng họ thay mặt cho cả Đông-dương và hành động vì lợi ích của nhân dân Việt-nam! Các bạn hãy tưởng tượng mà xem, người Êt-ski-mô hay người Du-lu¹⁾ mà lại quyết định vận mệnh của một dân tộc châu Âu!

Theo sự thú nhận của các nhà cầm quyền thì các thuộc địa ở Thái-bình-dương đang lâm vào tình trạng suy tàn, và chỉ sống — nếu như thế mà có thể gọi được là sống — một cuộc sống càng ngày càng lụn bại đi. Sự thật thì trong một thời gian ngắn, các đảo đông dân cư, đã hoàn toàn thừa hưởng vì rượu cồn và lao dịch. Quần đảo Mác-ki-dơ, trước đây 50 năm, đông đến 20.000 người, mà bây giờ chỉ còn có 1.500 người yếu đuối và thoái hóa. Trong vòng 10 năm, dân số đảo Ta-hi-ti²⁾ giảm đi 25%. Trong số những dân cư đang chết dần chết mòn đi như thế, chủ nghĩa đế quốc Pháp lại còn cướp đi hơn 3.500 người để làm bia đỡ đạn cho chúng. Thật khó mà tưởng tượng được tình trạng tàn lụi của một giống người lại nhanh đến như thế. Nhưng đó lại là một sự thật mà người ta có thể thấy được ở nhiều thuộc địa. (Ở các miền thuộc Công-gô, trong vòng 20 năm, dân số từ 40.000 người đã giảm xuống chỉ còn 30.000. Đảo Xanh Pi-e và Mi-cơ-lông³⁾,

1) *Esquimaux* là dân cư miền Bắc cực. *Zoulous* là những bộ tộc thuộc giống người Cafres (Cáp-phơ-rơ) ở miền Nam châu Phi.

2) Quần đảo *Marquises* và đảo *Taiti* là những đảo ở châu Úc thuộc Pháp.

3) *Saint-Pierre-et-Miquelon*, quần đảo thuộc Pháp ở Bắc châu Mỹ.

năm 1902 có 6.500 dân, đến năm 1922, thuộc địa này chỉ còn có 3.900 người mà thôi, v.v..)

Hầu hết các đảo ở Thái-bình-dương thuộc Pháp đều được nhượng cho các công ty khai khẩn đồn điền. Các công ty này tước đoạt ruộng đất của người bản xứ và bắt họ làm như nô lệ vậy. Đây là một thí dụ chứng tỏ rằng người ta đối xử với công nhân bản xứ như thế nào. 200 người chuyên mò ngọc trai đã bị các hãng Pháp ở châu Úc bắt ép đưa đi các đồn điền cách quê hương của họ đến 800 hải lý ¹⁾. (Thật không khác đưa thợ may đi làm mỏ). Họ bị dồn xuống một chiếc thuyền buồm nhỏ chỉ vừa chỗ cho 10 người và không có qua một phương tiện nào phòng lúc đắm thuyền. Họ bị đưa ngay xuống thuyền không kịp nhìn mặt vợ con nữa. Suốt hai năm ròng, những người công nhân khốn khổ ấy bị đẩy dọ trong các trại của công ty. Nhiều người bị đối xử tàn tệ. Nhiều người đã vì thế mà chết.

Các bạn hãy cộng thêm vào sự bóc lột vô nhân đạo ấy sự đồi tệ của bọn vô lương mà đế quốc Pháp giao cho cai trị các đảo đó, thì các bạn sẽ thấy tất cả cái tốt đẹp của chế độ bóc lột và áp bức đang đưa các nước bị chiếm làm thuộc địa ở Thái-bình-dương đến chỗ chết và diệt vong.



Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học. Nó dùng

1) *Hải lý* là một phần sáu mươi của một độ, bằng 1.852 mét.

những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng. Chiến công đáng buồn của người Xê-nê-gan là đã giúp bọn quân phiệt Pháp giết hại anh em của mình ở Công-gô, Xu-đăng, Đa-hô-mây, Ma-đa-gát-sca. Người An-giê-ri đã sang đánh Đông-dương. Người Việt-nam thì sang đóng đồn canh phòng ở châu Phi. Vân vân và vân vân. Trong cuộc đại chiến, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da trắng. Vừa rồi, người ta đã đem lính người bản xứ bao vây lính Pháp ở miền Ruya, và phái lính pháo thủ thuộc địa đi dẹp những người Đức bãi công. Non một nửa quân đội Pháp là người bản xứ, ước chừng 300.000 người.

Ngoài việc dùng các thuộc địa về mặt quân sự như vậy, chủ nghĩa tư bản còn sử dụng các thuộc địa để bóc lột về mặt kinh tế một cách khôn ngoan nữa. Người ta thường thấy rằng những vùng nào ở Pháp và những nghề nào đó mà tiền công bị hạ xuống, thì trước đó thế nào cũng có việc tăng thêm nhân công thuộc địa. Người bản xứ đã được dùng để phá các cuộc bãi công. Hiện nay chủ nghĩa tư bản dùng một thuộc địa này làm công cụ để bóc lột một thuộc địa khác, đó là trường hợp Đông-dương và Thái-bình-dương.

*

* *

Mặc dầu các nhà cầm quyền khua chiêng gõ trống để lừa gạt người ta, nhưng sự thật thì Đông-dương đã kiệt quệ rồi. Suốt trong cuộc đại chiến 1914—1918, người ta bắt gần mười vạn người Việt-nam (con số của nhà cầm quyền là 97.903 người) phải bỏ ruộng vườn để sang châu Âu. Mặc dầu rất thiếu người sản xuất, Đông-dương cũng đã buộc phải gửi đi 500.000 tấn ngũ cốc để góp phần bảo vệ những kẻ áp bức mình. Những công trái chiến thắng đã bòn rút đi hàng trăm triệu phơ-răng. Mỗi năm, người Việt-nam đã phải đổ mồ hôi sôi nước mắt để nộp khoảng chừng 450.000.000 phơ-răng hầu hết chỉ để nuôi béo bọn ăn bám. Ngoài ra, họ lại còn phải gánh những khoản chi tiêu rất lớn về quân sự mà Bộ trưởng Bộ thuộc địa gọi một cách văn hoa là « khoản đảm phụ của dân con ».

Chính ở cái xứ đã bị bóp nặn, gầy còm trơ cả xương ra này, bây giờ người ta lại còn sắp bòn rút đi hàng bao nhiêu triệu bạc và hàng bao nhiêu vạn người nữa (bắt đầu người ta bắt đi 40.000 người) để thỏa mãn túi tham không đáy của bọn chủ đồn điền và tham vọng cá nhân của một bầy chính khách vô liêm sỉ.

Làm đời trụy tất cả nòi giống Việt-nam bằng rượu và thuốc phiện, chưa đủ. Mỗi năm bắt đi hàng 4 vạn người « tình nguyện đầu quân » để đem lại vinh quang cho chủ nghĩa quân phiệt vẫn chưa đủ. Biến một dân tộc 20 triệu người thành một cái kho thuế lớn, cũng vẫn chưa đủ. Người ta còn sắp tặng thêm cho chúng tôi chế độ nô lệ nữa kia đấy.

Những hành động đế quốc chủ nghĩa ấy không những chỉ nguy cho riêng vận mệnh của giai cấp vô sản Đông-dương và Thái-bình-dương, nó còn nguy cho cả vận mệnh của giai cấp vô sản quốc tế nữa. Nhật-bản chỉ huy các trạm điện báo ở đảo Y-áp. Mỹ chi tiêu hàng bao nhiêu triệu đô-la để cải tiến các ồ súng đại bác trên các tàu chiến ở Thái-bình-dương. Anh sắp biến Xanh-ga-po thành một căn cứ hải quân. Pháp thấy cần phải thiết lập một hệ thống thuộc địa ở Thái-bình-dương.

Sau Hội nghị Hoa-thịnh-đốn¹⁴, việc tranh giành thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt hơn. Bọn đế quốc ngày càng trở nên điên cuồng hơn; những cuộc xung đột chính trị ngày càng trở nên không thể tránh khỏi. Những cuộc chiến tranh đã từng nổ ra vì vấn đề Ấn-độ, châu Phi và Ma-rốc. Những cuộc chiến tranh khác sẽ có thể nổ ra vì vấn đề Thái-bình-dương, nếu giai cấp vô sản không cảnh giác.

In trong tạp chí *Thư tín quốc tế*, (Correspondance internationale), số 18, tr. 193, năm 1924.

In lần đầu tiên bằng tiếng Việt trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 88-93.

Theo đúng bài in trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*.

HÀNH HÌNH KIỀU LIN-SƠ, MỘT PHƯƠNG DIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT CỦA NỀN VĂN MINH MỸ

Ai cũng biết giống người da đen là giống người bị áp bức và bóc lột nặng nề nhất trong loài người. Ai cũng biết sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và việc tìm ra Tân thế giới đã mang lại hậu quả trực tiếp là làm sống lại chế độ nô lệ, một chế độ, trải qua nhiều thế kỷ, đã là một tai họa thật sự đối với người da đen và là một bất hạnh đẫm máu đối với nhân loại. Điều mà mọi người có lẽ không biết là người da đen châu Mỹ, tiếng rằng đã được giải phóng 65 năm nay rồi, nhưng vẫn còn phải chịu đựng nhiều nỗi thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất, mà tàn ác nhất và ghê tởm nhất là *tục hành hình kiểu Lin-sơ*.¹⁾

Lin-sa-giơ²⁾ là do từ Lin-sơ mà ra, Lin-sơ là tên một chủ đồn điền ở bang Viéc-gi-ni-a, vừa là địa chủ vừa là quan tòa. Lợi dụng tình hình rối ren trong cuộc chiến tranh giành độc lập, hắn thâm tóm toàn bộ quyền hành trong quận. Những người thuộc phái bảo hoàng và những người thuộc phái bảo thủ bị hắn trừng phạt rất dã man, không cần

1) Lynch.

2) Lynchage.

xét xử, không cần án tù gì cả. Nhờ bọn chủ nô, nhờ đảng Ku-klux-klan và những tổ chức bí mật khác, tục hành hình kiểu Lin-sơ, một tục không hợp pháp và man rợ trở thành phổ biến và kéo dài mãi ở các bang trong Liên bang Mỹ. Sau khi người da đen được giải phóng, tục đó càng trở nên vô nhân đạo, và đặc biệt chia vào người da đen.

CÁC BẠN HÃY TƯỞNG TƯỢNG...

Các bạn hãy tưởng tượng một đám đông cuồng loạn. Quả đấm nắm chặt, mắt đỏ ngầu, miệng sùi bọt, la ó, chửi bới, nguyên rửa... đám đông ấy đang bị lôi cuốn bởi cái thú cuồng loạn được phạm tội ác mà không phải lo sợ gì cả. Họ vũ trang bằng gậy gộc, đuốc, súng lục, thùng, dao, kéo, nước lưu toan, dùi, tóm lại là bất cứ vật gì có thể dùng để giết hoặc làm bị thương được.

Các bạn hãy tưởng tượng giữa đám đông ấy, là một đồng thịt đen bị xô đẩy, đánh đập, giày xéo, rách da, róc thịt, chửi rửa, bị đá đi đá lại, đầm máu, bất động.

Đám đông ấy, chính là những kẻ tham gia hành hình. Cái xác người rách nát kia, đó là người da đen, là nạn nhân.

Trong cơn sóng hần thù và thú tính, những kẻ tham gia hành hình lôi người da đen đến một khu rừng hay một quảng trường công cộng nào đó. Họ trói người đó vào cây, tưới dầu lửa vào người đó, lấy những chất dễ cháy phủ lên người đó. Trước khi châm lửa, họ bẻ dần từng chiếc răng một của người đó. Rồi móc mắt người đó. Từng nhúm tóc

xoăn bị rút khỏi đầu, mang theo từng mảng da, để lộ ra một sọ người đẫm máu. Nhiều miếng thịt nhỏ rời khỏi cái thân hình đã tím bầm vì bị đánh đập.

Người da đen không kêu được nữa : lưới đã sưng phồng lên vì một thanh sắt nung đỏ gi vào. Toàn thân người ấy quần quai như một con rắn bị đánh, dở sống dở chết. Một nhát dao, thế là rụng một tai. Ái chà ! Nó mới đen làm sao ! Nó mới đáng tởm làm sao ! Thế là bọn đàn bà rạch nát mặt người đó ra...

Có kẻ hét : « Châm lửa lên đi ! ». Một kẻ khác góp thêm : « Đốt vừa đủ để thui chết nó từ từ thôi ».

Người da đen bị nướng chín, thui vàng, cháy thành than. Nhưng người đó phải chết hai lần mới đáng đời. Cho nên họ liền treo người đó lên, nói cho đúng hơn là treo cái xác đã không còn là một cái xác nữa lên. Và bây giờ, tất cả những người không được tham dự cảnh thiêu sống ấy, vỗ tay. Hoan hô !

Khi ai nấy đã xem chán rồi, họ hạ cái xác xuống. Cái dây treo được chặt ra từng đoạn, bán mỗi đoạn 3 hay 5 đô-la. Bọn đàn bà tranh nhau mua làm vật kỷ niệm và để lấy khước.

Thế là « công lý nhân dân » — như ở đó người ta vẫn gọi — đã được thực hiện. Đám đông đã đi, khen ngợi những kẻ « hành sự » rồi tản dần đi, vui vẻ như vừa dự xong một bữa tiệc, và hẹn gặp nhau một bận khác.

Trong khi đó thì trên mặt đất nhày nhựa mỡ và khói, một đầu lâu đen, nát bét, bị thui cháy, không ra hình thù gì nữa, nhăn nhó một cách đáng sợ và hình như muốn hỏi vàng dương đang lặn rằng : « Đó là văn minh ư ? ».

MỘT CHÚT THỐNG KÊ

Từ năm 1889 đến năm 1919, đã có 2.600 người da đen bị hành hình kiểu Lin-sơ, trong đó có 51 phụ nữ và thiếu nữ, với 10 cựu binh trong đại chiến.

Trong số 78 người da đen bị hành hình kiểu Lin-sơ năm 1919, có 11 người bị thiêu sống, 3 người bị thiêu sau khi đã bị giết, 31 người bị bắn chết, 3 người bị hành hạ cho đến chết, 1 người bị chặt ra làm nhiều mảnh, 1 người bị dìm chết, 11 người bị giết bằng nhiều cách khác.

Đứng đầu là bang Gioóc-gi-a với 22 nạn nhân, thứ đến bang Mít-xi-xi-pi với con số 12. Trong cả bang thứ nhất và bang thứ hai đều có 3 binh sĩ trong số bị hành hình. Trong số 11 người bị thiêu sống, thì ở bang Gioóc-gi-a có 4 người và 2 người ở bang Mít-xi-xi-pi. Trong 34 vụ hành hình có tính toán trước, và có tổ chức hẳn hoi, thì bang Gioóc-gi-a cũng lại đứng đầu với 5 vụ. Thứ hai đến bang Mít-xi-xi-pi với 3 vụ.

Căn cứ theo những tội trạng buộc cho những nạn nhân năm 1919, thì :

1 người có chân trong Liên đoàn những người không đảng phái (những chủ trại độc lập) ;

1 người đã truyền bá những sách báo cách mạng ;

1 người đã dám quá tự do lên tiếng công kích những vụ hành hình kiểu Lin-sơ ;

1 người đã bình luận về những vụ xô xát giữa người da trắng và da đen ở Si-ca-gô ;

1 người mà người ta biết là lãnh tụ của phong trào đấu tranh cho lợi ích của người da đen ;

1 người vì không kịp tránh sang bên đường nên đã làm cho một đứa bé da trắng ngồi trong ô-tô hoảng sợ.

Năm 1920, có 50 vụ hành hình kiểu Lin-sơ và năm 1923, có 28 vụ.

Những tội ác đó bao giờ cũng là do ghen ghét về kinh tế mà ra, hoặc do thấy những người da đen ở địa phương làm ăn khấm khá hơn người da trắng, hoặc do thấy công nhân da đen không chịu bị bóc lột đến xương tủy. Trong tất cả các vụ đó, những thủ phạm chính không bao giờ bị làm rầy rà, chỉ đơn giản là vì họ luôn luôn được bọn chính khách, bọn tài chính, bọn cầm quyền và nhất là báo chí phản động kích thích, khuyến khích, xúi bẩy, rồi lại bao che.

Mỗi khi sắp xảy ra hay đã xảy ra một vụ hành hình kiểu Lin-sơ, thế là báo chí chớp ngay lấy, coi là dịp may hiếm có để tăng số phát hành. Báo chí tường thuật sự việc với dụng tâm đưa ra rất nhiều chi tiết. Không một lời trách móc nào hướng vào bọn giết người. Không một lời thương xót nào đối với những nạn nhân. Không một lời bình luận nào.

Báo bang Tân Oóc-lê-ăng ngày 26 tháng 6 năm 1919 đăng nổi bật tin sau đây suốt chiều ngang trang nhất, bằng cỡ chữ 25 phân: *Hôm nay, một tên da đen sẽ bị 3.000 công dân thiêu chết.* Và ngay dưới đó là một tin in bằng chữ nhỏ xiu: *Được một đạo vệ binh lớn bảo vệ, Hoàng đế nước Đức đã cùng với Đông cung thái tử chạy trốn.* Báo Tin tức hàng ngày ở Giắc-xông cũng số ra ngày hôm đó, in trên hai cột đầu của trang nhất và bằng cỡ chữ lớn:

**TÊN DA ĐEN J.H.
SẼ BỊ DÂN CHÚNG Ở EN-LI-SVIN-LO
THIỆU CHẾT VÀO NĂM GIỜ CHIỀU NAY**

Tờ báo chỉ quên không thêm « khẩn khoản mời toàn thể dân chúng đến tham dự ». Nhưng tờ báo đã có tinh thần là như vậy.

VÀI CHI TIẾT

« Hồi 7 giờ 40 phút tối nay, J.H. đã bị hành hạ bằng một thanh sắt nung đỏ, sau đó bị đem thiêu... Một đám đông khoảng hơn 2.000 người,... có nhiều đàn bà và trẻ con, đã tham dự vụ thiêu... Sau khi người da đen bị trói trước pháp trường, người ta liền đốt một đống lửa. Cách đó một quãng, một đống lửa khác cũng được đốt lên để nung một thanh sắt. Khi thanh sắt đã đỏ rực, một người cầm lấy và giơ vào người da đen. Người này hoảng lên, vội nắm lấy thanh sắt. Thế là không khí sặc sụa mùi thịt cháy khét... Thanh sắt đỏ được giơ vào nhiều nơi trên mình tên da đen, tiếng kêu la và rên rỉ của nó dội vào tận trong thành phố. Hành tội một hồi lâu, những người đeo mặt nạ tước ét-xăng vào tên da đen và đốt đống củi lên. Ngọn lửa bốc cao và liếm quanh tên da đen đang van xin người ta làm phúc cho nó một phát đạn. Những lời năn nỉ của nó làm cho người ta lớn tiếng chế nhạo » — *Thời báo Sa-ta-nôc-ca*, ngày 13 tháng 2 năm 1918.

« 15.000 người vừa đàn ông, đàn bà, và trẻ con hò reo như sấm khi người ta giội ga-dô-lin lên người tên da đen và châm lửa. Họ đâm đá nhau,

la hét, và xô đẩy nhau để được đứng gần tên da đen hơn. Hai người trong bọn họ cắt tai tên da đen trong khi ngọn lửa bắt đầu thui nó.

Một người khác định cắt gót tên da đen... Đám đông nhấp nhô và di chuyển để ai nấy đều được nhìn thấy tên da đen bị đốt cháy. Khi thịt bị cháy hết, còn trơ xương ra và khi cái thân hình trước kia chỉ còn là một cái xác rách nát bốc khói, không ra hình thù gì nữa, chập chờn trong ngọn lửa, mọi người cũng vẫn còn mê mải đứng xem... » — báo *Mem-phít Pờ-rets*, ngày 22 tháng 5 năm 1917.

« ...đàn ông thuộc đủ mọi hạng, đàn bà, trẻ con đều kéo đến xem. Nhiều bà trong giới thượng lưu đi theo đám đông từ cửa nhà tù đến đây, những bà khác cũng từ các ngã gần đây kéo đến... Khi xác tên da đen rơi xuống, người ta háng hái tranh nhau những mẩu dây thừng ».

Buu báo buổi chiều Vic-k-s-bu-rg, ngày 4 tháng 5 năm 1919.

« ...một người cắt tai nó, một người khác xẻo bộ phận sinh dục của nó... Nó tìm cách bám lấy dây thừng, người ta liền chặt phăng các ngón tay đi. Trong khi người ta treo nó lên cây, một gã to như hộ pháp lấy dao chém vào cổ nó: ít nhất nó cũng bị tới 25 vết thương... Nó bị kéo lên rồi hạ xuống đám lửa hồng, rồi lại bị kéo lên và hạ xuống, cứ thế mãi... Cuối cùng, một người ném dây thừng lọng tròn vào người nó, đầu kia thì buộc vào một con ngựa để lôi cái xác chạy khắp các phố Oa-cô. Cái cây treo xác tên da đen lại ở ngay dưới cửa sổ nhà viên thị trưởng. Ông này thản nhiên nhìn đám đông hành hình. Trên suốt chặng đường, tất cả mọi người đều tham gia bám vằm tên da đen.

Nhiều người đập nó bằng xẻng, cuốc, gạch, gậy gộc. Khắp mình nó, từ đầu đến chân, chỗ nào cũng đầy thương tích. Hàng nghìn người cùng reo vui vang dội, khi ngọn lửa được châm lên... Một lúc sau, cái xác được kéo lên cao, để ai nấy đều có thể ngắm nhìn được, nên người ta vỗ tay như sấm dậy... » — báo *Cơ-rít-sít*, tháng 7 năm 1916.

NHỮNG NGƯỜI DA TRẮNG BỊ HÀNH HÌNH KIỂU LIN-SƠ

Chẳng cứ gì người da đen mà cả những người da trắng nào dám bênh vực người da đen cũng bị đối xử tàn nhẫn, như bà Ha-ri-ét Bi-chơ Stao, tác giả cuốn « *Cái lều của chú Tôm* » chẳng hạn. E-li-giát Lô-va-giôi bị giết. Giôn Bơ-rao bị treo cổ, Tô-mát Bít-sơ và Stê-phen Phô-stơ bị ngược đãi, bị đánh đập và bị bỏ tù. Trong nhà tù, Phô-stơ đã viết như sau: « Khi tôi nhìn tay chân tôi bị đánh nát như, tôi nghĩ rằng, để giam giữ tôi nhà tù sẽ chẳng còn cần thiết bao lâu nữa... 15 tháng vừa qua, nhà tù đã 4 lần mở cửa xà-lim đón tôi, đồng bào tôi đã 24 lần lôi tôi ra khỏi nhà thờ của họ, họ đã hai lần ném tôi từ tầng gác thứ hai xuống, một lần đánh tôi đến sụn lưng, một lần khác họ định cùm kẹp tôi, hai lần họ phạt tiền tôi. Có lần, 1 vạn người định đưa tôi ra hành hình kiểu Lin-sơ, và tôi đã bị đánh bị thương 20 chỗ, ở đầu, cánh tay, cổ... ».

Trong 30 năm, đã có 708 người da trắng, trong đó có 11 phụ nữ, bị hành hình kiểu Lin-sơ, người thì vì đã tổ chức bãi công, người thì vì đã đồng tình với cuộc đấu tranh của người da đen.

Hành hình kiều Lin-sơ thật đáng chiếm một vị trí vinh dự trong bộ sưu tập những tội ác của nền « văn minh » Mỹ.

In trong tạp chí *Thư tín quốc tế* (Correspondance internationale), số 59, 1924, tr. 628-629.

Ký tên : Nguyễn-Ái-Quốc.

In lần đầu tiên bằng tiếng Việt trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 134-141.

Dịch theo đúng bài in trong tạp chí *Thư tín quốc tế*.

THỐNG CHẾ LI-Ô-TÂY¹⁾ VÀ BẢN TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN

Thủ hiến xứ Ma-rốc cho bản đại hiến chương của giai cấp tư sản Pháp là có tính chất phá hoại và nguy hiểm

Hội Nhân quyền và Công dân quyền (từ năm 1924...) đã có cái chủ trương khờ dại là cho niêm yết tại các trường học và công sở xứ Ma-rốc thuộc Pháp bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền năm 1789. Thống chế Li-ô-tây — người có trọng trách giữ vững nhân quyền và công dân quyền tại Ma-rốc — đã cấm ngặt việc niêm yết bản tuyên ngôn quá nguy hại đó. Không may cho người Ma-rốc và may thay cho những người Pháp cách đây 135 năm, là vị thống chế vinh quang của chúng ta đã sinh ra khoảng 75 hay 80 năm sau cuộc đại Cách mạng; chứ không thì... Nhưng thôi, không đùa nữa, chúng ta hãy nói thẳng vào việc.

Trong bức thư của thống chế gửi cho Thủ tướng Nội các, thống chế cất nghĩa lệnh cấm đó như sau:

« Trong lúc này và trong nhiều năm về sau nữa, đối với dân bản xứ, nước Pháp có một nhiệm vụ

1) *Lyautéy*. (Tướng Pháp chỉ huy xâm lược Bắc Phi, do đàn áp dã man nhân dân Ma-rốc mà được phong thống chế).



Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đọc tham luận
tại Đại hội Quốc tế lần thứ V của Quốc
tế cộng sản, năm 1924.

trước nhất phải làm tròn là : dạy cho họ biết giữ bốn phận của mình. Chỉ khi nào họ hiểu bốn phận của họ thì mới có thể nói đến việc ban bố cho họ những quyền lợi mà hoàn cảnh xã hội và trình độ hiểu biết của họ có thể cho phép họ được hưởng.

« Trong lúc này, **không thể** ^{1*} đưa ra cho những kẻ mà chúng ta đang bảo hộ các quyền lợi được thi hành ở Pháp cho công dân Pháp, **nhất là** điểm : « Nguyên tắc chủ quyền là ở trong quốc dân, và luật pháp là biểu hiện của ý chí... »

« Vậy niềm yết những nguyên tắc đó ở các chỗ công cộng là rất **nguy hiểm**.

« **Bất đắc dĩ** lắm, ta chỉ có thể làm thỏa mãn được Hội Nhân quyền trong những trụ sở **chỉ riêng** có người Pháp lui tới mà thôi ; nhưng trên thực tế, ở Ma-rốc hiện không có những trụ sở như thế v.v.. »

Mặc cho Li-ô-tây cứ việc coi bản Tuyên ngôn đã đưa lại sự tự hào cho nền Cộng hòa của ông ta và vinh dự cho cha ông của ông ta, như một mảnh giấy lộn tồi tàn ; mặc cho ông ta cứ việc ngạo nghễ khinh thường một tổ chức có tiếng tăm của nền dân chủ tư sản và của những nguyên lý lớn thời Cách mạng 89-93, chúng ta cũng cóc c...ần và nhân dân Ma-rốc cũng vậy. Nhưng chúng ta phải nhắc lại cho những anh em xứ Ma-rốc chúng ta điều này :

Trong cuộc chiến tranh vì « công lý » — không phải công lý cho con Người và cho Công dân, mà công lý cho bọn Điều hâu và Cá mập — thì trong số 53.000 người Ma-rốc đã làm « bốn phận của họ »

1* Do tôi gạch dưới — N.A.Q.

(40.000 người làm lao động và 13.000 làm lính), có 10.000 đã làm tròn bốn phần mình đến nỗi đã bỏ xương trên các bãi chiến trường. Có những người Ma-rốc khác cũng đã làm « bốn phần » mình bằng cách cung cấp cho nước mẹ đang lâm chiến hàng vạn tấn hàng hóa, hàng trăm triệu phờ-răng trong các cuộc công trái bắt buộc, được gọi là công trái « Chiến thắng » và cho các cuộc lạc quyền bắt buộc, để giúp các vùng bị quân « bất-sơ¹⁾ dã man » xâm chiếm, đã làm trong thời kỳ 1914 — 1918 đúng những điều mà những người Pháp văn minh đã làm cách đây 20 năm ở Ma-rốc và hiện đang làm hàng ngày ở đó. Để đền đáp lại những bom đạn và những công ơn của Nước bảo hộ, nông dân Ma-rốc trong khoảng mười lăm năm đã phải « nhường lại » hàng chục vạn héc-ta ruộng đất tốt nhất của mình, còn mình thì lên núi và những cao nguyên trơ trụi để chết đói. Vì nền « thái bình thịnh trị của nước Pháp », họ đã phải đóng sưu thuế nặng nề cứ hàng năm lại tăng lên. Thuế má từ chỗ 109.449.000 phờ-răng hồi năm 1918, năm 1922 đã lên tới 171.953.000. Trong số mấy trăm triệu thuế do người Ma-rốc đã đổ mồ hôi ra đóng đó, thì 96.000.000, nghĩa là một phần ba, dùng để nuôi béo những người như Li-ô-tây và đồng bọn (chỉ riêng những khoản chi phí cho Phủ toàn quyền cũng đã lên tới 25.000.000 phờ-răng).

Thế là người Ma-rốc đã làm tròn « bốn phần » của mình, bốn phần người nô lệ. Nhưng để xứng đáng với quyền Con người và quyền Công dân, họ còn phải làm bốn phần của họ là những Con người

1) *Boches*. (Tiếng Pháp dùng để chỉ những gì thuộc về Đức).

và những Công dân nữa, nghĩa là phải tổ chức nhau lại và đấu tranh để giành lấy các quyền đó, như người Pháp từng làm hồi 1789 và như giai cấp vô sản cách mạng ngày nay đang làm. Bồn phận đó, những anh em chúng ta ở Ma-rốc chưa hiểu. Cho nên Li-ô-tây đã có lý để cho rằng rượu cồn, thuốc phiện và nhà thổ (những tiệm rượu và nhà thổ ở Ma-rốc cứ 5 năm lại tăng 280%) có giá trị « khai hóa » nhiều hơn và có ích cho sự nghiệp thực dân nhiều hơn là bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền nhặt nhẻo vậy.

In trong tạp chí *Thư tín quốc tế* (Correspondance internationale), số 71, năm 1924, tr. 783.

Ký tên: Nguyễn-Ái-Quốc.

In lần đầu tiên bằng tiếng Việt trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 157-160.

Theo đúng bài in trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*.

ĐẢNG KU-KLUX-KLAN

Nguồn gốc. — Ý kiến của nguyên lão nghị viện Séc-man (1871).—«Theo lối Mỹ 100 phần 100».— «Hoàng đế» Xim-môn. — Những vụ hành hình theo kiểu Lin-sơ hồi 1919. — Tại sao, đảng K. K. K. phải tiêu diệt.

Nguồn gốc đảng *Ku-Klux-Klan* là ở miền Nam nước Mỹ.

Tháng Năm 1866, sau chiến tranh Nam — Bắc¹⁾, một số thanh niên tụ tập nhau tại một địa phương nhỏ ở xứ Ten-nét-xơ để tổ chức một câu lạc bộ. Để giết thời giờ, thể thôi. Người ta đặt tên cho tổ chức đó là *Ku-klos*, một tiếng Hy-lạp nghĩa là câu lạc bộ. Muốn cho tiếng đó có vẻ Mỹ, người ta bèn đổi thành *Ku-klux*. Và cho độc đáo hơn, thành *Ku-Klux-Klan*.

1) *Guerre de Sécession*. Năm 1861, bọn chủ đồn điền nô lệ ở miền Nam nước Mỹ, mưu toan duy trì và mở rộng chế độ nô lệ, đã nổi dậy nhằm mục đích thiết lập một quốc gia nô lệ và tuyên bố miền Nam nước Mỹ là một quốc gia phân lập (tháng hai 1861). Cuộc nội chiến giữa miền Bắc và miền Nam bắt đầu diễn ra hồi tháng tư 1861, và kết thúc năm 1865 bằng cuộc thất bại của những chủ nô miền Nam và sự thắng lợi của miền Bắc.

Sau những cuộc đổi thay trong xã hội, tinh thần quần chúng dĩ nhiên là bị nao núng. Họ trở nên khao khát những cảm giác mới, thích những cái gì thần bí. Đảng K.K.K. với những lối ăn mặc lỗ lã, những nghi thức quái lạ, những sự bí ẩn bí mật, nhất định là phải kêu gọi được óc tò mò của những người miền Nam nước Mỹ và được quần chúng rất ưa chuộng.

Ban đầu, đó chỉ là một nhóm những kẻ thích đua đòi mới mẻ và những kẻ ăn không ngồi rồi, chứ chẳng có mục đích chính trị, xã hội gì. Bọn láu cá đã nhận thấy đó là một lực lượng có thể lợi dụng để đạt những tham vọng chính trị của chúng.

Chính phủ liên bang thắng lợi vừa giải phóng những người da đen và làm cho họ trở thành những người công dân. Nông nghiệp miền Nam, thiếu nhân công người da đen, nên không có người làm. Bọn địa chủ cũ lâm vào nguy cơ phá sản. Giữa khi đó thì những *đảng viên của Klan* tuyên bố nguyên tắc *quyền tối cao của giống người da trắng*. Chống người da đen, đó là chính sách duy nhất của họ. Giai cấp tư sản nông thôn và chủ nô thấy ngay đảng *Klan* là một trợ thủ đắc lực, hầu như là một cứu tinh. Nó liền hết sức giúp đỡ đảng đó. Biện pháp hành động của đảng *Klan* đi từ dọa nạt đến ám sát. Chúng đã gây ra — trong 3 năm trời — cơ man nào là tội ác và thảm họa đến nỗi nhiều người vẫn ủng hộ chúng, cũng phải khùng khiếp mà xa lìa chúng.

Vào khoảng năm 1869, đảng *Klan* — trước áp lực của dư luận công chúng — đã bị « Hoàng đế »

của nó giải tán — Đảng đó có một Hoàng đế, song ông ta chỉ có một uy quyền thuần túy về danh nghĩa mà thôi. Những đảng *Klan* ở các địa phương tiếp tục tồn tại và gây ra những tội ác. Giáo sư Mếch-lin người đã cung cấp cho chúng tôi những tài liệu này — nói rằng mỗi trang trong mười ba cuốn sách dày cộp điều tra về những hành động của đảng *Klan* hồi 1871-72, đều có ghi lại một vụ đánh đập người da đen hoặc người da trắng. Những việc tàn bạo đó, thường chỉ là do thói tàn bạo mà thôi. Đối với chúng, những hành động đó là một lối tiêu khiển thích thú.

Để biết rõ hơn, và phán đoán được đúng hơn về đảng *Klan*, thì không gì bằng là trích dẫn ngay bài diễn văn của nguyên lão nghị viện Séc-man, ở Ô-hi-ô đọc trước Thượng nghị viện hồi tháng ba 1871. Séc-man hỏi: « Liệu có một nghị viên nào có thể nêu ra cho tôi biết — sau khi lục lại những tội ác trong tất cả các thời đại — một hội nào hoặc một bè đảng nào mà lại có những hành động và những ý định tàn khốc hơn, hung ác hơn đảng *Ku-Klux-Klan* không? Đảng *Ku-Klux-Klan* là một hội kín; thành lập bằng cách tuyên thệ; đảng viên của nó đi ám sát, trộm cắp, cướp phá, hành hung, chửi bới, dọa nạt. Bọn chúng phạm những tội ác đó, không phải là đối với những kẻ mạnh và kẻ giàu, mà là đối với những người nghèo, những người yếu đuối, những người hiền lành, những người không có khả năng tự vệ! »

Tuy nhiên, đảng *Klan* cũng đã sống và « hoạt động » trong bốn chục năm trời, một cách không vẻ vang gì cho lắm.

Đảng Klan mới

Tháng mười 1915, trong tình hình mới của nước Mỹ, Uy-liam Giô-dép Xim-môn, « Hoàng đế » mới của đảng *Klan*, đã cùng với 34 người bạn phục hồi lại đảng K.K.K. Cương lĩnh của đảng đó là : theo lối Mỹ 100 phần 100, tức là chống công giáo, chống người da vàng, chống công nhân, chống người da đen.

Cần chú ý là sau cuộc chiến tranh Nam — Bắc và việc giải phóng người da đen, đảng *Ku-Klux-Klan* cũ đã ra đời với mục đích cản bước đường hoạt động xã hội của những người được giải phóng. Trong cuộc chiến tranh thế giới, Mỹ tuyển mộ vào lục quân và thủy quân của mình hàng trăm nghìn người da đen ; người ta hứa với họ là sẽ thực hiện những cải cách về mặt xã hội và chính trị ; sau khi đã cùng hy sinh như người da trắng, họ đã rụt rè yêu cầu được hưởng những quyền lợi như người da trắng. Tình hình đó cũng ngang như một phong trào « giải phóng lần thứ hai ». Thế là đảng *Klan mới* xuất hiện.

« Hoàng đế » Xim-môn cũng lại thành lập cái « vương quốc vô hình » ở miền Nam nước Mỹ — xứ sở của những tên chủ đồn điền lớn và những tên phản đối việc giải phóng nô lệ, quê hương của chế độ nô dịch và việc hành hình theo kiểu Lin-sơ, tổ quốc của đảng *Klan cũ*. Trả lời một người đến phỏng vấn, Uy-li-am Giô-dép Xim-môn đã nói về những mục đích của mình như sau : « Chúng tôi thấy rõ rằng phải bảo đảm quyền tối cao của giống người da trắng, phải tước những quyền tự trị đã ban bố cho bọn da đen. Ý trời muốn rằng giống

người da trắng phải cao hơn ; và lệnh trời đã định rằng người da đen sinh ra là để làm nô lệ ».

Ngay sau khi đảng *Klan* xuất hiện lại, thì chỉ riêng ở xứ Téch-xa-xơ người ta đã đếm được hơn 80 vụ đánh đập, trong một năm, và 96 vụ hành hình theo kiểu Lin-sơ.

Đảng *Klan* đặc biệt thịnh hành ở Giê-oóc-gi, Mít-xi-xi-pi, Téch-xa-xơ, A-la-ba-ma và Ấc-căng-da-xơ. Trong các xứ đó, có nhiều nạn nhân bị hành hình theo kiểu Lin-sơ nhất.

Năm 1919, đảng *Ku-Klux-Klan* đã thiêu sống : 4 người da đen ở Giê-oóc-gi, 2 ở Mít-xi-xi-pi, 1 ở Téch-xa-xơ.

Chúng đã hành hình : 22 người da đen ở Giê-oóc-gi, 12 ở Mít-xi-xi-pi, 10 ở Ấc-căng-da-xơ, 8 ở A-la-ba-ma, 3 ở Téch-xa-xơ.

Chúng đã xông vào và phá hủy các nhà tù để hành hình những người da đen bị giam ở đấy : 5 lần ở Giê-oóc-gi, 3 lần ở A-la-ba-ma, 3 lần ở Mít-xi-xi-pi, 3 lần ở Téch-xa-xơ, 2 lần ở Ấc-căng-da-xơ.

Chúng đã hành hình : 12 phụ nữ ở Mít-xi-xi-pi, 7 ở A-la-ba-ma, 6 ở Téch-xa-xơ, 5 ở Ấc-căng-da-xơ, 5 ở Giê-oóc-gi.

Chúng đã thiêu, treo cổ, chìm xuống nước cho chết hoặc bắn 9 cựu binh sĩ da đen.

Đảng *Klan* còn can phạm nhiều vụ hành hình theo kiểu Lin-sơ ở các xứ khác nữa, nhưng ở đây chúng tôi chỉ nêu những con số đã chắc chắn mà thôi.

Sự suy tàn của đảng *Ku-Klux-Klan*.

Đảng *Klan* nhất định phải bị tiêu diệt vì nhiều lẽ.

1. Trong chiến tranh, người da đen đã hiểu rằng họ là một lực lượng nếu họ đoàn kết lại; cho nên họ không để cho người khác tự do đánh đập, hoặc giết hại đồng bào của họ nữa. Họ chống lại mọi mưu toan hành hung của đảng Klan. Tháng bảy 1919, ở Hoa-thịnh-đốn, họ đã đương đầu với đảng Klan và đám đông cuồng loạn. Trong 4 ngày, cuộc chiến đấu sôi sục ở thủ đô. Tháng tám, họ đã đánh nhau trong 5 ngày với đảng Klan và đám đông ở Si-ca-gô. 7 trung đoàn đã được huy động để lập lại trật tự. Tháng chín, chính phủ đã buộc phải gửi quân đội liên bang đến O-ma-ha để chấm dứt một trận đánh nhau tương tự như thế. Tại các xứ khác, người da đen cũng đã tự vệ không kém phần cương quyết.

2. Cũng như đảng Klan trước kia, vì những hành động thái quá, nên đảng Klan mới đã vấp phải dư luận của công chúng đến nỗi những người ban đầu tán thành nó hoặc đi theo nó, nay cũng bắt đầu bỏ rơi nó. Những chuyện xô xát trong nội bộ những việc quá xấu xa đồi tệ và những vụ gian lận về tài chính cuối cùng đã làm cho những người bàng quan nhất và dễ dãi nhất cũng phải đau lòng. Thượng nghị viện đã buộc phải cho truy tố đảng Klan. Ngay cả báo chí tư sản — như tờ *Thế giới Nữu-uớc*¹⁾, tờ *Người bảo vệ thành Si-ca-gô*²⁾ v.v. cũng công kích chúng.

3. « Lối Mỹ 100/100 » và thái độ chống đối công nhân của chúng đã làm cho 20.000.000 giáo dân Mỹ, 3.000.000 người Do-thái, 20.000.000 ngoại kiều,

1) *New-York world.*

2) *Chicago Defender.*

12.000.000 da đen, tất cả những người Mỹ biết điều và toàn bộ giai cấp công nhân Mỹ tập hợp lại phản đối chúng.

Tại Đại hội liên hiệp người da đen, vừa qua, người ta đã thông qua bản kiến nghị sau đây :

« Chúng tôi tuyên bố rằng đảng *Ku-Klux-Klan* là kẻ thù của loài người ; chúng tôi tuyên bố quyết định đấu tranh với đảng đó đến cùng và kè vai sát cánh với tất cả những người lao động nước ngoài ở Mỹ cũng như với tất cả những người bị đảng đó hành hạ. »

Mặt khác, việc di cư của người da đen miền Nam nông nghiệp lên miền Bắc công nghiệp đã buộc những tên chủ đồn điền — bị nguy cơ phá sản vì thiếu nhân công — phải nói tay trong quan hệ đối xử với những người lao động da đen, và do đó, ngày càng phải luôn luôn lên án những phương pháp và những sự bạo ngược của tay sai của chúng là đảng *Klan*.

4. Sau hết đảng *Ku-Klux-Klan* mang tất cả những cái xấu của các tổ chức bảo thủ phản động, bí mật, mà lại không có được những cái hay của các tổ chức đó. Đảng đó có tính chất thần bí của hội *Phơ-răng Ma-xon-nơ-ri*¹⁾ có những nghi thức

1) *Franc-Maçonnerie* : một thứ hội kín, một thời gian được phổ biến khắp thế giới. Ban đầu là một tổ chức của những thợ nề, thành lập hồi thế kỷ VIII, đi xây dựng các nhà thờ và các lâu đài khác trong nhiều nước ở châu Âu. Hội có tính chất bí truyền nghề nghiệp và tương trợ. Sau mất tính chất nghề nghiệp, cả những người không phải thợ nề cũng vào, và cũng có cả những hoạt động chính trị. Tuy nhiên họ vẫn giữ tính chất bí mật, tương trợ, và vẫn mang những biểu hiện dụng cụ nhà nghề như áo choàng, ê-ke, v.v..

kỳ dị của công giáo, có cái tàn bạo của chủ nghĩa phát xít có tính chất bất hợp pháp của 568 hiệp hội khác nhau; nhưng nó chẳng có học thuyết, chẳng có cương lĩnh, sức sống và kỷ luật gì.

In trong tạp chí *Thu tín quốc tế* (Correspondance internationale), số 74, năm 1924, tr. 827-828.

In lần đầu tiên bằng tiếng Việt trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 166-172.

Theo đúng bài in trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*.

LÊ-NIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Lê-nin đã đặt cơ sở cho một kỷ nguyên cách mạng mới và triệt để trong các nước thuộc địa.

Lê-nin là người đầu tiên đã kiên quyết chỉ trích mọi thành kiến về vấn đề này còn âm ỷ trong đầu óc của nhiều nhà cách mạng châu Âu và châu Mỹ.

Mọi người đều đã biết rõ những luận cương của Quốc tế cộng sản về vấn đề thuộc địa. Trong tất cả các cuộc hội nghị của Quốc tế cộng sản, của Liên hiệp công đoàn thế giới và Thanh niên cộng sản quốc tế, vấn đề về các nước thuộc địa đã được nêu lên hàng đầu. Lê-nin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Đồng chí là người đầu tiên đã chỉ rõ rằng nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được.

Lê-nin đã tìm ra những phương pháp cần thiết để tiến hành có kết quả công tác trong các nước thuộc địa và đã nhấn mạnh là cần phải vận dụng phong trào cách mạng dân tộc ở những nước này.

Các đại biểu ở các nước thuộc địa tham dự các hội nghị của Quốc tế cộng sản, vẫn còn nhớ mãi những sự chú ý của đồng chí lãnh tụ Lê-nin tới các nước thuộc địa và bằng cách nào mà Người có thể

đi sâu được vào những điều kiện công tác phức tạp nhất và thuần túy có tính chất địa phương. Mỗi người chúng ta đều có đủ lý do để tin tưởng rằng những điều nhận xét của Người là đúng và những lời giáo huấn của Người quý giá đến mức nào. Với phương pháp khôn khéo của mình, Lê-nin đã lay động được quần chúng nhân dân im lìm và lạc hậu nhất trong các nước thuộc địa. Sách lược của Lê-nin về vấn đề này đã được các Đảng cộng sản trên toàn thế giới áp dụng và đang lôi cuốn được tất cả những phần tử ưu tú và tích cực ở các nước thuộc địa vào phong trào cộng sản.

Việc Lê-nin giải quyết vấn đề dân tộc phức tạp nhất ở nước Nga xô-viết là một thứ vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ cho các nước thuộc địa.

Trong đời sống đau khổ và bất bình đẳng của mình, nhân dân các nước thuộc địa tìm thấy ở Lê-nin một người sáng tạo ra cuộc đời mới, một ngọn hải đăng soi đường cho toàn thể nhân loại bị áp bức đi tới giải phóng.

In bằng tiếng Nga trong *Tạp chí đỏ* (Красный журнал) số 2, năm 1925.

Ký tên: Nguyễn-Ái-Quốc,
(bằng chữ Hán).

In lần đầu tiên bằng tiếng Việt trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, tr. 181-182.

Theo đúng bài in trong sách *Lên án chủ nghĩa thực dân*.

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP ¹⁵

Viết bằng tiếng Pháp.
In lần đầu tiên tại Pa-ri
(Pháp), năm 1925.

Ký tên: Nguyễn-Ái-Quốc.
Nhà xuất bản Sự thật, Hà-
nội xuất bản lần đầu tiên
bằng tiếng Việt năm 1960.

Dịch theo đúng bản
in lần đầu tiên.

Nguyễn-Aĩ-Quốc

محاكمة الاستعمار الإفريقي
法蘭西殖民之審判

LE PROCÈS
de la
Colonisation Française

- Première Série -

Mœurs Coloniales

LIBRAIRIE DU TRAVAIL. Quai de Jemmapes, 96 - PARIS

Bìa cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*,
bản tiếng Pháp in lần đầu tiên tại Pa-ri,
năm 1925.

Chương I

THUẾ MÁU

I — CHIẾN TRANH VÀ « NGƯỜI BẮN XÚ »

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen hèn hạ, những tên « An-nam-mít » hèn hạ, giới lâm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đón của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa « con yêu », những người « bạn hiền » của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Dùng một cái, họ (những người bắn xú) được phong cho cái danh hiệu tối cao là « chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do ». Nhưng họ đã phải trả bằng một giá khá đắt cái vinh dự ngọt ngào ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bắn xú, sau khi được mời chứng kiến cảnh kỳ diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài quý quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Ban-căng, lúc chết

còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, — chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy ? Một số khác nữa thì đã anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ, hoặc trong bãi lầy miền Săm-pa-nhơ, để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn « Bô-sơ », nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khắc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì đã hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.

II — CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi : dân lao khổ bản xứ ở Đông-dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khóa, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ 1915-1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cơ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông-dương. Những người

bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên : lính khổ đở, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v..

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu « vật liệu biết nói » châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ « vật liệu biết nói » đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là « chế độ lính tình nguyện » (danh từ mĩa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ những lạm hết sức trắng trợn.

Đây ! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này : vị « chúa tỉnh » — mỗi viên công sứ ở Đông-dương quả là một vị « chúa tỉnh » — ra lệnh cho bốn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu Đ¹⁾ thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cầm họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường : « đi lính tình nguyện, hoặc xi tiền ra ».

1) *Le Système D.* (D. là chữ đầu của từ débrouillard (đề-bơ-rui-a) có nghĩa là xoay xở, tháo vát).

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt loét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.



Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông-dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh « cho Tổ quốc », đã trình trọng tuyên bố rằng :

« Các bạn đã *tấp nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao triu mến để người thì hiến xương máu của mình như lính khố đỏ, kẻ thì hiến dăng cánh tay lao động của mình như lính thợ ».

Nếu quả thật người Việt-nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lý, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài-gòn, có lính Pháp canh gác, lưới lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn ? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao-miên, những vụ bạo động ở Sài-gòn, ở Biên-hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sôi sảng đầu quân « *tấp nập* » và « *không ngần ngại* » ?

Những vụ trốn đi lính và đào ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không gớm tay và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị chìm trong biển máu.

Bản bố cáo của phủ toàn quyền còn cần thận nhắc thêm rằng, tất nhiên muốn xứng đáng với « lòng tốt rõ rệt » và « độ lượng lớn lao » của chính phủ thì « các anh (binh lính Đông-dương) cần phải cư xử đúng đắn và không được làm một điều gì cho người ta phải phàn nàn cả. »

Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông-dương còn có một lối đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể nào tẩy xóa được bằng một dung dịch ni-tơ-rát bạc.

Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khốn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác: nào là bọn đeo lon chuyên nghiệp may mắn vớ được công việc tuyển mộ và quản lý lính mới bản xứ mà lánh xa được càng lâu càng tốt những cuộc giao chiến nguy hiểm ở châu Âu; nào là bọn chủ thầu lương thực làm giàu vùn vụt bằng cách bỏ đói những lính mộ khốn khổ; nào là bọn độc quyền tiếp liệu thông đồng với bọn quan chức để gian lậu, đầu cơ.

Về chuyện này, cần nói thêm là còn một loại chế độ tình nguyện khác nữa: tình nguyện mua công trái. Biện pháp tiến hành thì cũng như thế. Ai có máu mặt là phải bỏ tiền ra. Kẻ nào khó bảo thì người ta dùng cách dụ dỗ và cưỡng bách đến phải mua mới thôi.

Phần đông những người mua công trái ở Đông-dương không hiểu gì về thể thức tài chính cả; họ coi việc mua công trái cũng như đóng một thứ thuế mới và coi các phiếu công trái không khác gì những biên lai nộp thuế.



Bây giờ thử xem chế độ mộ lính tình nguyện đã được tổ chức ở các thuộc địa khác như thế nào.

Lấy Tây Phi làm thí dụ :

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội kéo quân đến từng làng bắt bọn hào mục phải nộp *ngay lập tức* đầy đủ số người chúng muốn tuyển mộ. Đề buộc những thanh niên Xê-nê-gan bỏ trốn phải ra nhận đội mũ lính, chẳng phải một viên chỉ huy đã tra tấn, hành hạ các thân nhân của họ, và cho rằng làm như thế là tài giỏi đó sao ? Chính hắn đã bắt các ông bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Những nạn nhân khốn khổ đó mình trần như nhộng, tay trói cánh khuỷu buộc phải chạy khắp các thôn xã dưới làn roi vọt, để « nêu gương » ! Một người đàn bà công con phải van xin mãi mới được cởi trói một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy, hai cụ già đã ngã chết ngất đi ; nhiều em gái khiếp sợ trước những hành vi bạo ngược đó, đã hành kinh trước tuổi ; một người đàn bà trụy thai, một chị khác đẻ một đứa con mù.



Có rất nhiều thủ đoạn bắt lính.

Thủ đoạn sau đây đã tỏ ra nhanh và tiện nhất :

Lấy dây chằng ngang đầu con đường chính trong làng lại. Thế là tất cả những người da đen ở vào giữa đều coi như chính thức phải tòng quân.

Một nhân chứng đã viết cho chúng tôi như sau :
« Giữa trưa ngày 3 tháng 3 năm 1923, bọn hiến binh vây ráp các bến cảng Ruy-phi-xơ và Đa-ca ¹⁾, rồi tóm tất cả những người bản xứ làm việc ở đó. Những anh chàng này vì không tỏ vẻ sốt sắng đi bảo vệ văn minh ngay, nên người ta rước họ lên ô tô cam nhông mời về nhà lao. Ở đấy, sau khi họ có đủ thì giờ để thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ sang trại lính.

« Ở trại lính, sau những nghi lễ biếu dương tinh thần yêu nước, 29 lính tình nguyện được tuyên dương có thể trở nên anh hùng của cuộc chiến tranh cuối cùng nay mai... Bây giờ thì tất cả đều nóng lòng muốn lấy lại miền Ruya cho nước mẹ.

« Nhưng theo lời tướng Măng-gianh, người hiểu rõ họ nhất, thì đó chỉ là những đội quân « để đem nướng trước mùa đông ».

Chúng tôi hiện có trong tay bức thư của một người Đa-hô-mây, vốn là cựu binh, đã từng làm « nghĩa vụ » trong cuộc chiến tranh « vì công lý ». Một vài đoạn trích trong bức thư sẽ vạch rõ cho các bạn thấy người « Ba-tu-a-la » ²⁾ đã được bảo vệ như thế nào và các quan cai trị thuộc địa nhà ta đã nặn ra lòng trung thành của người bản xứ như

1) *Rufisque et Dakar*. (Tên những hải cảng của nước Xê-nê-gan).

2) *Batouala*. (Tên một bộ lạc ở vùng xích đạo châu Phi).

thế nào để tô điểm cho tất cả những bài diễn văn của các nhà cầm quyền và làm đề tài cho tất cả những bài báo của bọn Rê-gi-xmăng-xê và Hô-de¹⁾ thuộc đủ cỡ.

Bức thư viết : « Năm 1915, khi ông M. Nu-phơ-la, thống đốc Đa-hô-mây, ra lệnh bắt lính, thì làng tôi bị bọn cảnh sát cùng lính cơ cướp phá và đốt sạch. Tất cả tài sản của tôi đều bị mất hết trong các cuộc đốt phá đó. Tuy thế, tôi vẫn bị cưỡng bách nhập ngũ, và mặc dầu là nạn nhân của việc xúc phạm bí ối đó, tôi đã làm nghĩa vụ của tôi ở mặt trận bên Pháp. Tôi bị thương ở trận E-xnơ.

« Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước, nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả.

Người ta đã cướp của tôi :

1.000 phơ-răng tiền mặt ;

12 con lợn ;

15 con cừu ;

10 con dê ;

60 con gà ;

8 tấm vải quần mình ;

5 áo mặc ngoài ;

10 quần ;

7 mũ ;

1 dây chuyền bằng bạc ;

2 hòm đồ vật.

Đây là tên những bạn cùng ở một xóm đã bị cưỡng bách nhập ngũ cùng ngày với tôi, và nhà cửa cũng đã bị cướp phá và đốt sạch. (Ghi tiếp theo tên bảy người).

1) *Régismanset et Hauser*. (Tên những người viết báo tay sai, có nghĩa như những tên bồi bút).

« Còn nhiều nạn nhân nữa của những chiến công kiêu ấy của ngài thống đốc Nu-phơ-la, nhưng tôi không biết rõ tên những người đó để gửi cho các anh hôm nay... ».

Chắc bọn « Êô-sơ » của vua Ghi-ôm cũng không làm được hơn thế.

III — KẾT QUẢ CỦA SỰ HY SINH

Khi đại bác đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tử của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dung im bật như có phép lạ, và cả người « Nê-gơ-rô »¹⁾ lẫn người « An-nam-mít » mặc nhiên trở lại « giống người hèn hạ ».

Đề ghi nhớ công lao người lính Việt-nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ v.v., trước khi đưa họ đến Mác-xây xuống tàu về nước đó sao ? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao ? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao ? Về đến xứ xở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước đó sao ! : « Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi ! ».

Thế là những « cựu binh » — đúng hơn là cái xác còn lại — sau khi đã dưng cảm bảo vệ chính nghĩa

1) *Négro*. (Danh từ chỉ người da đen).

và công lý nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.

Theo báo chí Đông-dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ của tử sĩ người Pháp đều được cấp môn bài bán lẻ thuốc phiện.

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm tới hai tội ác đối với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thỏa khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn nữa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp. đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quảng cho những người này khúc xương thối ấy là đủ để đền bù được một cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhả vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

Theo tục lệ Việt-nam, khi trong làng có người chết thì những người xay lúa, giã gạo phải tỏ lòng kính trọng vong linh người chết và thông cảm nỗi đau buồn của tang gia bằng cách im lặng không hò hát trong khi xay giã như họ vẫn thường làm.

Nhưng nền văn minh hiện đại được đưa vào nước chúng tôi bằng bạo lực có cần gì phải tế nhị đến như thế. Xin đọc câu chuyện sau đây đăng trên một tờ báo ở Nam-kỳ :

NHỮNG NGÀY HỘI Ở BIÊN HÒA

« Đề lấy tiền bỏ vào quỹ xây dựng đài kỷ niệm người Việt trận vong của tỉnh Biên-hòa, ban tổ chức ngày hội đang tích cực chuẩn bị một chương trình tuyệt diệu.

« Người ta bàn tán sẽ có nào là yến tiệc giữa vườn theo kiểu Anh¹⁾, nào là chợ phiên, nào là khiêu vũ ngoài trời, v.v., tóm lại, sẽ có nhiều và đủ thứ trò chơi để ai ai cũng có thể góp phần làm việc nghĩa một cách thú vị nhất đời.

« Quý ông phi công ở sân bay Biên-hòa có nhă ý sẽ góp phần vào cuộc vui, và ngay từ bây giờ ban tổ chức đã có thể khẳng định rằng sự có mặt của các quan chức cao cấp nhất ở Sài-gòn sẽ làm cho ngày hội thêm phần rực rỡ.

« Xin tin thêm cho các bạn nam, nữ ở Sài-gòn lên dự hội biết rằng, các bạn sẽ không cần phải bỏ dở cuộc vui để về nhà dùng cơm, vì ngay tại chỗ, sẽ có phòng ăn tổ chức cực kỳ chu đáo và đặc biệt đầy đủ, các bạn sành ăn uống nhất cũng sẽ được hài lòng.

« Ngày 21 tháng 1 tới, tất cả chúng ta hãy đi Biên-hòa, chúng ta sẽ vừa được dự những hội hè linh đình, vui tươi, vừa được dịp tỏ cho những gia đình tử sĩ Việt-nam ở Biên-hòa thấy rằng chúng ta biết tưởng nhớ đến sự hy sinh của con em họ »

1) Garden-party.

Thật là thời đại khác, phong tục khác.

Nhưng phong tục kỳ quái làm sao !

Người ta còn cho chúng tôi xem bức thư sau đây nữa :

Sài-gòn, ngày...

«...Nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lỗ bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và phi nghĩa phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của « công lý » và « chính nghĩa ». Ấy thế mà ở bên này chúng tôi đã làm như thế đấy. Tôi tưởng không cần thuật lại cho anh nghe về những hội hè và « trò vui công cộng » trong thành phố này ngày 11 tháng 11 làm gì. Ở đâu và bao giờ cũng thế thôi, rước đèn, đốt pháo bông, duyệt binh, khiêu vũ ở dinh thống đốc, đua xe hoa, mở lạc quyền vì nước, quảng cáo, diễn văn, tiệc tùng, v.v... Trong tất cả những trò hề đó, tôi chỉ còn nhớ lại một việc đáng chú ý về phương diện tâm lý như sau : cũng như công chúng ở tất cả các nước, công chúng Sài-gòn rất thích xi-nê. Vì thế, một đám người dày đặc đã tụ tập trước khách sạn Pa-la-xơ để xem phim, nào hề Sác-lô, nào bọn cao bồi, nào những người « linh quang vinh » lần lượt diễn trên màn ảnh. Công chúng tràn ngập cả đại lộ, đứng chật cả mặt đường và hè phố. Lúc bấy giờ ông chủ khách sạn Sài-gòn — Pa-la-xơ không muốn cho người ta đứng đông trên vỉa hè trước cửa tiệm của ông ta, ông ta liền vung roi mây quất túi bụi. Bà chủ cũng ra giúp một tay và đánh bừa vào đám đông. Mấy chú trẻ ranh mãnh không biết làm thế nào mà lại « cướp » được ngọn roi của bà, làm cho mọi người vỗ tay cười ầm lên. Ông chủ điên tiết chạy

lại tiếp viện cho bà chủ. Lần này, ông cầm một cái ba toong và hùng dũng phang tới tấp xuống đầu người ta, cứ mỗi tay này thì đổi tay khác. Những người « nhà quê » phải chạy dồn xuống đường; nhưng vì say sưa với « chiến thắng » của mình, ông người Pháp quý hóa ấy liền hùng hổ vượt qua đường và cứ tiếp tục vụt túi bụi cái gậy to tướng xuống đầu, xuống vai, xuống lưng những người dân bản xứ đáng thương ấy. Một em bé bị ông tóm lấy và « đả » cho một trận nên thân »...

IV — HÀNH VI QUÂN PHIỆT TIẾP DIỄN

Bước chân đến Ca-da-bơ-lăng-ca¹⁾, thống chế Ly-ô-tây gửi cho binh sĩ của đạo quân chiếm đóng Ma-rốc một bản nhật lệnh như sau :

« Bản chức có vinh dự được chính phủ nước Pháp cộng hòa phong quân hàm cao nhất là nhờ, trong chín năm nay, các người đã hiến dâng lòng trung thành và *máu xương của các người* mà không hề tính toán.

« Chúng ta sắp mở một chiến dịch để hoàn thành công cuộc bình định xứ Ma-rốc, vì *lợi ích chung của dân chúng trung thực trên đất nước này*, cũng như vì lợi ích của dân tộc bảo hộ v.v... »

Nhưng, cũng trong ngày ấy (ngày 14 tháng 4), lại có bản thông cáo sau đây :

« Trong một cuộc giao chiến với bọn Bơ-ni Bu-de²⁾ ở Báp-en Hác-be, bên ta đã có 29 binh sĩ hy sinh và 11 bị thương ».

1) Casablanca. (Hải cảng lớn của nước Ma-rốc).

2) Beni-Bouzert. (Quân khởi nghĩa do Áp-đen Cơ-rim, lãnh tụ phong trào chống Pháp của Ma-rốc, lãnh đạo).

Khi người ta nhớ rằng đã phải tổn xương máu của một triệu rưỡi người lao động mới tạo nên được sáu chiếc gậy thống chế, thì cái chết của 29 kẻ khốn khổ chưa đủ để hoan hô bài diễn văn hùng hồn của ngài thống chế — khâm sứ ! Nhưng như vậy thì cái quyền dân tộc tự quyết, mà vì nó trong suốt bốn năm trời, người ta đã chém giết lẫn nhau, cái quyền ấy, các ngài để đâu mất rồi ? Thật là một cách khai hóa kỳ khôi : để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đã !



Ở đây (Hải-phòng), cũng có những cuộc bãi công của thủy thủ. Chẳng hạn như hôm thứ năm (ngày 15 tháng 8) là ngày mà hai chiếc tàu phải nhô neo để chở một số lớn lính khố đỏ Việt-nam đi Xy-ri.

Nhưng thủy thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông-dương. Theo giá thị trường, thì một đồng Đông-dương ăn 10 phơ-răng chứ không phải 2 phơ-răng 50, thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hà lạm trắng trợn là định trả lương cho thủy thủ bằng phơ-răng chứ không trả bằng tiền Đông-dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thủy thủ.

Rõ ràng là thủy thủ Hoàng-hải chẳng có gì phải so bì với thủy thủ Hắc-hải.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính Việt-nam sang Xy-ri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu số của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc « chiến tranh vì văn minh và công lý », vẫn còn chưa đủ hay sao ?



Các ngài chiến thắng quang vinh của chúng ta thường quen thói « giáo dục » người bản xứ bằng đá dít hoặc roi vọt.

Anh Na-hông đáng thương hại đã bị ám sát đến hai lần. Lần thứ nhất bởi tay tên đại úy Vi-da, lần thứ hai bởi tay tên lang băm đóng lon quân nhân coi việc phẫu nghiệm xác chết. Tên này đã đánh cắp và giấu biệt bộ óc người chết để phi tang, đặt cứu hung thủ là bạn của hắn. Nhưng than ôi ! Anh Na-hông không phải là nạn nhân duy nhất của bọn quân phiệt thuộc địa ! Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở thuộc địa đã thuật chuyện một nạn nhân khác như sau :

« Lần này, sự việc xảy ra trong trung đoàn lính khổ đỏ thứ 5 ở Me-dông — Ca-rê¹⁾. Nạn nhân là một người lính trẻ tuổi tên là Te-ri-ê quê ở Tê-nét²⁾ thuộc lớp quân dịch năm 1921.

1) *Maison — Carée*. (Một thị xã thuộc tỉnh An-giê ở An-giê-ri).

2) *Ténès*. (Hải cảng của An-giê-ri).

« Anh chết trong trường hợp rất thương tâm. Ngày 5 tháng 8, anh lính trẻ Te-ri-ê đến bệnh xá của trung đoàn để xin thuốc tây. Người ta đưa thuốc tây cho anh, nói đúng hơn là đưa cho anh một thứ thuốc mà anh tưởng là thuốc tây. Anh uống và vài giờ sau anh đau bụng quằn quại, rồi lảo đảo ra chết.

« Cụ thân sinh ra Te-ri-ê nhận được một bức điện báo tin rằng người con độc nhất của cụ đã chết và sáng hôm sau, chủ nhật, sẽ đưa đám. Bức điện không có đến nửa lời an ủi hay giải thích.

« Đau xót đến cực độ, cụ Te-ri-ê đến ngay An-giê, tìm trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Me-dông — Ca-rê. Ở đây cụ được biết xác con đang để ở bệnh viện May-dô. (Mà làm sao xác Te-ri-ê lại chở đến đây được nhỉ? Phải chăng để tránh việc khám nghiệm mà luật lệ đã quy định là bắt buộc đối với mọi trường hợp chết ở trạm y tế, người ta đã chở xác anh ta đến bệnh viện làm ra vẻ như bệnh nhân đã chết ở dọc đường?).

« Đến bệnh viện, người cha đau khổ xin thăm xác con; người ta bảo hãy chờ đã.

« Mãi sau, một quan tư thầy thuốc mới đến báo cho ông biết là việc phẫu nghiệm không phát hiện dấu vết gì khả nghi cả. Nói xong, hấn bỏ mặc cụ đứng đó, không cho phép cụ vào thăm xác con.

« Theo tin cuối cùng thì hình như cụ thân sinh ra Te-ri-ê đã đến hỏi viên đại tá chỉ huy trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 về nguyên do cái chết của Te-ri-ê và đã được trả lời là con ông chết vì ngộ độc!»

*Chương II***VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ**

Cứ theo lời ngài Xa-rô quý mến, đảng viên Đảng Cấp tiến, nguyên Bộ trưởng Bộ thuộc địa, thì ngài là người cha hiền của dân bản xứ, ngài rất quý mến người Việt-nam và được người Việt-nam quý mến lại.

Đề nhồi nhét văn minh « Đại Pháp » cho người Việt-nam, ngài Xa-rô, người trùm của sự nghiệp đó đã không từ một thủ đoạn nào, kể cả những thủ đoạn bỉ ổi nhất và những tội ác. Đây, một chứng cớ : đó là bức thư mà ngài đã gửi cho những người thuộc quyền ngài, với tư cách là toàn quyền Đông-dương và nhằm vơ vét cho đầy túi tham của bọn kẻ cướp thực dân của ngài nữa :

« Kính gửi ông công sứ,

« Tôi trân trọng yêu cầu ông vui lòng giúp đỡ những cố gắng của Nha thương chính trong việc đặt thêm đại lý bán lẻ thuốc phiện và rượu, theo chỉ thị của ông tổng giám đốc Nha thương chính Đông-dương.

« Đề tiến hành việc đó, tôi xin gửi ông một bản danh sách những đại lý cần đặt trong các xã đã kê tên ; phần lớn các xã này, tới nay, vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện.

« Qua các tỉnh trưởng và các xã trưởng Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng to tát của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi.

« Về phần chúng tôi, thì những viên chức lưu động trong khi đi công tác sẽ tìm cách đặt đại lý,

trừ phi ông muốn họ đợi ông tranh thủ được sự giúp đỡ của các quan chức địa phương trước đã. Trong trường hợp này, tôi đề nghị ông vui lòng báo cáo cho tôi biết.

« Chúng ta chỉ có thể đạt kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta hợp đồng với nhau chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối cao của dân tộc ».

« Ký tên : An-be Xa-rô »

Lúc ấy, cứ 1.000 làng thì có đến 1.500 đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số 1.000 làng đó lại chỉ có vắn vắn 10 trường học. Trước khi có bức thư quý hóa trên, hàng năm người ta cũng đã tống từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ con.

*

* *

« Nói đến các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông-dương như một con nai béo mập bị trói chặt và đương hấp hối dưới những cái mỏ quặp của một bầy diều hâu rĩa rói mãi không thấy no ».

Trong số người có cổ phần trong công ty độc quyền rượu, có các nhân vật cao quý nhất ở Đông-dương và tất cả các ngành cai trị đều có đại diện tai to mặt lớn trong ấy. Phần đông các quan lớn này đều rất có ích cho công ty, không ai chối cãi được :

Ngành tư pháp, có ích để giải quyết những vụ lôi thôi với những kẻ mà người ta muốn cưỡng bức, có :

2 chương lý ;

1 biện lý ;

1 lục sự — chương khế.

Ngành quân đội, có ích để đàn áp một cuộc nổi loạn mà người ta tính là có thể xảy ra do chỉ riêng cái việc thi hành chế độ độc quyền béo bở, có :

1 thiếu tướng ;

1 trung tá ;

2 quân y sĩ cao cấp ;

1 thiếu tá ;

2 đại úy.

Ngành hành chính và sự ân cần vô tư là điều đảm bảo nhất cho việc kinh doanh thành công, thì có :

1 công sứ ;

1 giám đốc tài chính ;

1 tổng giám đốc ngân khố ;

1 thanh tra bưu chính ;

1 giám đốc trước bạ ;

1 quan cai trị ;

2 giáo sư, v.v..

Và cuối cùng là : ngài Cơ-lê-măng-ten đáng kính, nghị viên hạt Puy-đơ — Đôm.

*

* *

Trong hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mác-xây¹⁶, ông Xa-rô lớn tiếng ba hoa : « Nước Pháp hãy nhìn vào đây và lấy đó làm tự hào ! ». Mà quả thế thật. Những anh lạc đà Tuy-ni-di thản nhiên đứng ngáp bên cạnh mấy chú cá sấu oai vệ của Tây Phi

và những anh chàng cá sấu¹⁾ đáng yêu của Ma-da-ga-xca chuyện trò thân mật với các ả bò cái mỹ miều của Đông-dương. Chưa bao giờ lại có một sự hòa hợp tuyệt diệu đến thế, và trước sự xâm nhập hòa bình của các loài thú thuộc địa, chị cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ nở nụ cười duyên dáng của một bà chủ nhà mến khách.

Người đi xem nhìn một cách rất thích thú chiếc trường kỷ lịch sử của một vị toàn quyền nọ, thanh gươm của viên công sứ Đắc-lơ từng dùng để đâm vào đùi tù nhân Bắc-kỳ và cây đuốc mà viên quan cai trị Bơ-ruy-e đã dùng để thui sống hơn 200 thổ dân Hu-át-xa.

Gian hàng Ca-mơ-run được đặc biệt chú ý. Ở đây có tấm bảng đề mấy dòng chữ yêu nước sau đây:

« Trước kia người Đức nhập vào xứ Ca-mơ-run rất nhiều rượu.

« Ngày nay người Pháp lại cấm rượu ».

Nhưng, một bàn tay ranh mãnh nào đó đã dán ngay vào dưới tấm bảng bức thư của ngài Xa-rô chỉ thị cho người thuộc quyền ngài tăng số đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện ở các làng Việt-nam, kèm theo lời phê:

« Thế mà người Việt-nam lại đã có: những 10 trường học, 1.500 đại lý bán rượu và thuốc phiện cho 1.000 làng kia đấy ! ».

*
* *

1) Tác giả dùng chữ *crocodile*, *caïman*, chúng tôi tạm dịch là cá sấu cả.

Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa của một viên chức đứng đầu tỉnh Sơn-tây, một tỉnh ở Bắc-kỳ.

Số dân tỉnh này ước tính chỉ độ 200.000 người. Nhưng để nâng số lượng rượu phải tiêu thụ lên, số dân ấy bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp tới 230.000 người. Nhưng vì 230.000 dân này uống quá ít, viên công sứ Sơn-tây đã ra công một năm đầy số lượng rượu tiêu thụ lên 560.000 lít.

Ngay lập tức, viên công sứ được thăng cấp và được khen.

Ông đờ C... khẳng định rằng một viên công sứ khác đã đưa ông xem một bức thư của cấp trên, trong đó có đoạn viết: « Số rượu tiêu thụ trong phủ X. đã tụt xuống dưới con số Z. cho mỗi dân đinh. Vậy ông có nghĩ rằng cần phải có biện pháp làm gương không? ». Viên công sứ bị cảnh cáo gián tiếp như thế bèn đòi tổng lý trong phủ ấy đến hiểu thị rằng sở dĩ họ tiêu thụ ít rượu đến như thế là vì họ nấu rượu lậu. Đề được yên chuyện, các làng liền mua ngay số rượu quy định chiều theo dân số mà sự tính toán của các phòng giấy bắt họ phải chịu.

Rõ ràng là người ta đã ấn định trên thực tế — nếu không phải bằng cách hợp pháp — mức rượu mà mỗi người bản xứ buộc phải uống hàng năm. Và khi nói *mỗi người bản xứ* thì cũng đừng tưởng đó chỉ là người đứng tuổi, mà là *toàn bộ dân số*, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em cả đến đứa còn bú mẹ. Như thế là buộc thân nhân của họ phải đóng thay, không phải chỉ một lít mà hai, ba lít.

Dân một làng Bắc-kỳ, buộc phải uống rượu, thấy trước nguy cơ đe dọa ấy, đã kêu với viên quan người Pháp « của họ » rằng:

« Ngay đến cái ăn, chúng tôi cũng không có gì cả ». Quan đáp: « Chúng mày quen ngày ba bữa, bây giờ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rượu để có thể mua rượu của Nhà nước ».

Trước đây, người bản xứ quen mua rượu từng ít một; họ mang chai lọ thế nào cho vừa thì thôi. Nay thì người ta đóng rượu vào chai sẵn. Rượu chỉ bán trong chai nửa lít hay một lít. Người Việt-nam quen dùng rượu từ 20 đến 22 độ; ngày nay người ta bắt họ dùng rượu từ 40 đến 45 độ. Họ quen dùng loại rượu có mùi vị thơm dịu do chất lượng của những nguyên liệu mà họ vẫn dùng; trong số nguyên liệu này có thứ gạo thuộc vào loại ngon nhất. Còn thứ rượu mà nay người ta buộc họ phải uống lại cất bằng thứ gạo rẻ tiền, pha thêm chất hóa học, có mùi vị nồng nặc khó chịu.

Bọn chủ độc quyền còn ra thông tư bắt nhân viên của chúng pha thêm nước lã vào rượu đem bán; cứ mỗi héc-tô-lít rượu pha thêm 8 lít nước lã.

Như thế, tính trên toàn cõi Đông-dương mỗi ngày cứ bán 500 héc-tô-lít rượu thì có 4.000 lít nước lã pha thêm vào; 4.000 lít mỗi lít giá ba hào, thành 1.200 đồng một ngày, 36.000 đồng một tháng. Như thế chỉ cần mở vòi nước lã không thôi, mỗi năm công ty cũng thu được một món lãi nhỏ 432.000 đồng, hay 4 triệu phơ-răng.

Xem thế đủ biết thứ rượu mà bọn độc quyền cất và đem bán ở Đông-dương là không hợp với khẩu vị của người bản xứ về độ cũng như về mùi vị, cho nên người ta phải cưỡng bức họ mua.

Vì bắt buộc phải trả những khoản chi tiêu thường xuyên, phải trang trải những món kinh phí ngày càng tăng của phủ toàn quyền, của những

trái khoản lớn, của những công trình kiến thiết quân sự và phải đặt ra — nếu không phải là những chức vụ thực sự — thì ít ra cũng là những khoản lương cho một đám đông công chức từ Pa-ri gán sang, cho nên chính phủ đã tìm mọi cách thúc đẩy các viên chức, từ công sứ đến nhân viên hạng bét, phải làm tăng mức tiêu thụ rượu lên.

Chương III

CÁC QUAN THỐNG ĐỐC

I — Ông Phước

Ông Phước, thống đốc xứ Đa-hô-mây, cai trị giỏi đến nỗi người bản xứ nào ở thuộc địa ấy cũng kêu ca về ông ta. Đề xoa dịu lòng công phẫn, người ta vờ phái sang đó một viên thanh tra. Viên thanh tra này kiểm tra giỏi đến nỗi chưa thềm xét gì đến đơn khiếu nại của nhân dân đã cuốn gói chuồn thẳng.

Về việc này, chúng tôi có nhận được một bức thư của ủy ban hành động Pháp — Hồi ở Poóc-tô—Nô-vô¹⁾ trong đó có những đoạn chính như sau :

« Trước lúc người Pháp đến Đa-hô-mây rất lâu, ở Poóc-tô — Nô-vô đã có một thủ lĩnh Hồi giáo gọi là I-măng có nhiệm vụ đại diện cho tập thể người Hồi ở bất cứ chỗ nào cần thiết, quản lý tài sản của tập thể Hồi giáo ấy và trông nom việc lễ bái.

1) Porto — Novo. (Thủ phủ Đa-hô-mây).

« Theo tục lệ, I-măng phải do một đoàn cử tri bầu lên, chọn trong những người Hồi giáo ngoan đạo, có tiếng là đức độ và đã từng làm phó I-măng một thời gian lâu. Hơn nữa, trước khi chết, I-măng đương quyền có ý kiến về vị phó nào có đủ tư cách để thay thế mình.

« Ý kiến của I-măng lúc đó là ý kiến quyết định.

« Trước khi qua đời, I-măng Cát-xu-mu đã chỉ định viên phó Xa-ru-cu làm người kế vị mình. Đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo cũng đã tán thành.

« Khi Cát-xu-mu mất, đáng lẽ Xa-ru-cu phải được bầu lên, nhưng tên I-nha-xi-ô Pa-re-dô dựa vào thế của thống đốc đã độc đoán cản trở, bắt ép người Hồi giáo phải nhận tên La-va-ni Cốt-xô-cô là bạn thân của y, làm I-măng. Tên Cốt-xô-cô, cũng như y, chỉ theo đạo Hồi trên danh nghĩa.

« Thấy đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo chống lại việc cử tên Cốt-xô-cô một cách bất hợp pháp, Pa-re-dô liền nhờ viên thủ lĩnh cao cấp là Hút-gi can thiệp. Hút-gi là tín đồ đạo báỉ vật, được chính phủ che chở, nên hấn cứ cử tên La-va-ni Cốt-xô-cô làm I-măng, bất chấp nguyện vọng người Hồi giáo.

« Kề ra, nếu La-va-ni Cốt-xô-cô là một người Hồi giáo tốt và lương thiện thì chúng tôi cũng làm ngơ việc hấn được cử làm I-măng, nhưng hấn lại là một tên bất lương chưa từng thấy trên đời này. Chúng tôi nói như thế là có bằng cứ :

« La-va-ni Cốt-xô-cô sinh ra ở La-gốt (xứ Ni-giê-ri-a thuộc Anh). Hấn là dân thuộc địa Anh. Vì can nhiều tội giết người và nhiều tội ác khác ở Ni-giê-ri-a thuộc Anh, nên bị nhà chức trách Anh truy nã.

« Ông thống đốc của chúng tôi hồi đó đã thu dụng tên dân thuộc địa Anh bất lương này và như đề thưởng công cho hắn, đã cử hắn làm tù trưởng các xã ven hồ, như Áp-phô-tô-nu, A-ghê-ghê, Áp-lăng-căng-tăng, v.v... Toàn dân vùng ấy ngày nay đều ghê tởm những hành vi, những lạm, những tội ác của hắn, và kêu ca về hắn.

« Nguyên chúng tôi có một điện thờ ở khu phố Át-pát-xa tại Poóc-tô — Nô-vô. Nhà đương cục Pháp đã phá hủy điện thờ ấy với lý do vì lợi ích công cộng rồi bồi thường cho chúng tôi 5.000 quan.

« Tiền bồi thường không đủ để xây dựng một điện thờ mới. Chúng tôi đã mở một cuộc lạc quyên riêng, thu được 22.000 phơ-răng.

« Pa-re-dô là người có chân trong tiểu ban mua sắm vật liệu và phát lương cho thợ.

« Khi viên phó I-măng Bít-xi-ri-u — người nắm giữ chìa khóa két — chết, thì Pa-re-dô trở thành người giữ chìa khóa két. Hắn lợi dụng địa vị ấy để biến thủ số tiền 2.775 phơ-răng. Tiểu ban bắt buộc phải khai trừ hắn ra khỏi tiểu ban.

« I-nha-xi-ô Pa-re-dô căm tức, bèn bàn mưu tính kế với ông thống đốc. Thế là ông này cho thi hành những biện pháp độc đoán đối với chúng tôi, và làm trở ngại việc xây dựng điện thờ của chúng tôi.

« Giờ đây, do mưu mô của I-nha-xi-ô Pa-re-dô được ông thống đốc tiếp tay cho trong việc cử một cách trái đạo tên Cốt-xô-cô làm I-măng, dân Hồi giáo ở Poóc-tô — Nô-vô đã chia thành hai phe. Tình trạng ấy làm tổn thương tình đoàn kết, hòa hợp của người Hồi giáo, làm hại cho việc tự do hành đạo của chúng tôi và gây ra những vụ lộn xộn lớn ».

II — Ông Long

Dưới đây là mấy đoạn trích ở một lá thư của đại tá Béc-na gửi cho báo *Cộng hòa Pháp*¹⁾ ngày 6 tháng 12 năm 1922. Thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài vững tâm, đại tá Béc-na không phải là cộng sản đâu.

« Con số hàng xuất khẩu ở Đông-dương, bức thư viết, hiện đang giảm chân tại chỗ, thậm chí còn đang sụt xuống. Năm 1914, Đông-dương đã xuất khẩu 45.000 ki-lô tơ lụa, 99.000 tấn ngô, 480 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 ki-lô tơ lụa, 32.000 tấn ngô, 156 tấn chè.

Người ta cũng tưởng rằng hiện nay Chính phủ Đông-dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho việc khai thác thuộc địa. Ấy thế mà, từ năm 1914 đến nay, người ta *không hề đặt thêm được một cây số đường sắt nào, cũng không khai thác được lấy một héc-ta ruộng nào*. Cách đây 10 năm, ông Xa-rô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết, bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông-hà và bốn hệ thống đại thủy nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng lại từ hơn 5 năm nay, lấy cớ là không có kinh phí. Nhưng, cũng trong thời gian ấy, xứ Đông-dương lại bỏ ra 65 triệu đồng tức là 450 triệu phơ-răng để làm đường và dinh thự. Mời ông Pha-ghe hãy suy nghĩ về những con số đó xem: Tiêu gần nửa tỷ để làm những đường ô-tô mà trên đó không hề lưu thông một tấn hàng hóa nào; để xây dựng những dinh thự và phòng giấy cho đám công chức đang mọc đầy rẫy lên ở Đông-dương

1) *La République Française*.

như cỏ cây vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là cần thiết và đã được nghị viện thông qua, lại bị bỏ rơi!

Nhưng đừng tưởng là người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông-dương. Đề hoàn thành chương trình năm 1912, ông Lôg đã xin nghị viện cho phép phát hành một đợt công trái. Nay, ông ta lại xin phát hành một đợt thứ hai nữa. Những kẻ hiện đang điều khiển việc khai thác Đông-dương hình như đã định tâm không làm cái gì thật sự có ích lợi cả nếu trước hết người ta không cho phép họ vay nợ. Còn đối với tài nguyên ngân sách, đối với những dự trữ tích lũy được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ quyết vung tay ném qua cửa sổ nếu nghị viện không đưa vào nền nếp».

III — Ông Gác-bi

Ông Gác-bi, toàn quyền đảo Ma-đa-ga-xca, vừa về Pháp. Cũng như tất cả các viên thống đốc, bạn đồng nghiệp của ông, ông Gác-bi rất lấy làm hài lòng về cái thuộc địa « của mình »: tiến bộ, giàu có, trung thành, an cư lạc nghiệp, có tổ chức, có dự án này, chương trình nọ, v.v.. Đó là cái bọc hành lý muôn thuở, bất di bất dịch của các ngài thống đốc về nghỉ, mà nay đến lượt ông Gác-bi lại ân cần mở ra cho tất cả những ai muốn xem... và vượt lên trên tất cả những ngón bịp bợm cũ rích ấy, ông Gác-bi còn khéo léo giở ra ngón bịp khác (hay đúng hơn ngón bịp của người khác) rất mực tinh vi: việc khai thác thuộc địa. Chúng tôi xin chào mừng quan toàn quyền mới về, và xin hỏi ngài:

« Phải chăng phái đoàn thanh tra của Bộ đã không có đủ xà phòng để xát¹⁾ lên đầu quan toàn quyền, đồng thời thoa trơn cái dốc trên đó cụ lớn phải trượt ngã về chính quốc để ở lại đó mãi mãi đến muôn đời trọn kiếp ?

« Phải chăng để cứu vớt thể diện cho ngài, một vài tên tay sai đắc lực đã tổ chức một tiệc rượu tiễn hành, và để làm việc đó, chúng đã phải chạy bỏ hơi tai, vì ngoài ban tổ chức ra, không ma nào buồn đến dự tiệc cả ?

« Phải chăng bọn tay chân của quan toàn quyền đã định làm một lá đơn ái mộ xin ngài trở lại thuộc địa, nhưng lại không dám đưa ra vì sợ có đơn chống lại ?

« Sau cùng, phải chăng nhân dân bản xứ đã tặng ngài lời chúc thân ái này : « Thôi nhé, chú Gác-bi ! Xin chúc không bao giờ gặp lại chú nữa ! »

IV — Ông Méc-lanh

Vận mệnh hai mươi triệu người Việt-nam tốt số đang nằm trong tay ông Mác-ti-an Méc-lanh.

Các bạn sẽ hỏi tôi : « Cái ông Méc-lanh ấy là ai vậy ? » Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gam-bi-ê, sau giữ chức phó thống đốc Tây Phi, rồi lên làm thống đốc xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm của đời mình để nhồi nhét cái văn minh đầy ân huệ của nước Pháp vào đầu óc người bản xứ.

1) *Savonner*. (Nghĩa đen là xát xà phòng, nghĩa bóng là khiển trách kịch liệt).

Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông-dương đến nắm vận mệnh Đông-dương thì thật là một trò hề lớn kiểu Đông-dương chứ gì.

Đúng đấy ! Nhưng đó là cái « mốt ». Một bạn đồng nghiệp cho biết rằng : tại Bộ thuộc địa, một viên quan cai trị cũ ở Đông-dương ngồi chễm chệ tại vụ Tây Phi thuộc Pháp ; một viên quan cai trị cũ ở Tây Phi phụ trách vụ châu Phi xích đạo thuộc Pháp ; một viên chức cũ ở Xu-đăng phụ trách những vấn đề về Ma-đa-ga-xca ; còn đại diện cho xứ Ca-mơ-run ở hội chợ triển lãm thuộc địa lại là một viên chức chưa hề bao giờ đặt chân lên đất Ca-mơ-run.

Thế nên, trước khi sang Đông-dương khai hóa cho người Đông-dương, quan toàn quyền Méc-lanh định bắt đầu khai hóa những người Đông-dương chết ở Pháp, tức là những người đã hy sinh vì Tò quốc, vì công lý, và vì vân vân ấy mà !

Cười trong nghĩa địa là một cái thú đối với những vĩ nhân, nhưng cười một mình ở đó thì có lẽ là không khoái lắm. Bởi vậy cụ lớn Méc-lanh đã ra lệnh cho những thanh niên Việt-nam được trợ cấp phải theo cụ lớn đến nghĩa trang Nô-giăng trên bờ sông Mác-nơ để đọc một bài diễn văn trước sự chứng kiến long trọng của ngài. Nhưng bài diễn văn ấy phải đệ trình cho cụ lớn kiểm duyệt trước. Họ đã làm đúng như thế. Nhưng cụ lớn thấy bài diễn văn quá ư quá khích, nên cụ bỏ phát đi và thay bằng một bài khác do cụ tự tay vạch ra dàn bài.

Dĩ nhiên, bài diễn văn được xào xáo theo kiểu nhà quan như vậy thì phải sặc mùi trung thành và quyền luyến.

Nếu người chết mà nói được, như bọn phù thủy thường bảo, thì hồn ma của những người Việt chôn ở Nô-giăng, hẳn đã nói rằng: « Ngài toàn quyền ôi ! Xin c... cảm ơn ngài ! Nhưng xin ngài làm ơn... xéo đi cho »¹⁾.

V — Ông Giê-rê-mi Lơ-me

Chúng tôi đọc tờ *Biên niên thuộc địa* ²⁾ thấy mầu tin ngắn như sau :

« Chúng tôi được tin Giê-rê-mi Lơ-me, cựu thống đốc thuộc địa, cựu nghị viên của Ấn-độ thuộc Pháp, đương bị truy tố trước tòa. Ông ta nguyên là chủ tịch một nhà băng do ông Phơ-rơ-dun làm quản trị — ủy nhiệm. Nhà băng ấy đã tuyên bố vỡ nợ cách đây hai năm.

« Đó là sự kết liễu đích đáng con đường công danh của tên vô lại ấy ».

Ô ! Ô ! Thế ra cũng có những tên vô lại trong cái giới thống đốc và nghị viện thuộc địa cao quý ấy ư ? Ai ngờ nhỉ !

VI — Ông U-tơ-rây

Ông U-tơ-rây là một nghị viên Nam-kỳ (ông ta là người Nam-kỳ cũng giống như ông P. Lô-ti là

1) M... *erci à toi*,.. F... *nous la paix* ! (Trong Pháp văn, chữ M viết tắt, người ta thường hiểu là *Merde*, là một tiếng chửi rất tục, cũng có nghĩa là phân ; chữ F. là *Foutre*, có nghĩa là cút, xéo đi, đề yên... (*Foutre le camp*, *Foutre la paix*...)). Đây là lối chơi chữ của tác giả. Trong bản dịch ra tiếng Việt, khó thể hiện được cái hay của lối chơi chữ này).

2) *Annales coloniales*.

người nước Thổ vậy). Ông ta đọc diễn văn ở nghị viện, và kinh doanh ở Sài-gòn. Là nghị viên, ông ta nhận cấp phí đều đặn; là thực dân, ông ta không nộp thuế. Ông nghị liêm chính này có một đồn điền 2.000 héc-ta, và mười lăm năm nay, ông chủ đồn điền đáng kính đó không nộp một xu nhỏ thuế nào. Khi sở thuế yêu cầu ông làm đúng luật lệ thì ông trả lời: c...ảm ơn. Vì ông ta là nghị viên nên người ta không động đến ông.

Đã có một thời, cái ông U-tơ-rây ấy đã giữ chức quyền thống đốc Nam-kỳ.

Xứ Nam-kỳ do một thống đốc cai trị, viên thống đốc này do sắc lệnh Tổng thống Pháp bổ nhiệm. Để làm tròn nhiệm vụ cao cả của mình, vị quan cao cấp này dựa vào một hội đồng hỗn hợp gồm cả người Pháp lẫn người Nam, gọi là Hội đồng quản hạt. Một trong những quyền hạn chắc là quan trọng nhất của Hội đồng này là hàng năm biểu quyết dự toán ngân sách của thuộc địa. Chúng tôi xin nói ngay rằng nguồn thu của ngân sách ấy là các khoản thuế trực thu và gián thu do *người Việt-nam nộp*, còn các khoản dự chi, thì trên nguyên tắc (*nhưng không bao giờ trên thực tế!*) là phải được chi tiêu cho những công cuộc có lợi cho *người Việt-nam*; được giao phó cho cái Hội đồng quản hạt ấy. Thế nhưng cái Hội đồng quản hạt quý hóa này lại gồm *nhiều người Pháp hơn là người Việt*: có 18 người Pháp, thì 12 là đại biểu do tuyển cử bầu ra, 6 là đại biểu của các công ty, phòng thương mại, phòng canh nông v.v., và 6 người Việt. Cứ cho rằng luôn luôn đủ mặt đi nữa thì 6 phiếu của người Việt kia tài nào mà chống lại được 18 phiếu của người Pháp? Vì thế Chính phủ

cứ việc tùy ý mà dự toán và chắc chắn là tất cả các khoản dự toán đều đã được biểu quyết trước rồi. Hầu như sự việc luôn luôn xảy ra như thế. Cho nên năm 1905, cũng bằng cách ấy, quan quyền thống đốc U-tơ-rây, nay là nghị viên của người Pháp ở Nam-kỳ đã tăng thuế điền thổ vốn đã quá nặng, lên *một trăm phần trăm*. Việc tăng thuế này đã làm cho tên tuổi U-tơ-rây trở thành bất tử trong trí nhớ của người Việt-nam. nó đã làm cho các đại biểu người Việt-nam trong Hội đồng nhất loạt từ chức! Cần quái gì! U-tơ-rây liền thay họ bằng những người khác do ông ta đích thân bắt cử tri Việt-nam phải bầu. Trước ngày đầu phiếu, một tay chân của ông ta là viên quan cai trị Ma-xpe-rô (tỉnh Biên-hòa) chẳng đã bắt giam tất cả cử tri ở tỉnh ấy lại, không cho họ tiếp xúc với những người ứng cử đó hay sao? Người ta dọa trừng phạt để buộc họ phải bỏ phiếu cho Bùi-Thế-Khâm, người do U-tơ-rây đưa ra nhằm ngăn cản việc bầu lại ông Hoài, một đại biểu vừa từ chức đã có lỗi là không làm theo ý muốn của U-tơ-rây.

Chương IV

CÁC QUAN CAI TRỊ

I — Ông Xanh

Như các bạn đều biết, các thuộc địa vẫn được gọi là những nước Pháp hải ngoại, và người Pháp của những nước Pháp ấy là người Việt-nam, người Ma-đa-gat-xca hoặc người v.v.. Bởi thế, cái gì ở

bên này là phải thì ở bên kia là trái, và cái gì ở bên kia được phép thì ở bên này bị cấm. Thí dụ : Ở bên ấy tất cả người Pháp đều được phép làm cho dân bản xứ ngu muội đi bằng thuốc phiện, họ càng bán được nhiều thuốc phiện, thì càng được quý trọng ; nhưng ở bên này nếu anh đem bán thứ thuốc độc ấy thì, anh sẽ bị tóm cổ ngay lập tức. Nếu ở bên Pháp, một viên chức cao cấp được phép vận quần áo lót để đi ra đường, thì ngược lại một ông hoàng bản xứ không có quyền mặc áo bản xứ, ngay cả khi ở nhà và đang ốm.

Vì đang ốm, nên cố quốc vương Tuy-ni-di đã cứ mặc nguyên áo ngủ mà tiếp quan khâm sứ. Như thế đã là bậy rồi ; nhưng còn bậy hơn nữa, là cháu nội và cháu họ nhà vua lại quên chào quan khâm sứ nói trên. Thế là sau hai ngày, đúng vừa đủ thời gian để suy nghĩ, quan lớn khâm sứ bèn mặc nhung phục, kéo binh mã đến bắt nhà vua phải xin lỗi. Thế mới đúng chứ. Một khi anh là quốc vương và chịu sự bảo hộ của một ông thánh (ông Xanh)¹⁾ thì dù là thánh cha, thánh con hoặc thánh thần, anh cũng không có quyền được đau ốm. Còn các chú « nhóc con » bản xứ, các chú phải biết rằng, một khi đã sinh ra dưới đôi cánh mẹ hiền của nền dân chủ thì các chú không được nò nua, reo cười, hò hét, mà phải học chào lạy.

Ở Đông-dương cũng như ở các thuộc địa khác, đối với những người bản xứ không kịp lạy chào

1) Ông Xanh (*Saint*) : Vừa là tên viên khâm sứ, vừa có nghĩa là Thánh. Đây là lối chơi chữ của tác giả nhằm chế giễu viên khâm sứ Saint, dựa theo điển tích Chúa ba ngôi — thánh cha, thánh con, thánh thần (*Sainte trinité : saint père, saint fils, saint esprit*).

các « quan bảo hộ » thì nhiều quan cũng chỉ khiêm tốn « giã chơ một trận » thôi, chứ chưa bao giờ lại huy động quân đội để bắt trẻ con phải lạy chào. Dĩ nhiên trong bọn họ không phải ai cũng đều là khâm sứ cả !

Mặc dầu « sự việc nghiêm trọng » ấy đã bị vạch ra trên diễn đàn nghị viện và theo lời ông Poăng-ca-rê, nó có thể làm tổn thương đến ảnh hưởng của nước Pháp, chúng ta sẽ là những người vong ân đối với quan khâm sứ Xanh, nếu chúng ta buộc cho ông cái tội « thất bại chủ nghĩa » ; bởi vì, nhờ có cuộc biểu diễn lực lượng thân thiện, trẻ con và hòa bình ấy mà từ đó người bản xứ biết cách nên lạy chào một « người anh em da trắng » như thế nào. Ai cũng còn nhớ khi ông Mi-lơ-răng sang thăm châu Phi, người bản xứ đã đón chào ông, và để tỏ lòng trung thành vô hạn và lòng tôn kính sâu sắc đối với vị quốc trưởng nước bảo hộ, họ đã kéo áo sơ-mi ra ngoài quần đấy.

II — Ông Đác-lơ

Tập *Kỷ yếu nhân quyền*¹⁾ vừa mới đăng một bức thư của ông Phéc-đi-năng Buyt-xông, chủ tịch Hội Nhân quyền, gửi ông Xa-rô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa, nói về cuộc khởi nghĩa ở Thái-nguyên¹⁷ (Đông-dương) năm 1917 và việc đàn áp cuộc khởi nghĩa đó.

Bức thư vạch rõ trách nhiệm của viên công sứ tỉnh Thái-nguyên là ông Đác-lơ : chính vì sự lạm quyền của ông Đác-lơ mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Tòa án Sài-gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917.

1) *Cahier des droits de L'Homme.*

Thế nhưng, có ai ngờ rằng ông Đác-lơ không hề bị một sự trừng phạt nào về mặt hành chính cả. Trái lại, ông ta được cử làm ủy viên Hội đồng thành phố Sài-gòn. Còn sự trừng phạt về mặt tư pháp thì thật là đáng buồn cười: nộp vển vển có 200 phơ-răng tiền phạt !

Cái ông Đác-lơ ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của ông ta, ông ta đã học được ở khu phố la-tinh khi ông còn là một anh hàng cháo.

Lúc ấy, ông Đác-lơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chổm. Nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ nhiệm làm quan cai trị ở Đông-dương.

Chễm chệ đứng đầu một tỉnh có hàng vạn dân, và được giao cho quyền hành tuyệt đối, ông ta vừa là tỉnh trưởng vừa là thị trưởng, vừa là quan tòa, vừa là mô tòa, vừa là người đốc thuế ; tóm lại, ông ta nắm trong tay tất cả mọi quyền hành. Tòa án, thuế khóa, điền thổ, tính mạng và tài sản của người bản xứ, quyền lợi của viên chức, việc bầu cử lý trưởng và chánh tổng, tức là vận mạng của cả một tỉnh được đặt vào tay cái anh hàng cháo ngày xưa ấy.

Ở Pa-ri, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc-kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người Việt-nam một cách độc đoán, để bòn rút họ.

Đây là một vài việc làm rạng rỡ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị dễ thương ấy mà nước mẹ cộng hòa đã có nhã ý gửi sang để khai hóa cho chúng tôi.

Một số lính tình nguyện (!) bản xứ, bị điệu về đề sung vào lính khố đỏ và vì thế họ phải đi khám

sức khỏe. Đó là những người mù chữ, nhút nhát, khi hỏi thì trả lời chậm chạp, nên quan công sứ đã chửi bới, đấm đá và lấy gậy phang họ túi bụi.

Ba người lính khố xanh đề xống một người tù, đã bị ông Đắc-lơ đánh đập một cách rất tàn nhẫn, nắm tóc họ kéo lê dưới đất và đập đầu họ vào tường tòa sứ.

Khi hỏi cung tù nhân, quan công sứ thường lấy thanh gươm đâm vào đùi họ. Có người khi về đến nhà lao thì lăn ra bất tỉnh.

Một đoàn tù khốn khổ, gầy đói, quần áo tả tơi, bị lôi dây từ tờ mờ sáng, cõ mang gông, chân buộc xiềng, người nọ bị xích vào người kia, cùng kéo một xe lu to tướng trên những lớp sỏi dày. Hoàn toàn kiệt sức, họ ỳ ạch kéo chiếc xe lu nặng nề dưới ánh nắng như thiêu như đốt. Bỗng quan công sứ đến. Như lệ thường, quan cầm theo một cái gậy to tướng, rồi bỗng dừng vô cớ, quan xông vào đám người khốn khổ ấy, như con thú dữ, đánh túi bụi, tàn nhẫn không tưởng tượng được, vừa đánh vừa chửi họ là đồ lừa.

Một hôm nhà khai hóa của chúng ta vừa quở trách một nhân viên người Âu xong, không biết trút cơn giận lên đầu ai được, bèn vớ cái thước sắt trên bàn giấy đập nát hai ngón tay của một viên thư ký người Việt chẳng liên can gì đến việc kia cả.

Một hôm khác, ông ta vụt roi gân bò vào mặt một viên đội người bản xứ trước những người lính dưới quyền anh ta.

Lại một lần khác, có mấy người lính khố xanh làm trái ý ông ta, ông ta bèn cho đem chôn họ đến tận cổ mãi đến khi họ ngắc ngoải mới cho moi lên.

Cứ mỗi khi ông ta đi xem xét các con đường có dân phu làm việc thì số chân người bị đánh què bằng lưỡi xẻng, cán cuốc, phải tính bằng đơn vị nửa tá. Những người dân phu làm đường ấy đều là những người bị ông ta bắt ép đi làm với tiền công mỗi ngày một, hai xu, sau khi họ đã phải nộp tiền chuộc phần tạp dịch của họ với giá mười lăm xu mỗi ngày.

Một lần, ở một công trường, ông ta đã giật súng của một người lính coi tù để đánh một người tù. Người tù tránh được, quan công sứ quay lại đánh người lính, cũng bằng cây súng ấy. Bà công sứ, người vợ xứng đáng của quan lớn, cũng tham gia, bà đánh tù một cách tự nhiên và phạt lính lúc nào cũng được.

Người ta đã trông thấy quan công sứ dùng gậy đánh một viên đội lòi mắt. Quan còn làm nhiều việc cao cả khác nữa mà ở đây chúng tôi không thể nào kể xiết được.

Tất cả những việc kể trên, mọi người đều tai nghe, mắt thấy, kể cả cấp trên của ông ta là các quan toàn quyền, quan khâm sứ. Để khen thưởng tinh thần «cương quyết» và «đức độ rất cộng hòa» của ông ta, những vị này đã thăng tay thăng quan tiến chức cho ông ta.

III — Quý ngài Bu-di-nô, Bô-đoăng và những ngài khác

Mặc các cuộc triển lãm ồn ào, những bài diễn văn rùm beng, những cuộc kinh lý đế vương và những bài báo hoa mỹ, tình hình ở Đông-dương vẫn chẳng ổn định chút nào.

Chiếc ghế bị cáo mà quan cai trị liêm chính La-nông vừa rời khỏi chưa kịp nguội thì người ta lại báo cho chúng tôi biết về những vụ xấu xa khác nữa.

Trước hết là vụ Bu-di-nô. Ông Bu-di-nô là một nhà khai hóa điển hình, một vị quan cai trị chuyên ăn hối lộ. Trong số vụ ông ta bị tố cáo, chúng tôi xin kể vụ sau đây :

« Làng Tân-an, nơi lý sở của tổng, đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một nhà máy điện. Việc kinh doanh rất có lợi, vì thu vượt chi rất nhiều. Ngoài ra, các công sở và đường sá của làng còn được thắp đèn điện không mất tiền.

« Nhưng bỗng một quan cai trị khá xảo quyết (ông Bu-di-nô), đã khéo xoay xở thế nào mà làng Tân-an phải chịu nhượng không nhà máy điện cho một anh chàng thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền đèn đường và đèn công sở. Ngày nay làng nhận thấy chuộc lại nhà máy nhượng không ấy là có lợi, và chuộc lại thì phải xuất ra hàng chục nghìn đồng. Câu chuyện này là cả một thiên tiểu thuyết trong đó tài năng hư cấu của một tên cự tinh trưởng đã được tự do phát huy với một sự đều cán không thể tưởng tượng nổi ».

Vụ xấu xa thứ hai trước mắt là vụ Tê-a. Một bạn đồng nghiệp ở Đông-dương đã viết về vụ đó như sau :

« Chúng ta đang sống trong một bầu không khí thật là... không bình thường chút nào : chưa xong vụ Bu-di-nô, vụ Luy-nô, lại đến vụ Tê-a.

« Ông Tê-a là một kỹ sư xuất sắc, giám đốc một hãng lớn của người Pháp ở Hải-phòng. Ông đã đến tìm ông Xca-la, giám đốc thương chính, và

tặng trước cho ông này số tiền chè lá một vạn đô-la để ký kết một chuyến buôn thuốc phiện với cơ quan nhà nước. Chắc là ông Tê-a có những lý do rất đặc biệt để nghĩ rằng việc vận động như thế không có gì là bất thường cả. Như vậy có nghĩa là việc hối lộ là việc thông thường trong chính giới ở Đông-dương. Tất cả những kẻ nào có quyền thế như vậy cũng đều lợi dụng để vơ vét cho đầy túi tham của mình và làm hại lớn cho xã hội ».

Nếu như ông Đác-lơ, công sứ khát máu ở Thái-nguyên mà được cử làm ủy viên hội đồng thành phố Sài-gòn, và ông Bô-đoăng, người đang được quan tòa Oa-ren nóng lòng chờ đợi, mà được cử giữ chức quyền toàn quyền Đông-dương, thì các ông Tê-a và Bu-đi-nô ít ra cũng nên được gán tội mới phải.

Chương V

NHỮNG NHÀ KHAI HÓA

Xin hỏi : có phải là ở sở mật thám của phủ toàn quyền Đông-dương có một nhân viên người Pháp tên là C... không ? Có phải chính tên C... ấy trong khi được phái đi « công cán » ở Phú-xuyên, đã bắt người Việt-nam ở đây gọi hấn bằng « quan lớn », và đã đánh đập tàn nhẫn những ai không nhanh miệng chào hấn như thế không ? Có phải cũng chính tên C... này đã hiếp dâm một người lính lệ

không ? À té ra cái gì người ta cũng được phép và có thể làm được ở cái thiên đường Đông-dương ấy.

*

* *

Giữa tháng 12 năm 1922, một viên đội phó cảnh binh Pháp ở Sài-gòn, « say mềm », đã vào nhà một người bản xứ và làm bị thương nặng hai người trong nhà, trong đó có một người đàn bà.

Khi ông dự thẩm hỏi cung thì tên cảnh binh ấy khai là hấn không còn nhớ gì cả, và chối phăng là hấn không say.

Trái lại, các nhân chứng, trong đó có một người Âu, đều xác nhận rằng lúc xảy ra vụ thương tâm ấy, người bảo vệ trật tự kia quả là không ở trong trạng thái bình thường.

Người khai hóa ấy say hay là điên, điều đó không quan trọng, chúng tôi chỉ thiết tha mong rằng anh ta sẽ được tặng thưởng huân chương về hành động dũng cảm của anh ta.

*

* *

Ở thuộc địa, hễ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc thượng đẳng. Để giữ thể thống, anh tây đoan hạng bét cũng có ít nhất một người ở, một người « bồi » và người này thường thường lại dùng làm « người hầu gái vạn năng ».

Đầy tứ người bản xứ đã dễ bảo lại rẻ tiền, nên nhiều viên chức thuộc địa về nghỉ hoặc về hưu mang theo cả người ở về nước.

Chẳng hạn như ông Giăng Lơ M... ri-nhy ở phố Các-nô, thành phố Séc-bua. Ông ấy ở Đông-dương về, mang theo một người bồi lương tháng 35 quan. Chẳng cần phải nói bạn cũng biết rằng, người bồi ấy phải làm quần quật từ mờ sáng đến đêm khuya. Trong nhà ấy, không có chủ nhật cũng chẳng có ngày lễ. Hơn nữa, người ta cho anh ăn uống hết sức kham khổ, và chỗ ở rất tồi tệ.

Một hôm ông Giăng Lơ M... ri-nhy muốn sai người « được bảo hộ » của mình về làm lụng ở thôn quê. Vì đã từng được nếm cuộc sống sung sướng ở thôn quê mà ông chủ quý hóa dành cho, nên anh không chịu đi.

Thế là nhà cựu khai hóa kia nổi cơn thịnh nộ nện cho anh ta một trận nên thân, rồi đuổi ra khỏi nhà, nhưng lại giữ tất cả tài sản của anh ta: tiền bạc, hòm xiềng, quần áo v.v., và nhất định không chịu trả lại, mặc dù anh đã nhiều lần van nài. Bị đuổi đột ngột, trơ hai bàn tay trắng, không biết tiếng Pháp, không bạn bè thân thích, bơ vơ lạc lõng, con người bất hạnh đó đang lâm vào cảnh cùng khổ ghê gớm.

*

Viên chức thuộc địa là nguyên nhân chính gây ra nạn đời sống đất đỏ ở thuộc địa. Muốn biết nhân tố ăn bám ấy đè nặng lên ngân sách đến mức nào, nghĩa là đè lên lưng nhân dân lao động như thế nào, hãy so sánh những con số sau đây:

Ở Ấn-độ thuộc Anh, dân số 325 triệu người, có 4.898 viên chức người Âu.

Ở Đông-dương thuộc Pháp, dân số 15 triệu người, có 4.300 viên chức người Âu.

Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp, thì cứ 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu.

Ở Ấn-độ, ngành thương chính có 240 viên chức người Âu. Ở Đông-dương, ngành thương chính có 1.100 viên chức người Âu.

Ở Ấn-độ, có 26.000 nhà dây thép với 268 viên chức người Âu.

Ở Đông-dương, có 330 nhà dây thép với 340 viên chức người Âu.

Tại sao ở Đông-dương, cái loài ăn hại ngân sách ấy lại nhiều đến thế? Bởi vì thuộc địa là một thiên đường ở trần gian; ở đó, trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi, còn thì tất cả những cận bá trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí v.v. mà chính quốc thải ra, đều tìm được môi trường rất thích hợp để phát triển... Hãy bắt đầu từ nhân vật quan trọng nhất là viên toàn quyền. Về vấn đề này, một người thực dân không thiên vị đã viết: « Sang Bắc-kỳ, các ông toàn quyền chỉ nhằm một mục đích là: tìm chỗ bổ dụng bạn bè, con cháu thân thuộc và bọn vận động bầu cử của những bậc quyền thế có thể làm chỗ dựa cho mình: thường thường bọn này là những người mắc nợ như chúa chõm, bị chủ nợ săn lùng, phải có tiền cho chúng mới được... ».

Đối với nhà văn thanh cao nào muốn viết lịch sử huy hoàng của công cuộc khai hóa thuộc địa, thì cuộc chiến tranh gọi là vì công lý và chính nghĩa sẽ là nguồn tài liệu vô tận. Với một cử chỉ say sưa

và hùng biện, ông An-be Xa-rô nói: « Chính công cuộc chinh phục thuộc địa đã đào tạo nên phần lớn những vị tướng lĩnh vĩ đại đã đưa chúng ta đến chiến thắng và đã từng được dư luận nước Pháp ca tụng chiến công và thanh danh khi họ đưa ngọn cờ của chúng ta đi khắp đất Á, trời Phi ».

Cũng với ý nghĩ thẳng thắn như thế, nhưng bằng lời lẽ kém bay bướm hơn, tờ *Nhật báo Giơ-ne-vơ*¹⁾ (à, lại có quý sứ ở Giơ-ne-vơ chẳng?) đã nói toạc ra rằng: « Chính phủ cộng hòa đã đi tìm thuộc địa để gỡ gạc lại trận thất bại năm 1870. Dân tộc Pháp coi việc chinh phục thuộc địa như là một sự đền bù lại những thất vọng cay đắng của mình ở châu Âu, và bọn quân nhân thì vớ được dịp để trở tài trong những trận thắng dễ dàng ».

Nghe những lời chứng có thẩm quyền như thế, mà bạn vẫn cứ khăng khăng không tin rằng việc khai thác thuộc địa là một sứ mệnh khai hóa và nhân đạo không hơn không kém, thì thật là hết chỗ nói! »

* *

1. Ông Ghi-nô-đô bị mất trộm số tiền 5.000 quan. Muốn bắt những người bản xứ làm việc ở nhà ông phải thú nhận, ông chủ tốt bụng và nhà khai hóa vĩ đại đó đã đem họ ra tra diện. Nhưng sau, người ta tìm ra kẻ cắp thì lại không phải là một người bản xứ, mà chính là một nhà khai hóa khác: ấy là cậu ấm con ngài Ghi-nô-đô! Thế mà ông Ghi-nô-đô vẫn được vô tội, còn tám người bản xứ giúp việc ông thì hiện vẫn còn nằm nhà thương.

1) *Le Journal de Genève*.

2. Ông Vôn-la, nhà khai hóa kiêm nhà buôn, không trả lương đều đặn cho những nhân viên bản xứ, làm cho ông. Một trong những nhân viên đó nhờ viên đốc công hỏi hộ cho anh số lương chủ còn thiếu. Ông Vôn-la bèn đưa cho viên đốc công một mảnh giấy ghi mấy chữ sau đây: « Bảo cái con lợn ấy lấy c... mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi ».

Việc này xảy ra ở Tuy-ni-di, năm 1923, ngay giữa lúc ông Tổng thống Mi-lơ-răng đi kinh lý ở đó.

*

* *

Khi người ta có màu da trắng thì nghiêm nhiên người ta là một nhà khai hóa. Mà khi người ta đã là một nhà khai hóa thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất.

Cho nên, một viên đốc công lục lộ ở Nam-kỳ đã bắt những người Việt-nam gặp hần trên đường phải lạy chào hần theo đúng nghi thức của chủng tộc chiến bại đối với chủng tộc chiến thắng.

Một hôm, một viên thư ký người bản xứ ở sở ra, vừa đi vừa đọc một quyển tiểu thuyết. Đến một đoạn hài hước, anh bật lên cười. Vừa lúc ấy viên đốc công lục lộ đi tới. Ông ta nổi giận lên, thứ nhất là vì người bản xứ ấy mãi đọc truyện đến nỗi không nhìn thấy ông mà chào; thứ hai là vì một người bản xứ mà lại dám cười khi đi qua trước mặt một người da trắng. Thế là nhà khai hóa nắm viên thư ký lại, buộc anh phải khai tên và hỏi anh có muốn ăn một cái tát không. Tất nhiên là người thư ký từ chối món quà

quá hào hiệp đó, và tỏ vẻ ngạc nhiên tại sao lại có chuyện thóa mạ như thế được. Thế là chẳng nói chẳng rằng, người viên chức Pháp túm áo người bản xứ ấy lôi đến trước quan chủ tỉnh.

Cũng vẫn cái lão đốc công lục lộ ấy, lấy cớ là phải sắp xếp nhà cửa, vườn tược lại cho ngay ngắn, đã ra lệnh cho nhân dân ở hai bên đường hàng tỉnh phải dọn nhà đi, chặt cây và phá vườn trong một thời hạn do hấn quy định, nếu không thì sẽ bị phạt tiền.

Như thế đấy, mà người ta vẫn cứ ngạc nhiên vì sao người bản xứ ở các thuộc địa lại cứ bất bình!

Chẳng những bọn thống đốc, công sứ muốn làm gì thì làm, mà cả các nhân viên nhà đoan, cảnh binh và tất cả những ai có tí chút quyền hành trong tay cũng đều sử dụng và lạm dụng quyền hành để thả cửa làm bậy vì họ biết chắc rằng sẽ không bị tội vạ gì hết.

Một viên cầm ở Tuyên-quang (Bắc-kỳ) đã đánh một người bản xứ gãy cả hai cánh tay. Một viên cầm khác ở Đà-lạt (Trung-kỳ) vừa mới sáng tạo ra một lối mua bán cực kỳ lý thú, chúng tôi xin thuật ra đây để hiến quý ngài Di-ô và Xa-rô. Một hôm ông cầm căn gỗ ván, ông sai lính ra phố mua. Mua là một cách nói thôi, chứ ông ta có đưa tiền cho lính của ông ta đâu. Tuy vậy, lính của ông ta cũng cứ ra phố, vào hàng chọn gỗ và định mang đi, cố nhiên là không trả tiền. Người bán gỗ không cho. Lính trở về báo cáo với quan Tây yêu sách quái gở của nhà buôn ấy.

Diên tiết lên, ông cầm phái ba người lính mang súng đến bắt người bán gỗ to gan đó. Người này

đang bị cảm không chịu đi. Lĩnh về báo lại với ông cảm. Tức giận đến cực độ, ông liền phái thêm ba người lính nữa nhập với tốp trước, và hạ lệnh cho họ phải bắt bằng được tên cứng đầu cứng cổ kia đem về dù sống hay chết.

Toán lính vũ trang đến bao vây cửa hiệu bán gỗ và sắp sửa thi hành mệnh lệnh.

Lúc ấy, một nhà buôn người Âu can thiệp bênh người bán gỗ bản xứ và viết thư cho ông cảm. Nhưng người cộng sự đầy nghị lực của ông Mô-ri-xơ Lôg, vẫn không chịu thu hồi « trát đòi » người bán gỗ và cho biết rằng nếu anh ta không chịu đến thì sẽ gặp nhiều chuyện rắc rối.

Nhà buôn người bản xứ ấy đành phải bỏ công việc làm ăn, bỏ cả quê hương để lần tránh cơn tức giận « khai hóa » của vị quan da trắng.

*

* *

Bảy người Việt-nam đáng thương đang bơi một chiếc xuồng dài mỏng mảnh; đã xuôi dòng nước, lại có đến bảy tay chèo nên chiếc xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Bổng thuyền của một nhân viên nhà đoàn khuất sau đản cây đước trong lạch hiện ra, với quốc kỳ Pháp cắm sau lái. Một thủy thủ trên thuyền nhà đoàn gọi, bảo xuồng kia dừng lại; người trên xuồng vẫn chèo. Thuyền của viên tây đoàn đi chậm không đuổi kịp. Viên đoàn liền cầm súng oanh-si-tơ bắn theo. Đoàn! Đoàn! Một người đang chèo thét lên rồi ngã gục. Đoàn! Lại một người nữa ngã gục. Lúc ấy, một người Âu

khác, làm nghề gạch ngói, vừa đi xuống tới, cũng tham gia đột kích « bọn cướp » kia ở một khúc ngoẹo.

Đoàng ! Đoàng ! Đoàng ! Quả là tay súng cừ ! Ba viên đạn, ba nạn nhân. Chiếc xuồng cùng hai người sống sót mất hút trong lạch...

Một hôm khác, cũng viên đoàn ấy đi với sáu thủy thủ vũ trang, phát hiện được một người khốn khổ đang trốn dưới ao, ngâm mình dưới bùn, thở bằng một cái ống, một đầu ngậm ở miệng, một đầu để lộ ra khỏi mặt nước ; trên mặt nước lá sen che phủ một cách rất khéo. Viên tây đoàn liền bắt và chặt đầu « tên cướp » ấy đem về tòa sứ. Thật ra, đó chỉ là một nông dân bình thường khiếp sợ vì thấy có nhiều người lạ đến làng, mặt mày hung tợn, mang đầy súng lục, túi đạn, lăm lăm súng oanh-si-tơ trên tay. Số là bọn nhà đoàn vào các túp lều trong làng đã tìm thấy ba chiếc vỏ đạn, mấy cái bánh tàu và một cái búa đi rừng. Vậy đích thị là một làng làm giặc và tiếp tế cho giặc rồi còn nghi ngờ gì nữa !

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang, đến một làng nọ, thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập lại một chỗ. Tưởng đâu đã lọt vào ổ phục kích, hấn bắn xả vào đám đông vô tội. Thật ra thì dân chúng đương họp đề cúng tế. Bị bắn, họ kinh hoàng bỏ chạy tán loạn. Tên sĩ quan đuổi theo và tàn sát họ.

Một người Pháp đã từng ở Bắc-kỳ lâu năm kể : Khi từ chiếc tàu của một nhà kinh doanh lớn, tôi đặt chân lên Bắc-kỳ, anh có biết mạng của một người Việt-nam đáng giá bao nhiêu không ? Không đáng một trinh ! Thật đấy.

— Này nhé, tôi còn nhớ, khi chúng tôi ngược sông Hồng, người ta đã đem rượu ra đánh cuộc xem ai ngồi dưới tàu, bắn mư^ơu phát mà « hạ » sát được nhiều người Việt nhất ở trên bờ.

Một đôi kẻ súng cầm tay đi lùng bắt dân làng, thuyền bè đề đòi tiền chuộc.

Một đại đội thủy quân lục chiến hành quân đến Vinh-thượng. Theo phép lịch sự, viên quan địa phương dàn lính (bọn lính lệ) nghênh tiếp. Tên chỉ huy toán lính đi dò đường của đại đội thấy thế đã ra lệnh bắn vào họ, làm nhiều người chết.

Khi người ta không trừ nổi một nghĩa quân thì người ta đốt cả làng người ấy. Người ta đã triệt hạ cả một vùng chung quanh Hưng-hóa như vậy.

Một người Việt đang đi lão đảo trên một con đường nhỏ hẻo lánh, vai gánh hai thùng to đầy lạc. Chúng tôi tới gần, hắn ta không kịp tránh. Tức thời người ta bắt hắn và bắn chết.

Suốt ngày, người ta vác gậy hoặc súng gươm nện vào người Việt để bắt họ làm việc.

Người Việt-nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn, nhưng người ta lại nói chuyện với họ chỉ bằng những cái đá đít thôi.

Chúng ta coi những người Việt-nam yêu nước là những tên cướp. Chẳng hạn như Đội Văn, một người yêu nước đã từng chiến đấu mấy năm trời chống lại sự thống trị của người nước ngoài, bị chém tại Hà-nội, bêu đầu ở Bắc-ninh, ném xác xuống sông Hồng.

Tổng-Duy-Tân sau mười năm ròng rã chiến đấu tuyệt vọng đã bị bắt và bị chém.

Phan-Đình-Phùng,¹⁸ một vị quan to, kháng chiến trong mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông ta chết rồi mà chúng ta vẫn không tha; người ta vào

rừng quật mộ ông lên, ném thi hài ông mỗi nơi một mảnh. Người ta báo thù ông ngay sau khi ông đã nằm sâu dưới mộ.

Ở tỉnh Quảng-trị, một viên cai lục lộ người Pháp say rượu đã « hạ » một người bản xứ ngồi trên lưng voi, chỉ vì tội không nghe rõ hay là không hiểu lệnh của hắn.

Một viên tây đoan ở Bà-ri-a (Nam-kỳ) cũng say rượu, phang một gậy trúng lá lách một thủy thủ Việt-nam thuộc quyền hắn, làm cho anh ta chết tươi.

Một viên thầu khoán người Pháp giết một lính khố xanh ở Đà-lạt. Cũng ở đây, một nhà khai hóa khác đã đánh một người thợ mộc bản xứ đến chết.

Một viên thầu khoán bắt thợ làm việc ngày đêm dưới nước để đào một đường hầm. Một số đông thợ chết, những người còn sống sót bãi công. Viên thầu khoán đã tự tay đốt nhà những người bãi công để buộc họ phải đi làm trở lại. Cả một làng cháy rụi giữa đêm tối.

Một viên chánh quản pháo binh nửa đêm vào nhà một bà vắng chồng. Bà ta không chịu tiếp hắn. Thế là hắn nổi lửa đốt nhà bà. Dĩ nhiên, người đàn bà đau khổ kia hết sức sợ hãi.

Một tên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hắn.

Một viên chức ở xưởng đóng tàu của hải quân giết một nhân viên hỏa xa người Việt bằng cách xô anh vào một đồng than hồng sau khi đánh đập anh hết sức tàn nhẫn.



Ông Vi-nhê Đốc-tông viết : « Trên thế giới không có dân tộc chiến bại nào bị đàn áp và hành hạ như người dân thuộc địa ».

Một nhà du lịch khác viết : « Đời sống thuộc địa chỉ làm cho tật xấu của cá nhân phát triển : những kẻ đã nếm mùi chiến tranh thì càng mất hết ý thức đạo đức, càng trụy lạc, bất lương và độc ác, những bọn con buôn và bọn phiêu lưu khác thì càng quen mùi trộm cắp, cướp giết. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và người ta sợ cảnh sát hơn ! Ở đây, bọn nói trên, đôi khi chỉ có một mình với vài người bản xứ, trên một con thuyền hoặc trong một thôn xóm ; vì vậy chúng cướp bóc trắng trợn hơn là người Âu trên thị trường, và đối xử tàn nhẫn hơn với những nông dân nào phản đối chúng ».

Một nhà du lịch thứ ba viết : Khi đặt chân đến đây, tất cả những người Pháp đều nghĩ rằng người Việt-nam là hạng người thấp kém và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người Việt-nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt. Tất cả đều quen tự coi mình thuộc một đẳng cấp quý tộc mới, có đặc quyền đặc lợi. Binh sĩ hay là thực dân, họ đều cho rằng giữa họ và người bản xứ không có cách đối xử nào khác hơn là sự đối xử giữa chủ và tớ. Hình như đối với họ, người bồi là tiêu biểu của cả chủng tộc da vàng. Phải nghe một người Pháp ở Đông-dương nói về người da vàng mới thấy hết cái ngu xuẩn trong lối nói ngạo mạn của hần. Phải nhìn một người Âu đối xử với người bản xứ mới thấy hết cái cực cần thô lỗ của hần.

Kẻ đi chinh phục rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bị chinh phục. Người Việt-nam ở thành thị cũng như ở nông thôn đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt người Âu.

Một tên mật thám Pháp đánh đập tàn nhẫn những người Việt-nam nào quên không gọi hắn ta bằng quan lớn. Một tên tham tá nhà đoan buộc những người bản xứ khi đi qua nhà hắn phải ngả mũ hoặc xuống xe, xuống ngựa. Một hôm, nhà khai hóa này đánh đập tàn nhẫn một chị người Việt đang có mang, chỉ vì tuy chị có chào hắn, nhưng lại quên gọi hắn là quan lớn. Hắn đá một cái rất mạnh vào bụng chị làm chị trụ thai, ít lâu sau thì người đàn bà khốn khổ ấy chết.

Các quan bảo hộ của chúng ta buộc người Việt-nam phải khúm núm ngoan ngoãn, dễ bảo và lễ phép, nhưng ngược lại, về phía các quan, thì như một nhà văn sang thăm Đông-dương đã viết: «Hình như họ chỉ làm những điều khiến cho sự có mặt của chúng ta trở thành một điều xấu xa bỉ ổi không ai chịu được». Nhà văn ấy còn viết tiếp: «Ở châu Âu người ta coi giống người da vàng chứa đựng tất cả những thói điều ngoa xảo trá. Ấy thế mà, chính chúng ta thì lại rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng, thành thật».

Có những sĩ quan đã giết râu nhà sư ngay trong lúc họ làm lễ. Một cậu ấm người Pháp đã đánh như đòn một viên chức người Việt, vì ông này đã ngồi trước trên một chiếc xe hàng mà không chịu nhường chỗ cho cậu.

Một viên toàn quyền vừa về tới Mác-xây, người ta thiết tiệc ông ta và đề nghị cho mấy viên quan

Nam triều đang có mặt ở cảng đến cùng dự. Viên toàn quyền Đông-dương đáp : « Nếu các ông mời các tên quan lại ấy, thì tôi cũng sẽ đưa tên bồi của tôi đến ».

* *

Chúng tôi xin trích trong nhật ký đi đường của một anh lính thuộc địa, sự việc sau đây :

— Trong khi « những người từng ở Bắc-kỳ » đang vui chơi nhõn nhơ trên tàu, thì dưới mạn tàu phía bên phải, có mấy chiếc xuồng bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người Việt-nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào, rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ có mắt công chọn. Nhưng đáng lẽ trả tiền, thì người ta lại có nhĩa ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau : ống điếu, khuy quần, mẩu tàn thuốc (có lẽ họ làm như thế để giáo dục tính ngay thật trong việc mua bán cho người bản xứ chẳng !). Đôi khi để đùa vui, một anh thợ dệt máy hất một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Thế là, những tiếng kêu rú lên, mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho xuồng va chạm vào nhau lộc cộc.

« Ngay bên dưới tôi, một người Việt-nam bị giội nước sôi, *bồng từ đầu đến chân*, phát điên lên muốn nhảy xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, bỏ chèo, ôm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chớp nhoáng vừa chấm dứt thì một thùng nước sôi thứ hai do một bàn tay thành thạo lại giội xuống ; thế là đến lượt *chính người anh, người đi cứu, bị luộc chín*. Tôi trông thấy ông ta giẫy giữa trong thuyền,

da bị lột ra, gào rống lên như một con vật. Thế nhưng cảnh đó lại làm cho chúng tôi cười, chúng tôi cho là rất ngộ nghĩnh. *Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!*»

Ở một trang khác, anh lính viết:

— Trong thời kỳ tôi ở đây (ở Bắc-kỳ), không có tuần nào là tôi không thấy vài cái đầu rụng.

Trong những cảnh ấy, tôi chỉ còn ghi nhớ được một điều là chúng ta còn độc ác, còn dã man hơn cả bọn kẻ cướp nhà nghề. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một người tù sắp phải chết? Tại sao lại dùng nhục hình, tại sao phải giải từng đoàn tù đi bêu khắp xóm làng?

*
* *

Ông Du-me, cựu toàn quyền Đông-dương, đã trình trọng phát biểu tại hạ nghị viện như sau: «Tôi hiểu rõ những cảnh binh ở thuộc địa. Tôi đã từng cho tăng số đội cảnh binh lên, vì tôi đã nhận thấy rằng lực lượng cảnh binh bảo đảm cho người bản xứ tránh được những sự hà lạm có thể do một số tên thực dân gây ra. *Cảnh binh rất được lòng người bản xứ*».

Chúng ta hãy xem các ông cảnh binh đã làm thế nào để «được lòng dân». Phải nói ngay rằng nhìn chung, các ông rất hiền từ đối với bọn côn đồ, đó là điều chắc chắn rồi. Nhưng đối với dân hiền lành thì lại là chuyện khác. Chúng ta chưa cần nói đến chuyện thương tâm xảy ra tại khám lớn Sài-gòn năm 1916, năm mà các ngài cảnh binh, do «nhiệt tình yêu nước», đã bắt người bừa bãi, và

những người vô tội bị bắt ấy đã bị kết án và hành hình. Dù máu người Việt-nam nhuộm đỏ « đồng Mả ngục » có phai đi với thời gian chẳng nữa, thì vết thương lòng của những bà mẹ già, những người vợ góa, những đứa con cô không bao giờ hàn gắn được. Bọn thủ phạm gây ra vụ đó, mà cảnh binh là công cụ hèn mạt của chúng, không hề bị trừng trị, chúng cũng chưa hề bị truy tố. Bây giờ, chỉ xin nêu một vài trường hợp đặc biệt :

Một viên cảm ở Bắc-kỳ suốt ngày đi dọc các cống rãnh, bảo là đề gìn giữ vệ sinh. Hễ bắt gặp được dù chỉ một cuộng cỏ trên dòng nước, là tức khắc hấn trừng trị và phạt tiền những người dân nghèo khổ ở quanh đấy.

Ở miền Tây Nam-bộ, nhằm tránh tai nạn trong các kênh có thuyền bè đi lại, mỗi con kênh đều có một trạm cảnh binh làm nhiệm vụ kiểm soát không cho thuyền bè đi quá nhanh hoặc làm trở ngại giao thông. Nhưng với sự có mặt của bọn cảnh binh, thì đó là một cái « cửa cống » tuôn ra không biết bao nhiêu vụ phạt tiền, phạt vi cảnh. Hầu hết thuyền bè qua lại trên các kênh lạch có trạm cảnh binh ấy đều bị phạt từ một đến hai đồng. Như thế là ngoài các khoản thuế của nhà nước chồng chất lên ngấp đầu, còn thêm thuế sông nước do các ngài cảnh binh « được lòng dân » đặt ra nữa ; nên người dân Việt-nam thật là sung sướng, sung sướng lắm !

Ngoài việc thăng thưởng dành cho những người đắc lực nhất, nghe đâu các ngài cảnh binh còn được hưởng món hoa hồng bằng 20% số tiền phạt nữa thì phải ! Chế độ tốt đẹp thay !

Một tờ báo bản xứ viết: « Dân bản xứ không muốn có cảnh binh Pháp nữa vì đó thường là mối tai họa cho người lương thiện ».

* *

Một gã Puốc-xi-nhông nào đó thấy một người Việt-nam dám tò mò và cả gan nhìn vào nhà hắn trong vài giây, hắn đã nhảy xổ ra đánh và giết anh ta bằng một phát súng lục vào đầu.

Một nhân viên hỏa xa người Pháp ở Bắc-kỳ, lấy roi mây quất một người lý trưởng, rồi bắt nhốt vào cũi chó.

Ông Béc đấm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông Bơ-rét, thầu khoán, trói một người Việt-nam cho chó cắn, rồi đá anh ta cho đến chết.

Ông Đáp-phi, chủ sự thuế quan, đá vào hông người đầy tớ một cái rất mạnh làm anh này chết tươi.

Ông Hăng-ri, thợ máy, nghe có tiếng ồn ào ngoài phố; cửa nhà ông vừa mở; một chị người Việt-nam chạy xộc vào, có một người đàn ông bản xứ đuổi theo. Hăng-ri tưởng người đàn ông kia ghẹo « con gái »¹⁾ của mình, liền vớ ngay khẩu súng săn, bắn một phát, người kia ngã gục.

1) Hồi Pháp thống trị nước ta, người Pháp thường nuôi những người thiếu nữ Việt-nam vừa làm người hầu hạ, may vá, vừa làm trò chơi; chúng gọi những người ấy là « con gái ». Khi một người Pháp nói « *ma con gái* », (đứa con gái của tôi) cũng như nói « *mon boy* » (người bồi của tôi) vậy.

Một người Pháp đem ngựa của hắn buộc vào một tàu ngựa trong đó đã có con ngựa cái của một người dân bản xứ. Con ngựa đực lồng lên làm cho người Pháp tức điên đầu. Hắn liền đánh người bản xứ ấy học máu mồm máu mũi, rồi trói anh ta lại, treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (vâng, một tông đồ hiền lành của Chúa !) nghi cho một học sinh chủng viện bản xứ lấy cắp một nghìn đồng, hắn trói anh ta lại rút lên xà nhà mà đánh. Người học sinh tội nghiệp kia ngắt đi. Hắn hạ anh ta xuống. Anh hồi tỉnh, hắn lại rút anh lên, tra khảo. Người bản xứ đó dở sống dở chết. Có lẽ hôm nay thì đã chết thật.

Vân vân và vân vân.

Tòa án có trừng phạt những kẻ ấy, những nhà khai hóa ấy không ?

Một số đã được tha bổng, còn một số thì chẳng hề bị động tới lông chân.



Một tên thực dân Pháp thấy ba người bản xứ thả cừu vào vườn ô-liu của hắn. Hắn bảo vợ đem súng đạn ra, nấp vào bụi rậm, hắn bắn ba phát, làm bị thương nặng cả ba người.

Một tên thực dân Pháp khác có hai công nhân người bản xứ giúp việc là Am-đu-ni và Ben-ben-khia. Hai người này hình như có hái trộm vài chùm nho. Tên thực dân liền cho gọi họ đến, lấy roi gân bò quất xối xả vào họ cho đến chết ngất. Khi họ tỉnh lại thì quan lớn bảo họ sai trói giật cánh khuỷu lại và treo lên. Mặc dù hai người

khốn khổ kia đã mê man bất tỉnh, cuộc hành hạ ghê tởm đó vẫn cứ kéo dài suốt bốn tiếng đồng hồ cho đến khi có người lảng giềng phản đối mới thôi.

Khiêng vào bệnh viện, mỗi người bị cưa mất một bàn tay. Còn bàn tay kia cũng không chắc gì cứu khỏi.

*

Một người Việt-nam, 50 tuổi, từng làm việc 25 năm ở sở xe lửa Nam-kỳ, đã bị một viên chức đa trắng giết chết. Đầu đuôi như sau :

Ông Lê-Văn-Tài có bốn người giúp việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho thuyền bè qua lại. Theo lệ thì phải đóng cầu mười phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2 tháng 4, hồi 16 giờ 30 phút, một người trong bọn họ vừa mới đóng cầu và treo tín hiệu xong thì một *xuồng máy công đi đến ; trên xuồng có một viên chức người Pháp của xuồng đóng tàu hải quân đi sẵn về*. Chiếc xuồng kéo còi. Nhân viên bản xứ liền ra giữa cầu phất cờ đỏ báo cho những người trên xuồng biết xe lửa sắp chạy qua. Thế là chiếc xuồng cập vào một trụ cầu. Người viên chức Pháp nhảy lên bờ hăm hăm đi về phía người Việt-nam. Anh này khôn ý chạy về phía nhà ông Tài là « xếp » của mình. Người Pháp đuổi bắt, lấy đá ném theo. Nghe tiếng ồn ào, ông Tài chạy ra, đón viên đại diện của văn minh, thì viên này sừng sộ mắng vào mặt ông : « Đồ súc sinh ! Tại sao mày không mở cầu ra ? ». Vốn không biết nói tiếng Pháp, ông Tài chỉ còn biết trả lời hần bằng

cách trở tay vào cái tín hiệu màu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho vị cộng sự của ngài toàn quyền Lông phát khùng lên. Không phân phải trái, hắn ta nhẩy xổ vào ông Tài và sau khi đánh ông như tử, hắn xô ông vào một đồng than hồng gần đó.

Người Việt-nam gác cầu ấy bị bỏng một cách rùng rợn, phải chở đến nhà thương, và sau sáu ngày giãy giụa, ông đã chết.

Người viên chức kia vẫn được vô sự, không bị đòi hỏi gì cả. Trong lúc ở Mác-xây người ta trưng bày sự phồn vinh giả tạo của xứ Đông-dương, thì ở Trung-kỳ dân đang chết đói. Ở đây người ta ca ngợi lòng trung thành, thì ở bên kia người ta đang giết người!

Trong khi tính mạng một người Việt-nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh, thì ngài tổng thanh tra Rê-na chỉ bị sưng một chút da ở cánh tay lại được lĩnh đến 120.000 phơ-răng tiền bồi thường.

*

* *

Công cuộc khai hóa người Ma-rốc bằng đại bác vẫn tiếp diễn.

Một viên chỉ huy bộ binh Zu-a-vơ ¹⁾ đóng ở Xét-tát, đã nói với binh sĩ như thế này: « Chúng ta phải diệt cho xong lũ man rợ này. Đất Ma-rốc giàu khoáng sản và nông sản. Chúng ta, những người

1) Zouaves. (Danh từ dùng để chỉ những binh lính thuộc những đơn vị quân đội thực dân Pháp lúc mới thành lập chỉ gồm những người bản xứ An-giê-ri ở vùng Zouagha, một địa phương thuộc miền núi nước An-giê-ri, giáp giới Tuy-ni-di).

Pháp, những người văn minh, chúng ta đến đây với hai mục đích : khai hóa và *làm giàu cho chúng ta* ».

Viên chỉ huy ấy nói đúng đấy. Nhất là ông ta đã thành thật thú nhận rằng người ta sang thuộc địa là để cướp bóc người bản xứ. Bởi vì chỉ sau 10 năm đặt dưới chế độ bảo hộ, xứ Ma-rốc đã bị người Âu cướp mất 379.000 héc-ta đất trồng trọt, trong đó 368.000 héc-ta đã lọt vào tay những người Pháp khai hóa. Diện tích Ma-rốc có 815.000 ki-lô-mét vuông ; nếu công cuộc khai hóa cứ tiếp tục với đà ấy thì chẳng mấy năm nữa, người dân Ma-rốc khốn khổ sẽ không còn lấy một tấc đất tự do nào để trồng trọt và sinh sống trên Tổ quốc mình mà không phải chịu cái ách bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa thực dân.

Chương VI

TỆ THAM NHƯNG TRONG BỘ MÁY CÀI TRỊ

Ngân sách Nam-kỳ chẳng hạn, năm 1911 là 5.561.680 đồng (12.791.000 phơ-răng) ; năm 1912 là 7.321.817 đồng (16.840.000 phơ-răng). Năm 1922, ngân sách đó lên tới 12.821.325 đồng (96.169.000 phơ-răng). Một con tính đơn giản cho chúng ta thấy giữa hai năm 1911 và 1922, trong ngân sách của thuộc địa này có một sự chênh lệch là 83.369.000

phơ-răng. Số tiền đó chạy vào đâu? Tất nhiên là vào các khoản chi về nhân sự, vì các khoản này gần hết 100% tổng số thu.

Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân Việt-nam khốn khổ đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được. Chúng tôi chưa biết đích xác số tiền chi tiêu cho vua An-nam sang ngao du bên Pháp, chỉ biết rằng, để đợi ngày lành cho con Rồng tre¹⁹ xuống tàu, người ta đã phải bồi thường cho tàu Póc-tốt-xơ trong bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 phơ-răng (tức là 400.000 phơ-răng tất cả). Tiền tàu hết 400.000 phơ-răng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 phơ-răng (chưa kể tiền lương trả cho bọn mật vụ để theo dõi Việt kiều ở Pháp), 77.600 phơ-răng trả tiền ăn ở tại Mác-xây cho lính khố xanh dùng để « bông súng chào » Cụ lớn Bộ trưởng thuộc địa và Hoàng thượng.

Vì nói đến Mác-xây, nên nhân tiện cũng thử xem cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tốn phí bao nhiêu. Trước hết ngoài bọn có thể lực ở chính quốc ra, người ta còn cho mời ba chục viên chức cao cấp ở các thuộc địa về; bọn này phè phỡn ở đường phố Can-nơ-bi-e¹⁾ mà vẫn được lính phụ cấp cả ở triển lãm lẫn ở thuộc địa. Riêng Đông-dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc triển lãm này. Và các bạn có biết người ta đã chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Một ví dụ: việc dựng lại cái mô hình nổi tiếng của các cung điện Ăng-co

1) La Cannebière. (Tên một đường phố đông đúc ở Mác-xây).

đã tốn 3.000 mét khối gỗ, giá 400 hoặc 500 phơ-răng một mét khối. Tức là: từ 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn phơ-răng!

Còn nhiều ví dụ khác về sự phung phí nữa. Trong việc di lại của quan toàn quyền, xe hơi và xe luých vẫn chưa đủ, còn phải có một toa xe lửa đặc biệt nữa kia; việc sửa sang toa xe đó tốn cho ngân khố 125.250 phơ-răng.

Trong vòng mười một tháng hoạt động, nha kinh tế (?) đã làm hao phí công quỹ Đông-dương một số tiền 464.000 phơ-răng.

Tại trường thuộc địa, nơi « chế tạo » ra những nhà khai hóa tương lai, 44 giáo sư đủ các loại được đài thọ để dạy từ 30 đến 35 học viên. Lại phải tốn hàng nghìn phơ-răng nữa.

Công việc thanh tra thường xuyên các công trình phòng thủ thuộc địa hàng năm tốn cho ngân sách 785.168 phơ-răng. Thế nhưng các ngài thanh tra thì không bao giờ rời khỏi Pa-ri và đối với các thuộc địa thì các ngài cũng không hiểu biết gì hơn là hiểu biết ông trăng già!

Nếu chúng ta đến các thuộc địa khác, thì ở đâu, chúng ta cũng thấy một tình trạng tẻ lậu như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn « kinh tế » không chính thức, ngân khố Mác-ti-ních « nhẹ bồng đi » mất 400.000 phơ-răng. Trong vòng 10 năm, ngân sách Ma-rốc từ 17 triệu tăng lên 290 triệu phơ-răng, mặc dầu người ta đã giảm 30% các khoản chi tiêu cho lợi ích địa phương, tức là những khoản chi tiêu có thể có lợi cho nhân dân bản xứ!



Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: « So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện! » Mặc dù đồng lương rất hậu (một nhân viên Pháp mới bổ dụng, dù có dốt đặc đi nữa, lương ít nhất cũng 200 đồng = 2.000 phơ-răng mỗi tháng), nhưng các ngài viên chức ấy vẫn không bao giờ thỏa mãn. Họ muốn kiếm chác nhiều hơn, bằng đủ cách.

Học bổng thì cấp cho các cậu ấm con các quan công sứ, hoặc các quan cai trị tại chức mà lương được coi như quá thấp (từ 4 vạn đến 10 vạn phơ-răng).

Có thể nói một số phiên họp của hội đồng quản hạt chỉ là để bàn việc cướp giật công quỹ một cách có phương pháp. Riêng một ông chủ tịch nào đó của hội đồng đã được lãnh thầu những công việc trị giá hai triệu phơ-răng rồi. Ông đồng lý sự vụ nọ, đại diện của chính phủ trong hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận. Việc làm một con đường kéo dài năm này qua năm khác chẳng ai kiểm tra đem lại cho một vị thứ ba những món lợi thường xuyên đều đặn. Chức vụ thầy thuốc của các viên chức Đông-dương đem lại cho vị thứ tư một khoản lương khá hậu. Vị thứ năm được bổ làm thầy thuốc các công sở thành phố. Vị thứ sáu nhận cung ứng giấy và in tài liệu cho chính phủ. Cứ thế, vân vân và vân vân.

Kho bạc có vơi đi chút ít thì đã có những quý quan làm cho nó đầy lại một cách nhanh chóng. Với quyền hành sẵn có, họ sức cho dân bản xứ biết nhà nước cần một khoản tiền bao nhiêu đó,

rồi họ phân bổ cho các làng phải đóng góp. Và các làng lo vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

Khi một viên khâm sứ cần thanh toán một khoản tiền gì đó thì ngài phát hành các bằng sắc để bán. Người ta kể lại ở một tỉnh nọ, một vụ kinh doanh kiểu ấy đã thu được tới 10.620 phơ-răng. Mà những vụ như thế không phải hiếm.

Một trong những quan khâm sứ của chúng ta, vì tiêu hết trước hạn mấy tháng tất cả kinh phí cho chiếc xà-lúp đã bắt công quỹ hoàn lại cho ngài các khoản chi phí về một cuộc lễ tiết nào đó không ai biết rõ, nhưng nói rằng nhà vua đã được mời ngự trên xà-lúp.

Các tay chào hàng cho văn minh và dân chủ quả thật thông thạo về cái ngón xoay xử kiểu Đ.

*

* *

Một cựu toàn quyền Đông-dương, một hôm đã thú nhận rằng thuộc địa này đầy rẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà thường chẳng được tích sự gì cả.

Một người thực dân viết: quá nửa số viên chức ấy, từ các quan đầu tỉnh đến các quan chức khác, đều không đủ tư cách cần thiết của những con người được giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm như thế.

Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người Việt-nam khốn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi. Họ đóng góp không những để trả lương cho những viên chức giữ những chức vụ vô dụng, mà còn để trả lương

cho cả những viên chức không có chức vụ gì cả ! Năm 19..., 250.000 phơ-răng đã tan biến đi như thế.

Một chiến hạm đã được dành riêng cho sự đi lại của một cụ lớn. Việc sửa sang chiếc chiến hạm đã tốn 250.000 phơ-răng, ấy là chưa kể những khoản « chi phí linh tinh » mà Đông-dương phải đài thọ cho mỗi chuyến đi là trên 80.000 phơ-răng.

Quan toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài tráng lệ của ngài ở tại Sài-gòn và Hà-nội, còn phải cần thêm cho ngài một biệt thự ở bãi biển nữa. Ngân sách Đông-dương lại phải « è lưng ra gánh ».

Năm 19..., một tay nước ngoài¹⁾ tai to mặt lớn nào đó ghé qua Sài-gòn, đã được viên thống đốc đón tiếp một cách đế vương. Bốn ngày liền ăn chơi phè phỡn thả cửa, yến tiệc, rượu chè lu bù, rốt cuộc xứ Nam-kỳ tội nghiệp phải tính sổ trả 75.000 phơ-răng.

Các quan cai trị đều là những ông vua con. Họ muốn xung quanh mình cái gì cũng xa hoa tráng lệ, và nói rằng, có thế mới nâng cao được uy tín của họ đối với người bản xứ. Một viên công sứ nọ đã lập cả một đội kỵ mã cận vệ và không bao giờ hấn đi đâu mà không có đội ấy theo hầu. Ở tất cả các tòa sứ đều có từ 6 đến 11 con ngựa và năm sáu cỗ xe sang trọng đủ kiểu : độc mã, song mã, tứ mã²⁾ v.v.. Ngoài những phương tiện đi

1) *Un Tartempion de marque étranger*. (Tartempion là một danh từ riêng đặt ra dùng để chỉ một anh chàng cha căng chú kiết nào đó).

2) Trong nguyên bản, tác giả kể đủ các kiểu xe như : *victorias, mylords, tilburys, malabars*, v.v..

lại đã quá thừa ấy, còn thêm những xe hơi mỹ lệ, tốn cho công quỹ hàng vạn đồng. Một viên quan cai trị nọ còn có cả một tàu ngựa đua.

Tiền nhà cửa, bàn ghế, điện nước của các vị đó đều do công quỹ đài thọ cả. Ngoài ra, những người đánh xe, lái xe, giữ ngựa, làm vườn, tóm lại, tất cả những kẻ hầu người hạ của họ cũng đều do nhà nước trả tiền công.

Thậm chí những cuộc giải trí về văn chương của những người tốt số ấy cũng lại do nhà nước trang trải. Một viên quan cai trị đã ghi vào ngân sách 900 đồng tiền sưởi ấm, 1.700 đồng mua báo chí! Một vị khác đã dùng mảnh lối kế toán để biến tiền mua sấm áo khoác ngoài, đàn dương cầm, đồ trang sức thành khoản vật liệu tu bổ tòa sứ, hoặc những khoản tương tự như thế để bắt ngân sách nhà nước phải chịu.

*
* *

Dù trước kia họ là những anh hàng cháo, hoặc giám thị trong các nhà trường, nhưng khi đã đặt chân đến thuộc địa là các nhà khai hóa ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương. Một viên quan cai trị dùng năm sáu lính khố xanh để chặn dê cho mình; một viên khác bắt lính có nghề điêu khắc chạm trổ cho mình những tượng phật xinh xắn hoặc đóng cho mình những rương hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương.

Theo lệ, một viên giám binh chỉ được lấy một lính hầu, thế mà người ta kể, có một ngài đã dùng:

Một viên đội làm quản gia, một đầu bếp, ba bồi, hai phụ bếp, ba người làm vườn, một hầu phòng, một người đánh xe, một người giữ ngựa.

Còn bà lớn thì dùng: một thợ may, hai thợ giặt, một thợ thêu ren, một thợ đan lát.

Và cậu ấm thì có một người bồi riêng không lúc nào rời cậu nửa bước.

Một người mắt thấy kể lại: chỉ trong một bữa ăn thường, không phải yến tiệc gì, ở nhà một viên quan cai trị, cũng thấy đằng sau mỗi người ngồi ăn có một lính đứng hầu chờ thay đĩa và đưa món ăn. Và tất cả lính hầu trong phòng ăn đều do một viên đội nhất chỉ huy!

Chương VII

BÓC LỘT NGƯỜI BÀN XỨ

«Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến».

Vi-nhê Đốc-tông

Trước khi Pháp chiếm cứ xứ này, trong bộ thuế điền thổ các làng, người ta xếp đất ruộng, công cũng như tư, thành nhiều hạng dựa theo các loại cây trồng. Thuế suất ruộng từ năm hào đến một đồng một mẫu, còn đất từ một hào hai đến một đồng tư một mẫu. Mẫu là đơn vị diện tích hình

vuông mỗi cạnh 150 thước. Thước thì dài, ngắn không chừng, tùy từng tỉnh, có thước 42,47, hoặc 64 xăng-ti-mét. Vì thế, diện tích mẫu rộng hẹp khác nhau, có nơi bằng 3.970 mét vuông, nơi 4.900, nơi 6.200 mét vuông.

Đề tăng thu nhập cho nhà nước, người ta đã định một thước thống nhất là 40 xăng-ti-mét, non hơn tất cả các thứ thước thông dụng, do đó mỗi mẫu chỉ bằng 3.600 mét vuông. Với cách này, thuế điền thổ tăng lên theo tỷ lệ khác nhau tùy từng tỉnh: có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba.

Từ năm 1890 đến năm 1896, thuế trực thu tăng gấp đôi; từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Làng nào bị tăng thuế cũng cắn răng mà chịu; hỏi còn biết kêu vào đâu? Được thế các ngài công sứ càng làm già. Nhiều người Pháp coi việc các làng ngoan ngoãn đóng thuế như vậy là một bằng chứng rõ ràng rằng mức thuế không có gì là quá đáng!



Thuế thân tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi. Những thanh niên chưa vào sổ đinh, nghĩa là còn dưới 18 tuổi, trước kia không phải nộp gì cả thì nay phải nộp ba hào mỗi người, tức là hơn gấp đôi một suất đinh trước kia.

Theo nghị định ngày 11 tháng 12 năm 1919 của thống sứ Bắc-kỳ, thì tất cả người bản xứ, từ 13 đến 60 tuổi đều phải đóng một suất thuế thân đồng loạt là hai đồng rưỡi.

Mỗi người Việt-nam lúc nào cũng phải mang theo mình thẻ thuế thân, khi hỏi phải xuất trình; ai quên hoặc đánh mất sẽ bị bắt bỏ tù.

Đề bù vào chỗ đồng bạc bị sụt giá, toàn quyền Du-me chỉ cần làm một việc đơn giản là tăng số đinh lên!

Mỗi năm người ta phân bổ cho mỗi làng một số nhất định về đinh và điền thuộc các hạng. Nhưng khi cần tăng thêm nguồn thu thì thế nào? Thì cứ việc chữa lại các con số của tài khóa rồi bắt các làng phải đóng thuế cho số đinh và điền cao hơn con số đã phân bổ đầu năm. Vì thế, tỉnh Nam-định (Bắc-kỳ) tổng diện tích chưa đến 120.000 héc-ta nhưng thống kê đã ghi đến 122.000 héc-ta ruộng, và người dân Việt-nam buộc phải nộp thuế cho những ruộng không có trên thực tế! Có kêu cũng chả ai thèm nghe!

Thuế má không những nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi.

Một số thuế lưu thông hàng hóa cũng giống như thế. Vả lại, đánh thuế như cách sau đây thì làm sao mà công bằng được: Người ta cấp giấy phép lưu thông cho 150 ki-lô-gam thuốc Lào, sau đó lại bố trí để đánh thuế được nhiều lần cũng món hàng đó mỗi khi nó chuyển sang tay chủ khác, mỗi khi số 150 ki-lô-gam ấy được phân phối cho ba, bốn khách mua? Chẳng còn luật lệ nào khác ngoài sự tùy tiện của bọn nhà đoan. Bởi vậy, người Việt-nam rất sợ bọn nhà đoan, cứ thoáng thấy chúng là họ vút ngay giữa đường những thùng muối, thùng cau, hoặc thuốc Lào của họ: thả vút của đi còn hơn là phải đóng thuế hết khoản này đến

khoản khác mãi mãi không thôi. Ở một số vùng nhân dân buộc lòng phải nhổ thuốc, chặt cau, để tránh những phiền nhiễu vì thuế mới.

Ở Luông Pra-băng, nhiều phụ nữ nghèo khổ thảm thương phải mang xiềng đi quét đường chỉ vì một tội không nộp nổi thuế.

Tỉnh Bắc-ninh (Bắc-kỳ) bị lũ lụt tàn phá, thế mà cũng phải nộp 500.000 đồng tiền thuế.



Các bạn đã nghe ông Mô-ri-xơ Lôg, toàn quyền Đông-dương, ông An-be Xa-rô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa, và báo chí của họ — một thứ báo chí vô tư — khua chiêng gõ trống về thành công của công trái Đông-dương. Nhưng họ lại giữ kín không nói là đã dùng biện pháp gì để đi đến thành công đó. Họ sợ lộ bí quyết nhà nghề. Kề cũng phải. Và bí quyết ấy là như thế này: trước hết, họ đem khoản lợi tức công trái ra để câu những kẻ ngây thơ. Nhưng ngón ấy không ăn thua mấy, họ bèn bắt các xã phải bán công sản đi để mua công trái. Cũng vẫn không đủ, họ liền đòi những người có máu mặt đến, ấn cho mỗi người một biên lai trước, thế là những người này chỉ còn có việc chạy vạy nộp cho đủ khoản tiền đã ghi sẵn trong biên lai. Vì ruột kết của chính phủ thì rộng thênh thang, mà số những nhà công thương bản xứ thì không nhiều, cho nên số công trái ấn vào cho họ không đủ để nhét đầy cái ruột kết không đáy kia. Thế là cái nhà nước quen gõ cứ gõ mãi vào đám đông đã bị gõ nhiều nhất: người ta bắt hai, ba, bốn người dân

nghèo, hoặc nhiều hơn nữa, phải mua chung một cỗ phiếu!

Dưới đây là một thí dụ về cái ngôn mà các quan cai trị của chúng ta thường dùng để móc tiền trong túi người bán xứ.

Ở một tỉnh thuộc miền Tây Nam-kỳ, trước ngày mở công trái mấy tuần, viên tỉnh trưởng họp tất cả các chánh tổng trong tỉnh lại để hiệu dụ về thẻ thức mua công trái. Sau khi những lời hiệu dụ của ông ta được người thông ngôn dịch xong, viên tỉnh trưởng kết luận:

— Thế đấy. Nhiệm vụ của tôi là giải thích cho các ông hiểu. Bây giờ thì mua đi! Rồi « quan lớn » quay lại hỏi viên chánh tổng đứng bên cạnh:

— Thế tổng ông nhận mua bao nhiêu nào?

Viên chánh tổng thảm hại kia bị hỏi đột ngột, ấp úng trả lời rằng, vì chưa gặp được dân để tìm hiểu khả năng của họ, nên chưa thể nói ngay được con số sẽ mua là bao nhiêu.

Quan lớn liền thét:

— Câm cái mồm lại, anh không xứng đáng là chánh tổng! Tôi cách chức anh!

.....

Công trái đã mở. Viên thống đốc Nam-kỳ đi kinh lý, ghé lại tỉnh lý hỏi xem từ một tuần nay số công trái bán được là bao nhiêu.

— Nghe báo cáo là bảy vạn ba nghìn đồng, quan lớn tỏ vẻ không hài lòng, vì tỉnh này có tiếng giàu nhất miền Tây Nam-kỳ; vả lại trong những đợt công trái trước, tỉnh này đã mua được nhiều hơn thế kia mà.

Viên thống đốc đi rồi, viên chủ tỉnh quyết định đi một vòng để cỗ động trong toàn hạt. Ông ta đến

thăm tất cả các nhà giàu bản xứ có súng và ấn cho mỗi người một số công trái. Đề cho họ hiểu rằng đây không phải là chuyện đùa, quan lớn tịch thu súng của họ và bảo :

— Phải biết, nếu cứ ý ra thì đừng có hòng được trả lại súng !

Thế là ai nấy đều phải cúi đầu chịu mua cả.

Nhân đây cũng nên nói, chính ông quan lớn này đã chi 30.000 đồng để đắp một con đường dài 9 ki-lô-mét hiện nay nó đang sụt lở xuống dòng kênh bên cạnh. Mong rằng con đường sắt xuyên Đông-dương sẽ tốt số hơn.

*

* * *

Người ta xây một ngôi chùa. Nhân công làm chùa toàn là người nhà pha, do một thân hào hướng dẫn. Sở chấm công thợ hàng ngày ghi rõ ràng đều đặn và thầu khoán cũng trả tiền sòng phẳng. Thế nhưng tiền thì lại chính quan lớn công sứ bỏ túi.

Quan lớn công sứ vừa được thưởng mề đay. Đề mừng ngài, người ta mở một cuộc lạc quyên. Mức đóng góp bắt buộc đối với các quan lại, viên chức, hào lý, tối thiểu phải là 6 đồng. Tất cả thu được 10.000 đồng. Chiếc mề đay ấy quý đấy chứ nhỉ !

Việc cho bao thầu vật liệu để bắc mấy chiếc cầu gỗ và dựng mấy trường làng, đã mang lại cho quan công sứ thanh liêm nhà ta một món quà nhỏ gần 2.000 đồng.

Việc đăng ký trâu bò không mất tiền, nhưng quan lớn công sứ cứ cho phép những kẻ thừa

hành thu mỗi con từ 5 hào đến 5 đồng. Đề đáp lại, bọn này cứ đóng cho ngài mỗi tháng 200 đồng.

Việc xếp hạng ruộng đất một cách gian dối còn đem thêm 4.000 đồng cho ông quan vừa mới được gán mẽ đây ấy.

Việc nhượng trưng bắt hợp pháp mấy héc-ta đất lại cho chui thêm vào túi ngài 2.000 đồng nữa.

Là nhà khai hóa, là nhà ái quốc, và cũng là môn đồ của chủ nghĩa cực đoan, quan lớn công sứ đã biết lợi dụng rất có kết quả những đợt « công trái Chiến thắng » — xin nhớ rằng cứ mỗi lần chiến thắng là một lần mở công trái, và cứ mỗi năm lại có một lần chiến thắng. Trong lần mở công trái năm 1920, có mấy làng đã mua 55.900 phơ-răng theo hời suất một đồng ăn 10 phơ-răng 25, tức là họ đã bỏ ra 5.466 đồng. Năm 1921, đồng bạc sứt giá chỉ còn 6 phơ-răng, cụ sứ bèn hào hiệp thu về cho cụ các cổ phiếu đó và bỏ ra 5.466 đồng hoàn lại cho các làng. Về sau, do giá đồng bạc Đông-dương lên, cụ đã vớ gọn 9.325 đồng.

*

* *

Tin sau đây chúng tôi trích ở tờ *Công báo*, nói về buổi họp thứ nhất, ngày 22 tháng 12 năm 1922 :

« Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều lính Phi gửi ngân phiếu cho gia đình, với những số tiền nhiều khi rất lớn. *Nhưng các ngân phiếu ấy không bao giờ đến tay người nhận cả* ».

Một bạn đồng nghiệp lại vừa cho chúng tôi biết một « hiện tượng » tương tự như thế. Lần này, thì

sự việc xảy ra ở đảo Rê-uy-ni-ông. Đã nhiều tháng nay nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả. Tờ báo viết :

« Hiện tượng ấy làm cho cả người gửi hàng lẫn người không nhận được hàng đều phải lấy làm lạ.

« Nhiều người khiếu nại. Cuộc điều tra mới mở đã rọi ngay được ánh sáng vào điều bí mật nói trên, và phát hiện ra một loạt vụ đánh cắp được tiến hành một cách chu đáo và kiên trì lạ thường.

« Người ta bắt một nhân viên, rồi một nhân viên nữa, rồi đến lượt ông « xếp », và cuối cùng, khi tất cả nhân viên đã bị còng tay thì đến phiên ông giám đốc ngành bưu điện cũng theo họ vào tù nốt.

« Mỗi ngày cuộc điều tra lại đưa ra ánh sáng vài sự việc mới. Số bưu kiện bị đánh cắp trị giá trên 125.000 phơ-răng. Giấy tờ kế toán đều làm gian cả. Sổ sách gian lận rồi beng đến nỗi phải mất hơn 6 tháng mới gỡ ra được.

« Ở trong một ngành nào đó đôi khi có thể có một vài viên chức gian tham, song rất ít khi lại có cả một ngành suốt từ trên xuống dưới nhiễm phải bệnh ăn cắp đến như vậy ; điều lạ kỳ hơn nữa là *tại sao tất cả bọn ăn cắp ấy lại có thể hoành hành được trong mấy năm ròng mà vẫn được bình yên vô sự* ».

*

* . *

Trong dịp nghị viện thảo luận dự luật về kinh phí hàng không quân sự, trong đó có khoản kinh phí mà các thuộc địa, nghĩa là người bản xứ, buộc

phải nhả tiền ra đóng (Đông-dương 375.000 phơ-răng, Tây Phi 100.000 phơ-răng), ông Mô-ri-nô, nghị viên An-giê-ri, có nói :

« Thừa các bạn thân mến, trong dịp này, các bạn hãy cho phép tôi tiếp theo những lời ca tụng những người Pháp dũng cảm đã lập được một chiến công đẹp đẽ như thế, chiến công mà tờ *Thời báo*¹⁾ đánh giá là kỳ diệu, được nói lên tấm lòng cảm phục của tất cả chúng ta đối với họ; sự cảm phục đó ông Xi-tơ-rô-en, nhà công nghiệp « chí công vô tư » cũng xứng đáng được dự phần, vì ông đã không ngần ngại giúp đỡ phương tiện tài chính và kỹ thuật cho họ. (*Vỗ tay*).

« Việc gì đã xảy ra sau sự kiện vĩ đại ấy ?
« *Ấy là việc các đồn đóng ở miền Nam An-giê-ri lập tức đặt mua thứ phương tiện vận tải vô song ấy cho sa mạc Xa-ha-ra mà người ta gọi là ô-tô dây xích.*

« *Đồn Túc-guốc và đồn U-ác-gơ-la vừa đặt mua hai chiếc — tin này gần đây quan toàn quyền An-giê-ri vừa cho tôi biết.*

« *Tất cả các đồn bột khác của ta tất nhiên rồi cũng sẽ mau chóng được trang bị bằng những thứ đó.*

« Trong một thời gian ngắn, chúng ta cần phải thiết lập thêm bốn, năm đồn mới nữa, để cho có một tuyến đồn bột nối tiếp nhau, cứ khoảng 200 ki-lô-mét có một đồn.

« Đồn mới sẽ được thiết lập, rồi sẽ đặt mua ô-tô dây xích. Thế là tất cả các đồn bột ở Xa-ha-ra sẽ liên lạc được với nhau không khó khăn gì. Việc

1) *Times*.

chuyển vận quân nhu, lương thực từ đồn này sang đồn khác sẽ hết sức dễ dàng. Thư từ sẽ nhận được đều đặn. (Võ tay)»

(Trích Công báo ngày 22 tháng 1 năm 1923)

*

* *

Người dân đi tạp dịch không phải chỉ có dọn dẹp, sửa sang những lối đi quanh tòa sứ để cho vui bước chân nhàn hạ của một vài người Âu châu, mà họ còn phải luôn luôn làm những việc nặng nhọc hơn nhiều tùy theo ý thích của các quan công sứ.

Mới được tin ông Bộ trưởng Bộ thuộc địa sang thăm Đông-dương, thế là người ta bắt ngay một vạn dân đi làm cho xong con đường V.L.,¹⁾ để kịp cho ngài Bộ trưởng làm lễ khánh thành.

Mùa hè năm 18..., một thời gian ngắn trước khi nạn đói tàn phá miền trung Trung-kỳ, người ta đã bắt một vạn dân, có lý trưởng từng làng áp giải, đi đào sông. Đến nơi, một số lớn trong đoàn nhân công khổng lồ ấy không có việc làm. Thế nhưng người ta vẫn giữ họ lại hàng tháng trong lúc đồng ruộng đang cần đến những cánh tay nhàn rỗi ấy. Phải chú ý một điều là chưa bao giờ người ta huy động một lực lượng đông đến như thế, khi cần ngăn ngừa một tai họa chung cho nhân dân. Cuối năm 18..., nếu người ta tổ chức từ Đà-nẵng trở đi một đường dây vận chuyển để tiếp tế

1) Con đường từ Vinh sang Lào.

cho các địa phương bị đói thì đại đa số những người chết đói ở miền Trung đã khỏi bị chết oan; một vạn dân bị bắt đi đào sông nói trên, rất có thể đủ sức phân phối trong vòng một tháng 2.000 tấn gạo cho các nơi bị đói trong các tỉnh của họ.

Công việc làm các con đường đi Đà-nẵng, đi Trấn-ninh và đi Lào còn để lại cho mọi người biết bao kỷ niệm đau đớn. Dân phu phải đi bộ hàng trăm ki-lô-mét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mảy may vệ sinh; không có tổ chức y tế. Trên đường không trạm nghỉ chân, không nhà tạm trú. Họ chỉ được một suất cơm ăn không đủ no với một chút cá khô và phải uống nước bẩn, thứ nước khe núi mà họ rất sợ. Bệnh hoạn, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp.

Nếu không bắt dân đi tạp dịch thì người ta trưng tập họ đi phu, giữa hai cách đó chỉ có một điểm khác nhau là đi tạp dịch thì có thời hạn, còn đi phu thì không. Cả hai cách đều dùng để giải quyết mọi nhu cầu: nhà đoan muốn chở muối chẳng? thì trưng dụng thuyền; muốn làm kho chẳng? thì trưng tập thợ và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Trung tập đi phu thì quả là một sự phát lưu trá hình vụng về. Người ta xua cả từng làng đến công trường, bắt chấp công việc đồng áng, bắt chấp cả những ngày hội tôn giáo. Số người được trở về rất ít. Vả lại, người ta có làm gì để giúp cho người dân phu trở về quê quán đâu!

Trên đường đi lên cao nguyên Lang-biên, đi lên rừng xanh núi đỏ, nơi mà thần chết đang đợi chờ, từng đoàn người dân đi tạp dịch hoặc đi phu trưng

tập, lương thực thiếu thốn, có ngày không có lấy một hột cơm vào bụng, họ đã bỏ trốn từng đoàn, hoặc nổi dậy chống lại, và mỗi khi như thế là bị bọn lính áp giải đàn áp ghê rợn, xác họ rải khắp dọc đường.

Nhà cầm quyền Quảng-châu loan¹⁾ được lệnh bắt phu. Thế là người ta bắt giữ tất cả những người bản xứ đang làm việc ở bến cảng, trói gô lại ném xuống tàu.

Nhân dân Lào, những thổ dân khốn khổ sống trong cảnh luôn luôn nơm nớp sợ đi phu. Mỗi khi bọn sĩ quan phụ trách bắt phu đến làng, bản là chỉ thấy nhà hoang cửa trống, vì dân đã trốn biệt.

Ở tỉnh Thủ-dầu-một, một viên quan cai trị cần một chiếc xe lu. Làm thế nào? Hấn thương lượng với một công ty đấu thầu đang cần nhân công rẻ tiền. Công ty bỏ tiền ra mua xe lu với giá 13.500 phơ-răng. Còn quan thì bắt dân đi tạp dịch cho công ty với giá ngày công 0,50 phơ-răng. Ba năm liền, dân Thủ-dầu-một phải đặt dưới quyền sử dụng của công ty kia, làm xâu để trả tiền chiếc xe lu mà quan lớn cai trị thích mua để dùng trong vườn của ngài.

Ở một tỉnh khác, người dân đi tạp dịch làm hết ngày, còn phải gánh đá không công trên đường dài một ki-lô-mét để xây tường quanh dinh của viên quan cai trị chủ tỉnh.

Như thế là bất cứ lúc nào, người dân Việt-nam cũng có thể bị bắt đi, bị ép làm những công việc

1) *Quảng-châu loan*: Một phần lãnh thổ Trung-quốc ở phía Đông-nam thành phố Quảng-châu.

cực nhọc, mà cơm ăn không no, tiền công rẻ mạt ; bị trưng tập không thời hạn, rồi bị vứt bỏ xa quê hương hàng trăm ki-lô-mét.

*

* *

Nói chung, người Việt-nam đều phải ẻ ra mà chịu công ơn bảo hộ của nước Pháp. Riêng người nông dân Việt-nam lại càng phải ẻ ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách nhục nhã hơn : là người Việt-nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị tước đoạt. Chính họ là những người lao khổ, làm để nuôi lũ người ăn bám, bọn đi khai hóa và những bọn khác. Chính họ phải sống cùng khổ, trong khi bọn đạo phủ của họ lại sống phê phỡn ; hễ mất mùa là họ chết đói. Họ bị cướp giết từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội thiên chúa. Xưa kia, dưới chế độ phong kiến Việt-nam, ruộng đất xếp thành đẳng hạng theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, những điều đó đã thay đổi. Khi cần tiền, nhà nước bảo hộ Pháp chỉ có việc thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế cũng vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất lên một cách giả tạo bằng thủ đoạn rút bớt đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Thế mà vẫn chưa đủ thỏa lòng tham không đáy của nhà nước bảo hộ và hàng năm thuế cứ tăng lên mãi. Thí dụ, từ năm 1890 đến năm

1896, thuế đã tăng gấp đôi. Từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi và cứ như thế mà tiếp tục. Người Việt-nam cứ chịu để cho người ta bóc lột mãi, thì các quan lớn bảo hộ nhà ta quen ăn bển mùi lại càng tiếp tục bóc lột thêm.

Năm 1895, viên công sứ một tỉnh ở Bắc-kỳ đã tước mất của một làng nọ nhiều héc-ta ruộng đất để cấp cho một làng khác theo đạo thiên chúa. Những người mất ruộng khiêu nại. Người ta bắt họ bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ dừng lại ở đó thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải tiếp tục nộp cho đến năm 1910, tiền thuế của những ruộng đất đã bị tước đoạt từ năm 1895.

Thêm vào nạn ăn cướp của chính quyền, là nạn ăn cướp của bọn chủ đồn điền. Người ta cấp cho những người Âu chỉ có cái bụng phệ và màu da trắng những đồn điền có khi rộng trên 20.000 héc-ta.

Phần lớn những đồn điền này đều được lập ra bằng lối cướp giật được hợp pháp hóa. Trong thời kỳ chiến tranh xâm lược, dân cày Việt-nam — cũng như người An-dát-xơ năm 1870, — đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi trở về thì ruộng vườn của họ đã « thành đồn điền » mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt theo kiểu đó, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa đất tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy có khuyến khích khai thác thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho số lớn chủ đồn điền kếch sù.

Sau khi đã được cấp không ruộng đất, bọn chủ đồn điền còn được cấp không hoặc gần như không, cả nhân công nữa. Nhà nước cung cấp cho chúng một số tù khổ sai làm không công, hoặc dùng uy quyền để mộ nhân công cho chúng với một đồng lương chết đói. Nếu dân phu đến không đủ số hoặc tỏ ra bất mãn, thì người ta dùng vũ lực; bọn chủ đồn điền tóm cổ hào lý, đánh đập, tra tấn họ cho đến khi họ chịu ký giao kèo hện nộp đủ số nhân công mà chúng đòi hỏi.

Bên cạnh uy lực phần đời ấy, còn có những đấng cứu thế phần hồn nữa. Các đấng này, trong khi thuyết giáo « đức nghèo » cho người Việt-nam, cũng không quên làm giàu trên mồ hôi và máu của họ. Chỉ riêng ở Nam-kỳ, hội thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến 1/5 ruộng đất trong vùng. Kinh thánh tuy không dạy, song thủ đoạn chiếm đất rất giản đơn: cho vay nặng lãi và hối lộ. Nhà chung lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay và buộc phải có ruộng đất để làm bảo đảm. Vì lãi suất tính cắt cổ, nên người Việt-nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là ruộng đất cầm cố vĩnh viễn rơi vào tay Nhà chung (hội thánh).

Các viên toàn quyền lớn, toàn quyền bé được nước mẹ ký thác vận mệnh xứ Đông-dương, nói chung đều là bọn ngu xuẩn, bọn đều cáng. Nhà chung chỉ cần nắm được một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời tư, có tính chất nguy hại đối với thanh danh, địa vị của chúng. là có thể làm cho chúng hoảng sợ và phải thỏa mãn mọi yêu cầu của Nhà chung. Chính vì thế mà một viên toàn quyền đã nhường cho Nhà chung 7.000 héc-ta đất bãi bồi của người bản xứ, khiến họ phải đi ăn xin.

Phác qua như thế, cũng đủ thấy dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cắm vào đất Việt-nam chế độ đáng nguyên rủa của thời trung cổ; người nông dân Việt-nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đọa làm ô danh chúa.

*
* *

An-giê-ri đau khổ vì nạn đói. Tuy-ni-di cũng bị tàn phá vì nạn đói. Đề giải quyết tình trạng ấy, chính phủ bắt giam một số đông người đói. Đề cho bọn « người đói » đừng coi nhà tù là nơi cứu tế, người ta không cho họ ăn gì hết. Cho nên nhiều người đã chết đói trong lúc bị giam cầm. Trong những hang động En Ghi-ri-a, nhiều người đói lả phải gặm xác một con lừa chết thối lâu ngày.

Ở Bê-gia, người Cam-mê¹⁾ giành giật xác thú vật với quạ. Ở Xúc — En Ác-ba, ở Ghi-đa, U-ét Mơ-li-dơ, mỗi ngày hàng chục người chết đói.

Đi đói với nạn đói, nạn dịch tễ phát sinh ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng.

*
* *

1) Khammès. (Danh từ người Bắc Phi thường dùng để gọi những người lính canh ruộng chỉ được hưởng 1 phần 5 hoa lợi trong các vụ thu hoạch. Tiếng A-rập, Khamş có nghĩa là 1 phần 5).

Đề che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột đầy tội ác, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn trang điểm cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: bác ái, bình đẳng, v.v..

Cũng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng được trả lương cao hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ dù đã làm việc lâu năm và dù rất thành thạo công việc, cũng chỉ được lĩnh một khoản tiền lương chết đói; trái lại một người da trắng mới được đưa vào, làm việc ít hơn, thì lại lĩnh lương cao hơn.

Có những thanh niên bản xứ đã học các trường đại học của chính quốc đỗ bác sĩ y khoa hay tiến sĩ luật khoa, thế mà vẫn không được làm nghề nghiệp của mình trong nước mình, nếu không vào quốc tịch Pháp. Mà ai cũng đã biết, một người bản xứ muốn được nhập quốc tịch Pháp như vậy thì phải vượt qua bao nhiêu khó khăn và tốn bao nhiêu công chạy vạy nhọc nhằn.

Còn những người bản xứ bắt buộc phải lìa bỏ ruộng nương, gia đình đi « lính tình nguyện » thì đều sớm được nếm hương vị tuyệt vời của món « binh đẳng ».

Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng hầu như bao giờ cũng được coi là cấp trên của người bản xứ. Cái chế độ đẳng cấp có tính chất « nhân chủng-quân sự » ấy lại càng rõ rệt hơn khi những quân nhân da trắng và quân nhân khác màu da cùng đi trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy.

Một người bản xứ làm thế nào để có thể nhập quốc tịch Pháp ?

Đạo luật ngày 25 tháng 3 năm 1915 về việc dân thuộc địa Pháp nhập quốc tịch Pháp quy định :

Điều 1. Những người, dân thuộc địa Pháp hoặc dân được Pháp bảo hộ, trên 21 tuổi, không phải là quê hương ở An-giê-ri, Tuy-ni-di hoặc Ma-rốc. đã cư trú ở Pháp, An-giê-ri hoặc trên đất bảo hộ của Pháp và có được một trong những điều kiện sau đây thì có thể được thừa nhận cho hưởng quyền lợi công dân Pháp :

1. Đã được thưởng Bắc đầu bội tinh hoặc đã tốt nghiệp một trong những trường đại học hay là chuyên nghiệp mà danh sách sẽ do sắc lệnh ấn định.

2. Đã có công lớn trong việc khai thác thuộc địa hoặc phục vụ quyền lợi của nước Pháp.

3. Đã phục vụ trong quân đội Pháp và được giữ chức sĩ quan hay hạ sĩ quan, hoặc được thưởng huân chương quân công.

4. Đã lấy vợ Pháp và có chỗ ở tương đối ổn định trên đất Pháp được một năm.

5. Đã cư trú hơn mười năm tại các xứ kể trên, và biết tiếng Pháp đến một trình độ khá.

Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá ; nhưng không, các ngài viên chức có kẻ gì luật pháp và, như những tên ngu xuẩn tò mò ưa xoi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây :

A — Vợ con có nói tiếng Pháp không ?

- B—Họ có mặc Âu phục không ?
C—Nhà có đồ đạc như giường, nệm, bàn, tủ v.v.. không ?
D—Và ghế dựa nữa ?
E—Ăn trên bàn hay trên chiếu ?
F—Ăn gì ?
G—Ăn cơm hay bánh mì ?
H—Anh có tài sản không ?
I—Vợ có tài sản không ?
J—Thu hoạch đồng niên của anh bao nhiêu ?
K—Anh theo tôn giáo gì ?
L—Anh vào những hội nào ?
M—Trong các hội ấy anh giữ chức vụ gì ?
N—Chế độ bản xứ tốt và nhân từ, thế vì có gì anh lại xin nhập quốc tịch Pháp ? Có phải để làm viên chức không ? Hay để có địa vị cao ? Hay để đi tìm mỏ vàng, mỏ ngọc ?
O—Bạn bè thân thiết nhất là những ai ?
Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi :
Vợ anh có cảm s... lên đầu anh không ?

Chương VIII

CÔNG LÝ

Có phải vì quá thừa tình nhân đạo, như ông Xa-rô đã nhiều lần tuyên bố, mà người ta bắt các phạm nhân ở nhà lao Nha-trang (Trung-kỳ) phải ăn khan, nghĩa là ăn cơm mà không được uống

nước không ? Có phải người ta đã quệt tanh-tuya-đi-ốt lên mũi phạm nhân để dễ nhận ra họ khi họ vượt ngục không ?

*
* *

Báo *Người độc lập ở Ma-đa-ga-xca* số ra ngày 13 tháng 7 năm 1921 có đăng một bài tường thuật về cách phòng bệnh « dịch hạch », chúng tôi xin trích đoạn sau đây :

« Vô số nhà bị đốt, trong đó có cái nhà khá đẹp của Ra-cô-tô-man-ga ở phố Ga-li-ê-ni, cùng bị đốt hôm thứ hai vừa qua. Nhưng nhà của ông Đê-rô thì lại thoát khỏi số phận chung ấy, tính ra cái nhà ấy, với tất cả đồ đạc, đất tiền quá (50.000 phơ-răng), vì thế nhà chức trách quyết định không đốt mà chỉ tẩy uế và cấm ở một thời gian khá dài, có lẽ là sáu tháng ».

Chúng tôi xin nói thêm rằng ông Đê-rô là công dân Pháp, còn Ra-cô-tô-man-ga chỉ là dân lệ thuộc vì là người bản xứ. Nhân đây xin nhắc đề bạn đọc nhớ lại rằng, đạo luật năm 1841 được biểu quyết là để áp dụng cho tất cả công dân Pháp.

*
* *

Cũng ở Ma-đa-ga-xca, sáu người bản xứ bị bắt trong đồn điền của một thực dân người Pháp về tội trốn thuế. Trước tòa, các bị can khai rằng ông chủ đồn điền Đơ la Rô-sơ đã cam kết với họ : 1. sẽ đóng thuế cho họ ; 2. sẽ xin miễn sai dịch cho họ ; 3. trả tiền công cho họ cứ ba mươi ngày công là

10 quan. Cần chú ý là nhà thực dân kia chỉ thuê họ mỗi tuần làm có một ngày thôi. Muốn đủ sống, họ phải đi làm thuê cho người Man-gát ở gần đồn điền. Mặt khác, ông Đơ la Rô-sơ chẳng những không đóng thuế cho họ như đã hứa, mà hình như còn lờ luôn số tiền họ đã gửi ông để đóng thuế nữa.

Quý hóa làm sao, lần này chính phủ đã mở một cuộc điều tra. Nhưng rồi các bạn xem...

Khi được biết vụ này, nghiệp đoàn nông nghiệp Ma-ha-nô-rô, mà chắc hẳn ông Đơ la Rô-sơ là đoàn viên, liền điện cho quan toàn quyền phản kháng việc cảnh binh đã đến xét hỏi không đúng lúc tại đồn điền ông Đơ la Rô-sơ và yêu cầu trừng trị viên trưởng đồn về tội cả gan phát hiện sự nhúng lăm của một người Pháp đối với người bản xứ.

Vì không muốn « mua việc » vào mình, quan toàn quyền đã cho xếp ngay vụ rắc rối ấy lại.

*

* *

Tòa án binh Lin-lơ vừa kết án 20 năm khổ sai tên Phôn Se-ven, sĩ quan Đức, về tội dùng roi da đánh đập những người bản xứ ở Rông-cơ ¹⁾ trong thời gian quân Đức chiếm đóng.

Thế thì tại sao ở Đông-dương, ông người Pháp nọ bắn vỡ sọ một người Trung-kỳ bằng súng lục; ông viên chức Pháp kia nhốt một người Bắc-kỳ vào cũi chó sau khi đánh đập tàn nhẫn anh ta; ông thầu khoán Pháp này trói tay một người Nam-

1) Roncq. (Tên một làng ở miền Bắc nước Pháp).

kỳ cho chó cắn, rồi đem giết đi; ông thợ máy Pháp kia « hạ sát » một người Việt bằng súng săn; ông nhân viên hàng hải Pháp khác xô người gác cầu bản xứ vào đồng than hồng cho chết, v.v... và v.v..., lại không bị trừng trị?

Tại sao mấy ông thanh niên Pháp ở An-giê đâm đá một em bé người bản xứ 13 tuổi, rồi xóc em lên đầu một trong những ngọn giáo ở giữa hàng giáo cấm quanh « cây chiến thắng », chỉ bị phạt có 8 ngày tù án treo?

— Và tại sao tên hạ sĩ quan đã đánh anh Na-hông cũng như tên sĩ quan đã giết chết anh, không bị trừng phạt gì cả?

Phải rồi, Việt-nam và An-giê-ri đều là những xứ bị chiếm — cũng như Rô-ma đã có lúc bị chiếm —, nhưng vì những người Pháp ở các thuộc địa ấy không phải là lũ « bột-sơ », cho nên cũng cùng một hành động, nếu là của lũ « bột-sơ » thì là tội ác, nhưng nếu là của người Pháp thì lại là văn minh! Mà An-nam-mít và An-giê-riêng đâu phải là người! Đó là bọn « nhà quê » hèn hạ, bầy « bi-cốt »¹⁾ bản thủ. Cần quái gì phải có công lý đối với những giống ấy.

Cái ông Vi-nhê Đốc-tông châm biếm kia quả là không lầm khi ông viết: « Pháp luật, công lý đối với người bản xứ ư? Thôi đi! Chỉ có ba-toong, súng ngắn, súng dài, đấy mới là thứ xứng đáng với lũ giòi bọ ấy! »

*

* *

1) Bicot. (Nghĩa đen là con dê con; bọn thực dân dùng từ này để gọi một cách khinh bỉ những người A-rập nói chung).

Trong cái kho đầy ắp những hình phạt để giáng vào đầu người bản xứ, có những khoản phạt tiền từ 200 đến 3.000 đồng.

Không phải ông Du-me không biết rằng người Việt-nam không bao giờ đóng nổi những khoản tiền to đến thế. Nhưng ông ta cứ muốn xoay tiền bất cứ bằng giá nào; nên con người khôn ngoan ấy đã dự kiến rằng *có thể bắt làng xā phải chịu trách nhiệm*. (Điều 4)

Bạn sẽ bảo, muốn kết án cả một làng thì phải xác định làng ấy là đồng lõa chứ.

Không, với điều 4, việc ấy không cần thiết. Làng nào không biết ngăn ngừa một tội phạm, thì phải chịu trách nhiệm về tội phạm ấy.

Cái điều 4 này quả là một mảnh khoe ác nghiệt, bởi vì chỉ cần những tay chân của bọn chủ bao thầu thuế—những tay chân đó được thuê tiền để phát giác càng nhiều vụ vi phạm càng hay—khai rằng làng sở tại chẳng hề làm gì để ngăn chặn vụ vi phạm, là đủ.

Tiết 3 quy định cách thức kiểm chứng những vụ vi phạm mà bọn tay sai của chủ bao thầu thuế có quyền làm.

Ở đây có một trở ngại. Thường thường bọn tay chân ấy đều dốt nát, làm biên bản không hợp thức. Người ta khắc phục trở ngại ấy bằng cách ủy cho viên chức nhà đơan ở tỉnh lý hoặc phủ lý, huyện lý làm biên bản theo báo cáo của bọn tay chân của chủ bao thầu.

*

* *

Đông-dương là cô gái cung, rất xứng đáng với nước mẹ Pháp. Mẹ có gì, con có nấy: Đông-dương có chính phủ của nó, những bảo đảm của nó, công lý của nó và cũng có âm mưu phiến loạn nho nhỏ của nó nữa. Dưới đây chúng tôi chỉ nhắc lại hai vấn đề sau thôi.

Công lý được tượng trưng bằng một bà đầm, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông-dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tàu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên bà đầm công lý tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội.

Còn âm mưu phiến loạn thì lại là một chuyện khác.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 hoặc năm 1910, những vụ mà nhờ đó rất nhiều người dân được nước Pháp bảo hộ đã có thể ném mùi công ơn khai hóa trên máy chém, trong nhà tù hoặc ở nơi đầy ải. Những vụ phiến loạn ấy đã cũ rồi, chỉ còn để lại dấu vết trong trí nhớ của người bản xứ nữa thôi.

Chúng tôi chỉ nói đến vụ vừa xảy ra gần đây nhất. Vì ở chính quốc có vụ phiến loạn bôn-sê-vích chấn động dư luận, nên các ngài thực dân ở Đông-dương — y như con nhái trong truyện ngụ ngôn ¹⁾

1) Truyện ngụ ngôn của La Phông-ten (*La Fontaine*), một nhà thơ Pháp thế kỷ 17, kể rằng: có một con nhái thấy một con bò to hơn mình, liền cố phình bụng ra cho lằng con bò, cuối cùng vỡ bụng chết.

— cũng muốn có một vụ phiến loạn, bèn cố phình bụng lên và cuối cùng cũng đẻ ra được một vụ.

Chúng đã làm như thế này.

Một quan lớn Tây (quan công sứ Đại Pháp kia đấy ạ!), một quan huyện và một ông lý trưởng đã đảm nhiệm việc chế tạo ra vụ đó.

Bộ ba quan lại này phao tin là có một bọn phiến loạn chôn giấu hai trăm rưỡi quả bom âm mưu làm nổ tung cả xứ Bắc-kỳ.

Nhưng ngày 16 tháng 2, tòa đại hình Hà-nội công nhận rằng chẳng những không có bằng chứng nào để kết luận có một tổ chức cách mạng có vũ khí phá hoại, mà cả cái vụ mưu phản kia chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn khiêu khích do một số nhân viên chính phủ muốn được thăng thưởng tạo ra mà thôi.

Chắc các bạn tưởng rằng sau khi tòa đã phán quyết như thế rồi thì những người Việt-nam bị giam giữ sẽ được thả ra. Không đâu! Bằng bất cứ giá nào, nhất thiết phải giữ uy tín cho kẻ đi chinh phục! Muốn thế, lẽ ra chỉ gắn huân chương cho bọn đã khéo phịa ra vụ án là đủ rồi; đằng này người ta lại còn phạt tù 12 người Việt-nam từ 2 đến 5 năm, mà phần lớn là nhà nho. Và trên cửa nhà lao giam giữ họ, nổi lên mấy chữ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái -- dĩ nhiên là bằng tiếng Pháp hẳn hoi.

Thế rồi những tờ báo gọi là thân người bản xứ vội vã ca tụng tính công bằng, không thiên vị của cái trò hề công lý ấy!

Nhưng hãy đọc tờ *Tin nhanh thuộc địa*¹⁾, tờ báo giữ giải vô địch về chủ nghĩa bài Việt:

1) *La Dépêche coloniale.*

« Tòa án Pháp vừa tuyên án xong. Một nửa can phạm được tha bổng, còn một nửa được kết án *nhẹ*. Những người bị án là những nhà nho can tội làm thơ cảm hứng lãng nhãng đề ca tụng ân huệ của tự do ».

Các bạn thấy không, đối với người Việt-nam, ca tụng tự do là một tội nặng, chỉ vì thế thôi, người ta cũng phết cho họ 5 năm tù !

Tờ báo viết tiếp : « Chúng ta phải nhiệt liệt hoan nghênh bản phán quyết *hết sức công bằng* ấy của các quan tòa và các vị bồi thẩm của chúng ta, v.v... »

Và cũng lại tờ *Tin nhanh* thuộc địa ấy đã *vui mừng ghi nhận* bản phán quyết rất mực vô tư của tòa án Pháp về vụ mưu loạn nổi tiếng ở Vinh-yên. Tờ báo ấy viết : « Những người Việt-nam ở Pa-ri, cũng như đồng bào của họ ở bên quê nhà xa xôi, đều tỏ lòng tin tưởng ở các quan tòa của chúng ta và tuyên bố rằng tòa án đã xử đúng, vụ án kết thúc như thế làm cho họ *hoàn toàn thỏa mãn* ». Không đâu ! ông Pu-vuốc-vin ạ, ông bịp đời vừa chứ !

*

* *

Tờ nhật báo Pháp — Đông-dương¹ có đăng việc sau đây :

« Cách đây mấy hôm, hãng Xô-va-giơ báo với sở mật thám là xưởng họ bị mất trộm một số sắt khá nhiều, độ một tấn. Nhận được đơn khiếu nại, sở mật thám lập tức mở cuộc điều tra để tìm cho ra bọn trộm và chúng tôi vui mừng được tin rằng

1) *Le Journal France — Indochine.*

một viên thanh tra mật thám người Âu cùng với mấy nhân viên người Việt giúp sức đã tóm được bọn trộm và cả tên đồng lõa của chúng nữa.

« Ông S..., quản lý hãng Xô-va-giơ cùng với những tên Trần-Văn-Lộc, thợ máy học việc và Trần-Văn-Xa đã bị bắt và đưa ra tòa về tội ăn trộm và đồng lõa... »

Các bạn có để ý thấy bạn đồng nghiệp của chúng tôi hết sức tế nhị không nào ? Khi nói về ông ăn trộm người Pháp, quản lý hãng Xô-va-giơ, thì người ta không nói tên, mà thay vào bằng mấy dấu chấm. Chả là dù sao thì trước hết cũng phải bảo vệ uy tín của chủng tộc thượng đẳng. Nhưng khi nói đến bọn kẻ trộm thông thường người Việt thì lại kể cả tên lẫn họ, và không gọi họ là ông mà gọi là những « tên ».



Ngày 10 tháng 10 năm 1922, chính phủ vừa ra sắc lệnh quyết định một cuộc chuyển quan trọng trong ngạch quan tòa thuộc địa. Trên danh sách, đáng chú ý có tên hai ông Luy-ca và Oa-bơ-răng.

Cần nhắc lại sơ lược lai lịch của hai vị quan tòa này.

Ông Luy-ca làm phó chương lý ở Tây Phi thuộc Pháp, đã từng dính dáng vào các vụ làm xôn xao dư luận xứ Tô-gô. Trong một bản thông báo cho báo chí, ông bộ trưởng bộ thuộc địa đã bắt buộc phải thừa nhận rằng, « cuộc điều tra cũng đã

phát giác ra là sự tham gia của ông Luy-ca vào các vụ phạm pháp có thể làm cho ông ta phải gánh *phần trách nhiệm nặng nề nhất* ».

Chắc là để thưởng cho phần trách nhiệm nặng nề ấy, mà ngày nay người ta cất nhắc ông lên chức chánh án tòa thượng thẩm xứ Phi châu xích đạo thuộc Pháp.

Còn về Oa-bơ-răng thì câu chuyện của hắn đơn giản hơn và ít người biết đến. Năm 1920, một người Pháp tên là Duyết-gơ-ri, nhân viên hãng buôn Pê-rít-xác ở Căng-căng (Ghi-nê), đi săn. Hắn bắn một con chim rơi xuống sông. Lúc ấy có một em bé người bản xứ đi ngang qua. Duyết-gơ-ri tóm cổ em bé ném xuống sông, bắt phải tìm vớt con chim. Nước sâu, sóng lớn, lại không biết bơi, em chết đuối. Cha mẹ em đi kiện. Duyết-gơ-ri được viên quan tư chỉ huy quận đòi đến, và nhận bồi thường cho gia đình đau xót kia một trăm phơ-răng.

Cha mẹ em bé không nhận cách dàn xếp bỉ ổi như vậy. Viên quan tư nổi giận, đứng về phía người đồng bào của ông, tức là tên sát nhân, dọa bỏ tù cha mẹ em bé nếu tiếp tục kháng cáo, rồi ông ta « xếp » vụ án lại.

Nhưng, một bức thư nặc danh đã phát giác việc này với ông chủ công lý ở Đa-ca. Ông chủ công lý liền phái ông biện lý Oa-bơ-răng đi điều tra. Ông Oa-bơ-răng đến Căng-căng, ngủ lại nhà viên xếp ga, rồi ngày hôm sau đến nhà ông Cu-danh dờ La-va-li-e là phó của viên quan tư quận, ở lại cả ngày. Rồi sáng hôm sau, chưa hề bắt tay vào công việc điều tra gì cả, ông đã lên đường trở về.

Tuy thế ông Oa-bơ-răng vẫn cứ kết luận rằng lá thư nặc danh kia là vu khống. Hội Liên hiệp thuộc địa²⁰ đã báo vụ này với Hội Nhân quyền (ngày 22 tháng 12 năm 1921). Nhưng có lẽ Hội Nhân quyền cho sự việc không lấy gì làm giật gân lắm nên chẳng thêm quan tâm đến.

Từ khi đi chơi Căng-căng về, ông Oa-bơ-răng vẫn ngồi yên ở địa vị cũ để thỉnh thoảng nhận gà và những túi khoai tây do ông bạn Cu-danh đờ La-va-li-e gửi đến biếu, và chờ được thăng quan. Các bạn thấy chưa, ông Oa-bơ-răng quả thật xứng đáng với... phần thưởng công minh mà chính phủ vừa tặng ông bằng cách bỏ nhiệm làm biện lý Đa-ca (?).

Nền văn minh thượng đẳng mà được giao phó vào tay những bọn Đác-lơ, bọn Bô-đoăng, bọn Oa-bơ-răng và bọn Luy-ca thì thật là tuyệt, và số phận dân bản xứ cũng tuyệt !

*

* *

Tòa tiểu hình vừa xử phạt Phéc-năng Êt-xơ-lanh và mụ góa Gie-rơ, mỗi người 13 tháng tù ; Gioóc-giơ Coóc-di-ê 10 tháng, về tội tàng trữ, chuyên chở và bán một ki-lô-gam thuốc phiện.

Tốt lắm ! Tính sơ qua cũng thấy một ki-lô-gam thuốc phiện đáng ba mươi sáu tháng tù !

Giá mà mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, như người ta thường nói, thì tuổi thọ của ông Xá-rô, toàn quyền Đông-dương, phải dài ghê lắm mới

đủ để cho ông ngồi hết hạn tù. Vì rằng mỗi năm ông sẽ bị phạt ít ra là *một triệu ba mươi lăm vạn* (1.350.000) tháng tù về tội mỗi năm bán cho người Việt-nam trên *mười lăm vạn* ki-lô-gam thuốc phiện.

*
* *

Bất lực trong việc trừ khử ông Đề Thám²¹ trứ danh, vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông.

Sau những vụ biểu tình ở miền Nam Trung-kỳ, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đày biệt xứ. Trong số ấy có ông nghề Trần-Quý-Cáp, một nhà nho thanh cao ai cũng kính phục. Ông bị bắt trong lúc đang giữ chức giáo thụ và chỉ hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, là bị đem chém, không được xét hỏi gì cả. Chính phủ cũng không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình ông.

Ở Hải dương, một vụ nổi dậy chưa làm chết một ai, thế mà người ta đã làm rụng hết sáu mươi tư cái đầu, không cần xét xử gì cả.

Khi hành hình những người lính khố đỏ ở Hà-nội,²² chính phủ đã cho áp giải cha mẹ, vợ con họ đến pháp trường để bắt họ phải mục kích cảnh tàn sát long trọng những người thân yêu của mình. Đề gây một ấn tượng khủng khiếp lâu dài, và để « dạy cho dân chúng một bài học », người ta làm lại cái việc đã làm ở nước Anh hồi thế kỷ thứ 18.

tức là xóc đầu lâu những người Gia-cô-bít¹⁾ bại trận lên mũi giáo đem bêu ở các đường phố khu Xi-ti và dọc theo cầu Luân-đôn. Hàng tuần lễ, dọc các đường lớn ở Hà-nội, người ta nhìn thấy nhiều đầu lâu của những nạn nhân bị người Pháp hạ sát, đang cau mày, nhăm mắt trên những chiếc cọc tre.

Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình. Các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra hết sức ôn hòa, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rơi, vô số người bị đi đày.

Người ta làm đủ mọi cách để vũ trang cho người Việt chống lại đồng bào họ và gây nên những vụ phản bội.

Người ta tuyên bố các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ hỗn loạn xảy ra trên địa phận mình. Làng nào cho một người yêu nước trú ngụ thì bị kết án. Đề khai thác tin tức, người ta dùng một phương pháp đơn giản — bao giờ cũng vậy — là tra khảo lý hào, ai không nói thì bị xử tử tức khắc. Cứ như thế, trong vòng hai tuần lễ, một viên giám binh đã xử tử bảy mươi lăm lý hào!

Không bao giờ người ta nghĩ đến chuyện phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn côn đồ ở các thành thị. Muốn dập tắt sự kháng cự, người ta không thấy có cách nào khác hơn là phó thác việc « binh định » cho lũ phản bội bán nước. Và người ta duy trì ở vùng đồng

1) Jacobites. (Tên gọi những đồ đảng của vua Anh Giắc-cơ II bị dòng O-răng-giơ đánh bại sau cuộc chiến tranh năm 1688).

bằng Bắc-kỳ, ở Bình-thuận, ở Nghệ — Tỉnh những đội quân cần quét hung hãn mà hình ảnh ghê tởm sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ.

Chương IX

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Đề có thể đánh lừa dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân Việt-nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

Cho nên, theo sắc lệnh năm 1898, báo chí bản xứ phải chịu kiểm duyệt trước khi in.

Sắc lệnh đó viết: « Việc lưu hành báo chí bất cứ bằng thứ tiếng gì, đều có thể bị cấm do nghị định của quan toàn quyền.

« Báo tiếng Việt không được xuất bản, nếu không được phép của quan toàn quyền. Giấy phép chỉ cấp với điều kiện là các bài báo phải được quan thống đốc duyệt trước. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được.

« Mọi cuộc trưng bày hoặc phổ biến những bài hát, biếm họa hoặc tranh ảnh làm thương tổn đến sự tôn kính đối với các nhà cầm quyền đều bị trừng trị ».

Đấy, bạn thấy bà kiểm duyệt ở thuộc địa cầm kéo khéo đến mức nào !

Với biện pháp đó, chính quyền Đông-dương có thể im được tất cả mọi vụ nhơ nhớp và tha hồ mà lạm quyền.

Trong một cuộc bầu cử hội đồng thành phố Sài-gòn, viên thống đốc cấm ba ông chủ nhiệm báo tiếng Việt không được đăng lên báo của họ bản sắc lệnh quy định thể lệ bầu cử Hội đồng thành phố ở Nam-kỳ. Họ là ứng cử viên, thế mà báo của họ bị cấm tuyệt không được đăng một cái gì dính dáng, dù xa hay gần, đến chương trình của họ! Vì người Việt-nam không có quyền hội họp quá số 20 người, nên ứng cử viên phải gặp 3.000 cử tri lần lượt từng người một. Cũng trong lúc ấy, ông thống đốc còn thông tri cho các tờ báo tiếng Việt khác biết là sở kiểm duyệt sẽ thẳng tay cắt những bài báo, cột báo, đầu đề hoặc bất cứ một lời bóng gió nào nói đến các cuộc bầu cử thuộc địa hoặc thành phố. Một tờ báo tiếng Việt dịch đăng đạo luật nói về việc trừng trị những hành động hời lộ trong bầu cử, bài ấy đã bị cắt. Trong lúc đó thì quan thống đốc trắng trợn cho đòi những người đứng đầu các tập đoàn cử tri đến văn phòng và truyền cho họ phải bỏ phiếu và cổ động bỏ phiếu cho danh sách được ngài có cảm tình nhất.

Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rờ mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca tụng đức độ của các « Cự lớn » thuộc địa: Sở bưu điện và sở mật thám Nam-kỳ (giám đốc sở này là con rể ông An-be Xa-rô) đã nhận được lệnh không để lọt — bất cứ với lý do gì — những thư từ, bài vở, v.v... gửi cho báo *Người cùng khổ* xuất bản ở Pa-ri hoặc của tờ báo ấy gửi về.

Một người Man-gát nguyên là lính tình nguyện tham gia đại chiến trong quân đội Pháp và có vợ người Pháp, đã bị trục xuất khỏi tổ quốc anh, và bị kết án 5 năm đầy biệt xứ, chỉ vì đã viết bài cho báo *Người cùng khổ* và vài tờ báo khác ở Pháp, đề tố cáo những sự nhùng lậm của bọn quan cai trị Pháp ở xứ sở anh.

*
* *

Nhân dân Đông-dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thần thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những « thiên đường trường học » kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan khâm sứ, cho quan công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu. « Quan đốc » thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo : « Ai cho phép mày đến đây ? », rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số

12 triệu đồng của ngân sách Nam-kỳ, thì 10 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên Việt-nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 về học chính ở Đông-dương quy định :

« Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ muốn sang chính quốc du học đều *phải được quan toàn quyền cho phép*. Quan toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan thủ hiến kỳ và quan giám đốc nha học chính.

« Trước khi lên đường, người đó phải đến nha học chính xin một quyền học bạ có dán ảnh và ghi rõ căn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có, và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan toàn quyền chứng thực.

« Hồ sơ của người bản xứ theo học bên Pháp phải lưu trữ tại nha học chính ».

« *Làm cho dân ngu để dễ trị* », đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

*

* * *

Báo *Nhân đạo* đã thuật lại việc kiểm duyệt thư tín vẫn còn tiến hành nghiêm ngặt như thế nào ở Ma-đa-ga-xca khi cuộc chiến tranh vì công lý đã kết thúc bốn năm rồi.

Đông-dương cũng vậy, chẳng có gì đáng phân bì với Ma-đa-ga-xca cả.

Chúng tôi đã nêu lên trường hợp tờ báo *Người cùng khổ*.

Như là tình cờ xui nên, việc lạm quyền ấy xảy ra đúng lúc ông thống đốc gian lận Bô-đoăng đến Sài-gòn, cùng với người phụ tá xuất sắc của ông là con rể ông An-be Xa-rô đồng thời là trùm mật thám.

Mặt khác, nhà cầm quyền vẫn tiếp tục chặn lại và lục soát thư tín của tư nhân.

Trong khi người ta tàn sát người bản xứ, cướp đoạt tài sản của họ một cách ngang nhiên, không hề bị trừng trị, thì ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau, họ cũng không được hưởng ! Sự vi phạm quyền tự do cá nhân ấy lại ghi thêm một thành tích cho cái chế độ lạm quyền, cái chế độ mật thám bỉ ổi đương hoành hành ở các thuộc địa.

*

* *

Chính phủ Đông-dương tổ chức phá hoại tờ báo *Người cùng khổ* ; chính phủ Tây Phi thuộc Pháp cấm nhập các báo của người da đen châu Mỹ ; chính phủ Tuy-ni-di trục xuất chủ nhiệm tờ *Twang lai xã hội* ¹⁾ ; ông Ly-ô-tây đuổi chủ nhiệm tờ *Ong vò vè Ma-rốc* ²⁾ ra khỏi Ma-rốc (người ta chỉ cho nhà báo một giờ để thu xếp hành lý).

* *

1) *L'Avenir social*.

2) *La Guêpe Marocaine*.

Giữa lúc khai mạc hội chợ Hà-nội, và trong khi ông Bô-đoăng, quyền toàn quyền Đông-dương đang đi thăm các gian hàng, thì bọn cảnh binh xông vào một gian nọ tịch thu các tập tranh biếm họa do báo *Con trăn Đông-dương*¹⁾ trưng bày, vì tờ báo này có những lời phê bình và châm biếm không hợp khẩu vị của những nhà đương quyền.

Ông Co-lê-măng-ti, chủ nhiệm tờ báo đã bị bắt và tổng giam.

Chương X

CHỦ NGHĨA GIÁO HỘI

Trong thời kỳ bình định, các sứ giả của Chúa cũng hoạt động chẳng kém. Hết như bọn gian phi rình lúc mọi người đang hốt hoảng đề nhảy vào hôi của sau khi nhà cháy, các nhà truyền giáo chúng ta cũng thừa lúc đất nước rối loạn sau cuộc xâm lăng đề... phục vụ Chúa. Kể thì tiết lộ những bí mật mà con chiên đã nói ra khi xưng tội và nộp những người Việt-nam yêu nước cho bọn chiến thắng đem lên máy chém hay giá treo cổ. Kể thì tỏa đi khắp nơi đề vơ vét những tín đồ bị bắt buộc phải theo đạo. Có linh mục nọ « chân đi đất, quần xấn đến mông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu một đoàn con chiên vác giáo mác và súng kíp; đó là lối vũ trang

1) *L'Argus Indochinois*.

phát triển tín đồ của một linh mục với sự yểm hộ của quân đội chúng ta do ông ta hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với các nhà cầm quyền là làng phản nghịch ».

Sau cuộc hành quân đánh chiếm Bắc-kinh chỉ riêng một mình giám mục Pha-vi-e, sứ đồ của giáo hoàng, ngũ hạng bậc đầu bội tinh, đã bỏ túi 600.000 phơ-răng của ăn cướp được. Một người thấy tận mắt kể lại : « Dưới sự chỉ huy của giám mục Pha-vi-e, một đoàn dài xe bò và xe ngựa có ba bốn trăm giáo dân cùng lính bộ và lính thủy Pháp hộ tống đã kéo đến trước phủ đệ của hoàng thân Lý. Họ đóng vai những kẻ dọn nhà vì lợi ích của Chúa!...

Xong việc, lính tráng mỗi người nhận được một ngân phiếu 200 quan, do dòng tu thánh Vành-xăng đờ Pôn trả ». Trong một bản báo cáo chính thức, chúng tôi đọc thấy lời buộc tội đanh thép này : « Việc cướp bóc tập thể do giám mục Pha-vi-e điều khiển là gương xấu làm cho kỷ luật ngấm ngấm bị đổ vỡ ».

Tất nhiên không phải chỉ có một mình giám mục Pha-vi-e truyền giáo theo lối ấy. Đức cha còn có nhiều đối thủ nữa. Người ta kể : « khi lệnh giới nghiêm vừa bãi bỏ, thì các giáo sĩ liền dẫn lính xông vào nhà các chủ ngân hàng quen thuộc mà họ biết có cất giấu vàng thoi. Họ mang theo học sinh chủng viện hoặc những người Hoa mới theo đạo, để những người này làm việc thiện bằng cách giúp họ cướp giật đồng bào của mình và kiếm tiền cho các cha cố từ thiện làm công việc Chúa ».

Nếu kể hết ra đây tất cả những hành vi ác quỷ của bọn tông đồ xứng đáng của đạo từ thiện này

thì sẽ quá dài. Nhân đây chỉ kể sơ một vài việc : Một cha xứ nọ đã nhốt một em bé bản xứ, đánh đập em, trói em vào cột ; khi người chủ của em, một người Âu, đến xin em về, thì cha xô đẩy, đánh đấm, rút súng lục dọa bắn ông. Một cha xứ khác đã bán một em gái Việt-nam đi đạo cho một người Âu lấy 300 phơ-răng. Một cha khác đánh gần chết một học sinh chủng viện người bản xứ. Dân làng người bị nạn rất căm phẫn, trong khi chờ công lý của Chúa, đã làm đơn kiện tên súc sinh — xin lỗi, tôi muốn nói vị cha đáng kính —, thì công lý thế tục đã dọa những người đi kiện ngáy thờ ải rằng : « Dè chừng ! các con ạ ! chớ có kiếm chuyện, nếu không thì... ». Đức cha M... chẳng đã tuyên bố rằng nền học vấn Pháp là nguy hiểm cho người Việt-nam đó sao ? Còn Đức cha P... thì chả đã nói rằng Chúa cho cây mây mọc cạnh m... ông người Việt-nam là Chúa đã có dụng tâm sáng suốt đó sao ?

Nếu thiên đường có thật, thì sẽ quá chật không đủ chỗ để chứa chấp tất cả bọn tông đồ thuộc địa can đảm đó. Và nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đinh trên cây thánh giá trở về cõi thế này, thì chắc Ngài sẽ vô cùng ngao ngán khi thấy « các môn đồ trung thành » của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào : giáo hội Xiêm chiếm đoạt một phần ba diện tích ruộng đất canh tác trong xứ ; giáo Hội Nam-kỳ chiếm một phần năm ; giáo hội Bắc-kỳ, chỉ riêng ở Hà-nội đã chiếm một phần tư đất đai, cộng thêm một cái vốn bé xiu 10 triệu phơ-răng. Không cần nói cũng biết là phần rất lớn tài sản ấy, giáo hội giành được bằng những thủ đoạn mà họ không thể và cũng không bao giờ thú nhận.

Đại tá B... viết: « Điều mà người thực dân phải dựa vào nhà nước để làm — thì người truyền giáo cứ làm, bất chấp nhà nước. Bên cạnh lãnh thổ của người chủ đồn điền, mọc lên lãnh thổ của nhà chung. Chẳng bao lâu nữa, sẽ không còn rẻo đất nào cho người Việt-nam có thể sinh cơ lập nghiệp nếu không cam chịu kiếp nông nô! »

A-men ! Lạy Chúa tôi.

*

* *

Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đấng sáng thế tối cao, Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi khai hóa — Dù đến Ăng-ti, Ma-đa-ga-xca, Ta-hi-ti hay là Đông-dương — cũng đều có móc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc-kỳ là do sự xúi giục của các ngài giáo phẩm thực dân được mục vụ Na-pô-lé-ông đệ tam đỡ đầu. Và các vị đó đã làm những gì ? Họ đã lợi dụng lòng hiếu khách của người Việt-nam để đánh cắp những bí mật quân sự, vẽ những bản đồ nộp cho quân đội viễn chinh. Chúng tôi không hiểu tiếng la-tinh gọi cái công việc ấy là gì, chứ tiếng Pháp thông dụng thì gọi đó là làm gián điệp.

Bọn Gác-ni-é²³, bọn Ri-vi-e²⁴ và bè lũ không am hiểu địa phương và không biết tiếng bản xứ thì đã có bọn truyền giáo làm thông ngôn và chỉ điểm cho chúng. Trong vai trò này, các vị mang

chức thánh không bỏ lỡ dịp nào để thực hiện đức nhân của đạo Chúa. Có linh mục đã bảo lính : « Đốt làng này đi, nó đã không nộp thuế cho chúng ta », hay là : « tha cho làng này, nó đã quy thuận chúng ta » (GI. B.). Chúng ta đây tức là giáo hội.

Hàng giáo sĩ thuộc địa không những phải chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh thuộc địa, mà còn là bọn kéo dài chiến tranh, bọn chủ trương đánh đến cùng, không chịu điều đình « non ». Đô đốc R. đờ Giơ-nui-y trong một bản báo cáo với bộ hải quân đã viết rằng : « Tôi muốn tìm cách giao thiệp với nhà cầm quyền Việt-nam để ký kết một hòa ước, nhưng đã gặp những trở ngại rất lớn do các nhà truyền giáo gây ra... Một hòa ước với người Việt-nam, dù có lợi bao nhiêu, cũng chẳng thỏa mãn được lòng ham muốn của các ông ấy. Họ muốn đánh chiếm hết cả nước và lật đổ triều đại đang trị vì. Giám mục Pen-lơ-ranh đã nhiều lần nói như thế và đó cũng là ý kiến của giám mục Lơ-phe-vơ-rơ ».

Phải chăng đó là vì yêu nước ? Không, bởi vì ở đoạn sau của bản báo cáo, đô đốc đã nói rõ rằng, « những giáo sĩ hoạt động ở Nam-kỳ hy sinh quyền lợi của nước Pháp cho những mục đích riêng tư ».

Mẫu chuyện sau đây chứng minh cho ý kiến đó :

Vua Hàm-Nghi²⁵ rời bỏ kinh thành của mình bị quân Pháp chiếm. Ông đem nghĩa quân vây một làng do người theo đạo chống giữ, trong đó có sáu nhà truyền giáo. Một tướng Pháp được tin báo, liền điều đình với một cố đạo cho mượn thuyền chở quân đi giải vây. Cố đạo khước từ, bảo rằng thuyền đi đánh cá ngoài khơi hết, ba bốn ngày nữa mới về. Sau khi điều tra, viên tướng biết là

tên cố đạo đã cố ý phân tán thuyền bè để quân tiếp viện không thể đi được. Viên tướng bèn đòi cố đạo đến bảo: « Nếu không có thuyền cho tôi trong sáu giờ nữa thì tôi sẽ cho bắn ông ». Thuyền đến, viên tướng hỏi vị cha đáng kính: « Tại sao lại nói dối? — Thưa tướng quân, nếu để các giáo sĩ bị chết rồi tướng quân mới đến, thì chúng tôi sẽ có thêm sáu người tử vì đạo để phong thánh ».

Đây là những hành động phúc âm mà các « Cha nhà ta » nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả.

Chương XI

NỖI KHÒ NHỤC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ BẢN XỨ

Đọc những trang trên đây cũng đã thấy người phụ nữ Việt-nam được các nhà khai hóa của chúng ta « bảo hộ » như thế nào. Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu máng một phụ nữ Việt-nam là *con đi*, *con bú* dù là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến-thành ở Sài-gòn — mà người ta bảo là một thành phố

Pháp — bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghề lỏi !

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ Việt-nam sống quằn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức như thế nào. Bây giờ hãy xem người phụ nữ bản xứ ở các thuộc địa khác — cũng ở dưới sự bảo hộ của nước mẹ — có được tôn trọng hơn không.

Ở Phết Mơ-da-la (An-giê-ri), một người bản xứ bị kết án một năm tù vì tội ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một quan hai chỉ huy, đến bao vây làng anh ta. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm thấy. Chúng bèn tập trung 35 phụ nữ họ hàng thân thuộc của anh ta lại. Trong số người này có những em gái 12 tuổi, những cụ bà 70 tuổi, những phụ nữ có thai, những bà mẹ đang cho con bú. Dưới con mắt bao dung của viên quan hai và của viên quan cai trị vừa đến, mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Các hào mục, các người cầm đầu các tổ chức từ thiện trong làng cũng bắt buộc phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo làm thế để cho họ sợ. Xong rồi, người ta phá nhà cửa, bắt súc vật, nhốt những người đàn bà đã bị hãm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ kia canh gác và tiếp tục mọi hành động ô nhục như thế đến hơn một tháng.

Người ta thường nói: « Chế độ thực dân là ăn cướp ». Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người.

*

* *

Dưới đầu đề : « Bọn thực dân kẻ cướp », Vích-to Mê-ric đã kể lại một hành vi bạo ngược không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ : hắn đổ nhựa cao-su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hắn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên viên chức dâm bạo ấy hiện đang tiếp tục lập công ở một địa phương khác.

Khốn thay, những hành vi bỉ ổi như thế lại không hiếm gì ở cái nơi mà làng báo bồi bút thường gọi là « nước Pháp hải ngoại ».

Tháng 3 năm 1922, một nhân viên nhà đoan ở Bà-ri-a (Nam-kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ Việt-nam, làm phu đội muối, lấy cớ chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hắn làm hắn mất giấc ngủ trưa.

Tuyệt hơn nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe dọa đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Tháng 4, một nhân viên nhà đoan khác đến thay cũng tỏ ra xứng đáng với tên trước bởi những hành vi tàn ác của hắn.

Một bà cụ Việt-nam, cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mục cai. Mục cai thừa với viên đoan. Viên này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai cái tát nên thân, và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì nhà khai hóa đó lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm cho máu ộc ra lênh láng.

Bà cụ ngã xuống bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy thì người cộng sự của ông Xa-rô lại đòi lý trưởng sở tại đến và ra lệnh đem người bị thương đi. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan liền cho đòi chồng bà già đến, — ông này mù, — ra lệnh đem vợ về.

Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nợ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoan Nam-kỳ này đã được hoàn toàn vô sự không ? Thậm chí có thể chúng đã được thăng thưởng nữa là khác !

* *

Các em bé An-giê đói. Nhiều em mới lên sáu, lên bảy đã phải đi đánh giày hay xách giỏ thuê ở chợ để kiếm ăn.

Chính phủ thuộc địa và khai hóa cho rằng các em cùng khổ kia kiếm được quá nhiều tiền, nên bắt mỗi em phải có một sổ đăng ký và trả môn bài hàng tháng từ 1 phơ-răng rưỡi đến 2 phơ-răng.

Các bạn công nhân chính quốc ! Các bạn đang phản đối món thuế vô lý đánh vào tiền lương, các bạn nghĩ thế nào về món thuế bĩ ổi đánh vào các em bé kia ?

* *

Trước chiến tranh, ở Mác-ti-ních, giá đường là 280 phơ-răng một tấn, rượu rom 35 phơ-răng một trăm lít.

Nay giá đường 3.000 phơ-răng, rượu rom 400 phơ-răng.

Như thế bọn chủ được lời 1000%.

Trước chiến tranh, lương công nhân mỗi ngày 3 phơ-răng, nay từ 3 phơ-răng 75 đến 4 phơ-răng.

Như thế tiền lương công nhân tăng chưa đầy 30%.

Giá sinh hoạt thì lại tăng lên ít nhất 300%. Nếu cộng thêm sự giảm sút sức mua của đồng phơ-răng vào sự chênh lệch ghê gớm nói trên thì các bạn sẽ thấy đời sống của người công nhân bản xứ cùng cực đến thế nào.

Tháng 2 năm 1923, vì chủ không chịu tăng lương, công nhân đã bãi công.

Cũng như bất cứ ở đâu, mà ở thuộc địa lại còn hơn ở nơi khác, bọn chủ không bao giờ ngần ngại làm cho công nhân đổ máu. Cho nên trong cuộc bãi công ấy, hai công nhân trẻ người Mác-ti-ních, một anh 18, một anh 19 tuổi, đã bị giết một cách hèn nhát.

Bọn chủ hung ác không từ trẻ con, không từ phụ nữ. Tờ *Người cùng khổ*, số ra tháng 5 năm 1923, đã đăng tin dưới đây :

« Nhà chức trách đối xử rất bất công với nhân dân lao động. Những người không nhận làm việc theo mức tiền công do bọn chủ ấn định đều bị tố giác, bị cảnh binh bắt giữ và khám xét. Ở đâu, bọn cảnh binh cũng tỏ ra đầy ác ý đối với dân nghèo khổ.

« Chẳng hạn hôm kia, hai cảnh binh đã đến viện cứu tế Tơ-ri-ni-tê bắt một phụ nữ tên là Luy-banh, chị này hai đùi bị trúng nhiều vết đạn trong vụ nổ súng ở Rát-xi-nhắc ngày 9 tháng 2. Người ta đã bỏ tù chị, lấy cớ rằng « Chị đã vi phạm quyền tự do lao động bằng bạo hành hoặc bằng lời dọa dẫm ».

« Nhưng một điều chắc chắn là người phụ nữ đáng thương đó đi không được, thế mà bọn cảnh binh vẫn cứ muốn giải chị đi bộ 32 ki-lô-mét đến chỗ ông dự thẩm.

« Lúc chị bị bắt thì đã năm, sáu ngày chị không được thầy thuốc ở mãi Pho đơ Phơ-răng-xơ¹⁾, cách đây 32 ki-lô-mét đến khám.

« Thế thì ai đã cấp giấy cho chị ra viện, khi mà người mẹ có ba con nhỏ và bị bắt giam kia vẫn bảo rằng mình chưa lành, mình còn thương tích và không đi lại được ?

« Tôi nêu sự việc này trong số bao nhiêu sự việc đáng cảm phần thương tái diễn hầu như ở khắp nơi trong thuộc địa.

« Trong cuộc bãi công, ở một số doanh nghiệp, những người « được tuyển dụng » bị bắt buộc làm việc dưới sự giám sát của cảnh binh và lính thủy, y như dưới thời đại nô lệ ».

*

* *

Chúng tôi đọc trong một tờ báo, thấy như sau :

« Ở Công-xtăng-tin²⁾, từng đoàn phụ nữ lũ lượt kéo đi ăn xin. Một người trong đám người cùng khổ đó đã chết bên cầu En Căng-ta-ra, tay còn ẩm sữa con nhỏ.

« Từ Bô-ga-ri đến Gien-pha³⁾, vô số ông già, trẻ em và phụ nữ bế con bao vây đoàn xe lửa để xin bố thí.

« Họ chỉ còn là những bộ xương, áo quần tơi tả. Người ta cấm họ lảng vảng đến các ga ».

*

* *

1) *Fort de France*. (Thủ phủ Mác-ti-ních).

2) *Constantine*. (Tên một quận của An-giê-ri, đồng thời cũng là tên quận lỵ của quận ấy).

3) *Boghari, Djelfa*. (Tên những địa phương ở An-giê-ri).

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh — dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lý, v.v.. được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức diễm tô — lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hóa, trinh tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ.

Thói dâm bạo thực dân là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được. Ở đây chúng tôi chỉ nêu ra một vài việc mà những nhân chứng không thiên vị đã trông thấy và kể lại, để các chị em phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là « sứ mạng khai hóa » và nỗi đau khổ của chị em mình ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: « Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đến đã say mèm, đem thiêu sống trong một đồng lửa khang mấy giờ liền để làm trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác thay phiên nhau hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngã cô thiếu nữ ra trối lại, nhét giẻ vào miệng rồi một tên cầm lưới lê dâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô để lột cái vòng cổ.

Trên đám đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột

trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái cứng đờ giơ nắm tay lên chia vào ông trời vô tình, một xác cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại, da bụng phồng lên, láng xầy, vàng óng như da lợn quay ».

Buổi tối hôm đánh chiếm Chợ Mới (Bắc-kỳ), một sĩ quan của tiểu đoàn châu Phi còn thấy một người tù khỏe mạnh, không thương tích. Sáng hôm sau, viên sĩ quan ấy đã thấy anh ta bị thiêu chết, mỡ chảy nhầy nhụa, da bụng phồng lên và vàng ánh. Đó là vì một bọn lính đã suốt đêm thui con người tay không ấy, trong khi bọn khác hành hạ một phụ nữ.

Một tên lính buộc một người phụ nữ Việt-nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu. Hắn liền đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi.

Cũng vẫn người chứng ấy kể lại: « Một ngày lễ nọ, một tên lính trong cơn vui, tự nhiên vô cớ nhảy bổ vào một bà già người Việt-nam, lấy lưỡi lê đâm bà một nhát chết ngay.

« Một tên lính làm vườn nhìn thấy một toán người, nam có, nữ có, đi vào vườn hắn lúc mười giờ sáng. Đó là những người trồng rau hiền lành, tò mò muốn xem vườn. Nhưng tên lính đã lấy súng săn bắn xả vào họ, làm chết hai thiếu nữ.

« Một nhân viên nhà đoan đòi vào nhà một người bản xứ, chủ nhà không chịu, hắn bèn đốt nhà, và đánh gãy chân chị vợ chủ nhà giữa lúc chị này bị khói xông mờ mắt, dắt con chạy ra để khỏi chết cháy ».

Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền văn minh khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó.

Thuế má nặng nề không phải chỉ đánh vào ruộng đất, vào súc vật và vào nam giới mà thôi, mà cái ơn mưa móc (!) ấy còn tưới rộng ra cho cả nữ giới nữa :

« Nhiều phụ nữ bản xứ khốn khổ, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nộp thuế ».

Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hóa nhằm làm cho nòi giống Việt-nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến bộ (?), phải kể đến việc *cưỡng bức mua rượu ty*. Không sao kể xiết tất cả sự nhùng lậm chung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thể nào cho người ta nuốt trôi được cái món « dân chủ ».

Trên kia chúng tôi đã nói rõ rằng để nuôi béo bọn cá mập ở chính quốc, cái chính phủ đầy tội ác ở Đông-dương đã cho phép bọn tôi tớ của nó bắt đàn bà, trẻ con không uống rượu cũng phải mua rượu. Muốn làm vừa ý bọn độc quyền, người ta đặt ra những luật lệ để trừng trị việc nấu và buôn rượu lậu; người ta đặt lên đầu người dân bản xứ cả một lô đủ thứ hình phạt; người ta cấp vũ khí cho nhân viên nhà đoan. Bọn này có quyền xông xáo vào nhà, cửa, ruộng vườn của tư nhân.

« Chúng ta hơi lấy làm ngạc nhiên — mà kẻ cũng đáng ngạc nhiên thật — khi thấy cảnh binh giải về

Hà-nội hay Hải-phòng từng đoàn ông già, phụ nữ có mang, trẻ con, cứ hai người trói chung một dây, để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính.

« Nhưng thế cũng chưa thấm gì so với những việc xảy ra ở các tỉnh, nhất là ở Trung-kỳ ; ở đây viên công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt già, trẻ, đàn ông, đàn bà ».

Tác giả đoạn văn trên tả đám thân quyến của họ ở cổng nhà lao như sau : « Ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bản thủ rách rưới, mặt mũi hốc hác, mắt đỏ ngầu lên vì sốt ; trẻ con bị lúi theo vì ngắn chân bước không kịp. Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ : nón, quần áo rách, cơm nắm, đủ thứ thức ăn, để lén trao cho người bị can, là cha, là chồng, là trụ cột của gia đình, và hầu như luôn luôn là chủ gia đình ». Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế.

Không phải chỉ có những cuộc khám nhà hàng loạt, liên lục, mà còn có những cuộc khám xét thân thể người bản xứ bất kể ở chỗ nào, bất kể là nam hay nữ ! Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm dăng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ.

Ôi ! Hỡi nkững người mẹ, những người vợ, những người phụ nữ Pháp, chị em nghĩ gì về tình trạng đó ? Và các bạn những người con, những

người chồng, những anh em người Pháp nữa ? Có phải đó là phép lịch sự của người Pháp đã bị « thực dân hóa » đi không nhỉ ?

Nhiệt tình của người Việt-nam đối với nền giáo dục hiện đại làm cho chính phủ bảo hộ lo sợ. Bởi thế, chính phủ đóng cửa các trường làng, biến trường học thành chuồng ngựa cho các quan nhà binh, đuổi học trò và bỏ tù thầy giáo. Một cô giáo bản xứ đã bị bắt giải về tỉnh lỵ, còng đeo gông, đầu phơi trần dưới ánh nắng như thiêu đốt.

Một viên chánh quản pháo binh, đã đốt nhà một phụ nữ Việt-nam, vì người ấy không chịu tiếp hấn vào lúc nửa đêm.

Một viên quan hai có nhiều vợ đã quật ngã một thiếu phụ Việt-nam và dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu làm vợ lẽ hấn.

Một sĩ quan khác hiếp một em bé gái bằng những cách dâm bạo vô cùng ghê tởm. Bị truy tố trước tòa đại hình, hấn được trắng án, chỉ vì nạn nhân là người Việt-nam.

Trong tất cả các bài diễn văn, tất cả các bản báo cáo ở khắp những nơi mà các nhà cầm quyền của chúng ta có dịp mở miệng, và có bọn ngốc ngồi nghe, họ luôn luôn khẳng định rằng, chỉ có nước Đức đã man mới là đế quốc, là quân phiệt, còn nước Pháp, cái nước Pháp yêu hòa bình, nhân đạo, cộng hòa và dân chủ, cái nước Pháp mà họ đại diện thì không phải là đế quốc, cũng không phải là quân phiệt. Ô ! hoàn toàn không phải ! Nếu chính các nhà cầm quyền ấy đưa binh lính — là con em công nhân hay chính là công nhân — đi giết hại những công nhân ở các nước khác, thì đó chẳng qua là để dạy cho những người này biết sống cho tốt mà thôi !

*Chương XII***NÔ LỆ THỨC TỈNH****I — Ở ĐÔNG-DƯƠNG**

Tháng 11 năm 1922, sáu trăm thợ nhuộm ở Chợ-lớn (Nam-kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

Nếu những công nhân bản xứ khốn khổ kia, thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai dễ bảo, không được giáo dục và tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại — do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế — và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ, thì đó là vì tình cảnh của họ quá ư khốn khổ, khốn khổ đến mức mà ở châu Âu người ta không tưởng tượng được. Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại và chúng ta đừng quên rằng bản phận của chúng ta — những người lao động ở chính quốc — không phải chỉ tổ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức.

II — Ở ĐA-HỒ-MÂY

Lo sợ về giai cấp công nhân ở chính quốc đã thức tỉnh, chủ nghĩa tư bản Pháp tìm cách di chuyển nền thống trị của nó qua các thuộc địa. Tại đó, nó vơ vét nguyên liệu cho các nhà máy

và sử dụng những lực lượng phản động và lạc hậu để chống lại cách mạng. Báo chí tư sản ở Pa-ri và các tỉnh thường xuyên dành hàng trang cho mục thuộc địa. Các tướng tá và nghị sĩ tổ chức những cuộc diễn thuyết về thuộc địa. Những cây bút quan liêu và những người nói khoác ấy không tìm đâu ra đủ lời lẽ để ca ngợi công ơn khai hóa « của họ » và lòng trung thành của người bản xứ.

Đôi khi các ngài ấy trơ tráo đến mức đem lòng... nhân từ của họ đối lập với sự cướp bóc của thực dân Anh: họ cho chính sách của người Anh là « phương pháp tàn nhẫn » hoặc « thái độ thô bạo » và quả quyết rằng cách làm của người Pháp là đầy công bằng và từ thiện !

Chỉ cần nhìn qua các thuộc địa Pháp một chút cũng đủ thấy công cuộc khai hóa đó là « đẹp đẽ và nhân từ » biết chừng nào !

Ở Đa-hô-mây, người ta tăng thêm thuế vốn đã quá nặng đối với người bản xứ. Người ta bắt thanh niên phải bỏ nhà cửa, ruộng nương để đi làm « những người bảo vệ văn minh ». Người ta cấm người bản xứ mua sắm và sử dụng vũ khí để chống thú dữ thường phá hoại sạch trơn hàng loạt làng xóm. Giáo dục, vệ sinh đều thiếu. Trái lại, người ta không từ một thủ đoạn nào để bắt người Đa-hô-mây « được bảo hộ » phải chịu cái chế độ « dân bản xứ » đáng phỉ nhổ, một chế độ đã hạ con người xuống hàng con vật và làm ô nhục cho cái thế giới gọi là văn minh. Dân bản xứ không cam chịu nhục được mãi, phải vùng lên. Thế là đàn áp đẫm máu. Người ta dùng những biện pháp cứng rắn. Người ta điều quân đội, súng

liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đây! Công cuộc khai hóa nhân từ là như thế đấy!

III — Ở XY-RI

Dân Xy-ri lấy làm hài lòng, rất hài lòng về chính sách cai trị của tướng Gu-rô, các nhà đương cục đều nói như thế. Nhưng các sự việc sau đây đã chứng minh trái ngược lại:

Tháng 5 năm 1922, ông Mui-xta-pha Kê-man đến Mét-xin. Để đón tiếp ông, người Hồi giáo Xy-ri dựng một khải hoàn môn có cắm cờ đen mang các khẩu hiệu: « Thỏ và A-rập là anh em! », « Xin chớ quên những người anh em Xy-ri », « Hãy giải phóng cho chúng tôi », v.v...

Việc ông Mui-xta-pha Kê-man đến thăm A-đa-na đã gây nên những cuộc biểu tình sôi nổi. Trong hai ngày liền, những người trong phong trào phục quốc ở Ăng-chi-ô-sơ và A-lếch-xăng-đơ-rét đã giương cờ đen kéo qua các phố và hô lớn những khẩu hiệu chống chế độ ủy trị Pháp.

Đáp lời kêu gọi của phái đoàn phục quốc Xy-ri, nghe đâu ông Mui-xta-pha Kê-man đã nói: « Một trung tâm văn minh đã tồn tại từ bao thế kỷ như Xy-ri không thể nằm trong tay người ngoại quốc được ».

Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn « chia để trị » của nó. Chính vì thế mà nước Việt-nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy. Lợi dụng một

cách xảo trá sự chia cắt ấy. người ta hy vọng làm nguội được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người Việt-nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau. Sau khi đẩy họ chống lại nhau, người ta lại ghép một cách giả tạo các thành phần ấy lại, lập nên một « liên bang » gọi là Liên bang Đông-dương.

Trong các thuộc địa mới người ta cũng lại thấy cái sách lược ấy. Sau khi chia cắt đất nước Xy-ri thành « một số quốc gia », cao ủy Pháp ở Bâ-rút lại lập một « Liên bang » Xy-ri, gồm các « nước » A-lép, Đa-mát, và A-la-u-ít¹⁾. Một lá quốc kỳ đã được bày đặt ra nhằm mục đích đó. Cũng như đối với lá cờ Việt-nam, người ta không quên vá vào lá cờ liên bang đó một miếng « cờ bảo hộ », ở góc trên, gần cán. Ngày 11 tháng 12 năm 1922 là ngày lễ « long trọng », lần đầu tiên lá cờ ấy được kéo lên nóc phủ liên bang ở A-lép.

Trong dịp ấy, nhiều nhà cầm quyền đã đọc diễn từ. Ông Xu-bi Ba-ra-ca Bâ-y, chủ tịch liên bang, đã nói nào là « nước bảo hộ rộng lượng », nào là « người hướng đạo chân thành », nào là « những vị tướng lĩnh chiến thắng », và hàng tràng những điều khác nữa. Ông Rô-be đơ Ke, quyền cao ủy, cũng đọc đít-cua rất dài. Ngoài những điều khác ra, vị quan cao cấp ấy đã nhắc lại rằng, « nước Xy-ri độc lập không phải là dân tộc đầu tiên được nước Pháp săn sóc từ trong nôi », v.v.. Nhưng, tất cả những lời lẽ huênh hoang rỗng tuếch ấy chẳng

1) *Alep, Damas, Alaouites*. (*Alep* là một thành phố của Xy-ri; *Damas* là thủ đô của Xy-ri; *Alaouites* là lãnh thổ của Xy-ri bị thực dân Pháp cắt ra thành một khu vực tự trị từ năm 1924 đến năm 1930).

đánh lừa được ai. Phái đoàn Xy-ri — Pa-le-xtin lãnh nhiệm vụ đấu tranh cho độc lập và thống nhất — chân chính — của nước Xy-ri ở Hội nghị Lô-dan đã gửi một bức thư phản kháng. Bức thư này đã được đăng trên tờ *Diễn đàn phương Đông*¹⁾, và chúng tôi rất sung sướng được sao lại dưới đây :

« Thưa ngài,

« Giữa lúc người ta đương cố hàn gắn những lỗ hổng mà Hiệp ước Xe-vơ-rơ đã khoét ra trong vấn đề Cận Đông và giữa lúc dân tộc A-rập đang phải chịu đựng, so với mức hy sinh tự nguyện của mình, những điều tai hại trực tiếp nhất do hiệp ước đó gây ra, thì ở hội nghị của các ngài, hội nghị tổ chức ra với mục đích thiết lập một nền hòa bình vững chắc và lâu dài, tiếng nói của các đại biểu dân tộc A-rập ở các khu vực khác nhau vẫn chưa được lắng nghe.

« Thế mà chính lúc này lại là lúc các nhà cầm quyền Pháp chọn để khánh thành một cách long trọng công cuộc thực dân hóa mà họ đã tiến hành từ bốn năm nay bằng cách gắn cái tượng trưng cho chế độ nô lệ vĩnh viễn là những miếng cò tam tài lên lá cờ mà người ta vừa mới gán cho cái gọi là « Liên bang Xy-ri ». Thế là một lần nữa, người ta lại phủ nhận những lời tuyên bố của Đồng minh, những điều mà nước Anh đã nhân danh Đồng minh cam kết với dân tộc A-rập, và ngay cả những lời của các chính khách Pháp hứa bảo đảm nền độc lập cho xứ Xy-ri bất hạnh. Nước Xy-ri hiển nhiên có đủ tư cách để được độc lập nhanh chóng, hoàn toàn, và xứng đáng với nền độc lập

1) *La Tribune d'Orient.*

ấy không kém bất cứ một nước nào khác ở phương Đông hay ở phương Tây. Thế mà Xy-ri lại không được phép có một quốc kỳ riêng của mình. Người ta đã buộc Xy-ri phải dính vào quốc kỳ của mình cái mảnh tam tài làm dấu hiệu cho chế độ ủy trị, là một sự thôn tính trá hình.

« Thừa ông chủ tịch, từ trước tới nay chúng tôi luôn luôn phản đối chế độ ủy trị, không bao giờ chúng tôi công nhận chế độ ấy cả, ngày nay chúng tôi lại cực lực phản đối việc gắn cái dấu hiệu tượng trưng của chế độ ấy vào lá cờ của chúng tôi.

« Hầu hết các cường quốc, kể cả những nước lớn mạnh không kém gì nước Pháp, đều không bao giờ dùng phương pháp làm nhục ấy đối với những thuộc địa lạc hậu nhất của họ.

« Hiến chương Hội Quốc liên quy định rõ tính chất tạm thời của chế độ ủy trị (điều 22, đoạn 4). Vậy thì nhà chức trách Pháp dựa trên cơ sở nào để gán ghép màu cờ của họ cho một nước mà họ đòi diu dặt đến độc lập, một nền độc lập đã được Hiến chương Hội Quốc liên công nhận ?

« Thừa ngài, chúng tôi trân trọng yêu cầu ngài xét lời phản kháng của chúng tôi về vấn đề ấy, và một lần nữa, chúng tôi nhắc lại nguyện vọng tha thiết nhất của chúng tôi là những yêu sách chính đáng của chúng tôi sẽ được bênh vực tại hội nghị.

« Kính mong. v.v..

Thay mặt trưởng đoàn đại biểu

Xy-ri — Pa-le-xtin :

Tổng thư ký

« E-MIA SE-KIP AC-XLAN »

Ngoài ra, những người ở Ha-ma, phần nhiều là công chức, luật sư, giáo sư, nhà báo, nhà buôn, đã gửi cho thủ tướng Pháp một bức thư mà sau đây là những đoạn chính :

« Thừa ngài thủ tướng, chúng tôi được hân hạnh trình bày với ngài các yêu sách của chúng tôi, đồng thời chúng tôi phản đối sự phản ứng của cái hội đồng đó, sự phản ứng mà chúng tôi cho là đã đi ngược lại lợi ích của chúng tôi và lợi ích của cả nước Xy-ri nói chung.

« 1. Cái Hội đồng liên bang ấy không phải là do quốc dân bầu ra. Vì thế, các ủy viên của Hội đồng đó hoàn toàn không có tư cách là đại biểu của quốc dân, cũng không thể phản ánh ý chí của quốc dân.

« 2. Hội đồng ấy không có quyền hành gì cả ; nó bị bắt buộc chỉ được thảo luận những vấn đề nào mà người ta muốn đưa ra trước nó, nên ngay cả những vấn đề sống còn của đất nước, nó cũng không thể đề cập đến được. Sau hết, các nghị quyết của Hội đồng lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyền hành của cao ủy, cao ủy có thể tùy tiện thi hành hay bác bỏ.

« 3. Chính ngay cơ sở của Hội đồng ấy cũng không vững, bởi vì mỗi bang chỉ có một đại biểu, mặc dầu dân số các bang không bằng nhau. Lại còn điều kỳ quặc phi lý này nữa là Hội đồng không theo nguyên tắc đa số, có một ý kiến bất đồng là cuộc biểu quyết coi như không có giá trị và vấn đề phải đưa lên cao ủy quyết định.

« 4. Người ta giới thiệu Hội đồng này như là một bước tiến trên con đường đi đến thống nhất, thật ra nó là sự phủ nhận thống nhất, phủ nhận ngay đến cả tư cách của đất nước nữa, vì đã là

một Hội đồng chỉ định ra thì nó hoàn toàn không phản ánh được ý chí của quốc dân; thậm chí nó còn có thể đi ngược lại ý chí đó, trong khi trước con mắt của toàn thế giới, nó lại có thể được coi như là cơ quan đề đạt nguyện vọng của nhân dân Xy-ri, và do đó sẽ cung cấp cho người ta những lý do dễ khước từ những yêu sách chính đáng của quốc dân chúng tôi.

.....

« Còn về nguyện vọng của chúng tôi, thì có thể nêu lên như sau :

« a) Công nhận nền độc lập thật sự và sự thống nhất của Xy-ri.

« b) Sau khi làm xong cuộc điều tra dân số đang tiến hành thì sẽ tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu ra quốc hội. Quốc hội sẽ ban hành hiến pháp và quyết định chính thể. Quốc hội có thể được triệu tập vào cuối năm 1922, tức là lúc Hội đồng liên bang sẽ được triệu tập.

« c) Thành lập một chính phủ chịu trách nhiệm trước quốc hội, và quốc hội, trong những quyền hạn của nó, phải có toàn quyền lập pháp.

« Đó mới là những nguyện vọng thật sự của nhân dân Ha-ma, mà cũng là nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xy-ri ».

*

* *

Từ khi tập sách nhỏ này viết xong, thì nhiều biến cố nghiêm trọng đã xảy ra ở nhiều thuộc địa. Đó là quả bom ở Quảng-châu do một người Việt-nam ném, là những quả bom ở Ăng-ti, những vụ

bãi công đẫm máu ở Guy-a-đơ-lúp, những cuộc biểu tình không kém đồ máu ở Đa-mát, những vụ bãi công ở Bi-déc-tơ¹⁾, ở Ham-măng-líp²⁾ và tình hình sôi sục ở Tuy-ni-di.

IV — CÁCH MẠNG NGA VỚI CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra.

Cách mạng Nga hiểu rất rõ điều đó. Cho nên nó không dừng lại ở việc đọc những bài diễn văn lý tưởng đẹp đẽ và thông qua những kiến nghị nhân đạo để ủng hộ các dân tộc bị áp bức, mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh. Cách mạng Nga giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất như Lê-nin đã viết trong đề cương của Người về vấn đề thuộc địa. Cách mạng Nga đã triệu tập họ đến Đại hội Ba-cu²⁶ : hai mươi một dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước xâm lược và giai cấp vô sản ở các nước bị xâm lược đã

1) Bizerte. (Quân cảng của nước Tuy-ni-di).

2) Hammanlif. (Một thành phố của nước An-giê-ri).

nắm tay nhau trong tình anh em và cùng nhau tìm cách đấu tranh cho có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dầu đang phải đương đầu với những khó khăn dồn dập trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc ấy, những dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng tấm gương cách mạng anh dũng và thắng lợi của nó. Việc làm đầu tiên của nó là thành lập trường Đại học phương Đông.

Hiện nay, trường Đại học phương Đông có 1.025 sinh viên mà 151 là nữ sinh. Trong số sinh viên đó, có 895 người là đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của sinh viên như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức. Ngoài ra còn có 75 học sinh thiếu niên từ 10 đến 16 tuổi.

Có 150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế — chính trị, v.v.. Trong lớp học, thanh niên của sáu mươi hai dân tộc sát cánh nhau như anh em ruột thịt.

Trường có 10 ngôi nhà lớn dành cho sinh viên. Lại có một rạp chiếu bóng, thứ năm và chủ nhật chiếu cho sinh viên xem không lấy tiền, các ngày khác thì cho một người thầu thuê. Có hai thư viện với 47.000 quyển sách giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi bồi dưỡng tư tưởng và đi sâu vào việc nghiên cứu. Mỗi dân tộc hoặc « nhóm » lại có một tủ sách riêng gồm sách báo bằng tiếng mẹ đẻ

của mình. Phòng đọc sách được sinh viên trang trí rất có mỹ thuật, và có đầy đủ các báo hàng ngày và tạp chí.

Sinh viên tự mình cũng ra một tờ báo có « một bản duy nhất » dán vào một cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được điều trị trong bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Cơ-ri-mê được dành riêng cho những sinh viên mới ốm dậy. Chính phủ Xô-viết tặng nhà trường hai trại nghỉ gồm có chín ngôi nhà. Mỗi trại có một nhà chăn nuôi để nghiên cứu việc chăn nuôi. Đồng chí bí thư nông nghiệp của trường không giấu nổi niềm tự hào khi nói với tôi: « Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn ». Trại còn có 100 héc-ta đất để cho sinh viên trồng trọt. Trong các kỳ nghỉ, sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân.

Nhân đây cũng nói thêm rằng, một trong hai trại nghỉ ấy trước kia là tài sản của một đại công tước Nga¹⁾. Thật là ngộ nghĩnh khi trông thấy lá cờ đỏ kiêu hãnh phấp phới trên đỉnh ngọn tháp được trang điểm bằng chiếc mũ miện đại công tước và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều-tiên hay Ác-mê-ni chuyện trò và vui đùa không chút kiêng nể trong phòng lễ của « hoàng tử điện hạ ».

Sinh viên ăn, mặc, ở đều không mất tiền. Mỗi tháng, mỗi người còn được lĩnh năm rúp vàng để tiêu vật.

Để sinh viên có những kiến thức cơ bản về khoa nuôi trẻ, nhà trường nhận đỡ đầu một nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ xinh xắn.

1) Tước của thái tử thời Nga hoàng.

Mỗi năm trường Đại học phương Đông chi tiêu đến 516.000 rúp vàng.

Các đại biểu của 62 dân tộc trong trường Đại học lập thành một « Công xã ». Chủ tịch và các cán sự của Công xã đều do đầu phiếu phổ thông bầu ra, ba tháng một lần. Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản lý kinh tế và hành chính. Tất cả các sinh viên đều lần lượt thay phiên nhau làm bếp, làm công tác thư viện, câu lạc bộ, v.v.. Tất cả những vụ tranh chấp và « phạm pháp » đều do một tòa án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Mỗi tuần, Công xã họp một lần để thảo luận tình hình chính trị và kinh tế thế giới. Thỉnh thoảng lại tổ chức những cuộc mít tinh và những buổi tối giải trí, trong đó có những nghệ sĩ tài tử đột xuất làm cho anh em được thưởng thức nghệ thuật và văn học muôn màu muôn vẻ của những đất nước xa xôi.

Một điểm đặc biệt làm nổi bật sự « dã man » của những người bôn-sê-vích là không những họ coi những người dân thuộc địa « thấp kém » ấy như anh em, mà còn mời họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Những sinh viên khi ở quê hương mình chỉ là những « dân thuộc địa », « dân bị bảo hộ », nghĩa là những người không có quyền gì khác ngoài quyền nộp thuế, những người không được góp ý kiến vào công việc của nước mình, không được phép bàn bạc chính trị, thì nay được tham gia tổng tuyển cử của nhân dân để bầu những đại biểu của mình vào các Xô-viết. Mong rằng những anh em của tôi ở các thuộc địa đang hoài công tốn của cầu cạnh xin xỏ thay đổi quốc tịch mãi mà không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản xem !

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng chịu đau khổ và trông thấy cảnh đau khổ. Tất cả đều đã sống dưới « nền văn minh cao đẳng » và dưới sự áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Cho nên, tất cả đều phấn khởi và thiết tha học hỏi. Họ rất hăng hái và nghiêm túc. Họ hoàn toàn không có vẻ công tử ăn chơi nhàn nhã ¹⁾ như những thanh niên phương Đông du học ở Pa-ri, Ô-xơ-pho, hoặc Bá-linh. Người ta có thể nói không ngoa rằng, trường Đại học phương Đông ấp ủ dưới mái của mình tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và Viễn Đông, kể từ Xy-ri đến Triều-tiên — chỉ tính những nước thuộc địa và nửa thuộc địa thôi — có một diện tích rộng hơn 15 triệu ki-lô-mét vuông, với số dân hơn 1.200 triệu người. Tất cả những nước rộng lớn ấy hiện đang ở dưới ách của chủ nghĩa đế quốc tư bản. Và mặc dầu dân số của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa bao giờ ra sức tìm tòi thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng, cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Họ chưa có những mối liên hệ giữa các lục địa như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn trong bản thân một sức mạnh vô cùng to lớn mà họ chưa biết ! Việc thành lập trường Đại học phương Đông đánh dấu một kỷ nguyên mới ; trong khi tập hợp những người trẻ trung, hoạt bát, thông minh của các nước thuộc địa lại, nhà trường đang tiến hành một sự nghiệp vĩ đại là :

1) *Ils n'ont pas du tout l'air boulevardier et quartier latiniste.* (Có nghĩa là : họ không có vẻ hạng người rong chơi trên các đại lộ hoặc ở khu phố la-tin).

a) Giáo dục cho các chiến sĩ tương lai ấy nắm được nguyên lý đấu tranh giai cấp là nguyên lý mà một mặt, những cuộc đấu tranh chủng tộc, mặt khác, những tập tục gia trưởng đã làm cho mơ hồ, lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này ; chỉ có sự hợp tác này mới đảm bảo cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

c) Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản.

d) Nêu lên cho giai cấp vô sản ở những nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể làm và phải làm cho những anh em của họ đang bị nô dịch.

V — HỒI ANH EM VÔ SẢN VÀ NÔNG DÂN CÁC THUỘC ĐỊA !

Cuộc chém giết đẫm máu thế giới đã mở mắt cho hàng triệu vô sản và nông dân các thuộc địa thấy rõ hoàn cảnh sinh sống không sao chịu nổi của mình. Một loạt những cuộc bùng nổ cách mạng mãnh liệt, nhưng chưa được tổ chức, đã đánh dấu sự kết thúc của cuộc chiến tranh thế giới. Lực lượng tự phát không gì ngăn nổi và khát khao chiến đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn ấy, là do giai cấp tư sản dân tộc bản xứ tổ chức và lãnh đạo. Lớn mạnh lên trong thời kỳ chiến tranh, giai cấp

tư sản dân tộc đó không muốn nằm mãi trong nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc và để cho chúng nắm phần to lớn nhất trong việc bóc lột « công nhân và nông dân của mình » nữa. Khẩu hiệu đấu tranh giải phóng dân tộc của giai cấp tư sản trẻ tuổi ở thuộc địa đề ra, được quần chúng lao động ở Ấn-độ, Ai-cập, Thổ-nhĩ-kỳ v.v., hoan nghênh nhiệt liệt và ủng hộ mạnh mẽ.

Quốc tế cộng sản đấu tranh không ngừng chống bọn cá mập tư bản ở tất cả các nước trên thế giới. Có thể nào nó lại giả vờ quay lưng lại với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được không ?

Không ! Quốc tế cộng sản đã công khai tuyên bố ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh ấy, và trung thành với mục tiêu của mình. Quốc tế cộng sản vẫn tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh ấy.

(Trích Tuyên ngôn của
Ban chấp hành Đệ tam quốc tế)

VI — MỘT BẢN HIỆU TRIỆU CỦA QUỐC TẾ NÔNG DÂN GỬI NÔNG DÂN LAO ĐỘNG CÁC THUỘC ĐỊA

Quốc tế nông dân mới đây họp Đại hội lần đầu tiên ở Mạc-tư-khoa đã ra lời kêu gọi dưới đây đề tỏ rõ sự quan tâm của mình đối với nông dân lao động các thuộc địa.

Hỡi anh chị em nông dân lao động các thuộc địa !

Hỡi anh chị em nông dân thuộc địa, anh chị em là những người nô lệ hiện đại ; hàng triệu anh chị em ở ngoài đồng ruộng, trên thảo nguyên

và trong núi rừng của hai lục địa, đang rên xiết dưới hai tầng áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài và bọn chủ bản xứ.

Họp lần đầu tiên ở Mạc-tư-khoa để thành lập một tổ chức đấu tranh mà cho đến nay nông dân chưa có, Đại hội nông dân quốc tế kêu gọi ý thức giai cấp của anh chị em và yêu cầu anh chị em hãy gia nhập hàng ngũ tổ chức đó.

Anh chị em còn khổ hơn các bạn nông dân ở chính quốc, vì ngày công quá dài, vì đói khổ, vì ngày mai bấp bênh.

Anh chị em thường bị cưỡng bách lao động như khổ sai, bị bắt đi khuân vác đến chết người và đi lao dịch không thời hạn.

Anh chị em bị đè bẹp dưới thuế khóa.

Chủ nghĩa tư bản bóc lột dim anh chị em trong cảnh tối tăm ngu dốt, áp bức anh chị em về mặt tư tưởng và tiêu diệt nòi giống của anh chị em bằng rượu và thuốc phiện.

Chế độ bản xứ bỉ ổi do bọn đế quốc tư bản đặt ra, tước mất của anh chị em mọi quyền tự do cá nhân, mọi quyền lợi chính trị và xã hội, do đó, đã hạ anh chị em xuống thân phận trâu ngựa.

Đẩy anh chị em vào cảnh cùng khổ và phá sản như vậy chưa đủ, chủ nghĩa tư bản còn bắt anh chị em lia bỏ gia đình, đồng ruộng, đưa anh chị em ra làm bia đỡ đạn, ném anh chị em vào những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn đánh lại nhân dân bản xứ khác hoặc chống lại nông dân, công nhân ở chính quốc.

Hỡi anh chị em cùng khổ ở các thuộc địa !

Hãy đoàn kết lại !

Hãy tổ chức lại !

Hãy phối hợp hành động của anh chị em với hành động của chúng tôi, chúng ta cùng nhau đấu tranh cho công cuộc giải phóng chung !

Công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa thành công muôn năm !

Quốc tế lao động muôn năm !

Quốc tế nông dân muôn năm !

VII—TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN Ở THUỘC ĐỊA

Trích biên bản phiên họp ngày 27 tháng 6 năm 1923, kỳ họp thứ ba của Ban chấp hành trung ương Công hội quốc tế đỏ.

Đấu tranh công đoàn ở thuộc địa

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Theo quan điểm đó, việc tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt. Thế mà đoàn viên của Công hội quốc tế đỏ hầu như chưa hề làm được gì ở Ai-cập, ở Tuy-ni-di và ở tất cả các nước đương nằm dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mối liên hệ hiện có giữa các nhóm công nhân ở các thuộc địa Pháp và các công đoàn Pháp chỉ là do ngẫu nhiên. Không có một hoạt động có hệ thống nào cả. Mà rõ ràng là nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá hủy bộ máy đế quốc chủ nghĩa. Việc cần thiết hiện nay là phải phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức công đoàn

ở các nước thuộc địa và phát triển các công đoàn hiện có dưới hình thức phân tán. Ngoài ra, chúng ta cần phải tỏ rõ tình hữu ái giai cấp thực sự giữa những người lao động thuộc mọi dân tộc, mọi chủng tộc để khắc phục sự nghi kỵ của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những chủng tộc thống trị. Mối liên hệ hữu cơ giữa công đoàn thuộc địa và công đoàn chính quốc chỉ có thể là kết quả của một quá trình công tác rất lâu dài trong các thuộc địa.

Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bền bỉ chống những chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

*

* *

**TUYÊN NGÔN CỦA «HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA»,
TỜ CHÚC CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN BẢN XỨ Ở
TẤT CẢ CÁC THUỘC ĐỊA**

«Hỡi anh em ở các thuộc địa! Năm 1914, vì phải đương đầu với một tai họa ghê gớm, những người cầm quyền nhà nước đã quay về phía anh em và yêu cầu anh em đồng tình góp phần hy sinh của mình để cứu vãn một tổ quốc mà người ta nói là của anh em, nhưng thật ra cho đến khi đó, anh em chỉ biết có cái đầu óc thống trị của nó mà thôi.

« Để làm cho anh em không ngần ngại, họ không quên làm lóe lên trước mắt anh em những quyền lợi mà sự hợp tác với họ sẽ đưa lại cho anh em. Nhưng qua cơn bão táp rồi, thì đâu lại hoàn đó, anh em vẫn phải sống trong chế độ bản xứ, với những tòa án đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em. Đó là về mặt chính trị.

« Về mặt kinh tế, anh em vẫn phải chịu nạn sưu dịch nặng nề mà nhân dân oán ghét, vẫn phải đóng thuế muối, vẫn bị đầu độc và cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuốc phiện như ở Đông-dương, vẫn bị đi gác đêm để canh giữ tài sản cho bọn cá mập thực dân, như ở An-giê-ri.

« Lao động như nhau, nhưng công sức của anh em lại bị trả tiền ít hơn các bạn người Âu của anh em.

« Cuối cùng, người ta hứa hẹn với anh em đủ mọi thứ trên trời dưới biển, nhưng giờ đây anh em thấy toàn là những lời lừa dối cả.

« Anh em phải làm thế nào để được giải phóng ?

« Vận dụng công thức của Các Mác²⁷, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

« *Hội Liên hiệp thuộc địa* thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy.

« Với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập **hợp** tất cả những người quê ở thuộc địa hiện sống trên đất Pháp.

« *Biện pháp hoạt động* : Để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng báo chí và ngôn luận (tổ chức nói chuyện, mít tinh, thông qua các bạn dân biểu mà đặt vấn đề ra trên diễn đàn các nghị viện) và bằng tất cả mọi biện pháp mà chúng ta có thể làm.

« *Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc !* Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quỷ quyết ấy, *giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn.*

« *Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác :*

« *Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại !* ».

« *Hội Liên hiệp thuộc địa* »

CUỘC KHÁNG PHÁP

Mặc dầu bọn vua chúa ươn hèn, mặc dầu địch đang chiếm ưu thế và mặc dầu chế độ quân chủ đã làm cho dân chúng quen lạnh nhạt, bàng quan, dân chúng cũng không thể chịu ách ngoại bang mà không bền bỉ chống lại. Lúc mới thấy các tàu chiến lớn và súng ống tinh xảo thì ngạc nhiên, nhưng khi cảm giác đầu tiên ấy đã qua thì những người yêu nước Việt-nam liền tổ chức đấu tranh. Cuộc xâm chiếm Đông-dương bắt đầu từ năm 1858 mãi đến 1909 mới kết thúc. Chính trong thời kỳ này, khi nhà ái quốc Đề Thám chết thì công cuộc chống Pháp có tổ chức và có vũ trang chấm dứt. Người anh hùng dân tộc ấy cùng với một ít nghĩa quân kiên quyết của ông đã chiếm lĩnh cả một tỉnh nhỏ và đương đầu với thực dân Pháp trong nhiều năm. Trong thời kỳ chiến tranh ở châu Âu, nhiều cuộc bạo động đã nổ ra nhưng lại bị dẹp tắt ngay trong biển máu. Trong số các cuộc khởi nghĩa đó, cần chú ý đến cuộc nổi dậy của binh lính Việt-nam — binh lính sắp đem sang Pháp — do ông vua trẻ Duy-tân tổ chức. Sau khi cuộc âm mưu bại lộ, vua Duy-tân bị phế và đày sang châu Phi.

Trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng của một dân tộc bị áp bức có nhiều hành động oanh liệt và nhiều sự hy sinh lớn, giá kẻ được ở đây đề các bạn biết thì hay lắm, nhưng không thể nói hết được trong phạm vi nhỏ hẹp của buổi nói chuyện

này của chúng ta. Vậy nên tôi chỉ có thể nhắc lại đây một đoạn hồi ký của phó đô đốc Rê-vây-e như sau :

« Nếu chúng ta đánh giá một người qua phẩm chất đạo đức chứ không phải qua những tri thức của người đó, thì chúng ta sẽ bớt kiêu căng về tính chất cao đẳng của chúng ta đối với người Viễn Đông, những người biết hy sinh một cách có ý nghĩa.

Năm 1862, chúng tôi được phái đi đàn áp một cuộc khởi nghĩa. Viên tư lệnh V... sai một trung úy đem quân chặn đường rút lui của nghĩa quân sau khi họ bại trận.

Mặt trời vừa lặn thì viên trung úy đem lính trở về rất mệt mỏi, người đầm bùn. Không thấy tù nhân, thấy nét mặt ai cũng có vẻ bối rối, chúng tôi biết ngay là cuộc chinh phạt này không kết quả. Những người An-nam dẫn đường, đầu cúi xuống, tay bị trói, đang đi giữa bốn người lính mang súng. Thân thể họ, gần như trần truồng, mang đầy vết thương. Viên trung úy bước tới trước viên tư lệnh và lúng túng nói :

— Thưa quan tư lệnh, từ sớm những người đưa đường đã dẫn chúng tôi khắp nơi, lội bùn ngập đến bụng, nhưng chúng tôi không tìm thấy một người chạy trốn nào cả.

Viên tư lệnh cho gọi hai người An-nam đến hỏi.

Hai người này là hai anh em vì họ giống nhau lắm. Chỉ có người anh trả lời những câu hỏi của viên tư lệnh :

— Chúng mày biết chỗ, chúng mày đã thú nhận rồi kia mà.

— Có, chúng tôi có biết chỗ.

— Tao đã giải thích cho chúng mày rất kỹ việc hướng dẫn lính đi tìm ở đâu và bằng cách nào rồi. Chúng mày đã khai hiểu rõ hết.

— Chúng tôi hiểu.

— Tao có nói : « Nếu chúng mày dẫn quân lính đi đúng đường thì chúng mày sẽ thoát chết ; nếu đem họ đi lạc thì chúng mày sẽ bị xử bắn », có đúng tao đã nói như thế không ?

— Ông chỉ huy có nói như vậy.

— Chúng mày đã cố tâm làm lạc hướng cả đội quân trong đồng lầy.

Hai chàng thanh niên đứng im lặng.

« Lúc ra đi, tao đã nói trước rằng chúng mày sẽ bị bắn, nếu chúng mày không đưa đúng đường... Có phải thế không » ? Trả lời đi.

— Ông chỉ huy có bảo như vậy, người anh cả trả lời.

— Vậy chúng mày biết trước chúng mày sẽ bị xử bắn chứ ?

— Chúng tôi đang chờ đây.

Người Nam-kỳ ấy trả lời với một thái độ chịu đựng rất thản nhiên của người Á Đông. Thấy tra vấn đã xong, hai người An-nam chào đi ra.

Viên tư lệnh gọi một tên cai người Thổ-nhĩ-kỳ và bảo : « Lấy bốn lính và đem bắn hai tên tù này sau trại ».

Tên cai Thổ-nhĩ-kỳ vẫy hai người An-nam : hai người này đi theo không hề ngập ngừng và cũng chẳng kêu ca gì, một lát sau, tiếng súng nổ.

Viên tư lệnh mặt bừng đỏ, quay về phía chúng tôi nói : « Thật là anh hùng... Ở Hy-lạp có lẽ người ta phải dựng tượng họ đấy, còn tôi, tôi phải bắn họ ».

Đến sáng, nhìn ra ngoài pháo thuyền, chúng tôi thấy bên bờ một tấm biển lớn đóng vào thân cây. Người thông ngôn dịch lại cho chúng tôi nghe một đoạn như sau :

« Các ông đã chiếm mất nhiều tỉnh của chúng tôi để làm giàu thêm cho đế quốc các ông, để cho thanh danh các ông càng thêm rạng rỡ. Các ông có đòi chúng tôi chuộc lại đất đai không ? Chúng tôi sẵn sàng trả, miễn là các ông sẽ thôi đừng đánh nhau với chúng tôi nữa và đem quân trở về nước.

« Nhưng nếu các ông từ chối, chúng tôi sẽ không ngừng chiến đấu để tuân theo ý trời. Chúng tôi cũng có chút e ngại trước thế lực của các ông, nhưng chúng tôi sợ trời hơn sức mạnh của các ông. Chúng tôi nguyện sẽ chiến đấu mãi mãi không nghỉ. Khi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ lấy cành cây làm cờ, làm gậy để vũ trang cho quân đội chúng tôi. Lúc đó các ông làm thế nào mà có thể sống được với chúng tôi ? »

Đây không phải là những lời nói suông : chưa có một dân tộc nào dám tổ chức kháng chiến trong một tình trạng nguy nan như thế.

Lúc phái quốc gia hấp hối, tôi bắt được một tù nhân có mang theo một khẩu súng lục. Tôi tiếc không giữ lại khẩu súng ấy. Súng làm bằng một cái ô ! Tay cầm cán ô dùng làm báng súng ; cán ô cắt ngắn còn chừng hai mươi phân làm nòng súng ; trên nòng có đục một lỗ nhỏ để cắm ngòi thuốc nổ.

Với những khí cụ như vậy, và sau những tai biến khủng khiếp, những người chủ trì còn lại của một dân tộc đã bị dồn đến bước đường cùng — vẫn chiến đấu chống lại quân đội phương Tây.

Đôi khi họ giết một vài người chúng tôi bằng cạm bẫy, nhất là họ đã làm cho chúng tôi chết vì bệnh tật vì phải đuổi theo họ trên những cánh đồng lầy uế khí, dưới ánh nắng gay gắt.

Có nhiều lần đuổi theo bắt những người yêu nước đó mà chúng ta thường gọi là kẻ phiến loạn, tôi cảm thấy vô cùng thương xót cho cả dân tộc ấy và cảm phục những người chỉ huy của họ, những người vững lòng tin ở công lý và có một nghị lực bất khuất ».

Cuộc đại chiến kết thúc, dân tộc Việt-nam cũng như các dân tộc khác đã bị mê hoặc theo những lời tuyên bố rộng rãi của Uyn-xon về quyền dân tộc tự quyết. Một nhóm người Việt-nam trong đó có tôi, đã gửi cho Nghị viện Pháp và tất cả những đoàn đại biểu ở hội nghị Véc-xây một bản yêu sách sau đây :

NHỮNG YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN VIỆT-NAM

Sau ngày chiến thắng của các nước Đồng minh, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng trước viễn ảnh một kỷ nguyên chính nghĩa và công lý đúng theo những điều giao ước dứt khoát và trang nghiêm ký kết trước toàn thể nhân dân thế giới, giữa các quốc gia trong khối đồng minh nguyên cùng nhau đấu tranh cho nền văn minh chống chế độ dã man.

Trong khi chờ đợi quyền dân tộc tự quyết thiêng liêng ấy được công nhận thật sự, dân tộc vương quốc An-nam cũ, nay là xứ Đông-dương thuộc

Pháp, đề đạt tới các chính phủ Đồng minh nói chung và nói riêng tới chính phủ Pháp, những yêu cầu sau đây :

1. Ân xá toàn thể chính trị phạm Việt-nam.
2. Cải cách nền pháp lý Đông-dương, cho người Việt-nam cũng được bảo đảm về mặt pháp lý như người Âu, bỏ hẳn tòa án đặc biệt, công cụ để khủng bố những người Việt-nam lương thiện nhất.
3. Tự do báo chí và tự do tư tưởng.
4. Tự do lập hội và tự do hội họp.
5. Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương.
6. Tự do học tập và mở các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp cho người bản xứ ở khắp các tỉnh.
7. Thay chế độ sắc lệnh bằng chế độ đạo luật.
8. Phải có đại biểu thường trực người Việt-nam do người bản xứ bầu ra, ở bên cạnh nghị viện Pháp để trình bày nguyện vọng của người bản xứ.

Cuối bản yêu sách, chúng tôi có viết thêm rất nhiều câu ca tụng nhân dân và nhân đạo.

Nhưng sau một thời gian theo dõi nghiên cứu chúng tôi nhận thấy rằng « chủ nghĩa Uyn-xon »²⁸, chỉ là một trò bịp bợm lớn. Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc ; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới.

Viết bằng tiếng Pháp.
In lần đầu tiên bằng tiếng Việt trong sách *Đây công lý của thực dân Pháp ở Đông-dương*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tr. 93-97.

Theo đúng bài in trong sách *Đây công lý của thực dân Pháp ở Đông-dương*.

LÊ-NIN VÀ PHƯƠNG ĐÔNG

Quốc tế thứ nhất đã đặt nền tảng cho phong trào cộng sản quốc tế, nhưng vì chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nên nó chỉ kịp đề ra cho phong trào đó những đường lối cơ bản mà thôi. Cho nên vấn đề các nước thuộc địa chưa được Quốc tế thứ nhất nghiên cứu đầy đủ.

Còn Quốc tế thứ hai với những đại biểu như Mác-đô-nan, Văng-đéc-ven-dơ, Hen-đéc-xôn, Bơ-lum, v.v. thì lại quá chú ý đến vấn đề này. Gặp bất cứ trường hợp thuận tiện nào, các lãnh tụ của Quốc tế thứ hai cũng nhấn mạnh sự nhất trí của họ với chính sách đế quốc chủ nghĩa mà bọn tư bản thực hiện ở các nước thuộc địa. Họ không đồng tình với cuộc đấu tranh để tự giải phóng của nhân dân các nước thuộc địa. Hơn nữa, sau khi lên nắm chính quyền, Mác-đô-nan chẳng kém gì Bôn-đu-in và Săm-béc-lanh, đã đàn áp nhân dân Ấn-độ, Xu-đăng và các dân tộc thuộc địa khác đã can đảm chống lại bọn người nước ngoài ức hiếp họ.

Theo lệnh của các ngài đó, người ta đã giội bom xuống các làng mạc bản xứ, và đã đàn áp nhân dân các nước thuộc địa dã man, độc ác không sao tả xiết. Mọi người đều biết rằng bọn thỏa hiệp thi hành chính sách chia rẽ công nhân người da trắng

và các màu da khác, rằng các công đoàn chịu ảnh hưởng của bọn xã hội bịp bợm đó không muốn kết nạp các công nhân khác màu da vào hàng ngũ của mình. Chính sách thuộc địa của Quốc tế thứ hai đã vạch trần hơn ở đâu hết bộ mặt thật của tổ chức tiểu tư sản này. Bởi vậy cho tới Cách mạng tháng Mười, ở các nước thuộc địa, học thuyết xã hội chủ nghĩa đã bị coi là một thứ học thuyết chỉ dành riêng cho những người da trắng, một thứ công cụ mới để lừa dối và bóc lột.

Lê-nin đã mở ra một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa.

Lê-nin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án mọi thành kiến đối với nhân dân các nước thuộc địa đã ăn sâu trong xương tủy của nhiều công nhân châu Âu và châu Mỹ. Những luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc được Quốc tế cộng sản tán thành đã đưa tới cuộc cách mạng lớn lao trong tất cả các nước bị áp bức trên thế giới.

Lê-nin là người đầu tiên đã hiểu và nhấn mạnh tất cả tầm quan trọng của việc giải quyết đúng đắn vấn đề thuộc địa đối với cách mạng thế giới. Trong tất cả các cuộc Đại hội của Quốc tế cộng sản, của Liên hiệp công đoàn thế giới, và của Thanh niên Cộng sản quốc tế, vấn đề thuộc địa luôn luôn được đặt lên hàng đầu.

Lê-nin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa tham gia phong trào cách mạng. Lê-nin là người đầu tiên đã hiểu rằng nếu không có nhân dân các nước thuộc địa tham gia thì không thể có cách mạng xã hội.

Với tinh thần sáng suốt vốn có của mình, Lê-nin đã nhìn thấy rằng muốn cho công tác trong các nước thuộc địa được thành công tốt đẹp thì cần phải lợi dụng triệt để phong trào giải phóng dân tộc lan rộng trong các nước đó, rằng giai cấp vô sản trên thế giới ủng hộ phong trào này thì sẽ có nhiều bạn đồng minh mới mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh cho cách mạng xã hội.

Tất cả các đại biểu các nước thuộc địa tham dự các cuộc Đại hội của Quốc tế cộng sản sẽ không bao giờ quên được sự quan tâm của lãnh tụ Lê-nin, của đồng chí Lê-nin đối với họ, họ sẽ nhớ mãi là Người đã biết đi sâu tìm hiểu như thế nào những điều kiện công tác phức tạp nhất và thuận tụy của địa phương. Từ đó mỗi người trong chúng ta càng thấm thía thấy rằng những lời phán đoán của Lê-nin đúng biết chừng nào và những lời giáo huấn của Người quý giá biết bao.

Chỉ nhờ có thái độ khôn khéo của Lê-nin đối với vấn đề thuộc địa, mới có thể lay chuyển nổi quần chúng nhân dân lạc hậu nhất trong các nước thuộc địa. Sách lược của Lê-nin về vấn đề này đã được các đảng cộng sản trên toàn thế giới áp dụng và ngày càng lôi cuốn được những phần tử ưu tú và tích cực ở các nước thuộc địa tham gia phong trào cộng sản.

Việc Lê-nin giải quyết vấn đề dân tộc hết sức phức tạp ở nước Nga xô-viết, việc Đảng Cộng sản thực hiện cụ thể vấn đề này là một vũ khí tuyên truyền sắc bén nhất cho các nước thuộc địa.

Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức và bị nô dịch, Lê-nin đã thể hiện một bước ngoặt trong lịch sử đau khổ của cuộc đời nô lệ của họ, đã tượng trưng cho một tương lai mới xán lạn.

In trên báo *Tiếng còi*,
(Гудок) ngày 21 tháng 1
năm 1926.

Ký tên : Nguyễn-Ái-Quốc.

In lần đầu tiên bằng tiếng
Việt trong sách *Lên án chủ
nghĩa thực dân*, Nhà xuất
bản Sự thật, Hà-nội, 1959,
tr. 186-190.

Theo đúng bài in
trong sách *Lên án chủ
nghĩa thực dân*.

GỬI ĐẠI DIỆN ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN PHÁP TẠI QUỐC TẾ THANH NIÊN CỘNG SẢN

Đồng chí thân mến,

Chúng tôi có đưa đến Quảng-châu một số thiếu nhi Việt-nam. Chúng tôi đã lập một nhóm thiếu nhi. Chúng tôi muốn gửi 3 hay 4 em qua Nga để các em được tiếp thu một nền giáo dục cộng sản chủ nghĩa tốt hơn. Tôi đã viết thư cho Ủy ban trung ương thiếu nhi Mạc-tư-khoa. Tôi nhờ đồng chí ủng hộ yêu cầu của tôi và tiến hành mọi sự giao thiệp cần thiết để cho người ta trả lời cho tôi được mau chóng và thuận lợi.

Tôi chờ thư trả lời của đồng chí và gửi đến đồng chí lời chào cộng sản anh em.

Địa chỉ:

Lưu, Thông tấn xã Rô-xta, Quảng-châu
Trung-quốc

(Đồng chí hãy đưa thư đồng chí cho giao thông của Quốc tế cộng sản và đừng gửi qua bưu điện, vì ở đây tôi hoạt động bất hợp pháp).

Quảng-châu, ngày 22 tháng 7 năm 1926

NGUYỄN-ÁI-QUỐC

Viết bằng tiếng Pháp. Tài liệu lưu tại Phòng lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Dịch theo đúng tài liệu lưu trữ tại Phòng lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

ĐƯỜNG CÁCH MỆNH²⁹

In lần đầu tiên tại Quảng-châu (Trung-quốc), năm 1927.
Tài liệu lưu tại Viện bảo tàng Cách mạng Việt-nam.

Theo đúng cuốn sách lưu tại Viện bảo tàng Cách mạng Việt-nam.

ĐƯỜNG CÁCH MỆNH

Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong.¹⁾

LÊ-NIN

**BỊ ÁP BỨC DÂN TỘC LIÊN HIỆP HỘI³⁰
TUYÊN TRUYỀN BỘ ẤN HÀNH**

1) Hai câu này trích trong cuốn *Làm gì* của Lê-nin.

TU CÁCH MỘT NGƯỜI CÁCH MỆNH

Tự mình phải:

Cần kiệm.
Hòa mà không tư.
Cả quyết sửa lỗi mình.
Cẩn thận mà không nhút nhát.
Hay hỏi.
Nhẫn nại (chịu khó).
Hay nghiên cứu, xem xét.
Vị công vong tư.
Không hiếu danh, không kiêu ngạo.
Nói thì phải làm.
Giữ chữ nghĩa cho vững.
Hy sinh.
Ít lòng tham muốn về vật chất.
Bí mật.

Đối người phải:

Với từng người thì khoan thứ.
Với đoàn thể thì nghiêm.
Có lòng bày vẽ cho người.
Trực mà không táo bạo.
Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.
Quyết đoán.
Dũng cảm.
Phục tùng đoàn thể.

VÌ SAO PHẢI VIẾT SÁCH NÀY?

1. Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Trung-hoa có câu: « Sur tử bất thổ tất dùng hết sức ». Sur tử mạnh biết chừng nào, nếu bất thổ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng « nước chảy đá mòn » và « có công mài sắt có ngày nên kim ». Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong đời sau nối theo làm thì phải xong.

3. Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng lại phải biết cách làm thì làm mới chóng.

4. Lý luận và lịch sử cách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ, nên cấm chúng ta học, cấm chúng

ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ cách mệnh còn lơ mờ lắm. Có người biên chép đề xướng ra một chút lại làm một cách rất hồ đồ: hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?

6. Sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quăn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đập trên đầu; hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng, đề cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vờ trau chuốt!

Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: CÁCH MỆNH! CÁCH MỆNH!! CÁCH MỆNH!!!

CÁCH MỆNH

1. Cách mệnh là gì?

Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Thí dụ: ông Ga-li-lê (1633) là khoa học cách mệnh. Ngày xưa ai cũng tưởng rằng giời tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạc ¹⁾, ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy chung quanh mặt giời.

Ông Stê-fen-xông (1800) là cơ khí cách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo; ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đác-uyn (1859) là cách vật cách mệnh. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hóa ²⁾ của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao mà có sự sinh hóa ấy.

Ông Các Mác là kinh tế học cách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tranh đấu, vân vân, ở đâu mà sinh ra; lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào, và kết quả nó sẽ ra thế nào.

2. Cách mệnh có mấy thứ?

Ấy là tư tưởng cách mệnh³⁾.

Dân chúng cách mệnh thì có 3 thứ:

A — Tư bản cách mệnh.

B — Dân tộc cách mệnh.

C — Giai cấp cách mệnh.

1) Trắc đạc: Tức là dự đoán.

2) Sinh hóa: Tức là nảy nở và biến đổi.

3) Câu này ở cuối của mục 1: Cách mệnh là gì? nhưng lại đề ở đầu mục 2 này là do sơ suất trong khi viết bản in lần đầu tiên (năm 1927).

Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789, Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864.

Dân tộc cách mệnh như Y-ta-ly đuổi cường quyền Áo năm 1859. Trung-hoa đuổi Mãn-thanh năm 1911.

Giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền năm 1917.

3. Vì sao mà sinh ra tư bản cách mệnh?

A — Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó có lò máy và làm ra hàng hóa. Có lò máy thì muốn có nhiều thợ làm công cho nó. Làm ra hàng hóa thì muốn nhiều người mua của nó. Muốn nhiều người mua bán thì muốn giao thông tiện lợi.

B — Ở hương thôn, địa chủ nó muốn giữ những chế độ phong kiến, thổ địa nhân dân; ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quý ở đấy cả, nó đối với nhân dân nó coi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để cày ruộng cho nó, nó đối với người đi buôn thì hàng hóa nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy, không có chừng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chúng nó cho phép, nó làm nhiều cách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản cách mệnh.

Không bao giờ hai tụi này chống nhau kịch liệt và rõ ràng, dễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865 mấy tỉnh phía Bắc (tư bản mới) cử binh đánh lại mấy tỉnh phía Nam (điền chủ) như 2 nước thù địch vậy.

4. Vì sao mà sinh ra dân tộc cách mệnh?

Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền nó vơ vét bấy nhiêu.

Nó đã cướp hết sản vật, quyền lợi của dân rồi, khi có giặc dã nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914-18, Tây bắt ta đi lính, sau lại gia thuế gia sưu. Đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết người lại hại của.

Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ như Pháp với Việt-nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh.

5. Vì sao mà sinh ra giai cấp cách mệnh?

A — Tư bản (không làm công mà hưởng lợi).

B — Công và nông (làm khó nhọc mà chẳng được hưởng).

Như người thợ Việt-nam, làm ở mỏ than Hòn-gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời

(năm 1925 nó được 17.000.000 đồng). Thử hỏi 17 triệu ấy thằng chủ Tây làm ra hay là công nhân Việt-nam làm ra ?

Dân cày ta ruộng không có mà cày, mà tui đồn điền Tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung-kỳ, 150.000 mẫu ở Nam-kỳ.

Dân ta nơi thì không đủ ăn, nơi thì chết đói, mà đồn chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền Tây (năm 1925 nó bán 911.477.000 quan).

Nước ta như vậy các nước cũng như vậy. Công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga, ấy là giai cấp cách mệnh : nói tóm lại là giai cấp bị áp bức cách mệnh để đập đổ giai cấp đi áp bức mình.

6. Cách mệnh chia làm mấy thứ ?

Cách mệnh chia ra hai thứ :

A — Như Việt-nam đuổi Pháp, Ấn-độ đuổi Anh, Cao-ly¹⁾ đuổi Nhật, Phi-líp-pin đuổi Mỹ, Trung-hoa đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do bình đẳng, của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh.

B — Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới, bất kỳ nước nào, nơi nào đều liên hiệp nhau lại như anh em một nhà, để đập đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng — ấy là thế giới cách mệnh.

Hai thứ cách mệnh đó tuy có khác nhau, vì dân tộc cách mệnh chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công thương đều nhất trí chống lại cường

1) Nước Triều-tiên.

quyền. Còn thế giới cách mệnh thì vô sản giai cấp đứng đầu đi trước. Nhưng 2 cách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau. Thí dụ: Việt-nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc Việt-nam sẽ được tự do.

Vậy nên cách mệnh Việt-nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau.

7. Ai là những người cách mệnh?

Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh.¹⁾

(1) Là vì công nông bị áp bức nặng hơn, (2) là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết, (3) là vì công nông là tay không chân rời, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những có ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi.

1) Hiểu là công nhân và nông dân là lực lượng nông cốt, là đội quân chủ lực của cách mạng.

8. Cách mệnh khó hay là dễ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm cách mệnh thì phải biết :

A — Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hóa làm cho dân ngu, lấy phép luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến 2 chữ cách mệnh thì sợ rùng mình.

Vậy cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ.

B — Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân Việt-nam ở Trung-kỳ kháng thuế, Hà thành đầu độc, Nam-kỳ phá khám ; không có chủ nghĩa, không có kế hoạch, đến nỗi thất bại mãi.

Vậy cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu.

C — Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu chước, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm.

Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới ; phải bày sách lược cho dân.

D — Dân thường chia rẽ phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nổi yếu sức đi, như dưa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh.

6. Cách mệnh trước hết phải có cái gì ?

Trước hết phải có đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin.

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH MỸ

1. Lịch sử Mỹ thế nào ?

Thế kỷ thứ XIV về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492 người buôn tên là Christophe Colomb¹⁾ đi tàu buôn muốn qua Ấn-độ, nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ. Dân xứ ấy là loài da đỏ, chỉ đi săn bắn không biết buôn bán và làm nghề.

Từ lúc Colomb tìm ra châu Mỹ, thì người các nước bên Âu tràn qua đây làm ăn. Người da trắng muốn bắt người da đỏ làm nô lệ, nhưng nó không

1) Co-ri-xtốp Cô-lông — Nhà hàng hải người Ý, phục vụ triều đình Tây-ban-nha.

(Không phải sách bìa)

Quyển thứ 5

Đường Cách mệnh

Không có lý-luật. Cách mệnh, chỉ không
có cách mệnh vận-dòng... Chỉ có theo
lý-luật. cách-mệnh tiên-jong, dòng cách-
mệnh mới làm nổi trạch-nhiệm cách
mệnh tiên-jong.

Lô-niên



Đại Ái Quốc Dân Tộc Liên Hiệp Hội Tuyên Truyền Bộ
Ấn-Hành

Bìa cuốn Đường cách mệnh, in lần đầu
tiên tại Quảng-châu, năm 1927.

Cách một năm sau, đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 thì cách mệnh được và Mỹ tuyên bố độc lập, và nước Mỹ thành ra nước cộng hòa.

Bây giờ Mỹ có 48 tỉnh và 110.000.000 dân.

4. Ý nghĩa cách mệnh Mỹ với cách mệnh Việt-nam thế nào ?

1 — Chính sách Pháp đối với Việt-nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Pháp đã vơ vét hết của cải dân ta, đã ngăn cấm dân ta làm việc này việc khác ; nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống Việt-nam đi. Thế mà dân Việt-nam còn chưa học Mỹ mà làm cách mệnh !

2 — Trong lời tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng : « giới sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ chính phủ ấy đi, và gây lên chính phủ khác... »

Nhưng bây giờ chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến chính phủ !

3 — Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai.

Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi.

Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

CÁCH MỆNH PHÁP

1. Vì sao Pháp có phong trào cách mệnh ?

Hồi thế kỷ thứ XVIII, vua thì kiêu xa dân dặt ; quý tộc và bọn cố đạo thì hoành hành, thuế nặng dịch phiền, dân tình khốn khổ.

Phần thì Ca-na-đa và Ấn-độ, nguyên là thuộc địa Pháp, nay bị Anh vơ mất.

Phần thì những người học thức như ông Mông-tê-ski-ơ (1755), Vôn-te và Ru-xô (1778) tuyên truyền chủ nghĩa tự do bình đẳng.

Phần thì phong trào cách mệnh Anh (ông Krom-ven chém vua Anh và lập chính phủ cộng hòa năm 1653) còn mới, và phong trào dân chủ Mỹ (1776) vừa qua.

Nhất là vì tư bản mới bị tị phong kiến ngăn trở, dân thì bị vua, quý tộc và cố đạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, dân cày và người thợ để phá phong kiến.

2. Cách mệnh Pháp khởi từ bao giờ ?

Vua thấy dân chộn rộn, thì bắt bớ những người tuyên truyền và tổ chức. Dân thấy vậy thì tức quá, đến ngày 14 tháng 7 năm 1789 kéo nhau đến phá khám lớn (Basti). Vua đem lính về giữ kinh đô ; dân lại tổ chức cách mệnh đội để phòng chống lại. Vua lui ra ở tại tỉnh Véc-xây.

Ngày 5 tháng 10 năm ấy, thợ thuyền, đàn bà con gái Paris kéo nhau đến Véc-xây bắt vua về khai hội, và ký tờ tuyên ngôn :

- 1 — là bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô,
- 2 — là đem của các nhà thờ đạo làm của nhà nước,

- 3 — là cho dân tự do làm báo, tổ chức, vân vân,
4 — là lập hiến pháp, nghĩa là vua không được chuyên quyền.

1792, vì vua cầu cứu với ngoại quốc và thông với bọn phản cách mệnh, dân mới bỏ vua mà lập ra cộng hòa.

1793, ngày 21 tháng 1 làm án vua và vợ con vua là phản quốc tặc, rồi đem ra chém.

3. Các nước Âu châu đối với cách mệnh Pháp thế nào?

Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quý tộc các nước thì sợ dân mình bắt chước dân Pháp, cho nên bên ngoài chúng nó liên binh đánh cách mệnh mà bên trong thì giúp cho tụi phản cách mệnh.

Dân Pháp tuy lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan cách mệnh mà trong dẹp nội loạn, ngoài phá cường quyền. Hồi ấy lính cách mệnh gọi là « lính không quần » người không có nón, kẻ không có giày, áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu thì lính ngoại quốc thua đấy, vì họ gan liều hy sinh quá, không ai chống nổi.

Thế thì biết: một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí.

4. Pháp cách mệnh đến mấy lần?

Năm 1792 đến 1804 Cộng hòa lần thứ 1. Năm 1804 Napoléon¹⁾ phản cách mệnh lên làm hoàng đế.

1) Na-pô-lê-ông.

Năm 1814 các nước đánh Napoléon thua rồi đem dòng vua cũ lên ngôi đến 1848.

Năm 1848 lại cách mệnh lần thứ 2.

Năm 1852 cháu Napoléon lại phản cách mệnh lên làm vua.

Năm 1870 nhân thua Đức, Napoléon thứ 3 bỏ chạy, Pháp lại lập lên Cộng hòa lần thứ 3.

5. Paris Công xã³¹ (Commune de Paris) là gì?

Năm 1871 vua Pháp thua chạy rồi. Lính Đức tới vây kinh đô Pháp là Paris. Tư bản Pháp cắt 2 tỉnh cúng cho Đức để cầu hòa. Vì giặc già mà chết nhiều người, hại nhiều của. Dân không bánh ăn, thợ không công làm. Ngày 18 tháng 3, thợ thuyền Paris nổi lên làm cách mệnh cộng sản (Công xã).

Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, vả lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì cách mệnh thất bại.

6. Mục đích Công xã ấy thế nào?

Khi vừa lấy được Paris rồi thì Công xã lập lên Chính phủ dân và tuyên bố rằng Công xã sẽ thực hành những việc sau này :

1 — Bao nhiêu cơ quan sinh sản¹⁾ riêng đều đem làm của công.

2 — Tất cả trẻ con trong nước, bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học. Học phí Nhà nước phải cho.

3 — Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương, v.v..

1) Sản xuất.

4 — Bất kỳ đàn ông, đàn bà ai cũng được quyền chính trị tuyền cử và ứng cử.

5 — Chính phủ tự dân cử lên, và dân có quyền thay đổi chính phủ.

7. Kết quả Công xã ra thế nào ?

Tư bản Pháp khi ấy như nhà cháy 2 bên, bên thì Đức bắt chịu đầu, bên thì cách mệnh nổi trước mắt. Tư bản Pháp thề chịu nhục với Đức chứ không chịu hòa với cách mệnh. Đức thấy cách mệnh cũng sợ, cho nên hết lòng giúp tư bản Pháp đánh lại cách mệnh. Lúc Pháp vừa hàng, thì Đức bắt bỏ hết lính, chỉ cho 40.000 cu-lít¹⁾ mà thôi. Khi cách mệnh nổi lên, Đức lại cho phép tư bản Pháp thêm lên 100.000 lính để dẹp cách mệnh.

Xem vậy thì hiểu rằng: « Tư bản không có tổ quốc ».

Dẹp được cách mệnh rồi thì tư bản ra sức báo thù. Nó giết hết 30.000 người cả đàn ông, đàn bà, người già trẻ con. Nó đày 28.000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người đàn bà, 37.000 người đàn ông.

8. Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh Việt-nam thế nào ?

a) Trong 3 lần cách mệnh 1789, 1848, 1870 đều vì dân can đảm nhiều, nhưng trí thức ít, cho nên đề tư bản nó lợi dụng.

b) Paris Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại.

1) Có nghĩa là cảnh sát.

c) Tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân.

d) Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục¹⁾ công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh Việt-nam nên nhớ những điều ấy.

9. Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?

Cách mệnh Pháp dạy cho chúng ta :

1 — Dân chúng công nông là gốc cách mệnh, tư bản là hoạt đầu²⁾, khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mệnh.

2 — Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.

3 — Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.

4 — Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi.

5 — Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh.

1) Tước đoạt.

2) Bọn cơ hội chủ nghĩa.

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH NGA

1. Nguyên do cách mệnh Nga từ đâu ra ?

Nga là một nước rất rộng, nửa nằm về châu Á, nửa nằm về châu Âu. Dân Nga hơn 90 phần là dân cày, không đầy 10 phần là thợ thuyền. Khi trước nước Nga theo chế độ nông nô, nghĩa là bao nhiêu đất ruộng, và dân cày đều ở dưới quyền địa chủ. Địa chủ xem nông nô như súc vật ; nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền, thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông dân không được bỏ xứ này qua xứ khác.

Chừng nửa thế kỷ thứ XIX, tư bản mới hơi phát đạt ; nó vừa mở lò máy, nó cần người làm công, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô để cho dân cày tới làm với nó, đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

Tư bản mới và địa chủ từ đấy mới sinh hiềm khích to, mà phong trào cách mệnh công nông cũng từ đấy mọc ra.

2. Nông nô được giải phóng rồi thì làm gì ?

Được giải phóng rồi, người thì ra thành phố làm công người thì ở lại làm ruộng.

Đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu lòn tụi phú gia. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ : người thợ thì cực khổ, dân cày cũng chẳng sướng hơn.

Những người có lòng cách mệnh thì lập ra đảng để liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền.

Năm 1875 mới có đảng cách mệnh gọi là « Công nhân giải phóng ». Năm 1878 lại có một đảng mới gọi là « Công đảng ».

Nhưng 2 đảng ấy người ít sức hèn, lại bị chính phủ bắt bớ nhiều, sau hóa ra đảng kịch liệt, chỉ lo đi ám sát vua và các quan.

3. Kết quả 2 đảng ấy ra thế nào?

Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thẳng này còn thẳng khác, giết sao cho hết? Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được, hai đảng ấy tuy hy sinh hết nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường cách mệnh, không có sức dân chúng làm nền, cho nên bị chính phủ trị mãi đến nổi tan.

Năm 1883, ông Pơ-lê-kha-nốp lập lên Đảng « Lao động tự do ». Đảng này tổ chức theo cách ông Mă-khắc-tư¹⁾ dạy, nghĩa là liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền làm cả kinh tế và chính trị cách mệnh.

4. Đảng này làm việc cách mệnh thế nào?

Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt cách mệnh và dân cày phụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, ma tà, mật thám nhiều quá, nên cơ quan Đảng phải lập ở ngoại quốc (Luân-đôn).

Năm 1894 ông Lê-nin vào Đảng.

Năm 1898 Đảng khai hội 1 lần trong nước, chẳng may chính phủ dò ra, bắt hết nhiều đảng viên.

1) Các Mác.

Tuy đảng viên bị bắt, nhưng lời tuyên ngôn của Đảng đã truyền khắp cả nước, cho nên phong trào cách mệnh càng ngày càng cao. Những người chưa bị bắt thì hết sức bí mật tuyên truyền và tổ chức.

Ít lâu đổi tên là « Xã hội dân chủ đảng », sau lại đổi tên ra « Cộng sản đảng ».

Năm 1904 — 1905, Nga với Nhật đánh nhau, nhân lúc dân tình xục rục, Đảng ra sức vận động cách mệnh.

5. Sao mà biết dân tình xục rục mà vận động?

a) Trước khi đánh Nhật, vua phỉnh tư bản xuất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ phát đạt, và tư bản sẽ được lợi to. Sau đánh thua thì tư bản mất tiền nhiều mà chẳng được gì, cho nên oán vua.

b) Thợ thuyền ghét vua đã sẵn nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm ghét vua.

c) Dân cày ghét vua xưa nay, bây giờ đi lính chết chóc nhiều, vả lại thuế má nặng thêm, lòng ghét vua cũng càng ngày càng to.

Ba hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng ghét vua thì như nhau. Đảng biết vậy thì vận động cách mệnh đuổi vua.

6. Lúc bấy giờ vua xử trí thế nào?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái cách mệnh nhất, thì đặt cách làm cho tư bản, dân cày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một người cố đạo ra tổ chức công hội, một là để lung lạc thợ thuyền, hai là để dò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9 tháng 1 năm 1905³² anh cố đạo ấy (tên là Ga-pông) đem thợ thuyền đến chỗ vua ở tỉnh nguyền. Vì anh ta quên báo trước, và vì vua thấy

đông người thì sợ bạo động, nên sai lính ra dẹp, bắn chết mất nhiều người. Ga-pông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền các tỉnh nghe tin ấy thì bãi công và bạo động, lập ra công nhân hội nghị.

Cách mệnh chống nhau với vua và chính phủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì dùng lính dẹp cách mệnh, một đường thì giả tuyên bố lập ra nghị viện cho đại biểu dân bàn việc nước.

7. Vì sao cách mệnh 1905 thua ?

1 — Vì khi đầu tư bản muốn lợi dụng thợ thuyền đập đổ vua ; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đập vua rồi lại đập cả nó, cho nên nó phản thợ thuyền mà giúp cho vua.

2 — Vì thợ thuyền với dân cày không nhất trí. Khi thợ thuyền nổi lên thì dân cày không theo ngay. Thợ thuyền thua rồi, dân cày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó trở qua trị dân cày.

3 — Thợ thuyền chưa có kinh nghiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.

4 — Chưa vận động lính và súng ống khí giới của dân ít quá.

8. Cách mệnh 1905 thất bại, thợ thuyền và Đảng có ngã lòng không ?

Không. Trải qua lần thất bại ấy, Đảng nghiên cứu lại, phê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại ? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Cũng như rèn một con dao, thử cắt mới biết chỗ nào sắc, chỗ nào cùn, sau cứ theo chỗ cùn mà mài con dao mới tốt.

Nhờ chuyển thất bại 1905, thợ thuyền mới hiểu rằng: 1 là phải tổ chức vững vàng, 2 là phải liên lạc với dân cày, 3 là phải vận động lính, 4 là không tin được tụi đề huề¹⁾, 5 là biết tư bản và vua cùng là một tụi, muốn đuổi vua thì phải đuổi cả tư bản.

Cách mệnh 1905 thất bại làm gương cho cách mệnh 1917 thành công.

9. Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào?

Cách mệnh 1917 có mấy cơ sau này :

1 — Khi Âu chiến, đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lôi thôi tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa giận và giúp cho tư bản đẩy vua đi.

2 — Tư bản giận vua chỉ tin dụng bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Và tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy; và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

3 — Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

4 — Bọn hoạt đầu nhân cơ hội ấy thì lợi dụng 2 bọn này đuổi vua cho tư bản Nga và đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu.

1) Tụi cải lương, thỏa hiệp.

10. Bọn hoạt đầu làm thế nào ?

Nhân dịp lính chết nhiều, dân gian đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, chính phủ lôi thôi; bọn hoạt đầu xúi dân rằng bây giờ cách mệnh đuổi vua đi, thì ruộng đất sẽ về dân cày, công xưởng sẽ về người thợ, nhân dân sẽ được quyền chính phủ, chiến tranh sẽ hóa ra hòa bình.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua đi rồi, tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyện ước chúng nó quên hết. Chúng nó cứ bắt lính đi đánh, ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu; công nông cũng không được dự vào chính phủ.

11. Sao Đảng cộng sản không ra tay làm ?

Khi cách mệnh đuổi vua, Đảng Cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hăng còn ít, và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giựt lấy chính quyền.

Cách mệnh xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, dân nhiều người còn tưởng rằng chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân, vì chưa có thì giờ.

Đến tháng 4 thì ông Lê-nin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, chính phủ mới thì mỗi ngày mỗi lộ mặt phản cách mệnh ra. Còn đảng viên cộng sản phần thì đi tuyên truyền cho dân rằng: « Đấy, các anh xem đấy, tụi hoạt đầu là thầy tớ của tư bản và đế quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua... », làm cho ai cũng oán chính phủ mới, phần thì lòn vào công, nông, binh, tổ chức bí mật để thực hành cộng sản cách mệnh..

12. Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ ?

Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lê-nin bảo : « Khoan đã ! Chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự ». Đến ngày 5 tháng 11, chính phủ khai hội để ban bố phép luật mới, mà phép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho công nông. Ông Lê-nin nói với đảng viên rằng : Mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm nhặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7 Đảng cộng sản hạ lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh chính phủ.

Từ bữa ấy, chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa Thế giới đại đồng.

13. Cách mệnh Nga đối với cách mệnh Việt-nam thế nào ?

Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên Việt-nam.

Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công nông, các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại phải theo chủ nghĩa Mã-khắc-tư và Lê-nin.

QUỐC TẾ

1. Quốc tế là gì?

Quốc tế nghĩa là người trong thế giới, bất kỳ nước nào, dân tộc nào, có một mục đích như nhau, hợp sức nhau để làm cho đến mục đích ấy. Như các đế quốc chủ nghĩa liên lạc nhau, để đè nén các dân hèn yếu (Pháp liên lạc Tây-ban-nha để đánh lấy Việt-nam, liên lạc Nhật để giữ Việt-nam, v.v..) các tư bản liên lạc nhau để tước bóc¹⁾ thợ thuyền (tư bản Anh, Mỹ, Pháp liên lạc tư bản Đức để tước lục thợ thuyền Đức). Thợ thuyền các nước liên lạc nhau để chống lại tư bản (như Hội công nhân quốc tế). Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như đệ tam quốc tế).

1) Tức là bóc lột.

2. Đệ tam quốc tế là gì ?

Muốn biết đệ tam quốc tế là gì thì trước phải biết đệ nhất và đệ nhị quốc tế đã.

Từ thế kỷ thứ XVIII trở xuống, tư bản phát đạt rất thịnh, áp bức thợ thuyền rất nghiêm. Thợ thuyền bị áp bức thì tính cách phản đối, như tổ chức công hội, bãi công bạo động. Nhưng hầu hết tỉnh nào biết tỉnh nấy, nước nào biết nước nấy mà thôi, cho nên sức không mạnh lắm.

Năm 1840, thợ thuyền Đức lập ra một hội tên là *Nhân quyền hội*. Khẩu hiệu hội ấy là « trong thế giới ai cũng là anh em ». Khẩu hiệu ấy tuy rất hay, nhưng không đúng; vì bọn tư bản đế quốc chủ nghĩa và phản cách mệnh là thù địch dân, gọi chúng là anh em sao được ?

Năm 1847, hội ấy sửa lại gọi là *Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp hội* — Ông Mã-khắc-tư và Ăng-ghe-nh vào hội ấy. Nhờ hai ông ấy sửa chương trình lại, và khẩu hiệu hội là *Đạp đổ tư bản chủ nghĩa — thợ thuyền giành lấy chính quyền* — làm cho thế giới đại đồng.

3. Hai hội ấy có phải đệ nhất và đệ nhị quốc tế không ?

Không phải. Trong hai hội tuy là có thợ thuyền Đức và Pháp vào, nhưng hội viên có ít, sức lực còn yếu chưa làm được gì. Chẳng qua là biểu hiện rằng thợ thuyền các nước phải giúp đỡ lẫn nhau và bắc cầu cho đệ nhất quốc tế đi.

Năm 1862 ở kinh đô Anh (Luân-đôn) mở hội đấu xảo; tư bản các nước phái công nhân qua xem xét

các máy móc. Công nhân lại gặp những người cách mệnh Nga, Đức, Pháp và các nước khác trốn ở đấy. Hai bên bàn bạc lập một hội cách mệnh thế giới.

Năm 1864, (ngày 28 tháng 2) mới lập thành đệ nhất quốc tế.

4. Đệ nhất quốc tế làm được những việc gì ?

Hội ấy tuy có nhiều người cầm đầu thợ thuyền các nước vào, nhưng vì :

- 1 — người còn ít,
- 2 — các công hội trong các nước còn yếu,
- 3 — không thống nhất cho nên chỉ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản mà chưa làm được việc gì lớn.

Không thống nhất là vì ba chủ nghĩa chống nhau:

- 1 — Chủ nghĩa Pru-đông (Pháp) ;
- 2 — Chủ nghĩa Ba-cu-nin (Nga) ;
- 3 — Chủ nghĩa Mă-khắc-tư (Đức) (xem đoạn chủ nghĩa cách mệnh thì biết).

Sau lúc Paris Công xã thất bại, nhiều hội viên bị chết, bị bắt, nên hội tiêu điều dần, đến 1874 thì giải tán.

Đệ nhất quốc tế tuy chỉ đứng được 10 năm, nhưng khẩu hiệu « *Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp lại !* » và tinh thần cách mệnh vẫn truyền đến bây giờ. Tuy không làm được nhiều việc, nhưng cái công dạy cho thợ thuyền trong thế giới cách mệnh thì rất to.

5. Đề nghị quốc tế lập ra bao giờ?

Đệ nhất quốc tế tan rôi, vừa lúc tư bản phát đạt lắm, công nhân vận động cũng phát đạt. Trong khoảng 15 năm ấy (từ 1874 đến 1889) trong các nước nhiều công đảng mới lập lên, và đảng nào cũng hiểu rằng thợ thuyền các nước không giùm giúp lẫn nhau không được.

Năm 1889, đại biểu các công đảng hội nhau tại Paris, lập nên đệ nhị quốc tế.

Từ khi lập ra, đến ngày Âu chiến, khai hội chín lần bàn bạc và nghị định:

- 1 — Nước nào cũng phải lập ra công đảng;
- 2 — Mỗi năm đến ngày 1 tháng 5³³, thợ thuyền cả thế giới đều bãi công và thỉnh nguyện;
- 3 — Tất cả công nhân trong thế giới ra sức đòi chỉ làm công mỗi ngày 8 giờ mà thôi;
- 4 — Phản đối đế quốc chủ nghĩa;
- 5 — Các công đảng không được đề huề với tư bản;
- 6 — Đảng viên không được ra làm quan với tư bản;
- 7 — Nếu các đế quốc chủ nghĩa có sự chiến tranh, thì thợ thuyền các nước đều bãi công và kiếm phương thế cách mệnh để giành lấy chính quyền. Vấn đề thứ 7, thì trong 9 lần đại hội đều có bàn đến cả.

6. Vì sao đệ nhị quốc tế lại hay bàn đến việc chiến tranh?

Vì đương lúc ấy, tư bản đã hóa ra đế quốc chủ nghĩa, và đế quốc chủ nghĩa, hoặc thường đánh

nhau để giành thuộc địa, hoặc đi cướp nước hèn yếu làm thuộc địa. Như:

- Năm 1894, Nhật đánh với Trung-hoa ;
- 1895, Anh đánh với Egypte ¹⁾ ;
- 1896, Pháp đánh với Madagascar²⁾ ;
- 1898, Mỹ đánh với Tây-ban-nha để giành Phi-líp-pin ;
- 1900, Anh đánh với Nam Phi châu ;
- 1904, Nga đánh với Nhật ;
- 1912, các nước Ban-căng³⁾ đánh nhau,

vân vân.

Thợ thuyền thấy vậy, thì biết rằng các đế quốc chủ nghĩa sẽ có trận đánh nhau lớn. Vậy nên kiếm cách dè trước đi. Ngờ đâu đến 1914 các nước đánh nhau, thì phần nhiều hội viên đệ nhị quốc tế đều giúp cho đế quốc chủ nghĩa, công đảng nước nào cũng khuyên dân đi đánh.

7. Đệ tam quốc tế lập ra từ bao giờ?

Vì bọn hoạt đầu trong đệ nhị quốc tế đã phản mục đích hội mà hóa ra chó săn cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa, hóa ra phản cách mệnh; những người chân chính cách mệnh như ông Lê-nin, ông Các-li-ép-néc, Rô-da Luy-xăm-bua vân vân, cho quốc tế ấy như chết rồi, phải lập ra quốc tế

1) E-gyp-tơ (Ai-cập).

2) Nước Ma-đa-gat-xca, nay gọi là nước cộng hòa Man-gát.

3) Các nước nằm trên bán đảo Ban-căng, gồm An-ba-ni, Bun-ga-ri, Nam-tu, Hy-lạp, một phần Thổ-nhĩ-kỳ.

khác. Năm 1915 và 1916, những người cách mệnh hội nhau tại nước Suít (Thụy-sĩ) sắp sửa lập đệ tam quốc tế, đề nổi theo chủ nghĩa đệ nhất quốc tế mà làm cộng sản cách mệnh.

Năm 1917, Nga cách mệnh cộng sản thành công. Năm 1919, đệ tam quốc tế thành lập tại kinh đô Nga là Mos-ku¹⁾ (ngày 6 tháng 3). Khi khai hội lần đầu, có đại biểu đảng cộng sản trong 24 nước dự hội.

Trong lời tuyên ngôn đệ tam quốc tế, xướng rõ ràng rằng :

1 — Thế nào cũng đập đổ tư bản chủ nghĩa nhất thiết không đề huề như đệ nhị quốc tế ;

2 — Thế nào cũng quyết làm cho chính quyền về tay công nông.

8. Từ khi lập ra đến giờ (đầu năm 1927) đệ tam quốc tế khai hội mấy lần ?

Năm 1920 khai Đại hội lần thứ 2, có 31 nước dự hội. Tụi hoạt đầu đệ nhị quốc tế thấy hội này mạnh, muốn xen vào đề « theo đóm ăn tàn », cho nên Đại hội đặt ra cách tổ chức rất nghiêm ; ai thừa nhận theo 21 điều quy tắc mới được vào. (Xem sau cùng đoạn này).

Năm 1921, Đại hội lần thứ III. Từ lúc có đệ tam quốc tế, thợ thuyền các nước chia ra hai phái, phái theo cộng sản (đệ tam quốc tế), phái theo đề huề (đệ nhị quốc tế). Vì vậy mà sức kém đi ; cho nên Đại hội định rằng khi phấn đấu với tư bản

1) Thủ đô Nga là Mát-xcơ-va.

thì hai phái phải hợp sức nhau lại, không được chia bai.

Năm 1922, Đại hội lần thứ IV. Nhân cách mệnh phong triều trong các nước rầm rộ, tư bản chủ nghĩa toan cùng đường, chúng nó lập ra đảng Fa-si-ty¹⁾ phản đối cách mệnh tận lăm. Đại hội định cách đối đãi đảng ấy.

Năm 1924, Đại hội lần thứ V, có đến 61 nước dự hội. Vì nhiều người lầm tưởng rằng tư bản lại tới hồi thịnh vượng như trước khi Âu chiến. Đại hội đem chứng rõ ràng rằng thịnh vượng ấy là thịnh vượng giả. Kỳ thực tư bản trong thế giới gần đến mặt lộ, và công nông cách mệnh phải sắp sửa ra tay.

9. Đệ tam quốc tế tổ chức thế nào?

a) Mỗi năm hay cách vài năm, đại hội một lần. Đại hội có quyền đoán định tất cả các việc các đảng trong các nước.

b) Đại hội cử một hội trung ương 24 người. Hội này thay mặt đại hội, các đảng trong các nước đều phải theo mệnh lệnh trung ương.

c) Có thanh niên bộ, để xem về việc vận động thanh niên; phụ nữ bộ, xem việc vận động phụ nữ; Á-đông bộ xem về việc cách mệnh các thuộc địa bên Á-đông. Tuyên truyền, tổ chức, cứu tế, v.v.. đều có một bộ riêng.

d) Đệ tam quốc tế là một Đảng cộng sản thế giới. Các đảng các nước là như chi bộ, đều phải

1) Đảng phát-xít.

nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lệnh và kế hoạch đệ tam quốc tế thì các đảng không được làm.

10. Đệ nhất quốc tế và đệ tam quốc tế giống nhau cái gì? khác nhau cái gì?

Đệ nhất quốc tế với đệ tam quốc tế khác nhau:

a) đệ nhất quốc tế nhỏ, đệ tam quốc tế to;

b) đệ nhất quốc tế chỉ lý luận, đệ tam quốc tế đã thực hành;

c) đệ nhất quốc tế không thống nhất, đệ tam quốc tế chỉ huy tất cả các đảng cộng sản trong các nước phải theo;

đ) đệ nhất quốc tế chỉ nói: « Thế giới vô sản giai cấp liên hợp »; đệ tam quốc tế nói thêm « Vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại »; đệ nhất quốc tế không bắt hội viên giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa như đệ tam quốc tế.

Ấy là vì hoàn cảnh hai quốc tế ấy khác nhau. Như việc dân tộc bị áp bức, đệ nhất quốc tế nói đến ít, vì lúc ấy đế quốc chủ nghĩa chưa phát đạt mấy. Vả lại, đệ tam quốc tế sinh ra sau thì có nhiều kinh nghiệm hơn đệ nhất quốc tế.

Đến như chủ nghĩa làm cách mệnh cho đến nơi, làm cho thế giới đại đồng, thì hai quốc tế vẫn như nhau; chẳng qua đệ nhất quốc tế làm không đến nơi, mà đệ tam quốc tế chắc là làm được, nhờ

nay Nga cách mệnh đã thành công để làm nền tảng cho cách mệnh thế giới.

11. Đệ nhị quốc tế và đệ tam quốc tế khác nhau cái gì?

Đệ nhị quốc tế trước vẫn là cách mệnh nhưng vì kỷ luật không nghiêm, tổ chức không khéo, dễ bị hoạt đầu xen vào nhiều quá; sau hóa ra phản cách mệnh. Hai quốc tế ấy khác nhau những điều sau này:

Đệ tam quốc tế chủ trương đập đổ tư bản làm thế giới cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế chủ trương đề huề với tư bản.

Đệ tam quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa.

Đệ nhị quốc tế giúp đế quốc chủ nghĩa đè nén dân thuộc địa (toàn quyền Varene¹⁾ là hội viên đệ nhị quốc tế).

Đệ tam quốc tế dạy cho vô sản giai cấp trong thế giới bất kỳ nơi giống nào, nghề nghiệp gì, tôn giáo gì — hợp sức làm cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế xúi dân nước này chống dân nước kia — nghề nghiệp này chống nghề nghiệp khác.

12. Đệ tam quốc tế đối với cách mệnh Việt-nam thế nào?

Xem trong cách tổ chức đệ tam quốc tế có đặt ra một bộ riêng, chuyên nghiên cứu và giúp đỡ cho cách mệnh bên Á-đông.

1) Va-ren, (toàn quyền Đông-dương từ 1925 đến 1928).

Xem khẩu hiệu đệ tam quốc tế chẳng những rằng « vô sản giai cấp » mà lại thêm câu «... và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại ».

Xem quy tắc đệ tam quốc tế trong 21 điều, điều thứ 8 nói rằng: « Các đảng cộng sản, nhất là Đảng Cộng sản Pháp... phải hết sức giúp dân thuộc địa làm cách mệnh ».

Xem đương lúc Pháp đánh Maroc và Syrie¹⁾, vì giúp hai nước ấy mà Đảng Cộng sản Pháp hy sinh mấy mươi đảng viên bị bắt, bị tù, Đảng bị phạt hơn 100 vạn đồng bạc.

Xem cách mệnh Nga giúp cho cách mệnh Trung-hoa, Thổ-nhĩ-kỳ, Péc-sia²⁾, Mông-cổ.

Lại xem kế hoạch về vấn đề thuộc địa là tự tay ông Lê-nin làm ra³⁾.

Xem những việc ấy thì đủ biết rằng Việt-nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ đệ tam quốc tế.

PHỤ NỮ QUỐC TẾ

1. Vì sao lập ra Phụ nữ quốc tế?

Ông Các Mác nói rằng: Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào, thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng

1) Ma-rốc và Xi-ri.

2) Nay là nước I-răng.

và việc làm của đàn bà con gái, thì biết xã hội tấn bộ ra thế nào ?

Ông Lê-nin nói : Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn cũng biết làm việc nước, như thế cách mệnh mới gọi là thành công.

Những lời ấy không phải câu nói lông bông. Xem trong lịch sử cách mệnh chẳng có lần nào là không có đàn bà con gái tham gia. Cách mệnh Pháp có những người như bà Lu-y Mi-sen ra giúp tổ chức Paris Công xã. Khi Nga cách mệnh đàn bà ra tình nguyện đi lính ; sau tính lại lính cách mệnh đàn bà chết hết 1854 người. Nay cách mệnh Nga thành công mau như thế, đứng vững như thế, cũng vì đàn bà con gái hết sức dùm vào. Vậy nên muốn thế giới cách mệnh thành công, thì phải vận động đàn bà con gái công nông các nước.

Vì vậy đệ tam quốc tế tổ chức Phụ nữ quốc tế.

2. Lịch sử Phụ nữ quốc tế thế nào ?

Năm 1910, bà Kơ-la-ra-dét-kin (cộng sản Đức) đề nghị trong Đại hội đệ nhị quốc tế rằng : mỗi năm đến ngày 8 tháng 3³⁵ thì làm một ngày phụ nữ vận động gọi là « Ngày đàn bà con gái ». Sau ngày ấy đổi ra một tuần. Khẩu hiệu tuần ấy là : « Đòi quyền tuyển cử cho nữ giới ».

Năm 1917, ngày 23 tháng 2, đàn bà ở kinh đô Nga nổi lên « đòi bánh cho con » và đòi « giả chồng chúng tôi lại cho chúng tôi » (vì chồng phải đi đánh). Sự bạo động này làm ngòi cho cách mệnh Nga.

Mồng 8 tháng 3 năm 1920, Đệ tam quốc tế phái bà Dét-kin tổ chức phụ nữ quốc tế. Khẩu hiệu là : « Đàn bà con gái công nông phải liên hợp với Đệ tam quốc tế, để làm thế giới cách mệnh ».

Năm 1923, nữ giới Nga ăn mừng « ngày 8 tháng 3 » thì mở 66 nhà nuôi trẻ con, 36 ấu trĩ viên, 18 nhà nuôi đồng tử, 22 nhà thương và nhà nghỉ, 15 nhà nuôi đàn bà sinh cũ, 15 nhà ăn chung cho 10.000 người ; 27 nhà Hiệp tác xã dùng đến 1.300 người đàn bà làm công, 11 công viên có nhà nghỉ cho những người có bệnh.

3. Cách tổ chức của Phụ nữ quốc tế ra thế nào ?

Quy tắc và chương trình thì đại khái cũng như đệ tam quốc tế. Nhưng bên này thì chỉ chuyên trách về mặt tuyên truyền, tổ chức và huấn luyện đàn bà con gái, và giúp về đường giáo dục trẻ con công nông.

Mỗi đảng cộng sản phải có một bộ phụ nữ trực tiếp thuộc về Phụ nữ quốc tế. Những đảng viên đàn bà trong các đảng phải theo lệnh quốc tế, khi phái để làm việc gì dẫu khó nhọc, nguy hiểm mấy cũng phải làm. Thí dụ : đảng viên A không phải là làm thợ, nhưng khi quốc tế bảo phải xin vào làm việc trong lò máy nào để vận động phụ nữ trong ấy, thì tất phải bỏ nghề cũ mà vào làm trong lò máy.

Nói tóm lại là quy tắc rất nghiêm, hành động rất thống nhất, và việc làm cũng rất khó. Vì phần nhiều đàn bà con gái còn có tư tưởng thủ cựu. Tuy vậy, ai cũng hết lòng, cho nên tiến bộ mau. Nhờ Phụ nữ quốc tế mà các đảng cộng sản mới

lập ra như đảng ở Ja-va ¹⁾, đảng viên đàn bà mỗi ngày một thêm nhiều.

Việt-nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công, mà nữ giới Việt-nam muốn cách mệnh thì phải theo Phụ nữ quốc tế chỉ bảo.

CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

1. Lịch sử công nhân quốc tế thế nào ?

Trước hết phải biết qua lịch sử công nhân vận động, sau sẽ nói đến lịch sử công nhân.

Lịch sử công nhân vận động chia làm 3 thời kỳ :
a) trước Âu chiến, b) đương lúc Âu chiến, c) khi Âu chiến rồi.

a) *Trước khi Âu chiến*, bên Âu và Mỹ có chừng 16 triệu thợ thuyền có tổ chức và có một hội gọi là « Vạn quốc công hội ». Nhưng 16 triệu người ấy không vào « Vạn quốc công hội » cả. Những đoàn thể vào lại chia ra nhiều phái biệt :

1 — *Công đoàn chủ nghĩa* Anh và Mỹ chỉ lo sao thợ thuyền sinh hoạt khá, mà không nói đến đánh đổ tư bản.

2 — *Vô chính phủ công đoàn* các nước la-tinh ^{1*} thì không muốn lập chính đảng.

1) Nay là nước In-đô-nê-xi-a.

1* Pháp, Ý, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha — những nước nói tiếng La-tinh.

3 — *Cải lương chủ nghĩa* thì chủ trương công hội nên giúp chính đảng, nhưng không nên hợp với chính đảng.

4 — *Trung lập chủ nghĩa* chủ trương rằng công nhân không phải là nền cách mệnh.

5 — *Cộng sản chủ nghĩa*, chủ trương đập đổ tư bản, công nhân là nền cách mệnh, phải có chính đảng để dắt công hội làm cách mệnh.

Vì mục đích và chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất như thế, cho nên hội không có lực lượng.

b) *Khi Âu chiến* : hội này đi theo đệ nhị quốc tế, nghĩa là công hội nước nào giúp tư bản nước ấy.

Vả lại tiếng là vạn quốc nhưng chỉ có thợ thuyền Âu và Mỹ, còn thợ thuyền Á, Phi, Úc thì không vào.

c) *Sau khi Âu chiến* : phần thì thợ thuyền cực khổ, phần thì phong trào cách mệnh Nga, công hội càng ngày càng to.

Năm 1913

Anh chỉ có 4.000.000 người

Pháp chỉ có 1.000.000 người

tất cả các nước 15.000.000 —

Năm 1919

8.000.000 người

2.500.000 người

50.000.000 —

Công hội bên Á-đông cùng rầm rầm rột rột lập lên (Trung-hoa, Nhật, Ấn-độ, Ja-va, Phi-líp-pin vân vân).

2. Phong trào ấy kết quả ra thế nào?

Tư bản các nước thấy thợ thuyền thịnh thì sợ, và kiếm cách làm cho êm dịu xuống. Năm 1919 có khai đại hội bên kinh đô Mỹ, để giải quyết việc thợ thuyền trong thế giới. Trong hội ấy có đại biểu các chính phủ, các tư bản, và các công hội các

nước. Nhưng nó chỉ cho bọn đế nhị quốc tế đại biểu cho thợ thuyền. Nước nào công nhân thịnh đã đòi được 8 giờ (như Anh, Pháp), thì đại biểu chính phủ nước ấy yêu cầu các nước kia cũng phải dùng 8 giờ làm lệ chung (vì sợ tư bản nước kia được lợi hơn tư bản nước nó).

Sau tư bản lập ra hội Vạn quốc, lại lập thêm một bộ công nhân, có 12 đại biểu cho các chính phủ, 6 đại biểu cho tư bản, và 6 đại biểu cho thợ thuyền. Nó lại dắt mấy anh công tặc làm đại biểu thợ thuyền !

3. Tư bản làm như vậy, thợ thuyền các nước có làm gì không ?

Thợ thuyền có 31 quốc tế.

29 quốc tế nghề nghiệp, nghĩa là nghề nghiệp nào có riêng quốc tế nghề nghiệp ấy ; 1 quốc tế gọi là quốc tế Am-téc-đam hay là quốc tế « Vàng » và 1 quốc tế đồ.

Quốc tế nghề nghiệp có đã lâu, ước chừng 20.000.000 hội viên. Trong 29 quốc tế ấy nghề sắt to hơn hết (3.000.000 người); hai là nghề than (2.500.000 người); ba là thợ làm nhà máy (2.300.000 người) vân vân.

Lúc Âu chiến, các quốc tế ấy cũng tan, Âu chiến rồi lập lại, nhưng vì bọn hoạt đầu cầm quyền, nên công việc không ra gì. Như năm 1921, 1.000.000 người đào than Anh bãi công, vì người đào than Mỹ, Đức và các nước không giúp mà thua. Qua năm 1922, 500.000 thợ đào than Mỹ bãi công, cũng vì không ai giúp mà thất bại. Nói tóm lại là các quốc tế ấy có danh mà không thực.

4. Sao gọi là quốc tế Am-téc-đam hay « Vàng » ?

Vì Quốc tế ấy lập ra tại Am-téc-đam (kinh đô Ho-lăng¹⁾). Trong tiếng mới, phản cách mệnh gọi là sắc vàng; cách mệnh gọi là sắc đỏ.

Năm 1919, các công hội theo Vạn quốc công hội, hội nhau tại Am-téc-đam lập lên quốc tế này. Khi đầu rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ vào quốc tế « đỏ », nay chỉ còn lại công hội 23 nước, tất cả 14.400.000 người.

Quốc tế này theo bọn hoạt đầu đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản và làm nhiều việc phản cách mệnh như :

1 — Tán thành điều ước Véc-xây của đế quốc chủ nghĩa; bắt Đức đền 400.000.000 đồng.

2 — Đức không gánh nổi, Mỹ lại đặt ra kế hoạch (gọi là kế hoạch Đạo-uy-tư) bắt Đức đền 132.000.000.000 đồng. Kế hoạch ấy làm cho công nông Đức hóa ra nô lệ. Thế mà quốc tế Am-téc-đam cũng tán thành.

3 — Không cho công hội Nga vào.

4 — Phản đối cộng sản rất kịch liệt, mà đối đãi F'a-si-ty rất hòa bình.

5. Sao gọi là công nhân quốc tế đỏ ?

Quốc tế Vàng đã đề huề với tư bản, những thợ thuyền thiết cách mệnh kiếm cách lập ra quốc tế khác.

Năm 1920, tháng 7, chỉ có mấy người công nhân Anh, Ý, Pháp, Tây-ban-nha và Nga lập ra một cơ quan tuyên truyền. Năm 1921, đã có nhiều công

1) Thủ đô nước Hà-lan.

hội bỏ bên kia theo bên này. Ngày mồng 3 tháng 7 năm ấy, công nhân quốc tế đỏ thành lập.

Quốc tế đỏ theo về đệ tam quốc tế, quyết làm giai cấp cách mệnh.

Nay đã có công hội 47 nước, 11.750.000 người vào.

Tháng 5 năm 1925 bên Á-đông có những hội này vào :

Trung-hoa	:	450.000 người ;
Ja-va	:	35.000 người ;
Nhật	:	32.000 người ;
Cao-ly	:	5.000 người ;
Mông-cổ	. :	5.000 người ;
Thổ-nhĩ-kỳ	:	20.000 người ;
Việt-nam	:	000.

6. Quốc tế này đối với cách mệnh Việt-nam ra thế nào ?

Xem trong Quốc tế Vàng không có công hội Á-đông nào, quốc tế đỏ thì có 8 hội thuộc địa vào.

Khi thợ thuyền Ja-va, Ấn-độ bãi công, Quốc tế Đỏ hết sức giúp, còn Quốc tế Vàng thì không ngó đến.

Ở Trung-hoa thợ thuyền Thượng-hải bãi công hơn ba tháng, Hương-cảng bãi công hơn một năm rưỡi, Quốc tế Đỏ đã giúp tiền bạc, phái đại biểu qua yên ủi, lại sức công hội các nước giúp. Quốc tế vàng chỉ in vài tờ tuyên ngôn rồi làm thinh.

Vậy thì biết nếu thợ thuyền Việt-nam biết tổ chức thì chắc quốc tế Đỏ sẽ hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã.

CỘNG SẢN THANH NIÊN QUỐC TẾ³⁶

1. Cộng sản thanh niên quốc tế là gì ?

Trước kia các đảng xã hội có xã hội thanh niên. Các đảng ấy hợp lại thành đệ nhị quốc tế. Các thanh niên ấy cũng tổ chức xã hội thanh niên quốc tế. Khi Âu chiến, phần nhiều đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, phần nhiều thanh niên cũng bắt chước đề huề.

Những người thanh niên cách mệnh bỏ hội ấy cũng như ông Lê-nin và những người chân chính cách mệnh bỏ đệ nhị quốc tế ra.

Đến tháng 11 năm 1919, thanh niên cách mệnh 14 nước bên Âu hội nhau tại kinh đô Đức (Béc-lin) lập ra Thanh niên cộng sản quốc tế.

Năm 1921 đã có thanh niên 43 nước theo vào.

Năm 1922 có 60 nước, 760.000 người.

Năm 1924 có hơn 1.000.000 (thanh niên Nga chưa tính).

2. Cách tổ chức ra thế nào ?

Đại khái cũng theo cách tổ chức đệ tam quốc tế. Thanh niên các nước khai đại hội, cử ra một hội ủy viên, hội ủy viên có quyền chỉ huy và thanh niên các nước nhất thiết phải theo kế hoạch và mệnh lệnh hội ấy.

Ước chừng 16 đến 20 tuổi thì được vào hội. Trước lúc hội cho vào thì phải thử, công nông binh thì 6 tháng, học trò thì một năm, làm việc được mới cho vào.

Mục đích Cộng sản thanh niên quốc tế là :

- 1 — Thế giới cách mệnh ;
- 2 — Bồi dưỡng nhân tài để đem vào đảng cộng sản ;
- 3 — Chuyên môn về việc kinh tế và chính trị có quan hệ cho thanh niên ;
- 4 — Tuyên truyền tổ chức và huấn luyện thợ thuyền, dân cày, học trò và lính thanh niên ;
- 5 — Phản đối mê tín và khuyến dân chúng học hành.

3. Cách họ làm việc thế nào ?

Nơi thì công khai, như ở Nga, nơi thì nửa công khai, nửa bí mật, như ở các nước Âu và Mỹ. Nơi thì bí mật như ở Cao-ly, Ja-va, vãn vãn.

Tuyên truyền và tổ chức thì theo hoàn cảnh. Phái người lòn vào ở lính, hoặc làm thợ, hoặc đi cày, hoặc đi học để tuyên truyền và kiếm đồng chí. Khi kiếm được một ít đồng chí rồi, thì lập ra tiểu tổ chức. Hoặc lập ra hội học, hội đá bóng, hội chơi để lựa đồng chí và tuyên truyền.

Nói tóm lại là họ làm hết cách để xen vào trong dân chúng.

4. Cộng sản thanh niên đối với đảng cộng sản thế nào ?

Hai đoàn thể ấy đối với nhau theo cách dân chủ, nghĩa là khi đảng có việc gì thì có đại biểu thanh niên dự hội. Khi thanh niên có việc gì, thì đảng có đại biểu dự hội. Đường chính trị, thì thanh niên theo đảng chỉ huy, nhưng việc làm thì thanh niên độc lập. Nếu đảng và thanh niên có việc gì không đồng ý, thì có hai quốc tế xử phân.

Thanh niên Cộng sản làm việc rất nỗ lực, rất hy sinh.

Trong năm 1921, thanh niên Đức chỉ có 27.000 người và Mỹ chỉ có 4 chi bộ. Năm 1922 Đức đã có đến 70.000 người và Mỹ có đến 150 chi bộ.

Hồi lính Pháp đóng bèn Đức, vì việc tuyên truyền, phản đối đế quốc chủ nghĩa trong quân đội, mà 120 thanh niên Pháp bị tù. Hồi Pháp đánh Ma-rốc, cũng vì việc ấy mà hơn 3.000 thanh niên Pháp bị bắt.

Việc bãi khóa ở Trung-hoa, vận động ở Triều-tiên, bãi công ở Anh, vân vân, Cộng sản thanh niên đều đứng đầu đi trước.

Ngày nay nước nào cũng có thanh niên cộng sản.
Chỉ Việt-nam là chưa ¹⁾!

QUỐC TẾ GIÚP ĐỠ

1. Quốc tế giúp đỡ là gì?

Năm 1921, nước Nga bị đại hạn mất mùa, dân chết đói nhiều. Đế quốc chủ nghĩa lợi dụng cơ hội ấy, bên thì muốn xui dân Nga nổi loạn, bên thì muốn kéo binh vào phá cách mệnh Nga. Phần thì đem các tàu bè vây biển Nga, không cho các tàu bè đi lại chở đồ ăn bán cho dân Nga.

Những người có lòng tốt như ông Nan-xăn (người khoa học rất có danh tiếng nước Nóc-ve²⁾,

1) Lúc đó ở Việt-nam chưa thành lập Đoàn thanh niên cộng sản.

2) Na-uy.

ông ấy đi tàu bay qua Bắc cực), và các công hội đều có tổ chức hội cứu tế đi quyên tiền, đồ ăn, và áo quần gửi cho dân Nga. Nhưng vì tổ chức tản mát cho nên sức lực yếu.

Đệ tam quốc tế và Công nhân quốc tế Đỏ (mới tổ chức) xướng lên lập một hội Quốc tế giúp đỡ, đề tập trung tất cả các hội cứu tế lại. Đệ nhị quốc tế, và Công nhân quốc tế vàng không chịu vào, lập riêng ra một hội cứu tế riêng.

Tuy vậy, Quốc tế giúp đỡ cũng lập thành. Từ cuối năm 1921, đến năm 1922, Quốc tế này quyên được hơn 5.000.000 đồng bạc, và 40.000.000 ki-lô đồ ăn cho dân Nga.

2. Khi Nga khỏi đói rồi, quốc tế này làm việc gì?

Nga khỏi đói rồi, Quốc tế này vẫn tiếp tục làm việc mãi. Bất kỳ xứ nào có tai nạn gì, quốc tế này đều ra sức giúp. Như năm 1923 Ai-lan¹⁾ (Irlande) mất mùa, mấy vạn dân cơm không có ăn, áo không có mặc, nhờ Quốc tế qua giúp khỏi chết đói. Năm 1924, thợ thuyền Đức bãi công hơn 60 vạn người. Quốc tế này lập ra nhà ăn không mất tiền, mỗi ngày hơn 25.000 người thợ tới ăn. Lại lập ra nhà thương để nuôi những người bãi công đau ốm; lập ra nhà nuôi trẻ con của thợ thuyền, lập ra đội lữ hành đem trẻ con Đức qua gửi cho công hội các nước nuôi dạy. Lúc bãi công gần rồi mới đem về.²⁾

1) Nay gọi là Ai-rơ-lan. (Một nước gồm 26 tỉnh trong số 32 tỉnh của đảo Ai-rơ-lan, nằm trong Đại-tây-dương, cách nước Anh 86 dặm về phía Tây thuộc châu Âu).

2) Hiểu là lúc bãi công gần thắng lợi rồi mới đem về.

Năm Nhật-bản có động đất, Trung-hoa mắc lụt, Quốc tế này cũng chở đồ ăn, đồ mặc và đồ làm nhà qua giúp.

Nói tóm lại là ở đâu mắc nạn lớn, là Quốc tế này đều giúp cả.

3. Quốc tế giúp đỡ lấy tiền đâu ?

Quốc tế này không phải là một hội làm *phúc phát chân* và *bổ thí* như các hội của tư bản lập ra. Mục đích Quốc tế này là « *thợ thuyền và dân cày trong thế giới là anh em, khi anh em xứ này rủi ro, thì anh em xứ khác phải giúp đỡ* », vậy nên, khi có việc thì hội viên ra sức quyên, khi vô sự thì phải góp hội phí. Hội phí tùy theo hạng người như thợ thuyền làm ra đồng tiền dễ, thì đóng nhiều hơn, dân cày ít tiền thì đóng ít. Nhưng ai cũng phải đóng.

Vì quốc tế có chi bộ khắp cả 5 châu, và hội viên rất đông, nhất là ở Nga, cho nên chỉ hội phí góp lại cũng đã khá nhiều.

Quốc tế lại đem tiền ấy làm ra hoa lợi, như mở sở cày, làm hát bóng, mở nhà buôn, sở đánh cá vân vân. Phần nhiều những công việc này đều là ở Nga. Chỉ một chỗ đánh cá ở A-tra-kan mỗi năm đánh được 4,5 triệu ki-lô cá.

Tiền bán ra đều để dành để giúp đỡ cho thế giới cả.

4. Quốc tế này đối với cách mệnh có ích gì ?

Như nước Việt-nam gặp lúc vỡ đê vừa rồi, hay những khi đại hạn và lụt. Nếu quốc tế biết, chắc có giúp đỡ. Song :

1 — Là vì dân ta chưa ai biết đến mà kêu van ;

2 — Vì Pháp sợ Quốc tế làm cho dân ta biết cách thân ái và liên hợp của vô sản giai cấp trong thế giới ;

3 — Nó sợ tuyên truyền cách mệnh cho nên nó hết sức giấu dân ta không cho biết rằng trong thế giới có một hội như thế và ngăn trở Quốc tế ấy lọt vào đến Việt-nam.

Cái gì Pháp ghét, tất là có ích cho Việt-nam.

Còn như việc cách mệnh, Quốc tế này cũng giúp được nhiều. Xem như khi dân Nga đói, nhờ Quốc tế này mà không đến nỗi oán Chính phủ cách mệnh. Thợ thuyền Nhật nhờ Quốc tế này mà khôi phục được công hội lại mau. Thợ thuyền Đức nhờ Quốc tế này mà cứ việc phấn đấu, vân vân, thì biết rằng Quốc tế này sẽ có ích cho cách mệnh Việt-nam nhiều.

QUỐC TẾ CỨU TẾ ĐỎ

1. Quốc tế cứu tế đỏ là gì ?

Quốc tế giúp đỡ thì cứu tế cho dân bị tai nạn, và cũng cứu tế cho những người chính trị phạm nữa. Quốc tế cứu tế đỏ thì chuyên môn giúp đỡ cho chính trị phạm mà thôi.

Bây giờ là hồi tranh đấu, vô sản thì tranh đấu với tư bản, dân bị áp bức thì tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa về

một phe, vô sản và dân bị áp bức về một phe. Hai phe ấy cũng như hai quân đội đánh nhau. Quân đội cách mệnh thì theo cờ đỏ tam quốc tế. Quân phản cách mệnh thì theo cờ bọn nhà giàu. Đánh nhau thì chắc có người phải bắt¹⁾, người bị thương, người bị chết. Quốc tế cứu tế đỏ là như cái nhà thương để săn sóc cho những người bị thương, giúp giúp cho những người bị bắt, trông nom cho cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ của những người đã tử trận cho cách mệnh.

2. Quốc tế cứu tế đỏ lập ra bao giờ?

Năm 1923, Đệ tam quốc tế khai đại hội, có hội « bị dày chung thân » và hội « những người cộng sản già » đề nghị và đệ tam quốc tế tán thành lập ra Quốc tế cứu tế đỏ. Trước hết lập ra tổng bộ tại Nga. Bây giờ nước nào cũng có chi bộ. (Chỉ có Việt-nam chưa).

Nga bây giờ có 50.000 phân bộ và 9 triệu hội viên. Tất cả công nhân và nhiều dân cày vào hội ấy, hoặc vào từng người, hoặc cả đoàn thể. Tất cả các người cộng sản và cộng sản thanh niên đều phải vào hội ấy.

Khi mới lập ra, ba tháng đầu đã quyên được 300.000 đồng. Bốn tháng sau thì quyên được 4.000.000 đồng. Ở tỉnh Quảng-đông Trung-quốc mới lập chi bộ được 6 tháng mà đã được 250.000 hội viên.

Xem thế thì biết Quốc tế ấy phát triển rất chóng.

1) Bị bắt.

3. Quốc tế giúp cách thế nào?

Khi những người cách mệnh hoặc bị đuổi, hoặc bị bắt, hoặc bị tù, hoặc bị chết thì Quốc tế giúp đỡ:

- 1 — Chính trị;
- 2 — Kinh tế;
- 3 — Vật chất;
- 4 — Tinh thần.

a) *Giúp chính trị*: như có người bị bắt, bị giam, thì quốc tế sức¹⁾ cho các chi bộ khai hội và tuần hành thị uy. Như vừa rồi có hai người cách mệnh Ý bị bắt tại Mỹ, toan phải án chết; Quốc tế sức chẳng những là thợ thuyền Mỹ làm như thế, mà lại nước nào, xứ nào có linh sự Mỹ thì thợ thuyền đều khai hội tuần hành và tuyên ngôn rằng: nếu chính phủ giết hai người ấy thì thợ thuyền Mỹ bãi công, và thợ thuyền thế giới sẽ tẩy chay Mỹ. Mỹ thấy vậy thì không dám làm tội hai người ấy.

b) *Giúp kinh tế*: Hễ bị giam thì thường ăn uống cực khổ, còn vợ con cha mẹ ở nhà thì không ai nuôi. Quốc tế gửi tiền cho để mua đồ ăn trong nhà giam, và giúp cho người nhà ít nhiều để khỏi phải đói rách. Như vậy thì những người bị giam cầm đã khỏi cực khổ quá, mà lại vui lòng. Hoặc Quốc tế xuất tiền thuê thầy kiện để chống án cho. Hoặc gửi áo quần sách vở cho.

c) *Giúp tinh thần*: Hoặc phái người hoặc gửi thơ đến thăm:

1 — Người ở giam biết rằng mình tuy hy sinh cho quần chúng mà quần chúng không quên mình,

1) Chỉ thị.

thế thì trong lúc bị giam đã không buồn, sau được khỏi lại càng hết sức.

2— Là người ta biết rằng mình tuy phải giam một nơi, nhưng công việc cách mệnh vẫn cứ phát triển, vẫn có người làm thế cho mình.

4. Cách mệnh Việt-nam nên theo Quốc tế này không ?

Nên lắm. Cách mệnh Việt-nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân Việt-nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau. Huống gì, dân Việt-nam là đương lúc tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa Pháp, chắc là về sau sẽ có nhiều người cách mệnh phải hy sinh, phải khốn khổ, phải cần anh em trong thế giới giúp giùm.

CÁCH TỒ CHỨC CÔNG HỘI

1. Tồ chức công hội làm gì ?

Tồ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới.

Đi lại không phải là bữa này người A có giỗ chạp thì người B tới ăn; mai người B có cúng

quẩy lại mời người C tới uống rượu. Nhưng đi lại đề bày vẽ cho nhau điều khôn lẽ phải, đề giao hoán trí thức cho nhau.

Nghiên cứu chẳng những là gỡ sách vở, gỡ báo ra giảng; nhưng phải bàn bạc cách phấn đấu với tư bản và đế quốc chủ nghĩa ¹⁾.

Sửa sang cách sinh hoạt như lập hiệp tác xã, mở hội học, hội chơi cho công nhân, vân vân.

Giữ gìn lợi quyền là khi hội đã có thế lực rồi, thì đòi thêm tiền công, bớt giờ làm, vân vân.

Giúp cho quốc dân và thế giới là đem lực lượng thợ thuyền cách mệnh làm cho ai cũng được bình đẳng tự do như thợ thuyền Nga đã làm từ năm 1917.

2. Cách tổ chức công hội thế nào?

Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp.

Nghề nghiệp là ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội may, thợ rèn vào hội rèn.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy; tất cả nhập vào một công hội xe lửa.

Tổ chức theo cách sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí dụ khi xe lửa muốn bãi công, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi

1) Câu này hiểu như sau: Nghiên cứu chẳng những là gỡ sách vở, gỡ báo ra giảng, mà còn phải bàn bạc cách đấu tranh với bọn tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

công hết, thì tư bản sợ hơn. Nếu hội là nghề nghiệp, thì có khi người đốt lửa bãi công mà người cầm máy không, hoặc người phát vé bãi công mà người làm ga không, thế thì sức bãi công yếu đi.

3. Một người công nhân có thể vào hai hội không ?

Không. Nếu hội ấy là nghề nghiệp, thì chỉ những người đồng nghề nghiệp được vào; ai đã vào hội sản nghiệp rồi thì không được vào hội nghề nghiệp nữa. Thí dụ: xe lửa đã tổ chức theo sản nghiệp, mấy người thợ việc¹⁾ đã vào hội ấy rồi. Trong xứ ấy lại có một hội thợ mộc khác, những người thợ mộc trong hội xe lửa²⁾ không được vào.

Trong một nghề hoặc một sản nghiệp cũng không được lập hai hội.

Nhưng mà một công hội có phép vào hai tổng công hội. Thí dụ: Hội xe lửa Hà-nội đã vào tổng công hội xe lửa Việt-nam, lại vào tổng công hội ta nào³⁾ ?

Nói tóm lại là đoàn thể thì có phép vào nhiều tổng công hội mà từng người thì chỉ được vào một hội mà thôi. Nếu giới hạn này không nghiêm thì sau hay bối rối.

1) Công nhân các nghề trong ngành xe lửa, (có bản in là: thợ mộc).

2) Công hội xe lửa, (Tất cả những chữ *hội* trong chương này hiểu là công hội).

3) Lại vào Tổng công hội ta nào ? hiểu là: còn có thể vào Tổng công hội nào nữa, (có bản in là: Lại vào Tổng công hội Hà-nội).

4. Công hội với chính đảng khác nhau thế nào?

Công hội chú trọng mặt kinh tế hơn. Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Vì là thợ thuyền thì được vào hội, dù tin Phật, tin đạo, tin cộng sản, tin vô chính phủ, tin gì cũng mặc; miễn là theo đúng quy tắc hội là được.

Đảng thì bất kỳ người ấy làm nghề gì, thợ thuyền hay là dân cày, học sinh hay là người buôn, miễn là người ấy tin theo chủ nghĩa Đảng, phục tùng phép luật Đảng thì được vào.

Ai vào cả Đảng và hội, chính trị thì theo Đảng chỉ huy, mà kinh tế thì theo công hội chỉ huy. Đảng viên ai cũng phải vào hội để mà tuyên truyền chủ nghĩa của Đảng. Nhưng không phải hội viên nào cũng vào được Đảng.

5. Cái gì là hệ thống của công hội?

Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4,5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyển tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước. Ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên.

Đã ngang lại dọc, thế thì theo mệnh lệnh tổng công hội ngang hay là tổng công hội dọc?

Nếu quan hệ về sản nghiệp thì theo mệnh lệnh dọc. Nếu quan hệ về địa phương thì theo mệnh lệnh ngang.

6. Muốn hội vững bền thì phải tránh những việc gì?

Đã vào công hội thì :

1 — Nên bỏ giới hạn xứ sở, nghĩa là chớ phân biệt người này là Trung-kỳ, người kia là Nam-kỳ. người nọ là Bắc-kỳ. Và cũng không nên chia ra người Việt-nam, người Trung-hoa hay là người nước nào. Đã một nghề, một hội tức là anh em cả, phải xem nhau như người một nhà.

2 — Đàn ông, đàn bà đều phải bình đẳng.

3 — Chớ có bĩ thử như mình khéo hơn, lương cao hơn, mà khinh người vụng và ăn tiền ít.

4 — Chớ cậy mình là nhiều tuổi mà muốn làm đàn anh.

5 — Chớ cho bọn tư bản vào hội.

7. Phải tổ chức thế nào cho kiên cố?

Công hội là cơ quan của công nhân để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa, cho nên tổ chức phải nghiêm nhặt, chỉ huy phải mau mắn, làm việc phải kín đáo. Muốn được như thế thì phải tổ chức như quân đội.

Quân lính thì có đội ngũ.

Thợ thuyền phải có tiểu tổ, chi bộ.

Thí dụ : trong tỉnh có 5 nhà máy dệt vải, mỗi nhà máy phải có một chi bộ, trong mỗi chi bộ lại chia làm mấy tiểu tổ. Mỗi chi bộ phải cử 3 hoặc 5 người làm ủy viên, (phần nhiều nên cử những người làm trong lò đã lâu, thuộc tình hình nhiều), mỗi tiểu tổ phải cử một tổ trưởng. Mỗi tiểu tổ không được quá 10 người.

Tiêu tổ theo mệnh lệnh chi bộ, chi bộ theo tỉnh hội, tỉnh hội theo quốc hội¹⁾. Có thứ tự như thế thì trong hội có mấy mươi vạn người chỉ huy cũng dễ, và hành động cũng nhất trí.

8. Tiêu tổ làm những việc gì?

Cây có nhiều rễ mới vững, hội có nhiều tiêu tổ mới bền. Tiêu tổ phải:

- 1 — huấn luyện và phê bình anh em;
- 2 — thi hành những việc hội đã định;
- 3 — bàn bạc việc hội;
- 4 — điều tra tình hình trong lò máy;
- 5 — đề nghị những việc hội nên làm;
- 6 — thu hội phí;

7 — báo cáo những việc làm cho chi bộ, đề chi bộ báo cáo cho tỉnh bộ, vân vân.

Chi bộ nhiều người khó khai hội, khó xem xét. Tiêu tổ ít người, làm gần nhau, quen biết nhau, cho nên xem xét, huấn luyện, làm việc và khai hội dễ bí mật hơn và mau mắn hơn. Tiêu tổ là có ích như thế. Vả lại, nếu chính phủ cấm công hội, mà tiêu tổ khéo tổ chức, thì công hội cứ tiến bộ, cứ làm việc được. Vậy cho nên người ta gọi tiêu tổ là gốc của hội.

9. Thứ tự trong công hội thế nào?

Tiêu tổ lên chi bộ.

Nếu trong tỉnh có nhiều lò máy, 4, 5 chi bộ tổ chức một bộ ủy viên²⁾ (4, 5 lò ấy mỗi lò cử 1 hoặc 2 người).

1) Công hội toàn quốc.

2) Ban chấp hành liên chi hội.

Bộ ủy viên lên tỉnh hội.

Tỉnh hội lên quốc hội.

Ấy là thứ tự tổ chức. Còn quyền bính thì về dự hội, nghĩa là tất cả hội viên khai hội bàn định. Nếu hội viên nhiều quá, khai hội không tiện thì định mấy người cử một đại biểu dự hội, ấy là đại biểu đại hội. Đại hội nghị định việc gì, thì chấp hành ủy viên hội phải thi hành. Khi hội tan thì quyền về chấp hành ủy viên hội.

Đại biểu đại hội trong tỉnh một tháng khai hội một lần. Đại biểu đại hội trong nước, một năm một lần.

Đại biểu nên cử công nhân làm, không nên cử những người chức việc trong hội. Khi khai hội, đại biểu phải báo cáo tình trạng và ý kiến của công nhân (không phải ý kiến riêng mình), đề nghị và bàn bạc các việc. Khai hội rồi, phải về báo cáo việc hội cho công nhân.

10. Có việc gì thì giải quyết thế nào ?

Từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung. Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội ủy viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời, ủy viên hội có quyền phạt.

Gặp việc bất thường không kịp khai hội, thì ủy viên có quyền xử trí, sau báo cáo cho hội.

Gặp việc bất thường lắm, thì hội ủy viên cứ phép giao quyền cho một người, người này có quyền độc đoán, việc rồi¹⁾ báo cáo với hội.

11. Sao hội viên phải nộp hội phí ?

Có hội thì có phí tồn, như thuê nhà, bút mực, vân vân, ấy là thường phí hội viên phải gánh. Lại có bất thường phí như để dành, phòng lúc bãi công hoặc giúp những hội khác bãi công, hoặc giúp đỡ những người trong hội mất việc làm, hoặc làm các việc công ích, vân vân. Nếu hội không tiền thì làm không được. Cho nên hội viên phải « góp gió làm bão ».

Khi hội có tiền thừa thãi, thì nên làm những việc này :

- 1 — Lập trường học cho công nhân ;
- 2 — Lập trường cho con cháu công nhân ;
- 3 — Lập nơi xem sách xem báo ;
- 4 — Lập nhà thương cho công nhân ;
- 5 — Lập nhà ngủ, nhà tắm, nhà hát ;
- 6 — Mở hiệp tác xã ;
- 7 — Tổ chức công binh²⁾, đồng tử quân³⁾, vân vân.

Phải xem hoàn cảnh mà làm, chớ cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa chú ý. Hội tiêu tiền phải rất phân minh, cho hội viên đều biết. Hội phí không nên thu nặng quá ; phải theo sức hội viên.

1) Tức là xong việc rồi.

2) Ở đây có thể là đội tự vệ.

3) Một tổ chức của thiếu niên, nhi đồng. (Sau này Đảng ta đã thành lập tổ chức này vào những năm 1930-1931).

12. Cách tổ chức bí mật thế nào ?

Khi hội được công khai, các tiểu tổ cũng phải giữ bí mật. Khi không được công khai, thì phải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc câu lạc bộ (nhà xéc) vân vân... che mắt người ta. Ở Trung-hoa, ở Nhật nhiều nơi thợ thuyền lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh, bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước, ăn bánh, và bàn việc ; cho nên ma tà, mật thám không làm gì được. Có nơi lại giả hội cúng tế hoặc hội chơi, vân vân để che cho công hội.

Lại khi mới gây dựng ra, hoặc ở nơi thợ thuyền ít, phải tùy cơ ứng biến, không nhất định cứ theo cách thường.

Đại khái cách tổ chức công hội phải thống nhất, bí mật, nghiêm ngặt, thì hội mới vững vàng.

TỔ CHỨC DÂN CÀY

1. Vì sao phải tổ chức dân cày ?

Nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong 100 người thì đến 90 người là dân cày. Mà dân cày ta rất là cực khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà cày, đến nổi cơm không đủ ăn, áo không có mặc.

Xem như Trung-kỳ, tất cả chừng 5.730.000 người dân mà chỉ có chừng 148.015 mẫu ruộng.

Trước năm 1926, Tây đồn điền đã chiếm mất 62.000 mẫu. Từ năm 1926, 175 thặng Tây đồn điền lại chiếm hết:

1.982 mẫu ở Thanh-hóa,

35.426 mẫu ở Nghệ-an,

17.076 mẫu ở Nha-trang,

13.474 mẫu ở Phan-thiết,

92.000 mẫu ở Kon-tum,

67.000 mẫu ở Đồng-nai.

Như thế thì dân ta còn ruộng đâu nữa mà cày!

2. Tây đồn điền choán ruộng cách thế nào?

Chúng nó dùng nhiều cách. Như tháng 6 năm 1922¹⁾, 20 thặng Tây rủ nhau xin chính phủ Tây mỗi thặng 300¹⁾ mẫu trong lục tỉnh. Xin được rồi nhóm cả lại thành ra 60.000 mẫu, 19 thặng bán lại cho 1 thặng.

Tháng 8 năm 1926, nhà ngân hàng Đông Pháp xin 30.000 mẫu, trong đám đất ấy đã có 6 làng Việt-nam ở. Khi nhà ngân hàng xin được rồi thì nó đuổi dân ta đi.

Nam-kỳ bị Tây đồn điền chiếm mất 150.000 mẫu ruộng tốt.

Phần thì Tây đồn điền cướp, phần thì các nhà thờ đạo chiếm. Các cố đạo chờ năm nào mất mùa, đem tiền cho dân cày vay. Chúng nó bắt dân đem văn khế ruộng cầm cho nó và ăn lời thiệt nặng. Vì lời nặng quá, đến mùa sau trả không nổi, thì các cố xiết ruộng²⁾ ấy đem làm ruộng nhà thờ.

1) Chữ số này trong nguyên bản bị mờ.

2) Tước đoạt ruộng đất để trừ vào tiền cho vay.

3. Chính phủ Pháp đãi ¹⁾ dân cày Việt-nam thế nào ?

Tư bản Tây và nhà thờ đạo đã choán gần hết đất ruộng, còn giữ được miếng nào thì chính phủ lại đánh thuế thiệt nặng, mỗi năm mỗi tăng. Như mỗi mẫu ruộng tốt mỗi năm tất cả hoa lợi được chừng 25 đồng, Tây nó đã lấy mất 2 đồng 5 hào thuế, nghĩa là 10 phần nó lấy mất một.

Nếu tính tiền thuê trâu bò, mua phân tro, mướn làm, tiền ăn uống, thì mỗi mẫu mỗi năm đã hết chừng 30 đồng. Nghĩa là dân cày đã lỗ mất 5 đồng, mà chính phủ lại còn kẹp lấy cho được 2 đồng rưỡi.

Chẳng thế mà thôi. Dân ta cày ra lúa mà không được ăn. Đến mùa thuế thì bán đồ bán tháo để nộp thuế. Tây nó biết vậy thì nó mua rẻ để nó chở đi bán các xứ; mỗi năm nó chở hết 150 vạn tấn. Nó chở đi chừng nào, thì gạo kém chừng ấy, thì dân ta chết đói nhiều chừng ấy.

4. Bay giờ nên làm thế nào ?

Sự cực khổ dân cày Việt-nam là :

1 — Ruộng bị Tây choán hết, không đủ mà cày.

2 — Gạo bị nó chở hết, không đủ mà ăn.

3 — Làm nhiều, được ít, thuế nặng.

4 — Lại thêm nước lụt, đại hạn, vỡ đê, mất mùa.

1) Đối xử với...

5 — Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợ con, hoặc đem thân làm nô lệ như những người nó chở đi Tân thế giới.

6 — Nào là chính trị áp bức (thử hỏi dân cày ta có quyền chính trị gì?), văn hóa áp bức, (dân cày ta được mấy người biết chữ, trong làng được mấy trường học?).

Nếu dân cày Việt-nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau để kiếm đường giải phóng.

5. Cách tổ chức dân cày thế nào?

Cách tổ chức đại khái như sau này :

1 — Bất kỳ đàn ông đàn bà, từ những người tiểu điền chủ cho đến những dân cày thuê cày rẫy, từ 18 tuổi trở lên thì được vào (những người đại địa chủ, mật thám, cố đạo, say mê rượu chè, cờ bạc, và a-phiến¹⁾ thì chớ cho vào hội).

2 — Ai vào phải tình nguyện giữ quy tắc hội, và phải có hội viên cũ giới thiệu.

3 — Làng nào đã có 3 người tình nguyện vào hội thì tổ chức được một hội làng, 3 làng có hội thì tổ chức hội tổng, 3 tổng có hội thì tổ chức hội huyện, 3 huyện có hội thì tổ chức hội tỉnh, 3 tỉnh có hội thì tổ chức hội nước²⁾.

4 — Còn cách khai hội, tổ chức các bộ làm việc, tuyển cử, đề nghị, giải quyết, báo cáo thì cũng như công hội.

1) Thuốc phiện.

2) Hội cả nước.

6. Hội dân cày nên đặt tiêu tồ hay không?

Dân cày trong làng không xúm xít đông đúc như thợ thuyền trong lò máy, cho nên hội dân cày làng thế cho tiêu tồ, người ủy viên thế cho tồ trưởng cũng được.

Ủy viên bên thì chỉ huy cho hội viên làm việc, bên thì thi hành mệnh lệnh từ thượng cấp truyền đến, bên thì báo cáo việc đại hội với hội viên, bên thì báo cáo công việc hội viên với đại hội.

Các hội viên thì phải :

- 1 — Kiểm hội viên mới ;
- 2 — Điều tra cách ăn làm và các việc trong làng ;
- 3 — Đề xướng làm các hợp tác xã ;
- 4 — Hết sức mở mang giáo dục, như lập trường, tồ chức nhà xem sách, vân vân ;
- 5 — Khuyên anh em dân cày cấm rượu, a-phiến, đánh bạc ;
- 6 — Đặt hội cứu tế, vân vân. Nói tóm lại là kiểm làm những việc có ích cho dân cày, có lợi cho nòi giống.

7. Nếu không có tiêu tồ sao giữ được bí mật?

Ấy là nói về lúc bình thường, có lẽ công khai được. Nếu lúc phải giữ bí mật thì :

- 1 — Phải dùng cách tiêu tồ ;
- 2 — Chớ gọi là hội dân cày, nhưng gọi là phường lợp nhà, phường đánh cá, phường chung lúa, vân vân, để mà che mắt thiên hạ. Vả trong làng xã Việt-nam hiện giờ cũng có nhiều phường hội như

thế, muốn tổ chức dân cày thì nên theo hoàn cảnh mà lợi dụng những phường ấy. Cốt làm sao cho người ngoài đừng chú ý là tốt.

Khi hội đã vững, hội viên đã đông lại nên đặt các bộ chuyên môn như :

Bộ tập thể thao ;

Bộ cải lương nghề cày cấy ;

Bộ người cày thuê (đi cày thuê gặt mướn cho người ta, mình không có đất ruộng trâu bò gì cả) ;

Bộ người cày rẽ ;

Bộ thủ công nghiệp (thợ thuyền trong làng tuy không cày ruộng, hoặc nửa cày nửa thợ, cũng phải cho vào hội dân cày) ;

Bộ thanh niên, bộ phụ nữ, bộ giáo dục, vân vân.

8. Có nông hội rồi đã khỏi những sự cực khổ nói trên chưa ?

Sự tự do bình đẳng phải cách mệnh mà lấy lại, hội nông là một cái nền cách mệnh của dân ta. Nếu thợ thuyền và dân cày trước tổ chức kiên cố, sau đồng tâm hiệp lực mà cách mệnh thì sẽ khỏi những sự cực khổ ấy. Dẫu chưa cách mệnh được ngay, có tổ chức tất là có ích lợi. Như mỗi năm Tây nó bắt dân ta hút 150 vạn ki-lô a-phiến, nó lấy 1.500 vạn đồng lời. Nó bắt ta mua 173.000.000 lít rượu, nó lấy 1.000 triệu phơ-răng lời. Nó vừa lấy lời vừa làm cho ta mất nòi mất giống. Nếu dân cày tổ chức mà khuyên nhau đừng uống rượu, đừng hút a-phiến, thì đã cứu được nòi giống khỏi mòn mỏi, mỗi năm lại khỏi đem 1.000.000.000 phơ-răng và 15.000.000 đồng bạc cúng cho Tây. Tây nó áp bức ta vì ta không thương yêu nhau,

vì ta ngu dốt, có hội hè rồi trước là có tình thân ái, sau thì khuyên nhau học hành. Chúng ta đã biết « cách mệnh » tinh thần, « cách mệnh » kinh tế, thì « cách mệnh » chính trị cũng không xa.

HỢP TÁC XÃ³⁷

1. Lịch sử.

Hợp tác xã đầu hết¹⁾ sinh ra ở bên Anh. Năm 1761, mấy người thợ dệt vải rủ nhau lập ra một cái hội « làm vải cho tốt và bán giá trung bình trong làng xóm ».

Năm 1777, một hội khác lập ra. Sau còn nhiều hội lập ra nữa, nhưng chẳng được lâu.

Năm 1864 một hội mới lại lập ra, được 999 đồng vốn. Đến năm 1923, thì hội này có 5.673.245 đồng vốn và tiền buôn bán đi lại được 47.777.000 đồng, 14 chiếc tàu, và 5.000 mẫu vườn chè (trà), 6 người đại biểu làm hạ nghị viện, 4.580.623 người hội viên.

Hợp tác xã bây giờ bên Nga lớn nhất²⁾, thứ hai đến Anh (tiêu phí hợp tác), thứ ba Pháp (sinh sản

1) Đầu tiên.

2) Lúc này, ở Liên-xô, thực hiện kế hoạch hợp tác hóa của Lê-nin, phong trào hợp tác hóa phát triển mạnh trong nông nghiệp, thủ công nghiệp, tiêu dùng. Dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Nhà nước chuyên chính vô sản, hợp tác xã là một hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa.

hợp tác), thứ tư Đan-mác¹⁾ (nông dân hợp tác), thứ năm Đức (ngân hàng hợp tác).

Ở Nhật có một hội khi mới lập chỉ có 1.840 đồng vốn cách 8 năm đã có 370.000 đồng.

2. Mục đích.

Tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của hợp tác xã Anh đã nói: « Cốt làm cho những người vô sản giai cấp hóa ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau. Bỏ hết thói cạnh tranh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây ».

Hồi bấy giờ tư bản và đế quốc chủ nghĩa bác tước²⁾ dân chẳng sót cách gì, chúng nó lấy tiền dân trở lại áp bức dân, chúng nó đã rán sành ra mỡ, lại còn « lấy gậy thầy đánh lưng thầy » cho nên hợp tác xã trước là có ích lợi cho dân, sau là bớt sức bóp nặn của tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

3. Lý luận.

Tục ngữ Việt-nam có những câu: « Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó » và « một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao ». Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy.

Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà.

1) Nước Đan-mạch

2) Bóc lột.

Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác.

Lại thí dụ 10 người muốn ăn cơm, mỗi người riêng một nồi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng, ăn rồi ai nấy dọn dẹp riêng của người nấy, thế thì mất biết bao nhiêu củi, nước, công phu và thì giờ. Hợp tác xã là « góp gạo thổi cơm chung » cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ.

4. **Mấy cách hợp tác xã.**

Hợp tác xã có 4 cách :

1 — Hợp tác xã tiền bạc¹⁾ ;

2 — Hợp tác xã mua ;

3 — Hợp tác xã bán ;

4 — Hợp tác xã sanh sản.

Trước khi nói rõ những hợp tác ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng :

a) Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung.

b) Hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý bố thí, hợp tác xã có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách « cách mệnh » ai cũng giúp, mà ai cũng bị giúp.

5. **Hợp tác xã tiền bạc.**

Hay là ngân hàng của dân ; dân cày và thợ thuyền chung vốn lập ra :

1) Hợp tác xã vay mượn hay hợp tác xã tín dụng.

1 — Hội viên thiếu vốn làm ăn (vay về tiêu xài thì không cho) thì đến vay được lời nhẹ;

2 — Hội viên có dư dật ít nhiều, thì đem đến gửi, được sinh lợi.

Dân nghèo, người có mà góp thì ít, người muốn vay thì nhiều, vậy thì thế nào lập được ngân hàng? Muốn lập được phải có ba điều:

a) Tiền vốn — Nếu 1 người bỏ vào một đồng, 1.000 người đã được 1.000 đồng. Có 1.000 vốn, lưu thông khéo thì cũng bằng 10.000 đồng.

b) Lưu thông — Nếu mỗi người giữ lấy một đồng, thì 1.000 đồng ấy cũng tiêu mất. Nếu góp lại tháng đầu cho A vay 100 hạn 6 tháng trả, tháng 2 cho B vay 100 vân vân... chuyển đi mãi, lưu thông mãi, cả lời đến vốn, mỗi tháng mỗi nhiều, và giúp được hội viên cũng mỗi ngày một nhiều thêm.

c) Tín dụng — Làm có bề thế cho người ta tin dụng¹⁾ thì giao dịch dễ. Vậy thì vốn tuy ít mà dùng được nhiều.

6. Hợp tác xã mua.

Nhà nào cũng không làm đủ đồ dùng được, chắc phải đi mua. Mua nhiều (mua sỉ)²⁾ thì chắc rẻ hơn mà đồ tốt hơn. Mua lẻ thì đắt mà đồ thì xấu. Nhưng thợ thuyền và dân cày lấy tiền đâu mà mua nhiều? Mua được, một nhà dùng cũng không hết. Cho nên phải chịu thua thiệt mãi.

1) Tín dụng là công việc của ngân hàng về cho vay và nhận tiền gửi. Đoạn nói về tín dụng ở đây nên hiểu là: Cần phải làm cho có bề thế để người ta tin tưởng khi gửi tiền và vay tiền.

2) Mua sỉ tức là mua lẻ. Ở đây, mua sỉ hiểu theo nghĩa từ địa phương là mua nhiều, mua buôn.

Nếu nhiều nhà góp lại, mua sỉ và chia nhau, thì đã được rẻ, đồ lại tốt, lại khỏi mất thì giờ.

Thí dụ : mỗi thùng dầu lửa giá 3 đồng, được 50 litres. Nhà buôn mua về kiếm cách pha phết thành ra 53 litres, dân mỗi nhà phải có một người xách chai đi chợ mua mỗi litres phải trả một hào, dầu đã xấu, thấp lại mau hết. Tính lại nhà buôn lời :

1 cái thùng	0đ20
23 litres dầu	2đ30
Cộng cả	2đ50

53 nhà dân lỗ : 2đ50 và 53 giờ đồng hồ.

Nếu 53 nhà ấy góp nhau phái một người đi mua một thùng, thì đã khỏi mất 2đ50 lại lời được 53 giờ. Dem 53 giờ ấy làm việc khác, lại càng lời nữa.

7. Hợp tác xã bán.

Mua càng nhiều càng rẻ, bán càng nhiều càng đắt. Mua càng ít càng đắt, bán càng ít càng rẻ. Ai cũng biết như vậy. Nhưng dân nghèo có đồ đâu mà bán nhiều. Vả lại khi đã đem rổ khoai thúng lúa đi chợ, thì đắt rẻ cũng muốn bán cho xong, không lẽ mang đi mang về mãi. Phần thì sợ mất công, phần thì sợ mất thuế, phần thì sợ hao mòn. Nhà buôn biết vậy, lại càng bắt bí trả rẻ.

Lại thí dụ : 53 nhà có 53 thúng lúa, cho 53 người đem đi bán, phải nộp 53 lần thuế ; đong đi đong lại đồ tháo mất 53 nắm, nhà buôn bắt bí trả rẻ mất 53 xu (mỗi thúng một xu). Giời nắng, 53 người phải uống 53 xu nước, vân vân. Tính lại, thua thiệt biết chừng nào.

Nếu 53 nhà ấy có hợp tác xã bán, thì lời biết bao nhiêu.

8. Hợp tác xã sinh sản.

Hợp tác xã này là để giúp nhau làm ăn. Thí dụ : dân cày mỗi nhà có một con bò, phải có một thằng bé chăn, phải có một cái ràn¹⁾, lòi thoi biết chừng nào ? Lại như những nhà không có, mua cày phải thuê trâu. Mỗi nhà phải tự sắm lấy cày, bừa, cuốc, liềm vân vân, khi cày mễ, cuốc cùn chưa có tiền mua thì phải ngồi chịu. Nếu chung nhau mua trâu, mua đồ cày, ai dùng đến thì phải nộp ít nhiều, như thế há chẳng hơn sao ?

Lại như trồng ra bông ? Nhưng không có bàn đánh bông²⁾, không có đồ kéo sợi, phải đem bông bán rẻ. Nếu góp nhau làm hợp tác xã, mua đủ đồ mà làm, thì công ít mà lợi nhiều.

Nói tóm lại là hợp tác xã rất có lợi cho nên dân các nước làm nhiều lắm. Thôi xem các hãng buôn sở dĩ mà giàu có, chẳng qua nó bớt ngược bớt xuôi của dân. Hợp tác xã là để cho khỏi bị hãng buôn ăn bớt.

9. Nhà buôn lấy lời.

Nhà buôn kiếm được lời là vì người làm ra đồ và người dùng đồ, người mua và người bán cách xa nhau, phải nhờ nhà buôn đứng giữa, nó đã ăn lời khi mua, lại ăn lời khi bán. Thí dụ : Ngoài Bắc là xứ trồng chè, trong Nam hay uống chè. Nhưng dân Bắc không đem vào Nam bán, dân Nam không ra tới Bắc mua.

1) Cái chuồng.

2) Dụng cụ để bạt bông.

Mấy nhà có chè đem bán cho A, hàng chè trong tổng; A đem bán lại cho B, buôn chè trong phủ, *ăn lời một lần*. B lại đem bán cho phố C ở tỉnh, *ăn lời 2 lần*. C bán cho công ty Đ Hà-nội, *ăn lời 3 lần*. Công ty Đ bán cho công ty E Sài-gòn, *ăn lời 4 lần*. Công ty E lại bán cho nhà buôn F các tỉnh, *ăn lời 5 lần*. Nhà buôn F bán sỉ cho phố G các phủ, *ăn lời 6 lần*. G bán lẻ cho H, *ăn lời 7 lần*. H bán lẻ cho người uống, *ăn lời 8 lần*.

Thế là người làm ra chè thua thiệt, người uống chè cũng thua thiệt. Nếu có hợp tác xã thì tránh khỏi những điều ấy.

10. Cách tổ chức.

Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng mỗi hợp tác xã. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy hợp tác xã. Cũng không phải lập hợp tác xã này thì không lập được hợp tác xã kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được hợp tác xã nào, và có khi hai hợp tác xã — mua và bán — lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác như nhau, thì các hợp tác xã ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn. Hoặc khi hai hợp tác xã tính chất khác nhau, thì cũng nên liên kết như một hợp tác xã mua và một hợp tác xã bán.

Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hóa, cầm máy, vân vân thì có phép mượn người ngoài.

Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều góp ít, vào trước vào sau, ai cũng bình đẳng như nhau.

CHÁNH CƯƠNG VĂN TẮT CỦA ĐẢNG

Kinh tế nước Nam hiện đã phát triển theo kinh tế đế quốc chủ nghĩa (tư bản ngoại quốc đều tập trung vào nhà băng Đông Pháp, tư bản bản xứ đã phát đạt, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng đã phát triển nhiều, số thợ thuyền ngày càng tăng, số dân cày và thủ công nghiệp thất nghiệp đói khổ ngày càng nhiều, v.v...); nhưng chế độ phong kiến đương còn và kinh tế nông nghiệp choán phần nhiều; nên chủ trương làm *tư sản dân quyền cách mạng* (révolution démocratique bourgeoise) và *thô địa cách mạng* (révolution agraire) để đi tới xã hội cộng sản.

A — Về phương diện xã hội thì:

- a) Dân chúng được tự do tổ chức, v.v...
- b) Nam nữ bình quyền, v.v...
- c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

B — Về chính trị

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
- b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.
- c) Dựng ra chính phủ công nông binh.
- d) Tổ chức ra quân đội công nông.

C — Kinh tế :

- a) Thu tiêu hết các thứ quốc trái.
- b) Thu tiêu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh.
- c) Thu hết đất ruộng của đế quốc chủ nghĩa làm của công và chia cho dân cày nghèo.
- d) Miễn thuế cho dân nghèo.
- e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp.
- f) Thi hành luật ngày làm tám giờ.

In trong sách *Văn kiện Đảng*, (từ 27-10-1929 đến 7-4-1935), Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, tr. 13-14.

Theo đúng bài in trong sách *Văn kiện Đảng*.

SÁCH LƯỢC VĂN TẬT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình. phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

2. Đảng phải thu phục cho được đại đa số dân cày và phải dựa vững vào hạng dân cày nghèo, phải hết sức lãnh đạo cho dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trừ bọn đại địa chủ và phong kiến.

3. Đảng phải hết sức làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày nghèo (công hội, nông hội, hợp tác xã v.v.) khởi dưới quyền lực ảnh hưởng của bọn tư sản quốc gia.

4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông (Thanh niên, Tân-Việt, phái Nguyễn-An-Ninh, v.v.) để kéo họ đi về phía vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An-nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ. Trong khi liên lạc tạm thời với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thỏa hiệp.

5. Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước *Việt-nam độc lập*, lại phải đồng thời tuyên truyền vừa thực hành *liên lạc* với bị áp bức dân tộc và *vô sản giai cấp* thế giới, nhất là *vô sản giai cấp Pháp*.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

In trong sách *Văn kiện Đảng*, (từ 27-10-1929 đến 7-4-1935), Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1964, tr. 14.

Theo đúng bài in trong sách *Văn kiện Đảng*.

LỜI KÊU GỌI³⁸

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh, anh chị em bị áp bức, bóc lột !

Anh chị em ! Các đồng chí !

Nhận chỉ thị của Quốc tế cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này.

Máu thuẫn gay gắt về kinh tế giữa các nước đế quốc chủ nghĩa đã gây ra chiến tranh thế giới 1914-1918. Sau cuộc chém giết đẫm máu đó, thế giới chia ra làm hai mặt trận : mặt trận cách mạng gồm các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản bị bóc lột trên toàn thế giới mà đội tiên phong là nước Nga xô-viết, và mặt trận của chủ nghĩa đế quốc mà tổng hành dinh là Hội quốc liên.

Cuộc chiến tranh đế quốc ấy đã làm cho thế giới bị thiệt hại nặng nề về người và của, đặc biệt là đế quốc Pháp bị thiệt hại nhiều hơn các đế quốc khác. Hiện nay, để tổ chức lại nền kinh tế ở Pháp, đế quốc Pháp ra sức khai thác tài nguyên «của chúng» ở Đông-dương. Chúng xây dựng thêm nhà máy để bóc lột công nhân và buộc họ phải chịu đói rét. Chúng chiếm ruộng đất của nông dân để lập đồn điền làm cho nông dân mất hết ruộng đất và lâm vào cảnh tuyệt vọng. Chúng tìm mọi cách để bóp nặn nhân dân ta ; chúng thu thuế ngày

càng nặng, bắt mua « quốc trái » ngày càng nhiều, làm cho đồng bào ta ngày thêm nghèo khổ.

Càng ngày chúng càng tăng cường quân đội : một là để giết hại cách mạng Việt-nam, hai là để chuẩn bị một cuộc chiến tranh đế quốc nữa ở Thái-bình-dương nhằm chiếm thêm thuộc địa, ba là để phá cách mạng Trung-quốc, bốn là để chống lại nước Nga xô-viết, vì nước này đang giúp đỡ các dân tộc bị áp bức và các giai cấp bị bóc lột trên thế giới đứng lên đánh đổ bọn thống trị. Cuộc chiến tranh đế quốc thứ hai đang được ráo riết chuẩn bị. Khi cuộc chiến tranh đó nổ ra, thì nhất định đế quốc Pháp sẽ đẩy anh chị em chúng ta vào một cuộc chém giết đầy tội ác. Nếu chúng ta để cho chúng chuẩn bị chiến tranh, nếu chúng ta để cho chúng chống lại cách mạng Trung-quốc và nước Nga xô-viết, nếu chúng ta để cho chúng tiêu diệt cách mạng Việt-nam thì khác nào chúng ta để cho chúng dim giống nòi Việt-nam ta xuống Thái-bình-dương.

Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh : công nhân bãi công, học sinh bãi khóa, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng dậy chống bọn đế quốc.

Phong trào cách mạng Việt-nam làm cho đế quốc Pháp phải run sợ. Cho nên, một mặt chúng dùng bọn phong kiến Việt-nam, bọn đại tư sản phản cách mạng và bọn địa chủ để áp bức, bóc lột nhân dân Việt-nam. Mặt khác, chúng khám xét nhà

cửa, bắt bớ, giam cầm và giết hại những người cách mạng Việt-nam; chúng hy vọng dùng khủng bố trắng tiêu diệt cách mạng Việt-nam.

Nếu đế quốc Pháp tưởng có thể dùng khủng bố trắng hòng tiêu diệt cách mạng Việt-nam thì chúng đã lầm to! Một là, cách mạng Việt-nam không bị cô lập, trái lại nó được giai cấp vô sản thế giới nói chung và giai cấp cần lao Pháp nói riêng ủng hộ. Hai là, giữa lúc các cuộc khủng bố trắng lên đến đỉnh cao thì những người cộng sản Việt-nam trước kia chưa có tổ chức, đang thống nhất lại thành một đảng, Đảng Cộng sản Việt-nam, để lãnh đạo toàn thể anh chị em bị áp bức chúng ta làm cách mạng.

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh! Anh chị em bị áp bức, bóc lột!

Đảng Cộng sản Việt-nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng Việt-nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:

1. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến Việt-nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.
2. Làm cho nước Việt-nam được độc lập.
3. Thành lập Chính phủ công nông binh.
4. Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.
5. Quốc hữu hóa toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng Việt-nam chia cho nông dân nghèo.

6. Thực hiện ngày làm 8 giờ.
7. Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.
8. Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.
9. Thực hành giáo dục toàn dân.
10. Thực hiện nam nữ bình quyền.

*Thay mặt Quốc tế cộng sản và
Đảng Cộng sản Việt-nam*

NGUYỄN-ÁI-QUỐC

Viết năm 1930.

Bút tích bằng tiếng Anh lưu
tại Viện bảo tàng Hồ-Chí-
Minh

In bằng tiếng Việt trong tạp
chí *Học tập*, số tháng 5,
năm 1971.

Theo đúng bài in
trong tạp chí *Học tập*.

NGHỆ-TỈNH ĐỎ ¹⁾

Hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh ở cách 363 ki-lô-mét về phía bắc thành phố Huế, kinh đô nước Việt-nam (nơi tên vua « bù nhìn » thiết lập triều đình) và cách 326 ki-lô-mét về phía nam Hà-nội, thủ phủ xứ Đông-duyên thuộc đế quốc Pháp. Tỉnh Nghệ-an có 3 phủ, 6 huyện với số dân 614.000 người ở 942 làng. Tỉnh Hà-tĩnh có 2 phủ, 6 huyện với số dân 405.000 người. Trong số 500.000 người đàn ông của hai tỉnh thì 120.000 người phải đóng thuế thân 2đ20 mỗi năm một đầu người.

Hà-tĩnh không có công nghiệp. Vinh là thành phố chính của Nghệ-an. Ở Vinh có một nhà ga xe lửa lớn, một nhà máy điện nước, một nhà máy diêm, 5 nhà máy cưa, 2 xưởng sửa chữa ô-tô và một vài xưởng nhỏ, tất cả dùng 4.000 công nhân.

Ngoài số công nhân đó và một số quan lại, chủ đồn điền người buôn bán tương đương, nhân dân hai tỉnh đều là bần và trung nông (hơn 1 triệu).

Địa thế hai tỉnh nhiều rừng núi, đất đai cằn cỗi, nông giang chẳng có, ở đây thường xảy ra lụt, bão. Do đó nhân dân đói khát và nơi ăn chốn ở

1) Bài của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc gửi Bộ Phương Đông của Quốc tế cộng sản với bút danh là V. tức Victor (Vic-to).

rất khổ sở, sưu thuế nặng nề và nạn áp bức chính trị làm cho cảnh ngộ của họ càng cùng cực hơn.

Nhân dân Nghệ — Tĩnh nổi tiếng cứng đầu. Trong thời kỳ Pháp xâm lược cũng như trong các phong trào cách mạng quốc gia (1905 — 1925) Nghệ — Tĩnh đã nổi tiếng. Trong cuộc đấu tranh hiện nay, công nhân và nông dân Nghệ — Tĩnh vẫn giữ vững truyền thống cách mạng của mình.

Từ tháng 5 đến tháng 12 công nhân Nghệ-an (Vinh) đã 8 lần bãi công và biểu tình có 2.500 người tham gia. Cũng trong thời gian đó, 137 cuộc biểu tình đã nổ ra bao gồm tất cả 300.000 nông dân.

Thiệt hại: 625 nông dân bị máy bay ném bom và súng máy giết chết, 8 làng bị triệt hạ, hơn 1.000 chiến sĩ bị bắt giam, hàng trăm người bị đem đi đày.

Ở hai tỉnh, hơn 60.000 nông dân (đàn ông, đàn bà và thanh niên) đã được tổ chức vào « hội ».

Nghệ — Tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu « đỏ » !

II

Từ ngày 26 tháng 12 đến ngày 19 tháng 1 có hai cuộc lễ lớn ở gần Vinh: một cuộc lễ « đỏ » và một cuộc lễ « vàng ».

Cuộc lễ thứ nhất được tổ chức ở làng Lộc-đa cách Vinh 2 Ki-lô-mét, 4.000 công nhân thành phố Vinh và nông dân Hưng-nguyên, Nghi-lộc đã đến dự để làm lễ truy điệu những chiến sĩ bị hy sinh trong ngày 11 tháng 12 nhân dịp kỷ niệm Công xã Quảng-châu.

Một lá cờ búa liềm được chăng ra trên một chiếc bàn thờ đầy hương hoa, xung quanh cắm 100 lá cờ hiệu đỏ và một dây 200 ngọn đèn đỏ. 10 giờ đêm khi mọi người đã đến đông đủ, hai đoàn xe đạp được bố trí đi tuần tra trên các ngã đường về Vinh và Bến-thủy mà từ các ngã đó lính Pháp có thể kéo đến, còn một đoàn khác vây quanh quần chúng và hát bài Quốc tế ca. Lệnh « mặc niệm » bỗng nhiên được đưa ra. Người chủ trì buổi lễ lên đọc diếu văn. Sau đó, đại biểu công hội, nông hội và đại biểu các làng lên nói chuyện.

Một đại biểu đề nghị ngày hôm sau tất cả các chợ ở Hưng-nghuyên và Nghi-lộc đều bãi thị.

Đề nghị đó được mọi người nhiệt liệt hưởng ứng. Ngày hôm sau, đúng như lời cam kết, tất cả các chợ đều vắng tanh.

Trong lúc buổi lễ đang tiến hành, anh em công nhân cắt điện làm cho cả thành phố Vinh—Bến-thủy bị chìm ngập 10 phút trong đêm tối.

III

Bom đạn, súng máy, đốt nhà, đồn binh (28 đồn mới được dựng lên ở riêng Nghệ-an), tuyên truyền của Chính phủ, báo chí... đều bất lực không dập tắt nổi phong trào cách mạng của Nghệ—Tĩnh. Vì thế bọn đế quốc Pháp đã nghĩ ra một thủ đoạn mới: tổ chức những cuộc biểu tình phản cách mạng và bắt buộc nhân dân thành phố tham gia.

Ngày 19 tháng 1, nhân dân 24 khu phố bị lôi ra đường, từng tốp một bước theo nhịp trống, mang theo 6 lá cờ vàng có cờ 3 sắc¹⁾ dè lên góc. Cờ vàng là quốc kỳ của Vương quốc An-nam. Những

1) Cờ 3 sắc, xanh, trắng, đỏ là quốc kỳ của nước Pháp.

đoàn người « quy thuận » (bọn Pháp đặt cho họ cái tên này, mặc dầu những người An-nam đáng thương đó chưa khi nào chiến đấu) bị dẫn đến hoàng cung (nơi bọn quan lại thường đến đó bái vọng nhà vua, mặc dầu ông ta không bao giờ đến đó). Họ được viên tổng đốc bận lễ phục đón tiếp. « Quan lớn » nói với họ như thế này : « Bây giờ nhân dân thành phố đã xin tạ lỗi quy thuận Chính phủ Nam triều và Chính phủ Pháp thì phải lo giữ gìn trật tự, an ninh trong thành phố. Các người đừng nghe những lời tuyên truyền bậy bạ và đừng phạm những điều đáng chê trách (tên tổng đốc muốn nói đến cách mạng đấy, nhưng nó không dám dùng những tính từ quá chua cay, mỗi khi nói đến cách mạng trước nhân dân). Tên tổng đốc bảo mọi người lạy 3 lạy trước ảnh vua để tỏ lòng trung với vua. Rồi nó dẫn nhân dân đến trước tòa sứ và cũng buộc phải lạy 3 lần để tỏ lòng trung thành với đế quốc Pháp.

Bọn đế quốc và phong kiến Nam triều xem cuộc biểu tình tỏ lòng trung thành đó là một thành công lớn của chúng và hôm sau tin này được đăng đầy trên báo chí.

Chúng định tiếp tục tổ chức những cuộc biểu tình như vậy ở Nghệ — Tĩnh. Nhưng ở các thôn xã có nông dân cách mạng thì khó mà tổ chức được như ở thành phố nơi mà chúng chỉ tập hợp được một số người ngốc nghếch mà thôi.

Ngày 19 tháng 2 năm 1931

Ký tên : V.

Viết bằng tiếng Pháp.
Tài liệu của Viện bảo tàng
Hồ-Chí-Minh.

Theo đúng tài liệu
của Viện bảo tàng
Hồ-Chí-Minh.

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG-DƯƠNG

Đây là tôi phê bình về cuộc hội nghị xứ ủy Trung và Bắc.

A. CÁCH KHAI HỘI. — Trước khi khai hội, từ đảng viên cho đến các đồng chí phụ trách chưa nghiên cứu kỹ vấn đề. Đến khi khai hội mới đem ra bàn thì chắc thảo luận không kỹ. Thì giờ khai hội dài quá (Trung 18 buổi, Bắc 13 ngày !) mà lại trật tự không sắp sẵn vậy nên tốn thì giờ nhiều mà các vấn đề thì bàn không hết. Xứ hội Bắc thì những chỗ rất quan trọng như Hải-phòng mà không có đại biểu.

B. CÁCH THẢO LUẬN. — Bắc không thảo luận một cách thiết thực mà thảo luận một cách tầm chương trích cú. Thí dụ: Như chất vấn Trung ương sao khi thì nói « đề » dự bị võ trang, khi thì nói « và » dự bị võ trang v.v.. Vì đảng viên chưa thảo luận cho nên những ý kiến trong hội nghị không thể đại biểu được ý kiến của quần chúng trong Đảng. Vả lại trong khi khai hội, nhiều đồng chí mệt mỏi phải vắng mặt để đối phó việc khác, ít phát biểu ý kiến. Thành thử ý kiến trong cuộc hội nghị lại là ý kiến của số ít trong số ít.

C. VẤN ĐỀ CÔNG TÁC. — Trong hai hội nghị các lời đề nghị đều có ý mệnh mông, không thấy đề nghị kế hoạch. Tất cả đảng viên, tất cả chi bộ thảo luận và thực hành đề nghị của Trung ương, không thấy đề nghị kế hoạch thiết thực cho mỗi địa phương.

D. VẤN ĐỀ TÊN ĐẢNG. — Trung đề nghị chờ bao giờ Cao-miên và Lào có Đảng rồi sẽ nhập các Đảng lại và đổi tên. Thế là các đồng chí Trung không hiểu chỉ thị Quốc tế nói rằng Đảng phải gồm cả vô sản ở Đông-dương và không hiểu nhiệm vụ Đảng là phải làm cho Lào và Cao-miên có Đảng bộ. (Trung ương đã in và phát hành chỉ thị Quốc tế cho đảng viên chưa ? Sao thấy trong nghị quyết Bắc có hỏi: « Trung ương bảo thảo luận « chỉ thị » là chỉ thị nào ? »)

E. LỰC LƯỢNG CỦA ĐẢNG. — Muốn hiểu rõ sức mạnh và chỗ yếu của Đảng ở Trung và Bắc thì chúng ta nên xem bảng này⁽¹⁾.

Nhìn vào bảng trên thì thấy:

Ở Trung:

a) Tổ chức Đảng có trong 13 huyện và tỉnh, nhưng chỉ có 3 huyện là có tổ chức Thanh niên. Trong một huyện thanh niên chỉ bằng một phần ba của Đảng, trong một huyện khác, thì bằng một phần tư.

b) Phụ nữ chỉ được tổ chức trong 5 huyện; số lượng phụ nữ trong một huyện chỉ bằng một nửa đảng viên, trong một huyện khác thì chỉ bằng một phần 9.

1) Đây là một phần bức thư chụp ảnh để lại, tiếp phần sau là dịch ở bản chữ Pháp. (xem trang sau).

	Đảng viên	Chi bộ	thanh niên	Công hội	Nông hội	Phụ nữ
— Nam-đàn	170	21	641	—	10.040	452
— Thanh-chương	273	27	78	—	10.077	232
— Anh-son	123	18	35	—	4.350	62
— Yên-dũng	11	15	—	—	3.022	—
— Diên-châu	54	2	—	—	345	—
— Quỳnh-lưu	33	4	—	—	278	—
— Vinh	185	8	—	312	—	—
— Hưng-nguyên	55	9	—	—	2.032	70
— Nghi-lộc	58	15	—	—	1.574	—
— Hà-tĩnh	370	—	122	—	2.000	48
— Quảng-trị	42	—	—	—	—	—
— Quảng-ngãi	69	—	—	—	1.200	—
— Bình-định	40	—	—	—	100	—
— Hải-phòng	37	9	8	101	—	—
— Hòn-gay	8	—	—	10	—	—
— Nam-định	115	—	31	293	100	—
— Phủ-lý	82	—	13	—	300	—
— Thái-bình	40	8	14	—	270	—
— Hải-dương	9	—	1	—	31	—
— Hà-đông	12	—	—	—	51	—
— Bắc-ninh	6	—	—	—	—	—
— Hà-nội	36	—	—	—	—	—

c) Trong 13 tỉnh và huyện trên, năm nơi có Nông hội rất yếu. Ở một nơi số lượng nông dân được tổ chức gấp hai lần ruỡi số lượng đảng viên.

d) Ở Trung, Công hội chỉ có ở một nơi trên, nhưng công nhân nông nghiệp các nơi thì chưa chỗ nào được tổ chức.

e) Ở Trung có 16 tỉnh, mới có tổ chức ở năm tỉnh thôi.

g) Báo cáo Trung không nói rõ số lượng đảng viên phụ nữ và số lượng phụ nữ vào Nông hội.

Tổ chức ở Bắc thì yếu quá. Trong một xứ công nghiệp như Bắc, mà chỉ có hai tỉnh là có Công hội, bốn nơi có Thanh niên năm nơi có Nông hội, nhưng xem ra tất cả chưa bằng tổ chức của một huyện thuộc hạng bốn ở Trung. Ở một trung tâm chính trị và kinh tế quan trọng như Hà-nội, trừ vài đồng chí lãnh đạo ra thì không có một chiến sĩ nào khác.

Cả hai xứ đều không có tổ chức « Mặt trận phản đế », « Cứu tế đỏ » và « Cứu tế thất nghiệp » (Trung đã có một chút Cứu tế đỏ).

Tôi đề nghị :

A. Đảng phải :

1. Sửa chữa những sai lầm trên.
2. Lập chương trình hành động cụ thể trong từng huyện và từng tỉnh.
3. Phân phối đảng viên (như nhà binh phân phối binh sĩ).

Các đồng chí phụ trách một vùng hay một công tác nào đó phải lập chương trình hành động cho mỗi đồng chí trong mỗi một tổ chức.

4. Các ban chấp ủy phải quản lý và kiểm soát rất tỉ mỉ việc thi hành các chương trình hành động đó.

5. Trước tiên phải thống nhất tổ chức Thanh niên và Công hội và những tổ chức đó phải có sinh hoạt độc lập của mình.

B. Tất cả mọi đảng viên và tất cả các chi bộ phải thảo luận chỉ thị của Quốc tế thứ ba và Nghị quyết của Trung ương, rồi phải ra Nghị quyết về những nghị quyết nói trên. Những nghị quyết ấy phải đệ trình lên Trung ương, Trung ương sẽ chuyển lên Quốc tế thứ ba. Có làm như thế thì mới có thể nâng cao được trình độ đảng viên, tất cả chỉ thị và nghị quyết mới được thi hành, tư tưởng và hành động của đảng viên mới được thống nhất; và Quốc tế thứ ba mới nắm được trình độ cách mạng của đảng viên và sự liên lạc từ chi bộ tới Trung ương và tới Quốc tế thứ ba mới thực hiện được chặt chẽ (đó là ý nguyện của Quốc tế thứ ba).

Ngày 20 tháng 4 năm 1931
NGUYỄN-ÁI-QUỐC

Viết bằng tiếng Pháp.
In lần đầu tiên bằng tiếng
Việt trong sách Hồ-Chí-
Minh, *Tuyển tập*, Nhà xuất
bản Sự thật, Hà-nội, 1960,
tr. 193-195.

Theo đúng bài in
trong sách Hồ-Chí-
Minh, *Tuyển tập*.

Ý KIẾN VỀ ĐƯỜNG LỐI CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ MẶT TRẬN DÂN CHỦ³⁹ (1936-1939)

1. Lúc này, Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao (độc lập dân tộc, nghị viện, v.v.). Như thế sẽ rơi vào cạm bẫy của phát-xít Nhật.

Chỉ nên đòi các quyền dân chủ, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do báo chí và tự do ngôn luận, đòi ân xá toàn thể chính trị phạm, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp.

2. Muốn đạt được mục đích trên phải ra sức tổ chức Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi.

Mặt trận ấy không những chỉ có người Đông-dương mà bao gồm cả những người Pháp tiến bộ ở Đông -dương, không những chỉ có nhân dân lao động mà gồm cả giai cấp tư sản dân tộc.

3. Đối với tư sản dân tộc, Đảng phải có thái độ khéo léo, mềm dẻo. Phải hết sức lôi kéo họ và giữ họ ở trong Mặt trận, thúc đẩy họ hành động nếu có thể, có lập họ về chính trị nếu cần. Tránh kết sức để họ ở ngoài Mặt trận, vì như thế là đẩy họ rơi vào tay bọn phản động, là tăng thêm lực lượng cho chúng.

4. Đối với bọn tờ-rốt-kit,⁴⁰ không thể có thỏa hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lật mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát-xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị.

5. Đề phát triển và củng cố lực lượng, mở rộng ảnh hưởng và hành động có hiệu quả. Mặt trận dân chủ Đông-dương phải có liên hệ chặt chẽ với Mặt trận bình dân Pháp,⁴¹ vì Mặt trận này cũng đấu tranh cho các quyền tự do, dân chủ và có thể giúp rất nhiều cho ta.

6. Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo.

7. Muốn làm được nhiệm vụ trên, Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng chống tư tưởng bẻ phái, và phải tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác—Lê-nin để nâng cao trình độ văn hóa và chính trị cho các đảng viên. Phải giúp đỡ cán bộ không đảng phái nâng cao trình độ. Phải duy trì quan hệ chặt chẽ với Đảng Cộng sản Pháp.

8. Ban chấp hành trung ương phải kiểm soát các báo chí của Đảng để tránh những khuyết điểm về kỹ thuật và chính trị (ví dụ: đảng tiểu sử đồng chí R., báo « Lao động » viết đồng chí đó ở đâu, đồng chí đó trở về như thế nào, v.v.. Báo đó lại đăng và không bình luận gì về bức thư của đồng chí này cho rằng chủ nghĩa Tờ-rốt-xki là sản phẩm của tính khoe khoang cá nhân v.v...).

Viết năm 1939.

In trong sách *Văn kiện Đảng*, (từ 10-8-1935 đến 1939), Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà-nội, 1964, tr. 434-435.

Theo đúng bài in trong sách *Văn kiện Đảng*.

KÍNH CÁO ĐỒNG BÀO¹²

Hỡi các bậc phụ huynh !

Hỡi các hiền nhân, chí sĩ !

Hỡi các bạn, sĩ, nông, công, thương, binh !

Pháp đã mất nước cho Đức. Thế lực của chúng ở ta đã điêu tàn, song đối với chúng ta, chúng tăng sưu tăng thuế để vơ vét tài sản ; chúng khủng bố trắng để giết hại nhân dân. Đối với ngoài, chúng im hơi lặng tiếng, cất đất cho Xiêm, chúng quỳ gối chấp tay đầu hàng Nhật-bản. Dân ta một cổ đôi lòng : đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật.

Trước tình cảnh đau đớn, xót xa ấy, ta có chịu khoan tay chờ chết không ?

Không, quyết không ! Hơn 20 triệu con Lạc cháu Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô mãi !

Bảy tám mươi năm nay dưới quyền thống trị của giặc Pháp, chúng ta luôn luôn tranh đấu giành quyền độc lập tự do. Tám gương oanh liệt của các bậc lão tiền bối như Phan-Đình-Phùng, Hoàng-Hoa-Thám, Lương-Ngọc-Quyến còn treo đó. Tinh thần anh dũng của các liệt sĩ ở Thái-nguyên, Yên-bái, Nghệ-an hãy còn đây.

Những cuộc khởi nghĩa Nam-kỳ, Bắc-sơn, Đô-lương vừa rồi đã tỏ rằng : Đồng bào ta quyết nổi gót người xưa, phấn đấu hy sinh đặng phá tan xiềng xích.

Việc lớn chưa thành, không phải vì đế quốc mạnh, nhưng một là vì cơ hội chưa chín, hai là vì dân ta chưa hiệp lực đồng tâm.

Nay cơ hội giải phóng đã đến rồi, đế quốc Pháp bên Âu đã không thể tự cứu, càng không thể cứu bọn thống trị Pháp ở ta.

Đế quốc Nhật đã bị sa lầy ở Trung-hoa, lại đương gay go với Anh — Mỹ. Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều :

Toàn dân đoàn kết.

Hỡi đồng bào ! Hãy noi gương vĩ đại của nhân dân Trung-quốc, tổ chức những hội cứu quốc chống Pháp, chống Nhật.

Hỡi các bậc phụ huynh ! Hỡi các bậc hiền nhân, chí sĩ ! Mong các ngài sẽ noi gương phụ lão đời nhà Trần trước họa giặc Nguyên xâm lấn, đã nhiệt liệt hô hào con em tham gia sự nghiệp cứu quốc.

Hỡi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi ! Hỡi các bạn công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương !

Trong lúc *quyền lợi dân tộc giải phóng* cao hơn *hết thấy*, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng.

Hỡi đồng bào yêu quý ! Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt-nam đều phải kẻ vai gánh vác một phần trách nhiệm : người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu

giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề.

Hỡi các chiến sĩ cách mệnh ! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phất cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đương vang dội bên tai các đồng chí ! Máu nóng của các bậc anh hùng đương sục sôi trong lòng các đồng chí ! Chí phấn đấu của quốc dân đương chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí !

Chúng ta hãy tiến lên ! Toàn thể đồng bào tiến lên !

Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật !

Việt-nam cách mệnh thành công muôn năm !

Thế giới cách mệnh thành công muôn năm !

NGUYỄN-ÁI-QUỐC

Ngày 6 tháng 6 năm 1941

In trong tạp chí *Học tập*, số
tháng 9 năm 1971.

Theo đúng bài in
trong tạp chí *Học tập*.

LỊCH SỬ NƯỚC TA⁴³

Việt-minh tuyên truyền bộ
xuất bản, tháng 2 năm 1942.

Theo đúng bản in
của Việt-minh tuyên
truyền bộ.

LỊCH SỬ NƯỚC TA

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt-nam.

Kể năm hơn bốn ngàn năm,
Tổ tiên rực rỡ, anh em thuận hòa.

Hồng-Bàng là tổ nước ta,
Nước ta lúc ấy gọi là *Văn-lang*.

Thiếu niên ta rất vẻ vang,
Trẻ con *Phù-Đổng* tiếng vang muôn đời.

Tuổi tuy chưa đến chín mươi,
Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.

An-Dương-Vương thế *Hùng Vương*,
Quốc danh *Âu-Lạc* cầm quyền trị dân.

Nước *Tàu* cậy thế đông người,
Kéo quân áp bức giống nòi Việt-nam.

Quân *Tàu* nhiều kẻ tham lam,
Dân ta há dễ chịu làm tôi người ?

Hai Bà Trưng có đại tài,
Phất cờ khởi nghĩa giết người tà gian,

Ra tay khôi phục giang san,
Tiếng thơm dài tạc đá vàng nước ta.

Tĩnh *Thanh-hóa* có một bà,
Tên là *Triệu-Âu* tuổi vừa đôi mươi,

Tài năng dũng cảm hơn người,
Khởi binh cứu nước muôn đời lưu phương.

Phụ nữ ta chẳng tầm thường,
Đánh Đông, dẹp Bắc làm gương để đời,
Kể gần sáu trăm năm giờ,
Ta không đoàn kết bị người tính thôn^{1*}
Anh hùng thay ông *Lý-Bôn*,
Tài kiêm văn võ, sức hơn muôn người,
Đánh Tàu đuổi sạch ra ngoài.
Lập nên triều *Lý* sáu mươi năm liền.
Vì *Lý-Phật-Tử* ngu hèn,
Đề cho Tàu lại xâm quyền nước ta.
Thương dân cực khổ xót xa,
Ông *Mai-Hắc-Đế* đứng ra đánh Tàu,
Vì dân đoàn kết chưa sâu,
Cho nên thất bại trước sau mấy lần.
Ngô-Quyền quê ở Đường-lâm,
Cứu dân ra khỏi cát lăm ngàn năm.
Đến hồi Thập nhị sứ quân,^{2*}
Bốn phương loạn lạc, muôn dân cơ hàn.
Động Hoa-lư có *Tiên-Hoàng*,
Nổi lên gây dựng triều đình họ Đinh.
Ra tài kiến thiết kinh dinh,
Đến vua *Phế-Đế* chỉ kinh hai đời.
Lê-Đại-Hành nổi lên ngôi.
Đánh tan quân Tống, đuổi lui *Xiêm-thành*.
Vì con bạo ngược hoành hành
Ba đời thì đã tan tành nghiệp vương.
Công-Uân là kẻ phi thường,
Dựng lên nhà *Lý* cầm quyền nước ta.

1*. Tính thôn là nuốt sống.

2*. 12 tướng nổi lên giữ 12 vùng.

Mở mang văn hóa nước nhà,
Đắp đê để giữ ruộng nhà cho dân.
Lý-Thường-Kiệt là hiền thần,
Đuổi quân nhà Tống, phá quân Xiêm-thành.
Tuổi già phỉ chí công danh,
Mà lòng yêu nước trung thành không phai.
Họ Lý truyền được chín đời,
Hai trăm mười sáu năm giờ thì tan.
Nhà Trần thống trị giang san,
Trị yên trong nước, đánh tan địch ngoài,
Quân Nguyên binh giỏi tướng tài;
Đánh đâu được đấy, đông dài Á, Âu,
Tung hoành chiếm nửa Âu châu,
Chiếm Cao-ly, lấy nước Tàu bao la,
Lăm le muốn chiếm nước ta.
Năm mươi vạn lính vượt qua biên thùý.
Hải quân theo bề kéo đi.
Hai đường vây kín Bắc-kỳ như nen¹⁾
Dân ta nào có chịu hèn,
Đồng tâm, hợp lực mấy phen đuổi Tàu.
Ông Trần-Hưng-Đạo cầm đầu,
Dùng mưu du kích đánh Tàu tan hoang,
Mênh mông một dải Bạch-đăng,
Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh,
Hai lần đại phá Nguyên binh,
Làm cho Tàu phải thất kinh rụng rời.
Quang-Toản²⁾ là trẻ có tài,
Mới mười sáu tuổi ra oai trận tiền,

1) *Nen* : Trong bản in lần thứ 2 sửa thành *nêm*.

2) *Quang-Toản* : Trong bản in lần thứ 2 sửa thành Quốc-Toản cho đúng.

Mấy lần đánh thắng quân Nguyên,
Được phong làm tướng cầm quyền binh nhung.
Thật là một đấng anh hùng,
Trẻ con Nam-Việt nên cùng noi theo.
Đời Lê¹⁾ văn giỏi võ nhiều,
Ngoài dân thịnh vượng trong triều hiền minh.
Mười hai đời được hiển vinh,
Đến Trần-Phế-Đế nước mình suy vi.
Cha con nhà *Hồ-Quý-Ly*,
Giết vua tiếm vị một kỳ bảy niên.
Tình hình trong nước không yên,
Tàu qua xâm chiếm giữ quyền mấy lâu,
Bao nhiêu cửa cải trần châu,
Chúng vợ vét trở về Tàu sạch trơn.
Lê-Lợi khởi nghĩa Lam-sơn,
Mặc dầu tướng ít binh đơn không nản.
Mấy phen sông Nhị núi Lam,
Thanh gươm an ngựa²⁾ Bắc, Nam ngang tàng.
Kia Túy-động nọ Chi-lăng,
Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.
Mười năm sự nghiệp hoàn thành,
Nước ta thoát khỏi cái vành nguy nan.
Vi dân hăng hái kết đoàn,
Nên khôi phục chóng giang san Lạc-Hồng.

1) *Đời Lê* : Trong bản in lần thứ 2 sửa thành *Đời Trần* cho đúng.

2) *An ngựa* : Trong bản in lần thứ 2 sửa thành *yên ngựa*.

Vua hiền có *Lê-Thánh-Tôn*,
Mở mang bờ cõi đã khôn lại lành.

Trăm năm truyền đến *Cung-Hoàng*,
Mạc-Đãng-Dung đã hoành hành chiếm ngôi.

Bấy giờ trong nước lồi thối,
Lê nam, Mạc bắc rạch đôi san hà.

Bảy mươi năm vạn can qua,^{1*}
Cuối đời mười sáu^{2*} Mạc đà suy vi.

Từ đời mười sáu^{2*} trở đi,
Vua Lê, Chúa Trịnh chia vì khá lâu.^{3*}

Nguyễn nam, Trịnh bắc đánh nhau,
Thấy dân cực khổ mà đau đón lòng.

Dân gian có kẻ anh hùng,
Anh em *Nguyễn-Nhạc* nổi vùng *Tây-son*,

Đóng đô ở đất *Qui-nhơn*,
Đánh tan Trịnh, Nguyễn, cứu dân « *đảo huyền* »^{4*}

Nhà Lê cũng bị mất quyền,
Ba trăm sáu chục năm truyền vị *Vương*,

Nguyễn-Huệ là kẻ phi thường,
Mấy lần đánh đuổi giặc *Xiêm*, giặc *Tàu*,

Ông đà trí cả mưu cao,
Dân ta lại biết cùng nhau một lòng.

Cho nên *Tàu* dẫu làm hung,
Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà.

Tướng *Tây-son* có một bà,
Bùi là nguyên họ, tên là *Thị-Xuân*.

1* Can qua là chiến tranh.

2* Thế kỷ thứ 16.

3* 216 năm.

4* Trao ngược.

Tay bà thống đốc ba quân,
Đánh hơn mấy trận, địch nhân liệt là.

Gia-Long lại dấy can qua,
Bị Tây-son đuổi, chạy ra nước ngoài.

Tự mình đã chẳng có tài,
Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.

Nay ta mất nước thế này,
Cũng vì vua Nguyễn rước Tây vào nhà,

Khác gì công rắn cắn gà,
Rước voi giẫy mả thiệt là ngu si.

Từ năm Tân Hợi trở đi,
Tây đà gây chuyện thị phi^{1*} với mình.

Vậy mà vua chúa triều đình,
Khư khư cứ tưởng là mình khôn ngoan.

Nay ta nước mất nhà tan,
Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn.

Năm Tự-Đức thập nhất niên¹⁾.
Nam-kỳ đã lọt dưới quyền giặc Tây.

Hăm lăm năm sau trận này,
Trung-kỳ cũng mất, Bắc-kỳ cũng tan;

Ngàn năm gấm vóc giang san,
Bị vua họ Nguyễn đem hàng cho Tây!

Tội kia càng đắp càng đầy,
Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng.

1* Thị phi là lời thối.

1) *Tự-Đức thập nhất niên* là năm 1858. Đó là năm thực dân Pháp nổ súng tiến công Đà-nẵng, bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Trong phần *Những năm quan trọng* có ghi: « Năm 1847... Tây bắt đầu đánh ta ». Ở đây có thể tác giả nói đến sự kiện 2 chiến hạm Pháp vào vùng biển Đà-nẵng đã ngang nhiên bắn đắm mấy chiến thuyền Việt-nam.

Nước ta nhiều kẻ tôi trung,
Tấm lòng tiết nghĩa rạng cùng tuyết sương.

Hoàng-Diệu với *Nguyễn-Tri-Phương*,
Cùng thành còn mất làm gương để đời.

Nước ta bị Pháp cướp rồi,
Ngọn cờ khởi nghĩa nhiều nơi lấy lòng;

Trung-kỳ đảng *Phan-Đình-Phùng*
Ra tay đánh Pháp, vẫy vùng một phương.

Mấy năm ra sức *Cần Vương*,^{1*}
Bọn ông *Tán-Thuật* nổi đường *Hung-yên*,

Giang san độc lập một miền,
Ông *Hoàng-Hoa-Thám* đất *Yên* tung hoành.

Anh em khổ đỏ, khổ xanh,
Mưu khởi tại *Hà* thành năm xưa,

Tĩnh Thái-nguyên với *Sầm-nưa*,
Kế nhau khởi nghĩa rủ chưa được toàn.

Kia *Yên-bái*, nọ *Nghệ-an*,
Hai lần khởi nghĩa tiếng vang hoàn cầu.

Nam-kỳ im lặng đã lâu,
Năm kia khởi nghĩa đối đầu với Tây.

Bắc-sơn đó, *Đô-lương* đây,
Kéo cờ khởi nghĩa, đánh Tây bạo tàn.

Xét trong lịch sử Việt-nam,
Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.

Nhiều phen đánh *Bắc* dẹp *Đông*,
Oanh oanh liệt liệt con *Rồng* cháu *Tiên*.

1* Giúp vua *Hàm-Nghi* đánh Tây.

Ngày nay đến nỗi nghèo hèn,
Vi ta chỉ biết lo yên một mình.

Đề người đề nén, xem khinh.
Đề người bóc lột ra tình tôi người !

Bây giờ Pháp mất nước rồi,
Không đủ sức, không đủ người trị ta.

Giặc Nhật-bản thì mới qua,
Cái nền thống trị chưa ra mỗi mảnh.

Lại cùng Tàu, Mỹ, Hà, Anh,
Khắp nơi có cuộc chiến tranh rầy rà.

Ấy là nhíp tốt cho ta,
Nổi lên khôi phục nước nhà tổ tông.

Người chúng ít người mình đông,
Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên !

Hỡi ai con cháu Rồng Tiên !
Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.

Bất kỳ nam nữ, nghèo giàu,
Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.

Người giúp sức, kẻ giúp tiền,
Cùng nhau giành lấy chủ quyền của ta.

Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh,

Chúng ta có hội *Việt-minh*.
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.

Mai sau sự nghiệp hoàn thành,
Rõ tên Nam-Việt, rạng danh Lạc-Hồng.

Dân ta xin nhớ chữ đồng :
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng mình !

NHỮNG NĂM QUAN TRỌNG

Năm	Trước Tây lịch
2879	Hồng-Bàng
111	Tàu lấy nước ta lần đầu
	Sau Tây lịch
40	Hai Bà Trưng đánh Tàu
248	Bà Triệu-Ấu khởi nghĩa
544	Vua Lý đánh Tàu
603	Tàu lấy nước ta.
939	Vua Ngô khởi nghĩa
968	Đời vua Đinh (12 năm)
981	Đời vua Tiền Lê (29 năm)
1010	Đời vua Hậu Lý (215 năm)
1073	Lý-Thường-Kiệt đánh Tàu
1225	Đời vua Trần (175 năm)
1283	Trần-Hung-Đạo đánh Tàu
1407	Tàu lấy nước ta
1427	Vua Lê khởi nghĩa.
1543	Đời vua Hậu Lê (360 năm)
1545	Vua Lê, Chúa Trịnh
1771	Đời vua Tây-sơn (24 năm)
1789	Vua Nguyễn-Huệ đánh Tàu
1794	Gia-Long thông với Tây
1847	Tây bắt đầu đánh nước ta ¹⁾
1862	Vua Nhà Nguyễn bắt đầu hàng Tây
1889	Ông Đề Thám khởi nghĩa ²⁾
1893	Ông Phan-Đình-Phùng khởi nghĩa ³⁾

- | | |
|------|--|
| 1916 | Trung-kỳ khởi nghĩa |
| 1917 | Thái-nguyên, Sầm-nưa khởi nghĩa |
| 1930 | Yên-bái và Nghệ-an khởi nghĩa |
| 1940 | Bắc-son và Đô-lương khởi nghĩa ⁴⁾ |
| 1941 | Nam-kỳ khởi nghĩa ⁵⁾ |
| 1945 | Việt-nam độc lập. |

1) Xem chú thích 1) tr 332

2) Hoàng-Hoa-Thám lãnh đạo phong trào nông dân chống thực dân Pháp ở vùng Yên-thế (Hà-Bắc) từ năm 1884 đến năm 1913.

3) Phan-Đình-Phùng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp ở vùng Hương-son, Hương-kê (Nghệ - Tĩnh) từ năm 1885 đến 1895.

4) Khởi nghĩa Đô-lương, nổ ra vào năm 1941 là một cuộc binh biến do Đội Cung lãnh đạo.

5) Khởi nghĩa Nam-kỳ, nổ ra vào năm 1940 trong 8 tỉnh ở Nam-kỳ do Đảng bộ Nam-kỳ lãnh đạo.

NHẬT KÝ TRONG TÙ

TRÍCH

Viết bằng chữ Hán năm
1942-1943.

Viện Văn học dịch và Nhà
xuất bản Phổ thông xuất
bản năm 1960.

Theo đúng bản dịch
của Viện Văn học.

NGỤC TRUNG NHẬT KÝ

Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại ;
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần cánh yếu đại.

NHẬT KÝ TRONG TÙ

Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao ;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

HỌC ĐÁNH CỜ¹⁴

I

Nhàn rồi đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài ;
Tấn công, thoái thủ nhanh như chớp,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.

II

Phải nhìn cho rộng suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công ;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.

III

Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành ;
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh

KHÔNG NGỦ ĐƯỢC

Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc, bấn khoản giấc chẳng thành.
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông.
Sống ở trên đời người cũng vậy:
Gian nan rèn luyện mới thành công.

BỐN THÁNG RỒI

« Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài »
Lời nói người xưa đâu có sai.
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiều tụy còn hơn mười năm trời.

Bởi vì :

Bốn tháng cơm không no.
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.

Cho nên :

Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.

May mà :

Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

CẢM TƯƠNG ĐỘC « THIÊN GIA THI »⁴⁵

Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp :
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông ;
Nay ở trong thơ nên có thép :
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO TOÀN QUỐC

Toàn quốc đồng bào !

Toàn thể đồng chí !

Tháng 8 năm 1942 tôi vâng lệnh Đoàn thể đi cầu ngoại viện. Chẳng may gặp sự hiểu lầm ở ngoài, làm cho đồng bào, đồng chí lo phiền cho tôi hơn một năm giờ. Vậy, một mặt thì tôi phải thừa nhận vì tôi hành động không đủ khôn khéo để đồng bào, đồng chí phải phiền lòng, một mặt thì tôi rất cảm ơn lòng thân ái của đồng bào, đồng chí đối với tôi.

Trong sự rủi lại có sự may. Nhân dịp ở ngoài mà tôi hiểu rõ tình hình thế giới và chính sách của các hữu bang, trước hết là Trung-quốc.

Nay tôi mang về cho đồng bào, đồng chí một món quà cực kỳ quý báu, tức là lòng đồng tình sốt sắng của 450 triệu đồng bào Trung-quốc đối với 25 triệu đồng bào Việt-nam về cái tin Trung-quốc sẽ tích cực giúp đỡ cuộc dân tộc giải phóng của chúng ta.

Song muốn tiếp thu lòng đồng tình và sự giúp đỡ đó, chúng ta trước phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc *Toàn quốc đại biểu Đại hội* gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc

trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang.

Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!

Tôi mong rằng các đảng phái và các đoàn thể đều ra sức chuẩn bị, cùng nhau thảo luận, đề khai cuộc *Toàn quốc đại biểu Đại hội* trong năm nay. Như vậy thì ngoại viện nhất định cầu được, cứu quốc nhất định thành công.

Lời chào thân ái
Tháng 10 năm 1944
HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Văn kiện Đảng*,
(từ 25-1-1939 đến 2-9-1945),
Nhà xuất bản Sự thật,
Hà-nội, 1963, tr. 446-447.

Theo đúng bài in trong
sách *Văn kiện Đảng*.

CHỈ THỊ THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT-NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN⁴⁶

1. Tên ĐỘI VIỆT-NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao-Bắc-Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương, cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ diu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

2. Đối với các đội vũ trang địa phương: đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

3. Về chiến thuật: vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay Đông mai Tây, lai vô ảnh, khứ vô tung.

Đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chúng có những đội đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt-nam.

Tháng 12 năm 1944

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Văn kiện Đảng*,
(từ 25-1-1939 đến 2-9-1945),
Nhà xuất bản Sự thật,
Hà-nội, 1963, tr. 459-460.

Theo đúng bài in trong
sách *Văn kiện Đảng*.

THƯ KÊU GỌI TỒNG KHỞI NGHĨA

Hỡi đồng bào yêu quý !

Bốn năm trước đây, tôi có thư kêu gọi đồng bào ta đoàn kết. Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới giành được ĐỘC LẬP, TỰ DO.

Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước, Việt-nam độc lập đồng minh (Việt-minh)⁴⁷ có hàng chục triệu hội viên, gồm đủ các tầng lớp sĩ, nông, công, thương, binh, gồm đủ các dân tộc Việt, Thổ, Nùng, Mường, Mán. Trong Việt-minh, đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, không phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giàu, nghèo !

Vừa đây Việt-minh lại triệu tập « Việt-nam quốc dân đại biểu Đại hội »⁴⁸ cử ra ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG VIỆT-NAM để lãnh đạo toàn quốc nhân dân kiên quyết đấu tranh kỳ cho nước được độc lập.

Đó là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Đó là một điều khiến cho đồng bào ta phấn khởi và riêng tôi hết sức vui mừng.

Nhưng chúng ta chưa thể cho thế là đủ. Cuộc tranh đấu của chúng ta đương còn gay go, dằng dai. Không phải Nhật bại mà bỗng nhiên ta được

giải phóng, tự do. Chúng ta vẫn phải ra sức phấn đấu. Chỉ có đoàn kết, phấn đấu, nước ta mới được độc lập.

Việt-minh là cơ sở cho sự đoàn kết, phấn đấu của dân tộc ta trong lúc này. Hãy gia nhập Việt-minh, ủng hộ Việt-minh, làm cho Việt-minh rộng lớn mạnh mẽ.

Ủy ban dân tộc giải phóng Việt-nam cũng như Chính phủ lâm thời của ta lúc này. Hãy đoàn kết chung quanh nó, làm cho chính sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước.

Như vậy thì Tổ quốc ta nhất định mau được độc lập, dân tộc ta nhất định mau được tự do.

Hỡi đồng bào yêu quý!

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt-minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!

Tháng 8 năm 1945

NGUYỄN-ÁI-QUỐC

In trong sách *Văn kiện Đảng*,
(từ 25-1-1939 đến 2-9-1945),
Nhà xuất bản Sự thật,
Hà-nội, 1963, tr 532-533.

Theo đúng bài in trong
sách *Văn kiện Đảng*.

PHẦN THỨ HAI

1945 — 1954

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP ⁴⁹

Hỡi đồng bào cả nước,

« Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc ».

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ⁵⁰. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791⁵¹ cũng nói:

« Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi ».

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát-xít Nhật đến xâm lăng Đông-dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh⁵². thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng-trị đến Bắc-kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.



Hồ Chủ tịch đứng trên lễ đài đọc Tuyên
ngôn độc lập, ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy, hoặc đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không « bảo hộ » được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt-minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt-minh hơn nữa.

Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên-bái và Cao-bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt-minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thù, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản của họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt-nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo-Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt-nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, lâm thời Chính phủ của nước Việt-nam mới, đại biểu cho toàn dân

Việt-nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt-nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt-nam.

Toàn dân Việt-nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Tê-hê-răng⁵³ và Cựu-kim-son⁵⁴ quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt-nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng :

Nước Việt-nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt-nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Đọc ngày 2 tháng 9 năm 1945.
In trong tạp chí *Học tập*, số
tháng 8 năm 1973.

Theo đúng bài in trong
tạp chí *Học tập*.

NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA⁵⁵

Thưa các cụ và các chú,

Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công.

Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi, có sáu vấn đề.

Một là, nhân dân đang đói. — Ngoài những kho chứa thóc mà Pháp, Nhật vơ vét của nhân dân, bọn Nhật, Pháp còn bắt đồng bào chúng ta giảm bớt diện tích cấy lúa để trồng thầu dầu, đay và những thứ cây khác cần thiết cho cuộc chiến tranh của chúng. Hơn nữa, chúng ta còn tìm thấy hai kế hoạch của bọn cầm quyền Pháp với mục đích gây nạn đói, để ngăn trở phong trào yêu nước và bắt buộc đồng bào chúng ta phải làm việc như nô lệ.

Hơn hai triệu đồng bào chúng ta đã chết đói vì chính sách độc ác này. Vừa rồi nạn lụt đã phá hoại tám tỉnh sản xuất lúa gạo. Điều đó càng làm cho tình hình trầm trọng hơn. Những người thoát chết đói nay cũng bị đói. Chúng ta phải làm thế nào cho họ sống.

Tôi đề nghị với Chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất.

Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực phụ khác, phải ba bốn tháng mới có, tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Vấn đề thứ hai, nạn đói.— Là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ.

Nhưng, chỉ cần ba tháng là đủ để học đọc, học viết tiếng nước ta theo văn quốc ngữ. Một dân tộc đói là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Vấn đề thứ ba.— Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TÔNG TUYÊN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu, nghèo, tôn giáo, dòng giống v.v...

Vấn đề thứ tư.— Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt-nam độc lập.

Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: CẦN, KIỂM, LIÊM, CHÍNH.

Vấn đề thứ năm.— Thuế thân, thuế chợ, thuế dò, là một lối bóc lột vô nhân đạo. Tôi đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế ấy. Cuối cùng tôi đề nghị tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Vấn đề thứ sáu.— Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯƠng TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết.

Nói ngày 3 tháng 9 năm 1945.
In trong sách *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 121-123.

Theo đúng bài in trong sách *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*.

THƯ GỬI CHO HỌC SINH

Các cháu học sinh,

Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Bác đã tượng tượng thấy trước mắt Bác tất cả các cảnh nhộn nhịp tung bừng của ngày mở trường khắp nơi. Các cháu hết thấy đều vui vẻ, vì sau mấy tháng nghỉ học, sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường, các cháu lại được gặp thầy gặp bạn. Nhưng sung sướng hơn nữa, từ giờ phút này trở đi các cháu bắt đầu được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn Việt-nam. Trước đây cha anh các cháu, và mới năm ngoái đây các cháu đã phải chịu nhận một nền học vấn nô lệ, nghĩa là nó đào tạo nên những tay sai làm tôi tớ cho một bọn thực dân người Pháp. Ngày nay các cháu được cái may mắn hơn cha anh là được hưởng một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các cháu nên những người công dân có ích cho nước Việt-nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các cháu.

Các cháu được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hy sinh của biết bao đồng bào, vậy các cháu nghĩ sao? Các cháu phải làm thế nào để đền bù

lại công lao lớn của những người đã không tiếc thân và tiếc của để giành lại nền độc lập cho nước nhà.

Các cháu hãy nghe lời Bác, lời của một người lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho các cháu được giỏi giang. Trong năm học tới đây, các cháu hãy cố gắng siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, đua bạn. Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ, mà tổ tiên để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các cháu rất nhiều. Non sông Việt-nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt-nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu.

Đối với các cháu lớn, Bác khuyên thêm một điều này: Chúng ta đã đánh đuổi bọn thực dân, chúng ta đã giành được độc lập. Nhưng giặc Pháp còn lăm le quay lại. Tất nhiên chúng sẽ bị thất bại vì tất cả nhân dân ta đã đoàn kết chặt chẽ, một lòng chiến đấu cho giang sơn Tổ quốc, sẵn sàng chống với quân giặc cướp nước. Đây là bổn phận của mỗi công dân, các cháu chưa phải đến tuổi gánh vác những công việc nặng nhọc ấy. Nhưng các cháu, ngoài giờ học ở trường, cũng nên tham gia vào các Hội nhi đồng cứu quốc để tập luyện cho quen với đời sống chiến sĩ và để giúp đỡ một vài việc nhẹ nhàng trong cuộc giữ gìn đất nước. Bác thành thực khuyên nhủ các cháu. Bác mong các cháu luôn luôn ghi nhớ.

Ngày hôm nay nhân buổi mở trường của các cháu, Bác chúc các cháu một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

Chào các cháu thân yêu

Tháng 9 năm 1945

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 19-20.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

THƯ GỬI CÁC VỊ PHỤ LÃO

Thưa các Cụ,

Đây tôi lấy danh nghĩa là một người già, mà noi chuyện với các Cụ. Tục ngữ có câu: « Lão lai tài tận » thường các Cụ phụ lão ta cũng tin như vậy. Gặp việc gì, các Cụ đều nói: « Lão già an chi (người già nên ở yên) — mình tuổi hạc ngày cao, không bay nhảy gì nữa. Việc đời để cho con cháu bày trẻ làm. Chúng ta đã gần đất xa trời rồi, không cần hoạt động nữa ».

Tôi không tán thành ý kiến đó. Xưa nay, những người yêu nước không vì tuổi già mà chịu ngồi không. Nước ta có những người như Lý-Thường-Kiệt, càng già càng quắc thước, càng già càng anh hùng.

Hiện nay, nước ta mới tranh quyền độc lập tự do, nhưng còn phải qua nhiều khó khăn, để củng cố quyền tự do độc lập đó. Vậy nên nhân dân ta, bất kỳ già trẻ, đều phải ra sức gánh một vai.

Con cháu ta, thanh niên thì gánh việc nặng, chúng ta già cả, không làm được công việc nặng nề, thì khua gậy đi trước, để khuyến khích bọn thanh niên và san sẻ những kinh nghiệm của chúng ta cho họ. Chúng ta là bậc phụ lão, cần phải tinh thành đoàn kết trước để làm gương cho con cháu

ta theo. Vậy tôi mong các vị phụ lão ở Hà thành ra xung phong tổ chức hội « Phụ lão cứu quốc » để cho các phụ lão cả nước bắt chước và đề hùn sức giữ gìn nền độc lập của nước nhà.

Ngày 20 tháng 9 năm 1945

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập I, tr. 25.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

GỬI ĐỒNG BÀO NAM-BỘ

Hỡi đồng bào Nam-bộ !

Nước ta vừa tranh quyền độc lập thì đã gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn; nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai lại mò đến. Trong 4 năm, họ đã bán nước ta hai lần, nay họ lại muốn thống trị dân ta một lần nữa.

Tôi tin và đồng bào cả nước đều tin vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam-bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của một nhà đại cách mạng Pháp: « Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ ».

Tôi chắc và đồng bào Nam-bộ cũng chắc rằng Chính phủ và đồng bào toàn quốc sẽ hết sức ủng hộ những chiến sĩ và nhân dân đương hy sinh đấu tranh để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của toàn dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa.

Tôi chỉ muốn dặn đồng bào Nam-bộ một lời : đối với những người Pháp bị bắt trong cuộc chiến tranh, ta phải canh phòng cho cẩn thận, nhưng phải đối đãi họ khoan hồng, phải làm cho thế giới, trước hết cho dân Pháp, biết rằng chúng ta chỉ đòi quyền độc lập, tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán ; làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc thông minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước.

Việt-nam độc lập muôn năm !

Đồng bào Nam-bộ muôn năm !

Ngày 26 tháng 9 năm 1945

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 54, ngày 29 tháng 9 năm 1945.

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 26.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO TOÀN QUỐC RA SỨC CỨU ĐÓI

Hỡi đồng bào yêu quý !

Từ tháng giêng đến tháng 7 năm nay, ở Bắc-bộ ta, đã có 2 triệu người chết đói.

Kể đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân càng khốn khổ.

Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng.

Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước :

Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo.

Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau, bữa cháo để chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói.

Tôi chắc rằng đồng bào ta ai cũng sẵn lòng cứu khổ, cứu nạn, mà hăng hái hưởng ứng lời đề nghị nói trên.

Tôi xin thay mặt dân nghèo mà cảm ơn đồng bào.

Năm 1945

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 53, ngày 28 tháng 9 năm 1945. In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập I, tr. 37.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

CHỐNG NẠN THẤT HỌC

Quốc dân Việt-nam !

Khi xưa, Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân. Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ, để dễ lừa dối dân ta và bóc lột dân ta.

Số người Việt-nam thất học so với số người trong nước là 95 phần trăm, nghĩa là hầu hết người Việt-nam mù chữ. Như thế thì tiến bộ làm sao được ?

Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí.

Chính phủ đã ra hạn trong một năm tất cả mọi người Việt-nam đều phải biết chữ quốc ngữ. Chính phủ đã lập một Nha Bình dân học vụ để trông nom việc học của dân chúng.

Quốc dân Việt-nam !

Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt-nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc biết viết chữ quốc ngữ.

Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, hãy góp sức vào bình dân học vụ, như các anh chị em trong sáu, bảy năm nay đã gây phong trào truyền bá quốc ngữ, giúp đồng bào thất học.

Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp học ở tư gia dạy cho những người không biết chữ. Ở hàng xóm láng giềng các chủ ấp, chủ đồn điền, chủ hầm mỏ, nhà máy thì mở lớp học cho những tá điền, những người làm của mình.

Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm. Đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử.

Công việc này, mong anh chị em thanh niên sốt sắng giúp sức.

CHỮ TỊCH
CHÍNH PHỦ NHÂN DÂN LÂM THỜI
HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 58
ngày 4 tháng 10 năm 1945.

Theo đúng bài in
trên báo *Cứu quốc*.

**GỬI CÁC ỦY BAN
NHÂN DÂN CÁC BỘ, TỈNH,
HUYỆN VÀ LÃNG⁵⁶**

Hỡi các bạn,

Nước ta bị Tây áp bức hơn 80 năm, bốn, năm năm bị Nhật áp bức. Dân ta đói rét khổ sở không thể nói xiết. Ngày nay nhớ lại còn rất đau lòng. Nhờ dân ta đoàn kết một lòng và Chính phủ lãnh đạo khôn khéo, mà chúng ta bẻ gãy xiềng xích nô lệ, tranh được độc lập tự do.

Nếu không có nhân dân thì không đủ lực lượng ; nếu không có Chính phủ thì không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối. Ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì.

Chính phủ ta đã hứa với dân sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc. Trong việc kiến thiết nước nhà, sửa sang mọi việc phải làm dần, không thể một tháng, một năm mà làm được hết. Song ngay từ bước đầu, chúng ta phải theo đúng phương châm.

Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân thì dân mới yêu ta, kính ta.

Tôi vẫn biết rằng trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ và rất được lòng nhân dân. Song cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi rất nặng nề. Những lầm lỗi chính là :

1. Trái phép. — Những tên việt gian phản quốc chứng cứ rõ ràng thì phải trị đã đành, không ai trách được.

Nhưng cũng có lúc vì tư thù tư oán mà bắt bớ và tịch thu gia sản, làm dân oán thán.

2. Cậy thế. — Cậy mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng muốn sao làm vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân, quên rằng dân bầu mình ra để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân.

3. Hủ hóa. — Ăn uống cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng mạn, tự hỏi tiền bạc ở đâu mà ra ? Thậm chí lấy của công làm việc tư, quên cả thanh liêm đạo

đức. Ông ủy viên đi xe hơi, rồi bà ủy viên, cho đến các cô các cậu ủy viên cũng dùng xe hơi của công. Thử hỏi những hao phí đó, ai chịu?

4. Tư túng.— Kéo bè, kéo cánh, bà con, bạn hữu mình không tài năng gì cũng chức này chức nọ. Người có tài, có đức nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì của ai.

5. Chia rẽ.— Bệnh vực lớp này chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân nhượng với nhau, hòa thuận với nhau. Thậm chí có đôi nơi ruộng đất bỏ hoang, nông gia ta thán. Quên rằng lúc này ta phải toàn dân đoàn kết. Không chia già trẻ, giàu nghèo để giữ nền độc lập, chống kẻ thù chung.

6. Kiêu ngạo.— Tưởng mình ở trong cơ quan của Chính phủ là thần thánh rồi, coi khinh nhân dân, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt « quan cách mệnh » lên. Không biết thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến oai tín của Chính phủ.

Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm, thì phải ra sức sửa chữa. Vậy nếu ai không phạm những lầm lỗi trên này thì nên chú ý tránh đi và gắng sức cho thêm tiến bộ. Ai đã phạm những lầm lỗi trên này, thì phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung.

Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà mà tôi phải nói. Chúng ta phải ghi sâu những chữ công bình, chính trực vào lòng.

Mong các bạn tiến bộ.

Tháng 10 năm 1945

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 69, ngày 17 tháng 10 năm 1945. In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản *Sự thật*, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 28-30.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

DIỄN VĂN ĐỌC TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU NAM-BỘ KHÁNG CHIẾN

Hỡi toàn quốc đồng bào!

Trong mấy năm thế giới chiến tranh, bọn thực dân Pháp đã hai lần bán rẻ nước ta cho Nhật. Như thế là chẳng những chúng đã phản lại các nước Đồng minh, giúp sức Nhật để làm cho Đồng minh tổn hại rất nhiều. Đồng thời chúng cũng phản lại dân ta, làm cho nước ta sa vào vòng chiến tranh, bị bom đạn tàn phá. Như vậy là Pháp đã tự ra ngoài hàng ngũ Đồng minh, đã tự xé bỏ những điều ước, mà chúng đã ép nước ta ký kết hồi trước.

Mặc dầu bọn thực dân Pháp như vậy, toàn quốc đồng bào ta đã kiên quyết đứng về phe Đồng minh, chống lại bọn xâm lược. Đến khi quân Nhật đầu hàng, thì dân ta đồng tâm nhất trí đòi nước ta thành một nước Dân chủ cộng hòa, cử ra Chính phủ lâm thời để sắp sửa cuộc toàn quốc đại hội và thảo ra hiến pháp của ta.

Chúng ta làm như thế, chẳng những là hoàn toàn hợp với Hiến chương Đại-tây-dương, Cụ-kim-sơn, v.v. mà các nước Đồng minh đã trịnh trọng thề thốt tôn trọng quyền tự do, độc lập của

các dân tộc, đồng thời lại hoàn toàn hợp với những tôn chỉ vẻ vang mà chính dân Pháp đã phụng thờ, tức là Tự do, Bình đẳng, Bác ái.

Thế mà bọn thực dân Pháp, khi trước đã phản Đồng minh, phản nước ta và đầu hàng Nhật, nay lại len lỏi dưới bóng cờ của quân đội Anh và ẩn núp sau lưng binh sĩ Nhật để đánh Nam-bộ nước ta.

Chúng phá hoại cuộc hòa bình mà các nước Trung-hoa, Mỹ, Anh, Nga đã hy sinh mấy mươi triệu người mới tranh được. Chúng chống lại những lời hứa hẹn về dân chủ, tự do mà các nước Đồng minh đã tuyên bố. Chúng tự xóa bỏ tôn chỉ tự do, bình đẳng của tổ tiên chúng.

Bởi vậy, vì chính nghĩa, công lý của thế giới, vì đất nước, giống nòi của Việt-nam, mà toàn quốc đồng bào ta nổi lên tranh đấu quyết giữ vững nền độc lập của ta. Chúng ta không ghen ghét gì dân Pháp, nước Pháp, chúng ta chỉ kiên quyết chống chế độ nô lệ và chính sách tàn nhẫn của bọn thực dân Pháp. Chúng ta không đi cướp nước ai. Chúng ta chỉ giữ gìn nước ta và chống lại bọn Pháp đi cướp nước. Vì vậy chúng ta không cô độc. Những nước yêu chuộng hòa bình và dân chủ, những dân tộc nhỏ yếu trong thế giới đều đồng tình với ta. Vì toàn dân ta đoàn kết ở trong, vì nhiều bạn đồng tình ở ngoài, cho nên chúng ta nhất định thắng lợi.

Gần tháng rưỡi nay, bọn thực dân Pháp hoành hành trong Nam-bộ. Đồng bào Nam-bộ đang hy sinh tranh đấu một cách oanh liệt vô cùng. Dư luận các cường quốc Trung-hoa, Mỹ, Anh, Nga đã cất tiếng duy trì chính nghĩa.

Vậy toàn quốc đồng bào ta, Nam-bộ thì ra sức kháng chiến, Trung-bộ và Bắc-bộ thì ra sức giúp đỡ đồng bào Nam-bộ và ra sức đề phòng.

Bọn thực dân Pháp phải biết rằng : dân Việt-nam không muốn đổ máu, dân Việt-nam yêu chuộng hòa bình. Nhưng nếu cần phải hy sinh mấy triệu chiến sĩ, nếu cần phải kháng chiến bao nhiêu năm để giữ gìn quyền độc lập của Việt-nam, để cho con cháu Việt-nam khỏi kiếp nô lệ, thì chúng ta vẫn kiên quyết hy sinh và kháng chiến. Vì dân Việt-nam tin chắc rằng thế nào cuộc kháng chiến này cũng thành công.

Toàn quốc kiên quyết kháng chiến.

Việt-nam độc lập muôn năm.

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 85,
ngày 7 tháng 11 năm 1945.

Theo đúng bài in
trên báo *Cứu quốc*.

HỒ HẢO NHÂN DÂN CHỐNG NẠN ĐÓI

Vì chính sách độc ác của thực dân Pháp như ép thu thóc, bắt trồng đay, v.v., mà trong mấy tháng đầu năm nay hơn hai triệu đồng bào Bắc-bộ đã chết đói. Kế đó lại bị lụt, bị hạn. Lại vì bọn thực dân Pháp gây việc chiến tranh ở Nam-bộ làm cho việc đem gạo từ Nam ra Bắc khó khăn.

Nạn kém đói nguy hiểm hơn nạn chiến tranh. Thí dụ trong 6 năm chiến tranh nước Pháp chỉ chết 1 triệu người, nước Đức chỉ chết chừng 3 triệu, mà nạn đói nửa năm ở Bắc-bộ ta đã chết hơn hai triệu người. Chúng ta cũng không thể để đồng bào ta chết đói mãi.

Khi có chiến tranh thì phải huy động và tổ chức tất cả lực lượng trong nước để chống giặc. Muốn chống nạn đói, cũng phải huy động và tổ chức tất cả lực lượng của đồng bào toàn quốc.

Nay nạn đói đã đến rồi, nếu chúng ta không lập tức tìm hết mọi cách để chống nó, thì trong vài tháng nữa, nạn đói sẽ đè trên đầu dân ta.

Những cách chống nạn đói chia làm mấy hạng: như cấm nấu rượu gạo hay bắp, cấm các thứ bánh ngọt, v.v., để cho đỡ tốn ngũ cốc. Như vùng này san sẻ thức ăn cho vùng khác, đỡ dần cho các vùng khác. Như ra sức tăng gia trồng trọt các thứ rau

khoai, v.v.. Nói tóm lại bất cứ cách gì, hễ làm cho dân đỡ đói lúc này là ngăn ngừa nạn đói mùa sau, chúng ta đều phải làm cả.

Công việc chống nạn đói, cũng như công việc to lớn khác, phải kiên quyết, phải phấn đấu, phải sẵn lòng hy sinh, phải toàn dân nhất trí. Ví dụ: cấm nấu rượu, cấm bánh ngọt trong mấy tháng thì người có nghề đó chắc phải thiệt thòi. Nhưng chắc các đồng bào đó cũng sẵn lòng hy sinh lợi ích của mình ít lâu để cứu cho đồng bào khác khỏi nạn chết đói. Chắc không ai thấy đồng bào chết đói mà nở lòng no ấm một mình.

Cuộc chống nạn đói cũng như cuộc chống ngoại xâm, ta nhất định thành công, vì đồng bào ta ai cũng sẵn lòng hàng hái. Những Ủy ban phụ trách các địa phương phải biết cách tuyên truyền, biết cách giải thích cho ai nấy đều hiểu rõ, đều thực hành. Các Ủy ban phải có sáng kiến để tìm ra cách làm được việc mà không mất lòng dân. Nhất là đối với chữ CẦN, chữ KIỆM, chữ HY SINH, chữ CÔNG BẰNG thì các Ủy ban phải thực hành trước, phải làm gương cho dân chúng theo.

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 86, ngày 8 tháng 11 năm 1945.
In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 37-38.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

GỬI CÁC NHÀ NÔNG

Vì cứu quốc, các chiến sĩ đấu tranh ở ngoài mặt trận, vì kiến quốc, nhà nông phấn đấu ngoài đồng ruộng. Chiến sĩ ra sức giữ gìn đất nước. Nhà nông ra sức giúp đỡ chiến sĩ. Hai bên công việc khác nhau nhưng thật ra là hợp tác. Cho nên hai bên đều có công với dân tộc, đều là anh hùng.

Hiện nay chúng ta có hai việc quan trọng nhất : Cứu đói ở Bắc và kháng chiến ở Nam. « Thực túc » thì « binh cường », cấy nhiều thì khỏi đói. Chúng ta thực hiện « tác đất, tác vàng » thì chúng ta quyết thắng lợi trong hai việc đó.

Tăng gia sản xuất ! Tăng gia sản xuất ngay ! Tăng gia sản xuất nữa ! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta, để giữ vững quyền tự do, độc lập.

Hỡi anh em nhà nông, tiến lên ! Tiến lên !

Năm 1945
HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập I, tr. 40.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

HỒ HÀO QUỐC DÂN ĐI BỎ PHIẾU⁵⁷

*Dù ở trong Quốc hội hay ở ngoài Quốc hội,
ai cũng phải ra sức giúp nước.*

Ngày mai mừng 6 tháng Giêng năm 1946.

Ngày mai, là một ngày nó đưa quốc dân ta lên
con đường mới mẻ.

Ngày mai, là một ngày vui sướng của đồng bào
ta, vì ngày mai là ngày tổng tuyển cử, vì ngày mai
là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt-nam mà
nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ
của mình.

Ngày mai dân ta sẽ tỏ cho các chiến sĩ ở miền
Nam rằng: Về mặt trận quân sự, thì các chiến sĩ
dùng súng đạn mà chống quân thù, về mặt chính
trị, thì nhân dân dùng lá phiếu mà chống với quân
địch. Một lá phiếu có sức lực một viên đạn.

Ngày mai, quốc dân ta sẽ tỏ cho thế giới biết
rằng: dân Việt-nam ta đã:

Kiên quyết đoàn kết chặt chẽ;
Kiên quyết chống bọn thực dân;
Kiên quyết tranh quyền độc lập.

Ngày mai, dân ta sẽ tự do lựa chọn và bầu ra
những người xứng đáng thay mặt cho mình và
gánh vác việc nước.

Ngày mai, người ra ứng cử thì đông, nhưng số đại biểu thì ít, lẽ tất nhiên, có người được cử có người không được cử.

Những người trúng cử, sẽ phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà. Vì lợi chung, quên lợi riêng.

Phải làm cho xứng đáng với đồng bào, cho xứng đáng với Tổ quốc.

Người không trúng cử cũng không nên ngã lòng. Mình đã tổ lòng hăng hái với nước, với dân; thì luôn luôn phải giữ lòng hăng hái đó. Ở trong Quốc hội hay ở ngoài Quốc hội, mình cũng cứ ra sức giúp ích nước nhà. Lần này không được cử, ta cứ làm cho quốc dân nhận rõ tài đức của ta, thì lần sau quốc dân nhất định cử ta.

Ngày mai, tất cả các bạn cử tri đều phải nhớ đi bầu cử. Ngày mai, mọi người đều nên vui vẻ hưởng quyền lợi của một người dân độc lập tự do.

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 134, ngày 5 tháng 1 năm 1946.

Theo đúng bài in trên báo *Cứu quốc*.

TRẢ LỜI CÁC NHÀ BÁO

Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận.

Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc, để câu cá, trồng rau, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi.

Tháng 1 năm 1946

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập I, tr. 72.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

LỜI KÊU GỌI SAU KHI KÝ HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ⁵⁸

*Cùng các Chính phủ và nhân dân thế giới,
Cùng đồng bào toàn quốc Việt-nam,*

Đồng bào Việt-nam nghe tôi, tin tôi, vì suốt đời tôi đã đấu tranh chống chế độ thực dân, tranh quyền độc lập cho nước nhà.

Nay vì tình hình quốc tế, vì muốn tỏ lòng tin vào nước Pháp mới, và sự thành thực của những người đại diện cho Chính phủ Pháp, vì tin vào sự hoàn toàn độc lập tương lai của nước nhà, tôi cùng Chính phủ ta ký bản Hiệp định sơ bộ với Chính phủ Pháp.

Chúng ta đã ký, thì chúng ta quyết thành thực làm đúng theo bản Hiệp định. Song muốn đi đến kết quả hòa hảo cho hai dân tộc, thì phía Chính phủ Pháp cũng phải thành thực làm đúng theo bản Hiệp định ấy.

Thế mà mấy hôm nay có nhiều việc tỏ ra rằng về phía Pháp chưa thi hành đúng những điều đã ký kết. Thí dụ :

Về việc đình chiến thì Pháp rải truyền đơn trong Nam-bộ bảo quân đội Việt-nam mang khí giới đến nộp cho người Pháp. Tin đó là theo báo Ca-raven (Caravelle), cơ quan tuyên truyền của bộ tham mưu Pháp ở Nam-bộ số 14, ngày 10-3-1946.

Như sau khi đã đình chiến quân Pháp lại đánh úp quân ta ở Nam-bộ và miền nam Trung-bộ.

Như trong bản hiệp định đã nói tất cả các cuộc điều động của quân đội Pháp và các chỗ quân Pháp sẽ đóng phải được Chính phủ Việt-nam đồng ý trước, thế mà ở Hải-phòng, Pháp đã làm trái điều đó.

Như trong bản Hiệp định sơ bộ đã nói, cuộc đàm phán chính thức sẽ lập tức bắt đầu ngay sau khi ký bản Hiệp định sơ bộ, thế mà bản Hiệp định sơ bộ ký đã một tuần rồi mà bên Pháp vẫn chưa định rõ ngày nào sẽ mở cuộc đàm phán chính thức ở Ba-lê.

Hỡi đồng bào !

Đồng bào đã tin tôi và Chính phủ mà tạm hoãn cuộc chiến đấu, mà bình tĩnh chờ đợi kết quả cuộc đàm phán chính thức ở Ba-lê.

Nay vì sự dửng dăng bên phía Pháp mà đồng bào phần uất. Tôi kêu gọi đồng bào hãy bình tĩnh, sẵn sàng chờ lệnh Chính phủ. Tôi cũng tha thiết kêu gọi nhân dân và các Chính phủ trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp, hãy ủng hộ chính nghĩa

làm sao cho bên phía Pháp thi hành đúng bản Hiệp định sơ bộ để đi đến kết quả hòa hảo giữa hai dân tộc và bảo vệ nền hòa bình thế giới.

Hà-nội, ngày 11 tháng 3 năm 1946
CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM
HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 186,
ngày 14 tháng 3 năm 1946.
In trong sách *Những lời kêu
gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà
xuất bản Sự thật, Hà-nội,
1958, tập I, tr. 77-88.

Theo đúng bài in
trong sách *Những lời
kêu gọi của Hồ Chủ
tịch*.

THƯ GỬI ĐẠI HỘI CÁC DÂN TỘC THIỀU SỞ MIỀN NAM TẠI PƠ-LÂY-CU

Cùng các đồng bào dân tộc thiểu số,

Hôm nay đồng bào khai hội, sum họp một nhà thật là vui vẻ.

Tiếc vì đường xá xa xôi, tôi không đến dự hội được. Tôi tuy xa, nhưng lòng tôi và Chính phủ vẫn gần gũi đồng bào.

Đồng bào Kinh hay Thồ ¹⁾, Mường hay Mán ²⁾, Gia-rai hay Ê-đê, Xê-đăng hay Ba-na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt-nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau.

Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu dây liên lạc, hai là vì có kẻ xui giục để chia rẽ chúng ta.

Ngày nay nước Việt-nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có « NHA DÂN TỘC THIỀU SỞ » để săn sóc cho tất cả các đồng bào.

1) Người Tày.

2) Người Dao.

Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải ĐOÀN KẾT chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta.

Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta.

Xin chúc Đại hội thành công.

Lời chào thân ái.

Hà-nội, ngày 19 tháng 4 năm 1946

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1958, tập I, tr. 85-86.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO NAM-BỘ⁵⁹

Cùng đồng bào Nam-bộ yêu quý,

Được tin tôi cùng đoàn đại biểu qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam-bộ đều lấy làm bàng khuâng. Bàng khuâng là vì chưa biết tương lai của Nam-bộ sẽ ra thế nào ?

Tôi xin đồng bào cứ bình tĩnh. Tôi xin hứa với đồng bào rằng Hồ-Chí-Minh không phải là người bán nước.

Đồng bào Nam-bộ đã hy sinh đấu tranh mấy tháng trường, để gìn giữ non sông cho toàn nước Việt-nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam-bộ.

Đồng bào Nam-bộ là dân nước Việt-nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi !

*

* *

Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón dài ngón ngắn. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này

thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang.

Giấy vắn tình dài, trước khi lên đường đi Pháp, tôi xin gửi lời chào thân ái tất cả đồng bào Nam-bộ.

Hà-nội, ngày 31 tháng 5 năm 1946

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập I, tr. 91.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

LỜI TUYÊN BỐ VỚI QUỐC DÂN

Hỡi đồng bào toàn quốc,

Tôi đi Pháp đã hơn 4 tháng. Hôm nay về đến nước nhà. Trông thấy Tổ quốc, trông thấy đồng bào, lòng tôi thật là vui vẻ. Tôi có mấy lời báo cáo đề đồng bào đều hay:

1 — Trong lúc tôi đi Pháp, lúc tôi ở Pháp, và lúc tôi từ Pháp về, vì muốn tỏ lòng cộng tác với Việt-nam, Chính phủ Pháp tiếp đãi tôi một cách rất long trọng. Vì thật lòng thân thiện với nhân dân ta, nhân dân Pháp đối với tôi một cách rất thân mật.

Tôi xin thay mặt đồng bào, mà trân trọng cảm tạ Chính phủ và nhân dân Pháp.

Trong lúc tôi đi vắng, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của cụ Huỳnh quyền Chủ tịch, sự săn sóc giúp đỡ của Quốc hội, sự ra sức gánh vác của Chính phủ, sự đồng tâm hợp lực của quốc dân, mà giải quyết được nhiều việc khó khăn, công việc kiến thiết cũng tiến bộ.

Tôi xin cảm ơn Chính phủ, Quốc hội và toàn thể đồng bào.

Tôi cũng luôn luôn nhớ đến kiều bào ở nước ngoài, đã ra sức hy sinh phấn đấu, dù cực khổ bao nhiêu cũng một lòng trung thành với Tổ quốc.

Nhờ sự hiểu biết nhân sĩ Pháp ở Bắc và Trung-bộ, gần đây những việc khó khăn giữa người Việt và người Pháp phần nhiều dần xếp được.

Tôi mong rằng từ nay sự cộng tác giữa hai dân tộc mật thiết hơn nữa.

Tôi không thể không nhớ đến Hoa kiều và kiều dân các nước, ai cũng nhớ câu « Huynh đệ chi bang, đồng chu cộng tế ».

Lúc tôi đi qua các nơi, gặp anh em người Trung-hoa và người Ấn-độ, thì luôn luôn tay bắt mặt mừng rất là thân thiện. Bây giờ về đến đất nước Việt-nam cũng thế.

2 — Tôi qua Pháp, đáp lại thịnh tình của Chính phủ Pháp đã mời tôi, mục đích cốt để giải quyết vấn đề Việt-nam độc lập, cùng Trung, Nam, Bắc thống nhất. Vì hoàn cảnh hiện thời ở nước Pháp, mà hai vấn đề chưa giải quyết được, còn phải chờ. Nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng : Việt-nam nhất định độc lập, Trung, Nam, Bắc nhất định thống nhất.

*
* *

Thế thì trong mấy tháng giời ở Pháp, tôi và phái đoàn đã làm được việc gì ?

1 — Chúng tôi đã đem quốc kỳ Việt-nam đến nước Pháp. Quốc kỳ ta được Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp trọng thị, đã được người các nước trọng thị.

2 — Chúng tôi đã làm cho Chính phủ và nhân dân Pháp chú ý và hiểu rõ vấn đề Việt-nam hơn trước. Mà thế giới cũng chú ý và hiểu rõ vấn đề Việt-nam hơn trước.

3 — Chúng tôi đã làm cho số đông người Pháp trở nên bạn hữu của dân Việt-nam, hết sức tán thành Việt-nam độc lập, và Việt — Pháp cộng tác một cách thật thà, bình đẳng.

4 — Chúng tôi đã làm cho địa vị các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ và lao động Việt-nam được nâng cao thêm vì các tổ chức thế giới đã công nhận các đoàn thể ta là hội viên.

5 — Hội nghị Việt — Pháp chưa kết thúc, tháng Giêng năm sau sẽ tiếp tục. Nhưng thỏa hiệp tạm thời 14-9, một là làm cho hai bên Việt — Pháp dễ làm ăn, hai là dọn đường cho cuộc hội nghị sau này tiến hành một cách thân thiện.



Bây giờ cho đến tháng Giêng, chúng ta phải làm gì ?

1 — Chính phủ và nhân dân phải đồng tâm nhất trí, ra sức tổ chức, ra sức công tác, đoàn kết hơn nữa, mở mang kinh tế, xây dựng nước nhà, thực hành đời sống mới, khắp mọi phương diện. Bất kỳ gái trai già trẻ, bất kỳ sĩ, nông, công, thương toàn thể quốc dân phải ra sức làm việc. Làm cho Chính phủ và nhân dân Pháp trông thấy, làm cho toàn

thế giới trông thấy rằng : dân Việt-nam ta đã đủ tư cách độc lập, tự do, không thừa nhận ta tự do độc lập thì không được.

2 — Người Pháp đối với ta rất thân thiện, thì người Việt ở Việt đối với người Pháp cũng nên thân thiện.

Đối với quân đội Pháp ta phải lịch sự.

Đối với kiều dân Pháp ta phải ôn hòa.

Những người Pháp muốn thật thà cộng tác với ta, thì ta thật thà cộng tác với họ, ích lợi cho cả đôi bên.

Đề tỏ cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh.

Đề cho số người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh.

Đề cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ, không có thể và không có cớ mà chia rẽ.

Đề cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.

3 — Hỡi đồng bào Nam-bộ và miền nam Trung-bộ, Trung, Nam, Bắc, đều là đất nước Việt-nam. Chúng ta đều chung một tổ tiên dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nước có Trung, Nam, Bắc, cũng như một nhà có ba anh em. Cũng như nước Pháp có vùng Noóc-măng-đi (Normandie), Pơ-rô-văng-xơ (Provence), Bô-xơ (Beauce).

Không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt-nam ta.

Trong một năm trường, đồng bào kháng chiến, người thì tan nhà nát cửa, người thì hy sinh tính

mạng, người thì bị tù, bị đầy. Nhưng lòng yêu nước của đồng bào vẫn trơ như đá vững như đồng.

Đối với gan vàng dạ sắt của đồng bào, toàn thể quốc dân không bao giờ quên, Tổ quốc không bao giờ quên, Chính phủ không bao giờ quên.

Tôi kính cần nghiêng mình trước linh hồn các liệt sĩ và xin lỗi những đồng bào đương khổ sở hy sinh.

Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam-bộ yêu quý nhất định trở lại trong lòng Tổ quốc.

Chính phủ Pháp đã thừa nhận rằng đồng bào Nam-bộ sẽ bỏ thăm để quyết định số phận của Nam-bộ.

Trong bản thỏa hiệp tạm thời ký ngày 14-9 Chính phủ Pháp đã nhận thi hành mấy điều chính sau này trong Nam-bộ:

1 — Thả những đồng bào bị bắt về chính trị và vì kháng chiến.

2 — Đồng bào Nam-bộ được quyền tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do viết báo, tự do đi lại, v.v..

3 — Hai bên đều thôi đánh nhau. Chính phủ Pháp đã ký thì chắc phải thi hành.

Vậy thì đồng bào Nam-bộ phải làm thế nào?

1 — Bộ đội Việt cũng như bộ đội Pháp đồng thời phải thôi đánh nhau.

2 — Đồng bào phải hoạt động bằng chính trị theo cách dân chủ.

3 — Phải đoàn kết chặt chẽ không phân biệt đảng phái giai cấp, tôn giáo. Đoàn kết tức là lực lượng. Chia rẽ tức là yếu hèn.

4 — Không được báo thù báo oán. Đối với những kẻ đi lầm đường lạc lối, đồng bào ta cần phải dùng chính sách khoan hồng. Lấy lời khôn lẽ phải mà bày cho họ. Ai cũng có lòng yêu nước, chẳng qua có lúc vì lợi nhỏ mà quên nghĩa lớn. Nói lẽ phải chắc họ sẽ nghe. Tuyệt đối không được dùng cách kích liệt.

Đó là những việc đồng bào phải làm ngay, để gây một không khí hòa bình, xây đắp con đường dân chủ để đi tới sự nghiệp Việt-nam thống nhất của chúng ta.

Lời chào thân ái,

Ngày 23 tháng 10 năm 1946

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 384, ngày 23 tháng 10 năm 1946. In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 97-101.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

LỜI TUYÊN BỐ SAU KHI THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ MỚI¹⁾

Thưa Quốc hội,

Theo ý Quốc hội, Chính phủ mới phải tỏ rõ tinh thần đại đoàn kết, không phân biệt đảng phái. Sau khi được Quốc hội ủy nhiệm cho tổ chức Chính phủ, tôi đã thăm dò ý kiến của nhiều bậc lão thành, đại biểu các đoàn thể cùng các nhân sĩ các giới.

Kết quả là, có những vị có tài năng nhận lời tham gia Chính phủ. Cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu Cụ, Cụ cũng gắng ở lại. Lại có nhiều vị đứng ngoài sẵn sàng ra sức giúp đỡ: như cụ Bùi-Bằng-Đoàn, Linh mục Phạm-Bá-Trực... dầu ở trong hay ngoài Chính phủ, ai nấy đều hứa sẽ cố gắng làm việc, một lòng vì nước, vì dân.

1) Ngày 3 tháng 11 năm 1946, Quốc hội nhất trí công nhận *Chính phủ liên hiệp quốc dân* do Hồ Chủ tịch thành lập và đứng đầu. Chính phủ mới này thay thế Chính phủ được lập ra ngày 2 tháng 3 năm 1946 (bọn phản động hoàn toàn bị gạt khỏi Chính phủ). Chính phủ mới tiêu biểu cho tinh thần đại đoàn kết của nhân dân cả nước.

Nhờ sự sốt sắng của anh em mà tôi chóng thành lập được Chính phủ, tuy không được 10 phần như ý nguyện của Quốc hội, nhưng cũng theo gần đúng phương châm Quốc hội đã vạch ra.

Tôi có thể tuyên bố trước Quốc hội rằng, Chính phủ này tỏ rõ tinh thần Quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ ra sức làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt-nam mới.

Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia. Đặc biệt là đồng bào Nam-bộ không những ở tiền tuyến xung phong giữ gìn đất nước, mà lại còn hăng hái dự vào việc xây dựng nước nhà.

Trong công việc của Chính phủ sẽ còn nhiều bước khó khăn, nhưng nhờ sự ủng hộ của Quốc hội và toàn thể quốc dân, Chính phủ sẽ kiên quyết đi đến mục đích.

Ngày 4 tháng 11 năm 1946
HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 102.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

CÔNG VIỆC KHẢN CẤP BÂY GIỜ¹⁾

Kháng chiến và kiến quốc

Một mặt phá hoại

Một mặt kiến thiết

Phá hoại để ngăn địch

Kiến thiết để đánh địch.

2 việc đều phải có người, có nhiều người.

Người về quân sự :	{	Tổ chức bộ đội (tự vệ, dân quân) Chỉ huy bộ đội (tự vệ, dân quân) Làm khí giới Cung cấp lương thực.
-----------------------	---	--

Người về kinh tế :	{	Tăng gia sản xuất (gạo, muối) Mua bán Thủ công nghệ (vải, giấy, v.v.) Vận tải.
-----------------------	---	---

Người về chính trị :	{	Tuyên truyền Tổ chức Huấn luyện Động viên dân chúng.
-------------------------	---	---

1) Chỉ thị viết tay của Hồ Chủ tịch.

Người về *giao thông*: Mục này nói riêng, phải đặc biệt chú ý. Vì *giao thông* là mạch máu của tổ chức. *Giao thông* tốt thì các việc đều dễ dàng. *Giao thông* xấu thì các việc đình trệ.

Người ở đâu ra? — 1. là các đảng viên nam nữ hiện có.

2. Trong lúc này tỏ ra nhiều phần tử hăng hái, hoặc trong lúc chiến đấu, hoặc trong công việc khác. Phải ra sức kéo họ. (Phải làm khéo, vì có người hăng hái, nhưng không tán thành Đổ).

3. Phải chọn một số khá đông thanh niên, để huấn luyện họ, đào tạo họ.

Đảng viên — Cần phải rửa sạch những thói: hẹp hòi, phụ diễn, tự đại, ỷ lại, lười biếng, nhút nhát, hủ hóa.

Cần phải kỷ luật, hoạt bát, siêng năng, dũng cảm, có sáng kiến, làm kiểu mẫu.

Trước hết phải ăn ở làm sao cho dân phục, dân yêu, dân nghe.

Đó là các bảo đảm cho thắng lợi.

Trường kỳ kháng chiến

Ta phải hiểu và phải cho dân hiểu rằng: Cuộc kháng chiến sẽ rất gay go cực khổ.

Dù địch thua đến 99%, nó cũng rán sức cắn lại. Vì nó thất bại ở Việt-nam, thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc nó sẽ tan hoang.

Vì vậy, nó sẽ đem rất nhiều viện binh (cũng không quá số 10 vạn) tàu bay xe tăng. Nó sẽ tàn phá khủng bố rất dữ dội. Mục đích là mong làm cho dân ta hoảng sợ, do hoảng sợ đến đầu hàng.

Nhưng ta phải hiểu: Lực lượng địch chỉ có chừng ấy thôi. Ta kiên quyết chống chọi cho qua giai đoạn « chớp nhoáng » đó, thì địch sẽ xẹp, ta sẽ thắng.

Vì vậy ta phải có, và phải làm cho dân ta có *Tín tâm* và *Quyết tâm*. Dùng lời lẽ giản đơn, rõ rệt mà giải thích cho quần chúng. Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa xuân. Qua khỏi trận khùng bố ráo riết của địch, thì ta sẽ thắng lợi.



Tổ chức du kích khắp nơi

Tăng gia sản xuất khắp nơi.

Dù phải rút khỏi các thành phố,
ta cũng không cần.

Ta sẽ giữ tất cả thôn quê.

Khi chỉ có hai bàn tay trắng, với một số đồng chí bí mật, leo lói trong rừng, ta còn gây nên cơ sở kháng Nhật kháng Pháp. Huống gì bây giờ, ta có quân đội, có nhân dân. Nam-bộ, địa thế khó, chuẩn bị kém, mà kháng chiến đã hơn 1 năm. Ta địa thế tốt, lực lượng nhiều hơn, nhất định kháng chiến được mấy năm, đến thắng lợi.

Viết ngày 5 tháng 11 năm
1946. Tài liệu của Viện bảo
tàng Cách mạng Việt-nam.

Theo đúng tài liệu của
Viện bảo tàng Cách
mạng Việt-nam.

GỬI ĐỒNG BÀO VIỆT-NAM, NGƯỜI PHÁP VÀ NGƯỜI THẾ GIỚI

*Cùng đồng bào Việt-nam,
Cùng người Pháp và người thế giới,*

Vì vâng lệnh Chính phủ, mà nhân dân Việt-nam
sẵn sàng cộng tác thật thà với nhân dân Pháp.

Vì hiểu rõ đại nghĩa, mà nhân dân Pháp mong
muốn cộng tác thật thà với nhân dân Việt-nam.

Vì tôn trọng chữ ký mà Chính phủ Việt-nam ra
sức thực hành một không khí thân thiện. Tiếc vì
một đôi nơi, như miền Nam nước Việt, ở Hải-phòng
và Lạng-son, một số người Pháp không hiểu tâm
lý dân Việt-nam không làm theo ý nguyện dân
Pháp, đã gây nên những cuộc xung đột đổ máu
giữa hai bên.

Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ
và đồng bào Việt-nam, đã vì Tổ quốc mà hy sinh
tính mệnh.

Tôi cũng ngậm ngùi thương xót cho những người
Pháp đã tử vong.

*Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay
máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người
Việt cũng đều là người.*

Trong hai cuộc đại chiến, Pháp hy sinh hàng triệu người để chống bọn xâm lăng, để tranh lại quyền thống nhất, độc lập.

Nước Pháp cách Việt-nam muôn dặm, Việt-nam thống nhất độc lập có động chạm gì đến người Pháp mà người Pháp lại muốn cản trở Việt-nam. Người Việt-nam sẵn sàng hoan nghênh và cộng tác với những người sĩ nông công thương Pháp qua đây làm ăn. Những lợi ích hợp lý về tiền tệ và văn hóa của người Pháp ở đây sẽ được Việt-nam bảo vệ. Những người Pháp không muốn ai phạm đến chủ quyền mình, thì phải tôn trọng chủ quyền Việt-nam.

Chính phủ Việt-nam đã ký tạm ước với Chính phủ Pháp thì Chính phủ và nhân dân Việt-nam quyết làm đúng theo tạm ước đó.

Đồng thời Chính phủ và người Pháp cũng phải làm theo tạm ước đó. Đó là lợi ích cho cả hai bên.

Chính phủ và nhân dân Việt-nam kiên quyết cộng tác thật thà với người Pháp. Song khi phải giữ chủ quyền của Tổ quốc, cần hy sinh thì cũng kiên quyết hy sinh.

Tôi thay mặt Chính phủ mà kêu gọi đồng bào toàn quốc sẵn sàng theo mệnh lệnh của Chính phủ.

Tôi cũng kêu gọi người Pháp ở đây thôi những hành động khiêu khích và thành thật cộng tác với Việt-nam một cách bình đẳng thân thiện. Máu Việt-nam và máu Pháp đã đổ nhiều rồi. Không nên đổ nữa. Vì lý lẽ gì, vì lợi ích của ai, mà đem máu quý báu của thanh niên Pháp (một thanh

niên đầy những tương lai vẻ vang) đổ trên non nước Việt-nam. Người Việt và người Pháp cùng tin tưởng vào đạo đức :

Tự do, bình đẳng, bác ái, độc lập.

Người Việt-nam và người Pháp có thể và cần phải bắt tay nhau trong một sự nghiệp cộng tác bình đẳng, thật thà, để gây dựng hạnh phúc chung cho cả hai dân tộc.

Đó là ý nguyện rõ rệt của Việt-nam, mong người Pháp và toàn thế giới biết cho.

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Cứu quốc*, số 414,
ngày 23 tháng 11 năm 1946.

Theo đúng bài in trên
báo *Cứu quốc*.

LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN⁶⁰

Hỡi đồng bào toàn quốc !

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa !

Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào !

Chúng ta phải đứng lên !

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt-nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân !

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.

Việt-nam độc lập và thống nhất muôn năm !

Kháng chiến thắng lợi muôn năm !

Hà-nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

HỒ-CHÍ-MINH

Bút tích lưu tại Viện bảo
tàng Cách mạng Việt-nam.

Theo đúng bút tích.

GỬI NHÂN DÂN VIỆT-NAM, NHÂN DÂN PHÁP, NHÂN DÂN CÁC NƯỚC ĐỒNG MINH

Chúng tôi, Chính phủ và nhân dân Việt-nam nhất định đấu tranh giành độc lập và thống nhất toàn quốc, nhưng sẵn sàng hợp tác thân thiện với nhân dân Pháp. Vì vậy mà chúng tôi đã ký bản Hiệp định 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946.

Song bọn thực dân phản động Pháp đã thiếu thành thực, coi những bản ký kết đó như những mớ giấy lộn.

Ở Nam-bộ, họ tiếp tục bắt bớ tàn sát và gây hấn với các nhà ái quốc Việt-nam. Họ ức hiếp những người Pháp lương thiện chủ trương sự thành thực, và tổ chức chính phủ bù nhìn để chia rẽ dân tộc chúng tôi.

Ở Nam Trung-bộ, họ tiếp tục khủng bố đồng bào chúng tôi, tấn công quân đội Việt-nam và xâm lược lãnh thổ của chúng tôi.

Ở Bắc-bộ, họ gây những cuộc xung đột để đánh chiếm Bắc-ninh, Bắc-giang, Lạng-son và nhiều nơi khác. Họ bao vây cửa bể Hải-phòng, làm cho người Trung-hoa, người Việt-nam, người ngoại quốc khác và cả người Pháp nữa không thể buôn bán được. Họ tìm cách bóp cổ dân tộc Việt-nam và phá hoại chủ quyền quốc gia của chúng tôi. Hiện nay họ đem

xe tăng, tàu bay, trọng pháo và chiến hạm để tàn sát đồng bào chúng tôi, và chiếm lấy cửa bể Hải-phòng cùng các tỉnh khác ven sông.

Thế chưa hết, họ còn huy động thủy, lục, không quân và gửi cho chúng tôi nhiều tối hậu thư. Họ tàn sát những đồng bào già cả, trẻ con và đàn bà ở cả thủ đô Hà-nội.

Ngày 19-12-1946, hồi 20 giờ, họ tấn công Hà-nội, thủ đô nước Việt-nam.

Những hành động của thực dân Pháp định chiếm lấy nước chúng tôi thực rõ rệt, không thể chối cãi được.

Dân tộc Việt-nam nay bị đặt trước hai đường: một là khoan tay, cúi đầu trở lại nô lệ; hai là đấu tranh đến cùng để giành lấy tự do và độc lập.

Không! Dân tộc Việt-nam không để cho người ta trở lại thống trị nữa.

Không! Dân tộc Việt-nam không bao giờ muốn trở lại nô lệ nữa. Dân tộc Việt-nam thà chết chứ không chịu mất độc lập và tự do.

Nhân dân Pháp!

Chúng tôi yêu chuộng các bạn, và muốn hợp tác thành thực với các bạn trong khối liên hiệp Pháp vì chúng ta có một lý tưởng chung: tự do, bình đẳng, và độc lập.

Chính bọn thực dân phản động Pháp đã làm ô danh nước Pháp, và tìm cách chia rẽ chúng ta bằng cách khiêu chiến. Chừng nào nước Pháp hiểu rõ nền độc lập và thống nhất của chúng tôi, và gọi những kẻ thực dân Pháp hiếu chiến về, thì tình giao hảo và sự hợp tác giữa hai dân tộc Việt — Pháp sẽ trở lại ngay.

Binh lính Pháp !

Giữa các bạn và chúng tôi, không có sự thù hiềm gì cả, chỉ vì quyền lợi ích kỷ mà bọn thực dân phản động khơi ra những xung đột. Lợi lộc chỉ họ hưởng, chết chóc thì các bạn phải chịu, huy chương thắng trận thì về phần bọn quân phiệt. Nhưng đối với các bạn và gia đình các bạn, chỉ là sự đau khổ khốn cùng. Các bạn nên nghĩ kỹ đi. Các bạn có thể bằng lòng hy sinh xương máu các bạn và đời sống các bạn cho phản động không ? Trở lại với chúng tôi, các bạn sẽ được tiếp đãi như bầu bạn của chúng tôi.

Nhân dân các nước Đồng minh !

Sau hồi đại chiến vừa qua, các nước dân chủ đang tổ chức hòa bình, thế mà bọn phản động Pháp lại giày xéo lên những bản Hiến chương Đại-tây-dương và Cựu-kim-sơn. Họ đang gây chiến tranh xâm lược ở Việt-nam. Họ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nhân dân Việt-nam yêu cầu các bạn can thiệp.

Hỡi đồng bào !

Cuộc kháng chiến rất lâu dài và đau khổ. Dù phải hy sinh bao nhiêu và thời gian kháng chiến đến bao giờ, chúng ta cũng nhất định chiến đấu đến cùng, đến bao giờ nước Việt-nam được hoàn toàn độc lập và thống nhất. Chúng ta có 20 triệu chống lại 10 vạn thực dân. Cuộc thắng lợi của chúng ta rất có bảo đảm.

Thay mặt cho Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa, tôi ra lệnh cho quân đội, anh em tự vệ, dân quân và tất cả đồng bào ba kỳ:

1 — Nếu quân Pháp tấn công chúng ta, chúng ta phải hăng hái phản công lại với tất cả khí giới mà chúng ta có. Tất cả quốc dân Việt-nam phải đứng dậy bảo vệ Tổ quốc.

2 — Phải bảo vệ sinh mệnh và tài sản các ngoại kiều, và đối đãi tử tế với tù binh.

3 — Kẻ nào giúp đỡ quân địch phải nghiêm trị. Ai giúp đỡ, bảo vệ đất nước, sẽ được ghi công.

Đồng bào Việt-nam !

Tổ quốc lâm nguy, chúng ta phải đứng cả dậy.
Việt-nam độc lập và thống nhất muôn năm !
Kháng chiến thành công muôn năm !

Ngày 21 tháng 12 năm 1946
HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 106-108.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

CHÚC NĂM MỚI

Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!

Ngày 1 tháng 1 Đinh Hợi (1947)
HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 116.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

THƯ GỬI CÁC CHIẾN SĨ QUYẾT TỬ QUÂN THỦ ĐÔ

Cùng các chiến sĩ yêu quý trung đoàn Thủ đô

Các em ăn tết thế nào ? Vui vẻ lắm chứ ? Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em cho nên cũng không ai nỡ ăn tết. Còn 90 phần trăm đồng bào ở hậu phương cũng giảm bớt 90 phần trăm mâm cỗ tiệc tùng, ai cũng tiết kiệm để dự bị công cuộc trường kỳ kháng chiến.

Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai bà Trưng, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Quang-Trung, Phan-Đình-Phùng, Hoàng-Hoa-Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt-nam muôn đời về sau.

Chí kiên quyết dũng cảm, các em đã sẵn có, đây tôi chỉ nhắc lại một vài điều mà các em phải nhớ luôn luôn :

1) Phải hết sức khôn khéo, nhanh chóng, bí mật, phải biết cách hóa chính vi linh.

2) Phải rút kinh nghiệm hàng ngày hàng giờ. Phải đề phòng việt gian trình thám.

3) Phải hết sức cẩn thận. Phải luôn luôn có sáng kiến đề lợi dụng thời cơ.

4) Tuyệt đối đoàn kết.

Các em hãy hải tiến lên, lòng Già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào, luôn luôn ở bên cạnh các em.

Tôi thay mặt Chính phủ và đồng bào gửi cho các em lời chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 27 tháng 1 năm 1947

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập I, tr. 136-137.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

LỜI KÊU GỌI ĐỒNG BÀO PHÁ HOẠI ĐỀ KHÁNG CHIẾN

Hỡi đồng bào yêu nước !

Vì sao ta phải kháng chiến ?

— Vì không kháng chiến thì Pháp sẽ cướp nước ta lần nữa. Chúng sẽ bắt dân ta làm nô lệ lần nữa. Chúng sẽ bắt dân ta đi phu, đi lính, nộp thuế, nộp sưu. Chúng sẽ giật hết quyền tự do dân chủ của ta. Chúng sẽ cướp hết ruộng nương, của cải của ta. Chúng sẽ khủng bố, chém giết anh em bà con ta. Chúng sẽ đốt phá nhà cửa, đền chùa ta. Đồng bào thử xem Hà-nội, Hải-phòng thì rõ.

— Vì ta không chịu làm trâu ngựa cho Pháp, vì ta phải giữ gìn non sông đất nước ta, cho nên ta phải đánh bọn thực dân Pháp.

Đánh thì phải phá hoại. Ta không phá thì Pháp cũng phá. Nếu nhà cửa kiên cố mà Pháp có thể dùng làm nơi căn cứ, thì Pháp sẽ đem xe tăng, tàu thủy đến đánh ta, và chúng sẽ đốt phá cướp bóc sạch trơn. Vì vậy ta phải phá trước, cho Pháp không dùng được. Dù chúng ta muốn đề cống, đề đường, đề nhà mà dùng cũng không dùng được, vì Pháp sẽ chiếm hết, phá hết.

Bây giờ ta phải phá để chặn chúng lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng.

Ta vì nước mà hy sinh chịu khổ một lúc. Đến ngày kháng chiến thắng lợi, ta sẽ cùng nhau kiến thiết và sửa sang lại, nào có khó gì.

Các chiến sĩ ở trước mặt trận, hy sinh xương máu cho Tổ quốc, họ còn không tiếc, không lẽ ta lại tiếc một đoạn đường, một cái cống hay một ngôi nhà, mà để bọn Pháp lợi dụng, dặng đánh Tổ quốc ta.

Đồng bào đều là người ái quốc, chắc không ai nỡ lòng như thế.

Vậy tôi thiết tha kêu gọi toàn thể đồng bào đều ra sức giúp. Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuộc của đồng bào, cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào quân địch vậy.

Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Kháng chiến thắng lợi rồi tôi ra sức cùng đồng bào sửa sang tu bổ lại hết. Chúng ta sẽ làm những đường sá cầu cống khéo hơn, những nhà cửa tốt hơn và xứng đáng với một dân tộc tự do, độc lập hơn.

Kháng chiến thắng lợi muôn năm !

Việt-nam độc lập muôn năm !

Ngày 6 tháng 2 năm 1947

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 146-147.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO SAU CUỘC HỘI KIẾN VỚI PÔN MUÝT,¹⁾ ĐẠI DIỆN CAO ỦY PHÁP BÔ-LA²⁾

*Cùng toàn thể đồng bào,
Cùng bộ đội, dân quân, tự vệ toàn quốc,*

Toàn dân ta kháng chiến đến nay đã 5 tháng.
Đồng bào Nam-bộ kháng chiến đến nay là 20 tháng.

Người Pháp đổ máu đã nhiều. Dân ta hy sinh cũng không ít.

Vì nhân đạo, vì hòa bình, vì muốn giữ cảm tình với Pháp, Chính phủ ta đề nghị với Chính phủ Pháp, căn cứ vào nguyện vọng thống nhất và độc lập của dân ta, tìm cách dàn xếp cuộc chiến tranh.

Song bọn quân phiệt thực dân Pháp, quen thói hung tàn, bất nhân, vô lễ. Chúng khinh miệt bộ đội ta và nhân dân ta. Chúng đưa ra những điều kiện kiêu hãnh ngang ngược. Chúng đòi :

1) Ta phải nộp vũ khí cho chúng.

2) Ta phải để cho quân đội Pháp tự do đi khắp nước ta v.v..

Thế là chúng đòi ta đầu hàng. Chúng đòi bóp cổ Tổ quốc ta. Chúng đòi ta để cho chúng tha hồ đốt làng, cướp của, tàn sát nhân dân, hãm hiếp phụ

1) Paul Mus.

2) Bollaert.

nữ, phá hoại đền chùa và nhà thờ. Thế là chúng đòi toàn thể đồng bào ta và con cháu ta đòi đòi phải quỳ gối cúi đầu làm nô lệ cho chúng!

Hỡi toàn thể đồng bào!

Hỡi toàn thể bộ đội, dân quân, tự vệ!

Chúng ta quyết không để cha mẹ bà con ta cho chúng giết hại. Quyết không để vợ con chị em ta cho chúng hãm hiếp. Quyết không để nhà thờ, làng xóm, tài sản đồng bào ta cho chúng cướp bóc.

Chúng ta quyết không chịu làm vong quốc nô.

Vì vậy, tôi thay mặt Chính phủ, kêu gọi toàn thể đồng bào, phải ra sức kháng chiến, giúp đỡ bộ đội đánh giặc.

Tôi ra lệnh cho toàn thể bộ đội, dân quân, tự vệ phải kiên quyết chiến đấu, xung phong giết giặc.

Mỗi công dân phải là một chiến sĩ. Mỗi làng phải là một chiến hào.

Chúng ta phải kiên quyết hy sinh chiến đấu, để đánh tan bọn quân phiệt thực dân, để tranh lấy thống nhất và độc lập.

Hỡi toàn thể đồng bào! Hỡi toàn thể chiến sĩ!

Tổ quốc đang kêu gọi chúng ta. Thắng lợi đang chờ đợi chúng ta. Tiến lên, tiến lên!

Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!

Việt-nam thống nhất và độc lập muôn năm!

Ngày 25 tháng 5 năm 1947

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập I, tr. 174-175.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

GỬI NAM NỮ CHIẾN SĨ DÂN QUÂN, TỰ VỆ VÀ DU KÍCH TOÀN QUỐC

Tôi thay mặt Chính phủ và toàn thể đồng bào gửi lời khen ngợi các chiến sĩ.

Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ địch hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã.

Các chiến sĩ dân quân, tự vệ và du kích ở Nam-bộ, ở thủ đô, ở miền duyên hải và ở các nơi, đã chứng rõ sự thực đó một cách rất anh hùng. Từ đây về sau, lực lượng ta càng ngày càng vững, kinh nghiệm ta càng ngày càng nhiều thì ta càng tỏ cho địch biết, tỏ cho thế giới biết rằng dân quân, tự vệ và du kích Việt-nam là những người ái quốc sắt đá, là những chiến sĩ anh hùng.

Nhưng chúng ta không tự mãn, tự túc, không kiêu ngạo, chúng ta phải luôn luôn thực hành mấy điều này :

1) Trong nội bộ, phải đồng cam cộng khổ. Phải giữ kỷ luật, phải siêng tập tành, phải giữ bí mật, luôn luôn cẩn thận, lúc có địch cũng trấn tĩnh như không có địch, lúc xa địch cũng nghiêm ngặt như gần địch ;

2) Đối với dân, phải bảo vệ dân, phải giúp đỡ dân, phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu ;

3) Đối với công việc, phải lập làng kháng chiến khắp nơi, phải luôn tích cực hành động ;

4) Đối với địch, phải kiên quyết, dũng cảm. Phải có kế hoạch mưu trí, phải hữu tiến vô thoái, phải thi đua nhau trong việc giết giặc, cướp súng, v.v.. Song đối với tù binh thì phải đối đãi họ một cách nhân đạo.

Hỡi chiến sĩ yêu quý, tôi chắc các chiến sĩ kiên quyết làm đúng những điều đó, tôi chắc trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, thống nhất độc lập nhất định thành công.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 27 tháng 5 năm 1947

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 185-186.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

KỶ NIỆM 6 THÁNG KHÁNG CHIẾN

*Cùng quốc dân đồng bào,
Cùng toàn thể chiến sĩ Vệ quốc quân,
dân quân, tự vệ,*

Thực dân phản động Pháp, động viên hải lục không quân hàng chục vạn người. Chúng chi tiêu vào quân phí mỗi ngày hàng chục triệu bạc. Chúng mong dùng lực lượng ào ạt, chiến lược chớp nhoáng, trong vài ba tháng, cướp lấy nước ta. Chúng lại thuê một lũ bù nhìn, mong phá hoại kháng chiến, chia rẽ đồng bào ta. Song âm mưu quân sự và chính trị của chúng đều hoàn toàn thất bại. Kháng chiến ở Nam-bộ đến ngày nay đã gần 2 năm. Kháng chiến toàn quốc đến hôm nay vừa đúng 6 tháng. Mà sức kháng chiến của ta càng mạnh. Sự thắng lợi của ta càng rõ ràng. Đó là vì sao ?

A — Vì kháng chiến của ta là chính nghĩa.

Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta, chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc.

Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ. Vậy ta là chính, địch là tà. Chính nhất định thắng tà.

B — Vì đồng bào ta đại đoàn kết.

Toàn dân Việt-nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ.

Chỉ có một chí: Quyết không chịu mất nước,

Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại.

C — Vì tướng sĩ ta dũng cảm.

Tuy khí giới ta còn kém, kinh nghiệm ta còn ít, nhưng lòng kiên quyết, chí hy sinh của tướng sĩ ta đã lập những chiến công oanh liệt, vẻ vang có thể nói là kinh trời động đất.

D — Vì chiến lược ta đúng.

Địch muốn dùng cách đánh mau, thắng mau. Nếu chiến tranh kéo dài, hao binh tổn tướng, chúng sẽ thất bại.

Vậy ta dùng chiến lược trường kỳ kháng chiến, để phát triển lực lượng, tăng thêm kinh nghiệm. Ta dùng chiến thuật du kích, để làm cho địch hao mòn, cho đến ngày ta tổng phản công, để quét sạch lũ chúng.

Thế địch như lửa, thế ta như nước. Nước nhất định thắng lửa.

Hơn nữa trong cuộc trường kỳ kháng chiến, mỗi công dân là một chiến sĩ. Mỗi làng là một chiến hào. Hai mươi triệu đồng bào Việt-nam quyết đánh tan mấy vạn thực dân phản động.

E — Vì ta nhiều bầu bạn.

Chiến tranh xâm lược của thực dân phản động là phi nghĩa. Ai cũng chán ghét. Kháng chiến cứu quốc của ta là chính nghĩa, cho nên được nhiều người bênh vực.

Số đông nhân dân Pháp muốn hòa bình thân thiện với ta.

Nhân dân thuộc địa đồng tình với ta.

Các dân tộc châu Á ủng hộ ta. Dư luận trong thế giới tán thành ta.

Về mặt tinh thần, địch đã hoàn toàn thất bại, ta đã hoàn toàn thắng lợi.

Hỡi quốc dân đồng bào !

Hỡi toàn thể các chiến sĩ !

Cuộc trường kỳ kháng chiến còn kinh qua nhiều bước gian nan.

Chúng ta phải hy sinh, chịu khổ và phải gắng sức. Nhưng chúng ta quyết hy sinh chịu khổ và gắng sức 5 năm, 10 năm để phá tan cái xiềng xích nô lệ 80 năm vừa qua, để tranh lấy quyền thống nhất và độc lập cho muôn đời sắp đến. Tôi thay mặt Chính phủ :

Ra lệnh cho toàn thể tướng sĩ, trước đánh đã hăng, từ nay phải đánh hăng hơn, phải thi đua nhau xung phong giết giặc ;

Kêu gọi toàn thể đồng bào ra sức tăng gia sản xuất, ra sức cất lúa giữ dê, ra sức ủng hộ bộ đội ;

Khuyên cán bộ chính trị, hành chính và chuyên môn phải cố gắng khắc phục mọi nỗi khó khăn, ra sức sửa chữa các khuyết điểm, gắng làm những người cán bộ kiểu mẫu.

Chúng ta đồng tâm nhất trí. Chúng ta nhất định sẽ thắng lợi.

Chúng ta phải mạnh mẽ tiến lên !

Đánh tan thực dân phản động Pháp !

Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi !

Việt-nam độc lập thống nhất muôn năm !

Ngày 19 tháng 6 năm 1947

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 196-198.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

THƯ GỬI CÁC BẠN THANH NIÊN

Các bạn thanh niên yêu quý,

Nhân dịp Hội nghị thanh niên Việt-nam, tôi gửi lời chào các bạn được kết quả mỹ mãn.

Sau đây, mấy ý kiến đề giúp các bạn thảo luận :

Người ta thường nói : Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó.

Chúng ta phải nhận rằng thanh niên ta rất hăng hái. Nhưng chúng ta cũng phải nhận rằng phong trào thanh niên ta còn chật hẹp, mặc dầu từ ngày Cách mạng tháng Tám đến nay, thanh niên có cơ hội để phát triển một cách mau chóng và rộng rãi hơn.

Vậy nên nhiệm vụ của các bạn là phải tìm đủ mọi cách để gây một phong trào thanh niên to lớn và mạnh mẽ.

Theo ý tôi, muốn đạt mục đích đó, thì mỗi thanh niên nhất là mỗi cán bộ phải kiên quyết làm bằng được những điều sau đây :

a) Các sự hy sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).

b) Các việc đáng làm, thì có khó mấy cũng quyết làm cho kỳ được.

c) Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.

d) Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.

đ) Quyết tâm làm gương về mọi mặt, siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.

e) Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc, nên nói ít, làm nhiều, thân ái đoàn kết.

Như thế thì ai cũng sẽ yêu mến kính phục thanh niên và phong trào thanh niên nhất định sẽ ăn sâu lan rộng.

Hiện nay thanh niên không thiếu gì nơi hoạt động, không thiếu gì công việc làm: nào ở bộ đội, dân quân du kích, nào mở mang bình dân học vụ, nào tăng gia sản xuất, v.v..

Có chí làm thì quyết tìm ra việc, và quyết làm được việc.

Tôi lại khuyên các bạn một điều nữa, là chớ đặt những chương trình kế hoạch mênh mông, đọc nghe sướng tai nhưng không thực hiện được.

Việc gì cũng cần phải thiết thực: nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ chỗ nhỏ dần dần đến chỗ to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hiện được hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được.

Đó là một kinh nghiệm của một người bạn cố
lịch duyệt, thật thà đem bày tỏ với các bạn. Mong
các bạn gắng sức và thành công.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 17 tháng 8 năm 1947

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu
gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà
xuất bản Sự thật, Hà-nội,
1956, tập I, tr. 214-215.

Theo đúng bài in trong
sách *Những lời kêu gọi
của Hồ Chủ tịch*.

KHUYÊN THANH NIÊN¹⁾

Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền,
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.

In trong sách *Thơ Bác Hồ*,
Nhà xuất bản Quân đội nhân
dân, Hà-nội, 1976, tr. 120.

Theo đúng bài in trong
sách *Thơ Bác Hồ*.

1) Bài này Hồ Chủ tịch làm khi ghé thăm một lán trại của thanh niên xung phong làm đường, trong kháng chiến chống Pháp.

KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP GIẢI PHÓNG QUÂN VIỆT-NAM

Từ Giải phóng quân đến Vệ quốc quân.

Đội thứ nhất của Giải phóng quân ngày trước là cái hạt giống bé nhỏ, do đó mà nảy nở thành cái rừng to lớn là Vệ quốc quân ngày nay, nếu người ngoài trông thấy bước đầu của Giải phóng quân thì chắc họ sẽ cho rằng đó là một trò chơi của trẻ con, hay là công việc của mấy người « không tưởng », chắc họ sẽ mỉa mai rằng :

« Vài chục thằng thanh niên học trò và dân cày, Thổ có, Nùng có, Trại có, Kinh có. Với vài khẩu súng quèn, mười con dao mã tấu, mà cũng dám tự gọi là quân, cũng dám gánh cái trách nhiệm giải phóng cho dân tộc ».

Nhưng Đảng ta đã quyết tâm làm cho kỳ được kế hoạch gây dựng Giải phóng quân, đã giao cho đồng chí Võ-Nguyên-Giáp thi hành.

Kết quả đã chứng tỏ rằng : chính sách của Đảng ta rất đúng, chính sách đúng là vì ta dựa theo cái chân lý giản đơn và thiết thực này : dân tộc Việt-nam nhất định phải được giải phóng. Muốn giải phóng thì phải đánh phát-xít Nhật và Pháp. Muốn đánh chúng thì phải có lực lượng quân sự. Muốn có lực lượng thì phải có tổ chức. Muốn tổ chức thành công thì phải có kế hoạch, có quyết tâm.

Ban đầu lương thực, khí giới, chăn áo, thuốc men, cái gì cũng thiếu thốn. Bộ đội thường phải nhịn đói, nhưng vẫn hăng hái tươi cười.

Chẳng mấy lâu, từ vài chục người đã trưởng thành đến vài trăm người thanh niên rầm rầm kéo đến xin vào bộ đội. Nhờ đồng bào Việt-bắc hăng hái giúp đỡ mọi mặt, có người bán cả trâu, cả ruộng để giúp, đồng bào các nơi cũng ra sức ủng hộ, bộ đội thì đánh luôn được mấy trận vẻ vang, từ đó, người càng đông, sức càng mạnh. Chẳng những lập nên khu giải phóng, mà lại xây dựng căn cứ khắp nơi.

Trông thấy tinh thần hăng hái và kỷ luật nghiêm minh của quân giải phóng, cho nên đồng bào rất yêu mến.

Giải phóng quân đã làm tròn nhiệm vụ đoạn trước, là giúp sức hoàn thành cuộc Cách mạng tháng Tám, xây dựng nền Dân chủ cộng hòa, cũng làm tròn nhiệm vụ đoạn sau, là để lại cho Vệ quốc quân một số cán bộ rất tốt và một cái truyền thống oanh liệt vẻ vang.

Trong lúc kháng chiến này, kỷ niệm ngày thành lập Giải phóng quân thì chúng ta cần phải nhớ những ý nghĩa sau đây :

1) Vệ quốc quân, dân quân du kích phải luôn luôn phát triển cái kỷ luật nghiêm như sắt, cái tinh thần vững như đồng, cái chí khí quật cường bất thắng, cái đạo đức : trí, dũng, liêm, trung của Giải phóng quân.

2) Khi trước, phải đối chọi với hai kẻ địch là Nhật, Pháp, chúng ta chỉ có hai bàn tay trắng

mà chúng ta vẫn tổ chức nên một lực lượng mạnh mẽ là giải phóng quân để đánh đổ chúng. Ngày nay, chúng ta chỉ đối chọi với một kẻ thù là thực dân phản động Pháp mà chúng ta lại có Đảng, có Quốc hội, có Chính phủ, có Mặt trận, có lực lượng khổng lồ là Vệ quốc quân và dân quân du kích, có 20 triệu đồng bào ủng hộ, có dư luận thế giới bênh vực. Vì vậy cuộc kháng chiến của ta nhất định phải thắng lợi.

Nhân dịp này, tôi gửi lời cảm ơn đồng bào Việt-bắc trước đã ra sức giúp Giải phóng quân, nay thì ra sức ủng hộ kháng chiến. Tôi gửi lời chào thân ái và quyết thắng cho các anh em Giải phóng quân cũ nay đang anh dũng chiến đấu trong hàng ngũ Vệ quốc quân.

Việt-bắc, ngày 22 tháng 12 năm 1947
HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật. Hà-nội, 1958, tập I, tr. 231-232.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

MƯỜI HAI ĐIỀU RĂN

Nước lấy dân làm gốc.

Trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân, vậy tất cả anh chị em các bộ đội, cơ quan Chính phủ và các đoàn thể, trong khi tiếp xúc hoặc sống chung với nhân dân, ai ai cũng phải nhớ và thực hành 12 điều sau đây :

6 điều không nên :

1. Không nên làm điều gì có thể thiệt đến nương vườn, hoa màu, hoặc làm bẩn làm hư nhà cửa, đồ đạc của dân.
2. Không nên năn nỉ quá hoặc mượn cho bằng được những đồ vật người ta không muốn bán hoặc cho mượn.
3. Không nên đưa gà còn sống vào nhà đồng bào miền ngược.
4. Không bao giờ sai lời hứa.
5. Không nên xúc phạm đến tín ngưỡng phong tục của dân (như nằm trước bàn thờ, giơ chân lên bếp, đánh đàn trong nhà, v.v.).
6. Không nên làm hoặc nói gì có thể làm cho dân hiểu lầm rằng mình xem khinh họ.

6 điều nên làm :

1. Giúp công việc thực tế hàng ngày cho đồng bào (như việc gặt hái, lấy củi, nước, vá may, v.v.).
2. Tùy khả năng mà mua dùm những đồ cần dùng cho những người ở xa chợ búa (như dao, muối, kim, chỉ, bút, giấy, v.v.).
3. Nhân những lúc rảnh, kể cho đồng bào nghe những chuyện vui ngắn, giản dị có ích lợi cho tinh thần kháng chiến mà không lộ bí mật.
4. Dạy dân chữ quốc ngữ và những điều vệ sinh thường thức.
5. Nghiên cứu cho hiểu rõ phong tục mọi nơi, trước là để gây cảm tình và sau để dần dần giải thích cho dân bớt mê tín.
6. Làm cho dân nhận thấy mình là người đứng đắn, chăm công việc, trọng kỷ luật.

Bài thơ cô động

Mười hai điều trên
Ai làm chả được.
Hễ người yêu nước,
Nhất quyết không quên.
Tập thành thói quen,
Muôn người như một,

Quân tốt dân tốt,
 Muôn sự đều nên.
 Gốc có vững cây mới bền,
 Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân.

Ngày 5 tháng 4 năm 1948

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 255-256.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

GỬI HỘI NGHỊ DÂN QUÂN TOÀN QUỐC

Nhân dịp này, tôi gửi lời thân ái chúc các đại biểu mạnh khỏe, và nhờ các đại biểu chuyển lời tôi hỏi thăm toàn thể dân quân du kích. Sau đây là vài ý kiến của tôi đối với dân quân du kích.

Nói chung, thì dân quân du kích đã có công khá to trong kháng chiến. Nhiều nơi, hoặc là đã phối hợp chặt chẽ với Vệ quốc quân, hoặc là tự mình đánh giặc. Công việc trừ gian, đánh thổ phỉ, diệt hội tề, phá giao thông của địch, học chữ quốc ngữ, tăng gia sản xuất, dân quân du kích đều hăng hái cố gắng và đã thu được những kết quả khá.

Dân quân du kích có những làng oanh liệt như làng Đình-bảng và nhiều làng khác. Có những chiến sĩ xuất sắc như Phạm-Văn-Trác, Lê-Bình, Nguyễn-Văn-Y, Đỗ-Văn-Thìn, Đặng-Văn-Giêng, Phạm-Văn-Man và nhiều người khác. Chúng ta cũng phải khen ngợi những đội phụ lão du kích và phụ nữ du kích đã dũng cảm xung phong giết giặc.

Đó là những *ưu điểm* mà chúng ta cần phải phát triển thêm.

Nhưng dân quân du kích cũng còn những *khuyết điểm* cần phải sửa chữa ngay. Nhiều nơi chưa hiểu rõ ràng, chưa hiểu triệt để ý nghĩa du kích,

Học để làm việc,
làm người,
làm cán bộ.
Học để phục sự Đoàn thể,
" " Giải cấp và nhân dân,
" " Tổ quốc và nhân loại.
Muốn đạt mục đích, thì phải
cần, kiệm, liêm, chính,
chí công, vô tư

9.49 Hồ Chí Minh

Bút tích của Hồ Chủ tịch ghi ở trang đầu
quyển sổ vàng của Trường Nguyễn-Ái-Quốc
trung ương, tháng 9 năm 1949.

vì vậy mà có khuynh hướng sai lầm, là ham đánh trận to, ham đánh những cứ điểm kiên cố của địch. Chưa thiết thực thi hành tự cấp tự túc, xem thường việc tăng gia sản xuất.

Chưa phối hợp thật chặt chẽ với Vệ quốc quân.

Chưa biết tự động tìm địch mà đánh.

Về mặt tổ chức và huấn luyện, thì ham hình thức, ít thiết thực.

Chúng ta phải kiên quyết và mau chóng sửa chữa những khuyết điểm ấy. Chúng ta phải:

1. Thiết thực tổ chức và thiết thực huấn luyện dân quân du kích *từng làng*. Lấy *dân quân du kích làng làm nền tảng* đồng thời phải kiện toàn các đội du kích thoát ly sinh sản.

2. Làm cho mỗi đội viên hiểu rõ và tin tưởng vào lực lượng của ta, tin tưởng vào vũ khí thô sơ của ta.

3. Phối hợp thật chặt chẽ với Vệ quốc quân.

4. Làm cho mỗi đội viên hiểu rõ nhiệm vụ vẻ vang của họ.

5. Làm cho họ hiểu rõ chiến thuật du kích là: phải luôn luôn giữ quyền chủ động, phải tìm địch mà đánh, phải luôn luôn khuấy rối phá hoại địch, phải cộng những thắng lợi nhỏ thành thắng lợi to.

6. Phải thực hành tự cấp, tự túc bằng cách thiết thực tăng gia sản xuất.

7. Phải thực hành những điều đó bằng cách *thi đua*. Làng này thi đua với làng khác, huyện, tỉnh, khu này thi đua với huyện, tỉnh, khu khác.

Tôi hứa rằng Chính phủ sẽ khen thưởng những người và những đội xuất sắc nhất trong cuộc *thi đua* đó.

Với kế hoạch rõ ràng và *thiết thực* của Hội nghị, với lòng hăng hái của toàn thể dân quân du kích, với sự giúp đỡ của đồng bào, tôi chắc rằng dân quân du kích sẽ làm tròn nhiệm vụ vẻ vang là: giết nhiều giặc, cướp nhiều súng, lập nhiều công để giúp cho trường kỳ kháng chiến mau thắng lợi, thống nhất và độc lập mau thành công.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 4 năm 1948

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, tập I, tr. 249-250.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

GỬI HỘI NGHỊ TỔNG BỘ VIỆT-MINH

Kính gửi Tổng bộ Việt-minh,

Hôm nay Tổng bộ khai Hội, tiếc vì tôi quá bận việc không dự Hội được, tôi xin gửi lời kính chúc các đại biểu mạnh khỏe và Hội nghị thành công.

Sau đây tôi xin nhắc lại một ít kinh nghiệm về các đại biểu rõ.

Việt-minh sở dĩ có thành công là nhờ có chính sách đúng :

a) Từ lúc đầu chính sách đối nội của Việt-minh là đoàn kết toàn dân, tranh độc lập cho Tổ quốc.

Đề đi đến mục đích đó, Việt-minh quyết định đánh cả Nhật, cả Pháp.

Trong lúc chỉ mới có một nhóm đồng chí và hai bàn tay trắng, trong lúc Nhật, Pháp liên hiệp để áp bức phong trào ái quốc, quyết định như thế có người cho là ngây thơ. Nhưng kết quả đã tỏ rằng chính sách Việt-minh là đúng.

b) Đối ngoại, là chính sách Việt-minh đi với phe dân chủ.

Trong lúc phát-xít Đức, Ý, Nhật đang ngang trời dọc đất, đánh đâu thắng đó, trong lúc các nước dân chủ đang lâm vào những bước thất bại đau đớn, định chính sách như thế cũng có người

cho là điên rồ. Nhưng Việt-minh lúc bấy giờ đã đoán trước rằng Đồng minh dân chủ nhất định sẽ thắng lợi. Kết quả cũng chứng tỏ rằng chính sách của Việt-minh là đúng.

c) Trong lúc Nhật, Pháp đang hợp tác chặt chẽ, Việt-minh đoán trước rằng chúng sẽ phản nhau, mà Nhật sẽ phản Pháp trước. Dơ sự đoán định đó, Việt-minh đã chuẩn bị kế hoạch đề lợi dụng cơ hội đó. Kết quả cũng chứng tỏ rằng chính sách Việt-minh là đúng.

d) Việt-minh từ đầu đã chắc chắn tranh được độc lập cho Tổ quốc, cho nên định kế hoạch lập khu giải phóng chẳng những để làm căn cứ địa mà lại để huấn luyện cán bộ quân sự và hành chính sau này. Kết quả cũng chứng tỏ rằng chính sách Việt-minh là đúng.

e) Đến khi Cách mạng tháng Tám thành công, cướp được chính quyền, Việt-minh định tổ chức một chính phủ rộng rãi, gồm tất cả các nhân tài trong nước để gánh vác việc quốc gia. Lúc đó có người nghĩ rằng các nhân sĩ có danh vọng chưa chắc vui lòng hợp tác với Việt-minh. Song vì Việt-minh đặt quyền lợi Tổ quốc và dân tộc lên trên hết, và lấy lòng chí công vô tư mà làm việc, cho nên những người có tài đức danh vọng đều vui lòng hợp tác trong Chính phủ.

g) Đến thời kỳ cần phải phát triển đoàn kết toàn dân hơn nữa, Việt-minh đã kịp đề ra và giúp đỡ sự tổ chức Liên-Việt phát triển rất nhanh chóng và rộng rãi, và do đó Việt-minh càng phát triển và củng cố.

h) Chính sách Việt-minh là cốt giữ hòa bình, song đến ngày kháng chiến, Việt-minh ra sức ủng

hộ chính sách trường kỳ kháng chiến của Chính phủ. Trong cuộc kháng chiến này, Việt-minh đoán trước rằng sẽ thắng lợi và nhất định sẽ thắng lợi. « Đã tin lần trước, ắt nhằm lần sau ».

Nói tóm lại, từ lúc tổ chức đến ngày nay, kinh nghiệm đã tỏ rằng chính sách Việt-minh đều đúng, đó là những điều cần phát triển và nêu cao.

Tuy vậy, Việt-minh có một khuyết điểm là : phát triển chóng quá, thành thử không kịp huấn luyện cán bộ cho khắp, vì vậy mà nhiều nơi cán bộ làm sai chính sách chung, thậm chí một đôi phần tử trở nên hủ hóa.

Ngày nay, Việt-minh một mặt cần chú ý huấn luyện cán bộ từ cấp xã trở lên. Một mặt thì các cán bộ cần phải tự phê bình kiểm điểm cho xứng đáng với nhiệm vụ nặng nề mà vẻ vang của mình. Và hội viên Việt-minh thì cần phải trở nên những người xung phong trong mọi việc kháng chiến kiến quốc.

Tôi mong Hội nghị đặt những kế hoạch thiết thực để phát triển và củng cố Việt-minh trong dịp thi đua ái quốc.

Chào thân ái

Ngày 20 tháng 4 năm 1948

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 257-259.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

LỜI KÊU GỌI THI ĐUA ÁI QUỐC⁶¹

Mục đích thi đua ái quốc là gì ?

Diệt giặc đói khổ,

Diệt giặc đốt nát,

Diệt giặc ngoại xâm.

Cách làm là :

Dựa vào

Lực lượng của dân

Tinh thần của dân.

Đề gây

Hạnh phúc cho dân.

Vì vậy bốn phận của người dân Việt-nam, bất kỳ sĩ, nông, công, thương, binh ; bất kỳ làm việc gì, đều cần phải thi đua nhau.

Làm cho mau — Làm cho tốt — Làm cho nhiều.

Mỗi người dân Việt-nam, bất kỳ già, trẻ, trai, gái ; bất kỳ giàu, nghèo, lớn, nhỏ, đều cần phải trở nên một chiến sĩ đấu tranh trên một mặt trận : quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa. Thực hiện khẩu hiệu :

Toàn dân kháng chiến

Toàn diện kháng chiến

Trong cuộc thi đua ái quốc, chúng ta

Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.

Kết quả đầu tiên thi đua ái quốc là :

Toàn dân sẽ đủ ăn đủ mặc.

Toàn dân sẽ biết đọc biết viết.

Toàn bộ đội sẽ đầy đủ lương thực khí giới,

Đề giết giặc ngoại xâm.

Toàn quốc sẽ thống nhất độc lập hoàn toàn.

Thế là chúng ta thực hiện :

Dân tộc độc lập,

Dân quyền tự do,

Dân sinh hạnh phúc.

Đề đi đến kết quả tốt đẹp đó, tôi xin

Các cụ phụ lão thi đua đốc thúc con cháu hăng hái tham gia mọi công việc ;

Các cháu nhi đồng thi đua học hành và giúp việc người lớn ;

Đồng bào công thương thi đua mở mang doanh nghiệp ;

Đồng bào công nông thi đua sản xuất ;

Đồng bào trí thức và chuyên môn thi đua sáng tác và phát minh.

Nhân viên chính phủ thi đua tận tụy làm việc phụng sự nhân dân.

Bộ đội và dân quân thi đua giết cho nhiều giặc, đoạt cho nhiều súng.

Nói tóm lại, ai cũng thi đua, ai cũng tham gia kháng chiến và kiến quốc. Phong trào sôi nổi, thi

đưa ái quốc sẽ ăn sâu, lan rộng khắp mọi mặt và mọi tầng lớp nhân dân, và sẽ giúp ta dẹp tan mọi nỗi khó khăn và mọi âm mưu của địch để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Với tinh thần quật cường và lực lượng vô tận của dân tộc ta, với lòng yêu nước và chí kiên quyết của nhân dân và quân đội ta, chẳng những chúng ta có thể thắng lợi mà chúng ta nhất định thắng lợi trong thi đua ái quốc.

Hỡi toàn thể đồng bào !

Hỡi toàn thể chiến sĩ !

Tiến lên !

Ngày 11 tháng 6 năm 1948

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Sự thật*, số 95,
ngày 19 tháng 6 năm 1948.

Theo đúng bài in trên
báo *Sự thật*.

THƯ GỬI HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI

Gửi Hội nghị văn hóa toàn quốc,

Nhân dịp Hội nghị văn hóa toàn quốc, tôi gửi lời thân ái chúc mừng các đại biểu.

Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng. Từ ngày chính quyền dân chủ thành lập đến nay, các nhà văn hóa đã cố gắng và đã thành công. Song từ nay trở đi, chúng ta cần phải xây đắp một nền văn hóa kháng chiến kiến quốc thiết thực và rộng rãi, để giúp sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của toàn dân. Muốn đi đến kết quả đó, tôi thiết tưởng, các nhà văn hóa ta cần tổ chức chặt chẽ và đi sâu vào quần chúng.

Nhiệm vụ của văn hóa chẳng những đề cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của nhân dân, mà còn phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới biết. Các nhà văn hóa ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những đề biêu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn đề lưu truyền những gương mẫu oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho con cháu đời sau.

Trong phong trào thi đua ái quốc của toàn dân, tôi mong rằng Hội nghị sẽ có một chương trình thi đua ái quốc về mặt trận văn hóa. Tôi chắc rằng sau Hội nghị này, văn hóa của ta sẽ có một sự phát triển mạnh mẽ.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 15 tháng 7 năm 1948

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 24-25.

Theo đúng bài in trong sách *Về công tác văn hóa văn nghệ*.

NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC HỘI NGHỊ CÁN BỘ CỦA ĐẢNG LẦN THỨ SÁU

Lần này, Hội nghị có đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc và cán bộ cao cấp của Đảng trong chính quyền, quân sự, kinh tế, tài chính, Đảng vụ, dân vận, kiểm tra, v.v., về dự, đó là một điểm tốt.

Những vấn đề thảo luận thì nhiều, nhưng đều hướng vào một đường đi : kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới để tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng đã định, ta nhắm vào phương hướng ấy mà đi, thế nào ta cũng đi tới đích.

Năm nay, những việc chúng ta phải làm là :

1. Đẩy tới quân sự, kháng chiến trên hết, quân sự trên hết. Mọi việc phải nhắm vào điểm làm cho kháng chiến thắng lợi.

2. Chấn chỉnh bộ máy chính quyền từ dưới lên trên, bắt đầu từ xã ; dưới làm lên trên, trên làm xuống dưới, tự nhiên mọi việc sẽ thành.

3. Làm ra nhiều, chi dùng ít. Không cần thì không chi dùng. Đó là tất cả chính sách kinh tế, tài chính của ta.

4. Chinh đốn các đoàn thể quần chúng. Ta thắng lợi là nhờ dân mà hiện giờ nhiều đoàn thể dân chúng còn rất kém.

5. Muốn làm được những việc trên, trước hết phải chỉnh đốn nội bộ Đảng. Phải nêu ra những việc chính, nắm lấy đó mà làm.

Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc trên ví như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng.

Trong Đảng, có những việc khẩn yếu như :

a) Ta thiếu nhiều cán bộ quá : phải đào tạo huấn luyện cho dần dần có đủ. Muốn có nhiều cán bộ, Đảng phải giúp đỡ cho cán bộ tự học tập. Đảng đã giúp, cán bộ phải chịu khó học. Đồng chí ta nhiều người kinh nghiệm thực hành khá, nhưng về văn hóa thì i tờ. Những đồng chí trí thức đọc nhiều nhưng không có kinh nghiệm công tác, chưa quen nền nếp làm việc của Đảng.

Vậy phải nâng cao lý luận cho cán bộ cũ và dạy cho cán bộ trí thức làm công tác quần chúng.

b) Lối làm việc trong Đảng hiện nay mắc hai khuyết điểm :

— Cán bộ cũ làm việc theo lối thủ công nghiệp,

— Cán bộ mới làm việc theo lối khoa học nhưng lại quá trớn, không hợp với hoàn cảnh kháng chiến.

Phải sửa chữa lối làm việc cho hợp lý, vừa với điều kiện của ta, đừng phạm vào hình thức, máy móc.

c) Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ « cộng sản » mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Đồng chí ta nhiều người đã làm được nhưng vẫn

còn những người hủ hóa. Đảng có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó.

Hồ hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã. Đồng chí ta phải học lấy bốn đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính.

Muốn làm cách mạng, phải cải cách tính nết mình trước tiên.

d) Đồng chí ta, tuy có khi khác nhau về chủng tộc hay khác nhau về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng chung khổ, cho nên phải thật thà đoàn kết. Muốn đi tới mục đích, không phải chỉ tổ chức là đủ, phải chân thành trong tư tưởng nữa.

Ta có hai cách để thực hiện thống nhất tư tưởng, đoàn kết nội bộ là: *Phê bình và tự phê bình*.

Từ trên xuống dưới, ai nấy đều phải dùng nó để càng ngày càng đoàn kết, tiến bộ.

d) Giữ kỷ luật.

Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng.

*

* *

Ta họp trong lúc phong trào cách mạng thế giới đang tiến triển rất mau, nhất là cuộc thắng lợi của nhân dân và Đảng Trung-quốc.

Ta là Đảng Đông-dương, nhưng còn có nhiệm vụ giúp sức vào công việc giải phóng Đông-Nam châu Á nữa. Vì ở châu Á, Đảng ta là đảng mạnh; về thành tích thì Đảng ta là Đảng đầu tiên ở Đông-Nam Á giành được chính quyền. Nói như thế không phải để tự cao, tự đại, mà để cố gắng làm tròn trách nhiệm.

Thế giới ngót 2.000 triệu người, số đảng viên cộng sản có trên 20 triệu, đồ đồng cứ 100 người dân là có một người cộng sản. Ở Đông-dương, theo số liệu hiện nay, cứ 112 người dân là có một người cộng sản. Đó là một điều đáng mừng. Nếu ai cũng làm được đầy đủ nhiệm vụ thì kháng chiến nhất định chóng thắng lợi, kiến quốc nhất định chóng thành công.

Đảng Cộng sản Đông-dương muôn năm !

Cách mạng thế giới thành công muôn năm !

Nói ngày 18 tháng 1 năm 1949.
In trong sách *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*,
Nhà xuất bản Sự thật,
Hà-nội, 1976, tr. 85-87.

Theo đúng bài in trong
sách *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*.

TUYÊN BỐ CỦA CHÍNH PHỦ NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA VỚI CHÍNH PHỦ CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đánh đổ nền thống trị của đế quốc Nhật và Pháp ở Việt-nam, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thành lập. Ngày 2-9-1945, Chính phủ lâm thời của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa phát biểu bản Tuyên ngôn độc lập trước quốc dân Việt-nam và thế giới. Ngày 3-3-1946, Quốc hội (Quốc dân Đại hội) Việt-nam bầu Chính phủ chính thức của nước Việt-nam.

Ngày 23-9-1945, quân đội thực dân Pháp đánh Nam-bộ. Sau đó, nước Pháp đã ký với Việt-nam bản Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946. Nhưng thực dân Pháp vẫn tiếp tục cuộc chiến tranh phi nghĩa trái với ý nguyện hòa bình của nhân dân Pháp. Chúng lại thành lập chính phủ bù nhìn Bảo-Đại để dùng làm lợi khí xâm lược Việt-nam và lừa gạt thế giới.

Quyết bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc chống thực dân Pháp, nhân dân và quân đội Việt-nam đương chiến đấu anh dũng và ngày càng gần thắng lợi cuối cùng. Trải qua mấy năm kháng chiến, nước Việt-nam từng được nhân dân toàn

thế giới đồng tình và ủng hộ. Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa tuyên bố với Chính phủ các nước trên thế giới rằng: Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt-nam. Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với tất cả Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt-nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới.

Ngày 14 tháng 1 năm 1950

Chủ tịch

nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Sự thật*, số 127,
ngày 25 tháng 1 năm 1950.

Theo đúng bài in trên
báo *Sự thật*.



Hồ Chủ tịch trên đài quan sát trận Đông-khê trong chiến dịch Biên giới, năm 1950.

THƯ GỬI ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN

Nhân dịp Đại hội, tôi gửi lời thân ái chúc các đại biểu mạnh khỏe và Đại hội có kết quả thiết thực, tốt đẹp. Trong cuộc kháng chiến của dân tộc, giai cấp công nhân ta đã góp một phần quan trọng và đã có những thành tích vẻ vang, từ nay giai cấp công nhân ta ắt phải cố gắng hơn nữa. Theo ý tôi, những việc chính mà Đại hội phải làm là :

— Tỏ chức và huấn luyện toàn thể công nhân trong vùng tự do và trong vùng tạm bị chiếm ;

— Lãnh đạo công nhân xung phong thi đua ái quốc và chuẩn bị tổng phản công ;

— Đi đến tỏ chức toàn thể lao động trí óc cũng như lao động chân tay ;

— Giúp đỡ và lãnh đạo nông dân về mọi mặt ;

— Liên lạc mật thiết với công nhân thế giới, trước hết là với công nhân Trung-hoa và công nhân Pháp.

Trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc, trong sự nghiệp xây dựng nền dân chủ mới, giai cấp công nhân phải là người lãnh đạo. Vì vậy mọi nam nữ công nhân phải cố gắng học hỏi, tiến bộ,

phải cố gắng xung phong làm kiểu mẫu trong mọi việc, để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của giai cấp mình.

Chào thân ái và quyết thắng
Ngày 23 tháng 2 năm 1950
HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập II, tr. 12.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

TRẢ LỜI CÁC NHÀ BÁO VỀ VẤN ĐỀ MỸ CAN THIỆP VÀO ĐÔNG-DƯƠNG

—HỎI: Xin Chủ tịch cho biết hiện trạng chính sách để quốc Mỹ can thiệp ở Đông-dương thế nào?

—ĐÁP: Lâu nay để quốc Mỹ đã công khai can thiệp vào Đông-dương.⁶² Lâu nay thực dân Pháp làm chiến tranh ở Việt-nam, Miên và Ai-lao là nhờ tiền bạc, súng đạn Mỹ, và theo chỉ thị của Mỹ.

Nhưng để quốc Mỹ càng ngày càng mưu gạt thực dân Pháp để độc chiếm lấy Đông-dương, vì lẽ đó mà Mỹ càng ngày càng trực tiếp và tích cực can thiệp về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế.

Và cũng vì lẽ đó mà mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và thực dân Pháp ngày càng nhiều.

—HỎI: Thưa Chủ tịch, Mỹ can thiệp thì đối với nhân dân Đông-dương ảnh hưởng thế nào?

—ĐÁP: Đế quốc Mỹ đưa súng đạn của chúng cho lũ tay sai tàn sát nhân dân Đông-dương.

Đưa hàng hóa đến để ngăn trở không cho tiểu công nghệ của người Đông-dương phát triển.

Đưa văn hóa trụy lạc để đầu độc thanh niên ở những vùng tạm bị chiếm.

Chúng dùng chính sách mua chuộc, dụ dỗ, chia rẽ. Chúng cố lôi kéo một số người bất lương làm tay sai cho chúng cùng chúng mưu chính phục nước ta.

— *HỎI* : Xin Chủ tịch cho biết ta đối phó thế nào?

— *ĐÁP* : Muốn độc lập thì các dân tộc Đông-dương quyết phải đánh tan thực dân Pháp là kẻ thù số một.

Đồng thời phải chống bọn can thiệp Mỹ. Chúng can thiệp càng mạnh, ta càng đoàn kết và chiến đấu mạnh hơn.

Ta phải vạch rõ âm mưu của chúng cho nhân dân đều thấy, nhất là nhân dân ở vùng tạm bị chiếm.

Ta phải lột mặt nạ bọn người cam tâm làm chó săn cho đế quốc Mỹ để dụ dỗ lừa bịp, chia rẽ nhân dân ta.

Dân tộc Việt-nam đoàn kết chặt chẽ với dân tộc anh em Miên, Lào thì sức mạnh sẽ đủ đánh tan thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

Đế quốc Mỹ đã thất bại ở Trung-quốc. Đế quốc Mỹ sẽ thất bại ở Đông-dương.

Chúng ta gặp nhiều khó khăn, nhưng chúng ta nhất định thắng lợi.

Trả lời ngày 25 tháng 7 năm 1950. In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, năm 1956, tập II, tr. 25-26.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

LỜI KÊU GỌI TRONG NGÀY THƯƠNG BINH TỬ SĨ 27-7

Cùng toàn thể đồng bào !

Anh em thương binh và gia đình tử sĩ !

Khi nạn ngoại xâm ào ạt đến, nó đến như một trận lụt to. Nó đe dọa tràn ngập cả non sông Tổ quốc. Nó đe dọa cuốn trôi cả tính mệnh, tài sản, chìm đắm cả bố mẹ vợ con của dân ta.

Trước con nguy hiểm ấy, số đông thanh niên yêu quý của nước ta đã dũng cảm xông ra trước mặt trận. Họ quyết đem xương máu của họ đắp thành một bức tường đồng, một con đê vững để ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc, làm hại đồng bào.

Họ quyết hy sinh tính mệnh họ, để giữ gìn tính mệnh của đồng bào.

Họ quyết hy sinh gia đình và tài sản họ để bảo vệ gia đình và tài sản của đồng bào.

Họ quyết liều chết chống địch để cho Tổ quốc và đồng bào sống.

Họ là những chiến sĩ anh dũng của chúng ta.

Trong đó có người đã bỏ một phần thân thể ở trước mặt trận. Có người đã bỏ mình ở chiến trường. Đó là thương binh, đó là tử sĩ.

Cách mấy ngày trước họ là những thanh niên lành mạnh, vui vẻ, oanh liệt. Trải qua những ngày ăn gió nằm sương, những trận mưa bom bão đạn, họ bị tay què chân cụt, họ hóa ra thương binh.

Họ đã hy sinh cho ai ?

Thương binh và tử sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc, đã hy sinh cho đồng bào. Đề báo đáp công ơn đó, Chính phủ đang tìm mọi cách để giúp đỡ anh em thương binh và gia đình tử sĩ.

Tôi cũng rất mong đồng bào sẵn lòng giúp đỡ họ về vật chất và về tinh thần.

Từ trước đồng bào đã giúp đỡ nhiều. Nhưng tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được. Và những tử sĩ không thể tái sinh. Mà lòng bác ái của đồng bào cũng không có hạn.

Vì vậy tôi mong và chắc rằng: đồng bào trước đã giúp đỡ, sau này sẽ sẵn sàng giúp đỡ mãi. Nhân dịp này, tôi xin thay mặt anh em thương binh và gia đình tử sĩ cảm ơn đồng bào.

Tôi cũng thay mặt Chính phủ gửi lời thân ái an ủi anh em thương binh và gia đình tử sĩ và hứa rằng Chính phủ luôn luôn tìm cách săn sóc các bạn.

Chúc các bạn được bình yên.

Chào thân ái và quyết thắng
HỒ-CHÍ-MINH

Tài liệu của Viện bảo tàng
Cách mạng Việt-nam.

Theo đúng tài liệu của
Viện bảo tàng Cách
mạng Việt-nam.

LỜI KÊU GỌI NHÂN NGÀY KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ NGÀY ĐỘC LẬP

*Cùng đồng bào trong nước và ngoài nước,
Cùng các chiến sĩ Vệ quốc quân, bộ đội địa
phương và dân quân du kích xã,
Cùng cán bộ Chính phủ và Đoàn thể,
Cùng các cháu thanh niên và nhi đồng,*

Lần này là lần thứ năm chúng ta kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh độc lập. Cuộc kháng chiến của ta cũng đã năm năm.

Chúng ta hãy kiểm điểm qua tình hình trong năm năm, để ấn định công việc những ngày sắp đến.

Trước ngày Cách mạng tháng Tám, chúng ta có hai kẻ địch trực tiếp là đế quốc Nhật và thực dân Pháp và một kẻ địch gián tiếp là phản động Quốc dân đảng Trung-quốc. Nghĩa là sức địch rất to lớn.

Trước ngày Cách mạng tháng Tám, chúng ta chưa có chính quyền, chưa có quân đội chính quy. Mặt trận dân tộc còn nhỏ hẹp và bí mật. Nghĩa là sức ta rất thiếu thốn.

Nhưng vì ta khéo lợi dụng điều kiện quốc tế ở ngoài, vì ta khéo đoàn kết và khéo tổng động viên

trong nước, cho nên ta đã đổi thế yếu thành thế mạnh, đã thắng ba kẻ địch, đã đưa Cách mạng đến thắng lợi, độc lập đến thành công.

*

* *

Nước ta vừa độc lập, thì giặc Pháp liền khai chiến.

Với binh nhiều, tướng đủ, khí giới tối tân, chúng định *đánh mau thắng mau*.

Với quân đội mới tổ chức, với vũ khí thô sơ, ta quyết kế *trường kỳ kháng chiến*.

Sự thật đã chứng tỏ rằng: *chiến lược ta đã thắng chiến lược địch*.

Từ ngày khởi chiến ở Việt-nam, Chính phủ Pháp đã lập lên đồ xuống hơn chục lần. Thống soái Pháp đã bị thay đổi 5, 6 bận. Quân đội Pháp ngày càng hao mòn. Nhân dân ta ngày càng đoàn kết và quyết tâm.

Hiện nay, thực dân Pháp đã phải công khai thú thật rằng: chúng đã *kiệt quệ* rồi, chúng *không thể kéo dài chiến tranh nữa, nếu không có Mỹ giúp*.

Thực dân Pháp yêu cầu Mỹ giúp, nhưng lại sợ Mỹ gạt chúng đi, để độc chiếm Đông-dương như Nhật đã gạt chúng mấy năm về trước.

Từ ngày bắt đầu chiến tranh, Mỹ đã *ra sức giúp* giặc Pháp. Nhưng hiện nay Mỹ tiến lên một bước: *trực tiếp can thiệp vào Việt-nam*.

Thế là ngày nay ta có *một kẻ địch chính là giặc Pháp, lại thêm một kẻ địch nữa là bọn can thiệp Mỹ*.

Về phía ta, mấy năm kháng chiến đã đưa lại cho nước ta một *cuộc thắng lợi to nhất trong lịch sử Việt-nam*, tức là hai nước lớn nhất trên thế giới — Liên-xô và Trung-quốc dân chủ, và các nước dân chủ mới đã thừa nhận nước Việt-nam dân chủ cộng hòa là một nước ngang hàng trong đại gia đình dân chủ thế giới. Nghĩa là ta đã đứng hẳn về phe dân chủ và nhập vào khối 800 triệu nhân dân chống đế quốc.

Chắc rằng cuộc thắng lợi chính trị ấy sẽ là *cái đà cho những thắng lợi quân sự sau này*.

Liên-xô xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ mới ngày càng mạnh.

Trung-quốc đã đánh thắng bọn can thiệp Mỹ và bọn phản động Quốc dân đảng, và đang thực hiện dân chủ mới.

Nhân dân Triều-tiên đã nổi lên đánh bọn can thiệp Mỹ và tất cả bọn chư hầu của Mỹ.

Đó là một lực lượng đồng minh rất to lớn cho cuộc kháng chiến cứu quốc nói chung của ta, và đặc biệt là một lực lượng đồng minh to lớn chống bọn can thiệp Mỹ.

Phản động Mỹ đã thất bại trước sức đoàn kết và đấu tranh của nhân dân Trung-quốc. Chúng sẽ thất bại trước sức đoàn kết và đấu tranh của nhân dân Việt-nam, Triều-tiên và thế giới.



Sự thật trong mấy năm vừa qua chứng tỏ rằng : cuộc trường kỳ kháng chiến của ta nhất định thắng lợi.

Điều đó là nhất định.

Nhưng thắng lợi với trường kỳ phải đi đôi với nhau.

« Muốn ăn quả tốt phải trồng cây to », điều đó cũng là bất di bất dịch.

Vậy nhiệm vụ cần kíp của chúng ta là :

— Toàn dân đại đoàn kết đã chặt chẽ phải chặt chẽ hơn nữa ;

— Toàn dân đại đoàn kết trong việc thi đua thực hiện lệnh tổng động viên để chuẩn bị mau chóng đầy đủ để chuyển mạnh sang tổng phản công. Trước nhất là động viên nhân lực và lương thực ;

— Toàn thể chiến sĩ Vệ quốc quân, bộ đội địa phương và dân quân du kích cùng nhau thi đua giết giặc, lập công ;

— Toàn thể công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất ;

— Toàn thể thanh niên thi đua xung phong trong mọi công việc : tòng quân, sản xuất, vận tải, học tập. v.v. ;

— Toàn thể cán bộ chính quyền và Đoàn thể thi đua thực hành cần, kiệm, liêm, chính ;

— Toàn thể đồng bào trong vùng tạm bị địch chiếm, phải thi đua chuẩn bị sẵn sàng để chống địch, để hưởng ứng chiến sĩ ta.

*Hỡi đồng bào thân mến,
Hỡi chiến sĩ yêu quý,*

Cách mạng tháng Tám đã đưa chúng ta đến thống nhất và độc lập, giữa lúc ngoài tinh thần đoàn kết, lực lượng chúng ta còn ít, thế mà chúng ta vẫn thắng lợi.

Trường kỳ kháng chiến để giữ gìn quyền thống nhất và độc lập của chúng ta, mà lúc này chúng ta lại có lực lượng hùng hậu và điều kiện thuận tiện trong nước cũng như quốc tế, cho nên chúng ta nhất định thành công.

Nhưng chúng ta phải biết rằng :

— Dịch sẽ liều mạng hơn, hung ác hơn, chúng có thể lan rộng ra nữa, trước khi chúng bị tiêu diệt.

— Ta còn phải kinh qua nhiều sự khó khăn cực khổ hơn trước, còn phải vượt qua nhiều gian nan nguy hiểm hơn trước để đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Cho nên chúng ta phải tỉnh táo, phải kiên quyết, tạm bại không nản, thắng to không kiêu, không chủ quan, không khinh địch.

Chính phủ và nhân dân nhất trí, nhân dân và quân đội nhất trí; với sự đồng tâm hiệp lực và tinh thần quật cường của toàn dân ta, cộng với sự ủng hộ của nhân dân các nước dân chủ và nhân sĩ yêu chuộng chính nghĩa trong thế giới, thì :

Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi.

Thống nhất độc lập nhất định thành công.

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Sự thật*, số 139,
ngày 19 tháng 8 năm 1950.

Theo đúng bài in trên
báo *Sự thật*.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT-NAM⁶³

1. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI TRONG 50 NĂM QUA

Tháng đầu năm 1951 là lúc khóa sổ nửa trước và mở màn nửa sau của thế kỷ 20. Nó là lúc rất quan trọng trong lịch sử loài người.

Năm mươi năm vừa qua có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại.

Trong 50 năm đó, đã có những phát minh như chiếu bóng, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình (télévision) cho đến sức nguyên tử. Nghĩa là loài người đã tiến một bước dài trong việc điều khiển sức thiên nhiên. Cũng trong thời kỳ ấy, chủ nghĩa tư bản từ chỗ tự do cạnh tranh, đã đổi ra độc quyền lũng đoạn, đã tiến lên chủ nghĩa đế quốc.

Trong 50 năm đó, đã có hai cuộc *chiến tranh thế giới* khủng khiếp nhất trong lịch sử do bọn đế quốc gây ra. Đồng thời cũng do những chiến tranh đó mà bọn đế quốc Nga, Đức, Ý, Nhật bị tiêu diệt; đế quốc Anh, Pháp bị suy đồi; tư bản Mỹ thì nhảy lên làm trùm đế quốc, trùm phản động.

Quan trọng nhất là *Cách mạng tháng Mười Nga thành công*. Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa, thành lập, rộng một phần sáu thế giới, và gần một nửa loài người đã tiến vào con đường dân chủ mới, những dân tộc bị áp bức lần lượt nổi dậy chống chủ nghĩa đế quốc, đòi độc lập tự do. Cách mạng Trung-quốc đã thắng lợi. Phong trào công nhân ở các nước đế quốc ngày càng lên cao.

Riêng về nước Việt-nam ta, thì trong thời kỳ ấy, Đảng ta ra đời, đến nay nó đã 21 tuổi. Nước ta đã độc lập, đến nay là năm thứ 6. Cuộc trường kỳ kháng chiến của ta đã tiến mạnh, đến nay là năm thứ 5.

Nói tóm lại, nửa trước thế kỷ 20 này có nhiều việc rất quan trọng, song chúng ta có thể đoán rằng: với sự cố gắng của những người cách mạng, thì nửa thế kỷ sau này sẽ có những biến đổi to lớn hơn, vẻ vang hơn nữa.

2. ĐẢNG TA RA ĐỜI

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), để bù đắp lại những sự thua thiệt nặng nề của chúng, thực dân Pháp đưa thêm nhiều tư bản sang nước taặng kinh doanh thêm và vơ vét thêm tài sản nước ta, bóc lột thêm sức lao động của nhân dân ta. Đồng thời, cách mạng Nga thành công, cách mạng Trung-quốc sôi nổi, đã có ảnh hưởng rất sâu rộng. Do đó mà *giai cấp công nhân Việt-nam* trưởng thành, đã bắt đầu giác ngộ, bắt đầu đấu tranh và cần có một đội tiên phong, một bộ tham mưu để lãnh đạo.

Ngày 6 tháng 1 năm 1930¹⁾, Đảng ta ra đời.

Sau ngày Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Lê-nin lãnh đạo việc xây dựng Quốc tế cộng sản. Từ đó, vô sản thế giới, cách mạng thế giới thành một đại gia đình, mà Đảng ta là một trong những con út của đại gia đình ấy...

Đảng ta ra đời trong một hoàn cảnh rất khó khăn, vì chính sách khủng bố dã man của thực dân Pháp. Tuy vậy, vừa ra đời Đảng ta đã lãnh đạo ngay cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp. Cuộc đấu tranh đó cao đến tột bậc trong những ngày xô-viết Nghệ-an.

Đó là lần đầu tiên nhân dân ta nắm chính quyền ở địa phương và bắt đầu thi hành những chính sách dân chủ, tuy mới làm được trong một phạm vi nhỏ hẹp.

Xô-viết Nghệ-an bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau.

Từ năm 1931 đến năm 1945, phong trào cách mạng ở Việt-nam luôn luôn do Đảng ta lãnh đạo, khi lên khi xuống, xuống rồi lại lên, 15 năm ấy có thể chia làm 3 thời kỳ:

1. Thời kỳ 1931 — 1935.
2. Thời kỳ 1936 — 1939.
3. Thời kỳ 1939 — 1945.

1) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt-nam đã xác định rõ ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt-nam là ngày 3 tháng 2 năm 1930.

3. THỜI KỲ 1931 — 1935

Từ năm 1931 đến năm 1933, thực dân Pháp khủng bố tợn. Cán bộ và quần chúng bị bắt và hy sinh rất nhiều. Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết. Vì vậy mà phong trào cách mạng tạm sụt xuống.

Nhờ lòng trung thành và sự tận tụy của những đồng chí còn lại, nhờ sự kiên quyết của Trung ương, nhờ sự giúp đỡ của các đảng bạn, từ năm 1933, phong trào cách mạng lại lên dần.

Hồi đó, một mặt Đảng ta lo củng cố lại những tổ chức bí mật, một mặt nó phối hợp công tác bí mật với hoạt động công khai, với việc tuyên truyền, cổ động trên các báo chí và trong các hội đồng thành phố, hội đồng quần hạt, v.v...

Năm 1935, Đảng họp *Đại hội lần thứ nhất ở Ma-ca-o*. Đại hội đã nhận định tình hình trong nước và tình hình thế giới, kiểm thảo lại công tác đã qua và ấn định chương trình cho công tác sắp tới.

Nhưng chính sách Đại hội Ma-ca-o vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ (như định chia ruộng đất cho công nhân nông nghiệp, chưa nhận rõ nhiệm vụ chống phát-xít và nguy cơ chiến tranh phát-xít, v.v..).

4. THỜI KỲ 1936 — 1939

Năm 1936, trong cuộc *Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất* của Đảng, đồng chí Lê-Hồng-Phong và Hà-Huy-Tập sửa chữa những sai lầm ấy và định lại chính sách mới, dựa theo những nghị quyết

của Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ bảy (lập Mặt trận dân chủ, Đảng hoạt động nửa bí mật, nửa công khai...).

Hồi đó, Mặt trận bình dân ở Pháp cầm chính quyền, Đảng bèn mở cuộc vận động dân chủ và lập Mặt trận dân chủ Đông-dương. Phong trào Mặt trận dân chủ lúc đó khá mạnh mẽ, rộng khắp; nhân dân đấu tranh công khai. Đó là ưu điểm. Nhưng khuyết điểm là: Đảng lãnh đạo không thật sát, cho nên nhiều nơi cán bộ phạm phải bệnh hẹp hòi, bệnh công khai, say sưa vì thắng lợi bộ phận mà xao lãng việc củng cố tổ chức bí mật của Đảng, Đảng không giải thích rõ lập trường của mình về vấn đề độc lập dân tộc. Một số đồng chí hợp tác vô nguyên tắc với bọn tư-rốt-skít. Đến khi Mặt trận bình dân bên Pháp thất bại, chiến tranh thế giới lần thứ hai bắt đầu, thì phong trào Mặt trận dân chủ ở nước ta cũng bị thực dân đàn áp, và Đảng cũng bối rối một hồi.

Song phong trào đó cũng để lại cho Đảng ta và Mặt trận dân tộc ngày nay những kinh nghiệm quý báu. Nó dạy cho chúng ta rằng: Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng. Nó cũng dạy chúng ta rằng: phải hết sức tránh những bệnh chủ quan, hẹp hòi, v.v..

5. THỜI KỲ 1939 — 1945

Những việc biến đổi to lớn trong nước và trên thế giới trong thời kỳ này chỉ cách đây mười năm. Nhiều người biết, nhiều người còn nhớ. Ở đây tôi chỉ nhắc qua mấy việc chính.



Hồ Chủ tịch đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Lao động Việt-nam, tháng 2 năm 1951.

TRÊN THẾ GIỚI

Năm 1939 *cuộc chiến tranh thế giới* lần thứ hai nổ bùng.

Đầu tiên, nó là một cuộc chiến tranh đế quốc : bọn đế quốc phát-xít Đức — Ý — Nhật đánh nhau với bọn đế quốc Anh — Pháp — Mỹ.

Đến tháng 6 năm 1941, phát-xít Đức tấn công thành trì cách mạng thế giới là Liên-xô, Liên-xô bất đắc dĩ phải đánh lại, và liên minh với Anh — Mỹ để chống phe phát-xít. Từ đó, cuộc chiến tranh trở nên chiến tranh giữa phe dân chủ và phe phát-xít.

Nhờ lực lượng to lớn của Hồng quân và nhân dân Liên-xô, cùng chiến lược rất đúng của đồng chí Xta-lin, tháng 5 năm 1945, Đức thất bại, tháng 8 năm 1945, Nhật đầu hàng. *Phe dân chủ hoàn toàn thắng lợi.*

Trong thắng lợi đó, Liên-xô thắng to nhất, về quân sự cũng như về chính trị và tinh thần.

Nhờ Liên-xô thắng lợi mà các nước Đông Âu — trước đây là căn cứ của Đức phát-xít hoặc là một bộ phận của Đức phát-xít — đã trở nên những nước *dân chủ mới*.

Nhờ Liên-xô thắng lợi mà những nước nửa thuộc địa như Trung-quốc và những nước thuộc địa như Triều-tiên, Việt-nam, đã đánh đuổi hoặc đang đánh đuổi bọn đế quốc xâm lăng, tranh lại tự do, độc lập.

Nhờ Liên-xô thắng lợi mà phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa khác đang lên cao.

Mỹ thì thắng lợi về tiền tài. Trong khi các nước đang dốc hết lực lượng vào chiến tranh và bị chiến tranh tàn phá, thì Mỹ được dịp phát tài to.

Sau chiến tranh, Phát-xít Đức — Ý — Nhật bị tiêu diệt. Các đế quốc Anh — Pháp bị sa sút. Liên-xô khôi phục và phát triển công việc xây dựng chủ nghĩa xã hội rất mau chóng. Còn Mỹ, theo vết chân Đức — Ý — Nhật, trở nên trùm đế quốc phát-xít hiện nay.

Ở NƯỚC TA

Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Trung ương họp Hội nghị tháng 11 năm 1939, quyết định chính sách của Đảng là : lập *Mặt trận dân tộc thống nhất* chống thực dân Pháp và chống chiến tranh đế quốc, chuẩn bị khởi nghĩa. Không đề ra khẩu hiệu « tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày » để kéo tầng lớp địa chủ vào Mặt trận dân tộc.

Pháp đầu hàng phát-xít Đức, thì Nhật đến lấn Pháp ở Đông-dương và dùng thực dân Pháp làm tay sai để đàn áp cách mạng nước ta.

Trong thời kỳ đó, dân ta có ba cuộc khởi nghĩa : Bắc-sơn, Nam-kỳ, Đô-lương.

Tháng 5 năm 1941, Trung ương họp *Hội nghị lần thứ tám*. Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt-nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ; lập *Mặt trận Việt-minh*, khẩu hiệu chính là : đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập ; hoãn cách mạng ruộng đất.

Cái tên *Việt-nam độc lập đồng minh* rất rõ rệt, thiết thực và hợp với nguyện vọng toàn dân. Thêm

vào đó, chương trình giản đơn, thiết thực mà đầy đủ của Mặt trận gồm có 10 điểm như bài ca tuyên truyền đã kể:

*Có mười chính sách bày ra,
Một là ích quốc, hai là lợi dân.*

Mười điểm ấy, gồm những điểm chung cho toàn thể dân tộc và những điểm đấu tranh cho quyền lợi của công nhân, nông dân và cho mọi tầng lớp nhân dân.

Vì thế mà Việt-minh được nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh, và cũng do cán bộ rất cố gắng đi sát với dân, cho nên Việt-minh phát triển rất mau và rất mạnh. Vì mặt trận phát triển mạnh, mà Đảng phát triển cũng khá. Đảng lại giúp những anh em trí thức tiến bộ thành lập Đảng dân chủ Việt-nam để thu hút những thanh niên trí thức và công chức Việt-nam, và làm mau tan rã hàng ngũ bọn Đại Việt thân Nhật.

Ở ngoài thì Liên-xô và Đồng minh liên tiếp thắng trận. Trong nước thì Nhật và Pháp xung đột nhau. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt-minh đã khá mạnh. Nhân tình hình ấy, tháng 3 năm 1945, Thường vụ Trung ương họp cuộc *Hội nghị mở rộng*. Nghị quyết chính là: *Đầy mạnh phong trào chống Nhật và chuẩn bị tổng khởi nghĩa*. Lúc đó, chính quyền của thực dân Pháp đã bị phát-xít Nhật cướp giật.

Tháng 5 năm 1945, Đức đầu hàng. Tháng 8, Nhật đầu hàng. Liên-xô và Đồng minh hoàn toàn thắng lợi.

Đầu tháng 8, Đảng họp *Hội nghị toàn quốc lần thứ hai* ở Tân-trào để quyết định chương trình

hành động và tham gia *Quốc dân đại hội* do Việt-minh triệu tập, đại hội này cũng họp ở Tân-trào trong tháng đó.

Quốc dân đại hội thông qua chương trình của Việt-minh, thông qua lệnh tổng khởi nghĩa và bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng trung ương, ban này về sau trở nên Chính phủ lâm thời của nước ta.

Vì chính sách của Đảng đúng, và thi hành chính sách ấy kịp thời và linh động, cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công.

6. TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY

Do sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Đảng, do sức đoàn kết và hăng hái của toàn dân trong và ngoài Mặt trận Việt-minh, cuộc Cách mạng tháng Tám đã thắng lợi.

Các đồng chí,

Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt-nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

Về phần chúng ta, chúng ta phải nhớ rằng được như thế là nhờ sự thắng lợi vĩ đại của Hồng quân Liên-xô đã đánh bại phát-xít Nhật, nhờ sự thân ái nâng đỡ của tinh thần quốc tế, nhờ sự đoàn kết chặt chẽ của toàn dân, nhờ sự dũng cảm hy sinh của các tiên liệt cách mạng.

Các đồng chí ta như đồng chí Trần-Phú,⁶⁴ đồng chí Ngô-Gia-Tự,⁶⁵ đồng chí Lê-Hồng-Phong,⁶⁶ đồng chí Nguyễn-Thị-Minh-Khai,⁶⁷ đồng chí Hà-Huy-Tập, đồng chí Nguyễn-Văn-Cừ,⁶⁸ đồng chí Hoàng-Văn-Thụ,⁶⁹ và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thấy, hy sinh cả tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay.

Tất cả chúng ta phải noi theo các gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy, mới xứng đáng là người cách mạng.

Cách mạng tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần 100 năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây nền tảng cho nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc.

Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử của nước ta.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã làm cho chúng ta trở nên một bộ phận trong đại gia đình dân chủ thế giới.

Cách mạng tháng Tám có ảnh hưởng trực tiếp và rất to đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào. Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân hai nước Miên, Lào cũng nổi lên chống đế quốc và đòi độc lập.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa thành lập, đã tuyên bố trước thế giới quyền độc lập của Việt-nam, và thực hiện những quyền tự do dân chủ ở trong nước. Ở đây, nên nêu ngay một điểm là : khi tổ chức Chính phủ lâm thời, có những đồng chí trong Ủy ban trung ương do Quốc dân đại hội bầu ra, đáng lẽ tham dự Chính phủ, song các đồng chí ấy đã tự động xin lui, nhường chỗ cho những nhân sĩ yêu nước nhưng còn ở ngoài Việt-minh. Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân. Đó là một cử chỉ đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học.

7. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ

Chính quyền nhân dân ra đời, thì liền gặp những việc hết sức khó khăn.

Chính sách của Nhật và Pháp vơ vét nhân dân ta tận xương, tận tủy, chỉ trong vòng hơn nửa năm (cuối năm 1944 đầu năm 1945) hơn hai triệu đồng bào miền Bắc đã chết đói.

Nước ta độc lập chưa đầy một tháng, thì phía Nam, quân đội đế quốc Anh kéo đến. Chúng mượn tiếng là lột vũ trang của quân Nhật, nhưng sự thật chúng là đội viễn chinh giúp thực dân Pháp mưu cướp lại nước ta.

Phía Bắc thì quân đội Quốc dân đảng Trung-hoa kéo sang. Chúng cũng mượn tiếng là lật vũ trang quân Nhật, nhưng kỳ thật chúng có ba mục đích hung ác :

— Tiêu diệt Đảng ta,

— Phá tan Việt-minh,

— Giúp bọn phản động Việt-nam đánh đổ chính quyền nhân dân, đề lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng.

Đứng trước tình hình gay go và cấp bách ấy, Đảng phải dùng mọi cách để sống còn, hoạt động và phát triển, đề lãnh đạo kín đáo và có hiệu quả hơn, và đề có thời giờ củng cố dần dần lực lượng của chính quyền nhân dân, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất.

Lúc đó, Đảng không thể do dự. Do dự là hỏng hết, Đảng phải quyết đoán mau chóng, phải dùng những phương pháp — dù là những phương pháp đau đớn — để cứu vãn tình thế...

Mặc dầu nhiều khó khăn to lớn, Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo nhân dân đưa nước ta qua những thác ghềnh nguy hiểm và đã thực hiện nhiều điềm của chương trình Mặt trận Việt-minh.

— Tỏ chức Tổng tuyển cử, bầu ra Quốc hội và lập Hiến pháp ;

— Xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân ;

— Tiêu diệt bọn phản động Việt-nam ;

— Xây dựng và củng cố quân đội nhân dân, vũ trang nhân dân ;

— Đặt luật lao động ;

— Giảm tô, giảm tức ;

— Xây dựng văn hóa nhân dân ;

— Mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất (lập Liên-Việt).

Ở đây cũng cần nhắc lại *Hiệp định 6 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946*, vì việc này cũng làm cho nhiều người thắc mắc và cho đó là chính sách *quá hữu*. Nhưng các đồng chí và đồng bào Nam-bộ thì lại cho là đúng. Mà đúng thật. Vì đồng bào và đồng chí ở Nam đã khéo lợi dụng dịp đó để xây dựng và phát triển lực lượng của mình.

Lê-nin có nói rằng: *Nếu có lợi cho cách mạng*, thì dù phải thỏa hiệp với bọn kẻ cướp, chúng ta cũng thỏa hiệp.

Chúng ta cần hòa bình để xây dựng nước nhà, cho nên chúng ta đã ép lòng mà nhân nhượng để giữ hòa bình. Dù thực dân Pháp đã bội ước, đã gây chiến tranh, nhưng gần một năm tạm hòa bình đã cho chúng ta thời giờ để xây dựng lực lượng căn bản.

Khi Pháp đã cố ý gây chiến tranh, chúng ta không thể nhịn nữa thì cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

8. CUỘC TRƯỜNG KỲ KHÁNG CHIẾN

Địch âm mưu đánh chớp nhoáng. Chúng muốn đánh mau, thắng mau, giải quyết mau, thì Đảng và Chính phủ ta nêu lên khẩu hiệu: *Trường kỳ kháng chiến*.

Địch âm mưu chia rẽ, thì ta nêu lên khẩu hiệu: *Đoàn kết toàn dân*.

Thế là ngay từ lúc đầu, chiến lược ta đã thắng chiến lược địch.

Kháng chiến trường kỳ, thì quân đội phải đủ súng đạn, quân và dân phải đủ ăn, đủ mặc. Nước ta nghèo, kỹ thuật ta kém, những thành phố có chút công nghiệp đều bị giặc chiếm. Chúng ta phải dùng tinh thần hăng hái của toàn dân để tìm cách giải quyết sự thiếu kém vật chất. Đảng và Chính phủ bèn nêu ra khẩu hiệu: *Thi đua ái quốc*. Thi đua mọi mặt, nhưng nhằm ba điểm chính: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm.

Về thi đua, công nhân ta đã thi đua chế tạo vũ khí cho bộ đội. Bộ đội ta đã hăng hái luyện quân lập công và đã có kết quả tốt. Những cuộc thắng trận vừa qua đã chứng rõ điều đó. Nhân dân ta đã hăng hái thi đua và đã có kết quả khá: kinh tế nước ta lạc hậu, ta kháng chiến đã bốn, năm năm trường, nhưng vẫn chịu đựng được, không đến nổi quá đói rách; đó là một chứng cứ. Đại đa số đồng bào thoát nạn mù chữ; đó là một kết quả vẻ vang mà thế giới đều khen ngợi. Tôi đề nghị Đại hội ta gửi lời thân ái cảm ơn và khen ngợi bộ đội và đồng bào ta.

Nhưng việc tổ chức, theo dõi, trao đổi và tổng kết kinh nghiệm thì còn kém. Đó là khuyết điểm của chúng ta. Từ nay chúng ta phải cố gắng sửa chữa những khuyết điểm ấy, thì *thi đua* chắc sẽ có kết quả nhiều hơn, tốt đẹp hơn nữa.

Quân sự là việc chủ chốt trong kháng chiến.

Lúc bắt đầu kháng chiến, *Quân đội* ta là một quân đội thơ ấu. Tinh thần dũng cảm có thừa, nhưng thiếu vũ khí, thiếu kinh nghiệm, thiếu cán bộ, thiếu mọi mặt.

Quân đội địch là một quân đội nổi tiếng trong thế giới. Chúng có hải quân, lục quân, không quân. Chúng lại có đế quốc Anh — Mỹ giúp, nhất là Mỹ.

Lực lượng ta và địch so le nhiều như thế, cho nên lúc đó có người cho rằng: cuộc kháng chiến của ta là « châu chấu đấu voi ».

Chỉ nhìn về vật chất, chỉ nhìn ở hiện trạng, chỉ lấy con mắt hẹp hòi mà xem, thì như thế thật. Vì đề chống máy bay và đại bác của địch, lúc đó ta phải dùng gậy tầm vông. Nhưng Đảng ta theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chúng ta không những nhìn vào hiện tại, mà lại nhìn vào tương lai, chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc. Cho nên chúng ta quả quyết trả lời những người lừng chừng và bi quan kia rằng :

*Nay tuy châu chấu đấu voi,
Nhưng mai voi sẽ bị lòì ruột ra.*

Sự thật đã chứng tỏ rằng « voi » thực dân đã bắt đầu lòì ruột, mà bộ đội ta đã trưởng thành như con hổ oai hùng.

Dù lúc đầu sức địch mạnh như vậy, sức ta yếu như vậy, mà ta vẫn gan góc kháng chiến, vẫn tranh được nhiều thắng lợi, và tin chắc ta sẽ tranh được thắng lợi cuối cùng. Đó là vì ta có chính nghĩa, vì quân ta dũng cảm, dân ta đoàn kết và quật cường, vì ta được nhân dân Pháp và phe dân chủ thế giới ủng hộ. Mà cũng chính vì *chiến lược ta đúng*.

Đảng và Chính phủ ta đã nhận cuộc kháng chiến có ba giai đoạn :

— *Giai đoạn thứ nhất*, thì ta cốt giữ vững và phát triển chủ lực. Giai đoạn này từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 đến hết chiến dịch Việt-bắc, thu đông năm 1947.

— *Giai đoạn thứ hai*, thì ta tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công. Giai đoạn này từ sau chiến dịch Việt-bắc năm 1947 đến nay.

— *Giai đoạn thứ ba*, là tổng phản công.

Về điểm này, vì không hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ, cho nên một số đồng chí có quan niệm sai lầm. Có người cho rằng khẩu hiệu chuẩn bị tổng phản công nêu ra sớm quá. Có người lại muốn biết ngày nào, giờ nào tổng phản công. Có người thì tưởng rằng năm 1950 nhất định tổng phản công, v.v...

Những quan niệm sai lầm ấy rất có hại cho công tác.

Trước hết, chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng: *kháng chiến là trường kỳ và gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.*

Kháng chiến phải trường kỳ, vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài và phải có sự chuẩn bị về toàn diện của toàn dân. Chúng ta cũng phải luôn luôn nhớ rằng: Giặc Pháp, so với ta, là một kẻ địch khá mạnh, chúng lại có Mỹ và Anh giúp.

Giặc Pháp là «vỏ quýt dày», ta phải có thời gian để mài «móng tay nhọn», rồi mới xé toang xác chúng ra.

Chúng ta lại phải hiểu rằng: giai đoạn này có dính líu với giai đoạn khác, nó kế tiếp giai đoạn trước và nó gây những mầm mống cho giai đoạn sau.

Có nhiều sự biến đổi mới sinh ra từ một giai đoạn này đến một giai đoạn khác. Trong một giai đoạn cũng có những sự biến đổi của nó.

Có thể xét tình hình chung mà định ra từng giai đoạn lớn, nhưng không thể tách hẳn từng giai đoạn một cách dứt khoát như người ta cắt cái bánh. Một giai đoạn dài hay ngắn phải tùy theo tình hình trong nước và thế giới, tùy theo sự biến đổi lực lượng địch và lực lượng ta.

Chúng ta phải hiểu rằng: trường kỳ kháng chiến có liên hệ mật thiết đến việc chuẩn bị tổng phản công. Kháng chiến trường kỳ nên chuẩn bị tổng phản công cũng phải trường kỳ. Một mặt tùy theo sự biến đổi của lực lượng địch và lực lượng ta, một mặt cũng tùy theo sự biến đổi của tình hình quốc tế, mà tổng phản công có thể đến mau hay chậm.

Vô luận thế nào, chuẩn bị càng cẩn thận, càng đầy đủ, thì tổng phản công càng chắc chắn, càng thuận lợi.

Khẩu hiệu: *chuẩn bị để chuyển mạnh sang tổng phản công* đề ra đầu năm 1950.

Trong một năm đó, chúng ta có chuẩn bị hay không ?

Chúng ta có *chuẩn bị*. Chính phủ đã ra lệnh tổng động viên, đã cổ động thi đua ái quốc. Quân đội và nhân dân đang ra sức chuẩn bị và có kết quả tốt, như mọi người đều biết.

Trong năm 1950, ta có *chuyển* hay không ?

Có. Ta có *chuyển* và ta đang chuyển. Cuộc thắng lợi to về ngoại giao đầu năm và cuộc thắng lợi to về quân sự cuối năm 1950, là chứng cứ rõ rệt.

Đã tổng phản công chưa ?

Chúng ta vẫn đang chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, chứ chưa phải đã thực hiện tổng phản công. Phải hiểu rõ chữ *chuẩn bị chuyển mạnh* sang...

Khi nào chuẩn bị *thật đầy đủ* thì sẽ tổng phản công. Chuẩn bị càng đầy đủ, thật đầy đủ, thì thời giờ tổng phản công càng mau chóng, tổng phản công càng thuận lợi.

Chúng ta không nên hấp tấp, vội vàng, không nên nóng nảy, sốt ruột.

Quân đội, nhân dân, cán bộ, tất cả mọi người, tất cả mọi ngành đều phải ra sức *thi đua chuẩn bị cho đầy đủ*. Bao giờ *chuẩn bị đầy đủ* thì chúng ta sẽ tổng phản công và lúc đó tổng phản công nhất định sẽ thắng lợi.

9. SỬA CHỮA NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM SAI LẦM

Đảng ta thành tích khá nhiều, nhưng *khuyết điểm cũng không ít*. Chúng ta cần phải thật thà tự phê bình để sửa chữa. Phải cố sửa chữa để tiến bộ.

Trước khi nêu những khuyết điểm chúng ta phải nhận rằng Đảng ta có những cán bộ — nhất là cán bộ trong vùng bị tạm chiếm — rất dũng cảm, tận tụy, bất kỳ gian nan nguy hiểm thế nào, vẫn cứ đi sát với dân, vẫn cứ bám lấy công việc, không nhút nhát, không than phiền, hy sinh cả tính mệnh cũng không tiếc.

Đó là những chiến sĩ kiểu mẫu của dân tộc, những người con xứng đáng của Đảng.

Điễm lại từ ngày thành lập đến nay, nói chung chính sách của Đảng ta đúng. Không đúng sao lập được những thành tích lớn lao như ngày nay? Nhưng có mấy khuyết điễm và nhược điễm lớn dưới đây :

Vì việc học tập chủ nghĩa còn kém, cho nên tư tưởng của nhiều cán bộ và đảng viên chưa thuần thực, trình độ lý luận còn non nớt. Do đó, trong khi thi hành chính sách của Đảng và của Chính phủ, đã xảy ra những khuynh hướng sai lầm hoặc « tả » hoặc hữu (như trong chính sách ruộng đất, mặt trận, dân tộc thiểu số, tôn giáo, chính quyền, v.v.).

Công tác tổ chức cũng còn kém, cho nên nhiều khi không đảm bảo được việc thi hành đúng chính sách của Đảng và của Chính phủ.

Vì vậy, học tập chủ nghĩa, dồi mài tư tưởng, nâng cao lý luận, chỉnh đốn tổ chức — là những việc cần kíp của Đảng.

Ngoài ra, ở các cơ quan lãnh đạo các cấp, về lề lối làm việc, về chủ trương và cách lãnh đạo còn có những khuyết điễm khá phổ thông và nghiêm trọng. Ấy là những bệnh chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh, hẹp hòi và bệnh công thần.

Bệnh chủ quan tỏ ra ở tư tưởng cho rằng trường kỳ kháng chiến có thể trở thành đoản kỳ kháng chiến.

Bệnh quan liêu tỏ ra ở chỗ thích giấy tờ, xa quần chúng, không điều tra nghiên cứu, không kiểm tra theo dõi việc thi hành, không học tập kinh nghiệm của quần chúng.

Bệnh *mệnh lệnh* tỏ ra ở chỗ hay dựa vào chính quyền mà bắt dân làm, ít tuyên truyền giải thích cho dân tự giác, tự động.

Bệnh *hẹp hòi* tỏ ra ở chỗ đối với người ngoài Đảng nhiều khi quá khát khe, hoặc phớt người ta đi, không chịu bàn bạc, hỏi han ý kiến.

Còn bệnh *công thần* thì tỏ ra như thế này :

— Cây mình có một ít thành tích, thì tự kiêu tự đại, cho mình là « cứu tinh » của dân, « công thần » của Đảng. Rồi đòi địa vị, đòi danh vọng. Việc to không làm được, việc nhỏ không muốn làm. Bệnh công thần rất có hại cho đoàn kết ở trong Đảng cũng như ở ngoài Đảng.

— Cây thế mình là người của Đảng, phớt cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ.

Những đồng chí mắc bệnh ấy không hiểu rằng : mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng.

Trong Đảng có những bệnh ấy và bệnh khác, Trung ương cũng phải chịu một phần trách nhiệm. Vì Trung ương chưa chú trọng việc *kiểm tra*. Sự huấn luyện về chủ nghĩa tuy có, nhưng chưa được khắp, chưa được đủ. *Dân chủ* trong Đảng chưa được thực hiện rộng rãi. *Phê bình* và *tự phê bình* chưa thành nền nếp thường xuyên.

Tuy nhiên, những việc đó đang được chấn chỉnh phần nào. Những cuộc kiểm thảo và phong trào phê bình và tự phê bình gần đây đã mang lại kết quả tốt, mặc dầu còn có chỗ lạch lạch.

Đồng chí Xta-lin có nói : đảng cách mạng cần phê bình và tự phê bình cũng như người ta cần không khí. Và : kiểm tra chặt chẽ thì có thể tránh được nhiều khuyết điểm nặng nề.

Từ nay, Đảng phải tìm cách giáo dục chủ nghĩa cho phổ biến, đề nâng cao tư tưởng chính trị của đảng viên. Phải phát triển lối *làm việc tập thể*. Phải củng cố mối *liên hệ giữa Đảng và quần chúng*. Phải đề cao tinh thần *kỷ luật*, tinh thần *nguyên tắc*, tinh thần *Đảng* của mỗi đảng viên. Phải mở rộng phong trào phê bình và tự phê bình ở trong Đảng, ở các cơ quan, các đoàn thể, trên các báo chí cho đến nhân dân. Phê bình và tự phê bình phải thường xuyên, thiết thực, dân chủ, từ trên xuống và từ dưới lên. Sau hết là Đảng phải có sự kiểm tra chặt chẽ.

Làm được như thế thì khuyết điểm sẽ bớt, và tiến bộ sẽ mau.

10. TÌNH HÌNH MỚI VÀ NHIỆM VỤ MỚI

A. — TÌNH HÌNH MỚI.

Mọi người đều biết rằng ngày nay thế giới chia làm hai phe rõ rệt :

— *Phe dân chủ* do Liên-xô lãnh đạo, gồm các nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân chủ mới ở châu Âu và ở châu Á. Nó gồm cả các nước dân tộc bị áp bức đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược, và các đoàn thể dân chủ cùng những nhân sĩ dân chủ ở các nước tư bản.

Phe dân chủ là một lực lượng rất mạnh và ngày càng mạnh thêm. Vài điểm dưới đây đủ chứng tỏ điều đó:

Thử xem địa đồ thế giới: nước Liên-xô xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ mới từ Đông Âu sang Đông Á liền thành một khối rộng lớn, gồm 800 triệu nhân dân; trong khối ấy các dân tộc đoàn kết, cùng chung một mục đích, không có chút gì mâu thuẫn. Nó đại biểu cho sự tiến bộ, cho tương lai tươi sáng của loài người. Đó là một lực lượng vô cùng mạnh mẽ.

Trong đại hội lần thứ hai của Mặt trận hòa bình họp ở thủ đô nước Ba-lan hồi tháng 11 năm 1950, các đại biểu của 500 triệu chiến sĩ hòa bình ở 81 nước đã thề kiên quyết giữ gìn hòa bình thế giới và chống chiến tranh đế quốc. Đó là *Mặt trận thống nhất* của thế giới hòa bình và dân chủ. Đó là một lực lượng rất mạnh và ngày càng thêm mạnh.

— *Phe phản dân chủ* do Mỹ cầm đầu. Ngay lúc chiến tranh thế giới lần thứ hai vừa kết thúc, Mỹ đã trở nên trùm đế quốc, trùm phản động thế giới. Anh với Pháp là tay phải tay trái của Mỹ, các chính phủ phản động ở phương Đông và phương Tây là lâu la của Mỹ...

Với tham vọng làm chúa thế giới, Mỹ một tay thì cầm đồng đô-la để lợi dụ thiên hạ, một tay thì cầm bom nguyên tử để uy hiếp thế giới. Nào chính sách Tơ-ru-man, nào kế hoạch Mác-san, nào hiệp ước Đại-tây-dương, nào chương trình Đông-Nam Á. Tất cả những thủ đoạn ấy của Mỹ đều nhằm vào mục đích chuẩn bị chiến tranh thế giới lần thứ ba.

Những tham vọng của Mỹ gặp phải một sức ngăn trở to lớn : sức ấy tức là lực lượng vĩ đại của Liên-xô, phong trào dân chủ, hòa bình và phong trào dân tộc giải phóng đang sôi nổi khắp thế giới.

Chính sách Mỹ hiện nay là : Ở châu Á thì giúp bọn phản động như Tưởng-Giới-Thạch, Lý-Thừa-Vân, Bảo-Đại, v.v., giúp đế quốc Anh chống kháng chiến của Mã-lai, giúp thực dân Pháp chống kháng chiến của Việt-nam. Mỹ thì trực tiếp gây ra chiến tranh xâm lược ở Triều-tiên và chiếm Đài-loan để hòng phá cách mạng Trung-quốc.

Ở châu Âu thì Mỹ do kế hoạch Mác-san và hiệp ước Đại-tây-dương mà nắm quyền quân sự, chính trị, kinh tế của các nước ở Tây Âu, đồng thời ra sức vũ trang cho các nước ấy, bắt buộc các nước ấy phải cung cấp lính để làm bia đỡ đạn cho Mỹ, như kế hoạch lập ra 70 sư đoàn ở Tây Âu do một người Mỹ làm tổng tư lệnh.

Nhưng phe Mỹ có rất nhiều chỗ yếu :

Ngoài sức mạnh của phe dân chủ, phe Mỹ còn bị một lực lượng khác đe dọa — ấy là kinh tế khủng hoảng.

Nội bộ phe Mỹ có nhiều mâu thuẫn. Vài thí dụ : Mỹ muốn Tây Đức lập một quân đội gồm 10 sư đoàn, bị nhân dân Pháp phản đối. Anh thì ngầm chống Mỹ vì tranh nhau các mỏ dầu ở Cận Đông và tranh nhau ảnh hưởng ở Viễn Đông.

Nhân dân, nhất là các tầng lớp lao động các nước bị Mỹ « giúp », đều oán ghét Mỹ, vì Mỹ lấn quyền kinh tế của họ, đụng chạm đến quyền độc lập của nước họ.

Mỹ tham quá, muốn lập căn cứ địa khắp hoàn cầu; nhóm phản động nào, chính phủ phản động nào, Mỹ cũng giúp. Mặt trận của Mỹ quá dài, quá rộng, thành thử lực lượng của Mỹ ắt phải mỏng manh. Chứng cứ rõ rệt là Mỹ cùng 40 nước chư hầu của Mỹ đánh với một nước Triều-tiên mà cũng đang thất bại. Mỹ giúp phe phản động Trung-quốc là Quốc dân đảng do Tưởng-Giới-thạch làm trùm, nhưng họ Tưởng vẫn thất bại. Mỹ giúp thực dân Pháp ở Việt-nam, mà kháng chiến Việt-nam vẫn thắng.

Nói tóm lại: chúng ta có thể đoán chắc rằng phe đế quốc phản động nhất định sẽ thua, phe hòa bình và dân chủ nhất định sẽ thắng.

Việt-nam ta là một bộ phận của phe dân chủ thế giới. Hiện nay lại là một đồn lũy chống đế quốc, chống phe phản dân chủ do Mỹ cầm đầu.

Từ ngày bắt đầu kháng chiến, Anh và Mỹ đã giúp thực dân Pháp. Nhưng từ 1950, Mỹ đã công khai can thiệp vào nước ta.

Cuối năm 1950, Anh cùng Pháp chuẩn bị lập một mặt trận « thống nhất » để cùng nhau hợp sức chống kháng chiến Mã-lai và kháng chiến Việt-nam.

Thế là tình hình thế giới dính dáng mật thiết với nước ta. Thắng lợi của phe dân chủ cũng là thắng lợi của ta, mà ta thắng lợi cũng là phe dân chủ thắng lợi. Vì vậy, khẩu hiệu chính của ta ngày nay là: *Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới.*

B. — NHIỆM VỤ MỚI.

Các đồng chí Trung ương sẽ báo cáo rõ về những vấn đề quan trọng, như chính cương điều lệ, quân sự, chính quyền, mặt trận dân tộc thống nhất, kinh tế, v.v.. Báo cáo này chỉ nêu ra mấy nhiệm vụ *chính* trong những nhiệm vụ mới của chúng ta là :

1. *Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.*
2. *Tổ chức Đảng Lao động Việt-nam.*

1. Chúng ta phải ra sức phát triển lực lượng của quân đội và của nhân dân để đánh thắng nữa, đánh thắng mãi, để tiến tới tổng phản công.

Nhiệm vụ này nhằm vào mấy điều chính :

— Trong công việc *xây dựng và phát triển quân đội*, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố công tác *chính trị và quân sự* trong bộ đội ta. Phải nâng cao giác ngộ chính trị, nâng cao chiến thuật và kỹ thuật, nâng cao *kỷ luật tự giác* của bộ đội ta. Phải làm cho quân đội ta thành một quân đội chân chính của *nhân dân*.

Đồng thời, phải phát triển và củng cố *dân quân du kích* về mặt : tổ chức, huấn luyện, chỉ đạo và sức chiến đấu. Phải làm cho lực lượng của dân quân du kích thành những *tám lưới sắt* rộng rãi và chắc chắn, chằng khắp mọi nơi, địch mò đến đâu là mắc lưới đến đó.

— *Phát triển tinh thần yêu nước*. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết

thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng⁷⁰, Bà Triệu⁷¹, Trần-Hưng-Đạo⁷², Lê-Lợi⁷³, Quang-Trung⁷⁴, v.v.. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bồn phận của

chúng ta là làm cho những cửa quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần « vị quốc » của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Liên-xô đã đánh tan bọn phát-xít Đức — Nhật và giữ vững Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, và do đó mà giúp đỡ giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chính do tinh thần yêu nước mà Quân giải phóng và nhân dân Trung-quốc đã đánh tan bọn bán nước là Tưởng-Giới-Thạch và đuổi được bọn đế quốc Mỹ. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Triều-tiên cùng quân tình nguyện Trung-quốc đang đánh cho bọn đế quốc Mỹ và phe lũ chạy dài. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta đã mấy năm trường chịu đựng trăm đắng nghìn cay, kiên quyết đánh cho tan bọn thực dân cướp nước và bọn việt gian phản quốc, kiên quyết xây dựng một nước Việt-nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt-nam dân chủ mới.

— *Đầy mạnh thi đua ái quốc.* Trước hết là bộ đội thi đua diệt giặc lập công; hai là nhân dân thi đua tăng gia sản xuất. Chúng ta phải đưa tất cả tinh thần và năng lực mà đầy mạnh hai việc đó.

— Trong công việc to tát kháng chiến kiến quốc, *Mặt trận Liên-Việt — Việt-minh*, công đoàn, nông hội và các đoàn thể quần chúng có một tác dụng

rất to lớn. Chúng ta phải giúp cho các đoàn thể ấy phát triển, củng cố và hoạt động thực sự.

— Về chính sách ruộng đất, ở những vùng tự do, phải triệt để thi hành giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian tạm cấp cho dân cày nghèo và gia đình các chiến sĩ để cải thiện đời sống cho dân cày và nâng cao tinh thần cùng lực lượng kháng chiến của họ.

— Về kinh tế tài chính, phải bảo vệ và phát triển nền tảng kinh tế của ta, đấu tranh kinh tế với địch. Thuế khóa phải công bằng hợp lý. Việc thu và chi của tài chính phải tiến đến thăng bằng, để đảm bảo sự cung cấp cho bộ đội và nhân dân.

— Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt-nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Chúng ta thắng trận, thì những vùng bị tạm chiếm sẽ được lần lượt giải phóng. Vì vậy, chúng ta phải ra sức chuẩn bị sẵn sàng để củng cố những vùng mới được giải phóng về mọi mặt.

— Tinh mệnh và tài sản của kiều dân nước ngoài tuân theo pháp luật Việt-nam, phải được bảo hộ. Đối với Hoa kiều, thì nên khuyến khích họ tham gia kháng chiến Việt-nam. Nếu họ tình nguyện, thì sẽ được hưởng mọi quyền lợi và làm mọi nghĩa vụ như công dân Việt-nam.

Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cũng kháng chiến. Bọn thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là kẻ thù của ta và của dân tộc Miên, Lào. Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào ; và tiến đến thành lập Mặt trận dân tộc Việt — Miên — Lào.

— Chúng ta kháng chiến thắng lợi, một phần là nhờ sự đồng tình của các *nước bạn* và nhân dân thế giới. Vì vậy, chúng ta phải củng cố tình thân thiện giữa nước ta và các nước bạn, giữa dân ta và nhân dân các nước trên thế giới.

2. Để thực hiện những điểm ấy, chúng ta phải có một đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và tình hình trong nước, để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi, đảng đó lấy tên *Đảng Lao động Việt-nam*.

Về *thành phần*, Đảng Lao động Việt-nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng.

Về *lý luận*, Đảng Lao động Việt-nam theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Về *tổ chức*, Đảng Lao động Việt-nam theo chế độ dân chủ tập trung.

Về *kỷ luật*, Đảng Lao động Việt-nam phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác.

Về *luật phát triển*, Đảng Lao động Việt-nam dùng lối phê bình và tự phê bình để giáo dục đảng viên, giáo dục quần chúng.

Về mục đích trước mắt, Đảng Lao động Việt-nam đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại thống nhất và độc lập hoàn toàn; lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội.

Đảng Lao động Việt-nam phải là một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để.

Đảng Lao động Việt-nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt-nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới.

Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt-nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là đảng của dân tộc Việt-nam.

Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa *kháng chiến đến thắng lợi*. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó.

Công việc của chúng ta rất to lớn. Tiền đồ của chúng ta rất vẻ vang. Song chúng ta còn phải kinh qua nhiều khó khăn. Kháng chiến có những khó khăn của kháng chiến. Thắng lợi cũng có những khó khăn của thắng lợi. Thí dụ :

— Tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa đủ thành thực để đối phó với mọi cuộc biến đổi mới trong nước và ngoài thế giới.

— Để quốc Mỹ có thể giúp giặc Pháp nhiều hơn nữa, do đó mà giặc Pháp có thể ngông cuồng hơn nữa.

— Công việc ngày càng nhiều, mà ta còn thiếu cán bộ, cán bộ còn thiếu năng lực và kinh nghiệm.

— Giải quyết vấn đề kinh tế và tài chính thế nào cho hợp lý, cho lợi dân, v.v..

Chúng ta không sợ khó khăn. Nhưng chúng ta phải trông thấy trước và trông thấy rõ, phải chuẩn bị sẵn sàng để giải quyết những khó khăn ấy.

Với sự đoàn kết nhất trí và lòng kiên quyết quật cường của Đảng, của Chính phủ và của toàn dân, chúng ta nhất định khắc phục được mọi khó khăn để đi đến hoàn toàn thắng lợi.

Cách mạng tháng Mười thành công. Cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên-xô thành công. Cách mạng Trung-quốc thành công. Những thành công vĩ đại ấy đã mở đường cho sự thành công của cách mạng nước ta và nhiều nước khác trên thế giới.

Ta có một Đảng to lớn, mạnh mẽ. To lớn, mạnh mẽ là vì có chủ nghĩa Mác—Lê-nin, vì sự cố gắng không ngừng của toàn thể đảng viên, vì được toàn quân và toàn dân thương yêu, tin cậy, ủng hộ...

Vì vậy, tôi chắc rằng: chúng ta sẽ làm tròn nhiệm vụ nặng nề mà vẻ vang là:

— Xây dựng một Đảng Lao động Việt-nam rất mạnh mẽ,

- Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn,
- Xây dựng Việt-nam dân chủ mới,
- Góp sức vào việc giữ gìn dân chủ thế giới và hòa bình lâu dài.

Đọc báo cáo ngày 11 tháng 2 năm 1951.

In trong sách *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tr. 97-120.

Theo đúng bài in trong sách *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*.

THƯ GỬI NÔNG DÂN THI ĐUA CANH TÁC

Cùng đồng bào nông dân toàn quốc,

Từ ngày phát động phong trào toàn dân canh tác, mọi người đều nỗ lực thi đua cày cấy trồng trọt. Nhờ đó mà năm ngoái, mặc dầu thiên tai (lụt, bão), nhân họa (giặc phá phách) nhưng kết quả lương thực vẫn đủ nuôi nhân dân cùng bộ đội và bộ đội ta đã thắng to.

Năm nay, kháng chiến tiến mạnh hơn nữa. Chúng ta phải chuẩn bị lương thực đầy đủ hơn nữa.

Muốn đánh thắng thì quân và dân ta phải ăn no. Muốn ăn no thì phải có nhiều lương thực. Muốn nhiều lương thực thì phải cày cấy nhiều. Phải chịu khó bón phân, nhặt cỏ.

« Thực túc thì binh cường »

Chiến sĩ ở trước mặt trận thi đua giết giặc lập công. Thi đồng bào ở hậu phương phải thi đua tăng gia sản xuất.

*Ruộng rẫy là chiến trường,
Cày cuốc là vũ khí,
Nhà nông là chiến sĩ,
Hậu phương thi đua với tiền phương.*

Thí dụ : Mùa năm ngoái được 10 tạ, mùa năm nay, ta phải làm cho được 12, 13 tạ. *Mùa năm nay phải là một mùa thắng lợi.*

Khi thi đua thi đồng bào nhà nông phải giúp đỡ nhau bằng mọi cách, để cùng nhau tiến bộ. Cán bộ chính quyền và các đoàn thể, trước hết là *Nông hội*, cần phải đi sát với dân, đôn đốc và giúp đỡ dân về mọi mặt.

Tôi hứa rằng, Chính phủ sẽ khen thưởng xứng đáng những đồng bào thi đua có kết quả trội nhất.

Thế là thi đua tăng gia sản xuất là đã ích cho nước, lại lợi cho mình.

Tôi chắc rằng : với lòng nồng nàn yêu nước và chí kiên quyết của đồng bào, mùa này nhất định là một mùa thắng lợi.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng Giêng Tân-Mão tức tháng 2-1951

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Nhân dân*, số 1,
ngày 11 tháng 3 năm 1951.

Theo đúng bài in trên
báo *Nhân dân*.

LỜI PHÁT BIỂU TRONG BUỔI KHAI MẠC ĐẠI HỘI THỐNG NHẤT VIỆT-MINH-LIÊN-VIỆT

Thưa các cụ, các đại biểu, các cô, các chú,

Tôi rất sung sướng được lãnh cái trách nhiệm kết thúc lễ khai mạc của Đại hội toàn quốc thống nhất Việt-minh — Liên-Việt⁷⁵ này.

Trước hết tôi thay mặt Chủ tịch đoàn hỏi thăm chiến sĩ, hỏi thăm các cán bộ của Mặt trận Việt-minh — Liên-Việt, an ủi đồng bào vùng địch tạm chiếm và đồng bào hải ngoại (*Vỗ tay*).

Sung sướng hôm nay là chung của toàn dân, của Đại hội, nhưng riêng cho tôi là một sung sướng vừa dễ hiểu vừa khó tả. Một người đã cùng các vị đấu tranh trong bấy nhiêu năm cho khối đại đoàn kết toàn dân, hôm nay trông thấy rừng cây đoàn kết đã nở hoa kết quả (*vỗ tay*) và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân. Nó có một tương lai « trường xuân bất lão ». (*Có tiếng cười*).

Tôi sung sướng hơn nữa vì từ nay chẳng những là toàn dân Việt-nam đại đoàn kết, mà toàn dân hai nước anh em là Cao-miên và Ai-lao cũng đi đến đại đoàn kết. (*Vỗ tay lâu*). Tin mừng đại đoàn kết của hai dân tộc anh em ấy do các vị đại biểu Miên, Lào thân hành mang đến cho chúng ta.

Thế là dân tộc Việt-nam đại đoàn kết, dân tộc Miên đại đoàn kết, dân tộc Lào đại đoàn kết. Chúng ta nhất định đi đến Việt — Miên — Lào đại đoàn kết. (*Vỗ tay lâu*).

Với sự đồng tâm nhất trí của ba dân tộc anh em, chúng ta sẽ vượt mọi khó khăn gian khổ, đánh tan thực dân Pháp xâm lược, đánh tan bọn can thiệp Mỹ và bất cứ kẻ thù xâm lược nào khác. (*Vỗ tay*).

Về Chính cương, Điều lệ của Mặt trận Liên-Việt sẽ do các vị thảo luận kỹ càng và quyết định sáng suốt trong cuộc Đại hội này. Đây tôi chỉ xin nêu ra vài điểm để giúp Đại hội nghiên cứu.

1. Mặt trận phải càng ngày càng tiến mạnh trên con đường dân chủ.

2. Sự hoạt động của Mặt trận nên nhằm vào điểm chính để khởi việc gì cũng làm, nhưng không việc gì làm chu đáo. Điểm chính ấy là thi đua ái quốc.

3. Các đảng phái, đoàn thể và nhân sĩ trong Mặt trận cần phải đoàn kết chặt chẽ, thân ái giúp đỡ lẫn nhau, thật thà học tập những ưu điểm và phê bình những khuyết điểm của nhau để cùng nhau tiến bộ.

Trong Đại hội này, chúng ta có đại biểu đủ các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc, già có, trẻ có, nam có, nữ có, thật là một đại gia đình tương thân tương ái. Chắc rằng sau cuộc Đại hội, khối đoàn kết thân ái ấy sẽ phát triển và củng cố khắp toàn dân. Khối đại đoàn kết ấy sẽ phát triển đến nhân dân các nước bạn, nhân dân nước Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình dân chủ toàn thế giới.

Lực lượng vô cùng vĩ đại ấy chẳng những giúp chúng ta kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, mà còn giúp chúng ta góp sức vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình và dân chủ thế giới.

Thưa các cụ, các đại biểu, các cô, các chú,

Đầu năm ngoái chúng ta thắng lợi to về chính trị, Liên-xô, Trung-quốc và các nước dân chủ nhân dân thừa nhận Chính phủ ta, do đó có thắng lợi to ở Biên giới và Trung du.

Đầu năm nay, chúng ta lại thắng lợi to về chính trị, việc Đảng Lao động Việt-nam ra đời và việc thống nhất Việt-minh — Liên-Việt, thì nhất định với đà ấy, chúng ta sẽ có những thắng lợi về quân sự to hơn nữa.

Toàn dân đoàn kết muôn năm !

Mặt trận Liên — Việt muôn năm !

Việt — Miên — Lào đại đoàn kết muôn năm !

Kháng chiến nhất định thắng lợi !

Phe dân chủ hòa bình nhất định thắng lợi !

Phát biểu ngày 3 tháng 3 năm 1951.

In trên báo *Nhân dân*, số 2, ngày 25 tháng 3 năm 1951.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập II, tr. 83-85.

THƯ GỬI ĐẠI HỘI GIÁO DỤC TOÀN QUỐC

Tôi thân ái gửi lời chúc các đại biểu mạnh khỏe và cố gắng làm việc. Sau đây là vài ý kiến đề giúp phần vào việc thảo luận của Hội nghị.

Đại hội nên kiểm thảo kỹ công tác « cải cách » về chương trình và cách thi hành, để tìm thấy những khuyết điểm mà sửa đổi, những ưu điểm mà phát triển thêm.

Đại hội nên chú ý làm thế nào cho việc giáo dục liên hệ với đời sống của nhân dân, với công cuộc kháng chiến và kiến quốc của dân tộc. Làm thế nào để phối hợp việc giáo dục của trường học với việc tuyên truyền và giáo dục chính trị chung của nhân dân.

Cán bộ giáo dục của chúng ta nói chung đều rất cố gắng nhất là nam nữ cán bộ Bình dân học vụ và tiểu học. Tôi rất vui lòng nhờ Đại hội chuyển lời khen ngợi và khuyến khích các chiến sĩ ấy.

Xin chúc Đại hội có kết quả tốt đẹp.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 7 năm 1951

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập II, tr. 94.

Theo đúng bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

THƯ TRUNG THU GỬI CÁC CHÁU NHI ĐỒNG

Các cháu yêu quý,

*Trung thu trăng sáng như gương,
Bác Hồ ngắm cảnh, nhớ thương nhi đồng,
Sau đây Bác viết mấy dòng,
Gửi cho các cháu tỏ lòng nhớ nhung.*

Trước hết, Bác nói cho các cháu biết rằng: Bác thường nhận được thư nhi đồng ở vùng tạm bị chiếm mách với Bác, thực dân và bù nhìn hung ác thế nào, các cháu ấy khổ sở thế nào và đấu tranh oanh liệt thế nào.

Những thư ấy làm cho Bác đau đớn, vì các cháu ấy bị đầy đọa. Làm cho Bác vui lòng, vì các cháu ấy dũng cảm. Làm cho Bác và tất cả đồng bào càng căm ghét bọn thực dân và bù nhìn.

Bác cũng thường nhận được thư nhi đồng các nơi báo cáo thành tích thi đua. Những thư ấy làm cho Bác rất vui vẻ.

Mồng 1 tháng 6 vừa rồi cũng là ngày tết của các cháu. Đó là một ngày tết mới, chắc các cháu chưa hiểu nguyên do. Bác giải thích cho các cháu nghe nhé!

Ba năm trước (1949), Hội liên hiệp phụ nữ quốc tế định mỗi năm lấy ngày 1 tháng 6 làm ngày tết cho nhi đồng thế giới. Muốn cho nhi đồng sung sướng, thì phải chống chiến tranh đế quốc. Vì vậy, Hội ấy đã đưa ra khẩu hiệu: «**Đấu tranh để giữ gìn hòa bình thế giới, để bảo vệ hạnh phúc cho nhi đồng**». Như thế thì ai thương con cháu đều phải chống chiến tranh đế quốc, phải giữ gìn hòa bình.

Tháng 2 năm nay (1951), Hội ấy lại quyết định đẩy mạnh phong trào bảo vệ nhi đồng.

Hiện nay, Hội liên hiệp phụ nữ và Đoàn thanh niên nước ta đang lo tổ chức Ủy ban bảo vệ nhi đồng Việt-nam.

Thế là: các anh, các chị trong bộ đội, thì thi đua diệt giặc, để bảo vệ các cháu.

Các chú, bác, anh, chị ở hậu phương, thì thi đua tăng gia sản xuất để các cháu được ấm no.

Các cô, các thím, các anh, các chị ở Liên-xô, Trung-quốc, các nước bạn và các nước khác cũng lo nghĩ đến các cháu.

Vậy các cháu nên thế nào ?

Các cháu phải ghét, ghét cay ghét đắng bọn thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ, bọn việt gian, bọn bù nhìn. Vì chúng nó mà ta khổ.

Các cháu phải yêu, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu lao động.

Các cháu phải gắng, gắng giúp đỡ thương binh và gia đình chiến sĩ, gắng giữ gìn vệ sinh và giữ gìn kỷ luật, gắng học hành.

Các cháu phải đoàn kết, đoàn kết giữa nhi đồng Việt-nam với nhau, đoàn kết giữa nhi đồng Việt-

nam cùng nhi đồng Trung-quốc, Liên-xô, các nước bạn, và nhi đồng thế giới. Ngày nay, các cháu là nhi đồng. Ngày sau, các cháu là người chủ của nước nhà, của thế giới. Các cháu đoàn kết thì thế giới sẽ hòa bình và dân chủ, sẽ không có chiến tranh.

Các cháu phải thi đua tùy theo sức của các cháu làm được việc gì có ích cho kháng chiến thì thi đua làm việc ấy.

Các cháu biết ghét, biết yêu, biết gắng, các cháu đoàn kết và thi đua như thế, thì kháng chiến sẽ chóng thắng lợi, kháng chiến thắng lợi thì trung thu sẽ vui vẻ hơn.

Thư trung thu này, Bác nói chữ nhiều và nói dài quá rồi. Cháu nào không hiểu thì hỏi các anh, các chị cắt nghĩa cho mà nghe.

Bác chúc các cháu vui khỏe và cố gắng,
Bác gửi các cháu nhiều cái hôn.

BÁC HỒ

In trên báo *Nhân dân*, số 25,
ngày 13 tháng 9 năm 1951.

Theo đúng bài in
trên báo *Nhân dân*.

THƯ GỬI CÁC HỌA SĨ NHÂN DỊP TRIỂN LÃM HỘI HỌA 1951

Gửi anh chị em họa sĩ,

Biết tin có cuộc trưng bày, tiếc vì bận quá, không đi xem được, tôi gửi lời thân ái hỏi thăm anh chị em. Nhân tiện, tôi nói vài ý kiến của tôi đối với nghệ thuật, đề anh chị em tham khảo.

Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận.

Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là: phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng, nói tóm tắt là phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

Về sáng tác thì cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân. Như thế, mới bày tỏ được tinh thần anh dũng và kiên quyết của quân và dân ta, đồng thời để giúp phát triển và nâng cao cho tinh thần ấy. Kháng chiến tiến bộ mạnh. Quân và dân ta tiến bộ mạnh. Nghệ thuật cũng cần tiến bộ mạnh. Muốn tiến bộ mạnh, tiến bộ mãi, thì anh chị em nghệ thuật cần phải dùng phương pháp phê bình và tự phê bình.

Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào chính trị.

Đúng lắm. Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị.

Tiền đồ dân tộc ta rất vẻ vang, tiền đồ nghệ thuật ta rất rộng rãi. Chúc anh chị em mạnh khỏe, tiến bộ, thành công.

Chào thân ái và quyết thắng
HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Nhân dân*, số 40,
ngày 10 tháng 1 năm 1952.

Theo đúng bài in
trên báo *Nhân dân*.

**THƯ GỬI PHỤ NỮ NHÂN DỊP
KỶ NIỆM HAI BÀ TRUNG,
NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ
8 THÁNG 3 NĂM 1952**

*Thân ái gửi chị em trong nước và chị em kiều
bào ở ngoài nước,*

Hai Bà Trưng để lại cho phụ nữ Việt-nam một truyền thống vẻ vang, là *dũng cảm kháng chiến*. Liên đoàn phụ nữ dân chủ quốc tế giúp phụ nữ Việt-nam bồi dưỡng truyền thống ấy, hăng hái đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Phụ nữ Việt-nam đã xứng đáng là con cháu hai Bà và là một lực lượng trong Quốc tế phụ nữ.

Nhân dịp 8-3, tôi kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn các nữ liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Tôi kính chào các bà mẹ có con trong bộ đội, và các bà mẹ cùng vợ con của các liệt sĩ.

Trong cuộc kháng chiến to lớn của dân tộc ta, phụ nữ ta đang gánh một phần quan trọng. Nhiều bà cụ ngoài bảy tám mươi tuổi chẳng những đã xung phong đi dân công, mà còn thách thi đua với các cụ ông và con cháu.

Các bà mẹ chiến sĩ và các chị em giúp thương binh đã hòa lẫn lòng yêu nước, yêu con, yêu chiến sĩ thành một mối yêu thương không bờ bến.

mà giúp đỡ chiến sĩ và săn sóc thương binh như con em ruột thịt của mình.

Nói chung là phụ nữ ở vùng tạm bị chiếm, nói riêng là các nữ du kích, không quản khó nhọc nguy hiểm, ra sức giúp đỡ chiến sĩ và cán bộ, hăng hái đấu tranh chống quân thù.

Hàng vạn phụ nữ, đi dân công, không quản trèo đèo lội suối, ăn gió nằm sương.

Phụ nữ ở xí nghiệp, nông thôn, ở cơ quan hăng hái tham gia thi đua ái quốc, thành tích không kém đàn ông.

Trong phong trào phát triển bình dân học vụ, phụ nữ chiếm phần lớn trong số người dạy cũng như trong số người học.

Nhiều chị em tiêu tư sản trước kia quen đời sống phong lưu nay cũng chịu khó làm lụng, tăng gia sản xuất. Đó là một sự cải tạo lớn, một tiến bộ lớn về tư tưởng và tinh thần.

Tôi rất vui lòng thấy rằng trong mọi ngành hoạt động, các cháu nữ thanh niên đều xung phong, đều có thành tích khá.

Non sông gấm vóc Việt-nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ.

Các cấp lãnh đạo đi sát hơn, thiết thực hơn, thì phong trào phụ nữ chắc rộng hơn, mạnh hơn nữa.

Nhiệm vụ chính của *phụ nữ ta* ngày nay là :

— Thắt chặt mối đoàn kết giữa các tầng lớp phụ nữ trong nước, giữa phụ nữ Việt-nam và phụ nữ các nước bạn cùng phụ nữ dân chủ thế giới.

Thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, hăng hái tham gia phong trào chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu.

— Hăng hái tham gia chính quyền.

— Giúp đỡ bộ đội.

— Bảo vệ nhi đồng.

— Phụ nữ trong vùng tạm bị chiếm thì ra sức chống địch bắt chồng con, anh em đi lính, phá mưu mô địch dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

— Chị em kiều bào ở nước ngoài thì ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào trong nước về mọi mặt.

Chúc toàn thể phụ nữ tiến bộ và thành công nhiều.

Chào thân ái và quyết thắng
Ngày 8 tháng 3 năm 1952

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo Nhân dân, số 49
ngày 13 tháng 3 năm 1952.

Theo đúng bài in
trên báo Nhân dân.

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM VÀ CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, CHỐNG BỆNH QUAN LIÊU ¹⁾

Các đồng chí,

Chương trình công tác của Chính phủ, của Đoàn thể ta năm nay vẫn gồm trong 8 chữ « Trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh ».

Để thực hiện đúng chương trình đó, Chính phủ và Đoàn thể nêu ra mấy điểm chính là :

Thi đua giết giặc, thi đua tăng gia, thi đua tiết kiệm và :

- Chống nạn tham ô,
- Chống nạn lãng phí,
- Chống bệnh quan liêu.

Về phong trào *thi đua giết giặc lập công* ²⁾, Bộ Tổng tư lệnh có kế hoạch đầy đủ đưa xuống tận

1) Nói năm 1952, nhân dịp có phong trào sản xuất và tiết kiệm.

2) Nội dung của phong trào thi đua giết giặc lập công là :

- Luyện tập giỏi.
- Diệt giặc nhiều.
- Khắc phục khó khăn, chấp hành mệnh lệnh, làm tròn nhiệm vụ.

các chi bộ và các chiến sĩ Vệ quốc quân, bộ đội địa phương và dân quân du kích để mọi người học tập thấm nhuần và thực hiện.

Về phong trào *thi đua tăng gia sản xuất*, thì Chính phủ có kế hoạch chung đầy đủ. Các ngành, các địa phương và mỗi gia đình dựa theo đó mà đặt kế hoạch riêng cho thiết thực, cho ăn khớp với nhau để thực hiện cho kỳ được.

Các đồng chí phụ trách sẽ nói chuyện rõ ràng về hai việc ấy. Đây tôi chỉ nói về vấn đề *thi đua tiết kiệm và chống nạn tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu*.

I. TIẾT KIỆM

Trước hết, chúng ta hãy đặt mấy câu hỏi :

- Tiết kiệm là gì ?
- Vì sao phải tiết kiệm ?
- Tiết kiệm những gì ?
- Ai cần phải tiết kiệm ?

1. Tiết kiệm không phải là bủn xỉn, không phải là « xem đồng tiền bằng cái trống », gặp việc đáng làm cũng không làm, đáng tiêu cũng không tiêu ; tiết kiệm không phải là ép bộ đội, cán bộ và nhân dân nhịn ăn, nhịn mặc. Trái lại, tiết kiệm cốt để giúp vào việc tăng gia sản xuất, mà tăng gia sản xuất là để nâng cao mức sống của bộ đội, cán bộ và nhân dân. Nói theo khoa học, thì tiết kiệm là tích cực chứ không phải là tiêu cực.

2. Trong 80 năm nước ta bị đế quốc Pháp rồi đến đế quốc Nhật vơ vét hết, vì vậy mà kinh tế

ta nghèo nàn lạc hậu. Nay chúng ta cần phải có một nền kinh tế khá đề kháng chiến và kiến quốc. Muốn xây dựng kinh tế thì phải có tiền của để làm vốn. Muốn có vốn thì các nước tư bản dùng 3 cách: vay mượn nước ngoài; ăn cướp của các thuộc địa; bóc lột nông dân, công nhân. Những cách đó chúng ta đều không thể làm được. Chúng ta chỉ có cách là một mặt tăng gia sản xuất, một mặt tiết kiệm để tích trữ thêm vốn cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của ta.

3. Chúng ta phải *tiết kiệm thời giờ*. Thí dụ: việc gì trước kia phải làm 2 ngày, nay vì tổ chức sắp xếp khéo, năng suất cao ta có thể làm trong 1 ngày xong.

Chúng ta phải tiết kiệm sức lao động. Thí dụ: việc gì trước kia phải dùng 10 người, nay ta phải tổ chức sắp xếp cho khéo, phải nâng cao năng suất của mọi người, nhờ vậy mà chỉ dùng 5 người cũng làm được.

Chúng ta phải *tiết kiệm tiền của*. Việc gì trước kia phải dùng nhiều người, nhiều thời giờ, phải tốn 2 vạn đồng. Nay vì tiết kiệm được sức người và thời giờ, nguyên liệu, cho nên chỉ tốn 1 vạn đồng là đủ.

Nói tóm lại: chúng ta phải tìm cách sắp xếp tổ chức cho hợp để 1 người có thể làm như 2 người, 1 ngày có thể làm việc của 2 ngày; 1 đồng có thể dùng bằng 2 đồng.

4. *Tất cả mọi người đều phải tiết kiệm*. Trước nhất là các cơ quan, các bộ đội, các xí nghiệp. Có người nói: bộ đội chỉ lo thi đua giết giặc lập công, bộ đội không phải là cơ quan sản xuất thì tiết kiệm thế nào?

Trong quân đội có Quân nhu, Quân giới, Vận tải, v.v.. là những cơ quan cần phải tiết kiệm. Thí dụ :

Trước kia đồ đồng mỗi chiến sĩ bán 60 viên đạn mới hạ được 1 tên địch, nay vì tập luyện siêng năng, bắn khá, tính đồ đồng mỗi chiến sĩ chỉ bán 10 viên đạn thì hạ 1 tên địch. Thế là chiến sĩ tiết kiệm được 80% đạn, do đó mà quân đội tiết kiệm được nguyên liệu và nhân công đúc đạn để chế tạo những vũ khí khác. Trước kia Cục vận tải phải chở 100 xe đạn, nay chỉ cần chở 20 xe, tiết kiệm được xe cộ và dầu mỡ, xe chạy ít thì đường sẽ phải chữa ít, thế là tiết kiệm được dân công v.v..

Trong các chiến dịch thu được nhiều *chiến lợi phẩm* (thuốc đạn, lương thực, súng ống). Bộ đội biết quý trọng nó, tiết kiệm nó để dùng nó mà đánh lại giặc như thế cũng là *tăng gia sản xuất*.

Có người nói : các cơ quan (thí dụ cơ quan tư pháp) ngoài việc tăng gia để tự túc thì có gì mà tiết kiệm ?

Cơ quan nào cũng cần và cũng có thể tiết kiệm được. Một thí dụ : Cơ quan nào cũng dùng phong bì, nếu mỗi cơ quan đều tiết kiệm, chiếc phong bì dùng 2, 3 lần thì mỗi năm Chính phủ có thể tiết kiệm được hàng chục tấn giấy. Nếu cán bộ tư pháp nâng cao năng suất làm việc mau chóng, thì sẽ giúp cho những đồng bào có việc đến tư pháp tiết kiệm được ngày giờ, để tăng gia sản xuất.

5. Kết quả của tiết kiệm :

Những thí dụ trên chứng tỏ rằng : nếu chúng ta khéo tiết kiệm sức người, tiền của và thời giờ,

thì với sức lao động, tiền tài của nước ta hiện nay ta có thể tăng gia sản xuất gấp bội, mà lực lượng của ta về mọi mặt cũng tăng gấp bội.

Ở *Liên-xô* do tiết kiệm mà tiền vốn đề vào kế hoạch 5 năm (1946-1950) tăng thêm 26.000 triệu rúp tức là 1/3 tiền vốn.

Thí dụ như một xưởng may áo ở *Mát-xcơ-va* năm 1948 đã tiết kiệm được hơn 34.000 thước vải, đủ may 2 vạn chiếc áo lót.

Do nâng cao năng suất mà tiết kiệm được nhiều thời giờ. Trước kia đóng một chiếc máy bay to phải 20.000 tiếng đồng hồ nay chỉ cần 12.700 giờ ; đóng một chiếc xe tăng to, trước kia phải 8.000 giờ nay chỉ cần 3.700 giờ.

Ở *Trung-quốc*, năm 1951 nhân dân khu Đông-Bắc do tăng năng suất, tiết kiệm mà đã thêm được 14 triệu tấn lương thực. Sang năm nay công nhân và nhân dân khu ấy đã hứa rằng họ quyết tiết kiệm cho được 22 triệu tấn.

Khu Tây-bắc do tiết kiệm mà tăng thêm được 1 triệu tấn lương thực, 60 vạn tạ bông, 35 vạn con trâu bò, v.v.. các khu khác cũng vậy.

Tiết kiệm thời giờ đi đôi với tăng năng suất. Trước kia một người thợ dệt vải đi lại hơn 5.200 bước trong 2 tiếng đồng hồ. Nay các nhà máy dệt phổ biến cách *Xích-Kiến-Tú* chỉ phải đi lại 2.300 bước. Như vậy người thợ đã bớt một nhọc mà năng suất lại tăng thêm. *Xích-Kiến-Tú* là một cô thợ dệt 17 tuổi, đã tìm ra cách hợp lý ấy.

Nhân dân *Liên-xô* vừa thi đua tăng gia sản xuất, vừa *thi đua tiết kiệm*, cho nên chỉ 5 năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế đã phát triển vượt

mức. Trong lúc ở các nước tư bản, giá sinh hoạt ngày càng đắt đỏ, nhân dân ngày càng túng thiếu, thì ở Liên-xô đã giảm giá hàng 4 lần, nhân dân ngày càng sung sướng.

Cách mạng Trung-quốc thắng lợi mới vài năm nay, cũng nhờ tăng gia sản xuất và tiết kiệm, mà kinh tế tiến bộ, tài chính thống nhất, giá cả ổn định, đời sống của nhân dân cải thiện rất mau.

Nước ta đang kháng chiến, điều kiện khó khăn hơn. Nhưng chúng ta *quyết tâm* tăng gia sản xuất và tiết kiệm, thì nhất định tăng gia sản xuất được và tiết kiệm được.

II. PHẢI TẨY SẠCH NẠN THAM Ô, LÃNG PHÍ VÀ BỆNH QUAN LIÊU

Muốn lúa tốt thì phải nhổ cỏ cho sạch, nếu không thì dù cày bừa có kỹ, bón phân nhiều, lúa vẫn xấu vì lúa bị cỏ át đi. Muốn thành công trong việc tăng gia sản xuất và tiết kiệm cũng phải nhổ cỏ cho sạch, nghĩa là phải tẩy sạch nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Nếu không thì nó sẽ làm hại đến công việc của ta.

Tham ô là gì?

— Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là :

Ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân, ăn bớt của bộ đội, tiêu ít mà khai nhiều. Lợi dụng của chung, của Chính phủ làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô.

— Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là :
Ăn cắp của dân, khai gian tập thể.

Lãng phí là gì ?

Lãng phí có nhiều cách :

Lãng phí sức lao động : Vì kém tinh thần phụ trách, vì tổ chức, sắp xếp vụng, việc gì ít người cũng làm được mà vẫn dùng nhiều người.

Trong quân đội, các cơ quan, các xí nghiệp đều có khuyết điểm ấy. Trong việc sửa chữa đường cầu, phục vụ chiến dịch, lãng phí dân công khá nhiều, vì tổ chức không khéo, đó là một thí dụ.

Lãng phí thời giờ : Việc gì có thể làm trong một ngày một buổi, cũng kéo dài đến mấy ngày. Thí dụ : những cuộc khai hội vì người phụ trách chuẩn bị chương trình không đầy đủ, người đến dự thì không chuẩn bị ý kiến, đáng lẽ chỉ một ngày thì bàn bạc và giải quyết xong vấn đề, song cuộc khai hội kéo dài đến 5, 3 ngày.

Lãng phí của công : Có rất nhiều hình thức, đây chỉ nêu vài thí dụ :

— Các cơ quan dùng vật liệu một cách phí phạm.

— Các xí nghiệp dùng máy móc và nguyên liệu không đúng mức.

— Cục vận tải giữ gìn xe cộ, tiết kiệm dầu mỡ không triệt để.

— Sở kho thóc làm kho tàng không cẩn thận, người giữ kho kém tinh thần trách nhiệm để thóc ẩm ướt, hao hụt hư hỏng.

— Mậu dịch không khéo tính toán sắp xếp, để hàng hóa hao hụt lỗ vốn.

— Bộ đội không biết quý trọng giữ gìn quân trang quân dụng và chiến lợi phẩm.

— Ngân hàng không khéo sử dụng tiền bạc để tiền bạc không bỏ ích cho việc tăng gia sản xuất.

— Cơ quan kinh tế làm kế hoạch không thiết thực, không sát với hoàn cảnh, để cách mạng, Chính phủ lỗ vốn.

— Nhân dân bỏ hoang ruộng đất, đốt vàng mã, cầm trâu, bán ruộng để làm đám cưới, đám ma, v.v..

Tham ô là trộm cướp. Lãng phí tuy không lấy của công đứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ, có khi tai hại hơn nạn tham ô.

Có nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu. Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng, đối với công việc thì trông hình thức mà không xem xét khắp mọi nơi, không vào sâu vấn đề, chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn.

Nói tóm lại, vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững, kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí.

Thế là bệnh quan liêu đã ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí thì trước hết phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

III. THAM Ô, LÃNG PHÍ LÀ KẼ THÙ CỦA NHÂN DÂN

A. Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và Chính phủ.

Nó là kẻ thù khá nguy hiểm. Vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta.

Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù cố ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến. Vì nó làm chậm trễ công cuộc kháng chiến và kiến quốc của ta. Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí vượt khó khăn của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính.

Đề kháng chiến thắng lợi, đề xây dựng nước nhà, chiến sĩ thì hy sinh xương máu, đồng bào thì hy sinh mồ hôi nước mắt để đóng góp. Mà những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân, tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi viết gian, mật thám.

Vì những lẽ đó, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận ! Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị.

Cũng như ở các mặt trận khác, muốn thắng ở mặt trận này ắt phải có chuẩn bị kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên.

B. Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng.

Cách mạng là tiêu diệt những cái gì xấu, xây dựng những cái gì tốt. Chúng ta làm cách mạng để tiêu diệt chế độ thực dân, phong kiến, để xây dựng dân chủ mới.

Thực dân và phong kiến tuy bị tiêu diệt, nhưng các tật xấu của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu) vẫn còn thì cách mạng vẫn chưa hoàn toàn thành công, vì các tật xấu ấy ngấm ngấm ngăn trở, ngấm ngấm phá hoại sự nghiệp xây dựng của cách mạng.

Có những người trong lúc đấu tranh thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có *công với cách mạng*; song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác. *cho nên lại biến thành người có tội với cách mạng*. Chúng ta phải cứu vớt họ, giúp họ khôi phục đạo đức cách mạng. Có những người miệng thì nói: phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, nhưng về vật chất, dễ dàng phạm vào tham ô, lãng phí, hại đến Tổ quốc, nhân dân. Chúng ta phải giáo dục họ, đưa họ vào con đường cách mạng.

Tham ô, lãng phí, quan liêu là những xấu xa của xã hội cũ. Nó do lòng tự tư tự lợi, ích kỷ hại nhân mà ra. Nó do chế độ « người bóc lột người » mà ra.

Chúng ta muốn xây dựng một *xã hội mới*, một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính, cho nên chúng ta phải tẩy cho sạch hết cái thói xấu của xã hội cũ.

C. Chống tham ô, lãng phí là dân chủ.

Bộ đội không ngại hy sinh xương máu để kháng chiến cứu nước. Đồng bào không ngại hy sinh mồ hôi nước mắt để cứu nước. Chiến sĩ gửi tính mệnh mình, đồng bào gửi công, gửi của mình trong tay Chính phủ và Đoàn thể để kháng chiến kiến quốc. Đó cũng là một hình thức *tập trung dân chủ*.

Chính phủ và Đoàn thể giao cho cán bộ quyền điều khiển bộ đội, sử dụng tiền của trong công cuộc kháng chiến kiến quốc. Nhiệm vụ của cán bộ là chăm nom, yêu mến mỗi một chiến sĩ, quý trọng, tiết kiệm mỗi một đồng tiền, một bát gạo, một giờ công của đồng bào. Đồng thời chiến sĩ và đồng bào có quyền đòi hỏi cán bộ phải làm tròn nhiệm vụ đó, có quyền *phê bình* chỉ trích những cán bộ nào không làm tròn nhiệm vụ đó.

Dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu *phải dựa vào lực lượng quần chúng* mới thành công.

Quần chúng tức là toàn thể các chiến sĩ trong quân đội, toàn thể công nhân trong xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan, v.v.. rồi đến toàn thể nhân dân. Cũng như mọi việc khác, việc « chống » này *phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ*, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng.

Nhiệm vụ của quần chúng là phải hăng hái tham gia phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Chiến sĩ xuất công, nhân dân xuất của để đánh

giặc, cứu nước. Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ « *giặc ở trong lòng* ». Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống ngoại xâm mà quên *chống giặc nội xâm*, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình. Vì vậy, chiến sĩ và nhân dân phải hằng hái tham gia phong trào ấy.

Chúng ta từ trên đến dưới phải đồng tâm hiệp lực để thắng lợi trong phong trào này. Mà thắng lợi trong phong trào này sẽ giúp chúng ta đoàn kết hơn nữa, nâng cao năng suất hơn nữa. Nó giúp cán bộ ta cải tạo tư tưởng, nâng cao giác ngộ, thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật thà phụng sự bộ đội và nhân dân. Nó giúp chính quyền ta thành một chính quyền trong sạch, xứng đáng với lòng tin tưởng và sự hy sinh của chiến sĩ và đồng bào. Nó sẽ giúp chúng ta hoàn thành đầy đủ kế hoạch tăng gia sản xuất và tiết kiệm của Chính phủ và của Đoàn thể. Nó sẽ giúp chúng ta chuẩn bị đầy đủ để tiến sang tổng phản công.

In trong sách Hồ-Chí-Minh,
Tuyển tập, Nhà xuất bản
Sự thật, Hà-nội, 1960,
tr. 411-417.

Theo đúng bài in
trong sách Hồ-Chí-
Minh, *Tuyển tập*.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ VỀ CHIẾN TRANH DU KÍCH

I. Các cô, các chú ở đây đều cố gắng, có thành tích, gian khổ, người nhiều người ít. Đó là điều đáng khen. Nhưng nên nhớ *thành tích đó không phải là thành tích của riêng ai mà là chung của bộ đội, của đồng bào*. Nếu các chú, các cô có tài năng mà không có bộ đội và đồng bào giúp đỡ thì tài năng cũng vô dụng.

II. Từ chiến dịch Hòa-bình đến giờ, so sánh tình hình du kích vùng sau lưng địch năm nay với năm ngoái thì đã phát triển khá hơn nhiều, nhất là đồng bào và cán bộ *tự tin* mình có thể *thắng được* địch. Đó là rất đúng, là một điều thay đổi rất tốt.

Các cô, các chú phải biết *cuộc kháng chiến của ta là trường kỳ gian khổ*, nhưng nhất định thắng lợi. Trường là dài, tức là đánh bao giờ địch bại, địch « cút », thế mới là trường. Đế quốc Pháp áp bức ta hơn 80 năm cũng như cái bệnh nặng đã lâu ngày, không phải chữa một ngày, một năm mà khỏi được ngay, chớ có vội vàng đánh ngay thắng ngay, thế là chủ quan. Trường kỳ thì phải gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi.

Kháng chiến trường kỳ gian khổ đồng thời lại phải *tự lực cánh sinh*. Trông vào sức mình nhất là

ở sau lưng địch thì lại càng phải đặc biệt chú ý. Cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập.

Kháng chiến phải trường kỳ, thì du kích ở sau lưng địch phải làm thế nào? Nhiệm vụ là gì? *Du kích cũng phải trường kỳ. Nhiệm vụ hiện nay là phá âm mưu của địch « lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt ».* Địch không thể lấy được nhân lực, vật lực của ta ở vùng tự do, chúng phải vơ vét ở địch hậu, ta phải phá. Phá được âm mưu đó là góp một phần lớn vào công việc chuẩn bị tổng phản công và địch sẽ yếu dần đi, ta sẽ thắng, địch sẽ thua.

III. Ở vùng sau lưng địch, các cô, các chú có nhiều ưu điểm: chịu khó, gan dạ, đoàn kết. Về ưu điểm Bác không nói, ở đây Bác chỉ nêu mấy khuyết điểm chính để sửa chữa:

1. *Cán bộ Quân, Dân, Chính, Đảng không nghiên cứu rõ ràng tỉ mỉ, sâu sắc những chỉ thị, mệnh lệnh của Trung ương, Chính phủ gửi xuống.* Đó là một khuyết điểm lớn. Trung ương, Chính phủ thấy rộng, tập trung tình hình kinh nghiệm ở khắp nơi để nghiên cứu mới làm ra chỉ thị. Cán bộ Quân, Dân, Chính, Đảng phải nghiên cứu cho kỹ những chỉ thị đó để áp dụng cho hợp với hoàn cảnh thiết thực của địa phương. Vì địa phương thấy hẹp, chỉ thấy cái cây mà không thấy cả cái rừng, chỉ thấy một mà không thấy mười, cho nên có một công việc mà địa phương cho là thành công nhưng đem ghép với

tình hình chung thì lại là thất bại, đó là do không nghiên cứu kỹ chỉ thị của Chính phủ, Trung ương.

2. *Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích không nên chỉ biết đánh.* Biết đánh là cái tốt, nhưng *chỉ biết đánh* mà coi nhẹ chính trị, kinh tế, tuyên truyền giáo dục nhân dân tức là chỉ biết có một mặt, vì đánh không thể tách rời được với chính trị và kinh tế. Nếu chỉ biết đánh mà không nghĩ đến kinh tế thì khi hết gạo sẽ không đánh được. Cho nên đánh là cố nhiên, nhưng không phải là *chỉ đánh* thôi mà phải lo cả các mặt khác nữa.

3. Khuyết điểm nữa là *chủ lực, bộ đội địa phương và du kích đều muốn đánh to, ăn to*, thiếu nghiên cứu hiểu rõ tình hình khả năng ta và địch một cách tỉ mỉ để định mục đích và cách đánh thích hợp. Nên khi thực hành mắc nhiều khuyết điểm. Bất kỳ ở đâu phải chắc chắn thắng thì mới đánh, còn lúc nào chưa chắc thì không nên đánh, nhất là mình lại nằm trong vòng vây của địch.

4. Về *cán bộ thì cán bộ quân sự chỉ biết quân sự, cán bộ chính quyền chỉ biết chính quyền, cán bộ Đảng chỉ biết Đảng* như thế chẳng khác gì người đứng một chân. Cán bộ chỉ biết một mặt là có hại, không vững, vì các mặt Quân, Dân, Chính, Đảng kết hợp lại thành một khối, thiếu một mặt thì không mạnh, không hoàn toàn. Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền hầu như khoán trắng việc đánh giặc cho quân sự, không biết rằng Đảng phải chăm lo lãnh đạo mọi mặt, lúc đánh nhau, tất cả mọi mặt phải gắn liền với nhau thì mới thắng được.

5. Riêng về cán bộ Đảng một phần vì điều kiện khó khăn nhưng *phần lớn vì không biết nắm vững khâu chính*, tức là nền tảng cơ sở tổ chức của Đảng, nên hiện nay trong *vùng tạm bị chiếm*, cơ sở Đảng chưa vững chắc. Phải biết rằng nếu tổ chức Đảng mạnh thì mọi công việc đều chạy.

6. Công tác *phòng gian* chưa chu đáo, chưa giữ được bí mật.

7. Công tác *ngụy vận* tuy có thành tích nhưng không đều. Chỗ nào cán bộ có sáng kiến thì làm khá, nơi nào không sáng kiến thì làm uể oải. Dịch lập hương dũng, bảo an. Phải phá những cái gai góc ấy đi. Các cô, chú phải cùng nhau trao đổi kinh nghiệm mà đẩy mạnh công tác ngụy vận.

8. Nói về *tuyên truyền* ở sau lưng địch thì cũng như hồi trước Cách mạng tháng Tám, có Nhật, Pháp, việt gian mà ta vẫn tuyên truyền được nhân dân là nhờ có sáng kiến, ngoài tuyên truyền bằng miệng còn tuyên truyền bằng báo chí. Bây giờ Trung ương, Chính phủ cũng đã cố gắng đưa báo *Cứu quốc*, *Nhân dân* vào vùng địch, nhưng vẫn chưa đủ và gặp khó khăn. Ở địch hậu phải tạo ra những tờ báo in bằng đá, bằng đất, không cần to lắm và cũng không cần in ra hàng ngày, cốt sao phổ biến tuyên truyền đường lối chính sách của Chính phủ, *tuyên truyền thiết thực làm dân hiểu được thắng lợi của ta, thua thiệt và tội ác của giặc*. Đó là công tác giáo dục của Đảng.

IV. Bây giờ nói đến công việc phải làm:

1. Trước hết nội bộ, tức là Quân, Dân, Chính, Đảng phải đoàn kết chặt chẽ. Có việc gì, phải bàn

tính kỹ lưỡng, tư tưởng, hành động phải thống nhất, phải giúp đỡ nhau, thành thực phê bình và tự phê bình để cùng nhau tiến bộ.

2. Phải nghiên cứu kỹ, áp dụng đúng và triệt để thi hành những chỉ thị, mệnh lệnh của Trung ương và của Chính phủ.

3. Điểm trọng yếu là bất kỳ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích đều phải bám sát lấy dân, rời dân ra nhất định thất bại. Bám lấy dân là làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu. Như vậy thì bất kể việc gì khó cũng làm được cả và nhất định thắng lợi. Muốn thế phải bảo vệ, giúp đỡ, giáo dục nhân dân. Giáo dục không phải là đưa sách vở bắt buộc dân phải học, làm thế tức là phản lại lợi ích của dân, của cách mạng, là quan liêu, mệnh lệnh. Phải vận động nhân dân để dân tự nguyện, tự giác, nếu bắt buộc thì chỉ có thể có kết quả ngay lúc đó thôi, còn sau thì không thấm.

4. Bộ đội chủ lực trong địch hậu có nhiệm vụ giúp đỡ bộ đội địa phương và dân quân du kích về tổ chức, huấn luyện mọi mặt, *giúp đỡ chứ không bao biện*. Hơn nữa phải giúp đỡ cả nhân dân. Điểm này có đơn vị đã làm được, có đơn vị còn thiếu sót. Phương ngôn có câu « ở bầu thì tròn, ở ống thì dài » thể nghĩa là dựa vào vùng địch đánh du kích, phải biết chiến thuật du kích chứ không chính quy như ở ngoài. Tuyệt đối chớ có ham ăn to, đánh to, trừ những hoàn cảnh 100% chắc thắng.

5. Mục đích của du kích chiến cũng không phải là ăn to đánh lớn mà phải tĩa dần, đánh làm cho nó ăn không ngon, ngủ không yên, không thở được, bị hao mòn về tinh thần và vật chất rồi đi đến

chỗ bị tiêu diệt. Phải làm sao cho địch đi đến đâu cũng có du kích đánh, ít nhất cũng bị quả mìn, bị vài phát súng. Binh lính Pháp viết trong thư gửi cho nhau: « Ở Việt-nam, cái hang đá nào, cái bụi nào, ao nào cũng có cái chết ần ở đó ».

Nếu các cô, các chú các địa phương sửa được những khuyết điểm và làm đúng những công việc như lời Bác vừa nói thì nhất định thắng lợi. Nhưng phải nhớ rằng còn một thằng địch trên đất nước ta thì chưa gọi là thắng lợi hoàn toàn. Trước đây, lực lượng địch mạnh hơn ta về trang bị, về kinh nghiệm, nhưng nó vẫn cứ thua ta vì nó chủ quan. Vậy các cô, các chú, *chớ có chủ quan khinh địch* thì thắng lợi.

Về địa phương các cô, các chú phải nói với anh em, với đồng bào thì đua về mọi mặt: đánh giặc lập công, tổ chức nguy vận, địch vận, tăng gia sản xuất và tiết kiệm, « thực túc binh cường » nếu không tăng gia và tiết kiệm thì không có lương thực ăn để đánh giặc. Các cô, các chú có hứa làm được không ? (Mọi người đáp « có », vang hội trường). Hứa thì phải làm bằng được.

Một điểm nữa là phải báo cáo thành tích của bộ đội và đồng bào lên Trung ương, Chính phủ để khen thưởng, vì khen thưởng cũng là một cách giáo dục và cổ động. Bộ đội, đồng bào có thành tích mà Trung ương, Chính phủ khen thưởng thì mới hăng hái hơn và những người chưa có thành tích sẽ thi đua tích cực. Từ trước đến nay địa phương rất ít báo cáo, bây giờ các cô, các chú phải tích cực làm.

Bác dặn thêm các cô, các chú về nói với đồng bào là Bác, Trung ương Đảng, Chính phủ gửi lời

thăm đồng bào, thăm các cán bộ và chiến sĩ, đặc biệt là các lão du kích, nữ du kích và các cháu nhi đồng kháng chiến. Bác, Trung ương và Chính phủ sung sướng và chắc chắn là bộ đội và đồng bào địch hậu thực hiện đúng những đường lối chủ trương kháng chiến để mau thắng lợi.

Nói chuyện vào tháng 7 năm 1952.

In trong sách Về vấn đề quân sự, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, tr. 217-223.

Theo đúng bài in trong sách Về vấn đề quân sự.

NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ CHUẨN BỊ CHIẾN DỊCH TÂY-BẮC

Hôm nay trời mưa to, suối nước lũ, khi đi đến một cái suối nước chảy mạnh, thấy bên kia có một nhóm đồng bào đang ngồi đợi nước xuống để sang. Bác nghĩ: nếu không đi ngay, e các chú đợi mất thì giờ. Nên Bác cùng mấy chú nữa quyết tâm cởi áo quần, tay sào, tay gậy, lần sang được. Thấy Bác sang được, nhóm đồng bào kia cũng quyết tâm sang. Đó là kinh nghiệm cho các chú. Bất kỳ việc gì, to hay nhỏ, mình có quyết tâm thì làm được, mà còn lôi cuốn người khác cùng quyết tâm như mình.

Bây giờ Bác nói đến chiến dịch.

Trung ương Đảng và Tổng quân ủy đã cân nhắc kỹ chỗ dễ và chỗ khó của chiến trường sắp đến, và quyết tâm là chiến dịch này phải đánh cho thắng lợi. Quyết tâm của Trung ương chưa đủ, còn phải đề cho các chú cân nhắc kỹ thấy rõ cái dễ và cái khó để truyền cái quyết tâm đó cho các chú. Trung ương và các chú quyết tâm cũng chưa đủ, mà phải làm cho quyết tâm đó xuống đến mọi người chiến sĩ. Quyết tâm đó từ Trung ương qua các chú mà đến người chiến sĩ. Quyết tâm đó phải thành một khối thống nhất từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên. Quyết tâm không phải nói đầu

miệng mà phải tin tưởng sâu sắc. Gặp thuận lợi phải quyết tâm phát triển, gặp khó khăn thì phải quyết tâm khắc phục. Quyết tâm phải thấm nhuần sâu sắc đến mọi người trong bộ đội.

Trong hội nghị này, Tổng quân ủy đã phổ biến kỹ càng nghị quyết của Trung ương Đảng và các chú đã thảo luận. Ý nghĩa và mục đích của chiến dịch là :

— Tiêu diệt sinh lực địch,

— Tranh thủ nhân dân,

— Giải phóng đất đai,

mà nhiệm vụ chính là tiêu diệt sinh lực địch.

Các chú đã bàn rõ cái dễ và cái khó. Gặp cái dễ mà không quyết tâm phát triển thì nó có thể biến thành cái khó, gặp cái khó mà quyết tâm khắc phục thì cũng thành cái dễ. Ở đời không có cái gì khó mà cũng không có cái gì dễ. Ví dụ : bẻ một cành lá là dễ, nhưng nếu không quyết tâm bẻ mà cứ lờ mờ thì cũng không bẻ được ; làm cách mạng và kháng chiến là việc khó, nhưng quyết tâm thì cũng thành công.

Quyết tâm không phải ở hội trường, ở lời nói, mà phải quyết tâm trong công tác, trong hành động. Phải có quyết tâm gây một tác phong chiến đấu anh dũng. Quyết tâm phản đối tất cả những hành động tiêu cực, lung lay, ích kỷ và báo cáo láo.

Phải quyết tâm chiến đấu, quyết tâm chịu khổ chịu khó, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm chấp hành chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ. Nghĩa là trong thái độ, trong tư tưởng, trong hành động, trong chiến đấu, bất kỳ một việc lớn hay nhỏ đều phải có quyết tâm làm cho bằng được.

Thực túc thì binh cường. Anh em bên cung cấp phải có quyết tâm để có đủ lương thực, vũ khí cho bộ đội.

Còn bên bộ đội thì phải có quyết tâm.

—Lúc thiếu thốn cũng vui vẻ chịu đựng,

—Lúc cần thì ra sức giúp đỡ anh em cung cấp.

...Lương thực vũ khí là mồ hôi nước mắt của đồng bào, là xương máu của bộ đội. Vì vậy, phải quý trọng nó, phải tiết kiệm, ngăn nắp, phải sử dụng hợp lý.

Chiến lợi phẩm không phải tự nhiên mà địch biểu chúng ta. Đó cũng là do mồ hôi nước mắt của đồng bào và do xương máu của bộ đội mà giành được. Khi ta chưa đánh lấy được thì là của địch, khi đã đánh lấy được thì là của ta. Cho nên, về chiến lợi phẩm, cái gì nên phát cho đồng bào thì phát, cái gì phải nộp cho Chính phủ thì nộp, cái gì nên thưởng cho bộ đội thì phải thưởng cho công bằng và hợp lý, tuyệt đối không được tham ô lãng phí.

Chính sách đối với đồng bào thiểu số, Chính phủ đã có quy định, các chú và bộ đội phải làm đúng. Đó là một cách tranh thủ nhân dân để phá tan âm mưu của địch «lấy người Việt hại người Việt». Phải làm cho mỗi chiến sĩ là một người tuyên truyền. Các chú phải làm thế nào khi mình đến thì đồng bào hoan nghênh, khi đóng quân thì đồng bào vui vẻ giúp đỡ, khi mình đi thì đồng bào quyến luyến. Như thế là một đại thắng lợi.

Các chú phải biết, quân lính Âu Phi thì ít, ngụy thì nhiều. Một số lớn ngụy là do Tây bắt ép đi

linh. Nếu các chú khéo nguy vận thì đó cũng là một cách tiêu diệt sinh lực địch.

Các đơn vị đều có một số đồng bào đi theo giúp. Đối với đồng bào dân công, phải giáo dục, phải chăm nom thân mật, phải giải thích tuyên truyền cổ động, làm cho đồng bào vui vẻ công tác. Phải làm cho giữa dân công và bộ đội có một tình thân ái đoàn kết khăng khít. Phải làm cho họ không muốn về mà muốn luôn luôn đi giúp bộ đội. Đó là một điều giúp cho mình chiến thắng. Nếu không làm được như thế thì sẽ gặp nhiều khó khăn.

Quân đội mạnh là nhờ giáo dục khéo, nhờ chính sách đúng và nhờ kỷ luật nghiêm. Vì vậy, kỷ luật phải nghiêm minh. Trong kỷ luật phải chú ý hai điểm :

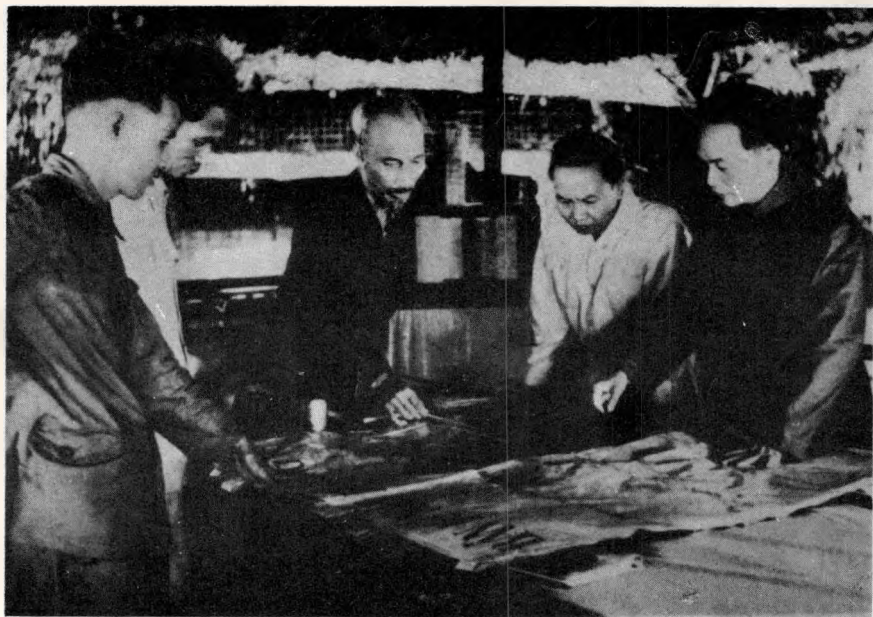
— Thưởng,

— Phạt.

Từ trước đến nay thưởng phạt chưa làm được đầy đủ, đó là một khuyết điểm to. Trong việc thưởng thì có đơn vị được khen ngợi và thưởng huân chương. Khi các chú đề nghị ai được thưởng huân chương thì phải công bố ngay cho bộ đội biết. Chính phủ, Bác và Tổng tư lệnh sẵn sàng thưởng những người có thành tích. Nhưng trái lại, người nào làm sai mệnh lệnh, báo cáo láo thì phải phạt nghiêm khắc.

Đơn vị này với đơn vị khác, cán bộ này với cán bộ khác, phải thi đua gây thành phong trào chiến đấu anh dũng.

Phải nhớ rằng những quân đội cách mạng, trước hết là những người đảng viên, không sợ khó khăn mà phải khắc phục khó khăn, phải học tinh thần Hồng quân Liên-xô và Giải phóng quân Trung-



Hồ Chủ tịch chủ trì cuộc họp của Bộ
chính trị bàn về chủ trương tác chiến
Đông — Xuân 1953 — 1954.

quốc: Khi gặp một việc gì khó khăn, đơn vị nào được phụ trách thì rất lấy làm vẻ vang, nhưng đơn vị không được phụ trách thì lấy làm buồn vì thấy mình chưa đầy đủ trình độ và năng lực để làm việc đó.

Tác phong đó, các chú cần phải học tập. Nhờ sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Bác tin các chú có thể học được tác phong ấy.

Từ đại đoàn trưởng cho đến tiểu đội trưởng phải đồng cam cộng khổ với anh em chiến sĩ, chăm nom săn sóc giúp đỡ nhau, coi nhau như chân tay ruột thịt. Đó là truyền thống tốt đẹp của Hồng quân Liên-xô và Giải phóng quân Trung-quốc. Quân ta cũng phải học làm như vậy. Làm được như vậy là đã thắng giặc một phần, trước khi đánh giặc.

Các đơn vị phải thi đua với nhau làm đúng lời Bác dặn.

Các chú có quyết tâm thi đua không?

(Toàn thể hội trường vang lên: quyết tâm)

Đã quyết tâm thì phải làm cho kỳ được. Bác chờ tin thắng lợi của các chú, Bác treo một giải thưởng một triệu đồng¹⁾ cho bộ đội trong thời gian từ ngày 2 tháng 9 đến ngày 19 tháng 12. Số tiền tuy nhỏ, nhưng giá trị nó to, vì do tay Bác tự làm ra.

Đơn vị nào lập công trước, ngoài phần thưởng một triệu đồng, còn có giải thưởng khác nữa.

Chẳng những quân đội đi giết giặc lập công mới anh hùng, mà cán bộ cung cấp ra sức phục vụ cũng là anh hùng. Trong mỗi người các chú đều có mầm anh hùng, các chú phát triển nó lên.

1) Tiền ngân hàng dùng từ năm 1951 đến năm 1958.

Nếu các chú làm tròn nhiệm vụ thì Bác luôn luôn vui vẻ và khỏe mạnh.

Có một số cán bộ ở đây biết : khi quân đội ta mới bắt đầu thành lập, binh sĩ thì chỉ có mấy người, vũ khí thì chỉ có mấy khẩu súng quèn mua lậu được. Thế mà chúng ta đã làm nên trò trống. Cách mạng tháng Tám đã thành công.

Bây giờ chúng ta quân nhiều, tướng mạnh, mọi người lại đều quyết tâm. Cho nên ta nhất định thắng lợi.

Nói ngày 9 tháng 9 năm 1952. In trong sách *Về vấn đề quân sự*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, tr. 224-229.

Theo đúng bài in trong sách *Về vấn đề quân sự*.

THU TRUNG THU

Gửi các cháu nhi đồng ở vùng tự do, vùng du kích, vùng tạm bị chiếm và ở ngoài nước.

Mỗi năm, đến tết Trung thu, Bác càng nhớ các cháu.

Trung thu trăng trong gió mát là cảnh thái bình. Mục đích của Bác, của Đảng cùng Chính phủ là cốt xây dựng cho các cháu đời sống thái bình, tự do, sung sướng.

Nhưng vì giặc Pháp, bọn can thiệp Mỹ và lũ việt gian bù nhìn muốn bắt dân ta làm nô lệ cho chúng, chúng gây ra chiến tranh xâm lược, cho nên dân ta phải ra sức kháng chiến để giữ lấy độc lập, tự do.

Từ thu trước đến thu này, kháng chiến ta có nhiều thắng lợi, mà các cháu cũng tiến bộ nhiều.

Các cháu đều biết yêu nước, ghét giặc, đều chăm học, siêng làm. Các cháu đều biết đoàn kết, thương yêu cha mẹ, giúp đỡ bộ đội và thương binh, giúp tăng gia sản xuất và tiết kiệm.

Có nhiều cháu đã được khen thưởng, có cháu đã thành chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Các cháu ở trong vùng tạm bị chiếm rất gan góc. Nhiều cháu đã hy sinh oanh liệt, để giữ bí mật, để giúp đỡ cán bộ và bộ đội.

Nói tóm lại, các cháu rất ngoan, Bác rất vui lòng.

Chắc các cháu có nghe nói: không những đồng bào trong nước, mà các ông, các bà, các cô, các

chủ trong phe dân chủ thế giới nhất là ở các nước bạn như Liên-xô, Trung-quốc, Triều-tiên và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, đều nhớ đến các cháu. Cho nên đã lập ra Ủy ban quốc tế bảo vệ thiếu nhi và định ngày 1-6 là ngày Tết Quốc tế của tất cả nhi đồng ở các nước.

Như thế là các cháu nhi đồng Việt-nam và Trung-quốc, có hai Tết: Tết mừng 1 tháng 6 và Tết Trung thu.

Càng được chăm sóc, các cháu càng phải cố gắng ngoan hơn nữa.

Các cháu gửi thư cho Bác nhiều lắm. Bác rất vui. Nhưng vì Bác bận quá, không trả lời riêng cho từng cháu được. Nhân dịp Tết Trung thu, Bác gửi các cháu thư này:

*Ai yêu các nhi đồng
 Bằng Bác Hồ-Chí-Minh?
 Tính các cháu ngoan ngoãn,
 Mặt các cháu xinh xinh.
 Mong các cháu cố gắng,
 Thi đua học và hành.
 Tuổi nhỏ làm việc nhỏ,
 Tùy theo sức của mình:
 Đề tham gia kháng chiến
 Đề gìn giữ hòa bình.
 Các cháu hãy xứng đáng:
 Cháu Bác Hồ-Chí-Minh!*

Hôn các cháu

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo Nhân dân, số 75,
 ngày 25 tháng 9 năm 1952.

Theo đúng bài in
 trên báo Nhân dân.

Trích

**NÓI CHUYỆN VỚI CÁN BỘ
CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, DÂN,
CHÍNH TRUNG ƯƠNG ⁷⁶**

Chính những Đảng cách mạng lại càng trọng trí thức. Vì muốn phát triển văn hóa thì phải cần thầy giáo; muốn phát triển sức khỏe của nhân dân thì phải cần thầy thuốc; muốn phát triển kỹ nghệ phải cần các kỹ sư, v.v..

Tóm lại, cách mạng rất cần trí thức và thực ra chỉ có cách mạng mới biết trọng trí thức.

Nhưng trọng trí thức như thế nào? Không phải tất cả bất cứ trí thức nào cũng đều phải trọng. Trí thức đáng trọng là trí thức hết lòng phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Thí dụ rất rõ ràng: lần đầu tiên ta có cuộc bầu các anh hùng chiến sĩ lao động. Trong 7 anh hùng lao động có một anh hùng lao động trí óc là chú Trần-Đại-Nghĩa. Trong 150 chiến sĩ lao động có hơn 10 chiến sĩ lao động trí óc.

Nói rộng hơn nữa, các cô các chú xem chỉ có trí thức như ở Liên-xô và các nước dân chủ mới¹⁾ mới được phát triển, trọng đãi và bồi dưỡng.

1) Các nước đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, chuyển sang cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ở các nước tư bản không có như thế.

Vậy vì sao Đảng và Chính phủ ta lại trọng trí thức?

1. Vì Đảng và Chính phủ muốn xây dựng nước dân chủ nhân dân, phát triển văn hóa, giữ gìn sức khỏe cho nhân dân, xây dựng công nghiệp.

2. Trí thức nước ta cũng như trí thức các nước thuộc địa, nửa thuộc địa hay các dân tộc bị áp bức, khác với trí thức các nước tư bản đế quốc.

Ở các nước tư bản đế quốc, trí thức đa số là ở trong giai cấp tư sản mà ra và phục vụ cho tư bản.

Ở nước ta thì khác: trí thức xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau, nhưng nói chung đều bị đế quốc áp bức. Thí dụ: 2 người cùng học một trường, 2 người cùng thi đỗ. Trong khi học thì người trí thức Việt giỏi hơn người Pháp, nhưng lúc ra làm việc thì người Việt lại ở dưới người Pháp và ăn lương cũng dưới người Pháp. Người trí thức Việt-nam bị bạc đãi vì dân tộc Việt-nam bị đế quốc áp bức. Đế quốc áp bức được vì chúng dựa vào phong kiến Việt-nam; phong kiến cũng dựa vào đế quốc để áp bức nhân dân Việt-nam. Vì vậy, trí thức Việt-nam có đầu óc dân tộc và đầu óc cách mạng. Có đầu óc dân tộc, có học thức, xem được sách biết được dân chủ, biết được lịch sử cách mạng, nhất là lịch sử cách mạng Pháp, nên dễ tiếp thu được tinh thần cách mạng. Cho nên Đảng cách mạng phải dìu dắt, giúp đỡ trí thức của ta và đưa họ về phe cách mạng, phe công nông.

Trong mấy năm kháng chiến, một bộ phận lớn trí thức Việt-nam đã chịu khó chịu khổ đi với kháng chiến, phục vụ kháng chiến. Thế là trí thức của ta có ưu điểm đấy.

Nhưng không phải như vậy là trí thức của ta và nói chung, là giai cấp tiểu tư sản Việt-nam, không có khuyết điểm.

Trí thức ta có khuyết điểm nhiều chứ không phải ít. Khuyết điểm là do nền giáo dục nhồi sọ, chia rẽ, nô lệ của đế quốc phong kiến.

Khuyết điểm ấy là gì ?

— *Cá nhân chủ nghĩa* : cái gì cũng chỉ biết có mình và gia đình mình, chứ ít khi nghĩ đến cái gia đình lớn là dân tộc và phải hòa mình vào với dân tộc.

Do khuyết điểm ấy nên sinh ra những khuyết điểm khác. Những khuyết điểm khác là gì ?

— *Tính không kiên quyết* : làm việc gì cũng thiếu kiên quyết. Lúc vui, hứng lên thì làm. Nếu gặp trở ngại hay thất bại là thụt lùi. Vì không kiên quyết nên dễ lung lay.

— *Thái độ chờ đợi, bàng quan* : một thái độ gọi là ngoài giai cấp. Tức là cho mình là trí thức thì không đứng ở phe nào. Cho rằng phe nào cũng có cái hay cái dở. Cách mạng cũng có cái hay, đế quốc cũng có cái hay. Công nhân thì mồm mệ nhưng thô tục, đế quốc có cái « lịch sự, văn minh ».

Một người đứng trong xã hội không thể ngoài giai cấp, « siêu giai cấp » được. Đứng ngoài tức là bị kẹp, như cây mía giữa máy ép.

Ngồi giữa hai ghế thì nhất định sẽ ngã.

Chỉ có thể đứng về một phe thôi. Đứng chỗ nào thì phải đứng cho vững, đứng chông chênh trong khi xã hội có giai cấp đương biến chuyển mạnh là bị đè bẹp, sẽ bị gạt ra mất.

— *Tinh bảo thủ* : tức là không có sáng kiến. Trước làm thế nào sau cứ làm thế. Không chịu nghĩ ra cái mới. Nghĩ đến cái mới là ngại. Không muốn tiến bộ.

Xã hội bây giờ ngày một phát triển; tư tưởng, hành động cũng phát triển. Nếu cứ giữ cái nếp cũ, không thay đổi, là không đi đến đâu cả.

— *Óc làm thuê* : đầu óc « ăn cơm chúa mùa tối ngày ». Không nghĩ rằng mình là dân trong nước thì lợi ích của dân của nước mình phải chịu một phần, phải gánh một phần, phải đưa nước nhà tiến bộ lên.

Những thái độ trên là thái độ « làm sao để không ai chê trách mình là được » ; là không thấy mình cũng là một bộ phận làm chủ của nước nhà.

Cũng từ gốc cá nhân chủ nghĩa nên có đầu óc *địa vị* : không căn cứ vào công việc của mình, vào năng lực của mình mà cứ so sánh anh này là trưởng phòng, chủ nhiệm, anh kia là phó phòng, phó chủ nhiệm.

Nói tóm lại :

Những bệnh trên đây là bệnh chung của giai cấp tiểu tư sản, của anh chị em trí thức bị văn hóa nhồi sọ của thực dân để lại; bất kỳ đảng viên hay không đảng viên, anh chị em là đều có cả. Khuyết điểm ấy ngăn trở mình không có được một chí khí cao thượng, một nhận thức rõ « mình là một bộ phận làm chủ của nước nhà ».

Tất cả các đảng viên và không đảng viên mà đại đa số là trí thức, là tiểu tư sản, phải tự xét mình xem về những khuyết điểm ấy.

Đảng và Chính phủ biết kháng chiến và kiến quốc phải cần có những người trí thức trong mọi ngành: kinh tế tài chính, quân sự, văn hóa. Vì thế, Đảng và Chính phủ rất chú ý đến việc giúp đỡ anh em trí thức cũ tiến bộ, cải tạo tư tưởng, đồng thời đào tạo ra trí thức mới từ công nhân, nông dân ra.

Trí thức không bao giờ thừa, chỉ có thiếu trí thức thôi. Nhưng mà việc cải tạo, việc giáo hóa trí thức (bất kỳ là đảng viên hay không đảng viên) của Đảng còn rất ít, nên ảnh hưởng của giáo dục để quốc còn sâu sắc lắm.

Các cô các chú cần nhận rõ việc cải tạo đây là phải tự nguyện tự giác. Mình muốn giúp đỡ kháng chiến, kiến quốc thì phải tự nguyện cải tạo. Đồng thời phải biết việc cải tạo không dễ đâu. Đó là một cuộc cách mạng trong người; nó lâu dài và gian khổ. Ai không hiểu như thế là sai lầm.

Việc đấu tranh với kẻ địch ở tiền tuyến bằng súng, bằng gươm còn dễ, nhưng việc đấu tranh với kẻ địch trong người, trong nội bộ, trong tinh thần, là một khó khăn, đau xót.

Không phải là việc dễ, vì vậy phải có quyết tâm đấu tranh mới được. Một thí dụ: anh em trí thức không quen lao động. Bây giờ ra làm công tác lao động, cuốc đất, người sẽ mệt mỏi, sẽ ngại. Việc đó cũng cần phải quyết tâm và bền chí. Đây là một việc cần đấu tranh và không phải là dễ. Còn nói về tinh thần, thái độ, thói quen, thì càng khó nữa.

Như vậy thật là một cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ, phải có quyết tâm mới được.

Vậy nhiệm vụ của Đảng, của Chính phủ là giúp đỡ đảng viên và cán bộ trong Đảng cũng như ngoài Đảng tiến hành cải tạo, nhưng chủ yếu là anh chị em phải giúp đỡ nhau cùng đấu tranh cải tạo.

Việc cải tạo đi đến đâu ?

Cái gì cũng phải có từng bước, có mục đích. Nó đi đến mục đích : trí thức lao động hóa, công nông hóa.

Đảng có hai chính sách :

— Công nông trí thức hóa,

— Trí thức công nông hóa. Tức là anh em trí thức cũng biết trọng lao động, cũng biết làm lao động, hợp thành một khối với công nông ; nâng cao trình độ công nông về văn hóa và lý luận.

Đấy mới là thật thà đoàn kết.

Đó không phải là một mơ tưởng. Ở Liên-xô đã đi đến rồi. Có nhiều giáo sư đi học các chiến sĩ công nghiệp, nông nghiệp ; có chiến sĩ công nghiệp, nông nghiệp đi vào học các trường đại học.

Làm như trên để nhằm vào mục đích : kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công.

Vì vậy, trong các cuộc chỉnh huấn, Đảng rất hoan nghênh anh chị em ngoài Đảng tự nguyện tự giác học tập, kiểm thảo để đi đến mục đích công nông trí thức kết thành một khối, cùng nhau tiến bộ.

Trước hết là phải cải tạo tư tưởng. Vì có cải tạo tư tưởng thì sau đó anh chị em trí thức mới phát triển được hết sáng kiến, tinh thần trách

nhệm, ý thức lao động và trau dồi cho mình ý thức là một bộ phận chủ nhân của dân tộc, của kháng chiến, của kiến quốc.

Sau lúc kiểm thảo, tức là bước đầu đã cải tạo, mình đã có một lập trường đứng vào phe nào rồi thì phải kiên định. Đứng về phe bị áp bức bóc lột tức là phe công nhân, nông dân hay phe đi bóc lột thì phải dứt khoát, không thể ngồi trên 2 ghế được.

Năm nay, Đảng đề nghị và Chính phủ quyết nghị: triệt để giảm tô. Chính sách giảm tô đề ra mấy năm nay, xét ra việc làm chưa đâu vào đâu cả.

Nông dân là những người đóng góp nhiều nhất cho kháng chiến, đóng góp sức người, sức của mà những người đó vẫn bị thiệt thòi, trước hết là bản cố nông.

Bởi vậy, năm nay Chính phủ quyết định phải triệt để giảm tô, để nông dân được hưởng lợi ích bước đầu của họ, để nông dân hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Bây giờ các cán bộ trong Đảng, các cơ quan, các ngành đứng về phe nào?

Chắc chắn đi! dứt khoát đi! đứng về phe nông dân hay địa chủ? chắc các chú các cô cũng biết để quốc dựa vào lực lượng nào? việt gian, phong kiến, địa chủ. Mấy tên việt gian là ai? đều là phong kiến địa chủ, có một số là tư sản mại bản.

Sức kháng chiến, sự hy sinh trước mặt trận nhiều nhất là ai? là bản cố nông.

Đứng về phe nào?

Đứng về phe hy sinh người, của cho kháng chiến hay đứng về phe theo đế quốc, phản kháng chiến?

Đứng về phe tương lai, phe cách mạng hay đứng về phe quá khứ, phe phản động ?

Đây là lập trường. Phải dứt khoát không được đứng giữa. Các cô các chú nghĩ cho kỹ.

Một việc nữa là : Đảng và Chính phủ rất mong muốn, rất cố gắng đoàn kết với tầng lớp trí thức, đoàn kết lâu dài trong kháng chiến, trong kiến quốc, thực hành chủ nghĩa xã hội.

Đảng và Chính phủ thành tâm giúp trí thức tiến bộ mãi lên trên bước đường vẻ vang đó, đồng thời đào tạo trí thức ở trong công nông ra. Không phải là dùng cách « đưa áo nâu lên, áo trắng xuống » hay « vát cam vớt xác ». Trí thức công nông hóa, trí thức phục vụ nhân dân bây giờ cũng cần, kháng chiến kiến quốc cũng cần, tiến lên chủ nghĩa xã hội càng cần, tiến lên chủ nghĩa cộng sản lại càng cần.

Bởi vì xã hội tương lai là một xã hội không có phân biệt giữa trí óc và chân tay. Vì văn hóa ngày càng cao lên, thì thói quen của trí thức ngày càng hợp với lao động.

Điều đó anh em trí thức cần hiểu rõ. Không phải là đoàn kết nhất thời.

Trên đây là thái độ, mục đích của Đảng đối với anh chị em trí thức và khuyết điểm của cán bộ đảng viên ở các cơ quan, đoàn thể cùng ưu khuyết của các anh em ngoài Đảng.

Nói ngày 6 tháng 2 năm 1953.

In trong sách *Phát huy tinh thần cầu học, cầu tiến bộ*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 26-37.

Theo đúng bài in trong sách *Phát huy tinh thần cầu học, cầu tiến bộ*.

TRẢ LỜI MỘT NHÀ BÁO THUY-ĐIỀN

— *Hỏi : Cuộc thảo luận ở Quốc hội Pháp đã chứng tỏ rằng một số lớn người chính trị Pháp muốn dàn xếp một cách hòa bình vấn đề xung đột ở Việt-nam bằng cách thương lượng trực tiếp với Chính phủ Việt-nam. Ý nguyện ấy càng rộng khắp trong nhân dân Pháp. Thế thì Cụ và Quý Chính phủ hoan nghênh ý nguyện ấy hay không ?*

— *Trả lời : Cuộc chiến tranh ở Việt-nam là do Chính phủ Pháp gây ra. Nhân dân Việt-nam phải cầm vũ khí anh dũng chiến đấu bảy, tám năm nay chống kẻ xâm lược chính để bảo vệ nền độc lập và quyền tự do được sống hòa bình. Hiện nay nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt-nam quyết tâm tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt-nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt-nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó.*

— *Hỏi : Một sự ngừng bắn hoặc một cuộc đình chiến có thể có được không ? Và trên căn bản nào ?*

— *Trả lời* : Miễn là Chính phủ Pháp đình chỉ cuộc chiến tranh xâm lược thì cuộc đình chiến ở Việt-nam thực hiện. Cơ sở của việc đình chiến ở Việt-nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thực sự của nước Việt-nam.

— *Hỏi* : Nếu một nước trung lập đứng ra dàn xếp để những đại biểu của tư lệnh đối phương được gặp Cụ thì Cụ có nhận không ? Nước Thụy-điển có thể đứng ra làm việc ấy hay không ?

— *Trả lời* : Nếu có những nước trung lập nào muốn cố gắng để xúc tiến việc chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt-nam bằng cách thương lượng, thì sẽ được hoan nghênh, nhưng việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt-nam dân chủ cộng hòa với Chính phủ Pháp.

— *Hỏi* : Theo ý Cụ có phương pháp nào khác để chấm dứt cuộc chiến tranh ?

— *Trả lời* : Cuộc chiến tranh ở Việt-nam đã đem lại tai họa cho nhân dân Việt-nam đồng thời cũng làm cho nhân dân Pháp đau khổ nhiều, cho nên nhân dân Pháp đấu tranh chống lại cuộc chiến tranh ở Việt-nam.

Đối với nhân dân Pháp và các chiến sĩ hòa bình Pháp tôi xưa nay vẫn đồng tình và tỏ lòng quý mến. Hiện nay chẳng những nền độc lập của dân tộc Việt-nam bị xâm phạm nghiêm trọng mà chính nền độc lập của nước Pháp cũng bị uy hiếp nặng. Đế quốc Mỹ một mặt thúc đẩy thực dân Pháp tiếp tục và mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, làm cho Pháp càng đánh càng yếu đi hòng thay thế địa vị Pháp ở Đông-dương, một mặt

khác lại bắt buộc Pháp phê chuẩn bản hiệp ước về việc phòng thủ ở châu Âu, nghĩa là đề cho chủ nghĩa quân phiệt Đức sống lại.

Vì thế cuộc đấu tranh của nhân dân Pháp đòi độc lập dân chủ, hòa bình cho nước Pháp và đòi chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt-nam là một trong những nhân tố quan trọng để giải quyết vấn đề Việt-nam bằng cách hòa bình.

Trả lời vào tháng 11 năm 1953.

In trên báo *Nhân dân*, số 152, từ ngày 6 đến ngày 10 tháng 12 năm 1953.

Theo đúng bài in trên báo *Nhân dân*.

**BÁO CÁO ĐỌC TRƯỚC
QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT-NAM
DÂN CHỦ CỘNG HÒA
KHÓA I KỲ HỌP THỨ BA**

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Tôi xin thay mặt Chính phủ, vui mừng hoan nghênh các vị đã đến dự phiên họp đặc biệt của Quốc hội lần này.

Tôi xin gửi lời thân ái hỏi thăm các đại biểu Quốc hội vì bận nhiều công việc kháng chiến mà không đến họp được.

Tôi thay mặt Chính phủ kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn những vị đại biểu Quốc hội đã anh dũng hy sinh vì kháng chiến, vì Tổ quốc.

Tôi cũng xin thay mặt Chính phủ hoan nghênh các vị đại biểu Mặt trận đã đến chào mừng Quốc hội.

Thưa các đại biểu,

Bảy, tám năm nay, toàn dân ta có một nhiệm vụ to nhất, là kháng chiến.

Từ nay, chúng ta có một nhiệm vụ trung tâm nữa, là cải cách ruộng đất.

Phải ra sức đẩy mạnh kháng chiến, để đảm bảo cải cách ruộng đất thành công.

Phải ra sức thực hiện cải cách ruộng đất để đảm bảo kháng chiến hoàn toàn thắng lợi.

Phiên họp đặc biệt này, Quốc hội sẽ nghe báo cáo công việc kháng chiến mấy năm qua, và sẽ thảo luận chính sách cải cách ruộng đất và thông qua luật cải cách ruộng đất.

Nước ta là một bộ phận của thế giới. Tình hình của nước ta có ảnh hưởng đến thế giới, mà tình hình thế giới cũng có quan hệ đến nước ta. Cho nên trước khi báo cáo về công việc kháng chiến và chính sách cải cách ruộng đất, tôi xin báo cáo tóm tắt về tình hình thế giới và tình hình trong nước.

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

Chúng ta có thể nói ngay rằng: phe ta ngày càng mạnh, phe địch ngày càng yếu.

Liên-xô, thành trì hòa bình và dân chủ thế giới, đang tiến mạnh từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa cộng sản. Lòng mong ước hạnh phúc từ bao nhiêu thế kỷ của loài người đang dần dần thực hiện trên một phần sáu thế giới.

Vì giữ gìn hòa bình thế giới, *Liên-xô* đã có bom nguyên tử và bom khinh khí, nhưng luôn luôn đề nghị với các nước cấm dùng những vũ khí ấy.

Với sự giúp đỡ tận tâm của *Liên-xô*, các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu đang ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trung-quốc, đã thắng lợi to trong cuộc chống Mỹ, giúp Triều ; đã liên tiếp thu nhiều thành tích

vĩ đại trong việc xây dựng năm đầu của kế hoạch 5 năm, trong mọi công việc xây dựng.

Những thắng lợi to lớn của hai Đảng Cộng sản Ý và Pháp trong các cuộc tuyển cử, những cuộc bãi công khổng lồ (tháng 8, tháng 9 năm 1953) ở hai nước ấy, những cuộc đấu tranh của giai cấp lao động các nước và phong trào dân tộc giải phóng ở Mã-lai, Phi-luật-tân, Bắc Phi, Trung Phi, Guy-an..., chứng tỏ rằng phong trào đấu tranh của nhân dân khắp thế giới ngày càng phát triển.

Hội nghị hòa bình châu Á và Thái-bình-dương (10-1952) và Hội nghị nhân dân thế giới bảo vệ hòa bình (11-1952) đã nêu rõ lực lượng vô cùng to lớn của phe hòa bình dân chủ thế giới.

Trong thời kỳ vừa qua, thắng lợi to lớn nhất của phe hòa bình dân chủ thế giới là cuộc đình chiến ở Triều-tiên. Quân và dân Triều-tiên cùng quân tình nguyện Trung-quốc đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, đã tiêu diệt hơn một triệu binh sĩ của Mỹ và phe Mỹ. Lực lượng dân chủ hòa bình thế giới cực kỳ mạnh. Hai lực lượng ấy kết hợp lại thành cái gọng kìm kẹp vào cổ Mỹ và phe Mỹ, bắt buộc chúng phải chịu đình chiến ở Triều-tiên.

Tháng 10 vừa rồi, Đại hội công đoàn thế giới lần thứ ba, thay mặt cho hơn 88 triệu công nhân của 79 nước, đã quyết định lấy ngày 19 tháng 12 năm nay làm « ngày đoàn kết với nhân dân Việt-nam anh dũng và đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt-nam ». Đó là tinh thần quốc tế nồng nàn, là tình nghĩa giai cấp tích cực, nó làm cho nhân dân ta càng thêm hăng hái kháng chiến, càng thêm tin chắc thắng lợi cuối cùng.

Đó là tóm tắt tình hình của phe ta.

Tình hình phe đế quốc do Mỹ cầm đầu thì thế nào?

Mỹ và 16 nước phe Mỹ (trong đó gồm có Anh và Pháp) đã thất bại nhục nhã ở Triều-tiên. Từ cuối thế kỷ 19 đến ngày nay, Mỹ đã nhiều lần nhờ chiến tranh mà làm giàu và chiếm được địa vị anh chị. Lần này là lần đầu tiên (nhưng chưa phải là lần cuối cùng) mà Mỹ thất bại to, đã hao người (hơn 390.500 binh sĩ Mỹ chết và bị thương), tốn của (hơn 20.000 triệu đô-la); lại mất mặt với các nước. Thế Mỹ ngày càng yếu ở Liên hợp quốc, phe Mỹ càng thêm lung củng chia rẽ, kinh tế Mỹ ngày một khủng hoảng thêm.

Các nước tư bản phụ thuộc vào Mỹ, như Anh, Pháp, v.v... ngày càng gặp khó khăn về kinh tế và chính trị, bởi vì chính sách chạy đua binh bị, vì phong trào nhân dân trong nước và phong trào dân tộc giải phóng ở các nước thuộc địa.

Âm mưu của Mỹ hiện nay là: gây chiến tranh để hòng làm chủ thế giới.

Ở châu Á: Phá hoại việc triệu tập hội nghị chính trị, hòng gây lại chiến tranh ở Triều-tiên, võ trang lại Nhật-bản.

Ngăn cản Trung-hoa tham gia Liên hợp quốc.

Can thiệp mạnh hơn nữa vào chiến tranh ở Việt — Miên — Lào.

Ở châu Âu: Phá hoại việc thống nhất nước Đức, và võ trang lại Tây Đức làm cột trụ cho « Quân đội châu Âu ».

*

* *

Phe ta ngày càng mạnh, càng đoàn kết nhất trí trong mặt trận dân chủ hòa bình do Liên-xô lãnh đạo.

Mục đích chính của phe ta hiện nay là : làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng ; chủ trương giải quyết các cuộc tranh chấp trên thế giới bằng cách thương lượng.

Nhiệm vụ của nhân dân thế giới hiện nay là : củng cố thắng lợi đã thu được, tỉnh táo đề phòng âm mưu của Mỹ, đẩy mạnh phong trào hòa bình thế giới.

Tình hình thế giới thuận lợi cho ta. Chúng ta ủng hộ phong trào hòa bình thế giới. Nhưng chúng ta tuyệt đối chớ có ảo tưởng rằng hòa bình là một việc dễ dàng. Hòa bình phải do đấu tranh gian khổ mới giành được. Trong khi thực dân Pháp và can thiệp Mỹ vẫn đeo đuổi chiến tranh xâm lược nước ta, thì chúng ta phải vượt mọi khó khăn, tự lực cánh sinh, đẩy mạnh kháng chiến đến hoàn toàn thắng lợi.

TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

BÊN DỊCH :

Quân sự — Lực lượng địch bị tiêu hao nhiều (tính đến tháng 11 năm 1953, độ 32 vạn). Quân số Âu Phi ngày càng thiếu. Trên chiến trường chính địch càng bị động. Mới đây, địch cố thọc ra vùng tự do ở Liên khu 3 và một vài nơi bờ biển Liên khu 4, nhưng thế của địch căn bản vẫn là bị động.

Tuy vậy, hiện nay lực lượng địch vẫn còn mạnh. Ta không được khinh địch.

Chính trị — Mâu thuẫn giữa Mỹ và Pháp, giữa Pháp và bù nhìn, giữa bù nhìn thân Pháp và thân Mỹ, ngày càng sâu sắc.

Ở những vùng tạm bị chiếm, chúng dùng chính sách lừa bịp và bóc lột, bị nhân dân ta kiên quyết chống lại.

Ở Pháp, phong trào chống chiến tranh ngày càng lan rộng.

Kinh tế tài chính — Chiến tranh làm cho địch hao tổn ngày càng nhiều (từ năm 1946 đến nay, tổn hơn 3.000 ngàn triệu phờ-răng).

Nhưng chúng vẫn lấy được cao su và than đá, xuất cảng một số lúa gạo, thu thuế và cướp của ở những vùng tạm bị chiếm, chúng lại được Mỹ « giúp » thêm.

Về mặt khác, chúng ra sức phá hoại sản xuất và giao thông của ta ở vùng tự do, ở các căn cứ du kích và vùng du kích.

Văn hóa xã hội — Trong vùng tạm bị chiếm, chúng ra sức truyền bá văn hóa truy lạc và lưu manh để đầu độc nhân dân ta, nhất là thanh niên ta. Chúng lợi dụng tôn giáo để chia rẽ nhân dân ta.

Mưu mô chính của địch là « dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh ».



Hiện nay, địch đang làm gì và dự định làm gì ?

Mỹ thì càng can thiệp vào chiến tranh ở Việt — Miên — Lào, càng tăng thêm tiền bạc và vũ trang

cho Pháp và bù nhìn. Chúng lôi kéo bù nhìn Việt — Miên — Lào và đẩy mạnh việc tổ chức ngụy quân. Mỹ buộc Pháp nhượng bộ cho bù nhìn, tức là nhượng bộ cho Mỹ, Mỹ có kế hoạch thay thế Pháp từng bước, nhưng vẫn dùng Pháp làm tay sai thi hành chính sách chiến tranh của Mỹ.

Ngoài chính sách bóc lột, cướp giết về kinh tế, đế quốc Pháp — Mỹ dùng những *chính sách lừa bịp về chính trị* như :

Tuyên bố « độc lập » và « dân chủ » giả hiệu, tổ chức những cuộc tuyên cử gian dối.

Giả « cải cách điền địa » để lừa bịp nông dân ở vùng tạm bị chiếm.

Tổ chức những công hội « vàng » để lừa bịp công nhân.

Đưa ra luận điệu hòa bình hòng che mắt nhân dân Pháp và nhân dân thế giới, và hòng lừa bịp nhân dân ta.

Trong lúc chúng làm những việc đó, thì tướng giặc Na-va ráo riết tập trung quân cơ động để tấn công ta, quấy rối hậu phương ta, mở rộng hoạt động biệt kích, đẩy mạnh chiến tranh gián điệp.

Nói tóm lại, Pháp — Mỹ đang ra sức thực hiện âm mưu của chúng là : mở rộng chiến tranh bằng cách « dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh ».

Chúng ta không được chủ quan khinh địch. Chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo đề phòng, luôn luôn sẵn sàng phá tan âm mưu của địch. Nhưng chúng ta có thể nói rằng : những hoạt động của địch, không phải chúng tỏ là chúng mạnh, mà chúng tỏ là chúng yếu thế. Chúng sợ chính sách kháng chiến trường kỳ của ta. Chúng sợ phong trào hòa bình thế giới.

Đề phá tan âm mưu của địch, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh kháng chiến. Đề đẩy mạnh kháng chiến, chúng ta phải thực hiện cải cách ruộng đất.

BÊN TA :

Quân sự — Từ thu đông năm 1950, ta đã thắng to trong 7 chiến dịch và đã nắm được chủ động trên chiến trường chính. Ta đã giải phóng phần lớn vùng Tây-bắc to rộng. Phong trào du kích lên mạnh khắp các nơi.

Những đợt chỉnh quân về chính trị và kỹ thuật có kết quả tốt. Quân đội ta đã trưởng thành nhanh chóng về số lượng và chất lượng.

Nhiều bộ đội chủ lực, địa phương và du kích đã lập chiến công rất oanh liệt, vẻ vang.

Chính trị — Những lớp chỉnh Đảng, chỉnh huấn cho cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng có kết quả tốt (ngót 15.800 cán bộ từ Trung ương đến xã đã được chỉnh huấn).

Mặt trận Liên-Việt được củng cố và mở rộng.

Khối liên minh Việt — Miên — Lào ngày thêm chặt chẽ.

Hoạt động ngoại giao của Chính phủ và nhân dân ta được mở rộng, tranh được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, nhất là của nhân dân các nước bạn và nhân dân Pháp.

Kinh tế tài chính — Nhân dân ta đã vượt nhiều khó khăn, cố gắng thi đua sản xuất, đóng góp cho kháng chiến nhiều sức của và sức người. Tài chính của ta được ổn định dần dần. Ta đã xây dựng hậu phương với Trung-quốc, rất có lợi cho nhân dân.

Văn hóa xã hội — Nhân dân lao động tham gia học tập ngày càng nhiều. Số trường phổ thông và số học sinh tăng gấp bội. Việc đào tạo cán bộ chuyên môn được chấn chỉnh và mở rộng dần dần.

So sánh mọi mặt, thì thấy rõ *thế* địch ngày kém sút, *thế* ta ngày mạnh thêm.

Đó là tóm tắt những thành tích đáng kể của nhân dân ta, của Chính phủ và của Đảng, nhưng chúng ta vẫn có *khuyết điểm* như: về chính sách ruộng đất, trong thời kỳ trước, chúng ta đã nặng về đoàn kết địa chủ đề kháng chiến, mà không xem trọng đầy đủ vấn đề nông dân và vấn đề ruộng đất.

Gần đây, Chính phủ và Đảng đã sửa chữa khuyết điểm ấy, nay đã tiến bộ nhiều. Nhưng có nơi chưa chấp hành hoàn toàn đúng chính sách của Trung ương. Có một số cán bộ thì tư tưởng và hành động trái với chính sách của Chính phủ và của Đảng, thiếu tổ chức, kém kỷ luật. Có cán bộ thì chỉ thấy chống phong kiến mà coi nhẹ chống đế quốc...

Chúng ta cần phải sửa chữa những khuyết điểm ấy, cần phải ngăn ngừa những lệch lạc tả hoặc hữu.

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Về vấn đề này, đây tôi chỉ tóm tắt nêu ra một vài điểm:

Ý nghĩa của cải cách ruộng đất là:

Cách mạng ta là cách mạng dân tộc — dân chủ nhân dân chống đế quốc xâm lược và chống phong kiến, chỗ dựa của đế quốc.

Khẩu hiệu của ta trong thời kỳ kháng chiến là: « Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng ». Kháng chiến càng phát triển thì đòi hỏi sức người, sức của ngày càng nhiều; nông dân đã cung cấp sức người, sức của nhiều nhất cho kháng chiến. Phải giải phóng nông dân khỏi ách phong kiến, phải bồi dưỡng cho nông dân thì mới động viên đầy đủ lực lượng to lớn đó, dốc vào kháng chiến để tranh thắng lợi.

Then chốt thắng lợi của kháng chiến là củng cố và mở rộng *Mặt trận dân tộc thống nhất*, củng cố công nông liên minh, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố và *phát triển quân đội*, củng cố *Đảng* và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Chỉ có phát động quần chúng cải cách ruộng đất, ta mới tiến hành những công việc đó được thuận lợi.

Địch tích cực dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, chúng ra sức lừa bịp chia rẽ và bóc lột nhân dân ta. Ta cải cách ruộng đất thì sẽ ảnh hưởng và khuyến khích đồng bào nông dân ở sau lưng địch càng thêm hăng hái đấu tranh chống giặc, để tự giải phóng mình và càng hăng hái ủng hộ Chính phủ kháng chiến và dân chủ; đồng thời ảnh hưởng và làm tan rã nguy quân, vì đại đa số lính nguy là nông dân ở vùng tạm bị chiếm.

Tối đại đa số nhân dân ta là nông dân. Mấy năm nay nhờ lực lượng nông dân mà kháng chiến tranh được thắng lợi. Sau này cũng nhờ lực lượng nông dân mà kháng chiến được hoàn toàn thắng lợi, kiến quốc đi đến thành công.

Nông dân ta chiếm gần 90 phần trăm dân số mà chỉ được độ 3 phần 10 ruộng đất, mà quanh năm khó nhọc, suốt đời nghèo nàn.

Giai cấp địa chủ phong kiến không đầy 5 phần 100 dân số, mà chúng và thực dân chiếm hết độ 7 phần 10 ruộng đất, ngồi mát ăn bát vàng. Tình trạng ấy thật là không công bằng. Nước ta bị xâm lược, dân ta lạc hậu và bần cùng cũng vì đó. Trong mấy năm kháng chiến, tuy Chính phủ đã thực hiện chính sách giảm tô, thoái tô, tạm cấp ruộng đất của Pháp và việt gian, và tạm chia công điền cho nông dân ở vùng tự do, nhưng vấn đề mấu chốt là vấn đề quần chúng nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất vẫn chưa giải quyết. Vì vậy mà ảnh hưởng đến lực lượng tham gia kháng chiến và tăng gia sản xuất của nông dân.

Chỉ có thực hiện cải cách ruộng đất, người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn khỏi ách trói buộc của giai cấp địa chủ phong kiến, mới có thể chấm dứt tình trạng bần cùng và lạc hậu của nông dân, mới có thể phát động mạnh mẽ lực lượng to lớn của nông dân để phát triển sản xuất và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Mục đích cải cách ruộng đất là: tiêu diệt chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến.

Đường lối chính sách chung là: dựa hẳn vào quần chúng nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến.

Đề thích hợp với đặc điểm của kháng chiến và của Mặt trận dân tộc thống nhất là vừa thỏa mãn yêu cầu của nông dân về ruộng đất, vừa củng cố và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất lợi cho kháng chiến và lợi cho sản xuất, trong khi thực hiện cải cách ruộng đất, phải phân biệt đối đãi với các địa chủ tùy thái độ chính trị của mỗi người. Nghĩa là dùng chính sách phân biệt : tịch thu, trưng thu, trưng mua, mà không dùng chính sách tịch thu cả loạt hay trưng thu cả loạt.

Phương châm cải cách ruộng đất là : phóng tay phát động quần chúng nông dân, dựa vào quần chúng đi đúng đường lối quần chúng, tổ chức, giáo dục và lãnh đạo quần chúng nông dân đấu tranh một cách có kế hoạch, làm từng bước, có trật tự, có lãnh đạo chặt chẽ.

Ruộng đất mà địa chủ đã phân tán từ ngày có sắc lệnh giảm tô (ngày 14 tháng 7 năm 1949) đều là không chính đáng (trừ những tình hình đặc biệt đã nói trong thông tư của Thủ tướng phủ ngày 1 tháng 6 năm 1953).

Những ruộng đất tịch thu, trưng thu, trưng mua đều *chia hẳn cho những nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất*. Nông dân có quyền sở hữu ruộng đất đó.

Nguyên tắc chia ruộng đất là : lấy xã làm đơn vị, trên cơ sở nguyên canh, theo số lượng, chất lượng, vị trí gần hay xa của ruộng đất, dùng cách điều chỉnh nhiều bù ít, tốt bù xấu, gần bù xa, mà chia ; cần chiều cố những nông dân trước đã cày những ruộng đất ấy.

Những bọn ngoan cố kiên quyết phá hoại việc cải cách ruộng đất và những bọn việt gian, phản

động, cường hào gian ác, thì những tên nào bị án tù trên 5 năm, sẽ không được hưởng phần ruộng đất.



Những cuộc phát động quần chúng năm nay là đề thí nghiệm và chuẩn bị cho việc cải cách ruộng đất năm sau. Trong những cuộc thí nghiệm ấy, chúng ta đã thu được một số kinh nghiệm. Những nơi nắm vững chính sách của Đảng và Chính phủ, đi đúng đường lối quần chúng (dù một số cán bộ ở một vài nơi còn sai lầm, lệch lạc) nói chung đã thu kết quả tốt.

Còn những nơi Trung ương chưa định phát động, mà địa phương nóng nảy, hấp tấp tự phát, đều bị thất bại.

Cải cách ruộng đất là chính sách cho cả nước, nhưng phải làm từng bước, tùy điều kiện mà nơi thì làm trước, nơi thì làm sau.

Sau khi Quốc hội thông qua luật cải cách ruộng đất, sang năm Chính phủ sẽ chỉ định rõ địa phương nào ở vùng tự do và thời hạn bao lâu, để thực hiện cải cách ruộng đất.

Những vùng đồng bào thiếu số, Liên khu 5, Nam-bộ và những căn cứ du kích, Chính phủ sẽ định sau.

Những vùng du kích và những vùng tạm bị chiếm khi nào được giải phóng sẽ thi hành chính sách ruộng đất.

Những nơi chưa phát động quần chúng triệt để giảm tô, thì nhất định phải kinh qua phát động

quần chúng triệt để giảm tô, rồi mới chuyển sang cải cách ruộng đất. Làm như vậy là để tổ chức nông dân, nâng cao giác ngộ chính trị của nông dân, xây dựng ưu thế chính trị của nông dân ở trong làng xã, đồng thời để rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn tổ chức, chuẩn bị điều kiện chính trị cho việc cải cách ruộng đất.

Những nơi chưa được Chính phủ chỉ định phát động quần chúng, thì tuyệt đối không được tự phát.

Cải cách ruộng đất là một cuộc cách mạng nông dân, một cuộc giai cấp đấu tranh ở nông thôn, rất rộng lớn, gay go và phức tạp cho nên chuẩn bị phải thật đầy đủ, kế hoạch phải thật rõ ràng, lãnh đạo phải thật chặt chẽ, địa điểm phải định cẩn thận, thời hạn phải nắm chắc chắn, thi hành phải thật đúng đắn. Đó là những điều kiện để đi đến thành công.

Kinh nghiệm quốc tế cho chúng ta thấy rằng: cải cách ruộng đất thành công sẽ giúp chúng ta khắc phục được nhiều khó khăn, giải quyết được nhiều công việc.

Về quân sự, đồng bào nông dân sẽ thêm hăng hái tham gia kháng chiến, do đó mà việc mở rộng quân đội, và huy động dân công sẽ được dễ dàng hơn. Bộ đội ta càng yên tâm đối với gia đình, và đánh giặc càng thêm hăng.

Về chính trị, quyền chính trị và kinh tế ở nông thôn sẽ do nông dân nắm, nhân dân dân chủ chuyên chính sẽ thật thà thực hiện, khối công nông liên minh sẽ càng vững chắc. Mặt trận dân tộc thống nhất sẽ bao gồm hơn 90 phần 100 nhân dân ở nông thôn và trở nên vô cùng rộng lớn, mạnh mẽ.

Về kinh tế, được giải phóng khỏi ách địa chủ phong kiến, nông dân sẽ vui vẻ tăng gia sản xuất và tiết kiệm, sức tiêu thụ sẽ tăng thêm, công thương nghiệp sẽ phát triển, toàn bộ kinh tế quốc dân được mở mang.

Nhờ tăng gia sản xuất mà đời sống của nông dân, công nhân, bộ đội, cán bộ đều được cải thiện mau hơn.

Về văn hóa xã hội, đại đa số nhân dân sẽ đủ ăn đủ mặc; « có thực mới vực được đạo »; sẽ hăng hái học tập hơn, và do đó sẽ phát triển mỹ tục thuần phong. Kinh nghiệm những nơi đã phát động quần chúng tỏ rằng: đồng bào rất ham học, và các nhà trí thức sẽ có nhiều cơ hội để phục vụ nhân dân.

Như trên đã nói, cải cách ruộng đất là một cuộc đấu tranh giai cấp rộng lớn, phức tạp, gay go. Nó càng phức tạp, gay go vì chúng ta đang kháng chiến. Nhưng chính vì để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, mà chúng ta phải kiên quyết làm cho việc cải cách ruộng đất thành công.

Cũng vì nó là một cuộc đấu tranh phức tạp, gay go, cho nên trong tư tưởng, trong hành động và trong khi chấp hành chính sách, một số cán bộ (trong Đảng và ngoài Đảng) có thể xảy ra sai lầm lệch lạc. Để ngăn ngừa và sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm ấy, chúng ta cần phải nắm vững chính sách của Đảng và của Chính phủ, dựa hẳn vào quần chúng và đi đúng đường lối quần chúng.

Chính phủ và Đảng kêu gọi toàn thể cán bộ và đảng viên: phải theo đúng chính sách của Chính phủ và Đảng, phục tùng kỷ luật, đứng hẳn về phía nông dân, lãnh đạo nông dân đấu tranh.

Gặp lúc quyền lợi cá nhân và gia đình mâu thuẫn với quyền lợi của kháng chiến, của quần chúng nông dân thì phải hy sinh quyền lợi riêng cho quyền lợi chung của kháng chiến, của quần chúng.

Chúng ta phải động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân để đảm bảo thực hiện cải cách ruộng đất, để làm tròn nhiệm vụ to lớn ấy.

Đối với đảng viên, cán bộ, các đảng phái dân chủ, các nhân sĩ yêu nước, đó là một cuộc thử thách to lớn. Tất cả chúng ta phải thắng lợi trong cuộc thử thách ấy, cũng như chúng ta đang thắng lợi trong cuộc thử thách to lớn là kháng chiến chống đế quốc xâm lược.

Vậy hai nhiệm vụ trung tâm của chúng ta năm sau là: ra sức đánh giặc và thực hiện cải cách ruộng đất.

Ra sức đánh giặc trên các chiến trường, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đập tan âm mưu quân sự mới của địch.

Phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất ở những vùng Chính phủ chỉ định.

Cải cách ruộng đất để đảm bảo cho kháng chiến thắng lợi.

Ra sức đánh giặc, tiêu diệt nhiều sinh lực địch để đảm bảo cho việc cải cách ruộng đất được thành công.

Mọi công tác khác đều phải kết hợp xung quanh hai nhiệm vụ trung tâm đó và phục vụ hai nhiệm vụ đó. Trong năm 1954, phải đặc biệt chú trọng ba công tác lớn:

Kết hợp tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du

kích) về mọi mặt: tổ chức, huấn luyện, tiếp tục nâng cao trình độ chính trị, kỹ thuật và sức chiến đấu của bộ đội.

Kết hợp việc rèn luyện, nâng cao tư tưởng của cán bộ, và việc cất nhắc điều chỉnh cán bộ, chỉnh đốn cơ sở Đảng ở nông thôn.

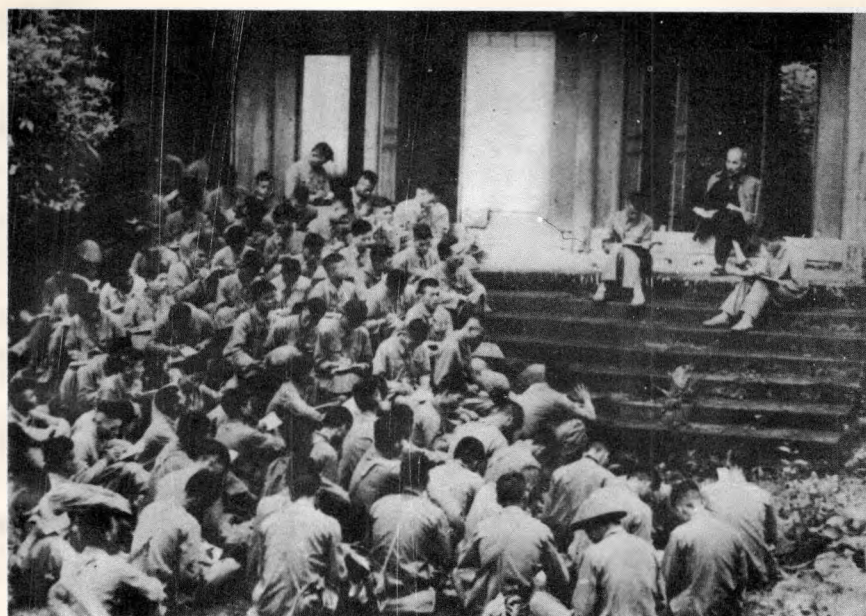
Kết hợp việc tăng gia sản xuất nông nghiệp, đảm bảo nhu cầu cho kháng chiến và lương thực cho nhân dân, làm cho nền kinh tế quốc dân hoạt động mạnh.

Thực hiện đầy đủ hai nhiệm vụ trung tâm và ba công tác lớn ấy thì càng có điều kiện thuận tiện để thực hiện những công tác khác như: giữ vững và phát triển công tác đấu tranh trong vùng sau lưng địch, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ở xã, chấn chỉnh công tác công an, phát triển và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, thu thuế nông nghiệp, phát triển kinh tế tài chính, tuyên truyền giáo dục, văn hóa xã hội...

*

* *

Lực lượng của chúng ta là hàng chục triệu đồng bào nông dân lao động, sẵn sàng chờ Chính phủ và Đảng tổ chức và lãnh đạo, để hăng hái vươn mình dậy đánh tan ách nô lệ của phong kiến và thực dân. Khéo tổ chức, khéo lãnh đạo, thì lực lượng ấy sẽ làm xoay trời chuyển đất, bao nhiêu thực dân và phong kiến cũng sẽ bị lực lượng to lớn ấy đánh tan. Chúng ta có thể kết luận rằng dưới sự lãnh đạo đúng đắn, chắc chắn của Chính



Hồ Chủ tịch nói chuyện với cán bộ và chiến sĩ đại đoàn 308 tại đền Hùng (Vĩnh-phú) trước ngày đơn vị tiến quân vào thủ đô Hà-nội, tháng 10 năm 1954, Người nói:

*Các vua Hùng đã có công dựng nước,
Bác cháu ta phải ra sức giữ nước.*

phủ và Đảng, với sự giúp đỡ tận tâm của Quốc hội và Mặt trận, cuộc cải cách ruộng đất thành công sẽ làm cho chúng ta tiến một bước rất dài đến kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công.

Đọc báo cáo ngày 1 tháng 12 năm 1953.

In trên báo *Nhân dân*, số 156, từ ngày 26 đến ngày 31 tháng 12 năm 1953.

Theo đúng bài in trên báo *Nhân dân*.

THƯ CHÚC TẾT

Ngày Nguyên đán năm Giáp Ngọ

Năm mới, quân dân ta có hai nhiệm vụ rành rành :

— Đầy mạnh kháng chiến để giành độc lập tự do,

— Cải cách ruộng đất là công việc rất to,

Dần dần làm cho người cày có ruộng, khỏi lo
nghèo nàn.

Quân và dân ta nhất trí kết đoàn.

Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn
thành công.

Hòa bình dân chủ thế giới khắp Nam, Bắc,
Tây, Đông.

Năm mới, thắng lợi càng mới, thành công
càng nhiều.

HỒ-CHÍ-MINH

In trên báo *Nhân dân*, số
163, từ ngày 1 đến ngày 5
tháng 2 năm 1954.

Theo đúng bài in
trên báo *Nhân dân*.

MÀU CHUYỆN VỀ ĐIỆN-BIÊN-PHỦ ⁷⁷

I

« NÓI LÁO TRÊN TRỜI DƯỚI ĐẤT NGHE »

Những mẩu chuyện anh dũng của quân và dân ta các báo đã kể nhiều. Đây tôi chỉ kể vài mẩu chuyện *không anh dũng của địch*. Trước hết là bọn Chính phủ phản động Pháp rất thạo nghề nói láo. Vài thí dụ :

— 5-1947 — Bộ trưởng quốc phòng là Cốt Phô-rê nói : « Quân đội Pháp chiếm đóng tất cả các thành thị và đường giao thông. Vậy ở Đông-dương không có vấn đề quân sự nữa ».

— 3-1949 — Cốt Phô-rê lại nói : « Tôi sẽ làm tròn phận sự, tôi sẽ không để chiến tranh tê liệt. »

— 10-1950 — Sau khi Pháp thất bại ở biên giới, Bộ trưởng quốc phòng mới là Pê-ven nói : « Từ nay, Pháp sẽ bắt ép quân đội Việt-minh rời xa căn cứ của họ, Pháp sẽ chọn những mặt trận có lợi cho mình để trả thù cho những binh sĩ Pháp đã hy sinh ở Cao-bằng và Lạng-son ».

— 11-1950 — Bộ trưởng « khối liên minh Pháp », là Lor-tuốc-nô nói : « Pháp rút lui khỏi biên giới

để tập trung thêm quân dự bị. Đồng thời để bắt ép Việt Minh phải kéo dài đường giao thông của họ, do đó mà làm cho địch yếu thêm ».

— 12-1951 — Pê-ven lại nói : « Kế hoạch của Pháp hiện nay sẽ đưa đến thắng lợi trong 15 hoặc 18 tháng ».

— 10-1953 — Thủ tướng La-nen nói : « Kế hoạch Na-va sẽ tăng cường bộ đội cơ động Pháp, sẽ bình định xong đồng bằng Bắc-bộ và sẽ chủ động trong những cuộc tiến công lớn. ... Lực lượng Pháp ngày càng tăng, về bộ đội cũng như về vũ trang. »

— 2-1954 — Khi sang Đông-dương Pê-ven nói : « Tôi sang đây để giúp Na-va chuẩn bị kế hoạch tiến công ». Khi trở về Pháp, Pê-ven nói : « Tướng Na-va đoán chắc rằng chiến dịch Điện-biên-phủ sẽ không đưa lại kết quả gì cho Việt-minh ».

Thắng lợi của ta ở Điện-biên-phủ đã chứng tỏ rằng : Bọn chúng chủ quan và nói láo mất mùa.

II

NỘI BỘ PHÁP LỪNG CÙNG

Khi thất bại, thì bọn chính trị Pháp đổ lỗi cho bọn quân sự. Bọn quân sự cãi lại.

— 29-4, tờ báo tư sản Pháp *Người xem xét* đăng những ý kiến của một số lãnh tụ quân sự Pháp, tóm tắt như sau :

— Khi đã phải rút khỏi Lai-châu và Nà-sản, mà Pháp lại đưa gần 2 vạn quân Pháp vào thung lũng

Điện-biên, đó là một tội ác chính trị... Đến mùa mưa, thì quân đội Pháp hoặc chết đuối hết, hoặc là đầu hàng.

— Hầu hết những tiểu đoàn tinh nhuệ Pháp đã đưa đến Điện-biên-phủ. Những cuộc đánh nhau ở đồng bằng, nhất là trên đường số 5, ngày thêm dữ dội. Điều đó làm cho Pháp rất lo ngại... Các lãnh tụ quân sự Pháp đều cho rằng Bắc-bộ như đã mất rồi. Ở Sài-gòn người ta bắt đầu lo sợ.

— Quân đội Bảo-Đại không được 5 vạn người sức chiến đấu. Phần đông chỉ chờ dịp để chuồn. Quân đội kháng chiến, dù là bộ đội địa phương, cũng không kém quân đội Pháp.

— Mặc dầu những thất bại ở Hòa-bình và Điện-biên-phủ, tinh thần sĩ quan Pháp vẫn khá vững. Nhưng khi họ hiểu rằng họ phải hy sinh cho lợi ích của Mỹ và của Bảo-Đại (tên vua cỏ mà cả quân đội Pháp đều khinh rẻ) — thì họ rất tức tối.

— Máy bay Mỹ dội đạn lửa khắp xung quanh Điện-biên-phủ không làm núng quân đội kháng chiến, mà chỉ tàn phá những làng mạc đông dân. Sự can thiệp của Mỹ đối với ảnh hưởng chính trị thì rất tai hại, đối với kết quả quân sự thì không ăn thua.

— Nói tóm lại: Các lãnh tụ quân sự đều nhất trí rằng Pháp không thể giữ Bắc-bộ nữa. Và nếu thất bại ở Điện-biên-phủ thì tình hình Pháp sẽ càng khó khăn.

Trên đây là ý kiến của một nhóm lãnh tụ quân sự Pháp.

Nhưng chúng ta chớ vì những ý kiến ấy mà chủ quan khinh địch.

III

PHÁP VỠ ĐẦU, MỸ CÀNG MEO MẶT

Điện-biên-phủ là một thất bại đau đớn cho thực dân Pháp, càng là một thất bại nhục nhã cho bọn can thiệp Mỹ. Vì Mỹ đã định ra kế hoạch Na-va, đã giúp tiền bạc và vũ khí để thực hiện kế hoạch ấy.

Hồi tháng 10-53, các báo tư sản Pháp đã viết : Chính phủ Pháp vâng lệnh Mỹ mà kéo dài chiến tranh. Mỹ xuất tiền, Pháp thì xuất xương máu. Binh sĩ Pháp đã thành một quân đội đánh giặc thuê. (Báo *Thế giới*).

Mỹ sợ Pháp đàm phán, và bắt ép Pháp bơi theo cuộc chiến tranh thất vọng. (Báo *Chiến đấu*).

Trong trận Điện-biên-phủ, Bộ trưởng ngoại giao Mỹ đã nói : Mỹ sẽ hết sức giúp cho Pháp giành lấy thắng lợi.

Tổng thống Mỹ đã viết thư khuyến khích bộ đội Pháp ở Điện-biên-phủ. Đến khi Pháp thất bại, Tổng thống Mỹ lại gửi điện vuốt đuôi : « Tôi tỏ lòng kính trọng quân đội Pháp anh dũng... Thất bại tạm thời cũng không thể làm giảm bớt lịch sử vẻ vang của quân đội Pháp. »

Tháng 2-54, đoàn đại biểu Quốc hội Mỹ sang xem xét Đông-dương. Khi trở về Mỹ, họ báo cáo rằng :

« Về quân sự, 8 năm nay Việt-minh đã giành được nhiều thắng lợi. 18 tháng nay, Pháp dùng chiến thuật tiến công, nhưng không có kết quả, dù quân Pháp có 50 vạn người chống lại 30 vạn

người của quân Việt-minh. Dù sao, Mỹ cũng cần tiếp tục giúp Pháp, nếu không thì Pháp không thể chiến tranh nữa. »

Thế là Mỹ dần dần trở nên kẻ địch chính của quân đội và nhân dân ta.

IV

TRỜI ĐẤT VIỆT KHÔNG DUNG GIẶC PHÁP

Địch cậy rằng chúng đã đưa phần lớn quân đội tinh nhuệ đến Điện-biên-phủ, cho nên chúng rất chắc ăn.

Hôm 21-1, bọn chỉ huy Pháp thách : « Võ-Nguyên-Giáp có giỏi thì đến đánh Điện-biên-phủ. »

9-3, Na-va nói : « Việt-minh sẽ bị đánh tan ở Điện-biên-phủ. »

13-3, ta tấn công đợt 1, Pháp thất bại. Nhưng hôm 15-3, Na-va và Cô-nhi vẫn múa mép : « Chắc rằng Pháp sẽ thắng. »

Bọn chỉ huy Pháp huênh hoang như vậy, nhưng tinh thần binh sĩ Pháp thì thế nào ?

Ngày sau hôm ta tấn công đợt 1, tên quan năm chỉ huy pháo binh địch tự tử ; tên quan năm tham mưu trưởng bị đuổi về Hà-nội.

Báo *Thế giới* (22-4) viết : « Quân nhảy dù Pháp chẳng còn tinh thần gì mà nói... Mặt người nào cũng tái mét. Họ viết « di chúc » để lại. Dốc hết cốc rượu cuối cùng, họ bắt tay nhau, im lặng không nói một lời, bước lên máy bay. Rồi họ phó mặc

trời. Họ biết rằng nếu nhẩy sai một chút, thì may phúc lắm là trọn đời làm tù binh của Việt-minh. »

Báo ấy viết tiếp: « 1 quan năm chỉ huy đội máy bay mặt mày hốc hác, nói một cách mỉa mai: « Chúng ta có nhiều máy bay; chúng có là ngày nào Việt-minh cũng bắn rơi mấy chiếc. Phi công thì người nào cũng mệt như. Chính tôi đây, hôm nay tôi đã bay suốt 17 tiếng đồng hồ. Nếu tôi phải bay một lần nữa, thì tôi không đảm bảo máy bay của tôi sẽ ra sao! ».

Báo ấy viết thêm: « Tính đến 22-4, bộ tư lệnh Pháp nhận đã mất 23 chiếc máy bay. Kỳ thật đã mất 55 chiếc ở Điện-biên-phủ. »

Địch thả dù viện binh và tiếp tế xuống Điện-biên-phủ, phần lớn dù đã lọt vào tay ta. Như: ngày 4-5, chúng thả 234 dù, thì 222 chiếc bị ta tóm được.

Tối 4-5, chúng thả 280 dù, thì 200 chiếc bị ta tóm được.

Hôm 5-5, chúng thả 759 dù, thì 337 chiếc bị ta tóm được.

V

QUAN BINH PHÁP KHÔNG THƯƠNG THƯƠNG BINH PHÁP

Hôm 3-5, tổng chỉ huy địch ở Điện-biên-phủ là Đờ Cát đồng dục tuyên bố: « Chúng tôi quyết giữ Điện-biên-phủ cho đến người cuối cùng! Chúng tôi quyết không chịu hàng! ».

Nhưng 4 hôm sau, đến trận cuối cùng, cờ đỏ sao vàng của ta tung bay đến đâu, thì cờ trắng xin hàng của địch lô nhô đến đó. Cả quan lẫn lính địch kéo nhau từng đàn ra hàng. Năm chiến sĩ ta là các đồng chí Luật, Lam, Hiên và hai đồng chí nữa đánh thốc vào bộ tư lệnh địch. Tướng Đờ Cát với 4 tên quan năm, 6 tên quan tư và 10 tên sĩ quan nữa giờ tay xin hàng.

Thế là ta đã toàn thắng trong chiến dịch Điện-biên-phủ.

Ta tiêu diệt và bắt sống hơn 16.000 binh sĩ Pháp, trong đó có độ 1.000 thương binh. Khắp thế giới đều biết chính sách nhân đạo của ta đối với thương binh (và tù binh) địch. Nhưng chính bọn chỉ huy địch đã đối với thương binh Pháp thế nào? Hãng thông tấn U.P. Mỹ (7-5) viết: « Hơn 1.000 thương binh quần quai dưới hầm tối đen và ngạt thở, bên cạnh sở chỉ huy Pháp... Đến phút cuối cùng, tướng Đờ Cát đã ra lệnh cho súng lớn bắn vào sở chỉ huy... »

VI

TỪ BIÊN GIỚI ĐẾN ĐIỆN-BIÊN-PHỦ

Tháng 10-1950, trong trận giải phóng biên giới, ta tiêu diệt và bắt sống hơn 4.500 địch, trong đó có 3 tên quan năm. Trận ấy đã làm cho cả nước Pháp xôn xao. Các báo Pháp đã nói: « Đó là thất bại to nhất trong lịch sử thực dân Pháp. »

Tiếp đến những trận Hòa-bình, phủ Nho-quan, vân vân... Pháp cũng thất bại.

Đến Điện-biên-phủ thì làm cho cả thế giới xôn xao. Bạn ta và nhân dân cả châu Á thì vui mừng. Phe đế quốc, nhất là Pháp—Mỹ thì ngỡ ngác. Một mặt vì từ trước chúng tuyên truyền quá huênh hoang. (Cuối tháng 4, Tổng thống Mỹ còn múa mồm nói: Pháp chắc thắng lợi ở Điện-biên-phủ — Eisenhower predicts Điện-biên-phủ victory) — Mặt khác, chúng thất bại cũng nặng thật: mất 25 tiểu đoàn tinh nhuệ nhất, gần 20 tên quan năm và 1 tên thiếu tướng...

Báo chí phản động Pháp—Mỹ đã phải nhận rằng: « Điện-biên-phủ là cuộc thất bại to nhất từ ngày Pháp đầu hàng Đức (1940). Quân viễn chinh Pháp đã bị chặt mất đầu. »

Tin Điện-biên-phủ thất bại về đến Pháp đúng vào ngày cả nước Pháp đang tung bùng sầm sứa ăn mừng « thắng » Đức (1945). Thành thử cuộc ăn mừng cụt hứng mà hóa ra cuộc truy điệu.

Ảnh hưởng của Điện-biên-phủ: Hiện nay, kiều dân Pháp ở Hà-nội, Hải-phòng, vân vân... đều chuẩn bị cuốn gói chuồn. Các nhà tư bản Pháp ở vùng tạm bị chiếm thì rút lui vốn liếng có trật tự, một đồng bạc Mỹ trước kia đổi 34 đồng Đông-dương, nay đổi 100 đồng. Tinh thần binh sĩ Pháp rất chán nản. Ngụy binh rất hoang mang, đã có những nhóm vác súng chạy theo ta. Thực dân Pháp thì trách Mỹ không hết sức, không kịp thời cứu vãn. Đế quốc Mỹ thì trách Pháp hèn hạ, bắt tài. Nội bộ Chính phủ Pháp lục đục, tên này đổ lỗi cho tên kia. Bại tướng Na-va bị cách chức. Tên tướng E-ly sang thay...

Càng thất bại thì địch càng hung dữ, càng gần thắng lợi thì ta càng gặp nhiều khó khăn. Thật vậy, hiện nay ở Hội nghị Giơ-ne-vơ, ngoài mồm thì địch nói muốn thương lượng, nhưng sự thật thì chúng đang gấp rút điều binh khiển tướng để tiếp tục chiến tranh.

Đề tranh lấy thắng lợi mới, chúng ta phải ra sức vượt khó khăn mới; quân, dân và cán bộ ta, mỗi người phải ra sức thi đua làm tròn nhiệm vụ, tuyệt đối chớ khinh địch, chớ chủ quan. Nhiều Điện-biên-phủ khác đang chờ đợi chúng ta.

In trên báo *Cứu quốc*, các số :

2605 ngày 26 tháng 5 năm 1954,

2606 ngày 28 tháng 5 năm 1954,

2608 ngày 31 tháng 5 năm 1954,

2610 ngày 2 tháng 6 năm 1954,

2611 ngày 4 tháng 6 năm 1954,

2613 ngày 7 tháng 6 năm 1954.

Theo đúng bài in trên báo *Cứu quốc*.

CHÚ THÍCH

1. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ mười tám của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (Tours, Pháp) từ ngày 25 đến 30 tháng 12 năm 1920 đã diễn ra cuộc tranh luận gay gắt về việc gia nhập Quốc tế thứ ba hay Quốc tế thứ hai.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, lúc đó là đảng viên Đảng Xã hội Pháp lấy tư cách là đại biểu của nhân dân Đông-dương đã phát biểu ý kiến. Người kịch liệt lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp, nêu cao tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa, và kêu gọi giai cấp công nhân Pháp, những người mác-xít chân chính Pháp phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam và nhân dân các thuộc địa khác.

Cùng với các đại biểu ưu tú của giai cấp công nhân Pháp, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba và trở thành một trong những người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, một chiến sĩ cộng sản đầu tiên của Việt-nam.

Những hoạt động của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tại Đại hội này đã đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong nhận thức tư tưởng và lập trường của Người, đồng thời cũng đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt-nam. Từ đây đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, con đường gắn liền đấu tranh giải phóng giai cấp với đấu tranh giải phóng dân tộc, gắn liền chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế Vô sản Tr. 3.

2. Giảng Lòng-ghe là một lãnh tụ thuộc phái hữu của Đảng Xã hội Pháp lúc bấy giờ. Tr. 4.

3. Đây là 21 điều kiện để kết nạp các đảng cách mạng vào Quốc tế thứ ba do Lê-nin đề nghị và đã được Hội nghị lần thứ II của Quốc tế cộng sản họp tại Mac-tur-khoa thông qua vào ngày 8 tháng 8 năm 1920. Việc quy định những điều kiện này là nhằm vạch ra những nguyên tắc cơ bản về chính trị và tổ chức của các đảng mác-xít kiểu mới và ngăn chặn không cho các đảng cơ hội chủ nghĩa lọt vào Quốc tế cộng sản. Tr. 8

4. Quốc tế thứ ba (Quốc tế cộng sản) : Một tổ chức cách mạng của giai cấp vô sản quốc tế, trung tâm lãnh đạo phong trào công nhân thế giới, tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943.

Cuộc đấu tranh của Lê-nin và những người cộng sản chân chính chống bọn cơ hội chủ nghĩa cùng với ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã thúc đẩy sự ra đời của các đảng cộng sản và tổ chức cộng sản ở nhiều nước trên thế giới. Để giúp các tổ chức cộng sản này lãnh đạo phong trào cách mạng ở các nước đi theo con đường của chủ nghĩa Mác chân chính, tháng 1 năm 1919, dưới sự lãnh đạo của Lê-nin. Hội nghị đại biểu 8 đảng cộng sản và nhóm cộng sản đã kêu gọi tất cả các đảng cộng sản, các tổ chức xã hội chủ nghĩa phải tá tham gia Đại hội thành lập Quốc tế thứ ba.

Hưởng ứng lời kêu gọi đó, tháng 3 năm 1919, dưới sự lãnh đạo của Lê-nin, các đảng cộng sản, nhóm cộng sản của 30 nước đã tiến hành Đại hội thành lập Quốc tế thứ ba tại Mát-xcơ-va.

Quốc tế thứ ba là tổ chức tiếp tục sự nghiệp của Quốc tế thứ nhất. Nó có vai trò lịch sử và công lao rất to lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới.

Hoàn toàn đối lập với Quốc tế thứ hai, Lê-nin và quốc tế thứ ba rất chú trọng đến vấn đề giải phóng dân tộc. Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin đã đặt nền tảng cho việc giải quyết đúng đắn những vấn đề phức tạp của công cuộc giải phóng dân tộc. Trên con đường cứu nước của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, đường lối cách mạng triệt để của Lê-nin và Quốc tế thứ ba đã làm cho Người hoàn toàn tin theo Lê-nin và Quốc tế thứ ba.

Tháng 5 năm 1943, căn cứ vào hoàn cảnh mới, Đoàn chủ tịch Quốc tế thứ ba với sự tán thành của đa số các đảng cộng sản đã thông qua Nghị quyết giải tán tổ chức quốc tế này. Tr. 8.

5. *Quốc tế thứ nhất* : Năm 1864, Đại hội công nhân các nước họp ở Luân-đôn (Anh), thông qua Nghị quyết thành lập *Hội liên hiệp công nhân quốc tế* tức là *Quốc tế thứ nhất*, do Các Mác lãnh đạo. Mục đích chủ yếu của Quốc tế thứ nhất là làm cho giai cấp công nhân được giải phóng về mặt kinh tế, biện pháp để đạt mục đích ấy là đấu tranh chính trị. Quốc tế thứ nhất còn nêu lên một trong những yêu cầu chủ yếu của giai cấp công nhân là hòa bình thế giới.

Năm 1876, Đại hội Phi-la-đen-phi (thành phố lớn của bang Pen-xin-va-ni-a thuộc nước Mỹ) thông qua Nghị quyết Quốc tế thứ nhất tự giải tán, vì tình hình cách mạng lúc đó đòi hỏi cần phải thành lập chính đảng công nhân ở các nước. Tr. 8.

6. *Quốc tế thứ hai* : Năm 1889, Đại hội đại biểu các tổ chức công nhân mác-xít khai mạc ở Pa-ri (Pháp) tuyên bố thành lập Quốc tế thứ hai. Quốc tế thứ hai đã có tác dụng phổ biến chủ nghĩa Mác về bề rộng, đã đánh dấu thời kỳ chuẩn bị cơ sở để cho phong trào cách mạng phát triển rộng rãi trong nhân dân lao động ở nhiều nước. Nhưng sau khi Ăng-ghe-nen mất (năm 1896), bọn cơ hội chủ nghĩa hoạt động điên cuồng phá hoại. Vì vậy năm 1914, khi chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Quốc tế thứ hai đã sụp đổ hoàn toàn. Tr. 8.

7. *Lê-nin* (1870-1924) : Lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới, người sáng lập ra Đảng Cộng sản Liên-xô và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong lịch sử loài người, và sáng lập Quốc tế cộng sản. Là học trò trung thành và xuất sắc nhất của Mác và Ăng-ghe-nen, Lê-nin đã bảo vệ tinh thần cách mạng của chủ nghĩa Mác, chống lại mọi sự xuyên tạc của bọn cơ hội chủ nghĩa, và đã phát triển một cách thiên tài cả ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác (triết học mác-

xít, kinh tế chính trị học mác-xít và chủ nghĩa xã hội khoa học), giải quyết đúng đắn về lý luận cũng như về thực tiễn các vấn đề đặt ra cho cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Lê-nin đặc biệt chú ý và đưa ra nhiều luận điểm quan trọng về phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Trong Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa được trình bày tại Đại hội II của Quốc tế cộng sản (1920) Lê-nin đã vạch ra những vấn đề cơ bản cho phong trào giải phóng dân tộc.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc là người Việt-nam đầu tiên đã tiếp thu chủ nghĩa Mác — Lê-nin và truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào nước ta, vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể nước ta để vạch ra đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt-nam. Tr. 9.

8. *Vô-rốp-xki* (1871-1923): Nhà hoạt động chính trị nổi tiếng của Đảng Cộng sản Liên-xô, một nhà phê bình văn học, một nhà ngoại giao. Ông tham gia đoàn đại biểu Liên-xô tại hội nghị Lô-dan-nơ (1922-1923). Ngày 10 tháng 5 năm 1923 ông bị tên Bạch vệ phát xít Côn-ra-đi bắn chết tại Lô-dan-nơ (Thụy-sĩ). Tr. 20.

9. *Đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản họp ở Mạc-tơ-khoa* từ ngày 17 tháng 6 đến ngày 8 tháng 7 năm 1924. Đại hội đã tổng kết những bài học kinh nghiệm của cuộc đấu tranh giai cấp từ năm 1918 đến năm 1923 và nêu lên ý nghĩa quan trọng bậc nhất của việc bôn-sê-vích hóa của các đảng cộng sản.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với tư cách là đại biểu của Đảng Cộng sản Pháp và các thuộc địa Pháp đã dự Đại hội và đọc bản tham luận này. Tr. 31.

10. *Ma-nu-in-xki* (1883-1959): Ủy viên Đoàn chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ năm, Ma-nu-in-xki đọc báo cáo về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Tr. 31.

11. *Xta-lin* (1879-1953): Một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân cách mạng Nga và

thế giới, của Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên-xô; đảng viên Đảng công nhân dân chủ xã hội Nga từ năm 1898 và trở thành đảng viên bôn-sê-vich sau Đại hội lần thứ hai của Đảng.

Thời kỳ chuẩn bị và tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, Xta-lin là ủy viên trong Trung tâm quân sự cách mạng chuẩn bị cho khởi nghĩa.

Thời kỳ có cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài và nội chiến, Xta-lin là ủy viên trong Hội đồng quân sự cách mạng, có mặt trên nhiều mặt trận quan trọng. Năm 1922, Xta-lin được bầu là Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga.

Sau khi Lê-nin mất, Xta-lin đã lãnh đạo việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô. Trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc (1941-1945), Xta-lin là Chủ tịch Ủy ban phòng thủ Nhà nước, Bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng, Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên-xô, đã lãnh đạo nhân dân Liên-xô đánh tan quân đội phát-xít Hít-le, đưa nhân dân châu Âu thoát khỏi tai họa phát-xít. Tr. 33.

12. Báo « Nhân đạo » : Cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp do Giăng Giô-rét sáng lập năm 1904. Từ sau khi có sự phân liệt của Đảng Xã hội Pháp ở Đại hội Tua (tháng 12-1920) và Đảng Cộng sản Pháp thành lập cho tới nay, tờ Nhân đạo trở thành cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Pháp. Tr. 35.

13. Quốc tế nông dân : Hội nông dân Quốc tế do các đại biểu của các tổ chức nông dân cách mạng nhiều nước thành lập năm 1923. Tr. 36.

14. Hội nghị Hoa-thịnh-đốn họp ngày 12 tháng 11 năm 1922 tại Hoa-thịnh-đốn (thủ đô Mỹ) có các nước Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, Ý, Trung-quốc, Bỉ, Hà-lan, Bồ-đào-nha tham gia. Các giới cầm quyền Mỹ là kẻ khởi xướng cuộc hội nghị này. Mục đích của Hội nghị Hoa-thịnh-đốn là hoàn thành việc chia lại thuộc địa và phạm vi ảnh hưởng giữa các nước đế quốc sau chiến tranh thế giới thứ nhất; cướp bóc, nô dịch Trung-quốc; chống lại nước Nga xô-viết và phong trào giải phóng dân tộc. Tr. 54.

15. Bản án chế độ thực dân Pháp : là một tác phẩm lớn do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết trong khoảng những

năm 1921-1925, được những người bạn cùng hoạt động với Người xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp tại Thư quán Lao động, Pa-ri, năm 1925.

Ở Việt-nam, tác phẩm này được xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp năm 1946. Năm 1960, Nhà xuất bản Sự thật đã dịch ra tiếng Việt, xuất bản lần thứ nhất đồng thời đã in trong Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập*. Năm 1975, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, Nhà xuất bản Sự thật đã hiệu đính lại và xuất bản lần thứ hai. Cuối năm 1975 và đầu năm 1976, Nhà xuất bản Sự thật đã xuất bản tác phẩm này lần thứ ba tại thành phố Hồ-Chí-Minh và Hà-nội.

Tác phẩm này ra đời lần đầu tiên giữa lúc làn sóng cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ ở khắp các thuộc địa của Pháp, phong trào yêu nước ở Việt-nam đang sôi nổi diễn ra khắp Bắc, Trung, Nam; và giữa lúc đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đang nỗ lực giáo dục, tổ chức lực lượng nòng cốt của cách mạng Việt-nam theo con đường của Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại. Ngay từ khi mới ra đời, tác phẩm đã có tiếng vang lớn trong nhân dân Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

Với lời văn giản dị, trong sáng và nghệ thuật châm biếm sâu sắc, tác phẩm đã tố cáo và lên án đanh thép những tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân nói chung và chủ nghĩa thực dân Pháp nói riêng trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Với những bằng chứng cụ thể tác phẩm đã vạch rõ nguồn gốc của mọi sự áp bức bóc lột, mọi nỗi khổ cực của quần chúng ở các thuộc địa. Tác phẩm đã bước đầu vạch ra đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn và những chiến lược, sách lược cách mạng cho nhân dân Việt-nam và nhân dân các thuộc địa khác; thức tỉnh, cổ vũ các dân tộc bị áp bức đi theo lời kêu gọi của Các Mác: « Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại! » và đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười Nga, chủ động tiến hành đấu tranh cách mạng để tự giải phóng mình.

Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* ra đời đã giáng đòn tiến công quyết liệt vào chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Pháp, vạch ra con đường cách mạng và tương lai tươi sáng cho các dân tộc bị áp bức.

Tác phẩm này là một cống hiến quan trọng của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Nó đã góp phần tích cực vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt-nam và các nước thuộc địa khác. Nó không những có giá trị lớn về lý luận — chính trị, mà còn có giá trị lớn về văn học — nghệ thuật.

Những tư tưởng lớn của tác phẩm không chỉ soi sáng cho cách mạng Việt-nam và cách mạng ở các nước thuộc địa phụ thuộc nói chung trong nửa thế kỷ qua, mà ngày nay vẫn giữ nguyên giá trị đối với cách mạng nước ta và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Tr. 79.

16. *Hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mác-xây*: Năm 1922, tại thành phố Mác-xây (miền Nam nước Pháp), Chính phủ Pháp mở hội chợ này, trưng bày những sản vật mang từ các thuộc địa Pháp sang, để nói lên sự giàu có của thuộc địa và công lao « khai hóa » của người Pháp, đồng thời kêu gọi bọn tư bản Pháp bỏ vốn kinh doanh và khai thác ở thuộc địa. Tr. 99.

17. *Cuộc khởi nghĩa ở Thái-nguyên*: Tháng 8 năm 1917, dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn (tức Trịnh-Văn-Cấn) và Lương-Ngọc-Quyến, binh lính Việt-nam trong quân đội Pháp ở Thái-nguyên nổi dậy, chiếm thị xã. Sau 6 ngày cầm cự với quân Pháp kéo từ Hà-nội lên đàn áp, Lương-Ngọc-Quyến hy sinh, nghĩa quân rút về hoạt động ở vùng rừng núi Thái-nguyên, Vĩnh-yên, Phúc-yên, Hòa-bình, Sơn-tây. Tr. 114.

18. *Phan-Đình-Phùng (1847-1895)*. Một sĩ phu yêu nước nổi tiếng. Năm 1885 hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm-Nghi, ông phát động khởi nghĩa ở quê, dựa vào vùng rừng núi Hương-sơn (Hà-tĩnh) làm căn cứ chống Pháp. Dịch vụ khổ và dùng vũ lực uy hiếp, ông không chịu khuất phục. Năm 1895, ông lâm bệnh và mất tại căn cứ. Tr. 128.

19. *Con Rồng tre*, ám chỉ tên vua Khải-Định, xuất phát từ sự việc sau đây: Năm 1922, tên vua Khải-Định sang Pháp dự hội triển lãm thuộc địa ở Mác-xây, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết vở kịch « Con Rồng tre » để vạch

trần bộ mặt bán nước hại dân của tên vua này. Đại ý : Có những cây tre thân hình còng queo, những người chơi đồ cờ lấy về đẽo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi, một khúc tre nhưng lại được mang tên và có hình dáng con rồng. Thực ra, nó chỉ là một vật vô dụng. Tr. 140.

20. *Hội liên hiệp thuộc địa* : là một tổ chức do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các nước thuộc địa của Pháp thành lập tại Pa-ri (thủ đô nước Pháp) năm 1921, với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp. Sau khi thành lập, Hội đã ra bản Tuyên ngôn này. Tr. 174.

21. *Đề Thám* (tức Hoàng-Hoa-Thám, 1864-1913) : một tá điền ở tỉnh Sơn-tây cũ, đã tham gia nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Năm 1888, ông tham gia nghĩa quân Yên-thế (một huyện thuộc tỉnh Hà-bắc). Dũng cảm, có tài quân sự, biết thu phục lòng người nên ông đã trở thành lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Yên-thế (1885-1913). Năm 1913, ông bị bọn phản động ám hại, phong trào khởi nghĩa bị dập tắt. Tr. 175.

22. *Những người lính khổ ở Hà-nội* : Đây là nói sự kiện đầu độc bọn lính Pháp ở Hà-nội. Tháng 6 năm 1908, một số sĩ phu yêu nước cùng với nghĩa quân Hoàng-Hoa-Thám liên lạc với những lính khổ ở yêu nước trong quân đội Pháp chủ trương đánh úp Hà-nội. Theo kế hoạch, những người đầu bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn để giết bọn quan quân Pháp, sau đó nghĩa binh cướp kho vũ khí, đánh chiếm các công sở, phối hợp với nghĩa quân Hoàng-Hoa-Thám từ ngoài đánh vào Hà-nội. Tr. 175.

23. *Gác-ni-ê* : Sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc-kỳ lần thứ nhất, bị quân ta giết chết ở gần Cầu-giấy (Hà-nội) năm 1873. Tr. 185.

24. *Ri-vi-e* : Sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc-kỳ lần thứ hai, bị quân ta giết chết ở gần Cầu-giấy (Hà-nội) năm 1883. Tr. 185.

25. *Hàm-Nghị* : Người đứng đầu phe chủ chiến chống thực dân Pháp trong triều đình Huế. Khi kinh đô Huế thất thủ, ông cùng với Tôn-Thất-Thuyết ra Quảng-trị tổ chức kháng chiến. Bị giặc Pháp lùng bắt, ông phải

lánh ra ở vùng rừng núi Quảng-bình, ra chiêu Cần vương, kêu gọi văn thân chống Pháp. Tháng 10 năm 1888, ông bị giặc Pháp bắt đem đày sang An-giê-ri. Tr. 186.

26. *Đại hội Ba-cu*: Tháng 2 năm 1922 tại Ba-cu (thủ đô nước Cộng hòa A-déc-bai-dăng, Liên-xô), 21 dân tộc phương Đông đã mở một cuộc Đại hội, nhằm biểu dương và tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc phương Đông, và giữa các dân tộc phương Đông với giai cấp vô sản Nga cùng giai cấp vô sản thế giới, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Tr. 206.

27. Các Mác (1816 — 1883): Lãnh tụ của giai cấp vô sản thế giới, nhà tư tưởng vĩ đại nhất, người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, chính trị kinh tế học và triết học vô sản.

Mác là người sáng tạo ra lý luận và sách lược của cách mạng vô sản. Cùng với Ăng-ghe-n, Mác đã đề xướng ra thế giới quan cách mạng của giai cấp vô sản — chủ nghĩa duy vật biện chứng và sáng lập ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, khoa học về các quy luật phát triển xã hội. Từ đó Mác đã sáng lập ra khoa chính trị kinh tế học. Từ sự phân tích sử mệnh lịch sử của giai cấp vô sản là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản. Mác đã đề ra học thuyết về chuyên chính vô sản là công cụ của bước quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Học thuyết về chuyên chính vô sản là điều cơ bản và chủ yếu trong chủ nghĩa Mác. Mác là người sáng tạo ra lý luận về chủ nghĩa cộng sản khoa học. Tất cả các bộ phận của học thuyết Mác đều liên hệ mật thiết với nhau.

Mác không những chỉ là nhà lý luận thiên tài mà trước hết Mác là nhà cách mạng vĩ đại. Năm 1847, Mác và Ăng-ghe-n gia nhập Liên minh những người cộng sản. Năm 1864, Mác sáng lập và là linh hồn của *Quốc tế thứ nhất*. Mác đã đấu tranh chống các thứ chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân, chống bọn vô chính phủ và định ra sách lược cách mạng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

Lê-nin là Người thừa kế sự nghiệp của Mác và Ăng-ghe-n, phát triển chủ nghĩa Mác trong những điều kiện lịch sử mới. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin là đỉnh cao nhất của trí tuệ và lương tâm của loài người. Tr. 216.

23. *Chủ nghĩa Uyn-xơn* : Uyn-xơn làm Tổng thống nước Mỹ từ năm 1913 đến 1921. Năm 1917, Uyn-xơn tuyên bố là nước Mỹ tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất, đứng về phía Anh, Pháp để chống Đức. Khi chiến tranh sắp kết thúc, Uyn-xơn đưa ra « Chương trình 14 điểm » làm cơ sở cho hội nghị Véc-xây (1919). Nói chủ nghĩa Uyn-xơn là nói « Chương trình 14 điểm » đó. Thực chất của nó là chính sách đối ngoại ăn cướp của đế quốc Mỹ chống lại nước Nga xô-viết mới ra đời, lợi dụng sự suy yếu của các nước tư bản châu Âu để nâng cao địa vị quốc tế của Mỹ và tăng cường nô dịch các dân tộc bị áp bức. Nhưng nó lại được che giấu bằng những lời lẽ mị dân về « dân chủ » và « quyền dân tộc tự quyết ». Điểm 5 của Chương trình này ghi rõ : « giải quyết một cách công bằng những vấn đề thuộc địa, chiếu cố các dân tộc bản xứ và các chính phủ ». Những lời lẽ bịp bợm của Chương trình này đã thu hút được sự chú ý của những người dân mất nước.

Trong bài *Cuộc kháng Pháp*, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã vạch rõ rằng : « Chủ nghĩa Uyn-xơn chỉ là một trò bịp bợm lớn », và Người khẳng định : « Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản mới giải phóng được dân tộc ; và cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới ». Tr. 223.

29. *Đường cách mệnh* : Cuốn sách gồm những bài giảng của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ của *Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* do Người tổ chức tại Quảng-châu (phía Nam Trung-quốc) trong những năm 1925-1928. Các lớp huấn luyện chính trị này nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tư tưởng, phương pháp cách mạng cho những người cách mạng Việt-nam ; chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt-nam vào đầu năm 1930. Cuốn sách này do Bộ tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản năm 1927 để làm tài liệu học tập, lưu hành nội bộ. Cách đây hơn nửa thế kỷ, trong điều kiện hoạt động hết sức khó khăn, việc ghi chép và tập hợp những bài giảng của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc cũng như việc viết bản in và in thành cuốn sách này khó tránh khỏi

những thiếu sót cả về cách diễn đạt và một số điểm về nội dung. Vì vậy, chúng tôi lưu ý bạn đọc nghiên cứu những tư tưởng lớn của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc; còn về những thiếu sót nói trên do việc tập hợp bài giảng, viết bản in và in, thì phần mở đầu của tác phẩm đã nói rõ: sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ, giản tiện, mau mắn, không tô vẽ trang hoàng, không có thì giờ trau chuốt, v.v...

Tác phẩm *Đường cách mệnh* nêu lên những vấn đề về đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng; xác định cách mạng Việt-nam là cách mạng giải phóng dân tộc rồi tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa; cách mạng Việt-nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, phải đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười Nga. Tác phẩm còn chỉ rõ cuộc cách mạng đó phải do Đảng của giai cấp công nhân theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin lãnh đạo; phải có khối liên minh công nông làm nền tảng để xây dựng một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống kẻ thù chung. Cuốn sách nêu lên phương pháp cách mạng đúng với quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, tư tưởng cách mạng không ngừng, tinh thần cách mạng triệt để, dùng bạo lực cách mạng của quần chúng đánh đổ bạo lực phản cách mạng và luôn luôn tranh thủ sự giúp đỡ của phong trào cách mạng thế giới. Cuốn sách còn thể hiện bước đầu những quan điểm về đạo đức cách mạng.

Nội dung chủ yếu trên đây của cuốn sách *Đường cách mệnh* được thể hiện bằng lời văn giản dị, lối viết phổ thông, đúng với tiếng nói của nhân dân và với phương pháp lý luận liên hệ với thực tế, có nhiều ví dụ cụ thể sinh động. Do đó, cuốn sách dễ hiểu có sức thuyết phục lớn làm cho người đọc dễ tiếp thu chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Đường cách mệnh là một trong những tác phẩm lớn, đánh dấu một trong những cái mốc quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, đồng thời là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng ta, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối của cách mạng Việt-nam. Tr. 229.

30. *Bị áp bức dân tộc liên hiệp hội* (tức là Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông): Một tổ chức cách mạng

của nhân dân các nước thuộc địa ở Á Đông do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tổ chức. Trong hội này có người Việt-nam, Triều-tiên, Mã-lai, In-đô-nê-xi-a, v.v...

Mục đích của hội là đoàn kết các dân tộc bị áp bức ở châu Á trong một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc, giải phóng các dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc.

Những người Việt-nam tham gia Hội này với tư cách là một chi bộ lấy tên là Thế giới bị áp bức liên hiệp hội, An-nam chi hội.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc vừa là người sáng lập Hội vừa là thư ký của Hội và thư ký của chi hội Việt-nam. Tr. 230.

31. Công xã Pa-ri: Vào cuối thế kỷ thứ 19, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với tư sản trong xã hội Pháp đã gay gắt. Trước cuộc tấn công xâm lược của quân Đức, chính phủ tư sản Pháp đầu hàng, cắt nhượng cho Đức 2 tỉnh An-dát-xơ và Lô-ren, chịu bồi thường 5 tỷ phơ-răng (tiền Pháp), mở cửa cho lính Đức tiến vào sát thủ đô Pa-ri. Công nhân Pa-ri đã tự vũ trang và tổ chức bố phòng để bảo vệ thành phố. Nhưng bọn tư bản, đứng đầu là tên bộ trưởng phản động Chi-e, đã ra lệnh tước vũ khí của công nhân, giải giáp các tuyến phòng thủ. Điều đó làm nhân dân căm phẫn nổi dậy khởi nghĩa vào ngày 18 tháng 3 năm 1871, đánh đuổi giai cấp tư sản, thành lập chính quyền mới ở Pa-ri, gọi là Công xã Pa-ri — chính quyền đầu tiên của giai cấp vô sản.

Cuộc cách mạng năm 1871 ở Pháp là cuộc cách mạng vô sản, lần đầu tiên thiết lập Nhà nước chuyên chính của giai cấp vô sản, đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào công nhân quốc tế. Nhưng giai cấp công nhân Pháp lúc này chưa có một chính đảng tiên phong lãnh đạo, chưa thực hiện được liên minh với nông dân và chưa kiên quyết trấn áp kẻ thù đến cùng, lại bị giai cấp tư sản Pháp câu kết với bọn xâm lược Đức phản công quyết liệt, cho nên sau 72 ngày xây dựng và bảo vệ Nhà nước vô sản, Công xã đã bị thất bại (tháng 5 năm 1871). Tr. 245

32. Ngày 9 tháng 1 năm 1905, cuộc cách mạng dân chủ tư sản Nga bùng nổ. Trước sự bất mãn ngày càng tăng

của công nhân, tên thầy tu tay sai của cảnh sát là Ga-pông dụ dỗ công nhân tiến hành một cuộc biểu tình hòa bình, mang cờ xí của nhà thờ và rước ảnh nhà vua đến cung điện Mùa đông, đệ đơn thỉnh nguyện xin cải thiện đời sống. Mặt khác, Ga-pông giúp bọn cảnh sát Nga hoàng bố phòng căn mật để tiêu diệt công nhân.

Nắm được âm mưu đó, những người bên-sê-vích ra sức khuyên công nhân không tham gia cuộc biểu tình. Nhưng lúc này, phần lớn công nhân còn tin vào Nga hoàng, nên cuộc biểu tình vẫn diễn ra theo kế hoạch. Khi họ vừa xuất hiện trên quảng trường Cung điện Mùa đông thì Nga hoàng ra lệnh xả súng bắn giết họ, trên một nghìn người chết và hai nghìn người bị thương.

Bộ mặt thật của Chính phủ Nga hoàng đã lộ rõ. Nhân dân căm phẫn nổi dậy đấu tranh, nêu cao khẩu hiệu « đả đảo chế độ chuyên chế », mở đầu cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga (1905-1907). Tr. 250.

33. Ngày 1 tháng 5 năm 1886, công nhân thành phố Si-ca-gô (Mỹ) đấu tranh bãi công đòi bọn chủ tăng tiền lương, giảm giờ làm, cải thiện đời sống v.v.. Giai cấp tư sản không chịu giải quyết yêu sách đó lại tiến hành sa thải những người lãnh đạo. Cuộc đấu tranh bùng nổ gay gắt dẫn đến những vụ xung đột đẫm máu. Mặc dù bị trấn áp, tinh thần đấu tranh của công nhân Si-ca-gô được công nhân thế giới khâm phục. Đại hội thứ nhất của Quốc tế thứ hai (1889) đã quyết nghị lấy ngày 1 tháng 5 hàng năm làm ngày đoàn kết biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới — ngày Quốc tế lao động. Tr. 258.

34. *Kế hoạch về vấn đề thuộc địa là tự tay ông Lê-nin làm ra* : Đây là bản Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa, do Lê-nin viết và trình bày tại Đại hội II của Quốc tế cộng sản, tháng 8 năm 1920.

Bản Luận cương này đã ảnh hưởng rất sâu sắc đến nhận thức tư tưởng của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc. Trong khi đi tìm đường cứu nước, đọc bản luận cương này Người sung sướng vô hạn. Người đã kể lại rằng : « Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao ! Tôi vui mừng đến phát khóc

lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo : « Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta ! ». Từ đó Người hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ 3 và khẳng định con đường đúng đắn nhất của cách mạng Việt-nam là con đường cách mạng vô sản. Tr. 264.

35. Ngày 8 tháng 3 năm 1899, nữ công nhân ngành dệt và ngành may ở Si-ca-gô một thành phố lớn ở Mỹ, đã đứng lên bãi công, biểu tình đòi tăng lương, giảm giờ làm. Mặc dù bị bọn chủ đe dọa và khủng bố, chị em công nhân vẫn tiếp tục bãi công, đấu tranh. Cuối cùng, bọn chủ đã phải nhượng bộ và thỏa mãn phần lớn những yêu sách của chị em.

Năm 1910. Hội nghị quốc tế phụ nữ xã hội chủ nghĩa lần thứ II họp ở Cô-pen-ha-gơ (Đan-mạch), theo đề nghị của Cơ-la-ra Dết-kin, đã quyết định hàng năm lấy ngày 8-3 làm ngày phụ nữ quốc tế.

Năm 1911, lần đầu tiên, Ngày phụ nữ quốc tế đã được tổ chức ở Đức, Áo, Thụy-sĩ, Đan-mạch, và từ đó đến nay, ngày 8 tháng 3 hàng năm là ngày đoàn kết của phụ nữ các nước trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, giành các quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tr. 265.

36. *Cộng sản thanh niên quốc tế* : Một tổ chức quốc tế của thanh niên lao động cách mạng.

Theo sáng kiến của V.I. Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất của thanh niên xã hội chủ nghĩa đã được triệu tập ở Béc-lin (Đức) từ ngày 20 đến ngày 26 tháng 11 năm 1919, có 29 đại biểu của 13 nước tham dự. Đại hội thông qua Nghị quyết thành lập Thanh niên cộng sản quốc tế và gia nhập Quốc tế cộng sản với tư cách là phân bộ.

Thanh niên cộng sản quốc tế có những phân bộ riêng của mình ở 56 nước (phần nhiều là không hợp pháp). Các cơ quan lãnh đạo của Thanh niên cộng sản quốc tế là : Đại hội quốc tế và Ban chấp hành. Cùng với sự giải tán Quốc tế cộng sản 1943, Thanh niên cộng sản quốc tế cũng giải tán. Tr. 272.

37. *Hợp tác xã* : Trong chương này, tác giả đã nêu lên các kiểu hợp tác xã ra đời từ trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là những tổ chức liên hợp tự nguyện của những người lao động trong các lĩnh vực sản xuất, mua bán, tiêu dùng, nhằm chung sức, chung vốn liếng để cùng nhau sản xuất và cải thiện đời sống.

Nêu bật lợi ích của hợp tác xã, tác giả muốn hướng nhân dân lao động đoàn kết đi vào con đường làm ăn tập thể, có tổ chức. Bởi vì, khi chưa được giải phóng thì hợp tác xã vừa là tổ chức kinh tế, nhằm nâng cao sản xuất và đời sống, giảm bớt sự bóc lột của bọn tư bản và phong kiến; vừa là một hình thức tổ chức để vận động, tập hợp nhân dân lao động đấu tranh cho quyền lợi của mình như các hình thức tổ chức khác của quần chúng.

Tác phẩm Đường cách mệnh viết cách đây đã hơn nửa thế kỷ. Ngày nay chúng ta hiểu tinh thần cơ bản của chương Hợp tác xã trong tác phẩm này như đã nói ở trên. Tr. 294.

38. *Lời kêu gọi* (nhân dịp thành lập Đảng) cùng với *Chính cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng* là những văn kiện do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc thảo ra và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng ta ngày 3 tháng 2 năm 1930, tại Cửu-long gần Hương-cảng (Trung-quốc). Hội nghị này do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc thay mặt Quốc tế cộng sản triệu tập và chủ tọa để thống nhất ba tổ chức cộng sản ở nước ta thành một Đảng, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt-nam.

Trong các văn kiện trên đây, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã vạch rõ: Cách mạng Việt-nam là cách mạng tư sản kiểu mới, nhiệm vụ cơ bản của nó là đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước ta được hoàn toàn độc lập, tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, và chỉ rõ cách mạng Việt-nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trên thế giới.

Với Lời kêu gọi và các văn kiện lịch sử nói trên, giai cấp vô sản Việt-nam đã công khai tuyên bố với dân tộc là Đảng của giai cấp vô sản đã được thành lập; Đảng lãnh trách nhiệm trước lịch sử là lãnh đạo giai cấp vô

sản và dân tộc ta thực hiện những nhiệm vụ lịch sử nêu trên. Để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ đó, các văn kiện này đã nêu rõ : « Đảng phải thu phục đại đa số dân cày và thực hiện cách mạng ruộng đất, phải tranh thủ các tầng lớp nhân dân về phía vô sản, phải thành lập chính phủ và quân đội cách mạng, phải tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới... ».

Những văn kiện cơ bản này của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã nêu rõ đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn của Đảng chỉ rõ tính chất của Đảng và quyền lãnh đạo của Đảng. Nó làm cơ sở cho đường lối cách mạng của nước ta.

Việc thành lập Đảng ta và vạch ra đường lối chiến lược, sách lược cách mạng trong các văn kiện trên đây là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Nó mở ra một thời kỳ mới — thời kỳ cách mạng Việt-nam do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin lãnh đạo. Tr. 305.

39. Trước sự bành trướng của chủ nghĩa phát-xít và nguy cơ chiến tranh thế giới do phát-xít Đức, Ý, Nhật đang ráo riết chuẩn bị, các đảng cộng sản đều chuyển hướng hoạt động, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát-xít và chiến tranh. Ở Việt-nam, tháng 7 năm 1936, Trung ương Đảng Cộng sản Đông-dương họp hội nghị quyết định tạm thời không nêu khẩu hiệu « đánh đổ đế quốc Pháp » và « tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày » mà chủ trương thành lập *Mặt trận nhân dân phản đế Đông-dương*, sau đó đổi tên là *Mặt trận dân chủ Đông-dương*.

Trong thời gian này đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc ở Trung-quốc vẫn theo sát tình hình trong nước, gửi thư về cho Trung ương Đảng, nêu ra những ý kiến chỉ đạo đúng đắn về đường lối chiến lược và sách lược của thời kỳ Mặt trận dân chủ. Bài này là một phần kèm theo bản Báo cáo của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc gửi Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, tóm tắt những ý kiến mà Người đã truyền đạt cho Trung ương Đảng ta. Tr. 318.

40. *Bọn tở-rốt-kit* : là những kẻ đi theo đường lối và quan điểm phản động của Tở-rốt-xki. Đó là khuynh hướng

tư tưởng cơ hội chủ nghĩa đối lập với chủ nghĩa Lê-nin. Trong phong trào công nhân Nga, Tơ-rốt-xki (1879 — 1940) luôn luôn chống lại Lê-nin về những vấn đề cơ bản của cách mạng như vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản, tính tất yếu của liên minh công nông, thái độ của Đảng đối với chiến tranh đế quốc, khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong một nước và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô.

Chủ nghĩa Tơ-rốt-xki có ảnh hưởng đến một số phần từ cơ hội chủ nghĩa trong các đảng cộng sản ở các nước. Các đảng cộng sản đã tiến hành đấu tranh không khoan nhượng với bọn tò-rốt-kít về mặt tư tưởng và chính trị để thực hiện đúng đắn đường lối Mác — Lê-nin do Quốc tế cộng sản đề ra.

Ở nước ta, trước đây bọn tò-rốt-kít được chính quyền thực dân Pháp bí mật giúp đỡ, đã ra sức chống phá cách mạng. Do đó Hồ Chủ tịch đã vạch rõ với Đảng ta: « Đối với bọn tò-rốt-kít, không thể có thỏa hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát-xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị ». Tr. 318.

41. *Mặt trận bình dân Pháp* được thành lập năm 1935 theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp. Tham gia Mặt trận, có Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội cùng nhiều đảng phái và tổ chức cấp tiến khác, nhằm chống lại chủ nghĩa phát-xít. Năm 1936, Mặt trận bình dân giành được thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử nghị viện. Chính phủ Mặt trận bình dân nắm quyền từ 1936 — 1938 đã thi hành nhiều chính sách tiến bộ.

Những hoạt động tiến bộ ấy của Mặt trận bình dân ở Pháp có ảnh hưởng nhất định đến tình hình ở Đông-dương. Kết hợp chặt chẽ với hoạt động bí mật, Đảng ta chủ trương triệt để lợi dụng những khả năng tổ chức và đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp để phát động lực lượng của các tầng lớp nhân dân. Nhờ đó, phong trào đấu tranh trong thời kỳ này phát triển rầm rộ, mạnh mẽ. Tr. 319.

42. *Kính cáo đồng bào*: Đầu năm 1941, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc từ nước ngoài trở về nước trực tiếp

lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ ngày 10 đến 19 tháng 5 năm 1941, Người đã chủ trì Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng Cộng sản Đông-dương họp tại Pắc-bó (Cao-bằng) để quyết định đường lối chính sách mới, nêu cao khẩu hiệu giải phóng dân tộc, thành lập Mặt trận Việt-minh, đổi tên các tổ chức quần chúng cách mạng thành hội Cứu quốc và chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền... Sau Hội nghị, ngày 6 tháng 6 năm 1941, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết thư này gửi đồng bào cả nước, kêu gọi toàn dân đoàn kết đứng dậy đánh đổ phát-xít Nhật — Pháp, giành lại độc lập, tự do cho nước nhà. Tr. 321.

43. *Lịch sử nước ta* là một tập diễn ca lịch sử do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết vào khoảng cuối năm 1941, tại Cao-bằng. Hiện nay, Viện bảo tàng cách mạng Việt-nam còn giữ được một số bản in cuốn *Lịch sử nước ta* xuất bản năm 1942, năm 1947 và năm 1949.

Bản in những lần sau so với bản in năm 1942, tác phẩm có được bổ sung và sửa chữa đôi chút. Nhưng do chưa xác minh được người sửa chữa tác phẩm này nên bài *Lịch sử nước ta* in trong bộ Tuyển tập này theo đúng nguyên văn bản in do bộ tuyên truyền của Việt-minh xuất bản tháng 2 năm 1942, đồng thời có chú thích một số điểm theo bản in các lần sau và một số điểm thuộc về lịch sử để bạn đọc nghiên cứu.

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc viết tập diễn ca lịch sử này là để làm tài liệu học tập cho cán bộ trong các lớp huấn luyện ở chiến khu thời đó và để phổ biến rộng rãi trong nhân dân ta nhằm giáo dục, động viên mọi người tiến hành cuộc vận động cách mạng tháng 8 năm 1945. Người đã khẳng định rằng sự nghiệp đấu tranh cách mạng giành độc lập tự do của dân tộc ta nhất định sẽ thành công. Người viết: *1945 Việt-nam độc lập*. Lịch sử đã diễn ra đúng như tiên đoán của Người.

Lịch sử nước ta, là tập diễn ca lịch sử đầu tiên viết theo quan điểm mác-xít. Tập sách đã có tác dụng quan trọng trong việc phổ biến lịch sử nước ta, giáo dục truyền thống và lòng tự hào dân tộc, cổ vũ mọi người Việt-nam yêu nước đứng lên làm cách mạng. Do đó tập diễn ca lịch

sử này đã ăn sâu vào tâm tư của nhiều đồng chí và đồng bào ta, có nhiều người đến nay vẫn còn thuộc lòng toàn văn hoặc từng đoạn của tập diễn ca này. Tr. 325.

44. Tháng 8 năm 1942, đồng chí *Nguyễn-Ái-Quốc* lấy tên là *Hồ-Chí-Minh*, từ Cao-bảng sang Trung-quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt-nam độc lập đồng minh và phân bộ quốc tế phản xâm lược của Việt-nam để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Sau nửa tháng trời đi bộ, vừa đến Túc-vinh (một thị trấn thuộc huyện Tĩnh-tây, Quảng-tây, Trung-quốc) thì bị chính quyền địa phương của Tưởng-Giới-Thạch bắt giam. Người bị giải tới giải lui hơn một năm trời qua khoảng 30 nhà tù của 13 huyện ở tỉnh Quảng-tây. Trong thời gian này, Người đã viết tập thơ *Ngục trung nhật ký* (*Nhật ký trong tù*).

Học đánh cờ là một bài thơ trong cuốn *Nhật ký trong tù*. Bài thơ này thể hiện một cách sinh động và giản dị tư tưởng chiến lược cách mạng của Hồ Chủ tịch là luôn luôn kiên quyết giành thế chủ động tiến công kẻ thù, thể hiện nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng và nghệ thuật nắm thời cơ khởi nghĩa vũ trang. Tr. 340.

45. *Thiên gia thi* là một tập sách « nhập môn » mà những thầy dạy chữ Hán ở Việt-nam và Trung-quốc thường dùng để dạy học trò tập làm thơ. Đó là tuyển tập những bài thơ của « nghìn nhà thơ » xưa ở Trung-quốc được xem là hay, là kiểu mẫu.

Bài *Cảm tưởng đọc « Thiên gia thi »* như là một bản tuyên ngôn về văn nghệ, đề cập tới một vấn đề cơ bản về lý luận sáng tác: chức năng của nhà thơ, tính đảng của thơ cũng như của văn học nghệ thuật nói chung. Người nói lên quan điểm của mình mà cũng là của giai cấp vô sản về tình cảm với thiên nhiên trong thơ và thái độ của nhà thơ hiện nay:

Nay ở trong thơ nên có thép.

Nhà thơ cũng phải biết xung phong. Tr. 342.

46. Tháng 12 năm 1944, trên cơ sở lực lượng vũ trang nhân dân đang hình thành, Hồ Chủ tịch ra chỉ thị thành lập *Đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân* và giao cho đồng chí *Võ-Nguyên-Giáp* phụ trách.

Thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch, đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại khu rừng Sam-cao thuộc tổng Hoàng-Hoa-Thám huyện Nguyên-bình, Cao-bằng (nay thuộc xã Cầm-lý, huyện Hòa-an, tỉnh Cao-bằng).

Bản *Chỉ thị thành lập đội Việt-nam tuyên truyền giải phóng quân* là một tài liệu ngắn, gọn, súc tích, nêu rõ tên, phương châm hoạt động, tổ chức lực lượng, chiến thuật hoạt động và cả tương lai rực rỡ của đội quân vũ trang chủ lực đầu tiên của Đảng ta. Đồng thời, bản chỉ thị có tính chất như một cương lĩnh quân sự của Đảng ta, bao gồm những vấn đề chủ yếu về đường lối quân sự của Đảng, như kháng chiến toàn dân, động viên và vũ trang toàn dân, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang và phương châm xây dựng ba thứ quân của lực lượng vũ trang, phương thức hoạt động kết hợp quân sự với chính trị của lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên tắc tác chiến và chiến thuật du kích của lực lượng vũ trang nhân dân. Tr. 345.

47. *Việt-minh* (hay Mặt trận Việt-minh) là tên gọi tắt của Hội Việt-nam độc lập đồng minh, được thành lập tại Pắc-bó ngày 19 tháng 5 năm 1941. Trong Hội đó có tất cả các hội cứu quốc như Hội công nhân cứu quốc, Hội nông dân cứu quốc, Hội thanh niên cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc, Hội quân nhân cứu quốc, Hội phụ lão cứu quốc, Hội phật giáo cứu quốc, Hội nhi đồng cứu quốc v.v... Hội này là một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị và tôn giáo yêu nước, thành một lực lượng cách mạng để chống kẻ thù chính của dân tộc Việt-nam lúc ấy là thực dân Pháp và phát-xít Nhật. Hội đã áp dụng chính sách rất mềm dẻo để tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được, phân hóa kẻ thù, cô lập cao độ kẻ thù chính nhằm tiêu diệt chúng để giải phóng dân tộc, giành lại độc lập tự do.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Mặt trận Việt-minh đã huy động toàn dân tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Để góp phần thúc đẩy cuộc

kháng chiến mau đến thắng lợi, ngày 5 tháng 3 năm 1951, tại Đại hội Mặt trận thống nhất dân tộc toàn quốc, đã thống nhất hai tổ chức Việt-minh và Liên-Việt thành Mặt trận Liên-Việt. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới, tháng 9 năm 1955, Mặt trận Liên-Việt được tổ chức lại thành Mặt trận tổ quốc Việt-nam và tiếp tục hoạt động đến ngày nay. Tr. 347.

48. Ngày 16 tháng 8 1945, tại Tân-trào (huyện Sơn-dương, nay thuộc tỉnh Hà-Tuyên), Tổng bộ Việt-minh đã triệu tập Quốc dân đại biểu Đại hội gọi tắt là *Quốc dân Đại hội* gồm 60 đại biểu các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng, các dân tộc trong nước tham dự. Đại hội đã thông qua mười chính sách lớn và mệnh lệnh Tổng khởi nghĩa của Việt-minh, cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt-nam tức là Chính phủ lâm thời của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, do đồng chí Hồ-Chí-Minh làm Chủ tịch. Tr. 347.

49. *Tuyên ngôn độc lập*: Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba-dình, Hồ Chủ tịch đã trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử do Người thảo ra, tuyên bố thủ tiêu chế độ thực dân phong kiến và thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới.

Bắt đầu bản *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chủ tịch khẳng định: « Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. » Đây là một nguyên lý cơ bản. Vì dân tộc có độc lập tự do, thì các cá nhân con người mới có độc lập, tự do, hạnh phúc và các quyền sống khác.

Tiếp theo đó, bản *Tuyên ngôn* điềm lại quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta cho đến cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại và kết luận: « Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập! ».

« Nước Việt-nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt-nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng,

tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy ».

Tuyên ngôn độc lập là kết tinh những tác phẩm trước đó của Hồ Chủ tịch, những văn kiện của Đảng và những bản tuyên ngôn của các bậc anh hùng dân tộc, các vị cách mạng tiền bối, kết tinh những quyền lợi cơ bản, những nguyện vọng tha thiết của dân tộc ta. Đồng thời *Tuyên ngôn độc lập* cũng nói lên tâm hồn trong sáng và khí phách hào hùng của nhân dân ta. Đây là một trang vẻ vang bậc nhất trong lịch sử đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt-nam ta từ trước tới nay.

Những tư tưởng lớn trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, những tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại : Không có gì quý hơn độc lập tự do, cũng là những tư tưởng lớn trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới trong thời đại ngày nay. Tr. 351.

50. *Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ* : Cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Bắc Mỹ chống chủ nghĩa thực dân Anh bắt đầu từ 1775 đến 1781 thì chấm dứt. Đi đôi với cuộc đấu tranh ấy, các xứ thuộc địa ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống bọn thực dân Anh. Đại hội lần thứ 2 họp ở Phi-la-đen-phi đã cử ra một ủy ban do Giép-phéc-xơn làm chủ tịch để thảo một bản Nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do và độc lập, tách ra khỏi phạm vi quyền lực của Anh hoàng. Bản dự án nghị quyết đó được đại biểu 13 bang thông qua ngày 4 tháng 7 năm 1776 trở thành bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ.

Bản tuyên ngôn này tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành lại độc lập, tự do cho nhân dân Mỹ lúc bấy giờ.

Nhưng sau khi giành được độc lập, giai cấp tư sản Mỹ lên nắm chính quyền liền phản bội quyền lợi của nhân dân, thi hành chính sách phân biệt chủng tộc, áp bức bóc lột nhân dân trong nước, đồng thời xâm lược các nước khác, từ chủ nghĩa thực dân cũ đến chủ nghĩa thực dân mới, chà đạp trắng trợn lên những nguyên tắc tự do, bình đẳng, bác ái đã ghi trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ. Tr. 351.

51. *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp*: Cuộc cách mạng Pháp năm 1789 là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình. Sau khi cách mạng thành công, chính quyền phong kiến bị lật đổ, chính quyền mới — chính quyền dân chủ tư sản do giai cấp tư sản lãnh đạo — được thiết lập.

Ngày 26 tháng 8 năm 1789, Hội nghị lập hiến do chính quyền mới này tổ chức, đã thông qua một văn kiện có tính chất cương lĩnh, đó là bản *Tuyên ngôn nhân quyền* nổi tiếng của Cách mạng Pháp.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền* này đã công khai ghi rõ các quyền tự do dân chủ, tự do thân thể, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng..., quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, quyền của mọi người chống áp bức.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền* đã có ảnh hưởng rất lớn đến phong trào đấu tranh của nhân dân các nước chống chế độ phong kiến lúc bấy giờ. Về sau, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ này để đi xâm chiếm thuộc địa. Ở Việt-nam, chúng lấy danh nghĩa là đi « khai hóa », « truyền bá văn minh », nhưng thực tế là chúng đã duy trì chế độ phong kiến bản xứ để áp bức bóc lột nhân dân ta, chà đạp lên chính những nguyên tắc căn bản đã ghi trong bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* này. Tr. 351.

52. *Đồng minh*: Mặt trận đồng minh chống phát-xít, được hình thành vào cuối năm 1941 đầu năm 1942. Tháng 1 năm 1942, tại Oa-sinh-tơn (Mỹ), 26 nước Đồng minh trong đó có Liên-xô, Mỹ, Anh, cùng ký một bản tuyên ngôn chống phát-xít xâm lược, bảo đảm trong cuộc chiến tranh này không có sự giảng hòa riêng rẽ. Nhưng quyền lợi của các nước ký bản tuyên ngôn đó rất khác nhau. Mục đích của Liên-xô là nhằm khôi phục chế độ dân chủ ở châu Âu, tiêu diệt chủ nghĩa phát-xít và ngăn ngừa phát-xít Đức gây lại chiến tranh xâm lược. Còn Mỹ và Anh thì âm mưu đánh bại thế lực của Đức và Nhật để xác lập quyền bá chủ trên thế giới. Về sau, các Chính phủ Mỹ và Anh đã phản bội Đồng minh, phá hoại tất cả các điều khoản trong tuyên ngôn đó. Tr. 352.

53. *Hội nghị Tê-hê-răng*: Hội nghị của đại diện ba nước Liên-xô, Mỹ và Anh họp từ ngày 28 tháng 11 đến ngày 1 tháng 12 năm 1943 tại Tê-hê-răng (thủ đô nước I-răng).

Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát-xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ 2 ở châu Âu trước ngày 1 tháng 5 năm 1944, và thông qua nghị quyết bảo đảm nền hòa bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh, v.v... Nhưng sau đó, các giới cầm quyền ở Mỹ và Anh không thi hành đầy đủ những điều khoản đã được ký kết trong Hội nghị này. Tr. 354.

54. *Hội nghị Cựu-kim-sơn* : Hội nghị của đại diện 51 nước do Liên-xô, Mỹ, Anh và Trung-quốc (Chính phủ Tưởng-Giới-Thạch) triệu tập, họp tại Cựu-kim-sơn (Xan Phơ-ran-xi-xcô) ở Mỹ từ ngày 25 tháng 4 đến 26 tháng 6 năm 1945 để thành lập một tổ chức quốc tế lấy tên là Liên hợp quốc.

Mục đích thành lập tổ chức quốc tế này là nhằm ngăn ngừa và loại trừ những mối đe dọa cho hòa bình và chấm dứt mọi hành động xâm lược; phát triển mối quan hệ thân thiện giữa các dân tộc và thực hiện sự hợp tác của các nước để giải quyết những vấn đề quốc tế; tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, tiếng nói và tín ngưỡng. Tất cả các nước hội viên đều bình đẳng, không một nước nào có quyền can thiệp vào nội bộ của các nước khác.

Nhưng tất cả những nguyên tắc quan trọng trên đây đều bị đế quốc Mỹ vi phạm nên không thể thực hiện được. Tr. 354.

55. Ngày 3 tháng 9 năm 1945, Hội đồng Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa đã họp phiên đầu tiên dưới quyền chủ tọa của Hồ Chủ tịch. Trong tình hình khẩn cấp, Hội nghị được tiến hành rất đơn giản, không có nghị thức, cũng không có diễn văn khai mạc. Hồ Chủ tịch đã trình bày một cách giản dị với các Bộ trưởng *những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa*. Người đã nêu lên một cách xúc tích 6 vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội. Đó là những vấn đề cấp bách nhất, thiết thực nhất mà chính quyền cách mạng vừa mới ra đời phải giải quyết trong hoàn cảnh cả nước chồng chất khó khăn, phức tạp và sự thiếu thốn mọi mặt do 80 năm chế độ thực dân phong kiến thối nát để lại.

Đồng thời Người đưa ra kế hoạch và biện pháp để giải quyết các vấn đề đó.

Sau khi nghe Hồ Chủ tịch trình bày bản đề nghị, các Bộ trưởng đã thảo luận và đều nhất trí tán thành những đề nghị của Người.

Các ban phụ trách được tổ chức để thực hiện các kế hoạch và chương trình. Công việc bắt đầu trong sự phấn khởi chung của Chính phủ và nhân dân.

Do sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Hồ Chủ tịch nên chính quyền cách mạng non trẻ của chúng ta đã đứng vững vàng và lãnh đạo nhân dân ta vượt qua một thời kỳ đầy thử thách. Tr. 355.

56. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền dân chủ nhân dân của chúng ta đang còn trứng nước đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, trở ngại. Để vượt qua những khó khăn đó và hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng vấn đề đấu tranh để củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng là vô cùng quan trọng.

Thiếu kinh nghiệm, và chưa vững vàng về tư tưởng, lập trường cách mạng, một số cán bộ lãnh đạo chính quyền đã phạm những sai lầm trong công tác, làm ảnh hưởng đến uy tín của chính quyền dân chủ nhân dân. Để kịp thời phê phán và ngăn chặn những sai lầm đó và bồi dưỡng quan điểm, lập trường cách mạng cho cán bộ chính quyền các cấp, nhằm củng cố và nâng cao sức chiến đấu của chính quyền cách mạng, tháng 10 năm 1945 Hồ Chủ tịch viết thư *Gửi các Ủy ban nhân dân các Bộ, Tỉnh, Huyện và Làng*. Người nêu rõ bản chất của chính quyền cách mạng là chính quyền của nhân dân, do dân lập nên và vì dân mà phục vụ. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt-nam, Hồ Chủ tịch đề ra quan điểm cách mạng về mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân lao động: « Cơ quan chính phủ, từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân... ». Người phê phán nghiêm khắc những thói xấu mà một số cán bộ chính quyền đã mắc phải và kêu gọi tất cả các cán bộ Ủy ban nhân dân từ Bộ đến làng ai đã nhận biết sai lầm, thì phải ra sức sửa chữa, ai « không phạm sai lầm đó thì nên chú ý tránh và gắng sức cho thêm tiến bộ ».

Bức thư của Hồ Chủ tịch đã có đóng góp rất quan trọng vào việc củng cố sức chiến đấu của chính quyền cách mạng, và tăng cường lòng tin tưởng của quần chúng nhân dân đối với Đảng và chính quyền mới. Tr. 369.

57. Theo quyết định của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, ngày 6 tháng 1 năm 1946, Chính phủ liên hiệp lâm thời đã tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước bầu Quốc hội đầu tiên của nước ta.

Lần đầu tiên mọi người dân Việt-nam từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam nữ đều được hưởng quyền bầu cử và ứng cử. Cuộc bầu cử được tiến hành sôi nổi trong cả nước. Hơn 90% tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu.

Những đại biểu của Mặt trận Việt-minh ra ứng cử được nhân dân tín nhiệm tuyệt đối.

Hồ Chủ tịch ứng cử ở Hà-nội và đã trúng cử với số phiếu cao nhất là 98,4%.

Nhân dân cả nước đã bầu 333 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Quốc hội khóa I gồm 403 đại biểu, trong đó có 333 đại biểu do nhân dân bầu ra và 70 đại biểu được Chính phủ liên hiệp lâm thời đồng ý cho vào Quốc hội không qua bầu cử (đó là người của các đảng phái đối lập, tay chân của quân đội Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch, gồm 50 người của Việt-nam quốc dân đảng và 20 người của Việt-nam cách mệnh đồng minh hội). Số đại biểu là công nhân, nông dân, chiến sĩ cách mạng chiếm 87%, trong đó có 10 đại biểu phụ nữ.

Tổng tuyển cử thắng lợi là một đòn nặng đánh vào âm mưu chia rẽ và lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai. Nó thực sự là một cuộc động viên chính trị rộng lớn, sâu sắc, biểu dương sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân và ý chí quyết tâm làm chủ đất nước của nhân dân ta. Nó dè bẹp mọi âm mưu đen tối của các thế lực phản động định tiêu diệt cách mạng Việt-nam, và tạo cơ sở pháp lý cho đấu tranh chính trị, ngoại giao của Chính phủ ta.

Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta và cũng là lần đầu tiên ở các nước châu Á, các nước thuộc địa trên thế giới có một Quốc hội dân chủ tiến bộ. Tr. 379.

58. *Hiệp định sơ bộ*: Cuối tháng 2 năm 1946, theo lệnh của đế quốc Mỹ, Chính phủ Tưởng ở Trùng-khánh đã ký với Pháp 1 bản thỏa ước, cho quân Pháp vào thay thế quân Tưởng ở miền Bắc Đông-dương. Mặc dù vậy bọn quân phiệt Tưởng đóng ở nước ta vẫn tiếp tục theo đuổi âm mưu phá hoại cách mạng Việt-nam và không chịu rút quân theo thỏa ước Hoa — Pháp.

Đề khởi bước ngay vào cuộc chiến đấu chống nhiều kẻ thù cùng một lúc trong khi nhân dân ta chưa được chuẩn bị đầy đủ, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã chủ trương tạm thời hòa hoãn với Pháp, lợi dụng mâu thuẫn giữa các đế quốc để đẩy quân Tưởng ra khỏi nước ta, đồng thời tranh thủ thời gian để củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến lâu dài trong cả nước.

Chủ trương sáng suốt đó đã dẫn tới việc ký Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 giữa ta và Pháp.

Nội dung cơ bản của Hiệp định sơ bộ là Chính phủ Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền của nước ta; chính phủ ta thỏa thuận cho quân Pháp vào thay thế quân đội Tưởng theo các hiệp ước quốc tế; hai bên sẽ tìm mọi biện pháp cần thiết để đình chỉ lập tức các cuộc xung đột...

Bằng bản Hiệp định sơ bộ này, chúng ta đã đuổi được quân đội Tưởng-Giới-Thạch ra khỏi miền Bắc nước ta, quét sạch bọn tay sai của chúng, làm cho âm mưu phá hoại cách mạng nước ta của đế quốc Mỹ bị thất bại, đồng thời tạo thời gian hòa bình để xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị về mọi mặt cho cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. Tr. 382.

59. *Thư gửi đồng bào Nam-bộ*: ngày 31 tháng 5 năm 1946, Hồ Chủ tịch sang Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp. Cùng đi với Hồ Chủ tịch có một phái đoàn của Chính phủ ta do đồng chí Phạm-Văn-Đồng làm trưởng đoàn sang đàm phán với Chính phủ Pháp ở Phông-ten-nơ-bơ-lô. Trước khi lên đường sang Pháp, Hồ Chủ tịch đã gửi thư này cho đồng bào Nam-bộ. Người khẳng định nước ta là một khối thống nhất. « Đồng bào Nam-bộ là dân nước Việt-nam. Sông có thể

cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi ! ». Đồng thời Người kêu gọi toàn dân đại đoàn kết, tin tưởng tuyệt đối ở Chính phủ và Người.

Do sự ngoan cố của bọn thực dân Pháp, cuộc đàm phán không thành công. Nhưng để tranh thủ thêm thời gian, tiếp tục chuẩn bị tốt cho cuộc kháng chiến toàn quốc — điều mà Hồ Chủ tịch dự đoán chắc chắn sẽ xảy ra — trước khi về nước, Người đã ký với Chính phủ Pháp tạm ước 14 tháng 9 năm 1946 (còn gọi là Thỏa hiệp tạm thời). Tr. 387.

60. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* : Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân ta cần hòa bình để xây dựng nước nhà và củng cố lực lượng về mọi mặt, cho nên đã nhân nhượng với thực dân Pháp để giữ hòa bình. Hồ Chủ tịch đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946. Nhưng thực dân Pháp vẫn quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Trước những hoạt động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ cục bộ đã lan ra khắp nước. Ngày 20 tháng 12 năm 1946, Hồ Chủ tịch đã ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Trong văn kiện này, Hồ Chủ tịch đã vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, nêu lên ý chí sắt đá quyết kháng chiến đến cùng của dân tộc ta. Đồng thời Người nêu lên những nét cơ bản về đường lối của cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, và khẳng định cuộc kháng chiến nhất định thắng lợi. Tr. 403.

61. *Lời kêu gọi thi đua ái quốc* : Sau chiến thắng Việt-bắc thu-đông 1947 cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta chuyển sang một thời kỳ mới. Để động viên mọi lực lượng cho kháng chiến, ngày 11 tháng 6 năm 1948 Hồ Chủ tịch ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc*. Người kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đẩy mạnh việc hoàn thành các nhiệm vụ trước mắt: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm; thi đua thực hiện: Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến; tiên tuyến thi đua giết

giặc, hậu phương thi đua sản xuất và tiết kiệm, người người thi đua, ngành ngành thi đua để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi. Nhiệt tình yêu nước và tinh thần sáng tạo của nhân dân và quân đội ta được phát huy cao độ. Phong trào thi đua yêu nước đã trở thành một động lực thúc đẩy công cuộc kháng chiến, kiến quốc thành công. Tr. 438.

62. *Việc Mỹ can thiệp vào Đông-dương*: Ngay từ năm 1946, đế quốc Mỹ đã ra sức giúp thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Đông-dương.

Năm 1950, trong lúc cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước: Việt-nam, Lào và Căm-pu-chia ngày càng phát triển về mọi mặt, để ngăn chặn phong trào cách mạng lan rộng, đế quốc Mỹ đã trực tiếp can thiệp vào Đông-dương. Chúng tăng cường viện trợ cho thực dân Pháp ở Đông-dương, làm cho thực dân Pháp ngày càng lệ thuộc vào chúng. Chúng lập ngay cơ quan quân sự của chúng (phái đoàn M.A.A.G) ở Đông-dương để trực tiếp điều khiển chiến tranh, từng bước thay thế Pháp ở Đông-dương.

Thế là, nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Căm-pu-chia có thêm một kẻ thù là bọn can thiệp Mỹ. Tr. 451.

63. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Lao động Việt-nam lần thứ hai họp từ ngày 11 đến 19 tháng 2 năm 1951. Về dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 76 vạn đảng viên trong toàn Đảng. Đại hội tiến hành giữa lúc cuộc kháng chiến của dân tộc ta đang diễn ra quyết liệt và thu nhiều thắng lợi lớn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần này có nhiệm vụ tiếp tục lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến đến thắng lợi, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Ngày 11 tháng 2, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã trình bày Báo cáo chính trị trước Đại hội. Người tổng kết những kinh nghiệm của cách mạng Việt-nam trong hơn 20 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người nêu lên những thành

tự của cách mạng thế giới trong nửa đầu thế kỷ XX và triển vọng của nửa thế kỷ sau. Người khẳng định đường lối kháng chiến của Đảng ta là đúng đắn. Người vạch rõ những ưu điểm và khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, phê phán những khuynh hướng sai lầm như bi quan, thất vọng hoặc chủ quan nóng vội. Bản báo cáo đã vạch trần âm mưu của đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp sâu vào Đông-dương. Người nêu rõ nhiệm vụ của ta là « tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới ».

Người phân tích rõ tình hình và nhiệm vụ mới và nhấn mạnh Đảng ta phải ra sức phát triển lực lượng về mọi mặt, đặc biệt chú trọng đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc để đưa cuộc kháng chiến tới thắng lợi. Đồng thời, phải mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, phải ra sức giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân các nước Lào, Căm-pu-chia tiến đến thành lập Mặt trận các dân tộc Việt-nam — Khơ-me — Lào. Để làm tròn các nhiệm vụ trên, vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải ra sức củng cố và phát triển Đảng, đưa Đảng ra hoạt động công khai, nêu cao vai trò của Đảng là lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến kiến quốc đến thắng lợi hoàn toàn.

Báo cáo chính trị của Hồ Chủ tịch là một văn kiện có giá trị lý luận và thực tiễn rất to lớn. Văn kiện này cùng với các văn kiện quan trọng khác của Đại hội là ánh sáng soi đường đưa cách mạng Việt-nam tới thắng lợi. Tr. 460.

64. *Trần-Phú (1-5-1904 — 6-9-1931)*: Tổng bí thư đầu tiên của Đảng. Quê ở huyện Đức-thọ tỉnh Hà-tĩnh (nay là tỉnh Nghệ-Tĩnh). Là một thanh niên sớm có lòng yêu nước, chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc qua sách báo bí mật đương thời.

Năm 1925 tham gia sáng lập hội Phục-Việt, tổ chức tiền thân của Tân-Việt cách mạng đảng. Năm 1926, được dự lớp huấn luyện cách mạng do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tổ chức tại Quảng-châu (Trung-quốc), Trần-Phú chuyển hẳn sang lập trường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Sau một thời gian học trường Đại học Phương Đông (Liên-xô), năm 1930 Trần-Phú về nước, được bổ sung vào Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt-nam và được giao trách nhiệm thảo Luận cương chính trị của Đảng.

Hội nghị Trung ương lần thứ 1 (10-1930) đã thông qua bản Luận cương chính trị và bầu Trần-Phú làm Tổng bí thư của Đảng.

Với việc khởi thảo bản Luận cương chính trị — Cương lĩnh cách mạng hoàn chỉnh, đúng đắn, khoa học đầu tiên của Đảng — Trần-Phú đã có cống hiến to lớn đối với phong trào cách mạng Việt-nam.

Tháng 8 năm 1931 Trần-Phú bị địch bắt. Không khuất phục được ý chí kiên cường của Trần-Phú, thực dân Pháp đã giết hại đồng chí (6-9-1931).

Trước lúc hy sinh, Trần-Phú còn căn dặn đồng chí của mình: « Hãy giữ vững ý chí chiến đấu ».

Cuộc đời hoạt động cách mạng và sự hy sinh oanh liệt của Trần-Phú là tấm gương sáng ngời về khí tiết của người cộng sản. Tr. 469.

65. Ngô-Gia-Tự (3-12-1908 — 1-1935) : Quê ở phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh (nay là huyện Tiên-sơn, tỉnh Hà-bắc). Khi còn là học sinh Ngô-Gia-Tự đã tham gia hoạt động cách mạng.

Năm 1927, Ngô-Gia-Tự đã được học lớp huấn luyện lý luận cách mạng do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc tổ chức tại Quảng-châu (Trung-quốc). Sau đó đồng chí về nước và hoạt động rất tích cực để gây dựng và phát triển phong trào cách mạng.

Tháng 3 năm 1929 Ngô-Gia-Tự cùng với một số thanh niên yêu nước thành lập chi bộ cộng sản Việt-nam đầu tiên (tại số nhà 5D phố Hàm-long, Hà-nội). Đây là tổ chức tiền thân của Đông-dương Cộng sản Đảng (thành lập ngày 17-6-1929). Sự ra đời các tổ chức cộng sản này đã góp phần tạo ra cơ sở về chính trị và tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt-nam.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt-nam ra đời, Ngô-Gia-Tự được bầu làm Bí thư Chấp ủy lâm thời của Đảng tại Nam-kỳ.

Ngô-Gia-Tự bị bọn thực dân Pháp bắt vào cuối năm 1930, giữa lúc phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng đang phát triển mạnh mẽ. Sau 2 năm giam cầm, tra tấn không khuất phục được Ngô-Gia-Tự, ngày 28-5-1933 thực dân Pháp đầy đồng chí ra Côn-đảo. Ngô-Gia-Tự đã anh dũng hy sinh trong một đêm vượt ngục, vào tháng giêng năm 1935.

Cũng như nhiều chiến sĩ cộng sản tiền bối khác, hiến trọn đời mình cho cách mạng, Ngô-Gia-Tự đã nêu một tấm gương sáng về ý chí cách mạng kiên cường và khí tiết của người cộng sản. Tr. 469.

66. *Lê-Hồng-Phong* (1902 — 6-9-1942): Quê ở huyện Hưng-nguyên tỉnh Nghệ-an (nay là tỉnh Nghệ-Tĩnh). Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1924 Lê-Hồng-Phong sang Trung-quốc tham gia Tâm tâm xã — một tổ chức cách mạng của thanh niên Việt-nam ở nước ngoài. Sau khi Tâm tâm xã cải tổ thành Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, Lê-Hồng-Phong được đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc trực tiếp huấn luyện về chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Năm 1926, Lê-Hồng-Phong sang Liên-xô học trường Đại học Phương Đông. Năm 1934 được cử phụ trách Ban lãnh đạo ở nước ngoài của Đảng, nhằm khôi phục và phát triển phong trào cách mạng trong nước.

Tháng 7 năm 1935, đồng chí được cử làm trưởng đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội lần thứ 7 Quốc tế cộng sản, được bầu làm ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Quốc tế cộng sản.

Sau Đại hội này Lê-Hồng-Phong về Trung-quốc triệu tập Hội nghị Trung ương vào tháng 7 năm 1936 để bàn về vấn đề chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Những nghị quyết của Hội nghị Trung ương tháng 7 năm 1936 đánh dấu sự mở đầu một thời kỳ mới của cách mạng Việt-nam — thời kỳ Mặt trận dân chủ 1936 — 1939.

Trong lúc phong trào Mặt trận dân chủ đang phát triển mạnh mẽ thì giữa năm 1938 Lê-Hồng-Phong bị địch bắt và kết án 10 tháng tù vì không đủ chứng cứ. Tháng 2 năm 1939 đồng chí bị địch bắt lần thứ hai và bị đầy ra Côn-đảo. Biết Lê-Hồng-Phong là cán bộ lãnh đạo quan trọng của Đảng, thực dân Pháp chỉ thị cho chúa đảo tìm cách giết hại đồng chí.

Bị đánh đập tàn nhẫn, ngày 6 tháng 9 năm 1942 Lê-Hồng-Phong đã hy sinh tại nhà tù Côn-đảo. Cuộc đời hoạt động của Lê-Hồng-Phong là biểu tượng lòng trung thành, ý chí kiên cường, bất khuất của người cộng sản. « Tới phút cuối cùng Lê-Hồng-Phong vẫn một lòng tin tưởng ở thắng lợi vẻ vang của cách mạng », — đó là lời nhắn nhủ cuối cùng của đồng chí. Tr. 469.

67. *Nguyễn-Thị-Minh-Khai* (30-9-1910 — 28-8-1941) : Quê ở Vinh, tỉnh Nghệ-an (nay là tỉnh Nghệ-Tĩnh). Tham gia hoạt động cách mạng ngay từ thời học sinh. Năm 1927 Nguyễn-Thị-Minh-Khai gia nhập Tân-Việt cách mạng đảng.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt-nam ra đời đồng chí được phân công công tác tại chi nhánh Bộ phươg Đông của Quốc tế cộng sản tại Trung-quốc. Tại đây, Nguyễn-Thị-Minh-Khai được Nguyễn-Ái-Quốc trực tiếp giáo dục về chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Đồng chí được Đảng ta cử đi dự Đại hội lần thứ 7 Quốc tế cộng sản (cùng với Lê-Hồng-Phong vào tháng 7-1935). Tại Đại hội này, với bản tham luận về: « Vai trò phụ nữ Đông-ương tham gia đấu tranh cách mạng », Nguyễn-Thị-Minh-Khai — người phụ nữ phương Đông đầu tiên trên diễn đàn Quốc tế cộng sản đã vạch trần chính sách xâm lược tàn bạo của thực dân Pháp, nêu cao tinh thần đấu tranh cách mạng của phụ nữ, trong đó có phụ nữ Việt-nam.

Về nước, Nguyễn-Thị-Minh-Khai tham gia xứ ủy Nam-kỳ và phụ trách bí thư thành ủy Sài-gòn — Chợ-lớn.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam-kỳ, Nguyễn-Thị-Minh-Khai bị địch bắt (30-7-1940). Dùng mọi cực hình tra tấn dã man vẫn không khuất phục được tinh thần cách mạng kiên cường của Nguyễn-Thị-Minh-Khai, ngày 28-8-1944 thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí tại Gò-vấp (Gia-định).

Trước mũi súng của quân thù Nguyễn-Thị-Minh-Khai hô vang khẩu hiệu :

— Đảng Cộng sản Đông-dương muôn năm !

— Cách mạng Đông-dương thành công muôn năm !

Hiến trọn đời mình cho Đảng, cho cách mạng, Nguyễn-Thị-Minh-Khai là tấm gương tiêu biểu cho khí phách anh hùng của người phụ nữ Việt-nam. Tr. 469.

68. *Nguyễn-Văn-Cừ* (9-7-1912 — 28-8-1941): Quê ở huyện Từ-sơn tỉnh Bắc-ninh (nay là huyện Tiên-sơn, tỉnh Hà-bắc). Tham gia cách mạng từ khi còn là học sinh trường Bưởi. Tháng 6 năm 1929 được kết nạp vào Đông-dương Cộng sản Đảng. Sau ngày Đảng Cộng sản Việt-nam thành lập (3-2-1930) Nguyễn-Văn-Cừ được phân công phụ trách Bí thư đặc khu Hòn-gai — Uông-bí. Sau đó bị địch bắt và đày ra Côn-đảo (1932).

Năm 1936, phong trào đấu tranh của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ cùng với thắng lợi của Mặt trận bình dân ở Pháp đã buộc thực dân Pháp ở Đông-dương phải trả lại tự do cho Nguyễn-Văn-Cừ, ra tù về Hà-nội đồng chí tiếp tục hoạt động.

Nguyễn-Văn-Cừ được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 9 năm 1937.

Sau khi Lê-Hồng-Phong bị địch bắt (1938), đồng chí được bầu làm Tổng bí thư của Đảng. Với việc viết tác phẩm *Tự chỉ trích* (1939) — một tác phẩm có giá trị lớn về lý luận và thực tiễn — đồng chí Nguyễn-Văn-Cừ đã có đóng góp quan trọng vào việc củng cố sự nhất trí trong Đảng và tăng cường ảnh hưởng, uy tín của Đảng trong quần chúng nhân dân.

Giữa lúc phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ thì Nguyễn-Văn-Cừ bị địch bắt (18-6-1940) và bị xử bắn ngày 28 tháng 8 năm 1941.

Sự hy sinh của đồng chí Nguyễn-Văn-Cừ là một tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng Việt-nam. Nhưng tinh thần và khí tiết cách mạng của đồng chí mãi mãi là tấm gương sáng cho mọi người Việt-nam chúng ta. Tr. 469.

69. *Hoàng-Văn-Thụ* (1906 — 24-5-1944): Người dân tộc Tày ở huyện Văn-uyên, tỉnh Lạng-sơn. Giác ngộ cách mạng từ lúc còn là học sinh. Năm 1926, cùng với Lương-Văn-Chi lập ra nhóm thanh niên cách mạng ở Lạng-sơn. Được kết nạp vào Đông-dương Cộng sản Đảng năm 1929.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt-nam ra đời, Hoàng-Văn-Thụ được cử giữ nhiều trách nhiệm quan trọng trong Đảng. Đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương

Đảng trong các hội nghị lần thứ 7, tháng 11 năm 1940, lần thứ 8 tháng 5 năm 1941 của Ban chấp hành Trung ương.

Hoàng-Văn-Thụ đã hoạt động không biết mỗi trên mọi cương vị công tác, đã có nhiều cống hiến quan trọng góp phần củng cố và phát triển lực lượng cách mạng nước ta.

Tháng 8 năm 1943, đồng chí bị địch bắt ở Hà-nội. Không khuất phục được ý chí kiên cường cách mạng của Hoàng-Văn-Thụ, ngày 24 tháng 5 năm 1944 thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí.

Trước lúc hy sinh, nhìn thẳng vào mặt kẻ thù, đồng chí Hoàng-Văn-Thụ đồng dục tuyên bố:

« Trong cuộc đấu tranh sinh tử giữa chúng tôi những người mất nước và các ông những kẻ cướp nước, sự hy sinh của những người như tôi là một sự dĩ nhiên. Chỉ biết rằng, cuối cùng chúng tôi sẽ thắng! ».

Hoàng-Văn-Thụ ngã xuống nhưng đồng chí mãi mãi là tấm gương sáng về tinh thần hoạt động tận tụy, ý chí cách mạng gang thép và khí tiết của người cộng sản.
Tr. 469.

70. Hai Bà Trưng: (Trung-Trắc và Trưng-Nhị). Từ năm 23, nước ta bị bọn giặc phong kiến phương Bắc là nhà Đông Hán xâm lược và thống trị.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra vào tháng 3 năm 40 được nhân dân khắp nơi hưởng ứng. Chỉ trong một thời gian ngắn « 65 huyện thành » tức toàn bộ nước ta hồi đó đã được giải phóng. Trưng-Trắc được suy tôn làm vua (Trưng-vương) đóng đô ở Mê-linh (Yên-lăng, Vĩnh-phú). Sau 3 năm giành được quyền độc lập tự chủ, nước ta lại bị nhà Hán đô hộ.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thắng lợi là một trang sử bất hủ của dân tộc ta. Đó là một sự thức tỉnh tinh thần dân tộc, là sự phủ định cái uy quyền « bình thiên hạ » của đế chế Hán. Đây là cuộc chiến đấu bất khuất trên một ý thức dân tộc cao của một quốc gia vốn có nền văn hiến riêng chống lại mưu đồ thôn tính và đồng hóa của một đế chế lớn nhất châu Á đang thời kỳ hưng thịnh. Tr. 485.

71. Bà Triệu: Bà Triệu tên là Triệu-Thị-Trinh, có sức khỏe và chí lớn. Năm 19 tuổi (năm 248), Bà đã cùng anh là Triệu-Quốc-Đạt lãnh đạo nhân dân ta khởi nghĩa chống quân xâm lược Hán (Trung-Quốc) ở huyện Triệu-sơn, Thanh-hóa. Sau Hai Bà Trưng, Bà Triệu là người đã thể hiện tinh thần độc lập dân tộc và chí khí quật cường, Bà nói: « *Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tỳ thiếp cho người!* » Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu làm quân giặc run sợ và tìm mọi cách dập tắt. Bà đã hy sinh oanh liệt trong trận chiến đấu ở núi Tùng (xã Phú-diễn, huyện Hậu-lộc, Thanh-hóa); ở đó nay vẫn còn lăng mộ và đền thờ Bà Triệu. Tr. 485.

72. Trần-Hung-Đạo (1213-1300): Tên thật là Trần-Quốc-Tuấn, ông đã tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến lần thứ nhất và là người chỉ huy tối cao cuộc kháng chiến lần thứ 2 và lần thứ 3 chống quân xâm lược Nguyên Mông ở thế kỷ XIII. Ông là người văn võ kiêm toàn nên được phong kiến nhà Trần phong tước Hưng-Đạo vương (nên gọi theo tước là Trần-Hung-Đạo) và lãnh chức Quốc công tiết chế (Tổng chỉ huy lực lượng vũ trang). Trước họa xâm lăng, ông đã chủ động xóa bỏ những hiểm khích, bắt hòa trong hoàng tộc, đoàn kết cùng toàn dân chiến đấu chống xâm lược.

Trần-Hung-Đạo là người viết « *Hịch tướng sĩ* » và các tác phẩm quân sự như « *Binh thư yếu lược* » và « *Vạn kiếp tông bí truyền thư* »... Ông là người thấy rõ đoàn kết là một trong những nguyên nhân của thắng lợi. Ông nói: « *Vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận, cả nước góp sức* ». Về thuật dùng binh, năm 1300 trước lúc từ trần, ông căn dặn vua Trần: « *... giặc cậy trường trận, ta cậy đoản binh, lấy đoản chế trường là việc thường của binh pháp. Nếu thấy quân giặc đến ồ ạt như lửa cháy, gió thổi thì thế dễ chế ngự. Nếu chúng đi chậm như cách tắm ần, không cần của dân, không cần được chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời mà làm, có thu được quân lính một lòng như cha con một nhà thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm*

kế bền gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước ». Có thể coi đó là lời tổng kết kinh nghiệm của ba lần kháng chiến chống Nguyên và là đường lối chiến lược cơ bản đưa kháng chiến đến thắng lợi.

Thắng lợi của dân tộc ta lúc đó đã góp phần làm suy yếu thế lực của đế quốc Mông-cổ đang hung hăng xâm lược và thống trị các nước châu Á, làm thất bại âm mưu biến nước ta thành bàn đạp để mở rộng xâm lược xuống các nước Đông-Nam Á. Đó là những cống hiến của dân tộc ta đối với cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân châu Á hồi thế kỷ XIII. Tr. 485.

73. *Lê-Lợi*: Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1385 trong một gia đình «*đời đời làm quân trưởng một phương*» (Văn bia Vĩnh-lăng). Có uy tín và ảnh hưởng trong một vùng rộng lớn ở Thanh-hóa. Ông là người yêu nước, cương trực và khảng khái. Năm 1406, quân phong kiến nhà Minh (Trung-quốc) xâm lược nước ta. Trước cảnh nước mất nhà tan, nhân dân lâm than, ông rất đau lòng và nuôi chí diệt giặc cứu nước. Ông đã đem tất cả tâm huyết, hiến dâng tài sức của mình cho việc thực hiện lý tưởng cao cả đó.

Ngày 7 tháng 2 năm 1418 sau quá trình chuẩn bị và vận động nhân dân, Lê-Lợi cùng Nguyễn-Trãi đã phát cờ khởi nghĩa ở Lam-sơn (Thanh-hóa). Được đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng chuyển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Cuộc kháng chiến vĩ đại này kéo dài 10 năm (1418-1428) và kết thúc thắng lợi, lật đổ ách thống trị của nhà Minh; đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Minh — một quốc gia phong kiến hùng cường trên thế giới lúc bấy giờ.

Sau khi chiến thắng quân Minh, Lê-Lợi lên ngôi vua và sáng lập ra triều Lê đưa chế độ phong kiến Việt-nam lên giai đoạn phát triển thịnh đạt nhất. Tr. 485.

74. *Quang-Trung* (1753-1792): Sang thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Việt-nam bước vào giai đoạn khủng hoảng sâu sắc toàn diện. Đây vẫn là thời kỳ phân tranh giữa hai thế lực phong kiến Trịnh — Nguyễn. Khởi nghĩa nông

dân nổi ra liên tiếp, đỉnh cao là phong trào Tây-sơn do ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ lãnh đạo.

Phong trào Tây-sơn từ một cuộc khởi nghĩa ở Quy-nhon đã phát triển rộng trên quy mô cả nước. Cuộc khởi nghĩa nông dân trở thành phong trào quét sạch của cả dân tộc quét sạch các tập đoàn phong kiến thối nát trong Nam ngoài Bắc, khôi phục nền thống nhất đất nước. Sau khi Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Lữ thỏa mãn với ngôi vương đế của mình, khi các thế lực ngoại xâm đe dọa nền độc lập dân tộc, Nguyễn-Huệ đã trở thành lãnh tụ và linh hồn của phong trào Tây-sơn. Nguyễn-Huệ đã lãnh đạo quân dân ta đập tan cuộc xâm lược của phong kiến Xiêm (1784-1785). Năm 1878, Nguyễn-Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang-Trung, thống lĩnh quân đội chuẩn bị đại phá quân Thanh. Chỉ trong 5 ngày đêm đầu xuân Kỷ Dậu (tức là ngày 25 đến 30 tháng 1 năm 1789), dưới sự lãnh đạo tài tình của Quang-Trung, nhân dân ta đã quét sạch 20 vạn quân Mãn Thanh ra khỏi nước ta. Đây là một chiến công vĩ đại và thần kỳ trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Cuộc đời của Quang-Trung kể từ khi 18 tuổi tham gia khởi nghĩa đến lúc 39 tuổi từ trần là một bài ca tuyệt đẹp của người « anh hùng áo vải » đã chiến đấu cho quyền lợi của nhân dân và dân tộc. Ông không những là một nhà quân sự thiên tài, một danh tướng chỉ có thắng không hề bại mà còn biểu thị một tài năng lỗi lạc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Quang-Trung là một vị anh hùng dân tộc trí dũng song toàn có một sự nghiệp vẻ vang trong lịch sử dân tộc ta. Tr. 485.

75. *Liên-Việt*: (tức là Hội liên hiệp quốc dân Việt-nam) được thành lập ngày 29 tháng 5 năm 1946 theo chủ trương của Đảng và của Hồ Chủ tịch nhằm mở rộng khối đoàn kết toàn dân, thêm những người yêu nước còn ở ngoài Mặt trận Việt-minh. Đến đầu năm 1951 hai tổ chức Việt-minh và Liên-Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên-Việt để thống nhất khối đoàn kết toàn dân kháng chiến cứu nước. Tr. 494.

76. *Nói chuyện với các cơ quan Đảng, Dân, Chính trung ương*: Tháng 5 năm 1952 Hồ Chủ tịch cùng với Trung ương Đảng quyết định mở cuộc vận động chỉnh Đảng, chỉnh quân và chỉnh đốn công tác quần chúng, nhằm nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, cho quân đội và các đoàn thể quần chúng; làm cho họ nắm vững đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, chủ trương trường kỳ kháng chiến tự lực cánh sinh, phân biệt rõ ta, bạn, địch, khắc phục chủ nghĩa cá nhân, sợ hy sinh, chiến đấu lâu dài gian khổ v.v... Để đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của tình hình khi cuộc kháng chiến đã bước vào giai đoạn quyết liệt.

Hồ Chủ tịch rất quan tâm theo dõi các lớp chỉnh huấn. Người thường viết thư hoặc đến nói chuyện nhắc nhở, động viên mọi người ra sức học tập tốt, quyết tâm sửa chữa sai lầm, khuyết điểm.

Ngày 6 tháng 2 năm 1953, Hồ Chủ tịch đến thăm và nói chuyện trong buổi lễ khai mạc lớp chỉnh huấn cán bộ đảng, dân, chính các cơ quan trung ương. Trong bài này Hồ Chủ tịch nêu lên mối quan hệ giữa trí thức với cách mạng, vai trò của trí thức trong cách mạng; quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng v.v... Người phê phán những tư tưởng sai lầm mà tầng lớp tiểu tư sản Việt-nam lúc đó thường mắc phải. Người chỉ rõ, trí thức và nói chung tầng lớp tiểu tư sản muốn giúp đỡ kháng chiến, kiến quốc thì phải tự nguyện đứng trên lập trường cách mạng để cải tạo những sai lầm đó.

Bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch có tác dụng vô cùng to lớn trong việc bồi dưỡng quan điểm, lập trường cách mạng cho trí thức, vạch ra những ưu khuyết điểm và phương hướng sửa chữa những khuyết điểm, phát huy ưu điểm để họ tham gia tích cực hơn vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Tr. 533.

77. *Điện-biên-phủ*: thuộc tỉnh Lai-châu giữa vùng rừng núi Tây-bắc, gần biên giới Việt — Lào, nằm trên ngã ba của nhiều đường giao thông quan trọng nối liền các

lĩnh miền Tây-bắc Việt-nam và di Lào. Đây là một vị trí quân sự hết sức lợi hại đối với toàn bộ chiến trường Đông-dương.

Năm 1953, với sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, thực dân Pháp đã xây dựng ở Điện-biên-phủ một tập đoàn cứ điểm quân sự kết cấu chặt chẽ, phòng ngự cần mật, với số quân lên tới 16.200 tên. Thực dân Pháp âm mưu thu hút quân chủ lực của ta vào đây để vòng xoay chuyển tình thế khốn quẫn của chúng trên khắp chiến trường Đông-dương.

Tháng 12 năm 1953, Hồ Chủ tịch chủ tọa Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ. Sau gần 4 tháng khẩn trương chuẩn bị, ngày 13 tháng 3 năm 1954, bộ đội ta bắt đầu nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ. Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, dũng cảm, mưu trí, quyết tâm cao độ vượt mọi gian khổ hy sinh, chiều ngày 7 tháng 5 năm 1954, lá cờ Quyết chiến quyết thắng của quân đội ta đã phấp phới bay trên nóc hầm chỉ huy của địch ở tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ, báo hiệu sự thắng lợi hoàn toàn của quân dân ta.

Chiến thắng Điện-biên-phủ đã góp phần quyết định đưa cuộc kháng chiến lâu dài, anh dũng của quân và dân ta chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi.
Tr. 563.

MỤC LỤC

	<i>trang</i>
Lời Nhà xuất bản	VII
Lời giới thiệu	XI

PHẦN THỨ NHẤT

1920 — 1945

LỜI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI TUA	12-1920	3
ĐÔNG-DƯƠNG (trích)	1921	6
MẤY Ý NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA	25-5-1922	8
THƯ GỬI CÁC BẠN CÙNG HOẠT ĐỘNG Ở PHÁP	1923	12
THƯ GỬI TRUNG ƯƠNG ĐẢNG		
CỘNG SẢN PHÁP	7-1923	15
ÁCH ÁP BỨC KHÔNG TỪ CHỨNG TỘC NÀO	8-1923	20
THAM LUẬN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ NHẤT		
QUỐC TẾ NÔNG DÂN	13-10-1923	22
PHONG TRÀO CÔNG NHÂN THỜ-NHĨ-KỶ	1-1-1924	28
THAM LUẬN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA TẠI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ LẦN THỨ V CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN	1924	31
ĐÔNG-DƯƠNG VÀ THÁI-BÌNH-DƯƠNG	1924	48
HÀNH HÌNH KIỂU LIN-SƠ, MỘT PHƯƠNG DIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT CỦA NỀN VĂN MINH MỸ!	1924	55
THỐNG CHẾ LI-Ô-TÂY VÀ BẢN TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN	1924	64
ĐẢNG KU-KLUX-KLAN	1924	68
LÊ-NIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA	1925	76
BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP	1925	79
— Chương I: Thuế máu		81
— Chương II: Việc đầu độc người bản xứ		97

— Chương III : Các quan thống đốc	103
— Chương IV : Các quan cai trị	112
— Chương V : Những nhà khai hóa	119
— Chương VI : Tệ tham nhũng trong bộ máy cai trị	139
— Chương VII : Bóc lột người bản xứ	146
— Chương VIII : Công lý	164
— Chương IX : Chính sách ngu dân	177
— Chương X : Chủ nghĩa giáo hội	182
— Chương XI : Nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ	187
— Chương XII : Nô lệ thức tỉnh.	198
CUỘC KHÁNG PHÁP	218
LÊ-NIN VÀ PHƯƠNG ĐÔNG	21-1-1926 224
GỬI ĐẠI DIỆN ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN PHÁP TẠI QUỐC TẾ THANH NIÊN CỘNG SẢN	22-7-1926 228
ĐƯỜNG CÁCH MỆNH	1927 229
— Tư cách một người cách mệnh	231
— Vì sao phải viết sách này	232
— Cách mệnh	234
— Lịch sử cách mệnh Mỹ	240
— Cách mệnh Pháp	243
— Lịch sử cách mệnh Nga	248
— Quốc tế	255
— Phụ nữ quốc tế	264
— Công nhân quốc tế	267
— Cộng sản thanh niên quốc tế	272
— Quốc tế giúp đỡ	274
— Quốc tế cứu tế đỏ	277
— Cách tổ chức công hội	280
— Tổ chức dân cày	288
— Hợp tác xã	294
CHÁNH CƯƠNG VẤN TẤT CỦA ĐẢNG	2-1930 301
SÁCH LƯỢC VẤN TẤT CỦA ĐẢNG	2-1930 303
LỜI KÊU GỌI	2-1930 305
NGHỆ-TĨNH ĐỒ	19-2-1931 309
THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG-DƯƠNG	20-4-1931 313

Ý KIẾN VỀ ĐƯƠNG LỐI CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG		
TRONG THỜI KỲ MẬT TRẬN DÂN CHỦ		
(1936-1939)	1939	318
PÁC-BÓ HÙNG VĨ	2-1941	320
KÍNH CÁO ĐỒNG BÀO	6-6-1941	321
LỊCH SỬ NƯỚC TA	1942	325
NHẬT KÝ TRONG TÙ (trích)	1942-1943	337
— Nhật ký trong tù		339
— Học đánh cờ		340
— Không ngủ được		341
— Nghe tiếng giã gạo		341
— Bốn tháng rồi		341
— Cảm tưởng đọc « Thiên gia thi »		342
THƯ GỬI ĐỒNG BÀO TOÀN QUỐC	10-1944	343
CHỈ THỊ THÀNH LẬP ĐỘI VIỆT-NAM TUYÊN		
TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN	12-1944	345
THƯ KÊU GỌI TỔNG KHƠI NGHĨA	8-1945	347

PHẦN THỨ HAI

1945 — 1954

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP	2-9-1945	351
NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH CỦA NHÀ NƯỚC		
VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA	3-9-1945	355
THƯ GỬI CHO HỌC SINH	9-1945	358
THƯ GỬI CÁC VỊ PHỤ LÃO	20-9-1945	361
GỬI ĐỒNG BÀO NAM-BỘ	26-9-1945	363
THƯ GỬI ĐỒNG BÀO TOÀN QUỐC RA SỨC		
CỨU ĐÓI	1945	365
CHỐNG NẠN THẤT HỌC	4-10-1945	367
GỬI CÁC ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC BỘ, TỈNH,		
HUYỆN VÀ LÃNG	17-10-1945	369
DIỄN VĂN ĐỌC TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU		
NAM-BỘ KHÁNG CHIẾN...	7-11-1945	373

HỒ HÀO NHÂN DÂN CHỐNG NẠN ĐÓI	8-11-1945	376
GỬI CÁC NHÀ NÔNG	1945	378
HỒ HÀO QUỐC DÂN ĐI BỎ PHIẾU	5-1-1946	379
TRẢ LỜI CÁC NHÀ BÁO	1-1946	381
LỜI KÊU GỌI SAU KHI KÝ HIỆP ĐỊNH		
SƠ BỘ	11-3-1946	382
THƯ GỬI ĐẠI HỘI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN		
NAM TẠI PƠ-LÂY-CU	19-4-1946	385
THƯ GỬI ĐỒNG BẢO NAM-BỘ	31-5-1946	387
LỜI TUYÊN BỐ VỚI QUỐC DÂN	23-10-1946	389
LỜI TUYÊN BỐ SAU KHI THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ		
MỚI	4-11-1946	395
CÔNG VIỆC KHẨN CẤP BÂY GIỜ	5-11-1946	397
GỬI ĐỒNG BẢO VIỆT-NAM, NGƯỜI PHÁP VÀ		
NGƯỜI THẾ GIỚI	23-11-1946	400
LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG		
CHIẾN	19-12-1946	403
GỬI NHÂN DÂN VIỆT-NAM, NHÂN DÂN PHÁP,		
NHÂN DÂN CÁC NƯỚC ĐỒNG MINH	21-12-1946	405
CHÚC NĂM MỚI	1-1-1947	409
THƯ GỬI CÁC CHIẾN SĨ QUYẾT TỬ QUÂN		
THỦ ĐỘ	27-1-1947	410
LỜI KÊU GỌI ĐỒNG BẢO PHÁ HOẠI ĐỀ KHÁNG		
CHIẾN	6-2-1947	412
THƯ GỬI ĐỒNG BẢO SAU CUỘC HỘI KIẾN VỚI		
PÔN MUÝT, ĐẠI DIỆN CAO ỦY PHÁP		
BÔ-LA	25-5-1947	414
GỬI NAM NỮ CHIẾN SĨ DÂN QUÂN TỰ VỆ VÀ DU		
KÍCH TOÀN QUỐC	27-5-1947	416
KỶ NIỆM 6 THÁNG KHÁNG CHIẾN	19-6-1947	418
THƯ GỬI CÁC BẠN THANH NIÊN	17-8-1947	422
KHUYẾN THANH NIÊN (thơ)		425
KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP GIẢI PHÓNG QUÂN		
VIỆT-NAM	22-12-1947	426
MƯỜI HAI ĐIỀU RĂN	1948	429

GỬI HỘI NGHỊ DÂN QUÂN TOÀN QUỐC	4-1948	432
GỬI HỘI NGHỊ TỔNG BỘ VIỆT-MINH	20-4-1948	435
LỜI KÊU GỌI THI ĐUA ÁI QUỐC	11-6-1948	438
THƯ GỬI HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI	15-7-1948	441
NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC HỘI NGHỊ CÁN BỘ CỦA ĐẢNG LẦN THỨ SÁU	18-1-1949	443
TUYÊN BỐ CỦA CHÍNH PHỦ NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA VỚI CHÍNH PHỦ CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	14-1-1950	447
THƯ GỬI ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN	23-2-1950	449
TRẢ LỜI CÁC NHÀ BÁO VỀ VẤN ĐỀ MỸ CAN THIỆP VÀO ĐÔNG-DƯƠNG	25-7-1950	451
LỜI KÊU GỌI NHÂN NGÀY THƯƠNG BINH TỬ SĨ 27-7		453
LỜI KÊU GỌI NHÂN DỊP KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ NGÀY ĐỘC LẬP	19-8-1950	455
BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT-NAM	11-2-1951	460
THƯ GỬI NÔNG DÂN THI ĐUA CANH TÁC	2-1951	490
LỜI PHÁT BIỂU TRONG BUỔI KHAI MẠC ĐẠI HỘI THỐNG NHẤT VIỆT-MINH — LIÊN-VIỆT	3-3-1951	494
THƯ GỬI ĐẠI HỘI GIÁO DỤC TOÀN QUỐC	7-1951	497
THƯ TRUNG THU GỬI CÁC CHÁU NHI ĐỒNG	13-9-1951	498
GỬI CÁC HỌA SĨ NHÂN DỊP TRIỂN LÃM HỘI HỌA	1951	501
1951	10-1-1952	501
THƯ GỬI PHỤ NỮ NHÂN DỊP KỶ NIỆM HAI BÀ TRUNG VÀ NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8 THÁNG 3 NĂM 1952	8-3-1952	503
THỰC HÀNH TIẾT KIỆM VÀ CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, CHỐNG BỆNH QUAN LIÊU	1952	506
BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ VỀ CHIẾN TRANH DU KÍCH	7-1952	518

NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ CHUẨN BỊ CHIẾN DỊCH TÂY-BẮC	9-9-1952	525
THƯ TRUNG THU	9-1952	531
NÓI CHUYỆN VỚI CÁN BỘ CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, DÂN, CHÍNH TRUNG ƯƠNG (trích)	6-12-1953	533
TRẢ LỜI MỘT NHÀ BÁO THUY-ĐIỀN	11-1953	541
BÁO CÁO ĐỌC TRƯỚC QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT- NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA KHÓA I KỲ HỌP THỨ BA	1-12-1953	544
THƠ CHÚC TẾT	2-1954	562
MẪU CHUYỆN VỀ ĐIỆN-BIÊN-PHỦ	26-5-1954	563

ANH TRONG SÁCH

- Chủ tịch Hồ-Chí-Minh.
- Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đang phát biểu tại Đại hội Tua, Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp, năm 1920.
- Báo *Người cùng khổ*, diễn đàn của các dân tộc thuộc địa do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc sáng lập.
- Tranh đá kích do đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc vẽ trên báo *Người cùng khổ*.
- Bút tích của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, phần cuối *Thư gửi Trung ương Đảng Cộng sản Pháp*, tháng 7 năm 1923.
- Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đọc tham luận tại Đại hội Quốc tế lần thứ V của Quốc tế cộng sản, năm 1924.
- Bìa cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, bản tiếng Pháp in lần đầu tiên tại Pa-ri, năm 1925.
- Bìa cuốn *Đường cách mệnh*, in lần đầu tiên tại Quảng-châu, năm 1927.
- Hồ Chủ tịch đứng trên lễ đài đọc *Tuyên ngôn độc lập*, ngày 2 tháng 9 năm 1945.
- Bút tích của Hồ Chủ tịch, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, ngày 19 tháng 12 năm 1946.
- Bút tích của Hồ Chủ tịch ghi ở trang đầu quyển sổ vàng của Trường Nguyễn-Ái-Quốc trung ương, tháng 9 năm 1949 .
- Hồ Chủ tịch trên đài quan sát trận Đông-khe trong chiến dịch Biên giới, năm 1950.

- Hồ Chủ tịch đọc *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Lao động Việt-nam*, tháng 2 năm 1951.
- Hồ Chủ tịch chủ trì cuộc họp của Bộ chính trị bàn về chủ trương tác chiến Đông-Xuân 1953 — 1954.
- Hồ Chủ tịch nói chuyện với cán bộ và chiến sĩ đại đoàn 308 tại đền Hùng (Vĩnh-phú) trước ngày đơn vị tiến quân vào thủ đô Hà-nội, tháng 10 năm 1954. Người nói :

*Các vua Hùng đã có công dựng nước,
Bác cháu ta phải ra sức giữ nước.*